

V.S. NAIPAUL

GIẢI HOOKER 1971 - GIẢI NÔBEL VĂN CHƯƠNG 2001



Khúc quanh của dòng sông



NHÀ XUẤT BẢN LAO ĐỘNG

Mục lục

Lời Giới Thiệu

Phần I - Chương 1

Chương 2:

Chương 3:

Chương 4:

Chương 5:

Phần II - Chương 6

Chương 7:

Chương 8:

Chương 9:

Chương 10:

Chương 11:

Phần III - Chương 12

Chương 13:

Chương 14:

Chương 15:

Phần IV - Chương 16

Chương Kết:

KHÚC QUANH CỦA DÒNG SÔNG

V. S. Naipaul

www.dtv-ebook.com

Dịch Giả: Cao Việt Dũng

Lời Giới Thiệu



Vidiadhar Surajprasad Naipaul mang quốc tịch Anh, sinh năm 1932 ở Chaguanas gần Port of Spain thuộc Trinidad, trong một gia đình di cư từ miền Bắc Ấn Độ, song không ít tác phẩm của ông lại lấy bối cảnh Châu Phi. Con người V.S. Naipaul bao gồm nhiều nền văn hoá, cuộc đời ông trải rộng trên cả bốn châu lục lớn – ông từng du lịch khắp Châu Á, châu Phi, châu Mỹ. Sự đa dạng đó khiến Naipaul luôn băn khoăn về vị trí, gốc gác của mình. Khi còn trẻ ông đã từng chán nản với sự nghèo nàn về tinh thần ở Trinidad, bỏ sang Anh học đại học, nhưng khi đã định cư tại đó ông lại thấy mình không thể hòa đồng được với lối sống bản địa, trong khi đó dòng máu Ấn Độ vẫn chảy mạnh trong huyết quản. V.S. Naipaul, với tư cách nhà văn, thường đặt ra những câu hỏi về đa dạng văn hoá, đặc tính tâm lý phức tạp của các nhóm và tộc người, sự hoà trộn và đặc điểm tiêu biểu không thể nhầm lẫn, cả đến những mặc cảm mang tính bộ tộc, dân tộc...tất cả đều được miêu tả kỹ lưỡng và tinh tế trong Khúc quanh của dòng sông.

Salim từ vùng biển phía Đông châu Phi đi sâu vào lục địa, đến một thành phố nằm bên khúc quanh của một dòng sông lớn, để tìm cách kinh doanh, để tìm kiếm chỗ đứng cho mình trong thế giới và để tìm hiểu bản thân mình. Ở thành phố đó, Salim phải sống trong bầu không khí ngột ngạt của một chế độ hậu thực dân, bàng hoàng trước nền độc lập lả lẫm, loay hoay không biết phải bắt đầu từ đâu, chủ động hay thụ động trước những biến chuyển, và bạo loạn chắc chắn sẽ xảy ra. Anh tiếp xúc với người dân

bản địa, như cô Zabeth và đứa con trai Ferdinand, như cặp vợ chồng Mahesh và Shoba...Anh tìm hiểu thành phố, từ Quảng trường đến trường Trung học, từ khách sạn Van der Wyeden đến bến tàu...Rồi không gian được mở rộng ra với việc xây dựng Khu mới bên ngoài thành phố, sự xuất hiện trở lại của người da trắng, sự thay da đổi thịt của giới trẻ châu Phi, sự biến động chính trị của vị Tổng thống vĩ đại. Không gian được tiếp tục mở rộng khi Indra, người bạn thời thơ ấu của Salim xuất hiện, thoát tiên trong hào quang của một người học ở Oxford về, sau đó dưới hình dạng thảm hại của một kẻ hoang mang trước tất cả, không chắc chắn về điều gì hết. Không gian còn mở rộng tới châu Âu, nhưng đến đó thì Salim đã hiểu ra mình không thể chạy thoát những ràng buộc vô hình. Thế giới dù rộng lớn vẫn không có chỗ cho anh, anh vẫn phải đóng đinh vào cái thành phố bên khúc quanh của dòng sông.

V.S.Naipaul bắt đầu cầm bút từ rất sớm, sau khi học xong University College of Oxford. Cả đời ông gần như không làm công việc nào khác ngoài viết văn. Sau tiểu thuyết đầu tay, *The Mystic Masseur* (Người thợ mát xa bí ẩn – 1957), Naipaul trở nên nổi tiếng với cuốn *A House for Mr. Biswas* (ngôi nhà của ngài Biswas – 1961), tiểu thuyết thứ nhất của ông. Những tác phẩm đầu tay này thường lấy bối cảnh vùng Tây Ấn, sau đó Naipaul mở rộng địa lý văn chương của mình, hướng tới chủ đề hậu thuộc địa nóng bỏng, nhất là tại châu Phi.

Hai tiểu thuyết của ông về đề tài này là *Guerillas* và nhất là *A bend in the River*, một phẫu thuật tài tình trưng bày những ung nhọt, từ các vết thương lâu năm khó lành lẫn các vết thương mới của châu Phi già nua mà ngây thơ, đã giành được độc lập nhưng vẫn còn nguyên vẹn mặc cảm nô lệ - tự ti và thấp kém. Lẫn trong sự miêu tả tinh vi, thấu đáo là một niềm thương cảm kín đáo, một day dứt cho số phận một châu lục đang trong giai đoạn bế tắc.

Giới thiệu V.S. Naipaul nghĩa là giới thiệu một trong những nhà văn sử dụng Anh ngữ được đánh giá cao nhất hiện nay, xứng đáng với danh hiệu người nối tiếp Conrad. Việc ông giành được giải Nobel văn chương năm 2001 (chưa kể trước đó 30 năm, ông đã đoạt giải Booker 1971) không nằm ngoài dự đoán của các nhà nghiên cứu văn học thế giới .

Naipaul đã đóng góp to lớn cho một dòng văn học đau đớn nhưng có ích, dòng văn học nhìn trực diện vào các xã hội lạc lõng giữa thế giới, đứng bên lề sự phát triển chung và còn lâu năm nữa mới thoát được vũng lầy đó.

Người dịch



KHÚC QUANH CỦA DÒNG SÔNG

V. S. Naipaul

www.dtv-ebook.com

Dịch Giả: Cao Việt Dũng

Phần I - Chương 1

Thế giới vẫn chỉ là thế giới; ở đó con người chẳng là gì, tự cho phép mình chẳng là gì và do đó không hề có vị trí cho mình.

Nazruddin, người đã để lại cửa hiệu cho tôi với giá bèo bạn, không nghĩ chuyện buôn bán của tôi về sau sẽ dễ dàng. Đất nước này, cũng giống như khắp châu Phi, đầy rẫy bất ổn sau khi giành được độc lập. Thành phố ở sâu trong nội địa, ở khúc quanh của một dòng sông lớn, đã gần như ngừng tồn tại, và Nazruddin nói tôi sẽ phải tay trắng đi lên.

Tôi lái chiếc Peugeot đi về phía thành phố. Ở châu Phi lúc này, đó không phải là cách di chuyển tốt nhất – lái xe từ bờ biển phía Đông vào nội địa. Trên đường đi có quá nhiều nơi bị chốt chặn hoặc ngập ngựa máu. Vào thời điểm đó, dù những con đường đã ít nhiều thông thoáng, chuyến đi cũng mất đứt của tôi một tuần lễ.

Vấn đề không chỉ nằm ở những chỗ lở cát, bùn lầy hay những con đường núi hẹp, ngoằn ngoèo, gầy khúc. Còn phải đối mặt với chuyện mặc cả tại các trạm gác biên giới, thường nằm ven bờ rừng với những túp lều gỗ treo những lá cờ thật lạ. Tôi tự nhủ mình và chiếc Peugeot tốt nhất là lời tịt những người mang súng – tức là lao vào hết bụi rậm này đến bụi rậm khác. Để rồi sau đó việc dàn xếp còn khó khăn hơn và phải xì ra một vài tờ giấy bạc ngân hàng cũng như một xô đồ hộp, để tôi – và chiếc xe Peugeot – thoát khỏi những chỗ mà tôi đã tự buộc mình lao vào.

Một số cuộc tranh cãi như thế mất đến nửa ngày trời. Người chỉ huy đòi hỏi thật nực cười – hai hay ba nghìn đô la. Tôi đáp luôn là không có. Anh ta sẽ đi vào lều của mình, ra về chẳng còn gì để mà bàn; tôi thì cứ việc đứng bên ngoài, vì tôi cũng chẳng còn việc gì để làm cả. Rồi sau một hay hai tiếng đồng hồ, hoặc tôi vào trong lều, hoặc anh ta đi ra ngoài, và chúng tôi có thể ngã giá hai hay ba đô la. Chính Nazruddin đã khuyên, khi tôi hỏi ông về giấy thị thực, rằng tốt hơn hết là chìa tiền ra. "Lúc nào anh cũng có thể chui vào những chỗ như thế. Nhưng ra thì khó đấy. Đó là một cuộc chiến cá nhân. Mọi người đều phải tự tìm cho mình cách để thoát ra".

Tôi đi mỗi lúc một sâu hơn vào châu Phi – bụi cây, sa mạc, đá trên sườn núi, những hồ nước, mưa vào buổi chiều, bùn, và rồi ở sườn núi bên kia ẩm ướt hơn, những khu rừng dương xỉ và rừng gorilla – khi đi như thế tôi thầm nghĩ, quả là điên rồ. Mình đang đi sai hướng. Cuối con đường này không thể có 'được một cuộc đời mới.

Nhưng tôi vẫn tiếp tục đi. Việc lái xe mỗi ngày cũng giống như đang cố đạt tới một cái gì đó, và việc mỗi ngày cứ phải cố đạt tới một cái gì đó khiến tôi trở nên khó mà quay lui. Và tôi không thể ngăn mình nghĩ rằng điều này cảm giác khác gì những người nô lệ thời xưa. Họ đã từng có hành trình giống hệt tôi, nhưng là đi bộ và theo hướng ngược lại, từ trung tâm lục địa ra bờ biển phía Đông. Càng đi về phía biển và xa khu đất của bộ lạc mình, họ càng bị tách khỏi các thảo nguyên và khó có khả năng về được nhà mình, sẽ mỗi lúc họ trở nên lo lắng hơn về cách những người châu Phi xa lạ nhìn họ, cho đến cuối cùng, họ tới được bờ biển, và khi bước chân lên những con tàu họ chỉ còn lo tới việc có đến được những ngôi nhà an toàn ở bờ bên kia không. Cũng giống tâm trạng người nô lệ xa nhà, chuyển đi càng nhiều điều gây nản chí, tôi lại càng hăng hái muốn hoà nhập vào cuộc sống mới hơn.

Khi tới nơi tôi thấy Nazruddin không nói sai. Nơi này đã chịu nhiều biến động, hơn một nửa thành phố bên khúc quanh dòng sông đã bị phá

huỷ. Nơi từng là khu ngoại ô châu Âu gần ghềnh nước đã bị thiêu huỷ, cây bụi đã um tùm trên đồng đổ nát, thật khó để phân biệt nơi trước đây từng là vườn tược với nơi trước đây từng là phố xá. Khu hành chính, thương mại gần cầu tàu và trạm hải quan cùng một số khu dân cư trung tâm vẫn còn, nhưng dường như thế là hết. Ngay cả các cité (tiếng Pháp trong nguyên bản – khu dân cư) châu Phi cũng chỉ còn thừa thớt người ở, và cũng đã suy tàn, với nhiều ngôi nhà thấp hết như bao diêm, màu xanh da trời hoặc xanh lá cây nhợt nhạt bỏ hoang, bị giống nho nhiệt đới màu nâu và xanh lớn nhanh và chết cũng nhanh xâm chiếm.

Cửa hiệu của Nazruddin nằm trên một quảng trường chợ tại khu phố buôn bán. Nó đầy mùi chuột cống và đầy phân, nhưng được cái còn khá lành lặn. Tôi đã mua lại cả nhà kho của Nazruddin – nhưng chẳng còn gì trong đó. Tôi cũng mua được cả danh tiếng của cửa hiệu, nhưng điều này chẳng mấy ý nghĩa bởi rất nhiều người châu Phi đã quay trở về với cây bụi, về với sự an toàn trong những ngôi làng của mình, tại những khu kinh rạch chẳng chịt khó tìm.

Sau nỗi lo lắng khi vừa đến nơi, tôi thấy cũng không có nhiều việc để làm. Nhưng tôi không đơn độc. Còn có các thương gia khác nữa, những người nước ngoài khác, một số đã ở đây qua các cuộc biến động. Tôi cùng họ chờ đợi. Hoà bình được giữ vững. Mọi người lại bắt đầu quay trở về thành phố, từng mét vuông cité dần đông đảo lên. Người ta bắt đầu cần hàng hóa mà chúng tôi có thể cung cấp. Và chậm chậm, công việc buôn bán lại bắt đầu khởi sắc.

Zabeth thuộc số khách hàng sớm nhất và thường xuyên nhất của tôi. Cô là một marchande [1] không phải người bán hàng ở chợ mà là bán lẻ theo lối cò con. Cô thuộc một cộng đồng ngư dân, gần như là một bộ lạc nhỏ, khoảng mỗi tháng một lần cô từ làng mình lên thành phố để mua buôn hàng hóa.

Cô mua ở chỗ tôi bút chì và vở viết, lưỡi dao cạo, ống tiêm, xà phòng, kem đánh răng và bàn chải đánh răng, vải vóc, đồ chơi bằng nhựa, bột sắt và hộp nhôm, khay và chậu men. Người dân làng Zabeth cần những vật dụng đơn giản đến từ thế giới bên ngoài đó và cần chúng cả khi có biến động. Không phải đồ dùng thiết yếu, cũng không phải đồ xa xỉ, chúng chỉ là những thứ làm cho cuộc sống dễ dàng hơn. Người ở đây biết làm nhiều việc, họ tự xoay sở rất tài. Họ thuộc da, dệt vải, rèn sắt, họ đục rỗng các thân cây lớn để làm thuyền và những cây nhỏ hơn để làm chạn bếp. Nhưng với những người tìm kiếm một cái thùng lớn không rò để đựng nước và đồ ăn, hãy thử tưởng tượng họ sung sướng đến thế nào khi có được cả một cái bồn tráng men!

Zabeth biết chính xác những gì người dân làng cô cần và biết rõ khả năng hay độ sẵn sàng mau thú đó của họ. Các thương gia ngoài bờ biển (trong đó có cả cha tôi) thường nói – đặc biệt khi họ phải tự an ủi vì đã mua phải đồ đắt – rằng mọi thứ cuối cùng đều có người mua. Tại đây điều này không hề đúng. Người ta thích thú với những thứ mới – chẳng hạn ống tiêm, điều này đối với tôi là một bất ngờ - và thậm chí những đồ hiện đại, nhưng sở thích cao nhất của họ luôn là những mẫu mới nhất của các mặt hàng họ cần mua. Họ tin tưởng một mẫu hàng, một nhãn mác nhất định. Thật vô ích khi cố "bán" mọi thứ cho Zabeth, tôi buộc phải gút lại trong phạm vi những mặt hàng cố định. Buôn bán kiểu này thật chẳng ra sao, nhưng nó tránh được phức tạp hóa vấn đề. Và nó khiến Zabeth, khác với những người châu Phi khác, trở thành một nữ tướng gia giỏi giang.

Cô không biết đọc biết viết. Cô ghi danh sách dài dặc đồ phải mua vào đầu và nhớ rằng rõ giá tiền từng thứ đồ của những lần mua trước. Cô không bao giờ đòi cho chịu tiền – cô ghét điều đó. Cô trả bằng tiền mặt, lấy tiền từ chiếc túi nhỏ luôn mang theo mình khi đến thành phố. Tất cả các lái buôn đều biết đến chiếc túi nhỏ của Zabeth. Không phải vì cô không tin tưởng các ngân hàng, cô chỉ không hiểu nổi chúng.

Tôi từng bảo cô, bằng thứ ngôn ngữ pha trộn của dòng sông mà chúng tôi quen dùng "Beth ạ, một ngày nào đó sẽ có kẻ cướp túi của cô đấy. Mang theo tiền trong người như thế không an toàn đâu".

Nếu có ngày đó, Mis Salim, tôi sẽ biết mà ở lại nhà.

Thật là một cách nghĩ ngại hay ho. Nhưng rõ ràng cô là một phụ nữ rất lạ lùng.

Cũng như những người khác, cô gọi tôi là Mis, nói tắt của từ mister. Tôi là mister bởi vì tôi là người nước ngoài, người đến từ khu bờ biển xa xôi, lại nói tiếng Anh, tôi là mister để phân biệt với những người nước ngoài khác định cư tại đây, các monsieur. Dĩ nhiên, điều này chỉ có trước khi Người Đàn Ông Vĩ Đại tới và biến chúng tôi thành citoyens và citoyennes [2]. Trong một khoảng thời gian – điều này rất ổn, cho đến khi những lời nói dối của ông ta làm người dân trở nên bối rối và sợ hãi, nên khi tìm được một thần tượng khác mạnh hơn ông ta, họ bèn quyết định chấm dứt toàn bộ và bắt đầu lại từ đầu.

Ngôi làng của Zabeth cách đây chừng 60 dặm, ở khá xa đường cái, con đường thực ra cảm giác khác gì lối mòn, và cách dòng sông chừng vài dặm. Đi bằng đường bộ hay đường sông đều khó khăn, mất đứt hai ngày. Riêng đường bộ, mùa mưa có thể mất tới ba ngày. Thoạt tiên Zabeth đi đường bộ, cùng những trợ tá của mình lội bì bõm ra đến đường cái và đợi ở đó cho đến khi có xe tải hoặc xe buýt. Khi tàu hơi nước bắt đầu chạy lại, Zabeth thường xuyên sử dụng đường sông, nhưng cũng không dễ dàng hơn là mấy.

Những kênh rạch bí mật từ các ngôi làng dẫn ra sông thường rất nông, đầy những trở ngại bất ngờ và nhiều muỗi kinh khủng. Xuôi những dòng kênh này, Zabeth và người của mình chèo xuồng độc mộc ra đến dòng sông chính, và họ thường xuyên phải đẩy chúng đi. Ra đến sông, đậu sát bờ, họ đợi tàu hơi nước trên những chiếc xuồng nhỏ bé chất đầy hàng hóa –

thường là thực phẩm – để bán cho người trên tàu thủy và chiếc thuyền nhỏ mà tàu kéo theo. Thực phẩm đa phần là cá hoặc khỉ, còn tươi hoặc đã được boucane [3] - theo cách của vùng này, với một lớp da dày ụ đen thui. Đôi khi có một con rắn hoặc một con cá sấu nhỏ xông khói, một tảng thịt lớn màu đen khó nhận dạng là thịt gì – nhưng dưới lớp da cháy xém đó lộ ra màu thịt trắng hoặc hồng nhạt rất hấp dẫn.

Khi chiếc tàu thủy xuất hiện, kéo theo thuyền chở khách, Zabeth và người của mình chống sào hoặc chèo xuống ra tận giữa sông và dừng lại ở chỗ con tàu sẽ đi qua. Tàu đến, những chiếc xuồng độc mộc chao đảo theo lớp sóng dồi, Zabeth và người của mình ném dây thừng lên sàn thuyền, nơi luôn có những bàn tay đưa ra đón dây để buộc nó vào một thanh sắt cố định nào đó, rồi những chiếc xuồng độc mộc, đang ở sát bên sườn tàu, bắt đầu chuyển động về hướng đối diện, trong khi những người trên tàu ném những mẩu giấy hoặc vải xuống con cá hoặc con khỉ họ muốn mua.

Việc điều khiển xuồng độc mộc ghé sát con tàu hoặc chiếc thuyền đang chạy là một kỹ thuật mà người vùng sông nước biết cách thực hiện, nhưng không phải là không nguy hiểm. Gần như sau mọi chuyến đi của chiếc tàu thủy đều có tin tức về việc một chiếc xuồng độc mộc bị lật nhào đầu đó và có người chết. Nhưng liều lĩnh vậy cũng đáng; sau đó, chẳng cần cố sức gì, với tư cách một marchande đang bán hàng, Zabeth được con tàu kéo đến tận gần thành phố, cô tháo xuồng của mình khi đi ngang đồng đồ nát của nhà thờ lớn, ngay trước khi đến các cầu tàu, để tránh các vị quan chức, những người chỉ chăm chăm đòi đóng thuế. Một chuyến đi thật ra trò! Biết bao rắc rối và nguy hiểm để bán được những sản phẩm đơn giản người dân làng cô làm ra, và để mang về vài món đồ cho họ.

Một hoặc hai ngày trước khi tàu thủy đến có một phiên chợ ngoài trời ở ngay lối vào cầu tàu. Nếu còn ở thành phố Zabeth thế nào cũng tham gia. Chẳng may trời mưa cô sẽ ngủ dưới mái hiên một cửa hàng rau hoặc quán bar, hôm sau cô sẽ vào ở trong một nhà trọ châu Phi, nhưng thoát tiên

những chỗ như thế chưa có. Khi cô đến cửa hiệu, không gì trong dáng vẻ của cô gợi đến chuyến đi khó nhọc hay những đêm ngủ ngoài trời. Cô luôn ăn mặc đàng hoàng, quần mình trong mảnh vải lớn theo kiểu châu Phi, đầy nếp gấp, tôn thêm độ lớn cho cặp mông khổng lồ của cô. Trên đầu cô là chiếc khăn xếp – thứ trang phục của những người đi xuôi dòng sông, và mang theo mình chiếc túi nhỏ với những đồng tiền nhàu nát thu được từ những người trong làng và những người trên tàu thủy. Cô đi mua đồ, trả tiền; và vài giờ trước khi tàu thủy xuất phát, cô lại cùng với những người đàn bà trong đội của mình – những người gầy gò, thấp nhỏ, xấu xí, bận quần áo nhàu nhĩ – đến để mang hàng đi.

Xuôi dòng sông tốn ít thời gian

hơn. Nhưng vẫn rất nguy hiểm cho những chiếc xuồng độc mộc với mỗi lần áp vào và tách ra khỏi thuyền nhỏ chở khách..Hồi đó tàu thủy rời thành phố vào lúc bốn giờ chiều nên mãi nửa đêm Zabeth và người của cô mới đến được nơi họ phải rời chiếc tàu thủy. Zabeth cẩn thận không để lộ chỗ vào làng mình. Cô tháo dây thừng, đợi cho đến lúc con tàu với chiếc thuyền đi khỏi và ánh sáng đã hoàn toàn tắt lịm rồi mới chống sào đẩy xuồng vào dòng kênh bí mật của mình, và cả đêm họ cật lực chèo chống xuồng dưới tán cây rừng.

Về nhà vào ban đêm! Tôi không ra sông vào ban đêm. Tôi không thích việc này bởi không thấy an toàn. Trong bóng tối của dòng sông và cánh rừng bạn chỉ có thể chắc chắn vào những gì bạn nhìn thấy – và ngay cả những đêm sáng trăng bạn cũng không nhìn thấy gì nhiều đâu. Khi gây ra một tiếng động – chẳng hạn khua mái chèo trên mặt nước – bạn sẽ nghe thấy chính mình như thể đang là một ai đó khác hẳn. Dòng sông và cánh rừng như đang hiển hiện, và mạnh hơn bạn nhiều. Bạn cảm thấy không được chở che như một kẻ đột nhập.

Torng ánh sáng ban ngày – dù màu sắc có nhợt nhạt và ma quái với cái nóng ẩm hứa hẹn mát mẻ hơn vào buổi tối, bạn có thể tưởng tượng thành

phố đang được xây dựng lại và mở rộng ra. Bạn có thể tuu những khu rừng bị bật gốc, những con đường đi xuyên qua các kênh rạch và đầm lầy. Bạn có thể tưởng tượng khu đất đã biến thành cái mà Người Đàn Ông Vĩ Đại sau này sẽ vẽ ra, ái viễn cảnh về "Khu công nghiệp" dài 2000 dặm dọc theo sông. (Nhưng ông ta không bao giờ thực sự thực hiện nó, đó chỉ là ý muốn của ông ta để tỏ ra mình là một thầy phù thủy cao tay hơn những phù thủy khác mà nơi đây từng biết đến). Dù vậy, trong ánh sáng ban ngày, bạn có thể tin vào viễn tưởng đó. Bạn có thể tưởng tượng khu đất đang được những người chính bạn cải tạo để trở lại bình thường, giống như những phần nhỏ đã từng bình thường trong một khoảng thời gian ngắn trước khi độc lập – những chỗ giờ đã biến thành đồng đồ nát.

Nhưng ở trên bờ sông vào ban đêm là chuyện khác hẳn. Bạn cảm thấy đất đang đưa mình trở về với cái gì đó thật thân quen, cái gì đó mà vào lúc nào đấy bạn từng biết nhưng đã quên hoặc cố tình quên, song nó vẫn luôn ở nguyên đó. Và khu đất đang đưa bạn trở lại 100 năm trước vẫn luôn ở đó.

Zabeth đã đi những chuyến ghê gớm làm sao! Đó là mỗi lần cô đến đây để lấy đi của hiện tại (hoặc tương lai) một vài hàng hoá quý giá nào đó, mang về cho người làng mình – chẳng hạn những lưỡi dao cạo mua sỉ cả gói nhưng được bán lẻ từng lưỡi một, những kỳ diệu của kim loại – những thứ hàng đó càng trở nên quý giá hơn khi người ta hiểu rằng cô mang chúng từ thành phố về cho làng chài của mình – cái thế giới thực, an toàn, được bảo vệ khỏi người khác bởi rừng rậm và đường sông khó đi. Và được bảo vệ bằng những cách khác nữa. Mọi người ở đây đều biết rằng mình đang được tổ tiên dõi nhìn từ trên cao, những người hiện đang sống vĩnh hằng tại một tầng trời cao hơn, và sự lướt qua trái đất của họ không hề bị lãng quên, mà được lưu giữ hết sức cẩn thận, đó chính là một phần trong sự hiện diện của cánh rừng. Trong rừng sâu an toàn hơn cả. Đó là thứ an toàn mà Zabeth đã để lại sau lưng để có được những hàng hoá quý giá, vì nó cô ta đã từ bỏ cả sự an toàn tuyệt đối của mình.

Zabeth không phải là một phụ nữ bình thường. Bề ngoài cô cảm giác hề giống gì với người dân trong khu. Họ nhỏ, nhẹ ký và rất đen, còn Zabeth lại to béo với nước da đồng hun, ở vài chỗ thứ đồng hun đó cháy rục lên, nhất là trên gò má, trông như thể trang điểm vậy. Có một cái gì đó thật khác biệt ở Zabeth, như mùi vị chẳng hạn. Nó rất mạnh và rất khó ưa, và thoát tiên tôi từng nghĩ –vì cô đến từ một làng chài – rằng đó là mùi cá lưu niên. Tôi nghĩ chắc là do đồ ăn ở làng quanh đi quẩn lại chỉ có cá và cá. Nhưng những người bộ lạc Zabeth mà tôi từng gặp không có mùi giống với cô. Người châu Phi cũng nhận ra mùi vị khác biệt đó. Nếu vào cửa hàng khi Zabeth có trong đó, thế nào họ cũng bịt mũi và chó khi còn bỏ đi thẳng.

Metty, thằng nhỏ lai châu Phi đã lớn lên trong gia đình tôi ở bờ biển và đã tới ở cùng tôi, nói rằng mùi của Zabeth nặng đến nỗi lũ muỗi cũng phải tránh xa. Tôi còn cho rằng đến đàn ông cũng không dám gần Zabeth, dù cô cũng có vẻ mỡ màng (mà đàn ông thì lại thích cái đó) và dù cô có cái túi nhỏ đựng tiền. Zabeth chưa lấy chồng, và, theo chỗ tôi được biết, cô không sống chung với người đàn ông nào cả.

Cũng chính Metty – nó học được các tập quán địa phương rất nhanh – nói với tôi rằng Zabeth là một phù thủy, và trong vùng chúng tôi ai cũng hiểu một phù thủy có nghĩa thế nào. Mùi vị của cơ thể cô là mùi của các thứ dầu xoa. Những người phụ nữ khác sử dụng nước hoa và toả mùi hấp dẫn, thứ dầu xoa của Zabeth lại cảnh báo và ngăn chặn. Cô đã được bảo vệ. Cô biết điều đó, và những người khác cũng biết thế

Tôi đã đối xử với Zabeth đúng như với một marchande và một khách hàng tốt. Giờ đây khi tôi biết rằng trong Khu chúng tôi cô là một người quyền lực, một nhà tiên tri, tôi lại càng không quên điều đó. Thế nên tôi cũng cảm thấy cô thật sự hấp dẫn.

Chú thích:

[1] Thương gia

[2] Công dân

[3] Xông khói

KHÚC QUANH CỦA DÒNG SÔNG

V. S. Naipaul

www.dtv-ebook.com

Dịch Giả: Cao Việt Dũng

Chương 2:

Châu Phi là nhà tôi, đã từng là nhà của gia đình tôi từ hàng thế kỷ nay. Nhưng chúng tôi đến từ bờ biển phía Đông, điều đó có ý nghĩa khác hẳn. Bờ biển không hẳn là châu Phi. Đó là nơi pha trộn A rập - Ấn độ - Ba tư – Bồ đào nha, và chúng tôi, những người sống tại đó, gần như là người của Ấn độ dương. Thực sự châu Phi nằm ở đằng sau chúng tôi. Nhiều dặm cây bụi hoặc sa mạc ngăn chia chúng tôi với những người sống ở các vùng cao hơn, nên chúng tôi hướng về phía Đông, nơi có những vùng mà chúng tôi có quan hệ buôn bán – A rập, Ấn độ, Ba tư. Cũng có những khu đất của tổ tiên chúng tôi. Nhưng chúng tôi hoàn toàn không thể nói mình là người A rập hoặc Ấn độ hoặc Ba tư, và khi so sánh mình với những người đó, chúng tôi thấy mình giống người châu Phi hơn.

Gia đình tôi theo đạo Hồi. Nhưng chúng tôi là một nhóm đặc biệt. Chúng tôi khác với những người A rập và Hồi giáo khác ở bờ biển, còn về tập quán và thói quen chúng tôi gần với những người Hindu vùng Tây bắc Ấn độ hơn, đó cũng chính là gốc gác của chúng tôi. Tôi không thể biết rõ chúng tôi đã đến nơi đây khi nào. Chúng tôi không thuộc dạng những người ở đây. Chúng tôi chỉ sống ở đây, làm những việc dành cho chúng tôi, làm theo những gì đời trước mình đã làm. Chúng tôi không bao giờ hỏi tại sao lại như thế, chúng tôi không quan tâm. Trong sâu thẳm, chúng tôi thấy mình là một dân tộc hết sức cổ xưa, nhưng dường như chúng tôi không có cách nào đánh giá được sự trôi qua của thời gian. Cha tôi hay ông tôi đều không biết ngày tháng của những câu chuyện của mình. Không phải vì họ đã quên hoặc bị rối trí – quá khứ chỉ đơn giản là quá khứ.

Tôi nhớ đã nghe ông kể rằng ông từng chèo một chiếc thuyền chở nô lệ như là chở hàng hoá hay cao su gì đó, song không thể nói cho tôi biết ông làm việc đó khi nào. Ông có trong ký ức mình đủ chuyện trôi nổi trên biển mà không hề có ngày tháng hay điểm mốc thời gian liên hệ nào, như thể đó là sự kiện mang tính độc nhất trong một cbsn không sự kiện. Ông không nói đó là một việc ghê gớm gì, chỉ nói đó là một việc không bình thường ông từng làm – không phải là chở nô lệ, mà là chở cao su. Và chưa cần đến ký ức của chính tôi, về câu chuyện của ông, tôi cho rằng đó có thể là một phần của lịch sử đã biến đi mãi mãi. Tôi tin, từ cuốn sách mới đọc được, rằng ý tưởng về cao su có thể đã xâm chiếm đầu óc ông vào lúc đó, trước Thế chiến II, khi cao su trở thành một thứ hàng hoá được ưa chuộng – và sau đó là một vụ bê bối lớn - ở Trung Phi. Do đó tôi nhận thấy rằng các sự kiện vẫn đang bị ông tôi che giấu, hoặc là ông chẳng mấy quan tâm đến chúng.

Câu chuyện về toàn bộ giai đoạn đảo lộn đó của châu Phi – sự nổi loạn của người A rập, sự bành trướng của châu Âu, sự vươn ra ngoài lục địa – là lịch sử gia đình duy nhất mà tôi biết. Đó là số phận những người sống ở đây. Mọi kiến thức về lịch sử của chúng tôi và lịch sử Ấn Độ đương tôi đều đọc trong những quyển sách do người châu Âu viết, thí dụ người A rập chúng tôi trong thời gian đó là những nhà phiêu lưu và nhà văn lớn, rằng các thuỷ thủ của chúng tôi đã chèo thuyền vượt Địa Trung Hải và khám phá ra châu Mỹ, rằng một hoa tiêu người Ấn đã dẫn đường cho Vasco da Gama từ Đông Phi đến Calicut, rằng từ chèque đã được các thương gia Ba tư chúng tôi sử dụng lần đầu tiên...Chúng chẳng hề t.ao nên chút hiểu biết hay tự hào của chúng tôi. Tôi cảm thấy nếu không có người châu Âu, toàn bộ quá khứ của chúng tôi đã bị bay biến, giống như vết giày các ngư dân trên bãi biển bên ngoài thành phố nơi chúng tôi ở.

Có một trại giam trên bờ biển. Những bức tường xây bằng gạch. Chúng đã trở thành đồng đồ nát khi tôi còn là một đứa bé, và ở châu Phi nhiệt đới, vùng đất của việc xây dựng vô tội vạ giống như một mảnh lịch sử

hiếm hoi. Chính trong nhà giam này, những nô lệ đã bị nhốt sau khi đã đi bộ đến từ trung tâm lục địa, vùng thảo nguyên, tại đó họ chờ đợi những chiếc thuyền buồm A rập sẽ đưa họ vượt biển. Nhưng nếu bạn không biết, thì nơi đó chẳng nói lên gì hết, chỉ là những bức tường đồ nát trên một tấm bưu ảnh chụp bãi biển với những cây dừa.

Đã từng có khi người A rập cai quản nơi đây, rồi người châu Âu tới, giờ đây người châu Âu đã đi. Nhưng có rất ít thay đổi trong cách suy nghĩ của người dân. Họ vẫn vẽ hình những con mắt to ở mũi thuyền để cầu may mắn, và các ngư dân có thể trở nên rất giận dữ, thậm chí hăng máu, nếu một người khách nào đó chụp hình họ - nghĩa là đang buộc họ phải rời khỏi linh hồn của mình. Mọi người ở đây vẫn sống như thế, họ vẫn như vậy lâu nay, không hề có khoảng cách giữa quá khứ và hiện tại. Mọi thứ diễn ra trong quá khứ đều đã biến mất, vẫn luôn chỉ có hiện tại mà thôi. Thế cho nên, như hậu quả của một thứ hỗn loạn nào đó trên thiên đường, ánh sáng của bình minh vẫn luôn phải nhường chỗ cho bóng đêm, và con người luôn sống trong hoàng hôn vĩnh hằng.

Chế độ nô lệ ở bờ biển phía Đông không giống như phía Tây. Không ai bị đưa đi làm đồn điền. Phần lớn người dân rời khỏi vùng biển của chúng tôi tới nhà của người A rập để làm người hầu. Một số trở thành thành viên của những gia đình mà họ tới, một số ít hơn trở nên có quyền lực bằng chính sức mạnh của mình. Với một người châu Phi, một đứa trẻ của rừng, đi hàng trăm dặm từ nội địa và xa làng mình, bộ lạc mình, sự bảo vệ của một gia đình ngoại quốc là rất quý giá để có thể tồn tại đơn độc giữa những người châu Phi xa lạ và thù địch. Đó là lý do giải thích tại sao việc buôn nô lệ vẫn được tiếp tục khá lâu sau khi các nước châu Âu đã cấm, và tại sao, vào thời khi người châu Âu đang kinh doanh một loại cao su nào đó, ông tôi lại có thể buôn một mặt hàng khác. Đó cũng là lý do giải thích tại sao một chế độ nô lệ bí mật vẫn tiếp tục trên bờ biển cho mãi đến sau này. Những người nô lệ, hay thuộc về các dân tộc có thể bị coi là nô lệ, muốn giữ nguyên như thế.

Trong khu này của gia đình tôi có hai gia đình nô lệ, và họ đã ở đây ít nhất ba thế hệ. Họ sợ nhất là bị đuổi đi. Chính thức mà nói những người này chỉ là những người giúp việc. Nhưng họ muốn những người khác – những người châu Phi khác cũng như những người A rập và Ấn độ nghèo đói – biết họ thực sự là nô lệ. không phải là họ tự hào về chế độ nô lệ như một thứ thân phận, điều họ tự hào là sợi dây nối kết đặc biệt với một gia đình danh tiếng. Họ có thể tỏ ra hết sức ngiệt ngã với những người thuộc gia đình nhỏ hơn.

Khi còn nhỏ tôi thường đi dạo trên những lối đi hẹp hai bên là tường trắng ở khu phố cổ của thành phố, nơi gia đình chúng tôi ở. Tôi tắm rửa sạch sẽ và ăn bận tử tế, họ bôi thứ phấn của họ lên mắt tôi, và đeo một lá bùa may mắn lên cổ tôi, và rồi Mustafa, một ông già ở chỗ chúng tôi sẽ lắc vai tôi lia lịa. Tôi đã đi dạo như thế này: Mustafa đặt tôi lên vai ông để mọi người thấy của báu của gia đình tôi, và cùng lúc đó cho thấy vị trí được tin cậy của ông trong gia đình tôi. Có một vài thằng nhóc chỉ trỏ trêu chọc chúng tôi. Khi tình cờ chạm trán với những thằng bé đó, Mustafa để tôi xuống, bảo tôi chửi, thêm vào đó chính những câu chửi của ông, bảo tôi đánh nhau, và rồi, khi mọi việc trở nên quá bất lợi cho tôi, ông sẽ gỡ tôi ra khỏi những cái đấm cái đập của bọn nhóc và đặt tôi lên vai ông. Và chúng tôi lại tiếp tục dạo chơi.

Câu chuyện về Mustafa, người A rập, những chiếc thuyền buồm và những người nô lệ như thế này giống như rút ra từ tập Nghìn lẻ một đêm. Nhưng khi nghĩ đến Mustafa, và thậm chí chỉ cần nghe từ "nô lệ", tôi liền nghĩ ngay đến khungoài của chỗ chúng tôi ở, một sự pha trộn giữa sân trường và sân sau nhà, tất cả những người đó, một số gào thét, hàng đồng quần áo treo trên dây phơi hoặc trải rộng trên những tảng đá to, cái mùi nồng nặng của những đồng vải đó hoà lẫn vào mùi của những hố xí tạm bợ và cái góc chứa nước giải, hàng đồng đĩa men và đĩa đồng cẩu bắn trên bàn giặt giữa sân, trẻ con chạy đi chạy lại khắp nơi, việc chuẩn bị bữa ăn không một phút ngừng trong khu bếp tối thui. Tôi nghĩ đến đám phụ nữ, trẻ con,

về các chị em tôi và gia đình họ, về những người phụ nữ phục vụ và gia đình họ, cả hai đều có vẻ như có sức nặng ngang nhau, tôi nghĩ về những cuộc tranh cãi trong các phòng của gia đình, những cuộc tranh cãi nảy lửa trong khu này của những người giúp việc. Chúng tôi quá đông đúc trong khu nhà nhỏ bé đó. Chúng tôi không cần đến tất cả những người hầu đó. Nhưng họ không phải là những người phục vụ bình thường, và không lý do nào để đuổi họ đi được cả. Chúng tôi bị dính vào với họ.

Trên bờ biển phía Đông đã từng như thế. Những người nô lệ có thể biến đổi theo nhiều cách. Những người hầu của chúng tôi không còn là người châu Phi thuần túy nữa. Họ không được gia đình công nhận, nhưng tại những điểm nào đó trong phả hệ, họ được pha trộn thêm dòng máu châu Á. Mustafa có dòng máu Gujarat trong huyết quản: Metty cũng vậy, sau này nó đã tìm mọi cách vượt qua lục địa để đến với tôi. Dù vậy, đó là một cuộc chuyển giao máu từ ông chủ sang nô lệ. Với những người A rập trên bờ biển chúng tôi, tiến trình đã thực hiện theo cách khác. Những người nô lệ đã tấn công chủ của mình; dòng giống A rập ông chủ rõ ràng đã biến mất.

Trước đây, các nhà thám hiểm và chiến binh A rập vĩ đại đã từng thống trị. Họ đã đi sâu vào nội địa, xây dựng các thành phố và dựng lên các vườn ươm cây trong rừng. Rồi quyền lực của họ mất dần vào tay người châu Âu. Các thành phố và vườn cây của họ biến mất, bị cây bụi nuốt trọn. Họ thôi không còn có trong đầu ý tưởng về vị thế của mình trong thế giới, và họ đánh mất nghị lực của mình; họ quên mất mình từng là ai và từ đâu đến. Họ chỉ biết họ là người Hồi giáo; và trong đạo Hồi giáo họ cần có vợ và nhiều vợ. Nhưng họ đã bị tách khỏi gốc rễ A rập của mình và chỉ còn có thể tìm thấy vợ của mình trong số những người phụ nữ châu Phi, những người trước đây từng là nô lệ cho họ. do đó, rất sớm, những người A rập, hay là những người tự gọi mình là A rập, đã trở thành những người Phi Châu, không khác biết gì hết. Ít khi họ suy nghĩ về nền văn minh độc đáo của mình. Họ có kinh Koran và các giới luật của nó; họ chỉ gắn kết vào một

số lỗi ăn mặc, đội một thứ mũ, và có một bộ râu cắt tỉa đặc biệt; chỉ vậy thôi. Họ chỉ có một ít ký ức về những việc tổ tiên họ từng làm ở châu Phi. Họ chỉ có thói quen về quyền lực, mà không đủ nghị lực hay học thức để quay lại được quyền lực đó. Quyền lực của những người A rập – khá lớn khi tôi còn là một đứa trẻ - chỉ là vấn đề về tập quán. Nó có thể bị thổi bay vèo bất cứ lúc nào. Thế giới vẫn chỉ là thế giới.

Tôi lo ngại giùm người A rập. Tôi cũng lo lắng cho chúng tôi. Bởi vì, khi có quyền, thì chẳng có gì khác biệt lớn lao nào giữa họ và chúng tôi hết. Cả hai đều là những nhóm nhỏ sống dưới lá cờ của người châu Âu và cùng ở bên rìa lục địa. Trong ngôi nhà gia đình chúng tôi, khi còn là một đứa trẻ, tôi chưa bao giờ nghe thấy một cuộc tranh luận nào về tương lai của chúng tôi hoặc tương lai của bờ biển. Ai cũng cho rằng mọi chuyện sẽ tiếp diễn, rằng những cưới xin có thể tiếp tục được tổ chức giữa những người có sự đồng thuận với nhau, rằng thương mại buôn bán có thể tiếp tục, rằng châu Phi có thể cho chúng tôi những thứ nó từng cho.

Các chị em tôi lấy chồng theo lối truyền thống, nghĩa là, cả tôi nữa, cũng có thể lấy vợ khi đủ tuổi và nới rộng cuộc sống gia đình chúng tôi. Nhưng lúc còn nhỏ, khi còn học ở trường, tôi đã nhận ra rằng cách sống của chúng tôi quá cổ lỗ và dường như đã đến hồi cáo chung.

Những thứ nhỏ bé có thể mang đến chúng tôi nhiều cách suy nghĩ mới, chẳng hạn những bức tem thư. Chính quyền Anh đã cho chúng tôi nhiều loại tem đẹp. Những loại tem đó miêu tả cảnh sắc và đồ vật của địa phương; một cái có tên là "thuyền buồm A rập". Trong những con tem có hình chiếc thuyền đó, có cái gì kỳ lạ khiến một người nước ngoài từng nói "Đó là điều nổi bật nhất ở vùng này". Không có con tem về thuyền buồm ấy có lẽ tôi đã chẳng mấy may quan tâm đến những chiếc thuyền. Tôi học cách quan sát chúng. Mỗi khi thấy chúng chen chúc nhau ở ven bờ nước tôi nghĩ chúng như là cái gì đó thật thân thiết với vùng chúng tôi, gần gũi, cái gì đó người nước ngoài có thể nhận ra, cái gì đo không được hiện đại cho

lắm, và chắc chắn chẳng hề giống với những tàu hàng và tàu khách cập vào những cầu cảng hiện đại của chúng tôi.

Vậy là từ khi còn bé tôi đã phát triển cho mình thói quen nhìn ngấm, tự gắn mình vào khung cảnh thân quen và thử nhận ra nó từ một khoảng cách nào đó. Chính từ thói quen hay nhìn ngấm này mà tôi có ý nghĩ rằng với tư cách là một cộng đồng chúng tôi đã tụt lùi về sau nhiều quá. Và đó là khởi đầu cho tình trạng bất an của tôi.

Tôi thường nghĩ về cảm giác bất an đó như là một điểm yếu, một điểm kém cỏi trong tính tình của tôi, và tôi có thể hồ thẹn nếu ai đó phát hiện ra điều này. Tôi giữ cho riêng mình những ý nghĩ về tương lai, và thế là đủ để thoải mái sống trong nhà chúng tôi, nơi, như tôi đã từng nói, không bao giờ có cái gì đó tương tự một cuộc tranh luận chính trị. Gia đình tôi không có người điên. Bố tôi và anh em ông là thương gia, buôn bán; theo cách của riêng mình họ cố theo kịp thời đại. Họ có thể điều chỉnh được hoàn cảnh; họ chấp nhận rủi ro và đôi khi họ có thể trở nên rất cực cần. Nhưng họ đã đi sâu vào cuộc đời mình đến nỗi không bước lui và nhìn ngấm lại bản chất cuộc đời nó. Họ làm điều họ phải làm. Khi mọi chuyện trở nên sai trái họ có sự an ủi của tôn giáo. Chấp nhận số phận không chỉ đơn thuần là sự sẵn sàng, đó là một lòng tin trầm tĩnh và sâu sắc về sự phù phiếm của đời người.

Tôi không bao giờ có thể lên cao đến thế. Sự bi quan của tôi, sự bất an của tôi, là một chuyện thuộc trần thế nhiều hơn. Tôi không hề có cảm giác tôn giáo của gia đình mình. Sự bất an đó là do tôi thiếu một tôn giáo đích thực, và cũng giống như một đối thay nhỏ về sự bi quan cao cả của lòng tin chúng ta, sự bi quan dẫn con người đến những day dứt. Đó là cái giá dành cho thái độ duy vật của tôi, sự tìm kiếm của tôi để chiếm lĩnh được trạng thái trung hoà, giữa sự thấm thấu vào cuộc sống và bay lơ lửng phía trên mặt đất.

Sự bất ổn tôi cảm thấy về vị thế của chúng tôi trên bờ biển là do tính khí của tôi và quả có ít thứ có thể làm tôi bình tâm trở lại. Các sự kiện ở mảnh đất châu Phi này bắt đầu biến chuyển rất nhanh. Về phía Bắc có một cuộc nổi loạn đẫm máu của một bộ lạc sống trên núi cao mà người Anh dường như không thể trấn áp nổi, và cũng có những vụ bùng nổ thể hiện sự bất tuân và sự tức giận khác nữa. Những triệu chứng bệnh đôi khi cũng là bệnh tật thực sự, và tôi không nghĩ rằng sự sợ hãi của bản thân khiến tôi cảm thấy hệ thống chính trị mà chúng tôi đang sống đang sắp chấm dứt, và rằng cái sẽ thay thế sẽ không hề dễ chịu. Tôi sợ những lời nói dối – những người da đen khẳng định người da trắng nói dối.

Chính châu Âu đã cho chúng tôi, những người sống ở bờ biển, ý tưởng nào đó về lịch sử của chúng tôi, chính châu Âu, tôi cảm thấy thấy vậy, cũng đã mang đến những lời nói dối. Những người từng sống ở vùng này của châu Phi trước người châu Âu chưa từng bao giờ nói dối về mình. Không phải vì chúng tôi đạo đức hơn họ. Chúng tôi không nói dối bởi vì chúng tôi không bao giờ sở hữu chính mình và không hề nghĩ là có cái gì đó để mình phải nói dối hết; chúng tôi là những người giản đơn như thế đấy. Nhưng người châu Âu có thể nói một đằng làm một nẻo; và họ có thể hành động theo cách đó bởi vì họ có ý thức về cái họ nợ nền văn minh của mình. Đó là chỗ lợi thế của họ so với chúng tôi. Người châu Âu muốn có vàng và nô lệ, cũng giống như mọi người khác; nhưng cùng lúc đó họ cũng muốn người ta dựng tượng mình như những người từng làm việc tốt cho nô lệ vậy. Là những người thông minh và đầy nghị lực, và ở đỉnh cao quyền lực của mình, họ có thể diễn tả cả hai mặt của nền văn minh của họ; và họ có cả nô lệ lẫn tượng.

Bởi tự sở hữu mình, so với chúng tôi người châu Âu được trang bị tốt hơn để đối mặt với những thay đổi. Và tôi không còn tính đến châu Phi, rằng thực tế ctgcg còn gì để cho đi nữa cả. Người châu Âu chuẩn bị để đi, hoặc chiến đấu, hoặc gặp những người châu Phi ở nửa đường. Chúng tôi tiếp tục sống như trước đây, mù quáng. Ngay cả gần đây vẫn không có gì

giống như một cuộc tranh luận chính trị trong nhà chúng tôi hoặc trong nhà những gia đình mà tôi biết. Chủ đề bị né tránh. Tôi cũng tự thấy mình né tránh nó.

Một tuần tôi đến chơi squash tại nhà anh bạn Indar của tôi hai lần. Ông Indar đến từ Punjab, Ấn Độ, để làm công nhân hợp đồng trong ngành đường sắt. Ông là người Punjab đã làm việc tốt. Khi hoàn thành hợp đồng ông đến ở bờ biển và trở thành một người cho vay tiền ở chợ, mỗi lần cho vay 20 hoặc 30 sillings cho những người bán hàng ở chợ đang túng tiền phải giật tạm để mua hàng. Cho vay 10 silling tuần này sẽ mang về 12 hoặc 15 sillings vào tuần sau. Không phải cách buôn bán tốt nhất, nhưng một người năng động (và cũng khá cứng rắn) có thể tăng nhanh vốn liếng của mình trong vòng một năm. Thì đó cũng là một thứ nghề dịch vụ, một sinh kế. Và còn hơn cả sinh kế nữa. Gia đình đã phát triển rất nhanh. Họ đã trở thành các chủ nhà băng theo cách không chính thống, cai quản các công ty nhỏ nhưng ăn nên làm ra, nhiều vụ buôn bán đến tận Ấn Độ, A rập và vịnh Ba Tư (vẫn bằng những chiếc thuyền buồm như trên tem thư).

Gia đình Indar sống trong một khu nhà lớn trong khu đất trái nhựa. Nhà chính ở cuối khu đất, có các nhà nhỏ, riêng, những ngôi nhà khác cho gia nhân (gia nhân đúng nghĩa, những người được thuê và có thể bị sa thải, không phải những người ăn bám như ở chỗ chúng tôi) và có sân squash. Mọi thứ đều bị .quây vào bên trong bức tường cao phủ cây, cổng chính với người gác. Khu nhà nằm ở khu mới của thành phố, tôi không nghĩ là còn có thể biệt lập và được bảo vệ tốt hơn như thế nữa.

Những người giàu không bao giờ quên là họ giàu, và tôi coi Indar như một đứa con ngoan của gia đình cho vay tiền hoặc nhà băng của cậu ta. Cậu đẹp trai, cẩn thận trau chuốt hình dáng bên ngoài, và khá là sát gái, với cái gì đó kín đáo trong cách nói năng. Tôi cho rằng như thế là do cách nhìn của cậu đối với tài sản riêng của mình và cũng là do những lo lắng về tình dục

của cậu ta. Tôi nghĩ cậu là một người hay bí mật lui tới nhà thổ và sống trong nỗi lo lắng bị phát giác hoặc bị dính thứ bệnh nào đó.

Chúng tôi uống nước cam lạnh hay trà nóng sau khi chơi (Indar đã bắt đầu lo lắng tới trọng lượng cơ thể của mình) thì cậu bảo tôi là cậu sẽ đi. Cậu sẽ đến Anh, tới một trường đại học danh tiếng để học trong vòng ba năm. Indar, cũng như gia đình cậu ta, vẫn thường tuyên bố những tin quan trọng theo cách bình thường như thế. Tin này làm tôi hơi thất vọng. Indar có thể làm mọi điều cậu ta thích không chỉ vì cậu ta giàu có (tôi từng gán việc ra nước ngoài học với giàu có), mà còn vì cậu ta đã học tại đây, ở trường trung học nói tiếng Anh cho đến năm 18 tuổi. Tôi đã rời trường khi 16. Không phải vì tôi hoặc không giỏi, cũng không phải gia đình sa sút, mà vì không ai trong gia đình tôi học quá 16 tuổi.

Chúng tôi ngồi trên bậc thềm của sân squash, trong bóng mát. Indar bình thản nói "Nhà tớ sẽ đi khỏi đây, cậu cũng biết đấy. Sống ở châu Phi cần phải mạnh mẽ lắm, chúng tớ không mạnh mẽ."

Cậu đã gọi ra điều không thể gọi ra. Ngay khi cậu nói tôi thấy bức tường nhà cậu chẳng có tác dụng gì cả. Hai thế hệ đã trôi qua khi tôi nhìn thấy nó; và tôi buồn cho cái công trình rồi sẽ bị vứt đi này. Ngay khi Indar nói tôi cảm thấy tôi có thể thâm nhập đầu óc cậu ta và thấy cái cậu ta thấy – sự nhỏ bé, cái cống và người coi nhà không có khả năng ngăn chặn được hiểm nguy thật sự.

Nhưng tôi không tỏ ra mình hiểu điều cậu ta nói. Tôi xử sự như những người từng cáu giận và làm tôi chán ngán vì không chịu công nhận sự thay đổi đang đến chỗ chúng tôi. Và khi Indar hỏi tôi "Cậu sẽ làm gì?", tôi đã nói, như thể không nhìn thấy vấn đề gì hết vậy "Tớ sẽ ở lại. Tớ sẽ buôn bán".

Điều này chẳng đúng tí nào cả. Tôi cảm thấy điều ngược lại cơ. Nhưng tôi thấy là mình không sẵn lòng – ngay khi câu hỏi được đặt ra với

tôi – công nhận hoàn cảnh vô phương cứu chữa của mình. Bằng bản năng tôi rơi vào những thái độ của gia đình mình. Nhưng với tôi và chủ nghĩa định mệnh chỉ là điều vớ vẩn, tôi quan tâm nhiều hơn đến thế giới và mong không phải phủ nhận điều gì. Mọi điều tôi có thể làm là che giấu sự thật. Và khám phá này về bản thân đã làm tôi xáo động rất nhiều khi đi bộ về nhà qua thành phố nóng bỏng.

Mặt trời buổi chiều chiếu xuống trên con đường nóng bỏng màu trắng mềm mại và những lề đường ngoằn ngoèo. Tất cả đều bình thường. Có vẻ như không hề có nguy hiểm nào trong những đám người, những con phố gãy khúc, những lối đi hai bên có tường trắng. Nhưng với tôi nơi này đã bị nhiễm độc.

Tôi có một căn phòng ở tầng trên trong ngôi nhà gia đình chúng tôi. Nó vẫn sáng đèn khi tôi trở về. Tôi nhìn qua khu nhà mình, thấy những cái cây và màu xanh của những cái sân lân cận và những khoảng không gian mở. Dì tôi đang gọi một trong những người con gái của mình, một vài cái bình đồng cũ kỹ đã được mang ra ngoài sân để cọ bằng giũa đã biến mất. Tôi nhìn vào người đàn bà sùng đạo đó, đang được che chở sau những bức tường ngôi nhà của mình, và thấy nỗi lo lắng về những cái bình đồng của bà là vớ vẩn làm sao. Bức tường sơn màu trắng mỏng tang (mỏng hơn tường của khu nô lệ ở bờ biển) không bảo vệ bà nhiều lắm. Bà mới dễ bị tổn thương làm sao – bản thân bà, tôn giáo của bà, tập quán của bà, lối sống của bà. Cái sân nhỏ hẹp chứa toàn bộ cuộc sống của bà, đã trở thành toàn bộ thế giới của bà, từ lâu nay đến thế. Làm sao người ta không nhận thấy điều ấy? Làm sao người ta có thể không hỏi điều gì thực sự bảo vệ chúng tôi?

Tôi nhớ lại cái nhìn chiêm ngưỡng và đầy phấn khích Indar dành cho tôi. Và quyết định đã đến với tôi vào lúc đó. Tôi phải đi. Tôi không thể bảo vệ ai hết, không có ai có thể bảo vệ tôi. Chúng tôi không thể bảo vệ chính chúng tôi, chúng tôi chỉ có thể, bằng nhiều cách, trốn khỏi sự thật. Tôi phải

đi khỏi khu nhà của gia đình và cộng đồng của tôi. Ở lại đây với cộng đồng mình, để cho rằng suốt đời đi cùng họ, được đi cùng với họ chỉ là sự phá huỷ. Tôi chỉ có thể làm chủ được số phận của mình khi đơn độc. Một dòng thuỷ triều của lịch sử - đã bị chúng tôi lãng quên, chỉ sống trong những cuốn sách của người châu Âu mà tôi từng đọc – đã mang chúng tôi đến đây. Chúng tôi đã sống cuộc sống của mình theo cách của chúng tôi, đã làm cái chúng tôi phải làm, nguyện cầu Chúa và tuân theo những lời giới răn của Người. Giờ đây – vang vọng lại những lời nói của Indar – một dòng triều lịch sử khác đã tới để mang chúng tôi đi.

Tôi không thể tiếp tục tuân theo Số phận được nữa. Mong muốn của tôi không phải là trở nên tốt đẹp theo cách truyền thống của chúng tôi, mà phải tạo ra được sự tốt đẹp. Nhưng bằng cách nào đây? Tôi phải dâng tặng điều gì? Tài năng nào, kỹ năng nào, ngoài những kỹ năng buôn bán châu Phi mà gia đình tôi có? Nỗi lo lắng này bắt đầu gặm nhấm tôi. Và chính vì thế, khi Nazruddin đề nghị bán cửa hiệu cho tôi, một cửa hiệu và công việc buôn bán ở vùng đất xa xôi của châu Phi, tôi đã đồng ý ngay lập tức.

Trong cộng đồng chúng tôi, Nazruddin là một người lạ. Ông cùng độ tuổi với cha tôi, nhưng trông trẻ hơn nhiều và còn khá sung sức. Ông chơi tennis, uống rượu vang, nói tiếng Pháp, đeo kính đen và mặc com lê (với những chiếc ve áo to tướng và ca vát quăn tón). Trong chúng tôi ông là người nổi tiếng (và hay bị chế giễu sau lưng) về các thói quen châu Âu của mình, mà ông có được không phải từ châu Âu (ông chưa bao giờ ở đó), mà từ một thành phố ở trung tâm châu Phi nơi ông đã từng sống và buôn bán.

Nhiều năm trước, vì sự bốc đồng, Nazruddin đã bỏ công việc kinh doanh ở bờ biển và chuyển vào sâu hơn trong đất liền. Những nước thuộc địa ở châu Phi tạo cảm hứng cho các hoạt động của ông. Nhưng Nazruddin cũng chẳng làm gì hơn là theo những con đường thương mại cũ của người A Rập để vào sâu hơn; và ông đã dừng ở trung tâm châu lục, bên khúc quanh của một dòng sông.

Đó cũng là giới hạn người A rập từng đến trong thế kỷ trước. Tại đó họ đã gặp người châu Âu, tiến đến từ hướng khác. Với người châu Âu nó thật nhỏ bé tầm thường. Với người A Rập ở miền trung châu Phi đó là tất cả, nghị lực từng đẩy họ đến châu Phi đã chết ở nơi ngọn nguồn này, và sức mạnh của họ giống như ánh sáng của một ngôi sao đã tắt. Sức mạnh A Rập đã biến mất ; trên khúc quanh của dòng sông đã mọc lên thành phố của người châu Âu, chứ không phải của người A rập. Và chính từ thành phố đó mà Nazruddin, lại xuất hiện trở lại giữa chúng tôi sau một khoảng thời gian, đã mang về những thói quen và thị hiếu xa lạ cùng những câu chuyện về thành công trong công việc buôn bán của mình.

Nazruddin là người lạ, nhưng ông vẫn ở trong cộng đồng của chúng tôi bởi vì ông cần những người chồng và người vợ cho những đứa con của mình. Tôi luôn biết rằng ông thấy ở tôi người chồng tiềm năng cho một trong số những đứa con gái của ông; và tôi đã sống với sự công nhận đó lâu đến mức nó chẳng còn làm phiền gì tôi nữa. Tôi thích Nazruddin. Tôi đón chờ những lần ông đến chơi, nói chuyện với ông, thái độ thân mật hết sức của ông khi ông ngồi xuống trong căn phòng u buồn của chúng tôi hay ở ngoài hiên và nói về những điều phấn khích của thế giới xa xôi của ông.

Ông là một người rất nồng nhiệt. Ông tô vẽ những điều ông đã làm. Ông thích những ngôi nhà mình mua (thường là mua với giá hời), những tiệm ăn ông chọn, những món ăn ông gọi. Mọi thứ với ông đều diễn ra thật hoàn hảo, và những câu chuyện của ông về vận may bất ngờ có thể khiến ông trở nên không được khiêm tốn cho lắm nếu ở ông không có cái tài miêu tả mọi việc thật là hay ho. Ông buộc tôi phải làm những gì ông đã làm, đến nơi ông đã từng đến. Theo một cách nào đó ông đã trở thành hình mẫu của tôi.

Ngoài ra ông còn biết xem tướng tay, và những thứ ông đọc được thật có giá trị vì ông chỉ đọc khi nào ông có hứng. Khi tôi 10 hay 12 tuổi, ông đã đưa tôi đọc và gửi những thứ thật kỳ diệu cho tôi. Cho nên tôi rất kính

trọng những lời phán xét của ông. Ông dần thêm những cai mới vào việc đọc. Tôi đặc biệt nhớ một chuyện. Ông ngồi trên cái xích đu gỗ, đung đưa từ rìa thảm ra đến sàn nhà. Ông đột ngột ngừng điều đang nói và đòi tôi cho ông xem tay. Ông cầm lấy đầu những ngón tay của tôi, rồi bỏ tay tôi ra. Ông nghĩ ngợi một lúc về những điều ông vừa nhìn thấy – đó là cách của ông, nghĩ về những điều ông đã thấy nhiều hơn là chăm chăm nhìn vào tay, và ông nói "Cháu là người có lòng tin lớn nhất mà bác biết", Điều này không làm tôi thích thú; dường như nó có nghĩa tôi chẳng là gì trong cuộc đời này hết cả. Tôi nói "Bác có thể đọc được chính bàn tay của bác không? Bác có biết nó nói lên được điều gì không?" Ông nói, "Không biết được, không biết được". Âm điệu giọng nói của ông đổi khác, tôi ngẩng nhìn người đàn ông này, người có (theo lời kể của ông) mọi thứ diễn ra thật tốt đẹp, đã thực sự sống với ý nghĩ mọi thứ rồi đều sẽ trở nên xấu xa. Tôi nghe đó là cách một người có thể xử sự; và tôi cảm thấy thân thiết với ông sau đó, thân thiết hơn cả với những người trong gia đình tôi.

Rồi xảy ra một sự đổ vỡ mà một số người đã ngầm tiên liệu trước đối với người đàn ông luôn thành công và nói nhiều này. Đất nước mà Nazruddin gia nhập trở nên độc lập, khá đột ngột, và trong suốt nhiều tuần nhiều tháng, tin tức từ nơi đó thường chỉ là những trận chiến và chết chóc. Theo cách một số người nói bạn có thể tin là nếu Nazruddin từng là một loại nnkhác, nếu ông bớt huênh hoang về thành công của mình, uống ít rượu hơn và chừng mực hơn trong cách cư xử, các sự kiện đã có thể diễn ra theo cách khác. Chúng tôi nghe rằng ông cùng gia đình bay đến Uganda. Có tin họ đã ngồi thùng xe tải xuyên qua cây bụi trong suốt nhiều ngày, hoảng loạn và đói khát tại thành phố ven biên giới Kisoro.

Chí ít thì ông cũng được an toàn. Bằng chuyến đi khó nhọc ông đã đến được bờ biển. Những người muốn thấy ông suy sụp đã thất vọng. Nazruddin vẫn luôn ngẩng cao đầu, vẫn mặc bộ đồ đen và đeo đôi kính đen. Tấn thảm kịch đã không hề ảnh hưởng đến ông.

Thường khi thì Nazruddin đến thăm, người ta nỗ lực hết sức để đón tiếp ông chu đáo. Phòng khách được lau cẩn thận, và những chiếc bình bằng đồng với những hình vẽ các cuộc săn được lau chùi. Nhưng lần này, vì người ta tin ông đang gặp rắc rối, và do đó ông tầm thường giống chúng tôi, nên không ai cố gắng hết cả. Phòng khách vẫn ở trong tình trạng lộn xộn bình thường và chúng tôi ngồi trên hiên nhà đối diện với cái sân.

Mẹ tôi mang trà ra, rồi rót theo cách không như thường lệ, như tính hiếu khách quy định vậy, mà xử sự như bà đang hành lễ trọng. Khi bà đặt khay nước xuống dường như bà tan vỡ thành những giọt nước mắt. Những người anh rể của tôi lượn vòng quanh với những khuôn mặt lo lắng. Nhưng Nazruddin – dù vừa trải qua chuyến đi dài dặc sau xe tải – không kể gì về thảm họa, mà chỉ có chuyện về những may mắn và thành công nối tiếp nhau. Ông đã nhìn thấy rắc rối đến; ông đã tiên đoán được nó trước hăm mấy tháng.

Nazruddin nói "Không phải người châu Phi làm tôi điên tiết. Không phải người châu Âu, cũng không phải những người khác. Ngay trước khi có bạo loạn mọi người sẽ trở nên điên rồ. Chúng ta ở vào thời kỳ bùng nổ kinh tế rất mạnh mẽ. Mọi người chỉ luôn nói đến tiền thôi. Một mẫu cây bụi không đáng giá gì ngày hôm nay sẽ được bán vào ngày mai với giá một triệu quan. Chẳng khác gì trò ảo thuật, nhưng là tiền thật đấy nhé. Chính tôi cũng tin vào điều đó, và suýt nữa thì sa bẫy.

"Một buổi sáng Chủ nhật nọ tôi đến chỗ đã mua với giá hơi đắt. Thời tiết xấu. Nóng và oi nồng. Bầu trời tối đen nhưng không có mưa; nó chỉ như thế thôi. Ánh sáng thì ở xa lắm – đã mưa ở đâu đó trong rừng. Tôi nghĩ, không hay rồi. Chỉ có cây bụi thôi. Luôn luôn là cây bụi. Tôi khó có thể chờ đến sáng thứ Hai sau đó. Tôi bèn bán mọi thứ đi. Bán với giá rẻ mạt, nhưng tôi đòi được trả bằng tiền châu Âu. Tôi bèn gửi gia đình đi Uganda.

"Các bạn có biết Uganda không? Một đất nước rất đáng yêu. Tuyệt lắm, nó ở độ cao tới 4000 feet, và người ta nói nó chẳng khác gì Scotland

với những quả đồi. Ở đó người Anh xây dựng chế độ hành chính khá khăm nhất mà bạn có thể đòi hỏi. Rất đơn giản nhưng hiệu quả rất cao. Những con đường đẹp tuyệt vời. Và những người Bantu ở đó da rất trắng".

Đó là Nazruddin. Chúng tôi từng nghĩ ông gục ngã. Thay vì đó, ông đã cố làm chúng tôi phấn khích lên với sự nhiệt thành của mình với đất nước mới, và đòi chúng tôi lại phải công nhận vận may của ông một lần nữa. Quả thật ông luôn tự chủ được. Dù không bao giờ nói điều gì rõ ràng, ông vẫn nghĩ chúng tôi sống ở bờ biển thế này thật đáng sợ, và hôm đó ông bèn chào hàng tôi.

Ông vẫn còn lợi tức ở đất nước cũ của mình – một cửa hiệu, qua nhệ với một vài hăng. Ông nghĩ sẽ là thận trọng nếu vẫn giữ lại cửa hiệu trong khi chuyển tài sản của mình ra khỏi đất nước, để tránh mọi người biết quá nhiều về việc của ông. Và giờ đây ông đề nghị bán cửa hiệu và những mối đó lại cho tôi.

"Bây giờ thì nó không còn đáng giá mấy đâu. Nhưng rồi sẽ lại ổn. Thực ra bác có thể tặng không cho cháu. Nhưng điều này có thể chẳng hay ho gì cho cả cháu và bác. Cháu phải luôn biết khi nào cần chi tiền. Một thương gia không phải một nhà toán học. Hãy nhớ điều đó. Đừng bao giờ bị hoa mắt bởi sự đẹp đẽ của những con số. Một thương gia là người mua giá 10 và hạnh phúc bán được ở giá 12. Loại người kia mua 10, thấy nó tăng lên 18 nhưng vẫn không làm gì cả, hấn ta chờ lên đến 20. Vẻ đẹp của những con số. Khi nó tụt trở về 10 hấn ta vẫn đợi để nó lên lại 18. Nào, thì nó sẽ quay về. Nhưng thế là lãng phí mất một phần tư cuộc đời rồi. Và tất cả những gì hấn ta có về tiền là một sự phấn khích toán học". Tôi nói "Cửa hiệu đó, giả định mua giá 10, bác sẽ bán cho cháu bao nhiêu?" "2. Trong ba hay bốn năm nữa nó sẽ lên được 6. Ở châu Phi công việc kinh doanh không bao giờ chết; không bao giờ bị cắt đứt lưng chừng. Nhưng sẽ là lãng phí thời gian nếu bác chờ nó lên được 6. Với bác vài vốc ở Uganda hay hơn.

Nhưng với cháu điều này là tốt đấy. Điều cháu phải luôn biết là khi nào cần rút lui".

Nazruddin đã thấy lòng tin ở đường chỉ tay của tay tôi. Nhưng ông đã đọc sai tôi. Bởi vì khi tôi chấp nhận lời chào hàng của ông, tôi đang trên đường mất lòng tin ở ông. Tôi đã chấp nhận lời chào hàng này vì tôi muốn đi xa. Để tách khỏi gia đình và cộng đồng của mình, điều này cũng đồng nghĩa với tách khỏi lời cam kết bất thành văn với Nazruddin và con gái của ông.

Ông có một cô con gái đáng yêu. Mỗi năm một lần, cô đến bờ biển để ở vài tuần với người chị của bố cô. Cô được giáo dục tốt hơn tôi; có lẽ đồn cô sẽ đi học kế toán hoặc luật. Cô có thể trở thành một cô gái rất tốt để lấy làm vợ, nhưng tôi ngưỡng mộ cô như tôi có thể ngưỡng mộ một cô gái của chính gia đình mình. Không gì dễ hơn là cưới con gái của Nazruddin. Với tôi, không gì có thể tồi tệ hơn thế. Và cũng chính vì sự tồi tệ này cũng như mọi điều khác mà tôi muốn ra đi, khi tôi rời bờ biển trên chiếc xe Peugeot.

Tôi mất lòng tin vào Nazruddin. Đúng, ông – một người say mê cuộc đời, một người nhìn xa trông rộng nhiều kinh nghiệm – đã từng là hình mẫu của tôi, và tôi cũng đang lái xe để đến thị trấn của ông. Mọi điều tôi biết về thị trấn ở khúc quanh dòng sông đều có được từ những câu chuyện của Nazruddin. Nhưng điều thật lố bịch có thể xảy đến với chúng ta vào lúc nào đó, và đến cuối chuyến đi khó nhọc này cái thường trực nằm trong đầu óc tôi là điều Nazruddin từng nói về những quán ăn của thị trấn, về thức ăn và tới châu Âu. "Rượu Saccone và rượu Speed", ông nói. Đó là quan sát của một lái buôn. Ông muốn nói ngay cả ở đó, trung tâm châu Phi, rượu cũng được mang đến từ các thương gia trên bờ biển phía Đông của chúng tôi chứ không phải từ bờ bên kia.

Tôi chưa từng bao giờ ăn tại một quán ăn Âu thật sự hay được ném rượu vang – chúng tôi bị cấm – một cách thích thú; và tôi biết rằng cuộc sống Nazruddin miêu tả đã chấm dứt. Nhưng tôi đã lái xe qua cả châu Phi

để đến thị trấn của Nazruddin như thể ở dưới cuộc sống đó sẽ được tái tạo cho riêng mình.

Khi đến nơi tôi thấy rằng thị trấn mà Nazruddin từng thuê dật bao nhiêu câu chuyện đã bị phá huỷ, đã quay trở lại thành cây bụi mà ông từng thấy khi quyết định bán đi. Mặc chính bản thân mình, mặc tất cả những gì được nói về các sự kiện mới xảy ra, tôi vẫn bị sốc, cảm thấy bị lừa. Đường như sự ngờ vực trong tôi sống dậy.

Rượu vang! Kiếm được thứ lương thực đơn giản nhất cũng đã khó khăn lắm rồi; nếu muốn có rau bạn phải lôi chúng ra từ một cái lon rất cũ – và đắt tiền – hoặc bạn tự trồng lấy mà ăn. Người châu Phi đã rời bỏ thị trấn và trở về làng mình có khăm khá hơn; ít nhất thì họ cũng đã trở về với cuộc sống truyền thống của mình và dù ít dù nhiều cũng tự làm lấy mà ăn. Nhưng với chúng tôi, những người còn ở lại thị trấn, những người cần cửa hiệu và các loại dịch vụ - một nhóm người Bỉ, một số người Hy Lạp và Italia, một nhóm người Ấn độ - đó là tất cả, một kiểu tồn tại của Robinson Cursoe. Chúng tôi có xe và chúng tôi sống trong những ngôi nhà sạch sẽ - tôi đã mua một căn hộ ở phía trên nhà kho bỏ hoang gần như không có gì cả. Những cửa hiệu trống rỗng; nước là cả một vấn đề; điện thì chập chờn; và dầu hoả thì thường xuyên thiếu thốn.

Vài tuần một lần chúng tôi lại thiếu dầu hoả. Hai thuyền chở dầu trống rỗng bị những người dưới hạ lưu dòng sông chiêm lấy, kéo tuột vào một con rạch bí mật và biến thành chỗ ở. Người dân ở đây thích cọ nhẵn như chùi căn nhà mình để tránh rắn; và những tấm đáy bằng thép của các con thuyền cung cấp một mặt phẳng sống lý tưởng.

Một trong những buổi sáng thiếu dầu hoả đó tôi đã đun nước của mình trên một cái lò than bằng gang làm ở Anh – được trữ tại cửa hiệu của tôi để bán cho những người châu Phi ở làng. Tôi mang chiếc lò ra tầng đệm của cầu thang lộ thiên đằng sau nhà, ngồi chồm hổm quạt . Xung quanh tôi mọi người đều làm thế; khói tuôn mù mịt.

Và đây những đồng đồ nát. Misericordie probat populos et foedera jungi. Những từ La tinh đó, mà tôi không biết nghĩa, là tất cả những gì còn lại của một toà nhà bên ngoài cầu tàu. Tôi thuộc lòng những từ đó; tôi đọc chúng theo cách đọc của riêng mình, chúng chạy qua đầu tôi như một chuỗi từ vô nghĩa. Chúng được khắc trên một mảnh đá granite, phần còn lại của phiến đá giờ đã nhẵn lỳ. Bức tượng đồng bên dưới những chữ đó đã bị bóc đi; những mảnh đồng nhỏ lờm chờm còn lại trên mặt đá cho thấy người thợ khắc đã dán lá chuối hoặc cành cọ lên trên cùng để tạo khuôn cho tác phẩm của mình. Tôi biết rằng toà nhà này được xây dựng cách đây ít năm; khoảng cuối thời thực dân, để kỷ niệm 60 năm tàu thủy hơi nước được đưa vào sử dụng ở thủ đô.

Vậy là ngay sau khi vừa được dựng lên – rõ ràng là với những bài diễn văn tiên đoán 60 năm phục vụ tương lai – toà công trình về tàu thủy cũng gục luôn. Cùng với tất cả các loại tượng và công trình thực dân khác. Bệ cột xiêu vẹo, rào chắn bảo vệ nham nhở, đèn báo mực nước nát tương và bị vứt lỏng chỏng. Đồng đồ nát đúng là đồng đồ nát, không hề có ý định nào vực chúng dậy. Tên của tất cả các phố chính đều bị đổi. Những tấm bảng cứng đờ lấy những cái tên mới, được viết rất cầu thả. Không ai sử dụng tên mới, vì chẳng ai quan tâm lắm đến chúng. Mong muốn chỉ là thoát khỏi cái cũ, là quét sạch được ký ức về kẻ xâm lược. N' giảm nhẹ chiều sâu của sự tức giận Phi châu, ước muốn tàn phá, không thèm biết đến hậu quả sẽ ra sao.

Nhưng cái đáng rầu lòng hơn cả là khu ngoại ô đồ nát gần ghềnh nước. Từng một thời là khu nhà có giá trị, giờ đây đã bị cây bụi che phủ, là cái sân chung, theo phong tục của người châu Phi. Những ngôi nhà lần lượt bị đốt cháy. Chúng bị lột mất những gì mà người địa phương thực sự cần, ở mặt trước hoặc mặt sau nhà, những mảnh tôn, những đoạn ống nước, chậu tắm, bồn rửa bát và thau rửa mặt (những cái chậu không rò, rất thuận tiện để rửa sẵn). Các bãi cỏ và khu vườn đã trở lại thành cây bụi; đường phố đã biến mất, cành nho và các loại dây leo đã bò lên trên những bức tường

nham nhở trắng bột bằng bê tông hoặc đất sét rỗng ruột. Đầu đó trong đám cây bụi vẫn có thể nhìn thấy những mảnh bê tông của cái từng là nhà hàng (rượu Saccon và Speed) và hộp đêm. Một hộp đêm tên là "Napoli", giờ đã thành ra một cái tên vô nghĩa, được vẽ lên trên một bức tường bê tông, gần như đã bong cả.

Mặt trời, mưa gió và cây bụi đã làm cho khung cảnh nơi này trông thật cổ lỗ, giống như của một nền văn minh đã chết. Đồng đồ nát, trải rộng hàng acre, dường như đang nói về thảm họa cuối cùng. Nhưng nền văn minh không chết. Tôi tồn tại trong đó và rõ ràng là đang tiến lên trong nó. Và điều này có thể tạo ra một cảm giác là lạ; ở giữa đồng đồ nát thời gian của bạn trở nên vô định. Bạn cảm thấy như mình là một con ma, đến từ tương lai chứ không phải từ quá khứ. Bạn cảm thấy cuộc đời bạn và tham vọng của bạn đã sống ở bên ngoài bạn và bạn đang nhìn vào những phế tích của cuộc đời đó. Bạn đang ở tại một nơi mà tương lai đã đến và cũng đã đi.

Với những đồng đồ nát và mất mát, thị trấn của Nazruddin đã trở thành một thị trấn ma. Và với tôi, một người mới đến, ở đây chẳng có gì giống với một cuộc sống xã hội con người. Những người trở về không được chào đón. Họ đã bị cắt đứt khỏi mối dây liên hệ; họ không biết các sự việc đã diễn ra như thế nào, và họ rất bức dọc. Người Bỉ, nhất là những người còn trẻ, đầy tức tối và cảm thấy bất công. Người Hy Lạp, những người thuộc các gia đình danh giá, nóng nảy và điên tiết về những người khác, cố gìn giữ gia đình và những người bạn thân cận của mình. Tôi đã đến thăm ba ngôi nhà, thăm họ vào những ngày trong tuần, đúng giờ ăn trưa, bữa giờ đây đã là bữa chính của tôi. Đó đều là những ngôi nhà của người châu Á hay người Ấn độ.

Có một cặp vợ chồng đến từ Ấn độ. Họ sống trong một căn hộ nhỏ đầy mùi a nguyễn và trang trí bằng những bông hoa giấy và nhiều bức vẽ tôn giáo màu sắc sặc sỡ. Người chồng là một chuyên gia Liên Hiệp Quốc vì lý do nào đó không muốn quay về Ấn độ, ông ở lại đây làm những công việc

vợ vẫn sau khi hợp đồng đã hết hạn. Họ là một cặp vợ chồng hiếu khách và cố gắng (tôi cảm thấy vì những lý do tôn giáo) bày tỏ sự hiếu khách với những người nước ngoài sợ hãi hoặc mắc kẹt. Họ làm hỏng tính hiếu khách của chính mình vì tỏ ra quá hiếu khách. Tôi thấy đồ ăn của họ quá lỏng và quá nhiều hạt tiêu, và tôi không thích cách ăn của người chồng. Ông cúi gập đầu xuống món ăn, mũi cách đĩa thức ăn một hoặc hai inch và tạo ra tiếng ồn rất lớn khi ăn, chẹp chẹp môi vào nhau. Trong khi ông ăn, vợ ông quạt cho ông, mắt vẫn không rời khỏi đĩa của ông, quạt bằng tay phải, tựa cằm lên lòng bàn tay trái. Nhưng tôi vẫn đến đó một tuần hai lần, vì lý do không có chỗ nào khác để đi hơn là vì đồ ăn.

Một chỗ khác mà tôi đến là một ngôi nhà thô kệch, giống như trại gia súc, thuộc về một cặp vợ chồng già cả người Ấn độ, cả gia đình họ đã bỏ đi trong những cuộc biến loạn. Cái sân rộng và bẩn thỉu, đầy những xe hơi và xe tải bị bỏ lại, tàn tích của công việc kinh doanh chuyên chở trong những ngày còn chế độ thực dân. Cặp vợ chồng già dường như không biết mình đang ở đâu. Cây bụi châu Phi bên ngoài khu vườn họ, nhưng họ không nói tiếng Pháp lẫn tiếng châu Phi, và theo cách họ cư xử, bạn có thể nghĩ dòng sông ngay phía dưới con đường chính là sông Hằng, với những ngôi đền và các giáo sĩ linh thiêng cùng những bậc thềm dẫn xuống chỗ tắm chung. Nhưng thật dễ chịu khi ở chỗ họ. Họ không trông chờ trò chuyện, và thật là sung sướng nếu bạn không thể phải nói gì hết, nếu bạn chỉ ăn thôi rồi ra đi.

Tôi thấy thân thiết nhất với Shoba và Mahesh, và tôi nhanh chóng coi họ là bạn. Họ có một cửa hiệu ở chỗ trước hẳn phải là địa điểm buôn bán phát đạt lắm, đối diện với khách sạn Van der Weyden. Cũng giống tôi, họ là người nhập cư từ phía Đông và là những người trốn chạy khỏi cộng đồng của mình. Họ là một cặp vợ chồng đẹp đến kỳ lạ, thật khó tìm thấy những người chú ý tới ăn mặc và vẻ ngoài tại thị trấn của chúng tôi như họ. Nhưng đã quá lâu họ không tiếp xúc với bạn hữu và đã quên tò mò với những người đó. Cũng như những người sống tách biệt khác, họ tự thu mình lại và không quá quan tâm đến thế giới bên ngoài. Cặp vợ chồng đẹp đẽ này sống

những ngày thật căng thẳng. Shoba, người vợ, hảo huyền và nóng nảy, Mahesh, người đơn giản hơn, luôn ở trong trạng thái lo lắng cho vợ.

Đó là cuộc sống của tôi tại thị trấn của Nazruddin. Tôi từng muốn bỏ tất cả đi để bắt đầu lại. Nhưng trong mỗi thứ đều có những cấp độ khác nhau, và tôi cảm thấy gánh nặng của những ngày tháng vô nghĩa. Cuộc sống của tôi không hề bị gì ngăn trở, nhưng lại chật hẹp hơnbng hết, sự cô đơn của những buổi tối giống như một cơn đau. Tôi không nghĩ tôi có được nguồn sống. Điều may mắn là tôi đã mất ít thời, trừ thời gian; tôi vẫn luôn có thể đi – dù chưa hề biết sẽ đi đâu. Và rồi tôi thấy là mình không thể đi. Tôi phải ở lại.

Điều tôi lo sợ cho vùng bờ biển cuối cùng cũng xảy ra. Có một cuộc nổi dậy, và những người A rập – những người mang đặc tính châu Phi hệt như những người hầu của mình – cuối cùng đã bị hạ gục.

Thoạt tiên tôi nghe tin từ những người bạn Shoba và Mahesh, họ nghe được trên radio – tôi chưa hề có thói quen nghe đài BBC. Chúng tôi coi tin này là một bí mật, là cái gì đó cần không để người trong vùng biết; đó là lúc chúng tôi thấy sung sướng vì trong vùng không có tờ báo nào.

Rồi báo từ châu Âu và Mỹ đến tay nhiều người trong thị trấn và được truyền tay nhau, và tôi thấy thật kỳ lạ, sao mà một số tờ vẫn tìm ra được những lời hay ho nói về cảnh nổi da nẫu thịt ở bờ biển. Nhưng người ta vẫn có thái độ như thế về những vùng họ chẳng mấy quan tâm và không phải sống tại đó. Một số tờ báo nói đến kết cục của chủ nghĩa phong kiến và bình minh một thời đại mới. Nhưng điều xảy ra không phải là mới. Những người yếu ớt đã bị tiêu diệt. Rằng, ở châu Phi, điều này không có gì là mới mẻ, đó là thứ luật cổ xưa nhất của châu lục.

Cuối cùng thư từ từ bờ biển cũng đến – đến cả một đợt – từ người nhà. Chúng được viết rất kín đáo, nhưng thông điệp thì rõ ràng. Không có chỗ cho chúng tôi tại bờ biển nữa, cuộc sống của chúng tôi tại đó đã chấm dứt.

Gia đình phân tán. Chỉ những người già mới có thể ở lại khu đất của gia đình – và cuối cùng là tại đó cuộc sống đã trở lại bình lặng hơn. Những người hầu của gia đình, cuối cùng trở thành gánh nặng, không chịu bỏ đi, nấn ná mãi cái tình trạng nô lệ của mình ngay cả vào thời của cuộc cách mạng, đã trở thành bộ phận cấu thành của gia đình. Và một chi tiết trong những lá thư đó có liên quan đến tôi.

Tôi không được chọn ai mà tôi muốn; có vẻ như là tôi đã bị một ai đó chọn. Một trong số các cậu bé hoặc chàng trai trẻ nào đó trong số các gia nhân muốn đi càng xa bờ biển càng tốt, và đã cả quyết đòi được gửi "đến sống với Salim". Cậu bé nói đã luôn có "một tình cảm đặc biệt đối với Salim", và đã làm loạn đến mức mọi người đành phải gửi nó đến cho tôi. Tôi có thể hình dung ra vở kịch. Tôi có thể hình dung ra sự kêu gào, sự vật vã và lỏng lẻo. Đó là cách cư xử của gia nhân trong nhà chúng tôi, có lẽ họ còn tệ hơn cả lũ trẻ con. Cha tôi, không biết những người khác viết thư thế nào, đã viết trong thư của mình rằng ông và mẹ tôi đã quyết định gửi ai đó tới để chăm sóc tôi – điều này dĩ nhiên có nghĩa là ông gửi cho tôi một đứa nhóc để tôi nuôi nấng và cho ăn.

Tôi không thể từ chối, thằng bé đang trên đường đi tới đây. Chi tiết thằng bé đó có "một tình cảm đặc biệt" với tôi quả là một tin tức hay ho. Một lý do tốt hơn cho sự chọn lựa của nó là tôi chỉ hơn nó có ba, bốn tuổi, chưa vợ, và là người thích hợp hơn cả để giúp nó thực hiện những cuộc lang bạt của mình. Nó luôn là một người lang thang. Chúng tôi đã gửi nó đến trường đạo Hồi khi nó còn bé, nhưng nó luôn chạy trốn đi đâu đó, dù bị mẹ đánh không biết bao nhiêu lần. (Và cái cảnh nó kêu gào còn mẹ nó gào thét trong sân – cả hai đều cố tình trầm trọng hoá vở kịch, cố thu hút được sự chú ý của những người khác trong nhà càng nhiều càng tốt!) Không ai có thể nghĩ nó là một gia nhân. Luôn có giường ngủ và phòng riêng, nó chẳng khác gì người thị trấn, luôn thân thiện, không đáng tin và đầy bạn bè, luôn sẵn sàng giúp đỡ mọi người và không bao giờ làm đến một phần tư những gì đã hứa.

Một buổi tối nó tới trên khoang xe một chiếc xe tải của Daulat, không lâu sau khi tôi nhận được thư nói nó đã được gửi đi. Và trái tim tôi rên lên vì nó, nó trông thật nhàu nhĩ, mệt mỏi và sợ hãi. Nó vẫn sốt sau cú sốc những sự kiện ở bờ biển, và nó không hề thích chuyển đi xuyên qua châu Phi một tí nào.

Nửa quãng đường đầu nó vượt qua bằng xe lửa, bò với vận tốc trung bình mười dặm một giờ. Rồi nó chuyển sang đi xe buýt và cuối cùng bằng xe tải của Daulat; mặc dù những cuộc chiến tranh, đường xấu và xe cộ cũ nát, Daulat, một người trong cộng đồng c tôi, vẫn tiếp tục công việc chở xe tải thuê qua lại giữa thị trấn của chúng tôi và biên giới phía Đông. Những người lái xe của Daulat giúp thẳng bé qua được rất nhiều quan chức . Nhưng thẳng bé có dòng máu pha trộn, vẫn còn khá là châu Phi nên thật khó khăn để qua được các bộ lạc nội địa để đi từ bờ biển đến thị trấn. Nó không tự cho phép mình ăn đồ ăn của họ, và thế là nó không ăn gì trong suốt nhiều ngày. Dù không biết, nhưng nó đã thực hiện chuyến đi ngược với chuyến đi mà tổ tiên của nó từng thực hiện trước đó một thế kỷ hoặc hơn.

Nó lao vào vòng tay tôi, biến cái ôm hôn của người đạo Hồi thành cái ghì nén của một đứa trẻ. Tôi vỗ vỗ vào lưng nó, và nó chỉ chờ cử chỉ đó để gào tướng lên. Và ngay giữa những tiếng hò hét và la lối đó, nó bắt đầu kể cho tôi về những vụ bắn giết nó tận mắt chứng kiến tại khu chợ gần nhà.

Tôi không quan tâm đến tất cả những gì nó kể. Tôi lo lắng về những người quen biết, và cố bắt nó giảm la hét, cố làm cho nó hiểu là cái cách biểu hiện của kiểu cư xử nô lệ đó (mà nó phần nào có trong máu) còn có thể chấp nhận được ở khu bờ biển, nhưng người ở đây thì không hiểu nổi đâu. Nó tiếp tục được một chút nữa, về sự tàn ác của Mufar, người châu Phi, làm như căn hộ của tôi là khu nhà của gia đình và có thể hét lên bất cứ gì nó muốn về những người ở bên ngoài. Và cùng lúc đó người lái xe châu Phi của Daulat thân thiện mang lên cho chiếc vali cùng các thứ đồ đạc khác

– không nhiều nhận lắm, nhưng được gói ghém thành nhiều gói nhỏ; một ít dây thừng, một cái giỏ mây đựng quần áo, vài cái hộp các tông.

Tôi tặng lờ thẳng bé lắm điều – để ý đến nó đồng nghĩa với khuyến khích nó tiếp tục – và tôi thoả thuận với người lái xe, đi ra phố với anh ta để trả tiền. Tiếng ồn ã trong căn hộ tầng trên đã giảm, đúng như tôi dự tính, sự cô độc và lạ lẫm của căn hộ có hiệu ứng của mình; và khi quay trở lại tôi từ chối nghe thêm bất kỳ lời nào của thẳng bé cho đến khi nó được ăn.

Nó trở nên trật tự và đúng mực, và trong khi tôi chuẩn bị đậu rán và pho mát trét trên bánh mì nướng, thì nó lấy từ đồng giỏ và hộp của mình ra những thứ gia đình gửi cho tôi. Gừng, nước sốt và gia vị từ mẹ tôi. Hai bức ảnh gia đình từ cha tôi, và một bức tranh tường trên giấy rẻ tiền về một địa điểm linh thiêng ở Gujarat, nhưng được trình bày theo lối hiện đại: người nghệ sĩ đã vẽ thêm xe hơi, xe máy và xe đạp và thậm chí cả đám người lộn xộn vào những đường phố xung quanh. Đó là cách cha tôi muốn nói, hiện đại như tôi thì cũng phải quay lại với lòng tin thôi.

"Lúc đó cháu đang ở chợ, Salim ạ" thẳng bé nói sau khi đã ăn. "Thoạt tiên cháu nghĩ có chuyện cãi cọ gì đó quanh sạp hàng của Mian. Cháu không thể tin vào điều đã trông thấy. Họ đối xử với nhau cứ như thể dao găm thì không chém đứt da, còn nó nhì không cấu tạo bằng da thịt vậy. Cháu không thể tin được vào điều đó. Cuối cùng thì như là một đàn chó lao vào phản thịt. Cháu nhìn thấy tay với cả chân máu me đầm đìa nằm vung vãi khắp nơi. Đúng là như thế đấy. Chúng vẫn còn ở đấy vào ngày hôm sau, tay với chân ấy".

Tôi cố ngăn nó lại. Tôi không muốn nghe thêm nữa. Nhưng thật không dễ chút nào. Nó lại tiếp tục về tay chân bị cắt bỏ, tay chân của những người mà chúng tôi biết từ khi còn nhỏ. Những gì nó trông thấy thật là kinh khủng. Nhưng tôi cũng bắt đầu cảm thấy nó cố tự buộc mình phải khóc nhiều hơn một chút khi mà nó đã thôi muốn khóc. Tôi cảm thấy điều này

làm nó đôi lúc quên mất gì đó, và nghĩ đến những việc khác. Dường như nó liên tục muốn tự đe dọa mình, điều này làm tôi cáu tiết.

Vài ngày sau, nó bắt đầu vui vẻ trở lại. Và những sự kiện bờ biển không bao giờ được nhắc lại nữa. Nó ổn định nhanh hơn tôi dự kiến. Tôi từng nghĩ nó sẽ âu sầu và tách biệt; tôi đã nghĩ, đặc biệt sau chuyến đi không lấy gì làm sung sướng của nó, rằng nó sẽ ghét thị trấn lạc hậu của chúng tôi. Nhưng nó lại thích thị trấn; và thích nó vì chính bản thân nó được mọi người ưa, theo cách trước kia nó chưa từng biết đến.

Về mặt thể chất mà nói, nó khá là khác với người ở đây. Nó cao hơn, cơ bắp hơn, to lớn hơn và khoẻ khoắn hơn trong các cử động. Nó được mọi người ngưỡng mộ. Những người đàn bà ở đây, với cách sống tự do quen thuộc của mình, không hề che giấu muốn tìm ở nó lạc thú – gọi nó trên đường phố, dừng lại, nhìn nó chăm chăm với những cặp mắt khích động, cười mỉm (và thoáng bối rối) dường như muốn nói "Hãy xem đó là một trò đùa, một chuyện cười. Hoặc hãy coi nó là nghiêm túc", Cách nhìn của tôi về nó cũng thay đổi. Nó không còn là một thằng bé trong số những người nô lệ. Tôi thấy cái mà những người ở đây thấy, trong mắt tôi nó trở nên đẹp đẽ và đặc biệt hơn. Với người địa phương nó không hoàn toàn là một người châu Phi và không gợi lên sự đối nghịch mang tính bộ lạc nào, nó xa lạ với những mối quan hệ châu Phi mà người ta muốn có. Nó toả sáng. Nó học tiếng địa phương rất nhanh, và thậm chí đã có cả một cái tên mới.

Ở nhà chúng tôi gọi nó là Ali, hoặc – khi chúng tôi muốn gọi về bản chất hoang dã đặc biệt và không thể tin cậy của Ali – Ali-wa ("Ali! Ali! Nhưng Ali-w ở đâu?") Giờ thì nó vứt toẹt cái tên của nó đi. Nó thích được gọi oà Metty hơn, đó là tên người ở đây gọi nó. Trước đây không lâu tôi đã hiểu đó không hoàn toàn là một cái tên, mà chỉ là từ tiếng Pháp, métis, con lai. Nhưng tôi không dùng tên ấy theo nghĩa đó khi gọi nó. Với tôi đó chỉ là một cái tên: Metty.

Tại đây, cũng như ở bờ biển, Metty là một kẻ ưa lang thang. Nó có phòng ngủ ngay cạnh bếp, đó là cánh cửa đầu tiên bên tay phải khi b.an đi vào từ tầng đệm của cầu thang lộ thiên. Tôi thường nghe tiếng nó đi về rất muộn ban đêm. Nó đến với tôi chính là vì cái tự do này đây. Nhưng Metty tận hưởng cái tự do đó, là một người khác hẳn đứa bé đến đây trong sự gào thét và la hoảng, với những cung cách của người nô lệ. Nó đã nhanh chóng rũ bỏ được những cung cách đó; nó đã có một ý tưởng mới về giá trị của mình. Nó trở nên hữu dụng hơn trong cửa hiệu, và tại căn hộ, những thói quen lang thang của nó – mà tôi rất sợ, khiến sự có mặt của nó trở nên rõ ràng. Nhưng nó vẫn luôn ở đó, và tại thị trấn nó giống như một người của tôi. Nó làm giảm bớt đi sự cô đơn và làm cho những tháng ngày trống rỗng dễ chịu hơn – những tháng chờ đợi công việc làm ăn khởi động trở lại. Và, thật chậm chạp, công việc làm ăn cũng bắt đầu trở lại.

Chúng tôi có thói quen uống cà phê buổi sáng tại căn hộ, rồi đến cửa hiệu, ăn trưa riêng, cửa hiệu, những buổi tối riêng tư. Đôi khi người làm công và ông chủ gặp nhau, bình đẳng với những nhu cầu giống nhau, trong những quán bar nhỏ bé tối đen đã bắt đầu xuất hiện ở thị trấn của chúng tôi, những dấu hiệu của một cuộc sống đang thức dậy trở lại; những ngôi nhà bé xíu với mái nhà bằng thép uốn, không trần, những bức tường bê tông sơn màu xanh da trời hoặc xanh lá cây thật đậm, những sàn nhà bằng bê tông màu đỏ.

Một tối tại một trong những nơi như thế này Metty đã đặt dấu ấn lên mối quan hệ mới của chúng tôi. Khi đi vào tôi nhìn thấy nó đang nhảy một cách cuồng loạn – người uốn éo, mông ngoáy lia lịa, trông thật tuyệt. Nó dừng lại ngay khi trông thấy tôi – bản năng gia nhân của nó. Rồi nó cúi gập người và làm một cử chỉ chào đón tôi như thể nó là chủ ở chốn này. Nó nói, bằng thứ giọng Pháp học được, "Tôi không được phép làm gì bậy bạ trước mặt patron (ông chủ) của tôi". Và nó thôi không nhảy nữa.

Rồi nó học cách tự thể hiện. Nhưng không hề có gì vướng mắc giữa chúng tôi. Nó càng ngày càng trở thành một cửa báu. Nó trở thành người quản lý khách hàng cho tôi . Nó luôn tốt tính với khách hàng và kiếm về cho cửa hiệu của tôi nhiều nguồn lợi. Vì là một người lạ, một người được thuê làm, nó là người duy nhất trong thị trấn dám trêu chọc Zabeth, marchande đồng thời là phù thủy.

Đó chính là những gì diễn ra giữa chúng tôi, khi thị trấn đang dần trở lại cuộc sống, khi những chuyến tàu thủy lại bắt đầu chạy đến từ thủ đô, mỗi tuần một lần, rồi một tuần hai chuyến, khi người ta bắt đầu từ những ngôi làng trở về các cité của thị trấn, khi công việc thương mại phát triển dần, cả việc buôn bán của tôi, đã từ lâu đứng ở một con số không, lên dần (theo đúng đơn vị đo lường 10 của Nazruddin), lên được số 2, và thậm chí còn cho tôi triển vọng về số 4.

KHÚC QUANH CỦA DÒNG SÔNG

V. S. Naipaul

www.dtv-ebook.com

Dịch Giả: Cao Việt Dũng

Chương 3:

Zabeth, vì là thầy bói hoặc phù thủy, luôn giữ khoảng cách với đàn ông. Nhưng không hẳn lúc nào cũng như thế, Zabeth không phải luôn là thầy bói. Cô có một đứa con trai. Thỉnh thoảng cô nói với tôi về nó, như thể nói về một phần cuộc đời cô đã để lại phía sau lưng. Cô nói về nó xa xôi đến nỗi tôi tưởng là nó đã chết. Thế rồi một hôm cô dẫn nó tới cửa hiệu.

Nó khoảng chừng mười lăm mười sáu tuổi, đã khá to lớn, cao và nặng hơn đàn ông ở vùng chúng tôi, những người có chiều cao trung bình khoảng năm feet. Da nó đen hoàn toàn, không có chút gì nước da màu đồng của mẹ nó, khuôn mặt nó dài và có đường nét rõ ràng hơn, và từ những gì Zabeth nói tôi đoán rằng cha đứa trẻ là người của một bộ tộc phương Nam.

Cha thằng bé là một thương gia. Là thương gia, ông ta đi khắp đất nước trong khoảng thời gian hoà bình diệu kỳ, hồi còn thực dân, khi mà người ta có thể, nếu muốn, không phải quan tâm nhiều lắm đến rang giới giữa các bộ lạc. Thế là trong những chuyến đi của mình, ông ta đã gặp Zabeth; chính nhờ ông ta mà Zabeth có được những kỹ năng buôn bán. Thời độc lập, ranh giới giữa các bộ lạc lại một lần nữa trở nên rất quan trọng, và việc đi lại không còn an toàn như trước nữa. Người đàn ông phương Nam đã quay trở về bộ lạc của mình, mang theo đứa con trai do Zabeth sinh ra. Một người cha luôn có thể đòi được đứa con, những câu thành ngữ dân gian phổ biến ở châu Phi đều nói thế. Và Ferdinand, tên thằng bé, đã sống xa mẹ mấy năm vừa qua. Nó đã đi học ở phương Nam,

tại một thành phố mở, và đã ở đó qua tất cả những cơn biến động xảy đến sau khi độc lập, đặc biệt là cuộc chiến tranh ly khai dài dặc.

Giờ đây vì một lý do nào đó – có thể là người cha đã chết, hoặc đã cưới vợ và muốn rũ bỏ khỏi Ferdinand, hoặc chỉ đơn giản là vì Zabeth muốn – Ferdinand đã được gửi trả lại cho mẹ nó. Nó là một người lạ trong vùng. Nhưng ở đây không ai có thể sống mà không thuộc về một bộ lạc nào đó, và Ferdinand, vẫn theo tục lệ bộ lạc, đã được nhận vào bộ lạc của mẹ nó.

Zabeth đã quyết định gửi Ferdinand tới trường trung học thị trấn chúng tôi. Ngôi trường đã được sửa sang và hoạt động trở lại. Đó là toà nhà bằng đá hai tầng vững chãi, hai sân xây theo phong cách thuộc địa, với những hàng hiên rộng ở tầng trên và tầng dưới. những người chiếm dụng ngôi nhà đã chiếm lấy tầng dưới, nấu ăn trên những viên đá tại hàng hiên và ném rác rưởi xuống sân và sàn nhà. Những thứ rác lạ lùng, không phải các lon, giấy và đồ hộp và những thứ chứa đồ khác mà bạn có thể tìm thấy trong thị trấn, mà là một thứ rác khác trang nhã hơn, vỏ sò, xương và tro, những thứ bao tải đã bị đốt cháy, khiến cho những đồng rác trông chẳng khác những ụ đất đã được sàng kỹ.

Dãy hàng rào và những mảnh vườn đã đổ nát. Nhưng hoa giấy đã mọc lên như rừng quăn quanh những cây cọ cao, trùm lên tường bao trường học, và bò lên những cái cột vuông của cổng chính để quăn hai vòng quanh cái bảng trang trí bằng kim loại, nơi có khắc những dòng chữ bằng kim loại, vẫn là tiêu chí của trường: *Semper Aliquid Novi*. Những người chiếm dụng ngôi nhà, rụt rè và dờ sống dờ chết, đã chuyển đi ngay khi được yêu cầu. Một vài cánh cửa, cửa sổ và ô chần sáng được thay, nền nhà được sửa, cả trường được sơn lại, rác rưởi trên sàn được quét sạch đi, sàn được láng toàn bộ, và trong ngôi nhà mà tôi từng nghĩ là đã thành một đồng đổ nát lại bắt đầu xuất hiện những khuôn mặt trắng của các thầy giáo.

Ferdinand đến cửa hiệu với tư cách một học sinh trung học. Nó mặc đồng phục của trường, áo sơ mi trắng và quần soọc cũng màu trắng. Đó là một bộ trang phục đơn giản nhưng nổi bật; và – mặc dù cái quần soọc có vẻ gì đó phi lý với một thân hình cao lớn đến thế - bộ quần áo vẫn rất quan trọng vbcả Ferdinand lẫn Zabeth. Zabeth sống một cuộc sống thuần túy châu Phi, với cô chỉ châu Phi là hiện hữu. Nhưng với Ferdinand cô muốn khác đi. Tôi chẳng thấy có gì mâu thuẫn ở đây cả; tôi thấy thật tự nhiên khi ai đó giống như Zabeth, đã sống một cuộc sống khó nhọc đến thế, muốn con trai mình có được cái gì đó tốt đẹp hơn. Cuộc đời tốt đẹp hơn đó nằm bên ngoài những con đường vô tận của ngôi làng và dòng sông. Nó nằm ở sự giáo dục và sự đòi hỏi những kỹ năng mới; và với Zabeth, cũng như nhiều người châu Phi khác cùng thế hệ với cô, giáo dục là cái gì đó mà chỉ người nước ngoài mới có thể cung cấp được.

Ferdinand là học sinh nội trú của trường trung học. Zabeth mang nó tới cửa hiệu để giới thiệu nó với tôi. Cô muốn tôi để mắt đến thằng bé khi nó sống ở thị trấn xa lạ này và muốn tôi bảo vệ nó. Nếu Zabeth lựa chọn tôi cho việc đó, thì không phải là vì tôi là một đối tác kinh doanh mà cô đặt niềm tin. Đó còn là bởi vì tôi là một người nước ngoài và còn là người nói tiếng Anh, người mà Ferdinand có thể học được những thái độ và cách sống của thế giới bên ngoài. Tôi là ai đó mà Ferdinand có thể lấy làm gương để học tập.

Thằng bé cao lớn trầm tính và tỏ vẻ kính trọng. Nhưng tôi có cảm giác điều này chỉ kéo dài khi có mẹ nó ở đó. Có một sự chế giễu xa xôi và nhẹ nhàng trong mắt nó. Thằng bé có vẻ đùa giỡn người mẹ mà nó mới biết. Cô là một người đàn bà ở làng; còn nó, dù sao, đã sống ở thành phố mở miền Nam, nơi chắc hẳn nó đã thấy những người nước ngoài sành điệu hơn tôi. Tôi không cho rằng nó kính trọng cửa hiệu của tôi như mẹ nó. Cửa hiệu là một căn nhà bằng bê tông, với những thứ hàng hoá tầm tầm xếp đầy trên sàn (nhưng tôi biết mọi thứ ở đâu). Không ai có thể nghĩ đây là một nơi

hiện đại, và nó không được sơn màu sáng sủa như một số cửa hiệu của người Hy Lạp.

Tôi nói, vì lợi ích của Ferdinand cũng như của Zabeth, "Ferdinand là một cậu bé khá đấy, Beth ạ. Cậu ấy có thể tự chăm lo cho mình mà không cần đến tôi đâu."

"Không, không. Mis Salim. Ferdinand sẽ đến chỗ ông. Ông cứ đánh nó khi nào ông muốn".

Thật chẳng ra sao. Nhưng đó cũng chỉ là một cách nói. Tôi mỉm cười với Ferdinand và nó mỉm cười với tôi, kéo nhẹch khoé miệng ra. Nụ cười khiến tôi nhận ra cái miệng rất nhỏ và những nét thật gọn gàng. Trên khuôn mặt thẳng bé tôi cảm thấy mình có thể nhìn thấy nét gì đó của một số loại mặt nạ châu Phi, trên đó những đường nét được đơn giản hoá và nhấn mạnh, và, với ký ức về những mặt nạ đó, tôi nghĩ tôi đã nhìn thấy một sự khác biệt rất lạ trong những đường nét của nó. Tôi cứ có cảm giác đang nhìn Ferdinand với con mắt một người châu Phi, và đó là điều tôi luôn cảm thấy khi nhìn nó. Đó là hiệu ứng mà khuôn mặt nó gây lên trong tôi, mà tôi thấy, sau này, là một khuôn mặt với quyền lực lớn lao.

Tôi không sung sướng gì về yêu cầu của Zabeth, nhưng cần phải làm theo thôi. Và khi tôi chậm chậm lắc đầu sang hai bên, để cả hai biết rằng Ferdinand cứ coi tôi là bạn, Ferdinand bắt đầu cúi người xuống trong động tác quỳ gối. Nhưng một lúc thì nó thôi. Nó không thể hoàn thành động tác biểu lộ sự thành kính; nó giả vờ có cái gì đó đâm vào chân nó, và nó cào xước cái đầu gối mà nó quỳ lên. Ngược với chiếc quần sọc trắng, nước da của nó thật đen và khỏe khoắn, với một vẻ hồng hào nhẹ nhàng.

Quỳ xuống trên một đầu gối là một hành động tôn kính truyền thống. Đó là cách mà những đứa trẻ của vùng cây bụi biểu lộ sự kính trọng đối với một người lớn tuổi hơn. Nó giống như một phản xạ, được thực hiện mà không hề có lẽ nghi đặc biệt nào. Bên ngoài thị trấn bạn có thể những đứa

trẻ đột ngột bỏ việc đang làm, như thể khiếp sợ khi gặp một con rắn, quỳ gối trước mặt những người lớn lần đầu tiên chúng gặp, hơi cúi gằm đầu xuống, và rồi như thể chưa có gì xảy ra, chúng lại quay trở lại việc đang làm. Đó là một tập quán trải dài từ những vương quốc trong rừng ra đến phía Đông. Nhưng nó là một tập quán của vùng cây bụi. Nó không thể được đem vào thị trấn, và với một người như Ferdinand, đặc biệt sau khoảng thời gian nó ở thành phố mở miền Nam, cái cử chỉ trẻ con biểu lộ lòng tôn kính đó có vẻ như là quá lạc hậu và quy lụy.

Tôi đã bị khuấy động vì khuôn mặt của nó. Giờ thì tôi nghĩ sẽ còn có nhiều biến động ở đây nữa.

Trường trung học không xa cửa hiệu là bao, đi bộ rất đơn giản nếu mặt trời không thiêu đốt quá hoặc trời không mưa – mưa sẽ làm đường phố ngập lụt suốt. Ferdinand mỗi tuần đến cửa hiệu một lần để gặp tôi. Nó đến vào khoảng ba giờ rưỡi chiều thứ sáu, hoặc vào sáng thứ bảy. Nó luôn mặc màu trắng để chứng tỏ mình là học sinh trung học, và đôi khi, dù trời nóng, nó vẫn mặc áo đồng phục với dòng chữ *Semper Aliquid Novi* in trên túi áo ngực.

Chúng tôi chào nhau, và theo cách châu Phi chúng tôi có thể làm điều đó rất lâu. Thật khó để tiếp tục sau khi chúng tôi đã kết thúc màn chào hỏi đó. Nó không nói tin tức gì cả, nó để tôi phải hỏi. Và khi tôi hỏi – để mà hỏi – một số câu như "Hôm nay cháu làm gì ở trường?" hoặc "Cha Hoiishama có dạy lớp cháu không?" nó sẽ trả lời ngắn và chính xác khiến tôi phải nghĩ xem nên hỏi gì tiếp.

Trò chuyện với nó thật rắc rối khiến tôi không hề thích thú như trò chuyện với một người châu Phi khác. Tôi cảm thấy với nó tôi phải cố gắng một cách đặc biệt, và không biết mình có thể làm gì. Nó là một thằng bé đến từ những bụi cây, khi những ngày nghỉ đến nó quay về ngôi làng của mẹ nó. Nhưng ở trường trung học nó học được những thứ mà tôi hoàn toàn mù tịt. Tôi không thể nói chuyện với nó về bài tập ở trường, lợi thế thuộc

về nó. Và lại còn khuôn mặt của nó nữa chứ. Tôi nghĩ có rất nhiều thứ diễn ra đằng sau khuôn mặt đó mà tôi cũng mù tịt. Tôi cảm thấy ở đó có một sự vững chắc và tự sở hữu, và với tư cách một người bảo trợ và người dạy dỗ tôi bị nó nhìn qua đó.

Có thể, nếu không có gì bắt buộc, những cuộc gặp của chúng tôi sẽ phải chấm dứt. Nhưng tại cửa hiệu lại có một sự hấp dẫn, đó là Metty. Metty chơi tốt với tất cả mọi người. Nó không vấp phải vấn đề tôi có với Ferdinand, và chính vì Metty mà Ferdinand đến cửa hiệu, rồi sau đó là căn hộ. Sau cuộc trò chuyện khó nhọc bằng tiếng Anh và tiếng Pháp với tôi, Ferdinand có thể, cùng với Metty, đi thăm dò các nơi xung quanh. Khi đó nó sẽ có một tính cách khác, nói liên lấu với cái giọng cao vống, tiếng cười lúc nào cũng vang lên như là một phần những gì nó nói. Và Metty có thể đi cùng nó, Metty đã hấp thụ nhiều những trọng âm của tiếng nói địa phương, và những cung cách để nói thứ tiếng đó.

Theo quan điểm của Ferdinand thì Metty là người dẫn đường trong thị trấn tốt hơn tôi. Và với hai thằng bé dính chặt vào nhau đó những thú vui của thị trấn là những cái mà bạn có thể đoán ra – bia, quán bar, đàn bà.

Bia là một phần thực phẩm ở đây, trẻ con uống bia, người ta bắt đầu uống từ khi còn sáng sớm. Chúng tôi không có nhà máy bia nào trong vùng, và rất nhiều tiệm hàng được tàu thủy mang tới là thứ bia nhẹ hều mà người ở đây rất khoái. Tại rất nhiều điểm dọc theo dòng sông, những chiếc xuồng độc mộc của làng lấy những can bia từ con tàu đang chạy, và con tàu, trên đường trở về thủ đô, sẽ nhận về những can không.

Còn với đàn bà thì thật đơn giản. Không lâu sau khi tôi đến, Mahesh bạn tôi nói với tôi rằng đàn bà ngủ với đàn ông bất cứ khi nào được yêu cầu, một người đàn ông có thể gõ cửa phòng bất cứ người đàn bà nào và ngủ với cô ta. Mahesh không nói với tôi điều đó với sự phấn khích hay đồng tình nào – anh đã dính quá chặt vào Shoba xinh đẹp của mình. Với Mahesh, sự dễ dãi về tình dục là một phần của sự hỗn loạn và đi xuống của nơi này.

Đó chính là điều – sau lần thoả mãn đầu tiên – tôi tự cảm thấy. Nhưng tôi không thể nói chống những lạc thú mà tôi cũng hưởng. Tôi không thể ngăn Metty và Ferdinand tới những chỗ mà tôi cũng tới. Trên thực tế, sự hạn chế nằm ở mặt khác. Mặc dù đã có những thay đổi đối với Metty, tôi vẫn coi nó là một thành viên của gia đình lớn, và tôi phải cẩn thận không làm gì khiến nó tổn thương hoặc làm những người khác trong gia đình tổn thương nếu biết. đặc biệt, tôi làm sao để mình không bị .phát hiện khi ở cùng với một người đàn bà châu Phi. Và tôi tự hào rằng dù khó khăn, tôi chưa bao giờ bị phản đối hết cả.

Ferdinand và Metty có thể uống rượu ở những quán bar và công khai ôm ấp đàn bà hoặc đến nhà những người đàn bà mà chúng biết. Còn tôi thì – với tư cách chủ của một đứa và người giám hộ của đứa kia – phải giấu giếm.

Ferdinand có thể học gì ở tôi cơ chứ? Tôi đã nghe khi còn ở bờ biển – và những người nước ngoài tôi thường gặp cũng nói vậy – rằng người châu Phi không biết phải "sống" như thế nào. Điều này có nghĩa là người châu Phi không biết tiêu tiền sao cho hợp lý hoặc làm sao để giữ được một ngôi nhà. Tốt thôi! Những hoàn cảnh của tôi là không thông thường, nhưng Ferdinand có thể thấy gì khi nó nhìn thấy nhà của tôi?

Cửa hiệu của tôi là cả một sự hỗn loạn. Tôi có hàng cuộn vải và giấy dầu trên giá, nhưng phần lớn kho hàng được bày la liệt trên nền nhà bê tông. Tôi ngồi sau cái bàn ở giữa kho bằng bê tông của mình, đối diện với cửa ra vào, với một cái cột bê tông gần bàn cho tôi cảm giác đang được bỏ neo trong biên cả của sự hỗn độn này – những cái chậu tráng men to dùng, viền màu trắng và xanh, hoặc viền xanh với nền hoa, hàng đồng đĩa men với những vuông vải thô, mảnh giấy màu đậm giữa những cái đĩa, những chiếc cốc men và bình sắt cùng những lò than, khung giường sắt và xô kẽm hoặc nhựa, những chiếc lốp xe đạp cùng đèn pin, cùng những cây đèn dầu bằng thủy tinh màu xanh lá cây, hồng hoặc mã não.

Đó là cái đồng hồ lớn mà tôi đang quản lý. Tôi quản lý chúng một cách kính cẩn bởi vì chúng là nguồn sống của tôi, là những phương tiện của tôi để nâng lên được mức hai hoặc bốn. Nhưng nó là một đồng hồ lớn đã quá lỗi thời, được sản xuất riêng cho những cửa hiệu như của tôi, và tôi ngờ rằng những người công nhân làm ra chúng, ở châu Âu, Mỹ, và ngày nay có thể ở Nhật nữa – chẳng hề có ý niệm nào về việc sản phẩm của mình được dùng để làm gì. Những cái chậu nhỏ hơn, chẳng hạn, được đặt hàng là bởi vì chúng rất thích hợp để nuôi giò, được bỏ vào cùng đất ẩm. Những cái chậu to hơn – một món hàng lớn: một ngôi làng mua không quá hai hoặc ba cái trong suốt một thế hệ - được dùng để ngâm sản phẩm độc tố.

Đó chính là công việc buôn bán của tôi. Cũng tương tự như thế về tính chất thô kệch là căn hộ của tôi. Bà già người Bỉ không chồng sống ở đây trước tôi là một người khá nghệ sĩ. Tôi thêm vào bầu không khí "phòng tranh" của bà một sự bừa bãi nhẹ nhàng – dường như nó nằm ngoài sự kiểm soát của tôi. Metty cai quản cái bếp và biến nó thành một nơi thật kinh khủng. Tôi không tin nó từng bao giờ lau bếp dầu. Metty chẳng hề xấu hổ, cái bếp đã bắt đầu toả khói trở lại và bốc mùi với đủ loại nhiên liệu trên đó. Toàn bộ cái bếp bốc mùi, dù nó chỉ được dùng chủ yếu để đun cà phê sáng. Tôi hiếm khi chịu đựng nổi khi bước chân vào bếp. Nhưng Metty chẳng để ý gì hết cả, dù phòng ngủ của nó ở ngay đối diện với bếp.

Bạn đi thẳng vào lối đi đó từ tầng đệm của cầu thang lộ thiên dính vào mặt sau của toà nhà. Ngay khi mở cánh cửa tầng đệm bạn sẽ bắt gặp cái mùi nồng nặc, nặng nề của rác, dầu ăn và dầu hoả, những thứ quần áo dơ bẩn cùng với mùi sơn và gỗ cũ. Và cả nhà bốc mùi như thế bởi vì bạn không thể mở được dù chỉ một cửa sổ. Thị trấn, đang trong thời suy thoái, đầy rẫy trộm cướp, và dường như là không thể để mở bất cứ gì. Bên phải là phòng ngủ của Metty, chỉ cần liếc mắt bạn cũng thấy Metty đã biến thành một căn phòng nhỏ đích thị của người hầu, với cái giường cũ, những cái bánh xe và hàng đồng túi, rồi thì hộp giấy, quần áo nó thì treo lên mắc và

mẫu cửa sổ. Đi tiếp xuống theo lối vào, một chút nữa sau cái bếp, ở bên trái, là phòng khách.

Đó là một căn phòng rộng, và người đàn bà Bỉ đã sơn toàn màu trắng, cả trần nhà, tường, cửa sổ, thậm chí cả rèm cửa sổ. Trong căn phòng trắng với những ván sàn trần trụi đó có một cái đi văng bọc vải thô màu xanh đậm, và, để hoàn chỉnh hiệu ứng của phòng tranh, có một cái bàn chân niềng không sơn gì cả, rộng như một bàn bóng bàn. Trên nó là đủ thứ đồ linh tinh của tôi – những cuốn tạp chí cũ, sách bìa giấy, thư từ, giấy, vợt đánh bóng và mỏ lết, hộp giày và hộp áo phông trong đó tôi đã nhét đủ thứ bà rần. Một góc bàn được giữ sạch, và nó luôn luôn được phủ lên một tấm vải trắng chói sém, đó chính là nơi Metty ủi quần áo, đôi khi với bàn là điện (luôn nằm trên bàn), đôi khi (khi bàn ủi điện bị hỏng) bằng bàn ủi than rất cứng, một thứ hàng mà cửa hiệu có bán.

Trên bức tường trắng ở cuối phòng là một bức tranh sơn dầu lớn vẽ một bến cảng châu Âu, được vẽ bằng màu đỏ, vàng và xanh da trời. Nó được vẽ theo phóng cách hiện đại cầu thả, người đàn bà đã vẽ nó và ký tên trên đó. Bà đặt nó một cách kiêu hãnh trong căn phòng chính của mình. Nhưng bà ta cũng nghĩ nó không đủ giá trị để mà liều lĩnh mang theo thời biến động. Trên sàn nhà, dựa vào những bức tường, là những bức vẽ khác mà tôi thừa hưởng từ người đàn bà. Cứ như thế bà ta đã mất lòng tin vào những thứ đồ lặt vặt của mình, và khi cơn khủng hoảng thời độc lập xảy đến, bà bèn vui sướng bỏ ra đi.

Phòng ngủ nằm cuối lối vào. Với tôi đây là nơi của một sự tan hoang đặc biệt, với những giá đựng cốc chén to tướng và cái giường nhồi cỏ to khủng khiếp. Điều gì từng diễn ra trên cái giường chắc hẳn thuộc về người đàn bà! Những ước đoán đó, như là một bảo đảm cho sự tự do của tôi, những sự buông thả đó, cái cảm giác ngượng ngùng đó, biết bao nhiêu người đàn bà châu Phi đã bị tổng khởi đó vào những giờ thật khó khăn – trước khi Metty về đến nơi, hoặc trước khi Metty thức dậy! Nhiều lần trên

cái giường đó tôi đợi đến sáng để quét sạch ký ức mình, và thường thì, nhờ đến người con gái của Nazruddin và lòng thin của ông vào sự tin tưởng của chính tôi, tôi tự hứa sẽ trở nên tốt đẹp. Khi ấy tôi thấy cần thay đổi và cái giường trong căn phòng chột có những liên quan khác với tôi. Nhưng cũng chỉ đến thế mà thôi.

Quý bà người Bỉ đã cố tình đưa một mẫu châu Âu và quê nhà vào nghệ thuật, một lối sống khác, vào cái vùng đất của mưa, nóng và cây cối lá rộng này – luôn hiện hữu, nền trời tranh tối tranh sáng, qua những khe cửa sổ sơn màu trắng. Bà ta hẳn có ý thức rất cao về bản thân mình, nhưng xem ra điều bà ta cố làm chẳng mấy giá trị gì. Và tôi cảm thấy khi Ferdinand nhìn vào cửa hiệu và căn hộ của tôi, nó cũng sẽ có cùng kết luận đó về tôi. Sẽ là khó khăn cho nó để tìm thấy bất cứ sự khác biệt nào giữa cuộc sống của tôi và cuộc sống nó từng quen biết. Điều này lại thêm vào những u uất ban đêm của tôi. Tôi tự hỏi về bản chất của những hơi thở của mình, những gì chèo chống thực sự cho sự tồn tại của tôi, và tôi bắt đầu cảm thấy rằng mọi cuộc đời mà tôi có thể có ở bất kỳ đâu – dù giàu có, thành công và hào nhoáng đến chừng nào – thì cũng chỉ là một phiên bản của cuộc đời tôi hiện đang sống mà thôi.

Những suy nghĩ đó có thể đưa tôi đến những chỗ tôi không hề muốn. Nó là một phần hiệu ứng của sự cô độc của tôi, tôi biết điều đó. Tôi biết có điều gì đó ngăn cách tôi với Ferdinand và cuộc sống vùng cây bụi. Và điều đó là vì tôi không có phương tiện nào trong cuộc độ nhật định hình ra sự khác biệt đó, hoặc để bày ra bản chất thực sự của tôi, rằng tôi cảm thấy ngu ngốc khi bày ra những thứ của mình.

Tôi chỉ cho Ferdinand những thứ của tôi. Tôi nát óc nghĩ sẽ phải cho nó xem gì tiếp theo. Nó rất lạnh nhạt, như thể nó đã nhìn thấy tất cả những cái đó từ trước rồi. Đó chỉ là cung cách của nó thôi, cái giọng nói đều đều nó dùng để nói với tôi. Nhưng điều này làm tôi điên tiết.

Tôi muốn nói với nó "Hãy nhìn những tạp chí này đi. Không có ai trả tiền để tao đọc chúng đâu. Tao đọc nó bởi vì tao là kiểu người như thế đó, bởi vì tao quan tâm đến các sự việc, bởi vì tao muốn biết về thế giới. Hãy nhìn vào những bức tranh này đi. Người đàn bà đó đã đưa vào chúng biết bao nhiêu là rối loạn. Bà ta muốn làm ra cái gì đó thật đẹp để treo trong nhà mình. Bà ta không treo nó lên vì nó thuộc cái gì đó ma quái đâu".

Cuối cùng thì tôi cũng nói những điều đó với nó, nhưng không hoàn toàn với lời lẽ như thế. Ferdinand không trả lời. Và những bức tranh chỉ là những thứ lộn xộn – người đàn bà không biết phải bôi kín những bức toan như thế nào và hy vọng thoát ra được với những mảng màu thật dữ dội. Và những quyển sách và tạp chí cũng chỉ là mấy thứ lộn xộn – đặc biệt những sách báo khiêu dâm, những cái chỉ làm tôi trầm uất và bối rối, nhưng tôi không vứt đi vì cũng có những lúc tôi cần đến chúng.

Ferdinand không hiểu được sự kích động của tôi.

Một hôm nó nói "Chú không cần phải đưa cháu xem cái gì đâu, Salim ạ."

Bắt chước Metty nó không gọi tôi là ngài nữa, Metty gọi tôi là patron, và khi có mặt người thứ ba, nó cố tình nói sao cho từ đó vang lên mang màu sắc thật mỉa mai. Metty có mặt ở đây ngày hôm đó, nhưng khi Ferdinand nói với tôi là tôi không cần phải cho nó xem thêm gì nữa, nó không nói mĩa. Nó không bao giờ mỉa mai.

Một buổi chiều, tôi đang đọc báo thì Ferdinand tới cửa hiệu. Tôi chào nó và tiếp tục đọc. Đó là một tạp chí về khoa học thường thức, kiểu báo mà tôi đã đam ra nghiện. Tôi thích thu nhận những mẫu kiến thức theo lối như thế, và khi đọc tôi thường nghĩ rằng môn khoa học hoặc lĩnh vực tôi đang đọc là cái tôi nên dành toàn bộ ngày và đêm để trau dồi kiến thức, khám phá, tự mình tạo ra cái gì đó, sử dụng toàn bộ khả năng của mình. Đó là

một cảm giác thật hay, theo quan điểm của tôi, nó cũng hay ngang với chính bản thân cuộc đời của người có tri thức.

Chiều hôm đó Metty đến hải quan để nhận một số hàng hoá tới trên chuyến tàu thuỷ hai hôm trước – đó là tốc độ di chuyển của những thứ ở đây. Ferdinand nhìn ngó cửa hiệu một lúc. Tôi thấy gợn lại chuyện nó bảo đừng có cho nó xem cái gì nữa cả, và tôi không muốn là người bắt đầu câu chuyện. Cuối cùng nó đi tới bàn và nói "Chú đang đọc gì đó, Salim?"

Tôi không thể chịu được nữa, người thầy giáo và người giám hộ trong tôi biến mất. Tôi nói "Cháu xem này, họ đang chế tạo một kiểu điện thoại mới. Nó chạy bằng năng lượng ánh sáng chứ không phải điện như trước nữa".

Tôi không bao giờ thực sự tin vào những thứ mới mẻ kỳ diệu mà tôi đọc được. Tôi không bao giờ nghĩ tôi lại có thể nhìn thấy chúng trong đời. Nhưng đó chính là khía cạnh hấp dẫn để mà đọc chúng, bạn có thể đọc hết bài báo này đến bài báo khác về những thứ bạn chưa từng bao giờ được sử dụng cả.

Ferdinand nói "Họ là ai?"

"Cháu muốn nói gì?"

"Những người đang làm điện thoại mới là ai?"

tôi nghĩ, đã đến thế rồi, chỉ sau vài tháng ở trường trung học. Nó chỉ mới ra khỏi vùng cây bụi, tôi biết mẹ nó, tôi coi nó như một người bạn, và chúng tôi đã đạt đến sự vô nghĩa mang tính chính trị này rồi. Tôi không trả lời thoe cách nó trông chờ. Tôi không nói "Người da trắng". Dù nửa người tôi đã nghĩ thế rồi, để đặt nó trở lại vị trí của nó.

Tôi lại nói "Các nhà khoa học".

Nó không nói gì nữa. Tôi không nói gì nữa, và cố tình quay trở lại việc đọc. Đó là kết cục của đoạn nói chuyện ngắn ngủi giữa chúng tôi. Đó cũng là kết cục của những cố gắng làm thầy của tôi, để tự thể hiện mình và những thứ của tôi cho Ferdinand.

Bởi tôi nghĩ nhiều về việc tôi không chịu nói từ "Người da trắng" khi Ferdinand hỏi tôi định nghĩa "họ" – những người đang làm loại điện thoại mới. Và tôi thấy rằng trong lòng muốn không làm nó thoải mái, thực tế tôi đã nói điều tôi muốn nói. Tôi không dấn đến người da trắng. Tôi không muốn nói thế, tôi chỉ không thể nói thế được, những người giống thế tôi biết trong thị trấn của chúng tôi, những người đã ở lại đây sau khi độc lập. Tôi thật sự muốn nói các nhà khoa học, tôi muốn nói những người ở xa chúng tôi theo mọi nghĩa.

Họ! Khi chúng tôi muốn nói về chính trị, khi chúng tôi muốn lạm dụng hoặc đề cao về mặt chính trị, chúng tôi nói "người Mỹ", "người châu Âu", "người da trắng". Khi chúng tôi muốn nói về những người sản xuất hay chế tạo, tất cả chúng tôi – dù giống giống nào đi nữa – đều nói "họ". Chúng tôi chia cách những người đó từ các nhóm của đất nước họ và theo cách đó gắn họ vào với chúng tôi. "Họ làm ra xe hơi chạy trên mặt nước." "Họ làm ra vô tuyến nhỏ như bao diêm." Từ "họ" mà chúng tôi nói theo nghĩa đó là rất xa xôi, xa đến nỗi hiếm khi là người da trắng. Họ không thiên vị, họ ở mãi trên mây cao, giống như những vị chúa nhân từ. Chúng tôi chờ đợi sự ban phước của họ, và trông ra những phước lành đó – như chính tôi mang cặp kính rẻ tiền và cái máy ảnh cũ rách mua của Nazruddin cho Ferdinand xem – cứ như thể chúng tôi chịu trách nhiệm về họ vậy.

Tôi cho Ferdinand xem những thứ của tôi như thể tôi để nó đi vào những bí mật sâu xa hơn thuộc số kiếp của tôi, bản chất thực sự cuộc đời tôi nằm dưới sự tầm thường vô vị của những ngày những đêm của tôi. Trên

thực tế, tôi và tất cả những người khác giống như tôi trong thị trấn, người châu Á, người Bỉ, người Hy Lạp – tất cả đều ở xa "họ" lắm.

Đó là nỗ lực cuối cùng của tôi để trở thành thầy giáo cho Ferdinand. Giờ đây tôi quyết định đơn giản là cứ để nó thoải mái, như trước kia. Tôi cảm thấy để nó tiếp tục đến cửa hiệu và căn hộ là đã giữ được lời hứa với mẹ nó rồi.

Trường học tạm nghỉ với lý do mùa mưa đã tới ,và Zabeth đến thị trấn để mua hàng và mang Ferdinand về cùng. Cô dường như hài lòng với sự tiến bộ của nó. Và không hề tỏ vẻ gì muốn trao đổi ngôi trường trung học và những quán bar của thị trấn với ngôi làng của Zabeth. Thế là nó về nhà trong kỳ nghỉ. Tôi nghĩ về chuyến đi xuôi dòng sông bằng tàu thủy và thuyền độc mộc. Tôi nghĩ về mưa trên dòng sông, về đoàn phụ nữ của Zabeth đi xuyên qua những chặng đường sông về đến ngôi làng bị che giấu, về những đêm đen và những ngày trống rỗng.

Giờ đây bầu trời hiếm khi sáng sủa. Nó đã chuyển từ màu ghi hay xám sang màu bạc gắt. Thời gian này thì chớp loé lên và sấm nổ, thường thì ì ùng ngoài rừng, nhưng cũng có lúc ngay trên đầu. Từ cửa hiệu tôi có thể nhìn thấy mưa bắt đầu xối xả xuống những cây phượng ở chợ. Mưa kiểu này rất tai hại với công việc buôn bán của các chủ cửa hiệu, nó thổi bay mọi thứ quanh những sạp hàng bằng gỗ và đẩy mọi người đến trú mưa dưới mái hiên bạt của các cửa hiệu quanh quảng trường. Tất cả đều biến thành người nhìn mưa, họ uống rất nhiều bia. Những con phố không được trải nhựa đỏ ửng lên vì bùn, đỏ là màu loại đất ưa thích của cây bụi.

Nhưng đôi khi một ngày mưa kết thúc bằng một hoàng hôn mây vẩn vũ đầy huy hoàng. Tôi thích nhìn cảnh chiều tà đó từ một chỗ gần ghềnh nước. Một thời nơi đó từng là công viên nhỏ với nhiều trò tiêu khiển, nhưng những gì còn lại của công viên chỉ là một đoạn tường bê tông quay lưng ra sông và một khoảng đất trống trơn trở nên lầy lội trong cơn mưa. Những tấm lưới ngư phủ treo trên những gốc cây đổ khổng lồ giữa những

tảng đá ở cửa dòng sông (chính các tảng đá đó trên sông đã tạo ra cái ghềnh). Tại một điểm nút của khu đất trống có những túp lều rơm, nơi đó đã trở thành một làng chài. Mặt trời lên chiếu ánh sáng qua những khay mây màu ghi, nước chuyển từ màu nâu sang vàng, rồi đỏ và tím. Và luôn luôn có tiếng động không thay đổi của ghềnh nước với vô số những nếp gấp nhỏ của nước vượt qua đá. Đêm tối buông xuống, và đôi khi mưa cũng tới, và tiếng nước tuôn lại thêm vào âm thanh của ghềnh.

Từ trên khúc quanh của dòng sông luôn lao xuống những khóm lan dạ hương nước, những hòn đảo nổi màu nâu trên dòng sông thẫm màu, bập bênh trên ghềnh. Như thể mưa và dòng sông đã thổi bay cây bụi từ giữa lục địa và ném nó nổi lênh bênh trên nước để trôi ra đại dương, cách đó hàng bao dặm. Nhưng lan dạ hương là thành quả của riêng dòng sông. Loại hoa thân cao màu tử đinh hương chỉ mới xuất hiện cách đây vài năm, và trong ngôn ngữ địa phương chưa có từ để chỉ nó. Người ở đây vẫn gọi nó là "vật mới" hoặc "vật mới trên sông", và với họ nó là một kẻ thù. Thân cây và những chiếc lá dai ngoách tạo nên những đám thực vật dày dính chặt vào hai bên bờ sông và bít dòng nước lại. Nó lớn nhanh, nhanh hơn tốc độ tiêu diệt của con người với các loại dụng cụ có trong tay. Những con kênh nổi vào các ngôi làng cần phải phong quang. Đêm ngày loại cây lan dạ hương nước này trôi nổi đến từ phía Nam, tự gieo mầm trên dặm đường chu du của mình.

Tôi đã quyết định để mặc Ferdinand làm gì thì làm. Nhưng tôi chợt nhận ra nó có một thái độ khác đối với tôi. Nó không còn xa cách với tôi, và khi nó đến cửa hiệu nó không chăm chăm bỏ tôi lại để đi tìm Metty nữa. Tôi nghĩ hẳn là mẹ nó đã nói với nó về chuyện này. Tôi cũng nghĩ rằng dù vui vẻ khi về ngôi làng của mẹ nó trong kỳ nghỉ, có thể nó bị sốc vì thời gian ở đó – tôi tự hỏi nó trải qua những ngày đó như thế nào – và không còn nhìn thị trấn và cuộc sống ở thị trấn, như trước nữa.

Sự thật rất đơn giản. Ferdinand đã bắt đầu lớn lên và nó đã tự coi mình là một cái gì đó giữa biển cả. Nó có dòng máu pha trộn nhiều bộ lạc, và với nơi này nó là một người xa lạ. Nó không hoàn toàn thuộc về nhóm người nào, và nó không hề tìm được mẫu người nào giống nó cả. Nó không biết phải nghĩ về mình thế nào. Nó muốn tìm cho ra, và nó muốn tôi làm việc đó cùng nó.

Tôi có thể thấy giờ đây nó thử vào nhiều vai, hướng đến nhiều cách hành xử khác nhau. Danh mục đó của nó có hạn chế. Vài ngày sau khi Zabeth tới thị trấn để mua hàng, nó có thể là con trai của mẹ nó, một marchande. Nó có thể vờ trở thành người liên danh để buôn bán với tôi, ngang hàng với tôi, tuyên bố nhiều điều về doanh thu và giá cả. rồi nó có thể biến thành một thanh niên châu Phi đang trưởng thành, học sinh trường trung học, hiện đại, tiên phong. Trong vai trò đó nó muốn mặc bộ đồng phục có in dòng chữ *Semper Aliquid Novi*, không nghi ngờ gì nữa, nó cảm thấy có thể học được một số cung cách từ các thầy giáo người Âu của mình. Bắt chước một thầy giáo, nó có thể, trong căn hộ, đứng bắt chéo chân dựa vào bức tường trắng của phòng tranh và, đứng bất động ở vị trí đó trong suốt cuộc trò chuyện. Hoặc, bắt chước một thầy giáo khác, nó có thể vừa nói vừa đi vòng quanh chiếc bàn bằng gỗ thô, kéo một vài vật ra, nhìn chúng, rồi lại vứt xuống.

Giờ thì nó lại cố nói chuyện với tôi. Không phải theo cách nó nói với Metty, với tôi nó thử nghiệm một kiểu trò chuyện nghiêm túc rất đặc biệt. Trước nó luôn chờ tôi đặt câu hỏi trước, bây giờ thì nó tự mình trình bày các ý tưởng, các luận điểm tranh luận nhỏ bé, vì nó muốn tiếp tục cuộc tranh luận. Trong cuộc chơi này nó vào vai học sinh trung học mới và coi tôi như một thầy giáo dạy ngôn ngữ. Tôi rất thích trò này. Tôi bắt đầu nghĩ đến những gì nên nói khi ở trường trung học – và tôi muốn biết về điều đó.

Một hôm nó nói với tôi "Salim, chú nghĩ gì về tương lai của châu Phi?"

Tôi không nói gì, tôi muốn biết nó nghĩ gì. Tôi tự hỏi liệu rằng nó, dù có sự pha tạp về dòng máu và đã ở nhiều nơi, thực sự có trong đầu một ý tưởng về châu Phi không, hoặc liệu ý tưởng về châu Phi đã đến với nó, cũng như bạn cũ của nó ở trường, từ những cuốn atlas. Chẳng phải Ferdinand vẫn là – cũng giống Metty, trong chuyến đi từ bờ biển – kiểu người mà khi ở giữa các bộ lạc xa lạ, thà chết đói còn hơn ăn thức ăn lạ? Liệu Ferdinand có ý tưởng về châu Phi lớn hơn nhiều so với châu Phi của Zabeth, người đi lại rất an toàn từ ngôi làng của cô tới thị trấn chỉ vì cô biết mình được bảo vệ một cách đặc biệt?

Ferdinand chỉ có thể nói với tôi rằng thế giới bên ngoài châu Phi đang lui tàn, còn châu Phi thì đang đi lên. Khi tôi hỏi nó thế giới bên ngoài lui tàn thế nào, nó không nói được. Và khi thúc nó vượt qua những gì nó biết được ở trường trung học, tôi thấy những ý tưởng của cuộc tranh luận ở trường học có trong óc nó đã trở nên xáo trộn và bị đơn giản hoá. Những ý tưởng về quá khứ bị lẫn lộn với hiện tại. Trong bộ đồng phục học sinh của mình, Ferdinand tự thấy nó có tầm quan trọng, như trong những ngày còn thuộc địa. Cùng lúc nó tự thấy mình là con người mới của châu Phi, và trở nên quan trọng bởi lý do này. Ngoài cái lý tưởng về tầm quan trọng của bản thân, nó đã đồng nhất châu Phi vào con người nó, và tương lai của châu Phi không gì khác hơn là nghề nghiệp mà nó sẽ làm sau này.

Những cuộc tranh luận mà Ferdinand, trong vai trò của nó, cố thực hiện với tôi bao giờ cũng kéo dài, bởi vì không phải lúc nào nó cũng biết cách rút ngắn. Nó tranh luận về một vấn đề nào đó, rồi sau lại vứt đi không chút ngần ngại, như thể đó là một bài tập ngôn ngữ mà nó có thể làm tốt hơn vào lần sau. Rồi, mọi chuyện lại quay lại như xưa, nó bỏ tôi lại để đi tìm Metty.

Dù đã biết thêm về những gì diễn ra ở trường trung học (rất nhanh chóng lại trở về thói thời thượng kiểu thực dân), và những gì diễn ra trong tâm hồn Ferdinand, tôi vẫn không cảm thấy gần gũi với nó hơn. Khi coi nó

là một sự huyền bí, xa lạ và nhạo báng đằng sau khuôn mặt đeo mặt nạ, tôi nghĩ nó là một người vững vàng. Giờ đây tôi cảm thấy rằng những trù ối của nó lớn hơn những trù ối thông thường, rằng tính cách nó đã trở nên trơn tuột. Tôi bắt đầu cảm thấy sự vô nghĩa ở đó, và ý nghĩ về một trường trung học đầy những Ferdinand làm tôi chán ngán.

Rồi còn ý tưởng về tầm quan trọng của nó nữa. Điều này làm tôi lo lắng – làm gì có an toàn cho bất kỳ ai tại đất nước này – điều cũng làm Metty lo lắng. Khi bạn ở xa những thủ lĩnh và các chính trị gia thì chỉ còn duy nhất thật sự dân chủ kiểu châu Phi: mọi người đều là dân làng. Metty là một trợ lý bán hàng ở cửa hiệu và là một dạng gia nhân, Ferdinand là học sinh trung học có tương lai; thế mà tình bạn giữa hai đứa lại giống như tình bạn giữa hai người ngang bằng. Tình bạn đó tiếp tục tồn tại. Nhưng Metty, là gia nhân ở nhà tôi, đã tìm thấy hình mẫu để vươn lên làm ông chủ, và nó hẳn tự cảm thấy – với ý nghĩ mới mẻ về giá trị của mình – lại bị bỏ rơi phía sau.

Một hôm đang ở căn hộ thì tôi nghe thấy tiếng bước chân chúng đi vào. Metty đang giải thích về mối quan hệ của nó với tôi và cửa hiệu, giải thích về chuyến đi từ bờ biển.

Metty nói "Gia đình tớ đã quen với gia đình của chú ấy. Họ thường gọi tớ là Billy. Tớ sẽ học kế toán. Tớ sẽ không ở lại đây, cậu biết đấy. Tớ sẽ đi Canada. Tớ sẽ có giấy tờ và mọi thứ. Tớ chỉ còn chờ khám bệnh thôi".

Billy! Tốt thôi, cái tên này gần với Ali. Canada – đó là nơi những người anh rể của tôi đã tới, trong một bức thư tôi nhận được không lâu sau khi Metty tới tôi đã nghe nói về mối lo ngại của gia đình về chuyến "khám bệnh" của người anh rể này. Rõ ràng Metty đã biết được về Canada theo cách đó.

Tôi gây tiếng động để chúng biết tôi đang ở nhà, và khi chúng vào phòng khách tôi làm ra vẻ không nghe thấy gì cả.

Ít lâu sau, vào một buổi chiều mưa dầm dề, Ferdinand tới cửa hiệu và đột ngột, vẫn còn ướt như chuột lột, nó nói "Salim, chú phải gửi cháu sang Mỹ học".

Nó nói như thể nó là một người đã tuyệt vọng. Ý tưởng đó bùng cháy trong nó, và rõ ràng nó cảm thấy nếu nó không thoát đi, nó sẽ không bao giờ làm được nữa cả. Nó đến trong cơn mưa nặng hạt, đi qua những đường ngập nước, quần áo nó ướt sũng. Tôi kinh ngạc vài sự đường đột và tuyệt vọng của Ferdinand, và ở lời yêu cầu lớn lao của nó. Với tôi, ra nước ngoài để học tập là điều gì đó thật hiếm hoi và đắt đỏ, cái gì đó ngoài khả năng của gia đình tôi.

Tôi nói "Thế tại sao chú phải gửi cháu đi Mỹ? Tại sao chú phải chi tiền cho cháu?"

Nó không nói gì cả. Sau cơn tuyệt vọng và chuyển đi giữa trời mưa, toàn bộ sự việc hẳn là phải dẫn tới một ý định khác trong cuộc nói chuyện.

Liệu đó chỉ đơn thuần là tính đơn giản của nó? Tôi cảm thấy cơn tức dâng lên – trời mưa, chớp và bóng tối không thật của buổi chiều hẳn là có tác dụng nào đó.

Tôi nói "Tại sao cháu nghĩ chú phải có trách nhiệm với cháu? Thế cháu đã làm gì cho chú?"

Điều này đúng. Thái độ của nó, kể từ khi nó bắt đầu cảm thấy đang hướng tới một nhân vật nào đó, cho rằng tôi đang nợ nó một cái gì đó, chỉ đơn giản là tôi có vẻ luôn sẵn sàng giúp đỡ.

Nó câm lặng. Nó đứng trân giữa bóng tối của cửa hiệu và nhìn vào tôi không hề tức tối, như thể nó đã dự tính trước tôi sẽ xử sự như thế này, và phải bỏ qua. Trong một lúc mắt tôi và mắt nó giao nhau. Rồi sự nhiệt tình của nó bị xẹp xuống, tôi biết nó sắp chuyển chủ đề.

Nó lấy tay kéo chiếc áo trắng ướt đầm ra khỏi da – chiếc áo với dòng chữ của trường trung học trên túi – và nói "Áo cháu ướt mất rồi". Khi tôi không trả lời, nó lại tiếp tục kéo ở một vài chỗ khác rồi nói "Cháu đã đi giữa lúc trời mưa".

Tôi vẫn không trả lời. Nó bỏ mặc cái áo và ngó lơ ra ngoài đường phố ngập nước. Đó là cái cách nó chuẩn bị sau khi đã có một sự khởi đầu sai lầm, những ý định về cuộc trò chuyện của nó có thể kết thúc với những câu ngắn như thế, những nhận xét gây tức tối về những gì nó hoặc tôi đang làm. Thế là giờ đây nó nhìn ra ngoài trời mưa và nói những câu đứt quãng về những gì nó nhìn thấy. Có vẻ như nó đã lùi bước.

Tôi nói "Metty ở trong kho ấy. Nó sẽ đưa cháu khăn tắm. Và bảo nó cho cháu một tách trà".

Dù sao đó chưa phải là kết thúc của một chuyện. Với Ferdinand giờ đây không có gì dễ dàng kết thúc hết cả.

Hai lần một tuần tôi ăn trưa với những người bạn Shoba và Mahesh tại căn hộ của họ. Căn hộ này khá loè loẹt và về mặt nào đó rất giống họ. Hai người là một cặp vợ chồng đẹp, rõ ràng đẹp nhất thị trấn. Họ không có đối thủ, cho nên họ luôn tỏ ra kiêu hãnh ngầm. Trong căn hộ của họ, thêm vào những vẻ đẹp thật sự của những tấm thảm Ba Tư và Kashmir và những đồ cổ họ lại thêm vào những đồ vật dờm dời, hào nhoáng – đồ đồng Moradabad giả cổ, những bức tranh sơn mài về các vị thần Hindu sản xuất hàng loạt, những ngọn đèn tường chùm ba sáng chói. Còn có một bức tượng người đàn bà khoả thân bằng thuỷ tinh. Nó cũng có chút nghệ thuật, đồng thời là những gì còn lưu giữ được về vẻ đẹp của một người đàn bà, vẻ đẹp của Shoba – vẻ đẹp cá nhân là nỗi ám ảnh và chủ đề của cặp vợ chồng này, cũng như tiền bạc đối với người giàu.

Một ngày tại bữa trưa Mahesh nói "Thằng bé ở cùng anh sao vậy? Nó đã trở nên malin (láu cá) như tất cả những người khác rồi".

"Metty hả?"

"Hôm trước nó đến chỗ tôi. Nó làm như quen tôi từ lâu rồi ấy. Nó muốn chứng tỏ với thằng bé châu Phi đi cùng nó. Nó bảo nó mang đến cho tôi một khách hàng. Nó nói đứa bé châu Phi là con trai của Zabeth và là bạn thân của anh".

"Tôi không biết thế nào là bạn thân cả. Thế nó muốn gì?"

"Metty bỏ chạy khi tôi bắt đầu nổi cáu, bỏ lại thằng bé. Thằng bé nói nó muốn có một cái máy ảnh, nhưng tôi không nghĩ nó muốn gì hết cả. Nó chỉ muốn nói thôi."

Tôi nói "Tôi hy vọng nó cho anh nhìn thấy tiền của nó."

"Tôi làm gì có máy ảnh nào cho nó xem. Đó là món hàng không chạy mà, Salim. Lúc nào cũng phải trả hoa hồng, mọi nơi. Hiếm khi hoàn được vốn lắm."

Máy ảnh là một trong số các ý tưởng xôi hổng bóng không của Mahesh. Mahesh là như vậy, luôn tìm các ý tưởng nhỏ mà anh nhanh chóng từ bỏ. Anh từng nghĩ du lịch đã bắt đầu sống lại, cùng với những công viên giải trí ở phía Đông thị trấn chúng tôi. Nhưng du lịch thực ra chỉ tồn tại trong những bức ảnh lớn in ở châu Âu cho chính phủ ở thủ đô. Các công viên giải trí đã quay về với thiên nhiên, theo một cách chẳng có ý nghĩa gì cả. Những con đường và các ngôi nhà nghỉ, luôn rất xập xệ, đã biến đi; khách du lịch (người nước ngoài có thể quan tâm đến những thiết bị chụp ảnh rẻ tiền) đã không tới. Mahesh đã phải gửi những chiếc máy ảnh của mình sang phía Đông bằng các trạm chuyên chở mà những người như chúng tôi quen dùng (dù sao cũng là hợp pháp) để gửi hàng hoá đi mọi hướng.

Mahesh nói "Thằng bé nói anh sẽ gửi nó đi Mỹ hoặc Canada để học."

"Tôi sẽ gửi nó đi học gì cơ?"

"Học quản trị kinh doanh. Để nó điều hành công việc kinh doanh của mẹ nó. Phát triển công việc đó."

"Phát triển công việc đó! Mua bán lưỡi dao cạo và bán lại từng cái cho những người ở làng chài!"

"Tôi biết nó chỉ cố ngoảnh anh vào với những người bạn của anh".

Một trò ảo thuật đơn giản, nếu bạn nói gì đó về một người với các bạn của anh ta, bạn có thể bắt người đó làm những gì anh ta sẽ làm.

Tôi nói "Ferdinand là người châu Phi đấy".

Khi gặp lại Ferdinand sau đó tôi bảo nó "Bạn chú là Mahesh đã nói với chú là cháu sẽ đi Mỹ để học quản trị kinh doanh. Cháu đã nói với mẹ chưa?"

Nó không hiểu sự mỉa mai ở đây. Kiểu nói chuyện này làm nó không kịp chuẩn bị, nó chẳng biết nói gì cả.

Tôi nói "Ferdinand, cháu không được đi khắp nơi nói với mọi người những điều không đúng như thế. Cháu muốn nói gì về quản trị kinh doanh thế?"

Nó nói "Kế toán, đánh máy, tốc ký. Những gì chú làm ấy"

"Chú không tốc ký. Và đó không phải là quản trị kinh doanh. Đó chỉ là việc của một thư ký quèn. Cháu không đi Mỹ và Canada để học những cái đó đâu. Cháu có thể làm được việc đó ngay tại đây. Chú nghĩ có những chỗ ở thủ đô dạy các môn đó. Và rồi đến lúc cháu sẽ tìm ra việc cháu muốn làm hơn thế."

Nó không thích điều tôi nói với nó. Mắt nó bắt đầu long lanh vì cảm thấy bị nhục mạ và tức giận. Nhưng tôi không để sự việc kéo dài. Nó phải tính toán với Metty, chứ không phải với tôi, nếu thực sự nó có cái để mà tính.

Nó tìm thấy tôi khi tôi sắp đi chơi squash ở Câu lạc bộ Hellenic. Giầy vải, áo phông, vợt, khăn tắm quanh cổ, cũng giống như hồi trước ở khu bờ biển. Tôi rời khỏi phòng khách và đứng ở lối vào để lấy chỗ cho nó đi, để tôi có thể khoá cửa. Nhưng nó vẫn ở lại trong phòng khách, không phải để chờ Metty.

Tôi ra đến tầng đệm của cầu thang. Hôm đó mất điện. Khói từ những cái lò than và những đốm lửa xanh hồng xuất hiện giữa những cái cây rậm rạp – cây bánh mì, cây hoa đại, cây phượng – tạo ra hình ảnh ngôi làng trong vùng với một nơi ở, mà tôi từng nghe nói, vào những ngày xa xưa khi cả người châu Phi lẫn người châu Á đều chưa được phép sống. Tôi biết những cái cây này từ hồi còn ở bờ biển. Tôi cho là chúng cũng được nhập khẩu đến đó; nhưng tôi gắn chúng với bờ biển và nhà tôi, một cuộc sống khác. Vẫn những cái cây đó, nhưng ở đây chúng có vẻ thật nhân tạo, giống như bản thân thị trấn. Chúng quen thuộc, nhưng chúng nhắc tôi nhớ mình là ai.

Tôi không nghe gì về chuyện Ferdinand đi học nước ngoài nữa, và nó cũng nhanh chóng trút bỏ lột một học sinh trung học sáng chói. Nó bắt đầu thử một thứ khác mới mẻ. Không còn cái dáng đứng dựa vào tường với hai chân bắt chéo nhau, không còn lối đi lại quanh cái bàn gỗ thô, cầm lên và ném xuống các vật nữa, cũng không còn cuộc tranh luận nghiêm túc nào nữa.

Giờ đây nó có khuôn mặt nghiêm nghị, cách diễn đạt úp mở và khép kín. Nó luôn ngẩng cao đầu và đi lại chậm chạp. khi ngồi lên đi văng trong phòng khách, nó ngồi vào sâu đến nỗi đôi khi lưng nó chạm đến tận chỗ dựa. Nó tỏ ra chán nản, buồn bã. Nó nhìn mà như không thấy gì, nó luôn

sẵn sàng nghe, nhưng không buồn nói gì cả - đó là ấn tượng nó cố gây ra. Tôi không biết Ferdinand đóng vai này của ai, và phải qua miệng Metty tôi mới hiểu Ferdinand muốn hướng tới điều gì.

Trong học kỳ này tại trường trung học có một số thằng bé đến từ các bộ lạc hiếu chiến phía Đông. Chúng rất cao lớn, và Metty sợ hãi nói với tôi rằng những đứa này được đưa đi trên những cái kiệu do nô lệ của chúng khiêng, họ là những người thuộc chủng tộc hèn kém hơn. Những con người cao lớn của rừng rú này luôn ngưỡng mộ châu Âu. Khi đó tôi nhớ ra có những bài báo về họ trên các tờ tạp chí – những người châu Phi không quan tâm gì tới trồng trọt hoặc buôn bán mà chỉ trông vào, một đặc điểm rất giống người châu Âu, những người châu Phi khác. Sự ngưỡng mộ châu Âu này vẫn còn tồn tại, các bài báo và bức ảnh tiếp tục xuất hiện trên các tờ tạp chí, dù cho có những thay đổi ở châu Phi. Trên thực tế, giờ đây có những người châu Phi cảm thấy như người châu Âu, và coi các bộ lạc hiếu chiến là tộc người cao đẳng nhất ở châu Phi.

Tại trường trung học, dù thế nào chăng nữa vẫn còn tính chất thực dân, những thằng bé mới đã tạo ra một sự xáo động. Ferdinand, cả bố mẹ đều làm về thương mại, đã quyết định thử vai một chiến binh cô độc của rừng rậm. Nó không thể làm trò đó ở trường trung học và ra cái vẻ đã quen được các nô lệ chờ đợi. Nhưng nó nghĩ nó có thể đóng vai đó trước mặt tôi.

Tôi biết những điều khác về vương quốc rừng rậm. Tôi biết rằng các tộc người nô lệ đã vùng lên và đã bị thảm sát và phải tiếp tục phục tùng. Nhưng châu Phi rộng lớn lắm. Cây bụi tiếp tục làm biến mất đi âm thanh của vụ giết người với những dòng sông con hồ đầy bùn rửa sạch những vết máu.

Metty nói "Chúng cháu phải đến đó, patron. Cháu nghe nói đó là nơi tốt đẹp duy nhất còn lại ở châu Phi. Vẫn còn nhiều người da trắng ở đó lắm. Cháu nghe nói Bujumbura chẳng khác gì Paris đâu."

Nếu tôi tin rằng Metty hiểu một phần tư những gì nó nói, nếu tôi tin, chẳng hạn, rằng nó thực sự ngóng trông những người da trắng ở Bujumbura, hoặc biết Canada ở đâu và như thế nào, thì hẳn tôi sẽ lo lắng vì nó lắm. Nhưng tôi biết nó rõ hơn thế nhiều, tôi biết nó nói chuyện chỉ để mà nói. Vẫn thế thôi, nói không ngừng! Những người da trắng đã bị đẩy bật đi khỏi thị trấn chúng tôi và những công trình của họ bị phá huỷ. Nhưng vẫn còn nhiều người da trắng ở đó, tại một thị trấn khác, và các chiến binh cũng như nô lệ. Và đó là hào quang của những thằng bé dòng dõi chiến binh, hào quang đối với Metty và hào quang đối với Ferdinand.

Tôi bắt đầu hiểu thế giới đơn giản và chẳng có gì phức tạp hết cả. Với những người như tôi và Mahesh, và những người Hy Lạp và Italia vô giáo dục ở thị trấn chúng tôi, thế giới là một nơi khá là đơn giản. Chúng tôi có thể hiểu nó, và nếu không có quá nhiều trở ngại chúng tôi còn có thể làm chủ nó. Không có gì quan trọng khi chúng tôi ở xa nền văn minh của chúng tôi, xa khỏi những người chế tạo và sản xuất. Không quan trọng gì việc chúng tôi không thể làm được những gì chúng tôi muốn sử dụng, bởi vì mọi người thậm chí không hề có kỹ năng kỹ thuật của những người tiền sử. Trên thực tế, càng ít học thì chúng tôi lại càng được đến trong thanh bình, chúng tôi càng dễ tiếp nối nền văn minh của chúng tôi hoặc các nền văn minh khác.

Với Ferdinand thì không có khả năng đó. Nó không bao giờ có thể đơn giản. Nó càng cố càng trở nên lẫn lộn. Trí óc nó rối tuếch, tôi bắt đầu nghĩ thế. Đó là một mớ hồ lộn, đầy những thứ vớ vẩn.

Cùng với việc những thằng bé các bộ lạc chiến binh xuất hiện, ở trường trung học bắt đầu có những lời khoác lác và tôi bắt đầu cảm thấy Ferdinand – hoặc ai đó – cũng đã khoác lác về tôi. Hoặc là cái gì đó không đúng về tôi. Cả thế giới dường như chỉ quay xung quanh cái ý nghĩ rằng tôi quan tâm đến giáo dục và các lợi ích cho giới trẻ châu Phi.

Các chàng thanh niên, không phải tất cả đều là học sinh trường trung học, lũ lượt kéo đến cửa hiệu, có khi cầm sách trên tay, có khi với bộ đồng phục Semper Aliquid Novi rõ ràng là đi mượn. Chúng muốn tiền. Chúng nói chúng nghèo và muốn tiền để có thể tiếp tục học tập. Một số kẻ ăn mày đó rất táo tợn, đi thẳng đến chỗ tôi và nói ra những yêu cầu, những đũa nhút nhát lượn quanh quần cho đến khi thấy không có ai trong cửa hiệu. Chỉ một số mới nghĩ đến việc phải bịa ra các câu chuyện, và những câu chuyện đó thì giống hệt chuyện của Ferdinand, một người cha bị chết hoặc ở xa, mẹ ở làng, một đứa trẻ không được bảo vệ và đầy tham vọng.

Tôi kinh ngạc trước sự ngu ngốc này, rồi tôi bực mình, tôi phát điên lên. Không một đứa nào trong số đó để ý đến việc bị Metty tổng khứ khỏi cửa hiệu, một số còn vác mặt quay lại nữa. Cứ như thể chẳng đứa nào thêm quan tâm đến những phản ứng của tôi, cứ như thể ở nơi nào đó tại thị trấn tôi đã được gán cho một "tính cách" đặc biệt, và điều tôi nghĩ về chính bản thân mình chẳng có tầm quan trọng nào hết. Rằng cái đó chẳng gây ngán ngấm tí nào. Tính vô tội, ngây thơ chẳng ra ngây thơ này - tôi nghĩ chỉ có thể do Ferdinand chỉ lỗi, do cái cách nó suy diễn từ mối quan hệ của chúng tôi và ý tiếng của nó về điều mà tôi có thể có ích.

Tôi đã nói với Mahesh, rất nhẹ nhàng, về những vấn đề đã được giản lược hoá vì lợi ích của một người đầy thiện chí "Ferdinand là một người châu Phi". Ferdinand có lẽ làm điều nó làm với tôi với lũ bạn của nó, khi giải thích mối quan hệ với tôi. Và giờ đây tôi cảm thấy hết những lời dối trá và tráo trở của nó, cảm thấy cái nhân vật nó gán cho tôi, một cái mạng đã được tung ra trùm lên tôi. Tôi trở nên hết sức khổ sở.

Có lẽ điều này là đúng với tất cả chúng tôi, những người nước ngoài ở đất nước này. Những sự kiện mới đã chỉ ra sự vô vọng của chúng tôi. Giờ đã có hoà bình theo cách nào đó, nhưng toàn bộ chúng tôi – người châu Á, Hy Lạp và những người châu Âu nữa – vẫn rất khổ sở, vì bị đối xử theo những cách khác. Một số sợ hãi, cư xử hết sức cẩn trọng, cần phải tỏ ra tận

tuy với ai đó, những người khác làm giống tôi. Điều đó đã có trong lịch sử của vùng này, tại đây con người thường xuyên là con mồi. Bạn không cảm thấy tàn độc đối với con mồi của mình. Bạn tạo ra một cái bẫy cho nó. Cái bẫy có thể hụt mười lần, nhưng nó vẫn luôn là cái bẫy mà bạn dựng lên.

Không lâu sau khi tôi đến Mahesh nói với tôi về những người châu Phi bản địa "Anh không bao giờ được quên, Salim ạ, rằng họ malin lắm", Anh nói tiếng Pháp, vì những từ tiếng Anh mà anh có thể dùng – "tinh quái", "láu lỉnh", "xấu tính" – đều không đúng. Những người ở đây malin theo kiểu malin của một con chó đuổi theo một con thằn lằn, hoặc giống như cách một con mèo đi bắt chim. Những người ở đây malin bởi vì họ biết rằng con người chỉ là những con mồi.

Họ không phải là những người ngu ngốc. Họ rất nhỏ và nhẹ cân. Như thể để trừng phạt sự mênh mông của sông và rừng ở đây, họ thích chính mình làm người khác bị thương tổn. Họ không sử dụng nắm đấm. Họ sử dụng lòng bàn tay, họ thích đẩy, xô lẫn, vỗ tay. Buổi đêm, hơn một lần, bên ngoài một quán bar hoặc một tiệm nhảy nhỏ, tôi nhìn thấy một kẻ như thế đã say xỉn đẩy và xô, một tràng vỗ tay, trở thành một tên giết người có hệ thống, như thể vết thương thứ nhất và chỗ chảy máu thứ nhất làm cho nạn nhân biến thành cái gì đó kém một con người, và thúc đẩy tên sát nhân hoàn thành sự tàn phá của mình.

Tôi không được bảo vệ. Tôi không có gia đình, không cờ, không vật tổ. Ferdinand đã nói gì với lũ bạn của nó về điều đó? Tôi cảm thấy đã đến lúc tôi phải chấn chỉnh mọi việc với Ferdinand, và cho nó biết một điều khác về tôi.

Tôi sớm tìm thấy cơ hội. Một buổi sáng có thằng nhóc ăn vận bánh bao bước vào cửa hiệu với một quyển sổ cái cầm tay. Nó thuộc loại người rụt rè. Nó nhìn quanh, tìm người và khi nó đi đến chỗ tôi, tôi nhìn thấy cuốn sổ không có vẻ gì là sổ kinh doanh như thoạt nhìn. Gáy của cuốn sổ màu đen và nham nhở vì bị cầm nhiều. Tôi cũng nhìn thấy cái áo của nó, rõ

ràng là cái áo đẹp nhất nó có, không sạch sẽ như tôi nghĩ. Đó là một cái áo đẹp nó chỉ mặc vào những dịp đặc biệt, rồi cởi ra và treo lên một cái mắc áo, rồi mặc lại khi có một dịp đặc biệt khác. Cổ áo vàng ệch ra ở bên trong.

Nó nói "Mis Salim".

Tôi cầm lấy cuốn sổ, còn nó ngó lơ, mi mắt sụp xuống.

Cuốn sổ thuộc về trường trung học và nó đã cũ lắm rồi. Nó là một vật thuộc về giai đoạn cuối của chế độ thực dân: cả một danh sách đăng ký cho một phòng tập thể dục mà trường trung học từng có kế hoạch xây dựng. Bên trong bìa là nhãn của trường, với những cánh tay và khẩu hiệu. Đối diện với đó là cái nổi bật hơn cả, bằng lối viết tng Anh bằng tay thuần và đều đã bị người châu Phi ở đây quên đi. Người đóng góp đầu tiên là thống đốc tỉnh, và ông ta ký thật rõ ràng, trên cả một trang giấy. Tôi mở các trang, nhìn vào những chữ ký riêng của các quan chức và thương gia. Tất cả còn mới, nhưng dường như đã thuộc về một thế kỷ nào trước đây.

Tôi nhìn thấy, với sự quan tâm đặc biệt, chữ ký của một người thuộc cộng đồng chúng tôi mà Nazruddin từng nói đến. Người này có những ý tưởng rất cổ về tiền bạc và sự an toàn, ông ta dùng sự giàu có của mình để xây lên một cung điện, mà ông ta đã phải rời bỏ sau độc lập. Các lái buôn, những người đã thiết lập quyền lực cho chính phủ trung ương, đã đến đóng ở đó, giờ đây cung điện là một trại lính. Ông ta đóng góp một khoản tiền lớn. Tôi thấy chữ ký của Nazruddin – tôi ngạc nhiên, tôi đã quên rằng ông đã từng ở đây, ở giữa những cái tên của thời thực dân đã chết này.

Phòng tập thể dục vẫn chưa được xây. Tất cả những phô trương về lòng trung thành và lòng tin vào tương lai và niềm tự hào công dân này đã đi tong. Nhưng cuốn sổ vẫn còn lại. Giờ đây nó đã bị đánh cắp, những tài sản bằng tiền được công nhận. Ngày tháng đã bị viết đè lên, rất rõ, và tên của cha Huisman đã được viết đè lên chữ ký của người đứng đầu giáo xứ trước ông.

Tôi nói với thằng bé đứng trước mặt "Tôi sẽ giữ cuốn sổ này. Tôi sẽ đưa nó cho những người sở hữu nó. Ai đưa cho anh cuốn sổ này? Ferdinand phải không?"

Trông nó thật thê thảm. Mồ hôi bắt đầu rịn ra từ cái trán thấp của anh ta, và anh ta lau vội nó đi. Anh ta nói "Mis Salim".

"Anh đã làm việc của anh rồi. Anh đưa cho tôi cuốn sổ. Bây giờ thì đi đi".

Anh ta vâng lời.

Ferdinand đến vào buổi chiều hôm đó. Tôi biết nó – nó muốn nhìn vào mặt tôi, và tìm ra dấu hiệu về cuốn sổ. Nó nói "Chú Salim?" tôi không thêm nói. Tôi để nó đứng đấy. Nhưng nó không phải đứng đó lâu.

Metty đang ở trong nhà kho, và Metty hẳn là phải nghe thấy tiếng nó. Metty gọi "Oo-ông!" Ferdinand trả lời, và đi vào nhà kho. Nó và Metty bắt đầu chuyện trò trong đó. Cơn nóng giận của tôi trào lên khi nghe những âm thanh thoả mãn rì rào, nhiều ngữ điệu đó. Tôi lấy cuốn sổ về phòng tập thể dục từ ngăn kéo bàn và đi vào nhà kho.

Căn phòng, với một cửa sổ nhỏ có chấn song ở trên cao, một nửa đang ở trong bóng tối. Metty đang ở trên thang, đang kiểm lại hàng ở những giá tường. Ferdinand đang cúi xuống những cái giá ở bức tường khác, chỉ ngay dưới cửa sổ. Thật khó để nhìn thấy mặt nó.

Tôi đứng ở cửa ra vào. Tôi phác một cử chỉ về phía Ferdinand với cuốn sổ và nói "Cháu đang gặp rắc rối đấy"

Nó nói "Rắc rối gì cơ?"

Nó nói theo cái lối thẳng băng, không âm sắc của nó. Nó không hề muốn tỏ ra châm biếm, nó thực sự hỏi tôi đang nói về chuyện gì. Nhưng tôi

thật khó nhìn thấy mặt nó. Tôi nhìn thấy lòng trắng mắt nó, và tôi nghĩ tôi nhìn thấy khoé miệng nó đang nhả ra thành một nụ cười. Khuôn mặt này gợi đến những cái mặt nạ đầy ghê sợ! Và tôi nghĩ: phải – rắc rối gì cơ?

Nói về rắc rối là tự coi như là có luật lệ và điều chỉnh mà ai cũng phải công nhận. Ở đây chẳng có gì hết cả. Cũng đã từng có trật tự ở đây, nhưng trật tự đó cũng có những vô lý và tàn ác – điều đó giải thích tại sao thị trấn đã bị bóc sạch. Chúng tôi sống trong sự đổ nát đó. Thay vì những quy định thì giờ đây chỉ các quan chức mới có thể phán định bạn đúng, sau khi bạn đã trả tiền. tất cả những gì tôi có thể nói với Ferdinand là "Đừng có làm hại ta, cậu bé, bởi vì ta có thể làm hại cháu nhiều hơn thế".

Tôi bắt đầu nhìn thấy gương mặt nó rõ ràng hơn.

Tôi nói "Cháu hãy mang cuốn sổ này trả về cho cha Huismans. Nếu cháu không làm, thì chính chú sẽ làm. Và chú sẽ thấy ông ta đuổi thẳng cháu về nhà".

Trông nó tái nhợt, như thể bị tấn công. Rồi tôi nhận ra Metty đứng trên cầu thang. Metty căng thẳng, hồi hộp; mắt nó đã phản bội lại nó. Và tôi biết là tôi đã sai lầm, đã dồn hết sự tức giận lên đầu Ferdinand.

Đôi mắt Ferdinand sáng bừng lên, và lòng trắng càng lộ rõ ràng hơn. Đến lúc này, vào cái thời điểm khủng khiếp này, trông nó giống như một nhân vật hoạt hình trong một bộ phim cổ lỗ. Nó dường như đang cúi về trước, suýt mất thăng bằng. Nó thở thật sâu. Mắt nó rời khỏi mặt tôi. Nó đang điên lên vì tức, cảm giác bị xúc phạm đã làm nó trở nên điên rồ. Hai tay nó để thẳng và rộng ở hai bên sườn nên trông như dài hơn thường lệ. Đôi bàn tay nó co cứng lại. Miệng nó mở rộng. Nhưng điều tôi nghĩ là một nụ cười lại hoàn toàn không phải nụ cười. Nếu ánh sáng rõ hơn tôi có thể thấy cái đó từ đầu.

Trông nó thật đáng sợ, và tôi chợt nghĩ: đó là cách xử sự của nó khi nhìn thấy máu nạn nhân của mình, khi nó thấy kẻ thù bị giết. Và tiếp theo ý nghĩ đó là một ý nghĩ khác "Sự điên giận đang bao trùm lên cả thị trấn".

Tôi có thể đẩy sự việc lên cao hơn, và biến sự giận dữ đó thành những giọt nước mắt. Nhưng tôi đã không đẩy lên. Tôi nghĩ tôi đã cho cả hai đứa một ý tưởng mới về việc tôi là người như thế nào, và tôi để chúng lại trong nhà kho để bình tâm lại. Một lúc sau tôi nghe chúng nói với nhau, nhưng rất nhỏ.

Vào lúc bốn giờ, giờ đóng cửa, tôi gọi to Metty. Và nó, sung sướng vì có cơ hội để đi ra ngoài và được hoạt động nói, "Patron", và nhăn nhó mặt mày để chứng tỏ nó làm công việc đóng cửa hàng nghiêm túc đến mức nào.

Ferdinand đi ra, khá bình tĩnh, bước đi với bước chân nhẹ nhàng. Nó nói "Salim?" tôi nói "Chú sẽ mang trả cuốn sổ". Và tôi nhìn thấy nó bước đi trên đường phố đỏ quạch, cao lớn, buồn bã và chậm chạp dưới những cây phượng không lá, đi ngang qua những quầy hàng chợ của thị trấn.

KHÚC QUANH CỦA DÒNG SÔNG

V. S. Naipaul

www.dtv-ebook.com

Dịch Giả: Cao Việt Dũng

Chương 4:

Cha Huismans không có đó khi tôi bước vào trường trung học cùng với cuốn sổ. Chỉ có một người Bỉ trẻ tuổi ở phòng thường trực, anh ta nói với tôi là cha Huismans thỉnh thoảng thích đi vắng vài ngày. Ông đi đâu? "Ông đi đến vùng cây bụi. Ông đến tất cả các ngôi làng ở đó", người đàn ông trẻ tuổi nói, rất nóng nảy – anh ta có thể là thư ký hoặc thầy giáo. Anh ta còn nóng nảy hơn khi tôi đưa anh ta cuốn sổ quyền góp.

Anh ta nói "Chúng nó đến và cầu xin để được nhận vào trường. Ngay khi cho chúng vào là chúng bắt đầu ăn cắp. Chúng có thể làm sạch cả cái trường nếu anh đi vắng. Chúng đến và cầu xin trông coi con chúng. Thế rồi trên phố chúng xô đẩy anh để anh thấy rằng chúng chẳng thêm quan tâm đến anh". Anh ta trông không được khoẻ. Anh ta trông tái nhợt, nhưng lớp da dưới mắt anh ta lại đen, và anh ta toát mồ hôi khi nói. Anh ta nói "Tôi xin lỗi. Sẽ là tốt hơn cho anh nếu nói với cha Huismans. Anh phải hiểu là không hề dễ dàng cho tôi ở đây. Tôi sống bằng bánh mật và trứng".

Điều này vang lên như thể anh ta đang có một chế độ ăn kiêng phong phú. Rồi tôi hiểu thực sự anh ta nói với tôi là anh ta đang chết đói.

Anh ta nói "Cha Huismans kỳ này có ý định cho bọn trẻ châu Phi đồ ăn. Có vẻ là tốt đấy. Có một bà châu Phi tại thủ đô làm được rất nhiều điều kỳ diệu với tôm pandan và tôm cua. Nhưng ở đây lại có sấu và bánh chân vịt trong nước sốt cà chua. Trông chỉ giống nước sốt cà chua thôi. Ngày đầu tiên! Dĩ nhiên, chỉ là để cho lũ nhóc thôi, nhưng hình ảnh ấy làm dạ dày tôi cồn cào cả lên. Tôi không thể đứng lại trong cảnh nhìn chúng nhai.

Giờ thì tôi không thể buộc mình ăn bất cứ thứ gì của nhà bếp nữa cả. Tôi không có đồ làm bếp trong phòng, và ở xe của Weyden có mùi cống bốc lên từ hiên. Tôi phải đi đây. Tôi phải ra đi. Cha Huismans thì ổn thôi. Ông ấy là người tu hành. Tôi thì không phải là người tu hành. Ông đi vào vùng cây bụi. Tôi không muốn đi vào cây bụi."

Tôi không thể giúp anh ta. Thực phẩm là vấn đề với tất cả mọi người ở đây. Tôi cũng chẳng khá hơn là mấy; hôm đó tôi ăn trưa với một cặp vợ chồng Ấn Độ, trong cái mùi khủng khiếp của a nguyễn và khăn trải bàn mùi dầu.

Một tuần sau trở lại trường tôi được biết rằng chỉ hai ngày sau khi gặp tôi, anh chàng người Bỉ trẻ tuổi đã lên tàu thủy đi mất. Chính cha Huismans báo cho tôi tin đó, và cha Huismans, da rám nắng và khoẻ khoắn sau chuyến đi của mình, có vẻ như không lấy gì làm lo lắng về chuyện mất đi một giáo viên. Ông nói ông rằng mừng thấy cuốn sổ quỳên góp trở về. Đó là một phần của lịch sử thị trấn, những đứa trẻ từng ăn cắp sách có thể nhận ra điều này vào một ngày nào đó.

Cha Huismans trạc bốn mươi tuổi. Ông không ăn vận theo lối tu sĩ, mà thường mặc quần bình thường và áo sơ mi khiến ông có vẻ như không phải người ở đây. Ông có khuôn mặt "dài ngoẵng" mà tôi nhận thấy là một số người châu Âu – người A rập hay người Ba Tư và Ấn độ thì không bao giờ - cũng có. Trên những gương mặt đó có cái gì đó trẻ con ở cái môi chẻ và cái trán dô ra. Có vẻ như là những người đó dễ thiếu thốn, họ có vẻ như đã phải trải qua những tháng trầm tư rất sớm. Một số người trong đó đúng là yếu ớt như vẻ ngoài của họ, một số rất cứng rắn. Cha Huismans rất cứng rắn. Ấn tượng ông tạo ra là cái gì đó chưa hoàn thành, sự yếu ớt và cứng rắn.

Ông rời khỏi bờ sông, đi thăm những ngôi làng ông biết, và ông mang về nhà hai thứ - cái mặt nạ và bức chạm gỗ cũ kỹ. Ông thường xuyên muốn

nói về những thứ đó hơn là nói về người giáo viên đã bỏ đi hoặc về cuốn sổ bị mất cắp.

Bức chạm gỗ thật tuyệt. Nó cao khoảng năm feet, một khuôn mặt người rất gầy gò, chỉ có những đường viền, cổ và đầu, rất chân phương, được chạm trên một mẫu gỗ chu vi không lớn hơn sáu đến tám inch. Tôi biết về bức chạm – đó là một trong những thứ chúng tôi buôn bán ở bờ biển, chúng tôi tạo ra công việc cho một vài gia đình của một bộ lạc làm nghề chạm khắc. Nhưng cha Huismans chẳng buồn để ý đến thông tin tôi nói với ông, mà chỉ nói về điều ông thấy trong khuôn mặt ông mang về nhà. Với tôi nó là một mẫu gỗ cường điệu quá mức và quá thô tháp, một trò đùa của người đã khắc ra nó (những người thợ khắc tinh xảo cũng làm những việc như thế), Nhưng cha Huismans hiểu khuôn mặt gầy gò nói gì, và với ông nó là thứ đầy tưởng tượng và ý nghĩa.

Tôi lắng nghe, và cuối cùng ông mỉm cười nói "semper aliquid novi". Ông đã dùng câu khẩu hiệu của trường để nói đùa. Những từ này đã cổ lắm rồi, ông nói với tôi, và có nguồn gốc châu Phi. Một nhà văn La Mã cổ đã viết câu đó về châu Phi rằng nơi đó "luôn có cái gì đó mới mẻ" – semper aliquid novi. Và khi đề cập đến mặt nạ và chạm khắc, những từ đó vẫn hoàn toàn đúng. Mọi tác phẩm chạm khắc, mọi mặt nạ đều phụng sự một mục đích tôn giáo cụ thể, và chỉ có thể làm được một lần. Bản sao thì chỉ là bản sao, không có cảm giác hay sức mạnh huyền bí nào trong chúng hết cả. Ông thấy trong những cái mặt nạ và đồ chạm trở một tính chất tôn giáo, không có tính chất đó mọi vật đều sẽ chết cứng chẳng hề có vẻ đẹp gì hết.

Thật lạ là một giáo sĩ Cơ đốc lại có cách nhìn nhận như thế đối với các tín ngưỡng châu Phi, những cái mà trên bờ biển chúng tôi chẳng hề mấy may để ý đến. Và dù cha Huismans biết nhiều đến vậy về tôn giáo châu Phi và lao vào cuộc biến động lớn đến thế để tìm những mẫu đó, tôi chưa bao giờ cảm thấy ông quan tâm đến người châu Phi theo bất kỳ cách hiểu nào, ông có vẻ thật bàng quan với thực trạng của đất nước. Tôi ghen tị với ông

về sự bàng quan này, và tôi nghĩ sau khi tôi từ chỗ ông về ngày hôm ấy, châu Phi của ông, châu Phi của dòng sông và cây bụi này, đã khác với châu Phi của tôi. Châu Phi của ông là một chốn đẹp đẽ, đầy ắp những điều mới mẻ.

Ông là một giáo sĩ, là người một nửa. Ông sống bằng những lời thề tôi không thể nói và tôi tiếp cận ông với sự kính trọng của những người như tôi kính trọng những con người thiêng liêng thánh thiện. Nhưng tôi bắt đầu nghĩ về ông như một cái gì đó khác nữa. Tôi bắt đầu nghĩ ông là một người thuần túy. Sự có mặt của ông tại thị trấn làm tôi thích thú. Những thái độ của ông, những mối quan tâm của ông, hiểu biết của ông thêm cái gì đó vào nơi đây, làm cho nó bớt phần cần cỗi. Tôi không thấy phiền gì khi ông chỉ quan tâm đến bản thân ông, ông hờ hững với sự ra đi của một giáo viên của ông, rằng ông chẳng coi tôi là cái thá gì khi nói chuyện với tôi. Với tôi điều đó là một phần của bản chất tôn giáo đặc biệt ở ông. Tôi tìm kiếm ông và cố hiểu những quan tâm của ông. Ông thường xuyên sẵn sàng nói (luôn nhìn xa vắng) và chỉ bảo những gì ông vừa tìm thấy. Đôi khi ông cũng đảo qua cửa hiệu của tôi và mua một số thứ cho trường. Nhưng sự rụt rè – không thực sự là rụt rè – không bao giờ rời bỏ ông. Ông không bao giờ dễ dàng với chính mình. Ông vẫn mãi là một người lạc lõng.

Ông giải thích cho tôi khẩu hiệu thứ hai của thị trấn – những từ La tinh khắc vào toà nhà đồ sộ sát gần cầu tàu: *Miscerique probat populos et foedera jungi*. "Ngài tán thành sự hoà trộn các dân tộc và những mối dây ràng buộc của họ". Đó là nghĩa của những từ đó, và chúng cũng là những từ hết sức cổ, từ mãi thời Rome cổ xưa. Chúng được trích từ một bài thơ về sự hình thành Rome. Người anh hùng đầu tiên của Rome, đến Italy để xây dựng thị trấn cho mình, dừng lại ở vùng đất bờ biển châu Phi. Nữ hoàng tại đây đem lòng yêu chàng, và có vẻ như là chuyến đi Italy đã bị huỷ bỏ. Nhưng rồi các vị thần chứng kiến đã giúp một tay, và một trong số các vị thần nói rằng vị thần Rome vĩ đại không đồng ý định cư ở châu Phi, không đồng ý với sự hoà trộn các dân tộc ở đây và những hiệp ước liên minh giữa người châu

Phi và người Rome. Những từ đó mang ý nghĩa như vậy trong bài thơ cổ tiếng La tinh. Tuy vậy, trong lời khải hiệu, những từ được khắc vào đá granit bên ngoài những cánh cửa cầu tàu, rõ ràng một công trình đã được dựng lên ở châu Phi, vị thần Rome vĩ đại đã đồng ý với sự hoà trộn các dân tộc những mối dây ràng buộc ở châu Phi. *Miscerique probat populos et foedera jungi.*

Tôi phân vân. Những từ ngữ xoáy tròn hai nghìn năm tuổi được dùng để kỷ niệm sáu mươi năm có tàu thủy từ thủ đô! Rome là Rome. Nơi này là cái gì đây? Khắc những từ ngữ lên một công trình bên cạnh dòng sông châu Phi hẳn nhiên là để mời chào xây dựng thị trấn. còn lại chút gì lo lắng, như trong câu thơ nguyên gốc nữa không? Và gần như là ngay khi được dựng lên công trình đó đã bị phá huỷ, chỉ để lại vài mảnh đồng và những từ đầy mỉa mai, lấp bắp với người dân, những người giờ đây đang sử dụng khoảng không gian trước nó để làm một cái chợ và để dựng lều ngủ buổi tối, với những con dê và những chuồng gà cùng khi bị xích (khi cũng là thực phẩm như dê và gà), khoảng hai ngày trước khi tàu thủy khởi hành.

Nhưng tôi mừng vì không nói ra, vì với cha Huismans những từ đó chẳng có gì là dương dương tự đắc hết cả. Chúng là những từ giúp ông tự nhận mình ở châu Phi. Chỉ đơn giản là ông không tìm thấy chính mình tại nơi nào đó trong vùng cây bụi, ông thấy bản thân mình như là một phần của đợt sóng lịch sử khổng lồ. Ông thuộc về châu Âu, ông dùng những từ La tinh để nhắc đến chính mình. Ông chẳng buồn để ý người châu Âu ở thị trấn chúng tôi đều thất học hoặc có sự khác biệt giữa cái ông bảo vệ trong cuộc đời chính ông và cái mà khu ngoại ô đồ nát gần những ghềnh nước bảo vệ. Ông có ý nghĩ riêng của mình về châu Âu, có ý nghĩ riêng về văn minh. Đó là cái nằm giữa chúng tôi. Không có cái gì giống vậy ở giữa tôi và những người mà tôi gặp ở Câu lạc bộ Hellenic. Và cha Huismans nhấn mạnh vào Âu châu tính của mình cũng như sự tách biệt của ông với người châu Phi hơn là những người đó với nhau. Xét theo khía cạnh nào ông cũng được an toàn hơn.

Ông không hề cảm thấy bức bối, như một số người đồng bào của ông, về những gì xảy đến với thị trấn châu Âu. Ông không bị tổn thương bởi những lời sỉ nhục mà người ta ném lên các toà nhà và những bức tượng. Không phải bởi vì ông sẵn lòng tha thứ hơn người khác, hoặc hiểu hơn về những gì đã được làm cho người châu Phi. Với ông sự phá huỷ thị trấn châu Âu, thị trấn mà những người đồng bào của ông đã xây dựng, chỉ là một bước lùi tạm thời. Những cái đó xảy đến khi một cái gì đó lớn lao và mới mẻ được tạo ra, khi mà dòng chảy lịch sử đã được biến đổi.

Đó vẫn luôn là một công trình bên khúc quanh của dòng sông, ông nói. Đó là một địa điểm gặp gỡ tự nhiên. Các bộ lạc có thể thay đổi, quyền lực có thể thăng trầm, nhưng người ta vẫn quay lại đó để gặp gỡ và buôn bán. Thị trấn A rập có thể chỉ đáng kể hơn những công trình châu Phi một chút, và về mặt công nghệ mà nói thì không hơn là bao nhiêu. Người A rập, ở rất sâu trong nội địa, có thể phải xây dựng bằng các vật liệu của rừng, cbsn tại thị trấn của họ chắc phải hơn nhiều một kiểu cuộc sống ở rừng. Người A rập chỉ chuẩn bị con đường cho nền văn minh mạnh mẽ của châu Âu.

Với mọi thứ gắn liền với quá trình thuộc địa hoá của châu Âu, sự mở rộng dòng sông, cha Huismans có một sự sùng kính có thể làm người dân thị trấn kinh ngạc, những người này coi ông là người yêu quý châu Phi và do đó, theo cách nghĩ của họ, là một người đã vượt bỏ quá khứ thuộc địa. Quá khứ này từng thật đáng cay, nhưng dường như cha Huismans coi sự cay đắng là một thứ quà tặng, ông nhìn nhận bên trên cái đó. Từ sân khu sửa chữa tàu gần trạm hải quan, bị bỏ quên rất lâu, đầy những thùng chảo và gỉ sắt, ông lấy đi những mảnh của những chiếc tàu thuỷ cũ và các mảnh máy móc bị dỡ tung từ cuối những năm 1890 và để chúng – giống như những thánh tích của một nền văn minh sớm – tại sân trong của trường trung học. Ông đặc biệt thích thú với một mảnh có trên mình một tấm thép hình bầu dục và trên đó có tên những người đã làm ra nó tại thị trấn Seraing nước Bỉ.

Ngoài những sự kiện đơn giản bên ngoài dòng sông rộng đầy bùn này, ngoài sự trộn lẫn của những dân tộc, những điều lớn lao đang đến vào một ngày nào đó. Chúng tôi chỉ mới bắt đầu chúng. Và với cha Huismans những vết tích thực dân cũng quý giá như những gì thuộc về châu Phi. Châu Phi thực sự ông thấy đang chết hoặc sắp sửa chết. Điều đó giải thích tại sao lại rất cần thiết, trong khi châu Phi còn đang sống, phải hiểu và tập hợp cũng như lưu giữ những gì thuộc về nó.

nhìn vào trông chẳng khác gì một lớp học. Nhưng nó không có cửa sổ mà chỉ có những cửa ra vào đóng ván ô cả hai bên, và chỉ có ánh sáng của một bóng đèn để trần treo trên một sợi dây dài.

Khi cha Huismans lần đầu mở cửa căn phòng cho tôi, và tôi cảm thấy cái mùi nồng ấm của mỡ, đất và chất béo cũ, và có một cảm giác mơ hồ về những mặt nạ nằm trên những cái giá, tôi nghĩ: đây chính là thế giới của Zabeth. Đó là thế giới mà cô trở về sau khi rời khỏi cửa hiệu của tôi. Nhưng thế giới của Zabeth thì sống động, còn nơi đây thì chết. Đó là hiệu ứng của những cái mặt nạ đặt nằm trên giá, nhìn lên không phải khu rừng hay bầu trời mà là mặt dưới của giá phía trên. Chúng là những cái mặt nạ đã bị đặt thấp, theo nhiều nghĩa, và đã mất đi sức mạnh của mình.

Tuy nhiên đó chỉ là cảm giác đến trong một khoảnh khắc. Bởi căn phòng tối, nóng với những mặt nạ bốc mùi ngày một nặng này, cảm giác kính sợ của tôi tăng dần lên, cảm giác của tôi về những cái nằm quanh chúng tôi ở bên ngoài. Điều này cũng giống với nằm trên sông buổi tối. Cây bụi ngập tràn linh hồn, trong bụi cây lan toả sự có mặt bảo vệ của tổ tiên loài người, còn trong căn phòng này mọi tinh thần của những cái mặt nạ chết đó, những sức mạnh chúng có, và sự khiếp sợ mang tính tôn giáo của những con người bình thường, dường như được tập trung hết lại.

Những chiếc mặt nạ và hình chạm khắc trông rất cổ. Chúng như thể đã một trăm tuổi, một nghìn tuổi. Nhưng chúng được đánh dấu niên đại, cha Huismans đã ghi niên đại của chúng. Chúng khá là mới. Tôi nghĩ: cái này

mới chỉ năm 1940 thôi mà. Tôi sinh vào năm đó. Hoặc cái này chỉ năm 1963. là năm tôi đến đây. Trong khi nó được làm ra thì tôi đang ăn trưa cùng Shoba và Mahesh.

Thật cũ, thật mới. Và ngoài cái ý nghĩ kỳ cục về tương lai, cha Huisman còn tự coi mình là tận cùng của tất cả, cuối cùng, chứng nhân may mắn.

KHÚC QUANH CỦA DÒNG SÔNG

V. S. Naipaul

www.dtv-ebook.com

Dịch Giả: Cao Việt Dũng

Chương 5:

Phần lớn chúng tôi đều chỉ biết dòng sông và những con đường nham nhở cùng những gì hai bên chúng. Ngoài đó ra đều là những thứ không được biết đến; điều này có thể làm chúng tôi ngạc nhiên. Hiếm khi chúng tôi đến những nơi ngoài các nơi đã quen thuộc. Trên thực tế, chúng tôi hiếm khi đi xa. Vì lẽ đó, khi đã đi xa, chúng tôi không muốn đi xa đến thế. Chúng tôi chỉ gắn với những gì đã biết – căn nhà, cửa hiệu, câu lạc bộ, quán bar, đường dọc sông vào lúc hoàng hôn. Đôi khi chúng tôi đi chơi cuối tuần tới đảo hà mã trên sông, phía trên ghềnh nước. Nhưng ở đó không có người, chỉ có hà mã – bảy con lần đầu tiên tôi đến, và hiện còn ba con.

Chúng tôi biết đến những ngôi làng bị giấu kín chủ yếu qua những gì chúng tôi thấy ở dân làng khi họ tới thị trấn. Họ trông rất kiệt sức và bơ phờ sau những năm tháng sống biệt lập và muốn, và có vẻ như vui vẻ vì có thể lại được đi lại tự do. Từ cửa hiệu nhìn ra tôi thường thấy họ đi lượn lờ quanh những quầy hàng ngoài chợ trên quảng trường, nhìn chăm chăm các thứ đồ, vải vóc và quần áo may sẵn, và lang thang trở lại những quầy hàng đồ ăn, những đồng kiến gió tấm dầu rán (rất đắt, được bán theo từng thìa một) để trên những mảnh báo, những con sâu có lông nhuộm màu da cam với cặp mắt phòng lên uốn éo trong những cái chậu men, những con ấu trùng trắng, to béo, ẩm ướt và mềm nhũn trong những gói đất ẩm, năm hay sáu con trong một túi – những con ấu trùng đó, hấp thụ thẳng vào cơ thể, không có mùi, là một thực phẩm béo nhiều công dụng, ngọt với những đồ ngọt, thơm với những đồ thơm. Tất cả đều là của rừng, những ngôi làng đã

mất chúng hoàn toàn (lũ ấu trùng sống trong lõi của cây cổ thụ), và không ai muốn đi kiếm chúng xa như vậy trong rừng.

Ngày càng có nhiều dân làng đến thăm và cắm trại ở lại thị trấn. Ban đêm họ nấu ăn trên đường phố và các quảng trường. Trên vỉa hè dưới những tấm bạt cửa hiệu, những bức tường tượng trưng được dựng lên che chắn cho những chỗ ngủ - hàng rào thấp hoặc bìa cứng dựng giữa những hòn đá hoặc những viên gạch, hoặc những đoạn dây thừng (giống những sợi cáp của một sàn quyền anh thu nhỏ) giữa những ụ đá.

Từ chỗ bị bỏ rơi, thị trấn bắt đầu đông đảo trở lại. Có vẻ như là không gì có thể ngăn dòng người đến từ những ngôi làng. Kể từ đó, từ những nơi không được biết đến ngoài thị trấn, lan đi lời đồn đại về một cuộc chiến tranh.

Và đó là cuộc chiến tranh cũ, cuộc chiến vẫn cứ tiếp diễn, cuộc chiến tranh mang hơi hướng bộ lạc nổ ra vào lúc độc lập, đã phá huỷ và làm trống trơn thị trấn. Chúng tôi từng nghĩ về nó và làm việc với nó, những niềm say mê bùng phát. Không có gì khiến chúng tôi nghĩ khác được cả. Ngay cả những người châu Phi bản địa cũng bắt đầu nói về thời đó như là một thời điên khùng. Họ dùng đúng từ điên khùng. Qua Mahesh và Shoba tôi biết những câu chuyện khủng khiếp về thời kỳ đó, về những vụ giết chóc dân thường của đám lính, những kẻ nổi loạn và lính đánh thuê trong suốt nhiều tháng trời, về những người bị trói gô lại theo đủ kiểu kỳ quái nhất và bị buộc phải hát trong khi đang bị đánh đến chết trên đường phố. Không ai trong số những người đến từ các ngôi làng tỏ ra sẵn sàng với kiểu đối xử rừng rợn đó. Giờ mọi chuyện lại sắp bắt đầu.

Vào thời điểm độc lập người vùng chúng tôi đã phát điên vì giận dữ và sợ hãi – toàn bộ sự tức giận của thời thuộc địa và tất cả nỗi sợ hãi bộ lạc lại thức dậy lần nữa. Người vùng chúng tôi đã quá bị lợi dụng, không chỉ bởi người châu Âu và A rập mà cả bởi người châu Phi, và vào thời điểm độc lập, họ từ chối sự quản lý của chính phủ mới ở thủ đô. Đó là một sự nổi

loạn bột phát, không có người chỉ huy lẫn phương hướng hành động. Nếu phong trào có lý luận riêng, chứ không chỉ là một phong trào đơn giản là sự chối bỏ, người vùng chúng tôi đã có thể coi thị trấn bên bờ sông là thuộc về họ, thủ đô của bất kỳ bang nào mà họ dựng lên. Nhưng họ căm ghét thị trấn vì những kẻ lạ mắt đến đó để quản lý, và họ thích phá huỷ thị trấn hơn là chiếm lấy nó.

Phá huỷ xong thị trấn của mình rồi, họ lại than khóc nó. Họ muốn lại lần nữa thấy nó là nơi để sống. Và nhìn thấy nó đang dần trở lại cuộc sống, họ lại một lần nữa sợ hãi.

Họ giống những người không biết tâm trí mình ở đâu. Họ đã phải chịu quá nhiều nỗi khổ, họ đã chất lên chính mình quá nhiều nỗi khổ. Họ dường như yếu ớt và lo lắng khi rời khỏi làng mình đi về phía thị trấn. Họ cần thức ăn và hoà bình mà thị trấn có thể cung cấp. Nhưng họ lại quay trở về làng mình, muốn phá bỏ thị trấn một lần nữa. Thật là điên rồ! Giống như một trận cháy rừng âm ỉ phía dưới và bùng lên không ai nhìn thấy dưới những rễ cây nó đã phá huỷ và sau đó trời lên mặt đất nham nhở nơi nó có ít cái để tự nuôi mình, ở lưng chừng sự phá hoại và ý muốn phá huỷ lại bùng lên.

Và cuộc chiến tranh, mà chúng tôi nghĩ là đã chết, bỗng chốc lại bao quanh chúng tôi. Chúng tôi nghe tin về những cuộc mai phục dọc những con đường mà chúng tôi biết, về những ngôi làng bị tấn công, về những tộc trưởng và quan chức bị giết.

Chính vào lúc đó Mahesh nói một điều mà tôi còn nhớ. Đó không phải là điều tôi thường trông chờ ở anh – một người chăm chú đến thế về bề ngoài và quần áo, người yêu vợ mình đến thế.

Mahesh nói với tôi "Anh làm gì vậy? Anh sống ở đây, và anh còn hỏi điều đó? Anh làm cái tất cả chúng ta đều làm. Anh tiếp tục thôi".

Quân đội kéo vào thị trấn của chúng tôi. Họ đến từ một bộ lạc hiếu chiến phục vụ người A rập như những kẻ săn nô lệ trong vùng, và sau này, với một hoặc hai cuộc binh biến bất thâu, đi lính cho chính phủ thuộc địa. Chính sách này đã có từ lâu rồi.

Nhưng người ta không còn cần nô lệ nữa, và mọi người ở châu Phi hậu thuộc địa đều có thể có súng, mọi bộ lạc đều có thể trở thành bộ lạc chiến đấu. Quân đội chẳng có gì là lạ nữa. Đôi khi cũng có những xe tải chở lính trên đường phố - nhưng có vẻ như lính tráng chẳng bao giờ tỏ ra có súng. Đôi khi có duyệt binh ở các trại lính – toà cung điện do người đàn ông vĩ đại của cộng đồng chúng tôi xây lên, giờ đây trên hàng hiên cả tầng trên tầng dưới đều đầy quần áo phụ nữ phơi (một người Hy Lạp giành được hợp đồng giặt những bộ quân phục), Quân đội hiếm khi quá đáng như thế. Họ không đủ tiền để có thể khá hơn. Họ ở giữa những kẻ thù truyền thống của mình, những người xưa kia là con mồi để họ săn nô lệ, và dù họ được trả lương đều đặn và sống khá tươi tắn, nhưng họ vẫn thiếu quân trang quân dụng. Chúng tôi có một Tổng thống mới, một quân nhân. Đó là cách của ông quản lý đất nước và quản lý quân đội khó khăn của mình.

Điều này tạo ra sự cân bằng cho thị trấn. Là những người được trả lương cao, quân đội thường trú mua bán nhiều. Lính tráng chịu tiêu tiền. Họ mua đồ gỗ, và họ thích thăm – đó là thị hiếu họ hoặc được từ người A rập. nhưng giờ đây sự cân bằng của thị trấn chúng tôi đang bị đe dọa. Quân đội có một cuộc chiến tranh thật sự để đương đầu, và không ai có thể nói liệu những người này, có trong tay vũ khí hiện đại và được lệnh bắn giết, lại không quay trở lại con đường săn nô lệ của tổ tiên mình và biến thành những toán giặc cỏ, như họ đã làm vào thời điểm độc lập, khi mọi quyền lực sụp đổ.

Không, trong cuộc chiến này tôi trung lập. Tôi bị cả hai phía đe dọa. Tôi không muốn thấy quân đội ăn chơi sa đọa. Và dù thông cảm với người

trong vùng, tôi không muốn thấy thị trấn bị phá huỷ lần nữa. Tôi không muốn bên nào thắng hết, tôi muốn sự cân bằng cũ được giữ nguyên.

Một đêm tôi linh cảm thấy chiến tranh đã gần lắm rồi. Tôi choàng tỉnh và nghe tiếng một chiếc xe tải đang chạy đi xa. Đó có thể là bất kỳ chiếc xe tải nào, thậm chí nó có thể là một chiếc của Daulat, đang gần đến đích chuyển đi gian khổ của mình từ phía Đông. Nhưng tôi cứ nghĩ: đó là âm thanh của chiến tranh. Âm thanh này đều đều, tiếng gầm gừ của máy móc khiến tôi nghĩ tới những khẩu súng, và khi đó tôi nghĩ đến những người dân làng khiếp hãi và đói dờ chống lại những khẩu súng đã bắt đầu được sử dụng, những người mà mớ quần áo rách đã có màu tàn tro. Đó là nỗi lo sợ của một khoảnh khắc tình giặc; tôi ngủ lại.

Khi Metty mang cà phê đến cho tôi buổi sáng, nó nói "Quân lính quay lại rồi. Họ đến cầu rồi. Và khi họ đến cầu súng của họ sẽ tịt".

"Metty!"

"Cháu sẽ nói cho chú mà, patron."

Thật tồi tệ. Đúng là quân đội sẽ rút lui, thật là tệ, tôi không muốn thấy quân đó rút đi. Nếu điều đó không đúng thì vẫn tệ. Metty đã hóng hớt những lời đồn đại, và điều nó nói về những khẩu súng tịt ngòi có nghĩa là những kẻ nổi loạn, những người rách rưới, đã tin là những viên đạn không thể giết được mình, rằng tất cả những linh hồn của rừng và của sông vẫn đứng về phía họ. Và điều đó có nghĩa là vào bất kỳ lúc nào, ngay khi có ai đó có lời kêu gọi hợp lý, sẽ có thể có nổi loạn ngay tại thị trấn.

Thật là tồi tệ, và tôi không thể làm gì cả. Cái kho của cửa hiệu – không có gì để bảo vệ cả. Tôi có thứ gì có giá trị nữa không? Có hai hay ba kí lô vàng tôi đã tích trữ được từ những vụ buôn bán nho nhỏ, có những thứ giấy tờ của tôi – giấy khai sinh và hộ chiếu Anh của tôi, có cái máy ảnh tôi đã cho Ferdinand xem, nhưng không muốn chụp ai vào lúc này nữa cả. Tôi

cho tất cả những thứ đó vào một cái thùng gỗ. Tôi cũng nhét vào đó bức tranh tường tôn kính mà bố tôi đã gửi Metty đem tới, và tôi cũng bắt Metty nhét hộ chiếu và tiền của nó vào trong đó. Metty đã trở lại là một gia nhân, lo lắng cho uy tín, thậm chí ngay cả vào lúc này, để làm sao cư xử thật giống tôi. Tôi phải ngăn nó nhét đủ thứ linh tinh vào trong đó. Chúng tôi đào một cái hố ngoài sân ngay dưới cầu thang lộ thiên – thật là dễ; không có hòn đá nào trong đất đỏ - và chôn cái thùng gỗ xuống đó.

Lúc đó là sáng sớm. Sân sau nhà chúng tôi buồn tẻ, tầm thường với ánh mặt trời và mùi những con gà nhà bên cạnh, tầm thường với lớp bụi đỏ và những chiếc lá rơi cùng những bóng cây buổi sáng tôi từng biết khi còn ở bờ biển, tầm thường đến nỗi tôi nghĩ: điều này thật là điên rồ. Một lúc sau tôi nghĩ: mình đã phạm một sai lầm. Metty biết mọi thứ giá trị tôi có trong chiếc thùng này. Tôi đã đặt mình vào tay nó.

Chúng tôi đi mở cửa hiệu, tôi vẫn bán hàng. Chúng tôi bán được một chút ít vào giờ đầu tiên. Nhưng rồi quảng trường chợ trở nên vắng teo và thị trấn yên ắng hẳn. Mặt trời chói chang, và tôi nhìn đắm đắm những bóng cây cùng những sạp hàng, những toà nhà quanh quảng trường.

Đôi khi tôi nghĩ, tôi có thể nghe thấy tiếng của ghềnh nước. Đó là tiếng ồn ào vô tận ở khúc quanh dòng sông này, nhưng vào một ngày bình thường ở đây không thể nghe thấy tiếng đó. Giờ đây dường như nó đã tới và tiếp với ngọn gió. Buổi trưa, khi chúng tôi đóng cửa hiệu để ăn trưa, và tôi đi qua những con phố, chỉ có dòng sông ánh lên dưới cái nắng gay gắt, là còn có vẻ sống động. Dù không có cá nước, chỉ những cây lan dạ hương trôi nổi đến từ phía Nam, và trôi đi về phía Tây, từng lùm một, với những bông hoa màu tím nhạt rất dày giống như những quả sồi.

Hôm đó tôi ăn trưa với cặp vợ chồng người châu Á đã có tuổi – họ từng kinh doanh trong ngành vận chuyển cho tới khi độc lập, khi việc buôn bán dừng lại, và những người khác trong gia đình bỏ đi. Không gì thay đổi ở đó kể từ khi tôi thường xuyên đến ăn trưa với họ hai lần một tuần. Họ là

những người gần như không tin tức ,và chúng tôi rất ít nói chuyện với nhau. Từ mái hiên của ngôi nhà xù xì như trại gia súc nhìn ra những chiếc xe bỏ không, tàn dư của công việc buôn bán trước kia, đang hoen rỉ dần trong sân. Nhẽ ra tôi phải đau lòng vì cảnh này nếu đó là của tôi. Nhưng hai ông bà già có vẻ chẳng hề quan tâm đến việc họ đã mất mát quá nhiều. Họ có vẻ hài lòng với cuộc sống thế này. Họ làm tất cả những gì tôn giáo và những truyền thống gia đình của mình đòi hỏi, và họ cảm thấy – giống như những người già trong gia đình tôi – họ đã sống tốt và hoàn chỉnh.

Ở bờ biển tôi thường chê trách những người trong cộng đồng chúng tôi như thế, thờ ơ với những gì xảy ra quanh họ. Tôi muốn đánh thức họ dậy và cảnh báo họ về nguy hiểm. Nhưng giờ thì lại thật vui được ở cùng những người có tuổi bình tĩnh này, và hẳn là tuyệt lắm, trong một ngày như thế này, không phải rời khỏi căn nhà đó, để được trở lại làm đứa trẻ, được sự khôn ngoan người già bảo vệ, và để tin tưởng rằng họ luôn nhìn nhận đúng vấn đề.

Ai muốn triết học hay lòng tin vào những lúc sung sướng ? Chúng ta đều có thể tự dối mặt được với những lúc sung sướng . Chỉ những thời khắc khó khăn chúng ta mới cần tập hợp lại. Và ở đây, ở châu Phi này, không ai trong số chúng tôi có thể được tập hợp tốt như người châu Phi. Người châu Phi đã khêu lên cuộc chiến tranh này, họ có thể chịu đựng rất giỏi, hơn bất kỳ ai khác, nhưng họ có thể đổi mặt. Ngay cả những kẻ rách rưới nhất trong số họ vẫn còn có làng mạc và bộ lạc, những cái hoàn toàn thuộc về họ. Họ có thể chạy trốn vào thế giới bí mật của họ và biến đi vào những thế giới đó, như họ từng làm trước đây. Và ngay cả khi những điều khủng khiếp xảy đến với họ, họ vẫn chết trong sự thoải mái khi biết rằng tổ tiên của họ đang nhìn xuống cổ vũ họ.

Nhưng điều này không đúng với Ferdinand. Với dòng máu pha trộn của mình, nó trở nên người xa lạ của thị trấn này hệt như tôi. Nó đến căn hộ

buổi chiều, vẻ bối rối, gần như động kinh, vì sự khủng bố châu Phi đối với những người châu Phi xa lạ.

Trường đã đóng cửa các lớp học vì sự an toàn của học sinh và giáo viên. Ferdinand quyết định rằng trường không phải nơi an toàn, nó nghĩ trường sẽ là một trong những nơi đầu tiên bị tấn công nếu bạo loạn nổ ra trong thị trấn. Nó vứt bỏ tất cả những vai diễn của mình, mọi kiểu cách của mình. Lưỡi dao cạo, mà có lúc nó lấy làm kiêu hãnh như một đặc điểm châu Phi mới, nó đã vứt đi, một số thứ làm nó trở nên khác biệt quá vì sợ nguy hiểm, nó mặc quần kaki dày thay cho quần soọc đồng phục của trường. Nó nói về một con đường tưởng tượng đi về phía Nam đến với bộ tộc của cha nó. Nhưng con đường đó không thể đi được – nó biết là không thể - và rõ ràng là phải gửi nó dọc sông về làng mẹ nó.

Thằng bé cao lớn, gần thành một người đàn ông, nức nở "Tôi không muốn về đó. Tôi không biết ai ở đó cả. Mẹ tôi muốn tôi đến đó. Tôi không muốn ở lại thị trấn hay là đến trường. Tại sao bà ấy lại gửi tôi đến trường?"

Chúng tôi, Metty và tôi, cảm thấy thoải mái vì có ai đó để an ủi. Chúng tôi quyết định cho Ferdinand ngủ ở phòng Metty, và chúng tôi sửa soạn chỗ ngủ cho nó. Sự chú ý vào Ferdinand giảm xuống. Chúng tôi ăn sớm, khi trời hửng còn sáng. Ferdinand im lặng trong khi ăn. Nhưng sau đó, khi chúng tôi đã ở những căn phòng khác nhau, nó và Metty nói chuyện.

Tôi nghe Metty nói "Họ đến một cây cầu. Tất cả xe tải dừng lại, và súng sẽ tịt ngòi."

Giọng Metty vống lên cao đầy phấn khích. Đó không phải là giọng tôi vẫn thường nghe khi nó đến thông báo tin tức với tôi hàng sáng. Bây giờ nó không nói như người châu Phi, những người nói cho nó nghe chuyện này.

Buổi sáng quang trường chợ bên ngoài cửa hiệu hoàn toàn không có ai. Thị trấn vẫn trống trơn. Những người ngồi và nằm trên phố chắc là đã bí

mặt bỏ đi.

Khi đến chỗ Shoba và Mahesh để ăn trưa tôi nhận ra những chiếc thảm đẹp nhất của họ đã biến mất, cùng với một số đồ thủy tinh và bạc cao cấp, cả cái mặt bằng pha lê của người đàn bà khoả thân. Shoba có vẻ căng thẳng, đặc biệt quanh đôi mắt, và Mahesh có vẻ lo lắng về cô hơn về bất kỳ cái gì trên đời. Tâm trạng Shoba luôn bao trùm lên bữa ăn, và hôm đó có vẻ như cô muốn trừng phạt chúng tôi vì bữa trưa ngon lành mà cô đã chuẩn bị. Chúng tôi ăn một lúc không nói gì, Shoba nhìn xuống bàn với cặp mắt mỏi mệt, Mahesh nhìn chăm chăm vào cô.

Shoba nói "Nhẽ ra tuần này tôi đã ở nhà. Bố tôi ốm. Tôi đã nói với anh chưa, Salim? Nhẽ ra tôi cần ở với ông ấy. Và hôm nay là sinh nhật ông ấy".

Đôi mắt Mahesh dính chặt xuống bàn. Làm mất đi ý nghĩa của những từ mà tôi thấy là rất khôn ngoan, anh nói "Chúng ta sẽ tiếp tục. Sẽ tốt cả thôi. Tổng thống mới không phải là thằng điên. Ông ấy sẽ không tiếp tục cứ ở lì trong nhà như người cuối cùng, không làm gì cả."

Cô nói "Tiếp tục đi, tiếp tục đi. Đó là tất cả những gì tôi nhẽ ra phải làm. Đó là tại sao tôi bỏ phí cuộc đời mình. Rằng tôi sống thế nào ở chỗ này, giữa những người châu Phi. Salim, đó có phải là một cuộc sống không?"

Cô nhìn xuống đĩa thức ăn của mình, không nhìn tôi. Tôi không nói gì.

Shoba nói "Tôi đã phí phạm cuộc đời mình, Salim ạ. Anh không biết tôi đã phí phạm cuộc đời mình thế nào đâu. Anh không biết sống ở đây tôi thấy sợ hãi thế nào đâu. Anh không biết tôi sợ đến thế nào khi tôi nghe về anh, khi tôi tin có người lạ đến thị trấn. Tôi bị tất cả mọi người làm cho sợ hãi, anh biết đấy" mắt cô giật giật. Cô ngừng ăn, chống đầu ngón tay vào má, như để xua đi một nỗi đau bồn chồn. "Tôi xuất thân từ một gia đình khá, một gia đình giàu có. Anh biết điều đó. Gia đình tôi có những dự định

cho tôi. Nhưng rồi tôi gặp Mahesh. Anh ấy có một cửa hiệu xe máy. Một cái gì đó khủng khiếp xảy đến. Tôi ngủ với Mahesh gần như ngay sau khi gặp anh ấy. Anh biết chúng tôi và cách chúng tôi sống đủ để biết rằng đó là một việc khủng khiếp đối với tôi. Nhưng nó còn khủng khiếp đối với tôi theo một cách khác nữa. Tôi không muốn ai biết điều gì khác sau đó. Đó là lời nguyện của tôi. Tại sao anh không ăn, Salim? Chúng ta phải tiếp tục".

Cặp môi Mahesh mím lại đầy bồn chồn, và trông anh gần phát điên, cùng lúc ánh mắt anh ánh lên khi nghe sự ca ngợi trong những lời phàn nàn, anh và Shoba đã ở với nhau được gần mười năm nay.

"Gia đình tôi truy lùng Mahesh ghê lắm. Nhưng điều này lại càng làm tôi cương quyết thêm hơn. Các anh tôi dọa tạt axít vào người tôi. Họ không đùa đâu. Họ cũng dọa giết Mahesh. Đó là nguyên nhân tại sao chúng tôi đến đây. Tôi chờ đợi các anh tôi hàng ngày hàng giờ. Vẫn vậy. Tôi vẫn đợi họ. Anh biết rằng với những gia đình như gia đình tôi một số điều không phải để đùa. Và rồi, Salim, khi chúng tôi ở đây, một số điều còn tồi tệ hơn đã xảy ra. Một hôm Mahesh nói tôi thật ngu xuẩn khi cứ nơm nớp lo sợ các anh tôi. Anh ấy nói "Các anh của em chẳng có cách nào đến đây hết cả. Họ sẽ gửi một người nào đó tới".

Mahesh nói "Đó là một câu đùa thôi mà".

"Không, đó không phải là đùa. Điều đó đúng. Bất kỳ ai cũng có thể đến đây – họ có thể cử đến bất kỳ ai. Đó không thể là một người châu Á. Đó có thể là một người Bỉ, Hy Lạp hoặc bất kỳ người châu Âu nào. Đó có thể là một người châu Phi. Làm sao mà tôi biết được?"

Cô nói như thế hết cả bữa trưa, và Mahesh bỏ đấy đi, anh có vẻ như đã phải đối mặt với chuyện này trước đó. Sau đó tôi đưa anh vào trung tâm thị trấn – anh nói anh không muốn đi xe. Sự bồn chồn của anh biến mất ngay khi chúng tôi rời chỗ Shoba. Anh có vẻ như không lo lắng gì về những

chuyện Shoba nói về cuộc sống chung của họ và không hề bình luận gì về việc đó.

Anh nói khi chúng tôi đi vào những con đường bụi đỏ "Shoba cứ quá lên thôi. Mọi chuyện không tồi tệ như cô ấy tưởng đâu. Tổng thống mới không điên đâu. Sáng nay tàu thủy đã chở người da trắng đến. Anh không biết à? Hãy đi qua chỗ Van der Weyden anh sẽ thấy họ. Ông ta có thể là con trai của một người hầu. Nhưng ông ta sẽ nắm được tất cả. Ông ta sẽ sử dụng điều đó để đẩy nhiều người vào chỗ của họ. Hãy đến chỗ Van der Weyden. Anh sẽ có một ý tưởng về mọi thứ sau độc lập".

Mahesh nói đúng. Tàu thủy đã tới, tôi đã thoáng thấy nó khi chúng tôi đi ngang qua cầu tàu. Nó không hú còi và lúc trước tôi không nhìn về phía đó. Boong thấp, đáy bằng, nó gần như bị giấu sau những kho hải quan, chỉ để lộ phần cao đằng sau. Và khi tôi dừng lại bên ngoài cửa hiệu của Mahesh, nằm đối diện với Van der Weyden, tôi nhìn thấy một số xe quân đội, và một số xe dân sự cùng taxi đã được điều đến.

Mahesh nói "Thật tốt vì người châu Phi có trí nhớ ngắn. Hãy đến nhìn những người đến để cứu chúng ta khỏi phải tự tử".

Van der Meyden không phải một toà nhà cổ, cao bốn tầng bằng bê tông với những đường thẳng, một phần của cuộc bùng nổ kinh tế trước độc lập, và dù tất cả những cái đó đã không còn, nó vẫn được coi là một khách sạn hiện đại. Nó có nhiều cánh cửa bằng kính ở tầng trệt, hành lang có một sàn nhà ghép hình, ở đó có những cái thang máy (giờ đây không chạy), có một bàn lễ tân với những quảng cáo chuyển bay trước độc lập và một tấm biển hotel complet thường trực ("không còn chỗ trống") – điều này không đúng trong vài năm gần đây.

Tôi tưởng sẽ thấy một đám đông ở hành lang, ồn ã, om sòm. Tôi thấy chỗ đó trống trải hơn thường lệ, và gần như tĩnh lặng. Nhưng khách sạn có khách, trên sàn nhà loang lổ có khoảng hai mươi hay ba mươi va li dãn

nhãn tên người màu xanh in chữ Hazel's Travels. Những chiếc thang máy không hoạt động, và chỉ có một người phục vụ của khách sạn – một người đàn ông luống tuổi bận đồ phục vụ thời thực dân, quần kaki ngắn, áo vạt ngắn và một t.áp dễ to, thô, có nhiệm vụ khuân đồ lên những bậc thang đá mài cạnh thang máy. Ông ta làm việc dưới sự trông coi trực tiếp của người châu Phi bụng to (đến từ nơi nào đó ở hạ lưu dòng sông), người thường đứng sau bàn lễ tân xia răng và thô lỗ với tất cả mọi người, nhưng giờ đây đang đứng cạnh những chiếc vali vẻ bận rộn và nghiêm túc.

Một số khách mới của khách sạn đang đứng ở quầy bar ngoài hiên, tại đó có vài cây cọ xanh và cây leo trên những chậu hoa bằng bê tông. Sàn nhà bằng đá mài dốc về một cái phen sắt trung tâm, và từ cái phen đó, đặc biệt sau cơn mưa, thường xuyên bay đến mùi cống rãnh. Trong cái mùi đó – giờ đây không đến nỗi khó chịu lắm, trời khô và nóng, ánh mặt trời làm thành một hình tam giác nhảy nhót trên tường – những người đàn ông da trắng ngồi, ăn bánh sandwich của Van der Meyden và uống bia nhẹ của Đức.

Họ mặc đồ dân sự, nhưng họ nổi bật ở mọi nơi. Một đám người bình thường ở quầy bar thường đủ mọi kích thước và nhiều độ tuổi khác nhau. Những người này có vẻ rất khỏe mạnh, thậm chí một số người tóc xám trong số họ còn chưa quá bốn mươi, họ như thể một đội bóng. Họ ngồi thành hai nhóm tách biệt. Một nhóm trông có vẻ nghiêm trọng hơn, âm ỉ, quần áo hào nhoáng, hai hoặc ba người trong số đó rất trẻ, uống khá nhiều và làm trò. Những người trong nhóm kia trầm hơn, râu ria cạo cẩn thận, nét mặt có học thức hơn, ý thức hơn về vẻ bề ngoài của mình. Và bạn có thể nghĩ hai nhóm đã tình cờ gặp nhau ở quầy bar, nếu bạn không thấy họ đi những đôi bốt nặng màu nâu giống hệt nhau.

Thường thì ở Van der Meyden những người phục vụ đều có vẻ uế oải. Những người có tuổi, với những khuôn mặt nhỏ nhàu nhĩ cau có, ngồi ở chỗ của mình và chỉ chăm chăm chờ tiền boa, mặc quần soọc và những cái

tạp dề rất to giống như đồng phục của những người về hưu (và đôi khi, trong sự trầm lặng của mình, họ giấu tay vào trong tạp dề giống như thợ cắt tóc thường làm), những người trẻ hơn, những cậu chàng thời hậu độc lập mặc quần áo của mình rôm rả sau quầy thanh toán như thể là khách hàng. Giờ đây tất cả đều sẵn sàng lao đến phục vụ.

Tôi gọi một tách cà phê, và chưa từng bao giờ tôi có cà phê nhanh đến thế ở Van der Meyden này. Một người đứng tuổi nhỏ nhắn phục vụ tôi. Và tôi nghĩ, không phải là lần đầu tiên, là thời thực dân phục vụ ở khách sạn thường được chọn theo hình dáng thấp nhỏ, để có thể dễ dàng tóm lấy. Không có gì khó hiểu khi ngày trước vùng này lại cung cấp nhiều nô lệ đến thế, những người nô lệ thường thấp nhỏ về ngoại hình, chỉ là một nửa đàn ông, trừ khả năng truyền giống.

Cà phê đến nhanh chóng, nhưng cái bình kim loại sạch bong ông ta mang đến cho tôi chỉ có một nhúm sữa bột trông như đã hỏng. Tôi nhắc cái bình lên. Người đàn ông đứng trước mặt tôi nhìn thấy trước khi tôi chỉ cho ông ta, và ông ta có vẻ khiếp sợ đến nỗi tôi phải đặt cái bình xuống và nhấm nháp thứ cà phê khủng khiếp đó.

Những người đàn ông ở quầy bar hẳn phải đến đây để làm việc gì đó. Có khả năng họ - hoặc những người cùng đi - thậm chí đã bắt tay vào việc. Họ biết họ là những gương mặt gây ấn tượng mạnh. Họ biết tôi đến để xem họ thế nào, họ biết những người phục vụ khiếp sợ họ. Cho đến sáng hôm đó những người phục vụ khách sạn này vẫn kháo nhau những câu chuyện về sự bất khả chiến bại của những tộc người trong rừng, và những người phục vụ khách sạn đó là những kẻ, một khi bạo loạn nổ ra trong thị trấn, có thể làm những chuyện khủng khiếp với đôi bàn tay bé nhỏ của mình. Giờ đây, thật nhanh chóng, họ vụt trở nên e dè. Theo cách nào đó điều này thật tốt, nhưng cũng thật đáng thương hại. Đó chính là cách hoàn cảnh tác động đến bạn, bạn không bao giờ biết phải nghĩ hay phải sợ gì. Sợ hãi hay hổ thẹn - dường như giữa chúng không có cái gì khác cả.

Tôi quay về cửa hiệu. Đó là một cách đương đầu, và một cách để giết thời gian. Những cây phượng đang thay lá, mỏng mảnh, một màu xanh tơ. Ánh sáng đã thay đổi, bóng tối đã bắt đầu vây lấy quanh những phố phường màu đỏ. Những hôm khác vào giờ đó tôi nhẽ ra có thể nghĩ đến một tách trà ở căn hộ, chơi squash ở câu lạc bộ Hellenic, sau đó uống đồ ướp lạnh ở quầy bar nhỏ thô mộc, ngồi ở một cái bàn kim loại và nhìn ánh nắng tắt dần đi.

Khi Metty đi vào, trước khi bốn giờ, giờ đóng cửa, một chút, nó nói "Sáng nay người da trắng đã đến. Một số đến trại lính và một số khác đến trạm thủy điện". Đó là trạm thủy điện, ngược lên dòng sông vài dặm. "Việc đầu tiên họ làm khi tới doanh trại là bắn chết đại tá Yenyi. Chính Tổng thống ra lệnh cho họ làm vậy. Ông này không đùa được đâu, Tổng thống ấy. Đại tá Yenyi chạy ra để gặp họ, họ không để ông ta nói. Họ bắn ông ta ngay trước mặt đàn bà và mọi người. Và trung sĩ Iyanda – người đã mua cái mảnh vẽ hình quả táo ấy – họ cũng bắn anh ta rồi, cùng một vài người lính nữa".

Tôi nhớ Iyanda với bộ quân phục gột hồ cứng đờ, khuôn mặt to bè, và đôi mắt cười, nhỏ, ranh mãnh của anh ta. Tôi nhớ cách anh ta cọ lòng bàn tay lên mảnh vải với hình những quả táo đỏ khổng lồ, cái cách đầy kiêu hãnh khi anh ta rút tiền ra trả - chỉ một khoản nhỏ thôi, thật thế. Cái mảnh! Tin về vụ hành quyết này hẳn làm mọi người dân ở đây thích thú. Không phải vì anh ta là một kẻ tồi tệ, mà vì anh ta thuộc về cái bộ tộc săn nô lệ đáng ghét đó, cũng giống như những người khác trong đội quân đó, giống như đại tá của anh ta.

Ngài Tổng thống đã gửi đến thị trấn và vùng chúng tôi sự khủng khiếp. Nhưng cùng lúc, cũng bằng cách khủng bố đội quân, ông cũng tạo một cử chỉ đối với người dân địa phương. Tin tức về vụ hành quyết lan rất nhanh, và mọi người nhanh chóng trở nên bối rối và bồn chồn. Họ có thể cảm thấy – như tôi cũng đã bắt đầu cảm thấy – rằng lần đầu tiên kể từ độc

lập đã có một sự lãnh đạo thông minh ở thủ đô, và cái độc lập tự do cho tất cả đã chấm dứt.

Tôi có thể thấy sự đổi thay ở Metty. Nó mang về tin tức khá là đầm máu. Dù sao nó cũng bình tĩnh hơn buổi sáng, và nó cũng làm Ferdinand bình tĩnh hơn. Chiều muộn chúng tôi bắt đầu nghe thấy tiếng súng. Buổi sáng hẳn tiếng súng đó đã phải làm chúng tôi kinh khiếp lắm. Giờ đây chúng tôi thấy khá là thoải mái – tiếng súng ở xa, và tiếng ầm ì không khác gì tiếng sấm, mà chúng tôi đã quá quen thuộc. Những con chó bị tiếng động lạ làm rối trí, tru lên từng hồi, khi tiếng súng chùng xuống một chút. Ánh nắng chiều tà, cây cối, khói bếp, đó là tất cả những gì chúng tôi có thể trông thấy khi đi ra tầng đệm ngoài cầu thang lộ thiên để nhìn.

Không ánh sáng nào hiện lên vào lúc hoàng hôn. Không có điện. Máy phát điện lại hỏng, hoặc người ta đã cố tình cắt cầu dao, hoặc trạm phát điện đã bị những kẻ nổi loạn chiếm. Nhưng giờ đây không có điện cũng chẳng sao, điều đó có nghĩa là chí ít cũng sẽ không có bạo loạn ban đêm. Người dân ở đây không thích bóng tối, một số người đi ngủ mà vẫn bật điện trong nhà hoặc lều của mình. Và không ai trong số chúng tôi – cả Metty lẫn Ferdinand và tôi – tin là trạm phát điện bị quân nổi loạn chiếm. Chúng tôi đặt lòng tin vào những người da trắng của Tổng thống . Tình thế này, lúc sáng còn quá rối rắm với chúng tôi, giờ đây đã trở nên rất đơn giản.

Tôi ngồi nán lại trong phòng khách và đọc tạp chí cũ trong ánh sáng của một ngọn đèn dầu. Trong phòng Metty và Ferdinand chuyện trò. Chúng không nói giọng ban ngày hay giọng khi có điện. Cả hai đều nói chậm, trầm ngâm, cũ kỹ, chúng nói như những ông cụ non. Khi vào đến hành lang qua khe cửa, tôi nhìn thấy Metty đang ngồi trên cái vồng của nó, mặc quần đùi và áo lót, và Ferdinand, cũng quần đùi và áo lót, nằm dài trên đệm đặt sát sàn nhà, chân chống vào tường. Trong ánh sáng đèn dầu cảnh tượng giống như bên trong một túp lều, sự lười nhác của chúng, cách nói nhỏ nhẹ, đầy những khoảng dừng và khoảng im lặng, rất hợp với dáng nằm ngồi của

chúng. Lần đầu tiên trong ngày hôm nay chúng đang thư giãn, và chúng cảm thấy giờ đây đã ở xa nguy hiểm đến độ chúng bắt đầu nói về nguy hiểm chiến tranh và các đội quân.

Metty nói nó đã thấy những người da trắng sáng nay.

Ferdinand nói "Có đây lính da trắng ở miền Nam. Đó đúng là một cuộc chiến tranh".

"Nhẽ ra mày nên nhìn họ sáng hôm nay. Họ đi thẳng đến doanh trại và chĩa súng vào tất cả mọi người. Trước tao chưa bao giờ thấy lính nào như thế cả".

Ferdinand nói "Tao thấy lính lần đầu tiên khi tao còn rất nhỏ. Ngay sau khi người châu Âu đi ấy. Ở làng mẹ tao, trước khi tao rời khỏi đó đến ở với bố tao. Tụi lính đó vào làng. Chúngkg có sĩ quan và cư xử thật tệ".

"Chúng có súng không?"

"Dĩ nhiên là có rồi. Chúng tìm người da trắng để giết. Chúng nói bọn tao giấu người da trắng. Nhưng tao nghĩ chúng chỉ muốn làm loạn thôi. Mẹ tao nói chuyện với chúng và chúng bỏ đi. Chúng chỉ bắt theo vài người phụ nữ thôi".

"Mẹ mày nói gì với chúng?"

"Tao không biết. Nhưng chúng rất sợ hãi. Mẹ tao có quyền năng đặc biệt mà".

Metty nói "Thế thì giống người ở bờ biển chúng ta rồi. Ông ta đến từ đâu đó gần đây này. Ông ta xúi giục giết người A rập. Bắt đầu từ chợ.Tao có ở đó. Giá mà mày thấy cảnh đó, Ferdinand ạ. Chân tay cứ là bay tứ tung khắp phố cả".

"Tại sao ông ta giết người A rập?"

"Ông ta nói ông ta vâng lệnh chúa trời của người châu Phi".

Metty chưa bao giờ kể cho tôi nghe chuyện đó. Có thể vì nó cho là chuyện đó chẳng có gì quan trọng, có thể chuyện đó làm nó sợ. Nhưng nó đã nhớ.

Chúng im lặng một lát, tôi có cảm giác Ferdinand đang kiểm lại những gì nó vừa nghe kể. Rồi chúng bắt đầu nói sang chuyện khác.

Tiếng súng vẫn tiếp tục. Nhưng chúng không lại gần hơn. Đó là tiếng những khẩu súng ccz người da trắng tổng thốn phái đến, lời hứa về trật tự và sự tiếp diễn, và nghe nó thật êm đềm, như thể tiếng mưa đêm. Tất cả những gì đang đe dọa, trong cái bên ngoài chưa biết đó, đang được kiểm tra. Và thật là một sự khuây khoả, sau nỗi sợ hãi, được ngồi trong căn hộ có ánh đèn và nhìn cái bóng mà bóng đèn điện không thể tạo ra, và được nghe Ferdinand và Metty trò chuyện bằng giọng ông già đầy lười biếng trong căn phòng đó, giờ đây đã trở thành một cái động nhỏ bé ấm áp. Điều này hơi giống với việc được đưa đến những ngôi làng bí mật trong rừng, đến với sự bảo vệ và bí mật của những túp lều ban đêm – mọi thứ bên ngoài đều bỏ mặc, đều nằm lại sau một đường ranh giới bảo vệ huyền hoặc, và tôi nghĩ, như đã từng nghĩ khi ăn trưa với cặp vợ chồng già, rằng tuyệt làm sao nếu điều đó là sự thật. Nếu sáng ra chúng ta thức dậy và thấy rằng thế giới đã tóe lại chỉ còn lại những gì chúng ta biết và những gì an toàn.

Buổi sáng có máy bay chiến đấu tới. Gần như ngay khi bạn nghe thấy tiếng nó, trước khi bạn có thời gian ra ngoài để nhìn, nó đã âm ỉ, bay thật thấp, vào gào lên theo cái cách khiến bạn khó có thể cảm thấy bạn vẫn thuộc về cơ thể mình, bạn gần như mất hết cảm giác. Một chiếc phản lực bay rất thấp, thấp đến độ bạn có thể nhìn thấy hình tam giác bạc ở thân dưới, là một thứ giết người. Sau đó nó đi khỏi, nhanh chóng biến đi trên bầu trời, đang trắng lên vì độ nóng của ngày đã bắt đầu. Nó lượn vài vòng

nữa quanh thị trấn, chỉ một cái máy bay duy nhất, giống như một con chim xấu xí không chịu bỏ đi. Rồi nó bay qua vùng cây bụi. Cuối cùng nó nhào xuống, và chỉ một lúc sau, cách đó một đoạn, những quả hỏa tiễn nó ném xuống nổ tung ở đó. Chúng kêu như những tiếng sấm mà chúng tôi đã quá quen thuộc.

Nó còn quay lại vài lần trong tuần, vẫn cái máy bay đó, bay là là trên thị trấn và vùng cây bụi, hú họa ném chất nổ xuống. Nhưng chiến tranh đã qua ngày đầu tiên đó. Dù đã là một tháng trước khi quân đội phải trở về từ vùng cây bụi, và cả hai tuần tròn trặn trước khi Van der Meyden bắt đầu mất đi những người khách mới của mình.

Khi mới bắt đầu, trước khi những người đàn ông da trắng tới, tôi tự coi mình là trung lập. Tôi từng chẳng hề muốn bên nào chiến thắng, cả quân đội lẫn quân nổi loạn. Khi đã xong, cả hai bên đều thua trận.

Nhiều người lính – từ bộ lạc chiến binh nổi tiếng – đã bị giết. Nhiều người hơn thế mất súng ống và quân phục trắng đơ cùng bản doanh mà họ đã chi khá tiền để trang hoàng. Quân đội được Tổng thống tổ chức lại, tại nơi rừng xa, ở thủ đô, tại thị trấn chúng tôi quân đội trở nên ô hợp hơn, với người từ nhiều bộ tộc, nhiều vùng khác nhau. Những người của bộ lạc hiếu chiến không còn được bảo vệ tại thị trấn chúng tôi. Có những cảnh khủng khiếp ở doanh trại, đàn bà than vãn trên đường vào rừng, vác theo cái bụng chứa. Một bộ lạc nổi tiếng, giờ đây đã trở nên vô vọng giữa những con mồi truyền thống của mình, đó là một trong những luật cũ kỹ của rừng, một thứ đến từ chính Thiên nhiên, đã được chuyên hóa.

Những người nổi loạn đói rách trong vùng chúng tôi nhanh chóng bắt đầu xuất hiện trở lại thị trấn, đói rách và hèn hạ hơn, mang trên mình những đồng rẻ rách đen kịt, những người chỉ mới vài tuần trước đây từng nghĩ mình đã tìm được sức mạnh bá vật đủ để làm súng của kẻ thù phải gập xuống và thả đạn xuống nước. Trên những gương mặt nhàu nhĩ đó là sự cay đắng, và một số người khi rút lui có vẻ hơi điên khùng. Nhưng họ

cần thị trấn mà họ từng muốn phá huỷ, đúng như Mahesh đã nói, họ đã được cứu khỏi sự tự tử. Họ công nhận trí tuệ mới đang lãnh đạo đất nước từ xa, và họ quay về với thói quen cũ của mình là vâng lời.

Lần đầu tiên kể từ khi tôi đến đây có cái gì đó giống với cuộc sống ở chỗ Van der Weyden. Những chiếc tàu hơi nước mang đến không chỉ đồ tiếp tế cho người da trắng của Tổng thống, mà cả những người đàn bà hết sức bận rộn ăn mặc đẹp, từ những bộ tộc dưới hạ lưu dòng sông, đứng cạnh họ đàn bà vùng chúng tôi, những người chèo thuyền độc mộc và bốc vác, trông như những thằng bé xương xẩu.

Cuối cùng chúng tôi được phép ra đập nước và trạm thủy điện, gần nơi đã xảy ra đánh nhau. Máy móc ở đó không bị động đến, nhưng chúng tôi đã mất đi một trong những hộp đêm mới của mình. Nó đã được dựng lên bởi một người tị nạn từ lãnh thổ Bồ Đào Nha ở phía Nam (một người trốn quân dịch), và có địa thế rất đẹp, trên một vách đá nhìn toàn cảnh dòng sông. Đó là chỗ chúng tôi đã bắt đầu cảm thấy quen thuộc. Cây cối được trang hoàng bằng những bóng đèn màu và chúng tôi ngồi tại những cái bàn kim loại uống rượu vang Bồ Đào Nha nhẹ và nhìn hẻm núi cùng cái đập, như thế thật là sang trọng, và làm chúng tôi trở nên sành điệu. Chỗ đó đã bị quân nổi dậy chiếm và phá tan. Toà nhà chính đơn giản và rất tầm thường – tường bằng những khối bê tông bao quanh một sàn nhảy ngoài trời với một quầy bar được vây kín một bên. Tường vẫn còn (dù họ đã cố đẩy đổ, có những vết đạn chỗ người ngồi), nhưng toàn bộ đồ đạc ở đây đều bị phá huỷ. Sự điên giận của những kẻ nổi loạn không khác gì sự điên giận chống máy móc, điện, mọi thứ không thuộc về rừng rậm và châu Phi.

Có dấu hiệu về sự điên giận đó ở cả những chỗ khác nữa. Sau trận đánh trước đó một cơ quan Liên Hiệp Quốc đã sửa lại trạm điện và bờ đường trên đỉnh đập. Một mảnh kim loại được đặt trên một kim tự tháp nhỏ bằng đá, cách đập một đoạn, ghi nhận lại chuyện đó. Mảnh kim loại đã bị xóa đi, bị đập bằng những thứ đồ kim loại nặng, làm bay đi những chữ cái.

Ở đoạn đầu bờ đường trên đỉnh đập, những ngọn đèn theo tiêu chuân châu Âu từng được đặt để trang trí – đèn cũ tại một trạm năng lượng mới. Một ý tưởng đẹp: nhưng những ngọn đèn đó cũng bị bắn, và lại có mưu toan xoá sạch những chữ cái – tên của những người làm ra đèn vào thế kỷ mười chín ở Paris.

Sự điên giận này tạo nên hình ảnh những người dân thường tay không đương đầu với kim loại. Và chỉ sau vài tuần hoà bình, vẫn những người ấy đến từ các ngôi làng, đói lả và xin ăn trong thị trấn, với họ mọi chuyện đã xa quá rồi, khó mà tưởng tượng ra được nữa.

Chính trong những ngày xa xôi của hoà bình đó cha Huismans đi chuyển đi quen thuộc của mình và đã bị giết. Cái chết của ông có thể không bao giờ được phát hiện ra, có thể chỉ cần vùi xác ông đâu đó trong vùng cây bụi. Nhưng những kẻ giết ông muốn chuyện đó được biết đến. Thi hài của ông được đặt lên trên một cái thuyền độc mộc, và cái thuyền trôi xuôi dòng sông chính cho đến khi mắc vào bờ với một mớ lan dạ hương. Cơ thể ông nát nhừ, đầu bị cắt và đâm thủng. Ông được chôn cất nhanh chóng, với nghi lễ tối thiểu.

Điều này thật là khủng khiếp. Cái chết đó làm cho cuộc đời ông gần như một sự phí phạm. Biết bao hiểu biết đã bị chôn vùi cùng với ông ,và với tôi còn nhiều hơn hiểu biết – thái độ của ông, sự say mê châu Phi của ông, cảm giác của ông về những niềm tin của rừng. Một phần của thế giới đã mất đi cùng với ông.

Tôi từng ngưỡng mộ cha Huismans vì sự trong trắng của ông, nhưng giờ đây tôi phải hỏi liệu cuối cùng cái đó có giá trị gì không. Một cái chết như vậy làm chúng ta đặt câu hỏi về mọi thứ. Nhưng chúng ta là con người, không kể đến những cái chết xung quanh chúng ta, chúng ta vẫn tiếp tục là người trần mắt thịt, và chúng ta không thể mãi ở trong tâm trạng day dứt đó lâu được. Khi đã thoát khỏi tâm trạng đó tôi cảm thấy – một người mới sâu sắc, mới yêu đời làm sao, tôi không hề nghi ngờ điều đó – rằng ông đã sống

đời của mình tốt hơn hầu hết chúng ta. Ý tưởng mà cha Huismans có về văn minh đã khiến ông sống cuộc đời hiến dâng khá đặc biệt của mình. Điều đó khiến ông nhìn ngẫm, sưu tầm, điều đó khiến ông tìm ra sự giàu có của nhân bản, trong khi chúng ta, những người còn lại, chỉ nhìn thấy cây bụi hay ngừng không tìm kiếm gì nữa hết cả. Nhưng ý tưởng của ông về văn minh cũng chính là sự phù phiếm của ông. Cái đó làm cho ông đi đến quá nhiều bộ tộc hồ lẩn bên dòng sông của chúng tôi, và ông đã phải trả giá vì điều đó.

Cái chết của ông còn nhiều bí ẩn. Nhưng cơ thể đã nổi lềnh bềnh trên dòng sông chính trong một cái thuyền độc mộc và đã được nhiều người nhìn thấy. Những lời đồn đại bay quanh trường trung học. Tại thị trấn chúng tôi cha Huismans được tiếng – dù phần lớn người ở đây không hiểu mấy về ông – là người yêu châu Phi, và một số cậu bé ở trường đã rất bối rối và hờn ghen. Một số nổi đóa. Ferdinand – đã hồi lại sau ngày đánh nhau, không còn muốn trở về làng cha mình hay mẹ mình nữa. Tôi không hề ngạc nhiên.

Ferdinand nói "Đó là một cái gì đó 'của người châu Âu, một bảo tàng. Tại đó người ta chống lại chúa của người châu Phi. Chúng tôi có mặt nạ trong nhà và chúng tôi biết nó ở đó để làm gì. Chúng tôi chẳng việc gì phải đến bảo tàng của ông Huismans cả."

"Chúa của người châu Phi" – những từ của Metty, và Metty đã học nó từ người lãnh đạo cuộc nổi loạn chống người A rập ở bờ biển. Tôi đã nghe những từ này lần đầu tiên vào cái đêm khi tôi nghe tiếng súng nổ văng đến từ trạm thủy điện và biết rằng chúng tôi được an toàn. Những từ này, khi nói chúng ta, có vẻ như đã giải thoát điều gì đó cho Ferdinand. Những ngày đó trong căn hộ là những ngày của cơn khủng hoảng đặc biệt đối với Ferdinand, và kể từ đó nó không còn cố đóng một vai kịch nào khác nữa. Như thế đã là một vai diễn có thêm nhiều ý nghĩa hơn. Nó không còn quan

tâm đến việc là một kẻ lạc loài ở châu Phi, đơn giản nó là một người châu Phi, và nó, sẵn sàng để tìm hiểu mọi khía cạnh của tính cách mình.

Điều này không làm nó sống dễ dàng hơn. Nó không còn lịch thiệp, nó trở nên hung hăng và ương bướng, với một sự bồn chồn bí ẩn. Nó bắt đầu xa lánh cửa hiệu và căn hộ. Tôi đồ rằng đó là cách thức để nó tự thể hiện, sau cuộc chiến lớn của quân nổi loạn, rằng nó có thể làm mà không cần tôi. Nhưng rồi một hôm Metty mang đến cho tôi một lá thư của Ferdinand, và bức thư đã làm tôi cảm động. Đó là lá thư chỉ gồm một câu viết bằng những chữ to cỡ cổ trên một mặt giấy kẻ ly xé ra từ một cuốn vở bài tập, và được gửi đi không có phong bì, mặt giấy chỉ được gấp lại thật nhỏ và gọn "Salim! Chú đã giúp cháu lúc đó và coi cháu là thành viên gia đình chú. F."

Đó là lá thư cảm ơn. Tôi đã cho nó trú ẩn dưới mái nhà của tôi, và với nó, một người châu Phi, việc đó thật đặc biệt và cần được ghi nhận. Nhưng nó không muốn tỏ ra xu nịnh hoặc yếu đuối, và mọi thứ trong bức thư đều cộc cằn một cách có chủ đích – không phong bì, tờ giấy kẻ ly được xé ra từ một cuốn vở rất to và rất bẩn, không có từ nào trực tiếp nói đến lời cảm ơn. "Salim!" chứ không phải "ngài Salim", "F" chứ không phải Ferdinand.

Tôi thấy điều này thật buồn cười và đáng cảm động. Dù sao cũng có cái gì đó mỉa mai trong toàn bộ sự việc. Hành động khiến Ferdinand trở nên mềm mỏng là một cử chỉ đơn giản của một người đến từ bờ biển mà gia đình sống thật gần, rất gần, với gia nhân của mình, những người đã từng một thời là nô lệ, thuộc dòng dõi của dân tộc bị bắt cóc từ vùng này của châu Phi. Ferdinand có lẽ sẽ tức điên nếu nó biết điều đó. Lá thư, và tính cách mới bớt khoa trương của nó cũng cho thấy nó đã lớn lên được khá nhiều. Và đó chính là điều mà mẹ nó, Zabeth, tâm niệm khi cô mang nó đến cửa hiệu nhờ tôi trông coi.

Điều Ferdinand nói về bộ sưu tập của cha Huismans, những người khác cũng bắt đầu nói. Khi còn sống, cha Huismans, người thu thập những thứ thuộc về châu Phi, từng được coi là một người bạn của châu Phi.

Nhưng giờ đây việc đó đã thay đổi. Có cảm giác như bộ sưu tập là một cái gì đó chống đối lại tôn giáo châu Phi, và không ai ở trường trung học chịu lấy nó đi. Có lẽ không còn ai ở đó còn đủ kiến thức và kiến văn cần thiết.

Những người khách tham quan đôi khi cũng xem bộ sưu tập. Những bức chạm trổ bằng gỗ vẫn còn nguyên, nhưng trong căn phòng để súng có lấp quạt những chiếc mặt nạ đã bắt đầu hỏng và mùi đã trở nên thật khó chịu. Bản thân những chiếc mặt nạ, nằm ngả nghiêng trên những cái giá mỏng mảnh, dường như đã một đi quyền năng tôn giáo mà cha Huismans đã bảo tôi nhìn trong đó, không có ông, chúng chỉ đơn giản là những đồ vật kỳ cục mà thôi.

Trong không khí hoà bình mới giờ đây đã được thiết lập dài lâu ở thị trấn, chúng tôi bắt đầu đón những khách du lịch từ khoảng một chục nước, giáo viên, sinh viên, cứu trợ này kia và những người chừng như muốn khám phá châu Phi, sung sướng với bất cứ thứ gì tìm thấy, và cao ngạo nhìn những người nước ngoài như chúng tôi sống ở đó. Bộ sưu tập bắt đầu bị phá hoại. Ai còn có tính châu Phi hơn anh chàng châu Mỹ trẻ tuổi đã xuất hiện trong số chúng tôi, người luôn sẵn sàng mặc đồ châu Phi và nhảy những điệu nhảy châu Phi? Một hôm anh ta đột ngột bỏ đi bằng tàu thủy, và sau đó chúng tôi phát hiện bộ sưu tập trong phòng để súng đã bị đóng thùng đi cùng đồ đạc anh ta về Mỹ, không nghi ngờ gì chúng sẽ trở thành trọng tâm của trưng bày nghệ thuật nguyên thủy mà anh ta thường nói đã bắt đầu. Những sản phẩm phong phú nhất của rừng.

KHÚC QUANH CỦA DÒNG SÔNG

V. S. Naipaul

www.dtv-ebook.com

Dịch Giả: Cao Việt Dũng

Phần Ii - Chương 6

Nếu bạn nhìn một đàn kiến đang hành quân bạn sẽ thấy có một số con rất lộn xộn hay đi sai đường. Đàn kiến không có thời gian cho chúng, nó vẫn tiếp tục đi. Đôi khi những con lộn xộn chết. Ngay cả khi điều đó xảy ra cho đàn kiến cũng chẳng mảy may rung động. Có một sự rối loạn nhỏ chung quanh cơ thể chuyển với xấu số, cuối cùng nó sẽ được mang theo – và nó mới nhẹ làm sao. Mọi lúc sự tất bật vẫn cứ tiếp diễn, và điều đó rõ ràng mang tính xã hội rất cao, cái khung cảnh gấp gáp và chào hỏi mà những con kiến đi ngược chiều nhau, đi từ tổ ra và đi về tổ, vẫn thường làm.

Vậy là đã sau cái chết của cha Huismans. Ngày xưa thì hẳn cái chết của ông cũng làm chúng tôi nổi giận đấy, và mọi người hẳn cũng sẽ đổ đi tìm những kẻ đã sát hại ông. Nhưng giờ đây chúng tôi – những người ngoài cuộc, những kẻ cả những người sống ở đây lẫn khách du lịch, những người không còn chỗ nào khác tốt hơn để đi – chỉ cúi gục đầu xuống và tiếp tục công việc của mình.

Thông điệp duy nhất của cái chết của ông là chúng tôi phải cẩn thận hơn và nhớ mình đang ở đâu. Và lạ hơn nữa, khi hành động như thế, khi gục đầu và tiếp tục công việc, chúng tôi chợt nhận ra ông đã thấu thị cho thị trấn chúng tôi. Ông từng nói thị trấn này có thể chịu đựng được sự thất bại nhưng chỉ là tạm thời mà thôi. Mỗi lần sau thất bại, nền văn minh châu Âu lại trở nên vững vàng hơn một chút ở khúc quanh dòng sông này, thị trấn luôn có thể bắt đầu lại, và mỗi lần thật lại có thể phát triển thêm một chút. Trong hoà bình mà hiện tại chúng tôi đang có, thị trấn không chỉ được tái

thiết, nó còn phát triển. Và sự nổi loạn và cái chết của cha Huismans thoáng qua rất nhanh.

Chúng tôi không có được nhãn quan rộng lớn của cha Huismans. Một số trong chúng tôi có những ý tưởng riêng về người châu Phi và tương lai của họ. Nhưng tôi thấy rằng chúng tôi đã thực sự chia sẻ lòng tin vào tương lai với ông. Trừ phi chúng tôi tin rằng những thay đổi đó đến với chúng tôi từ châu Phi, chúng tôi đã không thể nào làm công việc của mình. Có lẽ ở đó kgcó gì quan trọng. Và mặc những cái bề ngoài – chúng tôi cũng có thái độ với chính mình như ông từng có với chính ông. Ông tự coi mình là một phần của một tiến trình lịch sử vĩ đại, có thể đã thấy trước cái chết của chính mình là cái gì đó chẳng hề quan trọng, không mấy may gây xáo trộn - chúng tôi cũng cảm thấy như thế nhưng từ một khía cạnh khác.

Chúng tôi là những người đơn giản có các nền văm minh nhưng không có nhà. Mỗi khi được phép, chúng tôi làm những việc phức tạp chúng tôi phải làm, chúng tôi giống như đàn kiến. Chúng tôi không có nhiều tiện nghi, nhưng vào những khoảng thời gian tốt hoặc xấu chúng tôi sống với sự hiểu biết rằng chúng tôi đáng giá, rằng sự lao động của chúng tôi vào bất cứ lúc nào cũng có thể bị bỏ phí, rằng chính chúng tôi cũng có thể bị thổi bay, và rằng những người khác có thể thay thế chúng tôi. Với chúng tôi đó là khía cạnh đau đớn, khi mà những người khác có thể tới vào thời điểm tốt đẹp hơn. Nhưng chúng tôi sống như đàn kiến, chúng tôi tiếp tục sống như thế.

Những người ở vị trí chúng tôi chuyển nhanh từ sợ hãi sang lạc quan và lại quay trở lại sầu thảm. Giờ đây chúng tôi đang sống trong giai đoạn bùng nổ kinh tế. chúng tôi cảm thấy trí tuệ cai trị mới – và cả nghị lực – từ thủ đô, có nhiều tiền đồng được lưu hành, và hai thứ đó – trật tự và tiền bạc – là đủ để mang lại niềm tin cho chúng tôi. Nó trả lại cho chúng tôi nghị lực, và nghị lực, hơn là tính nhanh chóng hay vốn lớn, là cái chúng tôi sở hữu.

Mọi loại dự án được bắt đầu. Các cơ quan chính phủ khác nhau lại đến; và thị trấn ít nhất cũng trở thành nơi có thể làm việc được. Chúng tôi đã có lại tàu hơi nước, giờ đây sân bay đã được hoạt động trở lại và mở rộng, để đón những chuyến bay từ thủ đô (chở lính). Các cité đông người dần, những cité mới cũng được xây dựng, dù chẳng thấm tháp gì so với làn sóng người đến từ làng mạc, chúng tôi không bao giờ mất đi những trại ngủ đêm đêm trên những đường phố và quảng trường trung tâm. Nhưng giờ đây đã có xe buýt, và nhiều taxi hơn. Chúng tôi thậm chí còn có được một hệ thống điện thoại mới. Những cái đó còn xa mới có thể coi là tốt đối với nhu cầu của chúng tôi, nhưng đó là cái mà Người Đàn Ông Vĩ Đại ở thủ đô muốn cho chúng tôi.

Sự tăng lên của dân số có thể được tính qua số lượng rác rưởi trong các cité. Họ không đốt rác của mình bằng dầu như chúng tôi vẫn làm, họ chỉ ném nó ra những con đường nham nhở - những thứ rác rưởi châu Phi rồi rã, đầy tro. Những đồng rác đó, dù thường xuyên được mưa gột đi, vẫn lớn lên thàng này qua tháng nọ thành những cái đồi nhỏ vững chắc, và những cái đồi đúng nghĩa về chiều cao như những ngôi nhà bằng bê tông trong các cité.

Không ai muốn chuyên rác đi. nhưng những chiếc taxi sặc mùi thuốc tẩy uế, các quan chức sở y tế chỗ chúng tôi tự hào về những chiếc taxi. Và vì lý do đó. Thời thực dân phương tiện giao thông công cộng theo luật được sở tẩy uế mỗi năm một lần. Những người tẩy uế phải trả tiền. Tập quán này vẫn được ghi nhớ/ Ai cũng muốn được làm việc tẩy uế này, giờ đây taxi và xe tải không còn được tẩy uế mỗi năm một lần nữa, mà bất kỳ lúc nào chúng bị tóm. Mỗi lần như thế phải trả phí, và những người tẩy uế ở trong chiếc xe jeep rình taxi và xe tải trốn giữa những ngọn đồi rác. Những con đường bụi đỏ của thị trấn chúng tôi, hàng năm nay bị bỏ quên, đã nhanh chóng oằn xuống dưới sức nặng của giao thông, và những cuộc săn lùng tẩy uế đó theo một cách nào đó là một chuyên động chậm chạp đáng tò mò, với

những chiếc xe của người săn lùng và bị săn lùng chạy ngược xuôi những nếp gấp của đường như những chiếc thuyền ngoài biển.

Mọi người – cũng như các quan chức y tế - những người làm việc qua ngày đều rất quyết tâm và sốt sắng làm việc đó, những người của bên thuế, cảnh sát, thậm chí quân đội. Đội ngũ hành chính đã dày lên, có những người mà bạn có thể phải gọi đến. Bạn có thể được việc nếu bạn biết cách làm.

Và thị trấn ở bên khúc quanh của dòng sông lại bắt đầu cái mà cha Huismans từng thường xuyên nói, rất lâu trước khi những người bên kia bờ Ấn độ dương hau châu Âu tới. Nó đã trở thành trung tâm thương mại cho cả vùng, một vùng rộng lớn. Giờ đây các marchand đến từ rất xa, trải qua hành trình khó khăn hơn Zabeth nhiều, một số người phải đi mất cả tuần lễ. Tàu hơi nước không còn đi dưới thị trấn của chúng tôi nữa, trên ghềnh nước chỉ có những thuyền độc mộc (một số có động cơ lắp ngoài) và một số xuồng lớn. Thị trấn của chúng tôi trở thành một kho hàng hoá, và tôi đã có được một số hăng (trở lại những cái mà Nazruddin từng có) để mua các đồ dùng mà cho đến lúc này tôi chỉ mới mua đi bán lại lẻ.

Có tiền trong các hăng. Sản phẩm càng đơn giản bao nhiêu, hàng hoá càng dễ bán bấy nhiêu. Đó là một kiểu buôn bán khác với buôn bán nhỏ lẻ. Chẳng hạn như pin điện – tôi đã mua và bán khá nhiều rất lâu trước khi chúng tới, tôi không còn phải chạm tay vào chúng hoặc thậm chí không cần nhìn đến chúng. Cái này cũng giống như buôn bán bằng nước bọt, mọi thứ trên giấy tờ cả, cũng giống như một dạng trò chơi – cho đến một ngày bạn chợt nhận ra là pin đã tốt, và bạn đến kho hải quan và nhìn thấy chúng ở đó, những thứ mà những người công nhân ở đâu đó đã làm ra. Những thứ đồ hữu dụng, những thứ đồ cần thiết đó – chúng có thể được nhận trong một hộp giấy màu nâu, nhưng những người đã làm ra chúng hẳn là mất rất nhiều công để dán nhãn đẹp lên chúng với những lời quảng cáo đầy hấp dẫn. Buôn bán, hàng hoá! Một sự bí hiểm mới lớn làm sao! Chúng tôi

không thể làm ra những thứ đồ mà chúng tôi bán, chúng tôi hiếm khi hiểu được những nguyên lý của chúng. Chỉ có tiền mới mang lại những thứ kỳ diệu đó cho chúng tôi, những người ở sâu trong vùng cây bụi, và chúng tôi buôn bán chúng theo cách mới ngẫu nhiên làm sao!

Những người bán hàng từ thủ đô, phần lớn là người châu Âu, giờ thích đi máy bay đến hơn là trôi nổi bảy ngày trên tàu thủy khi ngược dòng và năm ngày khi xuôi dòng, đã bắt đầu ở lại chỗ Van der Meyden, và họ tạo ra một chút đa dạng cho cuộc sống xã hội của chúng tôi. Tại câu lạc bộ Hellenic, tại các quầy bar, chỉ ít họ cũng mang tới hơi hướng của châu Âu và thành phố lớn – bầu không khí trong đó, trong những câu chuyện của họ, khiến tôi có cảm tưởng Nazruddin từng sống ở đó.

Mahesh, cửa hiệu của anh ở đối diện với Van der Weyden, thấy được những người đến và đi, và sự phấn khích đã dẫn anh vào một loạt những cuộc phiêu lưu thương mại nhỏ. Mahesh thật lạ lùng. Anh luôn nhìn thấy một sự bùng nổ kinh tế lớn, nhưng anh có thể tiêu tốn nhiều tuần lễ cho những thứ khá là nhỏ nhặt.

Một hôm anh mua về một cái máy cắt chữ số và anh mua một đồng những tờ giấy nhựa để dán số hoặc chữ. Ý tưởng của anh là cung cấp bảng tên cho thị trấn. Anh tập luyện ở nhà, Shoba nói âm thanh thật là khủng khiếp. Mahesh, trong căn hộ và tại cửa hiệu của mình, trưng ra những mẫu bảng tên làm được như thế chính anh, chứ không phải cái máy, đã tạo ra những chữ đẹp dễ đó. Tính hiện đại và chính xác – và, hơn tất cả, cái vẻ "công nghiệp" của những tấm bảng – thực sự làm anh phấn khích, và anh chắc chắn cũng làm những người khác phấn khích theo.

Anh đã mua bộ dụng cụ từ một người bán hàng ở chỗ Van der Weyden. Đó thực sự là cách làm ăn được chẳng hay chớ của Mahesh, khi nghĩ cần có những đơn đặt hàng in chữ, anh chỉ có thể nghĩ đến việc chạy ngang qua đường đến chỗ Van der Weyden – ngược lại với chẳng đường người bán hàng đã tới bán máy cho anh. Anh dồn toàn bộ hy vọng của

mình vào Van der Weyden. Anh làm lại hết các bảng số phòng, mọi thứ bảng toilet, và anh gắn báng vào hầu hết cánh cửa ở tầng dưới. Chỉ Van der Weyden thôi cũng khiến anh bỏ hơi tai hàng tuần và hoàn được vốn cái máy. Nhưng những người sở hữu Weyden (một cặp vợ chồng người italia trung niên ở tầng dưới cùng, trốn đằng sau những người châu Phi của mình) không muốn dùng chúng. Và không nhiều người trong số chúng tôi cảm thấy nhu cầu phải có tên mình trên những mảnh gỗ hình tam giác trên bàn. Thế là ý tưởng tiêu tan, thứ dụng cụ đó bị bỏ xó.

Mahesh, mỗi khi ấp ủ một ý tưởng mới, lại thích tỏ ra bí hiểm. Chẳng hạn, thời gian anh nhập một chiếc máy từ Nhật Bản để cắt các mẫu gỗ phẳng nhỏ và thìa ăn kem, anh không chịu nói thẳng ra. Anh bắt đầu bằng việc tặng tôi một mẫu thìa trên một mảnh giấy mà người bán hàng đã đưa anh. Tôi nhìn vào cái thìa nhỏ có hình chiếc giày. Nó muốn nói lên điều gì? Anh bảo tôi ngửi và nếm nó, và khi tôi làm vậy anh nhìn tôi theo cái cách làm tôi cảm thấy tôi sắp phải ngạc nhiên đây. Chẳng có ngạc nhiên nào cả, anh chỉ cho tôi thấy – cái gì đó mà tôi phải nói mà tôi chưa bao giờ ngừng nghĩ đến – rằng những cái thìa và que kem này không có mùi vị gì hết.

Anh muốn biết liệu có loại gỗ nào trong vùng được như gỗ Nhật không. Nhập khẩu gỗ từ Nhật với chiếc máy quả là quá phức tạp, và có thể làm cho giá thành thìa và que kem đắt hơn cả kem. Vì vậy vào tuần sao chúng tôi chỉ nghĩ và nói về gỗ. Ý tưởng này hấp dẫn tôi, tôi cũng chú ý vào đó, và bắt đầu nhìn cây cối theo một cách khác. Chúng tôi nếm, ngửi và nếm các loại gỗ khác nhau, trong đó có cả một số loại mà Daulat, người với những chiếc xe tải, mang đến cho chúng tôi trên đường đi về phía đông. Nhưng rồi tôi nhận ra là thật quan trọng việc tìm hiểu – trước khi chạy máy làm thìa – rằng liệu người dân địa phương, với khứu giác của họ với gỗ, có sẵn sàng ăn kem không. Không hiểu tại sao không ai nghĩ đến việc sản xuất kem, dù sao chúng tôi có người Italia trong thị trấn cơ mà. Và làm kem thế nào đây, lấy sữa và trứng ở đâu ra bây giờ?

Mahesh nói "Anh cần trứng để làm kem à?"

Tôi nói "Tôi không biết. Tôi chỉ hỏi anh thôi"

Kem không phải điều Mahesh quan tâm. Anh chỉ quan tâm đến ý tưởng về cái máy đơn giản này, hay đúng hơn là ý tưởng là người duy nhất trong thị trấn sở hữu một cái máy như thế. Khi Shoba gặp anh, anh là một người sửa xe máy, và anh đã từng rất hãnh diện với lời tán tụng của cô rằng anh hơn loại người đó rất nhiều. anh vẫn yêu thích những cái máy nhỏ bé và các loại dụng cụ điện và coi chúng như là những dụng cụ huyền bí làm nên cuộc sống.

Tôi biết một số người như thế ở bờ biển, những người trong cộng đồng chúng tôi, và tôi tin những người như thế tồn tại ở bất kỳ đâu không làm ra được máy móc. Những người đó khéo tay và giỏi giang theo cách của mình. Họ lú lẫn vì những thứ máy móc nhập về. Đó là một phần của trí tuệ của họ, nhưng họ sớm bắt đầu cư xử như thể họ không chỉ sở hữu những cái máy, mà cả bằng sáng chế ra nó nữa vậy, có vẻ họ thích thành những người duy nhất trên đời sở hữu những dụng cụ huyền bí đó. Mahesh tìm kiếm những thứ đồ nhập khẩu tuyệt diệu mà anh có thể độc quyền sở hữu, những thứ đồ đơn giản có thể tạo ra một lối tắt đến với quyền lực và tiền bạc. Chính trong lối nghĩ đó mà Mahesh chỉ trên những marchand một hai bậc, những người vẫn đến thị trấn mua đồ hiện đại để về bán ở làng.

Tôi thường tự hỏi bằng cách nào mà một người như Mahesh có thể tồn tại như đã tồn tại ở thị trấn của chúng tôi. Đó là một kiểu minh triết lặng lẽ và tính cẩn trọng, không nghi ngờ gì nữa. Nhưng tôi cũng bắt đầu cảm thấy anh sống sót được chính là vì cái tính vô tình đó, không mảy may nghi ngờ hay lo lắng gì sâu xa, và – mặc dù anh luôn nói đến việc ra đi đến sống ở một đất nước tốt đẹp hơn (lối nói chuyện điển hình giữa chúng tôi) – không hề có tham vọng gì lớn hơn. Anh hợp với nơi này, anh có thể thấy khó khăn khi phải sống ở bất kỳ nơi nào khác.

Shoba là vợ anh. Cô nói với anh – hoặc bởi sự tin tưởng của cô vào anh – anh giỏi giang đến thế nào, và tôi tin anh cũng tự coi mình là người mà vợ anh nghĩ. Ngoài ra, việc đến đâu thì anh xoay đến đó. Và giờ đây theo cách vô tình nhất, hầu như không có chủ định nào về gí mật hay lừa gạt, anh bỗng dính vào những vụ buôn bán "lớn" làm tôi sợ hãi khi anh nói với tôi về chúng. Dường như anh không có khả năng chống lại bất cứ gì có thể được miêu tả như một lời chào hàng. Và phần lớn những đơn chào hàng đó giờ đây đến với anh từ quân đội.

Tôi không mấy hạnh phúc với quân đội mới. Tôi thích những người đến từ các bộ lạc chiến đấu hơn, với đặc điểm hoang dã của họ. Tôi hiểu niềm tự hào bộ tộc của họ, và – luôn luôn nghĩ đến điều đó – tôi thấy họ ngay thẳng. Các sĩ quan của quân đội mới thuộc một giọng giống khác. Không có luật nhà binh ở đó, không có. Tất cả đều có những cách thức biến đổi giống như Ferdinand, và họ thường là những người trẻ tuổi giống như Ferdinand. Họ hung hăng, nhưng lại không có vẻ lịch thiệp phô trương như ở Ferdinand.

Họ mặc những bộ quân phục theo cách một thời Ferdinand từng mặc đồng phục của trường trung học, họ tự coi mình vừa là những con người mới của châu Phi, vừa là người của châu Phi mới. Họ chơi trò đó cùng với lá quốc kỳ và chân dung Tổng thống – cả hai giờ đây lúc nào cũng đi đôi với nhau – khiến thoát đầu tôi nghĩ, dù sao đất nước cũng đã trải qua, và tất cả những gì xảy ra với họ, các sĩ quan, mọi nôi may mắn đã đưa họ đến nơi phải đến, lúc đầu tôi nghĩ những sĩ quan mới này đứng về phía niềm tự hào mới, có tính chất xây dựng. Nhưng điều này hoá ra lại đơn giản hơn. Lá cờ và chân dung Tổng thống chỉ giống như là những tấm bùa hộ mệnh của họ, nguồn gốc quyền lực của họ. Những người trẻ tuổi đó không thấy rằng cần xây dựng cái gì đó ở đất nước họ. Những gì liên quan đến họ, tất cả đã có ở đây rồi. Họ chỉ cần lấy đi thôi. Họ tin rằng, một khi đã là họ, họ có quyền để mang đi, và sĩ quan ở cấp càng cao tính dở hơi đó lại càng lớn – đó là từ đủ nghĩa nhất.

Với súng và xe jeep, những người đó trở thành những kẻ săn lùng ngà voi và ăn cắp vàng – và cả nô lệ nữa, chẳng khác gì thời xa xưa của châu Phi. Những người đó có thể buôn bán nô lệ, nếu có một thị trường như thế. Họ quay sang các thương gia ở thị trấn khi muốn rửa vàng của mình, hoặc đặc biệt hơn, bán ngà voi mà họ đã cướp được. Các quan chức và chính phủ khắp châu lục này đều dính dáng vào hoạt động buôn bán ngà voi mà chính họ tuyên bố là bất hợp pháp. Điều này làm cho buôn lậu trở thành dễ dàng hơn, nhưng tôi rất ghét dính vào đó, vì một chính phủ tự mình vi phạm luật lệ mình đặt ra cũng rất dễ dàng làm hại bạn. Đối tác làm ăn hôm nay của bạn ngày mai rất có thể thành người bỏ tù bạn, hoặc còn có thể tệ hơn thế nữa.

Nhưng Mahesh không quan tâm đến điều đó. Giống như một đứa trẻ, tôi thấy vậy, anh nhận mọi thứ thuốc độc bọc đường mà người ta trao cho anh. Nhưng anh không phải là một đứa trẻ, anh biết trogn đường có thuốc độc.

Anh nói "Ồ, họ sẽ làm hại anh thôi. Nhưng nếu họ làm hại anh, họ sẽ trả tiền. Thế là đủ. Bạn được bù cho cái giá đã trả bằng phúc lợi. Anh chỉ trả tiền thôi. Tôi không nghĩ là anh hiểu, Salim ạ. Và đó là một điều không dễ hiểu đâu. Ở đây không có gì là đúng là sai hết cả. Không có gì là đúng hết".

Đã hai lần tôi nhận được những cú điện thoại vô nghĩa của anh như một lời cầu cứu, và tôi đã phải mang nhiều thứ khỏi căn hộ của anh.

Lần đầu tiên, một buổi chiều ,sau khi nói không ra đầu ra đũa gì về tennis và giày dép, anh bảo tôi lái xe đến căn hộ của anh và bóp còi xe. Anh không xuống. Anh mở cửa phòng khách và hét xuống cho tôi đang ở dưới phố "Tôi đang bảo đứa hầu mang giày tennis xuống cho anh. Cứ đứng yên đấy, Salim!" và vẫn đứng bên cạnh cửa sổ, anh quay vào và hét với ai đó bên trong "Phonse! Aoutchikong cho Mis Salim!" aoutchikong, bắt nguồn từ caoutchouc của tiếng Pháp chỉ cao su, là thổ ngữ chỉ giày vải. trước mặt

nhiều người, đứa hầu Ildephonse mang xuống cái gì đó được bọc rất kỹ trong giấy báo. Tôi để nó vào băng ghế sau và lái xe đi không nhìn ngang nhìn ngửa. Sau đó khi mở gói ra, thì lại là một bó tiền nước ngoài, và, ngay khi trời tối, bó tiền được đưa ngay xuống cái hố dưới sàn nhà cạnh chân cầu thang lộ thiên. Tôi giúp Mahesh như thế, dù sao cũng chỉ để khích lệ anh. Lần sau đó tôi phải chôn một ít ngà voi. Chôn ngà voi! Chúng ta đang sống trong thời đại nào thế này? Tại sao người ta lại muốn ngà voi để làm, ngoài việc khắc chạm lên đó – tuy ngày nay chẳng mấy ai làm như thế - những gạt tàn thuốc lá, tượng nhỏ và những thứ lặt vặt?

Những chuyến buôn bán như thế đem lại tiền cho Mahesh, và anh tỏ ra biết ơn tôi và lôi kéo tôi vào con đường bằng cách thêm vào kho vàng nhỏ bé của tôi. Anh nói rằng không có gì là đúng cả. Tôi thấy thật khó thích ứng được với điều đo, nhưng anh làm điều đó thật là giỏi. Anh luôn rất ngộ và được chẳng hay chớ, không bao giờ mất bình tĩnh. Tôi buộc phải ngưỡng mộ anh về điều này, dù tính được chẳng hay chớ có thể dẫn anh tới những tình huống khá là lố bịch.

Một hôm anh nói với tôi, với cái kiểu ngây thơ quá mức anh thường có khi định nói với tôi về một vụ buôn bán nào đó "Salim, anh đã đọc báo nước ngoài. Anh có bao giờ đọc thấy gì về thị trường đồng không? Nó như thế nào?" Thế nào cơ đồng cao giá. Chúng tôi đều biết điều đó, đồng là nguyên nhân cuộc bùng nổ kinh tế nho nhỏ của chúng tôi. Anh nói "Người Mỹ đang đánh nhau. Tôi nghe nói trong hai năm qua họ dùng nhiều đồng hơn cả thế giới trong hai thế kỷ vừa qua". Đó là lối nói chuyện thậm xưng, một cuộc chuyện gẫu của những người bán hàng tại chỗ Van der Meyden. Mahesh, vừa đi qua đường, vẫn luân quần với cuộc chuyện gẫu đó, không có nó, anh hẳn có ít ý tưởng hơn anh từng có về những điều đang diễn ra trên thế giới.

Từ đồng anh quay sang các kim loại khác, và chúng tôi nói chuyện một lúc, khá thờ ơ, về những khả năng của thiếc và chì. Rồi anh nói "Thế

còn Uranium thì thế nào nhỉ? Hiện nay giá cả của nó ra sao?"

Tôi nói "Tôi không nghĩ họ đang giá uranium".

Anh nhìn tôi vẻ rất ngây thơ "Nhưng hẳn là cũng phải cao đấy nhỉ? Một thằng cha ở đây muốn bán một mẫu"

"Họ bán uranium theo các mẫu à? Thế trông ra sao?"

"Tôi đã nhìn thấy đâu. Nhưng thằng ca muốn bán nó với giá một triệu đô la".

Đó là cái cách của chúng tôi. Một ngày làm vỡ mặt kiếm sống, mở những cái lon hoen rỉ, nấu ăn bằng lò than trên những cái hố đào trên mặt đất, và giờ đây thì nói về hàng triệu đô la như thể chúng tôi từng nói về hàng triệu trong đời mình vậy.

Mahesh nói "Tôi nói thường thì nó chỉ có thể bán cho một thằng cha giàu có ngoại quốc, thế là hẳn bảo tôi đi tìm. Anh biết ông già Mancini rồi đấy. Ông là lãnh sự một số nước ở đây, đó là một đường dây buôn bán thật tuyệt, tôi luôn nghĩ vậy. Tôi đến gặp ông. Tôi nói thẳng vấn đề ra, nhưng ông ấy không thích. Thực tế, Mancini điên lắm. Ông chạy ra đóng cửa rồi ngồi sụp xuống, rồi bảo tôi đi ngay. Mặt ông ta đỏ ửng, đỏ lắm. Mọi người đều sợ Người Đàn Ông Vĩ Đại ở thủ đô. Anh nghĩ tôi sẽ nói gì với ông tướng hả, Salim? Hẳn cũng sợ nó't. hẳn nói hẳn trộm nó từ một chỗ tuyệt mật. Tôi không thích thành kẻ thù của ông tướng. Tôi không thể để ông ta nghĩ tôi không cố làm. Anh nghĩ tôi sẽ nói với ông ta như thế nào đây? Nghiêm túc đấy, nghiêm túc đấy"

"Anh nói ông ấy sợ?"

"Rất sợ".

"Thế thì bảo ông ấy đang bị theo dõi và không được đến gặp anh nữa"

tôi đi tìm những quyển tạp chí khoa học và bách khoa toàn thư cho trẻ con của mình (tôi từ lâu đã thích chúng) và đọc về uranium. Uranium là một trong những thứ chúng ta đều từng nghe thấy nhưng hiếm ai trong số chúng ta biết cặn kẽ. Giống như dầu lửa vậy. Tôi thường nghĩ, khi đọc về các mỏ dầu, rằng dầu chảy trong những dòng suối ngầm. Chính những mẫu bách khoa toàn thư đã cho biết mỏ dầu là đá và thậm chí đá hoa cương, với những túi dầu nhỏ. Theo đúng cách như thế, tôi cho rằng ông tướng, nghe nói về giá trị lớn của uranium, đã nghĩ nó như là một thứ kim loại siêu quý, một kiểu quặng vàng. Mancini lãnh sự hẳn là cũng nghĩ thế. Sau khi đọc tôi biết phải xử lý hàng tấn quặng rồi cô lại – thành những tảng to đùng.

Ông tướng, khi chào hàng một "mẫu" hẳn là đã tự bịp mình. Nhưng vì một lý do nào đó – Mahesh có thể nói với ông là ông ta đang bị theo dõi – ông ta sẽ không quấy rầy Mahesh nữa. và không lâu sau đó ông đã biến khỏi thị trấn của chúng tôi. Đó chính là phương pháp của Tổng thống : ông cho người của mình quyền lực và sức mạnh nhưng ông không bao giờ cho phép họ được ở lâu một nơi để trở thành tiểu vương tại đó. Ông đã tránh được rất nhiều rắc rối.

Mahesh lại trở nên điềm đạm như trước. Người duy nhất còn sợ hãi là Mancini, viên lãnh sự.

Những ngày đó chúng tôi đã sống như vậy đấy. Chúng tôi cảm thấy có kho báu ở quanh mình đang đợi để được tìm thấy. Chính cây bụi đã cho chúng tôi cảm giác đó. Trong khoảng thời gian trống rỗng, lười biếng, chúng tôi khá thờ ơ với cây bụi, trong những ngày bạo loạn nó đè nghiêng chúng tôi. Giờ đây nó làm chúng tôi phấn khích, cái mặt đất không quen thuộc, với lời hứa về cái không quen thuộc. Chúng tôi quên rằng những người khác từng sống ở đây trước chúng tôi, từng cảm thấy như chúng tôi vậy.

Tôi tham gia vào sự bùng nổ. Tôi hăng hái theo cách nhỏ bé nhất của mình. Nhưng tôi cũng không ngừng. Bạn sẽ rất nhanh chóng quen với hoà bình. Cũng giống như khi bạn mạnh khoẻ - bạn cho điều đó là được cho, và quên rằng bạn từng đau ốm, lại mạnh khoẻ trở lại dường như giống với mọi thứ. Và với hoà bình và sự bùng nổ lần đầu tiên trong đời, tôi bắt đầu thấy thị trấn thật bình thường.

Căn hộ, cửa hiệu, cái chợ bên ngoài cửa hiệu, câu lạc bộ Hellenic, những quầy bar, cuộc sống của dòng sông, những chiếc thuyền độc mộc, những cây dạ lan hương nước – tôi biết tất cả thật rõ. Và đặc biệt vào những buổi chiều nóng nực – với ánh sáng chói chang, những cái bóng đen ngòm, cảm giác về sự trì trệ - dường như không còn hứa hẹn gì thêm nữa với con người.

Bản thân tôi không trôi qua phần còn lại của những ngày của mình tại khúc quanh dòng sông như Mahesh và những người khác. Trong tâm trí tôi chia tách mình với họ. Tôi thường nghĩ mình là một người chỉ đi lướt qua. Nhưng đâu mới là chỗ tốt? Tôi không nói được. Tôi không bao giờ nghĩ thực sự thấu đáo về điều đó. Tôi đang chờ đợi một sự loé sáng đến với mình, dẫn tôi đến chỗ tốt và "cuộc đời" tôi vẫn hằng trông đợi.

Thỉnh thoảng thư từ của cha tôi cũng đến từ bờ biển, nhắc tôi về ý muốn của ông thấy tôi được ổn định – lấy cô con gái của Nazruddin, đó gần như là một cam kết gia đình. Nhưng hơn bao giờ hết, tôi thấy mình không sẵn sàng để làm việc đó. Dù đó là một cơ hội để thấy rằng bên ngoài chỗ này vẫn còn cả một cuộc đời chờ đợi tôi, tất cả những mối quan hệ trói buộc con người vào trái đất này và cho anh ta cảm giác mình có một chỗ nào đó. Nhưng tôi biết rằng điều này không thực sự giống như thế. Tôi biết rằng với chúng tôi thế giới không còn an toàn được như thế nữa.

Và các sự kiện lại đến làm khuấy động lo lắng của tôi. Có biến loạn ở Uganda, nơi Nazruddin có nhà máy tuốt bông. Uganda cho đến lúc này vẫn là đất nước an toàn và phát triển mà Nazruddin từng thử lôi kéo chúng tôi

đến, đất nước đón nhận những người tị nạn từ các nước láng giềng. Giờ đây tại chính Uganda một vị vua lại bị lật đổ và buộc phải rời khỏi đất nước, Daulat mang đến những câu chuyện về một quân đội đang lớn mạnh. Nazruddin, như tôi còn nhớ, sống với niềm tin rằng, dù may mắn, cuối cùng ông sẽ gặp những chuyện tồi tệ, và tôi nghĩ sự may mắn của ông hẳn bây giờ đã bỏ đi. Nhưng tôi nhầm, sự may mắn vẫn tiếp tục ở lại với Nazruddin. Biến động ở Uganda kéo dài không lâu, chỉ mình ông vua phải chịu. Cuộc sống ở đó dần trở lại bình thường. Nhưng tôi bắt đầu lo sợ cho Nazruddin và gia đình ông, và ý tưởng cưới con gái ông thôi không còn là ý nghĩ về một trách nhiệm gia đình đúng đắn nữa. Nó đã trở thành một thứ trách nhiệm đè nặng, và tôi cho nó vào tận cùng tâm trí mình như cái gì đó tôi có thể sẽ phải đối mặt khi tình thế bắt buộc.

Thế nên giữa cuộc bùng nổ kinh tế tôi lại rất lo lắng và trở nên gần như không thích thú và bồn chồn giống lúc đầu. Nó không chỉ nằm bên ngoài những áp lực; hoặc sự cô độc và tính khí của tôi. Phải làm gì đó với bản thân nơi này, theo cách đã bị hoà bình làm biến đổi. Đó không phải là lỗi của ai hết. Đó chỉ là cái gì đó đã xảy ra. Trong những ngày nổi loạn tôi từng có cảm giác rõ ràng nhất về vẻ đẹp của dòng sông và khu rừng, và đã tự hứa với mình phải học điều đó, sở hữu được vẻ đẹp đó. Tôi đã không làm gì để được như thế, khi hoà bình tôi chỉ đơn giản là thôi không tự nhìn vào mình nữa. Và giờ đây tôi cảm thấy sự huyền bí và bí ẩn của nơi này đã biến mất.

Trong những ngày hoảng sợ đó tôi cảm thấy chúng tôi đã bị chạm tới, qua những người châu Phi, với tinh thần của dòng sông và khu rừng, và chỉ thế thôi cũng đẩy thêm lên sự căng thẳng. Nhưng tất cả tinh thần giờ đây dường như đã rời khỏi chốn này, như thể sau cái chết của cha Huismans, các linh hồn đã rời bỏ mặt nạ của mình. Chúng tôi đã bồn chồn biết bao nhiêu cho những người châu Phi trong những ngày đó, không có ai trong số chúng tôi được như vậy. Chúng tôi là những kẻ đột nhập, những người bình thường, còn họ là những người có tinh thần. Giờ đây linh hồn đã rời khỏi

họ, họ thật bình thường, dễ tính, khốn khổ. Không cần nỗ lực chúng tôi cũng trở thành những ông chủ, với những quyền năng và xảo thuật họ cần. Và chúng tôi đơn giản biết bao. Trên mảnh đất giờ đây sự tầm thường lại chiếm lĩnh cuộc sống tầm thường của chúng tôi, tại các quầy bar và nhà thổ, hộp đêm. Ôi, thật nghèo nàn. Nhưng chúng tôi còn biết làm gì nữa đây? Chúng tôi chỉ làm cái chúng tôi có thể làm. Chúng tôi theo triết lý của Mahesh: chúng ta tiếp tục thôi.

Mahesh làm nhiều hơn thế. Anh đã làm xong một cú. Anh tiếp tục tra cứu các catalog, điền vào những cái phiếu, viết thêm nhiều thông tin, và cuối cùng, anh có được lô hàng anh tìm kiếm, cái mà anh có thể nhập khẩu toàn bộ và sử dụng như một lối đi tắt tới công việc kinh doanh và tiền bạc. Anh có được quyền uỷ nhiệm của Bigburger ở thị trấn chúng tôi.

Tôi không chờ đợi điều này. Anh đang điều hành một cửa hiệu nhỏ bán đủ mọi loại đồ sắt, đồ điện, máy ảnh, ống nhòm, hàng đồng đồ lặt vặt tiện dụng. Hamburger – Bigburger – chẳng hề giống với những gì anh đang buôn bán. Tôi thậm chí còn không tin người dân thị trấn sẽ tới Bigburger. Nhưng anh chẳng hề nghi ngại đến điều đó.

Anh nói "Họ đã tiến hành nghiên cứu thị trường và quyết định mở một chiến dịch ở châu Phi. Họ có một văn phòng cho khu vực hiện đang nằm ở một nơi thuộc quyền người Pháp ở bờ biển phía Tây. Hôm nọ thằng cha đã tới và đo đạc đủ mọi thứ. Họ có vẻ như không chỉ gửi nước sốt đến đâu, anh cũng biết mà, Salim. Họ gửi đến nguyên cửa hiệu".

Và họ làm đúng như vậy thật. Các loại thùng được chở đến bằng tàu thuỷ trong suốt vài tháng chứa đủ toàn bộ một cửa hàng: bếp lò, máy đánh sữa, máy pha cà phê, cốc chén, bát đĩa, bàn ghế, quầy tính tiền, ghế đẩu, tường được đo đạc cẩn thận với dòng chữ Bigburger. Và sau hết là một đồng những thứ đồ chơi: những lọ dấm của Bigburger, hộp đựng ketchup của Bigburger, thực đơn và chỗ để thực đơn của Bigburger, và những câu

quảng cáo dễ mến sau: "Bigburger – khổng lồ - đẹp tuyệt", với những bức ảnh đủ loại khác nhau về Bigburger.

Tôi nghĩ những bức ảnh của Bigburger trông giống như những cặp môi trơn nhẵn màu trắng của bánh trên những cái lưỡi đen trộn lẫn thức ăn. Nhưng Mahesh không thích khi tôi nói với anh như vậy, và tôi quyết định không nói điều gì không mang tính kính trọng về Bigburger nữa. Mahesh hết sức vui nhận về dự án, nhưng ngay khi những thứ đồ lặt vặt tới anh lập tức trở nên cực kỳ nghiêm trang, anh đã trở thành Bigburger.

Cửa hàng của Mahesh có cấu trúc khá đơn giản, những khối bê tông chuân của thị trấn chúng tôi và không lâu cánh thợ Italia phải phá nó đi cho những cái giá của Mahesh, phải đi lại đường điện, hàn chì lại, và sửa lại một cái quầy bar có vẻ như được nhập khẩu từ bên Mỹ. Toàn bộ công việc chuẩn bị cửa hàng được tiến hành, và thật là buồn cười khi có mặt ở Bigburger, rời khỏi cái mùi cống rãnh, khói bụi và rác của đường phố, để bước vào một không gian hiện đại, với các hình quảng cáo và đủ mọi thứ khác. Dù sao Mahesh cũng làm xong được việc này.

Vẻ đẹp của cửa hàng cũng ảnh hưởng cả đến Shoba. Nó làm cô trở nên có nghị lực và làm sống dậy trong cô cái gì đó liên quan tới tài làm ăn của gia đình. Cô tổ chức địa điểm và sớm chạy nó êm ru. Cô sắp xếp những đợt chuyên thịt từ siêu thị mới của chúng tôi (giờ đây thịt đến từ Nam Phi, giống như trứng) và cô dàn xếp với một người Italia về bánh mì. Cô huấn luyện đám bồi bàn và lên lịch làm việc.

Ildephonse, đứa gia nhân, được lôi ra khỏi căn hộ và được ấn lên đầu một cái mũ bếp trưởng Bigburger cùng áo vàng Bigburger và đứng đằng sau quầy thu tiền. Chính Mahesh là người có ý tưởng gán cho Ildephonse một cái mác cho áo của anh ta với tên và chức danh – bằng tiếng Anh, cho có phong cách lạ - Quản lý. Mahesh làm những việc nhỏ nhặt như thế và đôi khi làm bạn có cảm giác, dù rất được chăm hay chớ, giờ đây bằng bản năng anh đã biết được phải quấy như thế nào ở thị trấn của chúng tôi. Anh

nói anh gọi Ildephonse là quản lý để tạo cảm giác cho người châu Phi về địa điểm mới, trông giàu có và cũng để thu hút khách hàng người Phi. Và mỗi ngày anh để Ildelphonse quản lý trong vài tiếng đồng hồ.

Dù sao Ildephonse cũng thật lạ lùng. Anh ta yêu bộ quần áo Bigburger và anh ta yêu công việc mới của mình. Không ai lại nhanh nhẹn và thân thiện, cũng như lo lắng làm bạn hài lòng hơn anh, khi Shoba và Mahesh ở quanh đó. Họ tin tưởng Ildephonse, họ nói tướng lên là họ tin tưởng anh ta, tin tưởng vào sự có mặt của anh ta. Nhưng ngay khi còn lại một mình, anh ta liền trở thành một con người khác. Anh ta bỏ bê. Không phải cộc cằn, mà là bỏ bê. Tôi nhận ra sự thay đổi này trong đội ngũ người làm châu Phi cả ở những nơi khác. Điều này làm bạn cảm thấy trong khi làm việc theo cái lối hào nhoáng khác nhau của mình, họ chỉ đóng kịch với những người thuê họ, bản thân công việc chẳng mấy may có ý nghĩa gì với họ, và họ có cái tài – khi ở một mình, và không ai để đóng kịch cho xem, tự phân thân trong tâm trí ra khỏi địa điểm, công việc, bộ đồng phục.

Bigburger là một thành công. Nhà Van der Weyden bên kia phố, hài lòng kiếm tiền từ giường và phòng của mình. Dịch vụ và đồ ăn tại đó khiến người ta phải đi tìm cái ăn, và Bigburger có vị trí hoàn hảo để chiếm lĩnh sự buôn bán ẩn danh này. Bigburger hấp dẫn rất nhiều quan chức châu Phi và cả người của quân đội – họ thích cách bài trí và sự hiện đại của nơi đây. Thế là Mahesh, từ chỗ là chủ một cửa hiệu đồ sắt nhỏ vô danh, vụt trở thành trung tâm của thị trấn chúng tôi.

Và điều này xảy đến thật nhanh chóng, trong vòng chưa đầy một năm. Mọi thứ giờ đây đều thật nhanh chóng. Cứ như thế mọi người phải nhanh chân lên để bù cho những năm tháng đã mất, hoặc giả như ai cũng cảm thấy thời gian thật ngắn ngủi, rằng địa điểm này có thể đóng lại bất cứ lúc nào.

Một hôm Mahesh nói với tôi "Noimon muốn mua lại của tôi với giá hai triệu. Nhưng anh biết Noimon rồi đấy. Khi hăn ta trả hai, tức là anh đáng giá bốn".

Noimon là một trong những người Hy Lạp giàu có ở chỗ chúng tôi. Cửa hiệu đồ gỗ mới – đang bán rất chạy – chỉ là một trong những hoạt động của ông ta. Hai triệu mà ông ta đề nghị là bằng đồng franc địa phương, ba mươi sáu đồng bằng một đô la.

Mahesh nói "Tôi cho rằng chỗ của anh bây giờ cũng đáng giá lắm. Nazruddin từng định bán nó cho tôi, anh cũng biết rồi đấy. Một trăm năm mươi nghìn. Bây giờ anh nghĩ nó trị giá bao nhiêu rồi?"

Giờ đây ở đâu bạn cũng nghe thấy kiểu nói chuyện về bất động sản như thế. Ai cũng say sưa tính xem mình kiếm chác được bao nhiêu từ cuộc bùng nổ kinh tế, nó đáng giá bao nhiêu. Mọi người học được cách nói về những con số khổng lồ một cách lạnh lùng.

Trước đã từng có một cơn sốt ngay trước khi kết thúc thời thuộc địa, và khu ngoại ô đổ nát gần ghềnh nước là cái còn lại. Nazruddin từng kể một câu chuyện về thời đó. Ông đã đi đến đó vào một buổi sáng thứ bảy, đã nghĩ rằng nơi này là đám cây bụi hơn là một bất động sản, và quyết định bán nó đi. Ông thật là may mắn, nhưng giờ đây khu ngoại ô chết ngắc đó đang dần dần lấy lại sinh khí. Sự phát triển hoặc tái phát triển đó đã trở thành đặc điểm quan trọng nhất của cuộc bùng nổ của chúng tôi. Và nó là nguyên nhân của sự lên giá nhà cửa trong thị trấn.

Vùng cây bụi gần ghềnh nước giờ đây đã được phát quang. Đồng đồ nát dường như là thường trực đã bị xe ủi san đi, những đại lộ mới sắp được xây. Đó là việc làm của Người Đàn Ông Vĩ Đại, chính phủ đảm trách toàn bộ khu vực này và đã quyết định nó trở thành đất của Nhà nước, và Người Đàn Ông Vĩ Đại sẽ xây dựng cái gì đó giống như là một thị trấn nhỏ ở đây. Việc này sẽ diễn ra rất nhanh. Tiền được đổ vào, đẩy vật giá tại thị trấn của chúng tôi leo thang. Tiếng ì ầm sâu thẳm, làm rung chuyển mặt đất của những chiếc xe ủi hoà lẫn với tiếng của ghềnh nước. Mỗi chuyến tàu thủy lại chở đến những người thợ xây dựng và nghệ nhân người châu Âu, các chuyến bay cũng vậy. Nhà Van der Meyden hiếm khi có đủ phòng cho thuê.

Mọi việc Tổng thống làm đều có nguyên do cả. Với tư cách là người cầm cân nảy mực tại một vùng có nguy cơ nổi loạn, ông đã tạo ra một khu vực mới, nơi ông và lá cờ của mình là tối thượng. Là người châu Phi, ông sẽ xây dựng một thị trấn mới tại nơi từng là ngoại ô giàu có của người Âu – nhưng cái ông sẽ xây lên sẽ có ý nghĩa vĩ đại. Tại thị trấn toà nhà duy nhất hiện đại có "thiết kế" là của Van der Meyden, và với chúng tôi những khu nhà lớn hơn của Khu thật là lung linh – mái hắt bằng bê tông, những tảng bê tông cỡ lớn, kính nhiều màu. Những toà nhà nhỏ hơn – nhà ở và bungalow – giống với những cái chúng tôi từng quen rồi hơn. Nhưng cả chúng cũng có kích thước lớn và, có điều hoà nhiệt độ gắn vào nhiều chỗ như những khối nhà dựng lên, trông thật kỳ.

Không ai chắc chắn, dù sau khi một số nhà đã được hoàn thành. Khu dùng để làm gì. Nhiều lời đồn đại về một trang trại thí điểm lớn và trường nông nghiệp, một khu hội họp cho cả châu lục, nhà nghỉ cuối tuần cho những công dân trung thành. Còn bản thân Tổng thống không có tuyên bố nào hết cả. chúng tôi nhìn và tự hỏi khi nào bắt đầu sử dụng những toà nhà này. Và rồi chúng tôi bắt đầu hiểu rằng điều mà Tổng thống hướng đến thật kỳ diệu trong chính mắt ông đến độ ông không muốn tuyên bố ra. Ông đang tạo ra châu Phi hiện đại. Ông đang tạo ra một điều kỳ diệu sẽ làm cả phần còn lại của thế giới sửng sốt. Ông đang đi ngay qua châu Phi thực tế, cái châu Phi khốn khó của cây bụi và làng mạc, và tạo ra điều gì đó có thể đạt tới mọi thứ đang tồn tại ở nước khác.

Những bức ảnh của Khu nhà nước này – và những bức ảnh khác về những vùng khác của đất nước – bắt đầu xuất hiện trên những tạp chí về châu Phi xuất bản ở châu Âu, nhưng được những chính phủ như chính phủ của chúng tôi tài trợ tiền. Trong những bức ảnh đó thông điệp của Khu thật đơn giản. Dời thời Tổng thống mới của chúng tôi điều kỳ diệu đã diễn ra. Người châu Phi đã trở thành những con người hiện đại, tự mình xây dựng được bằng bê tông và kính và ngồi trong những chiếc ghế êm ái bọc nhung. Cái đó cũng giống như sự đầy đủ trong lời tiên tri của cha Huismans về sự

bùng khởi của châu Phi của người châu Phi, và thành công của sự hoà trộn với châu Âu.

Khách đến tham quan được khuyến khích, họ đến từ các cité và thị trấn đầy lều, từ những ngôi làng lân cận. Chủ nhật có xe buýt và xe tải quân đội chở người đến đó, và lính tráng trở thành hướng dẫn viên, dẫn mọi người đi dọc những con đường một chiều được đánh dấu bằng những mũi tên chỉ hướng, chỉ cho họ, những người mới đây từng muốn phá huỷ thị trấn, những gì vị Tổng thống của họ đã làm cho châu Phi. Những toà nhà xấu xí đó, sau khi bạn đã quen với những dáng vẻ, những đồ gỗ hào nhoáng đó – Noimon đã vớ bẫm với cửa hiệu đồ gỗ của mình. Xung quanh đây, cuộc sống của những con thuyền độc mộc và lạch sông và làng mạc vẫn tiếp diễn, tại các quầy bar của thị trấn những người thợ xây dựng và nghệ nhân nước ngoài uống rượu và đùa nhảm về vùng đất này. Điều này thật đau lòng và đáng buồn.

Tổng thống muốn cho chúng tôi thấy một châu Phi mới. Và tôi thấy châu Phi theo cách trước đây tôi chưa từng bao giờ thấy, thấy những khiếm khuyết và những nổi nhục mạ cho đến khi đó tôi chỉ coi là một phần của cuộc đời. V tôi cảm thấy thế - đầy niềm cảm thông với Người Đàn ông Vĩ Đại về những người làng rách rưới đi vòng quanh Khu, và những người lính chỉ họ bằng những dấu hiệu bắn thiêu – cho đến khi một người lính nào đó đùa cợt tôi hoặc khi phải đối mặt với một quan chức khó tính nào đó tại hải quan, và rồi tôi cảm thấy lại rơi vào những cảm giác cũ, những thái độ dễ dàng hơn của những người ngoại quốc ở các quầy bar. Châu Phi cũ, cái dường như hấp thụ mọi thứ, thật đơn giản, nơi đó làm bạn luôn căng thẳng. Căng thẳng làm sao, nó đưa bạn đi theo con đường qua sự ngu xuẩn và hung hăng, kiêu hãnh và tổn thương!

Nhưng Khu dùng để làm gì? Những toà nhà mang lại niềm tự hào, hoặc có ý nghĩa như vậy, chúng làm thoả mãn một nhóm người nào đó cần có sự tự hào về Tổng thống . tất cả những cái đó để làm gì? Nhưng họ đã

tiêu hàng triệu vào đó. Không có trang trại. Người Trung Quốc hay Đài Loan không chịu đến khi Khu chưa có được một trang trại châu Phi mới, sáu nhà thầu mà một chính phủ nước ngoài nào đó cung cấp ở sát nhau. Bể bơi lớn gần toà nhà được cho là khu họp đã bắt đầu nứt và vẫn trống không, với một cái lưới dây thừng to tướng trên nóc. Khu đã được xây rất nhanh, và mặt trời cùng mưa cũng đã làm nó đổ nát đi nhanh chóng. Sau mùa mưa đầu tiên nhiều cây mới trồng bên cạnh đại lộ chính rộng rãi đã chết, rễ của chúng đầy nước và bị úng.

Nhưng với vị Tổng thống còn ở thủ đô thì Khu vẫn là một cái gì đó sống động. Những bức tượng và đèn đóm theo tiêu chuẩn được mang tới. Những chuyến thăm ngày chủ nhật vẫn tiếp tục, những bức ảnh tiếp tục xuất hiện trên các tạp chí chuyên sâu về châu Phi được chính phủ tài trợ. Và chí ít đó cũng là một cách sử dụng những toà nhà này.

Khu trở thành một khu đại học và trung tâm nghiên cứu. Toà nhà phòng họp được biến thành một trường bách khoa cho người dân trong Khu, và những toà nhà khác được biến thành ký túc xá và khu nhân viên. Các giảng viên và giáo viên bắt đầu đến từ thủ đô, và rất sớm sửa từ các nước khác, một cuộc sống song song đã được phát triển ở đó, mà chúng tôi ở thị trấn chỉ biết rất ít. Và nơi đó trở thành trường bách khoa – trên khu ngoại ô chết của châu Âu mà với tôi khi lần đầu đến từng cho rằng đồng đồ nát của một nền văn minh đã đến và đã đi – mà Ferdinand được gửi đến với một học bổng của chính phủ, khi nó học xong trung học.

Khu cách thị trấn vài dặm. Có xe buýt đi đến đó, nhưng không đều đặn lắm. Trước tôi không thường gặp Ferdinand, giờ lại càng hiếm khi. Metty mất đi một người bạn. Sự chuyển biến này rõ ràng cuối cùng đã tạo ra khác biệt giữa hai đứa, và tôi nghĩ chắc Metty phải buồn lắm.

Những cảm giác của tôi còn phức tạp hơn. Tôi thấy một tương lai bất ổn của đất nước. Không ai được an toàn ở đây hết, số phận những người sống ở đây không hề bị ghen tị. Thế nên tôi nghĩ Ferdinand thật là may

mẫn, mọi thứ với nó mới dễ dàng làm sao. Bạn lôi một cậu bé ra khỏi vùng cây bụi, xây dựng một trường bách khoa và dạy nó đọc và viết, bạn san phẳng vùng cây bụi và gửi nó đến đấy. dường như quá là dễ dàng, nếu bạn sinh ra muộn màng trong thế giới này và mọi thứ đã sẵn sàng hết cả, những thứ mà các nước khác và những dân tộc khác đã đạt đến từ lâu – viết, in, trường đại học, sách vở, kiến thức. Còn những người còn lại như chúng tôi phải chấp chững. Tôi nghĩ đến gia đình tôi, Nazruddin, bản thân tôi – chúng tôi bị trói buộc vào cái mà hàng thế kỷ nay đã đeo bám vào tâm trí và trái tim chúng tôi. Ferdinand, khởi đầu từ không có gì cả, đã có được một bước tiến làm cho nó tự do, và đã sẵn sàng để đi trước chúng tôi.

Thật phi lý khi ghen tị với Ferdinand, người dù sao vẫn đi về nhà ở vùng cây bụi. Nhưng tôi không ghen tị với nó chỉ vì tôi cảm thấy nó sẽ đi trước tôi về mặt kiến thức và đi vào những chốn thần tiên, tôi không thể đặt chân tới. Tôi ghen tị hơn về ý tưởng nó luôn luôn có được cái tầm quan trọng của nó, sự quyến rũ của nó. Chúng tôi sống trong cùng một dải đất, chúng tôi cùng nhìn theo cùng một hướng. Với nó thế giới luôn đổi mới và luôn mới hơn, với tôi, vẫn thế giới đó thật đen đúa, không có chút khả năng nào hết.

Tôi ngày càng ghét cảm giác thực thể về vị trí. Căn hộ của tôi vẫn luôn như vậy. Tôi đã không hề thay đổi gì hết ở đây, vì tôi sống với ý tưởng về một sự nhận xét mang tính thời điểm rằng tôi phải coi nó như là đã mất đi – cái phòng ngủ với nệm cửa sổ sơn trắng và cái giường to có đệm cỏ, những giá bát đĩa thô mộc, quần áo và giày dép của tôi, cái bếp với mùi dầu hoả và dầu rán, rá, bụi và gián, cái phòng khách màu trắng trống trơn. Luôn luôn ở đó, không bao giờ thực sự là của tôi, giờ đây chỉ chăm chăm nhắc nhở tôi về sự trôi qua của thời gian.

Tôi ghét những cái cây trang trí nhập ngoại, những cái cây tuổi thơ tôi, ở đây trông mới phi tự nhiên làm sao, với màu bụi đỏ đường phố chuyển sang thành bùn khi trời mưa, bầu trời u ám chỉ có ý nghĩa là nóng thêm lên,

bầu trời sáng sủa có nghĩa một mặt trời đang thiêu đốt, cơn mưa hiếm khi mát mẻ và thường ẩm ướt, dòng sông màu nâu với những bông hoa màu tử đinh hương trên những cuống màu xanh nhợt trôi nổi ngày đêm.

Ferdinand đã chuyển đi, chỉ cách vài dặm. Và tôi, dù lớn hơn nó, cảm thấy ghen tức và hoang vắng.

Cả Metty dường như cũng thế. Tự do có giá của nó. Trước đây nó từng có được sự an toàn khi còn là nô lệ. Ở đây nó đạt tới ý niệm về bản thân nó như thể một người được chỉ định để chống lại những người khác. Điều này hẳn không làm nó thích thú. Nhưng giờ đây dường như nó cũng cảm thấy đôi chút cay đắng nào đó. Dường như nó tự lánh xa bạn bè của mình.

Nó có rất nhiều bạn, mọi loại người đến cửa hiệu và căn hộ để hỏi nó. Hoặc đôi khi họ gửi người khác đến hỏi về nó. Tôi còn nhớ một sứ giả như thế. Đó là một cô gái gầy guộc, loại con gái bạn có thể nhìn thấy đang chèo thuyền độc mộc, mà mọi người đều biết là người lao động chân tay. Công việc nặng nhọc và thức ăn kém dường như đã làm nó tê liệt, mất đi nữ tính, và đầu gần như trọc lóc.

Nó thường đến gặp Metty ở cửa hiệu, đứng ở bên ngoài. Đôi khi Metty nói chuyện với cô bé, đôi khi nó tỏ ra ác nghiệt với cô. Có lúc nó tìm cách đuổi cô bé đi, cúi người như để nhặt đá, cách mà người ở đây làm khi muốn dọa một con chó rách rưới. Không ai có thể bằng người nô lệ trong cách xử sự hay nói chuyện với người nô lệ khác. Cô bé này thuộc về những người thấp bé nhất trong số những người thấp bé, dù cô bé thuộc gia đình châu Phi nào đi nữa thì cô vẫn chẳng khác gì một nô lệ.

Metty tìm cách đuổi cô bé khỏi cửa hiệu. Nhưng một chiều, khi về căn hộ, tôi thấy cô bé trên hè phố, đứng trong đồng bụi cỏ hoang gần lối vào sân sau nhà chúng tôi. Một chiếc áo khoác vải, tay và cổ rộng, toang hoang từ vai và cho thấy cô chẳng mặc gì bên trong cả. Tóc cô bé thưa đến nỗi

trông cô như thể đã cạo đầu. Khuôn mặt gầy guộc đang ở trạng thái nhẵn nhó nhưng không hẳn là nhẵn nhó mà chỉ có ý nghĩa là đang nhìn tôi.

Cô bé vẫn ở đó khi tôi đi xuống sau khi đã uống một tách trà và thay quần áo. Tôi đi đến câu lạc bộ Hellenic để chơi squash. Đó là nguyên tắc của tôi, dù trong hoàn cảnh nào, dù tâm trạng có tồi tệ đến đâu, cũng không bỏ tập. Sau đó tôi lái xe đến đập nước, đến hộp đêm Bồ Đào Nha bên dòng nước, giờ đã hoạt động trở lại, ăn vài con cá rán ở đó – tôi chắc chắn ở Bồ Đào Nha họ làm cá ngon hơn. Còn quá sớm cho người trong thị trấn, nhưng đập nước đã tràn ngập ánh sáng và họ bật đèn màu trên cây cho tôi.

Cô bé vẫn ở trên hè phố khi tôi trở về căn hộ. Đến lúc này thì cô ta gọi tôi, cô nói "Mety-ki là?" (Metty có ở đây không?)

Cô chỉ biết nói vài thổ ngữ, nhưng cô có thể hiểu khi người khác nói, và khi tôi hỏi cô muốn gì, cô nói "Popo malade. Dis-li Metty" (Đứa bé bị ốm, nói cho Metty biết) Popo có nghĩa là "đứa bé". Metty đã có con ở đâu đó trong thị trấn, và đứa bé đang ốm. Metty có cả một cuộc đời ở đâu đó, tách biệt hẳn với cuộc sống với tôi ở căn hộ, tách biệt hẳn với việc nó mang cà phê cho tôi mỗi sáng, tách biệt hẳn với cửa hiệu.

Tôi bị sốc. Tôi cảm thấy bị phản bội. Nếu chúng tôi đang sống ở khu nhà chúng tôi ở bờ biển, nó có thể sống cuộc sống của riêng nó, nhưng ở đó không có gì là bí mật hết. Tôi có thể biết ai là người đàn bà của nó, tôi có thể biết khi con nó ra đời. Tôi đã mất Metty cho vùng đất châu Phi này. Nó đã đến nơi phần nào đó là nhà nó, và tôi đã mất nó. Tôi cảm thấy bị bỏ rơi. Tôi đã từng rất ghét nơi này, ghét căn hộ, giờ tôi thấy cuộc sống tôi tạo dựng cho riêng tôi trong căn hộ này thực ra khá tốt, và giờ đây tôi cũng mất nốt.

Cũng giống như cô bé ở ngoài, cũng giống như nhiều người khác, tôi chờ đợi Metty. Và khi rất muộn, nó về đến nơi, tôi bắt đầu nói ngay.

"Ôi Metty, tại sao mà mày không nói với tao, tại sao mà mày làm điều đó với tao?" Rồi tôi gọi nó bằng tên mà chúng tôi từng gọi nó khi còn ở nhà "Ali, Aliwa! Chúng ta sống cùng nhau. Tao cho mày ở dưới mái nhà và coi mày như thành viên gia đình. Thế mà giờ mày làm thế đấy".

Rất khó nhọc, giống như một gia nhân ngày xưa, nó cố tỏ ra đồng cảm với tôi, làm như nó cũng chịu đựng với tôi vậy.

"Tôi sẽ bỏ nó, patron. Nó là một con vật".

"Làm sao mà mày có thể bỏ cô ta? Mày đã làm điều đó. Mày không thể chối bỏ. Mày đã có đứa con ở đâu đó. Ôi, Ali, mày đã làm gì vậy? Mày không nghĩ thật tệ khi có một đứa con nhỏ châu Phi chạy nhảy trong một cái sân cca ai đó, với toto (con chó) của nó ve vẩy hai bên sao? Mày không ngượng hay sao? Một người như mày?"

"Thật đáng tởm, Salim ạ." Nó nói và đặt tay lên vai tôi "Tôi hổ thẹn lắm. Nó chỉ là một đứa con gái châu Phi thôi mà. Tôi sẽ bỏ nó".

"Làm sao mà mày có thể bỏ cô ta? Giờ đây đó là cuộc sống của mày. Mày không biết thế hay sao? Chúng tao đã gửi mày đi học, chúng tao đã thuê giáo sĩ dạy mày. Thế mà giờ đây mày làm như thế đấy!"

Tôi đang đóng kịch. Nhưng có những lúc khi chúng ta đóng kịch về cái chúng ta thực sự cảm thấy, những lần khi chúng ta không thể đối mặt với một số cảm xúc, và thật dễ dàng hơn để đóng kịch. Và Metty cũng đóng kịch nốt, vờ tỏ ra trung thành, nhắc tôi nhớ về quá khứ, về những nơi khác, nhắc tôi về những điều tôi khó chịu được vào đêm đó. Khi tôi nói, rất kịch. "Tại sao mà mày không nói với tao hả Metty?" thì nó lại quay trở lại hòa với tôi. Nó nói "Tôi làm sao có thể nói với ông được, Salim? Tôi biết ông sẽ làm như thế mà".

Làm sao nó biết được?

Tôi nói "Mày biết đấy, Metty, ngày đầu tiên mày đến trường, tao đã đi cùng mày\ Mày la hét suốt, mày bắt đầu khóc ngay khi chúng ta rời khỏi nhà".

Nó thích nhắc lại về điều đó, được nhớ đến từ xa xôi đến thế. Nó mỉm cười mơ hồ "Tôi đã la hét nhiều ư? Tôi đã ầm ĩ lên ư?"

"Ali, mày đã hét tướng lên. Mày đội mũ trắng, và mày đi xuống lối đi nhỏ bên cạnh nhà Gokool, rồi mày nói ầm ĩ. Tao không thể biết mày đi đâu. Tao chỉ nghe mày nói ầm ĩ. Tao không chịu được. Tao nghĩ họ đang làm điều gì rất kinh khủng với mày, và tao cầu Chúa mày không phải đến trường. Rồi rắc rối xảy ra khi mày về nhà. Mày đã quên, tại sao mày phải nhớ chứ? Tao không hề chú ý gì đến mày từ khi mày ở đây. Mày ra dáng lăm ròi mà".

"Ôi, Salim! Đừng nói thế. Tôi vẫn luôn kính trọng ông mà".

Điều đó đã từng đúng. Nhưng nó đã về nhà, nó đã tìm được cuộc sống mới. Nó luôn muốn vậy, nó không thể quay ngược lại. Tay nó đặt lên vai tôi – giờ thì còn tốt đẹp gì nữa.

Tôi nghĩ, không gì còn lại nữa. Mọi thứ thay đổi. Tôi sẽ không thừa kế nhà, và không ngôi nhà nào tôi xây sẽ dành cho con của tôi. Đó là cách cuộc đời diễn tiến. Tôi đã quá tuổi hai mươi, và điều tôi trông chờ kể từ khi rời khỏi nhà đã không đến với tôi. Tôi chỉ có chờ đợi thôi. Tôi sẽ chờ trong suốt phần còn lại của cuộc đời tôi. Khi tôi đến đây, căn hộ này vẫn còn thuộc về một bà người Bỉ. Nó không phải là nhà tôi, nó giống như một cái trại. Rồi cái trại đó trở thành nhà tôi. Giờ thì không nữa rồi.

Sau đó tôi nằm yên lặng cô đơn trong phòng ngủ, trong cái thế giới thù địch này. Tôi cảm thấy cơn đau tim của đứa trẻ khi phải ở một chỗ lạ. Qua cửa sổ sơn trắng tôi nhìn thấy những cái cây bên ngoài – không phải bóng của chúng, mà là những gợi ý về hình dạng của chúng. Tôi đang ở trạng

thái nhớ nhà, đã nhớ nhà như thế từ nhiều tháng nay. Nhưng nhà hiếm khi là nơi ta có thể quay về. Nhà là cái gì đó trong đầu chúng ta. Nó là cái gì đó chúng ta đã đánh mất. Và trong đó tôi giống như những người châu Phi rách rưới thấp kém trong thị trấn mà chúng tôi phục vụ

KHÚC QUANH CỦA DÒNG SÔNG

V. S. Naipaul

www.dtv-ebook.com

Dịch Giả: Cao Việt Dũng

Chương 7:

Phát hiện những cách thức của đau khổ, sự già đi mà nó gây ra, tôi không ngạc nhiên khi thấy Metty và tôi lại gần bó với nhau đến vậy ngay đúng vào lúc chúng tôi hiểu phải đi mỗi người một đường. Cái đã tạo ra ảo tưởng về sự gắn kết tối đó chỉ là nỗi hoài tiếc quá khứ của chúng tôi, nỗi buồn của chúng tôi vì nỗi thế giới đó không còn nữa.

Cuộc sống chung của chúng tôi không thay đổi. Nó tiếp tục sống ở căn phòng trong nhà tôi, và sáng sáng nó tiếp tục mang cà phê đến cho tôi. Nhưng giờ đây đã được ngẫm hiểu là nó có một cbsn hoàn toàn ở bên ngoài. Nó thay đổi. Nó mất đi sự tươi sáng và vui vẻ của một tên gia nhân biết mình đang chăm sóc cái gì, rằng những người khác quyết định cho nó, và nó mất đi cái đi cùng với sự tươi sáng đó – sự thờ ơ với cái vừa diễn ra, khả năng quên, sự sẵn sàng cho mỗi ngày mới. Nó dường như đi sâu vào bản thân mình hơn. Trách nhiệm là một khái niệm mới với nó, và với trách nhiệm nó cũng phải nhận ra sự cô độc, dù nó có bạn bè và gia đình mới.

Cả tôi cũng đã đánh mất đi chuỗi ngày cũ, đã phát hiện nỗi cô độc và nỗi buồn thương là cơ sở của tôn giáo. Tôn giáo biến nỗi buồn thương thành nỗi sợ hãi và hy vọng tăng dần. Nhưng tôi đã vứt bỏ những cách thức và lễ nghi tôn giáo, tôi không thể quay trở lại với chúng được nữa, chỉ thể thôi. Nỗi buồn thương về thế giới này vẫn là cái gì đó tôi phải cho đi kèm với bản thân tôi. Vào lúc nào đó nó thật sắc nhọn, lúc khác nó lại không ở đó.

Và ngay khi tôi nhăm nháp nỗi buồn về Metty và quá khứ này, một ai đó trong quá khứ bỗng hiện lên. Một buổi sáng anh ta đi vào cửa hiệu, Metty dẫn đường cho anh ta. Metty gọi tướng lên, giọng phấn khích "Salim! Salim!"

Đó là Indar, người đầu tiên đã mang đến cho tôi nỗi sợ hãi khi còn ở bờ biển, từng đối diện với tôi – sau trận đấu tại sân squash trong ngôi nhà lớn của anh – với những nỗi sợ của tôi về tương lai, người đã tiễn tôi khỏi nhà anh với viễn cảnh về thảm họa. Anh nói anh đã đi máy bay đến. Anh đã đi Anh, đến trường đại học, và đã bay đến đây.

Và giờ đây tôi cảm thấy, khi Metty dẫn anh đến, và anh ta lại tóm được tôi lần nữa đúng lúc tôi đang ngồi tại bàn trong cửa hiệu, với hàng hóa để ngổn ngang trên sàn nhà, như vẫn thường như vậy, và với những giá đầy những thứ vải và giấy dầu rẻ tiền cùng pin và sách bài tập.

Anh nói "Vài năm trước ở London tôi có nghe nói anh ở đây. Tôi tự hỏi anh đang làm gì". Cách nói của anh lạnh giá, cân bằng giữa sự kích động và chế nhạo, dường như để nói nhẽ ra anh không nên hỏi điều đó vào lúc này, và rằng anh không hề ngạc nhiên về điều anh nhìn thấy ở đây.

Điều này diễn ra nhanh quá. Khi Metty chạy tới nói "Salim! Salim! Đoán xem ai đây này" ngay lập tức tôi đã nghĩ đó có thể là ai đó mà chúng tôi đều quen biết vào những ngày xa xưa đó. Tôi nghĩ đó có thể là Nazruddin, hay một người trong gia đình tôi, một ông anh rể hoặc đứa cháu nào đó. Và tôi đã nghĩ, mình không thể gặp được. Cuộc sống giờ không còn như trước nữa. Tôi không thể nhận trách nhiệm này. Tôi không muốn tiếp đón ai.

Dự tính rằng ai đó sắp trách cứ tôi nhân danh gia đình, cộng đồng và tôn giáo, và chuẩn bị gương mặt và thái độ với người đó, tôi thật bất ngờ khi Metty dẫn Indar vào cửa hiệu. Metty vui vẻ đứng bên anh ta, giờ không giả vờ mà là thực sự thích thú tái tạo cái gì đó thuộc về những ngày xưa cũ,

trở thành người nối các gia đình lớn với nhau. Và từ chỗ định tung ra một đồng phân nân, buồn rầu từ chối người mới đến "Ở đây không đủ chỗ đâu. Không có chỗ cho kẻ không nhà. Tìm chỗ khác đi" – từ chỗ là người như thế, tôi buộc phải quay sang hướng ngược hẳn lại. Tôi phải trở thành người cư xử tốt và còn hơn cả tốt, người mà cửa hiệu xập xệ chẳng giống gì với một vụ buôn bán lớn tạo ra hàng triệu đồng. Tôi buộc phải là người vạch toàn bộ kế hoạch, người phải phá huỷ thị trấn bên khúc quanh dòng sông vì đã thấy trước một tương lai giàu có.

Tôi không thể có cách khác với Indar. Anh vẫn luôn làm tôi cảm thấy mình thật tụt hậu. Gia đình của anh, dù mới tới vùng bờ biển, vẫn luôn vượt xa chúng tôi, và thậm chí sự khởi đầu thấp kém của họ - người ông chỉ là một nhân viên hoá xa, rồi cho vay nặng lãi – đã trở thành (theo như người ta nói) gần như thần thánh, một phần của truyện thần tiên. Họ đầu tư liều lĩnh và tiêu khối tiền, cách sống của họ cao sang hơn chúng tôi, và có một niềm say mê khác thường về các trò chơi và tập luyện thân thể. Tôi luôn nghĩ về họ như là những người "hiện đại", với phong cách sống khá là khác với chúng tôi. Bạn quen với những khác biệt như thế, thậm chí chúng còn bắt đầu có vẻ rất tự nhiên.

Khi chúng tôi chơi squash chiều hôm đó, Indar đã nói với tôi rằng anh sẽ đi Anh để học đại học, tôi không cảm thấy đổ kị hay ghen tức với anh vì điều anh sẽ làm. Ra nước ngoài, trường đại học – đó là một phần của phong cách sống của anh, có thể đoán trước được. Sự chán chường của tôi là sự chán chường của một người bị bỏ lại đằng sau, không được chuẩn bị cho những gì sẽ đến. Và sự đố kỵ của tôi với anh hẳn là có liên quan đến sự bất an mà anh khiến tôi cảm thấy. Anh từng nói "Chúng ta bị lãng phí ở đây, cậu cũng biết mà", Những lời đó là đúng, tôi biết chúng là đúng. Nhưng tôi không muốn anh nói đến nó, anh nói như thể anh là người nhìn được trước tất cả và đã có tất cả trong tầm tay vậy.

Kể từ ngày đó tám năm đã trôi qua. Điều anh nói sẽ xảy ra giờ đã xảy ra. Gia đình anh đã mất mát nhiều, họ đã mất đi ngôi nhà, họ (những người đã thêm tên thị trấn bên bờ biển vào họ của mình) đã phân tán, cũng như gia đình tôi. Giờ đây, khi anh đến cửa hiệu của tôi, dường như khoảng cách giữa chúng tôi vẫn giữ nguyên như vậy.

Có hình dáng London trong quần áo, chiếc áo phông sọc anh mặc, cách anh để tóc, đôi giày của anh (màu máu bò, mảnh nhưng chắc chắn, hơi bó vào ở đầu ngón chân). Và tôi đang ở trong cửa hiệu của mình, với con đường bụi đỏ và quảng trường chợ bên ngoài. Tôi đã đợi lâu lắm, đã chịu đựng lâu lắm, đã thay đổi với anh tôi chẳng hề thay đổi gì hết cả.

Cho đến lúc đó tôi vẫn ngồi. Khi đứng dậy tôi cảm thấy nhói lên nỗi sợ. dường như anh xuất hiện để mang lại tin xấu cho tôi . Và tất cả những gì tôi nói ra được là "Điều gì đã đưa anh đến nơi hẻo lánh này?"

Anh nói "Tôi không thể nói được. Anh vẫn ở đó thôi".

"Thế nào là vẫn ở đó?"

"Nơi những điều lớn lao xảy đến. Dù sao tôi cũng không thể ở đây được."

đó là một sự giảm nhẹ. Chí ít anh cũng không lại ra lệnh cho tôi, không nói cho tôi biết phải đi đâu.

Metty trong lúc đó vẫn cười với Indar và lắc đầu từ bên này sang bên nọ, nói "Indar! Indar!" Và chính Metty là người nhớ ra nhiệm vụ chủ nhà của chúng tôi. Nó nói "Cậu có muốn một tách cà phê không, indar?" Như thế chúng tôi đang từng ở bờ biển, trong cửa hiệu gia đình, và anh vừa bước xuống đến gian hàng Noor và mang lại vài cái cốc đồng thừ cà phê ngọt và sền sệt trên một cái khay đồng nặng. không đâu cà phê giống như ở đây: chỉ có Nescafé, sản xuất ở Côte d'Ivoire và được pha trong những

chiếc tách sứ. Không cùng cách uống, bạn không thể ngâm nga, luôn cần phải một mẫu đường.

Indar nói "Tuyệt lắm, Ali ạ."

Tôi nói "Tên của nó ở đây là Metty, nghĩa là con lai".

"Mày để họ gọi vậy sao, Ali?"

"Người châu Phi ấy mà, cậu Indar. Kafar. Cậu biết nghĩa là gì rồi mà".

Tôi nói "Đừng tin nó. Nó thích thế mà. Điều đó làm nó trở nên vĩ đại trong mắt con gái ở đây. Ali giờ đã là người của một gia đình lớn rồi. Nó đã lạc lối rồi".

Metty, đi vào nhà kho để đun nước pha Nescafé, nói "Salim, Salim. Đừng có hạ nhục tôi như thế chứ".

Indar nói "Nó đã lạc đường từ lâu rồi. Anh có nghe tin gì về Nazruddin không? Tôi gặp ông ấy ở Uganda vài` tuần trước".

"Bây giờ ở đó thế nào rồi?"

"Đã ổn trở lại. Không biết là bao lâu. Không một tờ báo chó đẻ nào ủng hộ đức vua. Anh có biết điều đó không? Khi điều đó xảy đến với châu Phi, người dân không muốn biết hoặc họ có những nguyên tắc của mình. Không ai thèm lo gì cho những người sống cùng".

"Anh đi nhiều nơi nhỉ?"

"Đó là công việc của tôi. Ở đây mọi chuyện như thế nào?"

"Khá tốt kể từ cuộc nổi loạn. Đang có bùng nổ kinh tế ở đây. Sự giàu có thật kỳ diệu. Tại đây một số nơi giá đất lên tới hai trăm francs một foot vuông".

Indar có vẻ như không bị ấn tượng – nhưng cử hiệu không phải một chỗ gây ấn tượng. Tôi cũng cảm thấy thế, tôi đã làm trái ngược với những gì tôi định làm với Indar. Muốn cho anh biết rằng những giả định của anh về tôi đã sai. Thực tế tôi đang diễn cái vai mà anh ta đang thấy. Tôi đang nói theo cách tôi từng nghe các lái buôn tại thị trấn nói, và thậm chí nói cả những điều họ đã nói.

Tôi nói, cố tạo ra một lối ngôn ngữ mới "Ở đây chúng tôi buôn bán theo lối chuyên môn hoá. Một thị trường rất tinh xảo có thể dễ dàng hơn theo một cách nào đó. Nhưng ở đây anh không thể theo những ý thích và không thích của cá nhân. Anh phải biết chính xác cái gì là cần. Và dĩ nhiên có những đại lý. Có tiền thật ở đây đấy".

Indar nói "Phải, phải. Anh vẫn như xưa, Salim ạ".

Tôi bỏ qua quá khứ đó. Nhưng tôi quyết định nhấn mạnh vào mọi thứ. Tôi nói "Dù sao tôi cũng không biết chuyện này sẽ kéo dài bao lâu",

"Nó sẽ kéo dài cho đến khi nào Tổng thống muốn. Và không ai có thể nói nó kéo dài bao lâu. Ông ấy là một người kỳ lạ. Dường như ông ấy chẳng làm gì hết cả, và rồi ông ấy làm như một bác sĩ phẫu thuật. Cắt bỏ những phần ông ấy không thích".

"Chính vì vậy ông ấy đã hạ quân đội cũ. Thật là khủng khiếp Indar ạ. Ông ấy gửi một thông điệp đến đại tá Yenyi bắt ông này ở lại doanh trại để chờ chỉ huy quân lê dương. Thế là ông đại tá ở lại với đầy đủ quân phục và khi họ đến ông bắt đầu đi ra cửa. Họ bắn khi ông ấy đang bước đi. Và tất cả những người ở chỗ ông ấy nữa".

"Điều đó dù sao cũng cứu công việc làm ăn của anh đấy. Nhân tiện, nó đây tôi có cái này cho anh. Trước khi tới đây tôi đã đến gặp cha mẹ anh".

"Anh đã về nhà à?" Tôi hoàn toàn không trông chờ điều này.

Anh nói "Ồ, tôi đã về đó vài lần kể từ những sự kiện vĩ đại. Không tệ lắm đâu. Anh còn nhớ nhà anh không? Họ đã sơn lại nó theo màu của đảng. Giờ đây có cái gì đó như nhà của đảng. Mẹ anh gửi cho anh một chai tương dưa dứa. Và không phải cho riêng anh đâu đấy. Cho Ali và anh. Bà ấy nói rõ như thế" và với Metty, lúc này đã trở lại với bình nước nóng và những tách cùng hộp nescafé và sữa hộp, anh ấy nói "Mẹ gửi cho mày tương dưa dứa đấy, Ali".

Metty nói "Tương ,tương dưa à. Thức ăn ở đây thật là horrible [1] Indar ạ".

Cả ba chúng tôi ngồi vào bàn, trộn cà phê, nước, sữa và quấy lên.

Indar nói "Tôi không muốn quay lại. Không phải lần đầu tiên. Tôi không nghĩ tim tôi chịu được điều đó. Nhưng máy bay là một thứ rất tuyệt. Bạn vẫn ngồi một chỗ khi đã tới chỗ khác. Máy bay nhanh hơn trái tim. Bạn tới nơi nhanh chóng và rời đi cũng nhanh chóng. Bạn không phải buồn thương nhiều quá. Và còn có một cái gì đó khác về máy bay. Bạn có thể quay trở lại một địa điểm nhiều lần. Và điều gì đó lạ lắm xảy tới nếu bạn quay trở lại thường xuyên. Bạn không còn buồn tiếc về quá khứ nữa. Bạn thấy rằng quá khứ là cái gì đó chỉ tồn tại trong óc, không tồn tại trong cuộc sống thực. Bạn dẫm chân lên quá khứ, bạn đè nghiền nó. Đầu tiên thì giống như dẫm chân lên một khu vườn. Cuối cùng không khác gì bạn đang đi trên mặt đất. Đó là cách chúng ta phải học sống bây giờ. Quá khứ đang ở đây". Anh ta chạm tay vào ngực trái "Không phải ở đây" và anh chỉ ra con đường bụi mù.

Tôi cảm thấy anh đã từng nói những lời đó trước đây, hoặc đã để nó trong óc. Tôi nghĩ, anh chiến đấu để giữ được phong cách của mình. Có lẽ trong chúng tôi anh là người chịu đựng nhiều nhất.

Ba người chúng tôi ngồi, uống Nescafé. Và tôi nghĩ thời khắc này thật đẹp.

Cuộc trò chuyện vẫn hoàn toàn là độc thoại. Anh biết mọi điều về tôi, tôi không biết gì về cuộc sống gần đây của anh. Khi lần đầu tiên tới thị trấn tôi đã nhận ra phần lớn cuộc trò chuyện của người ở đây đều nhằm để trả lời những câu hỏi về chính họ, họ hiếm khi hỏi bạn về bạn, họ lơ lửng quá lâu. Tôi không muốn Indar cũng cảm thấy thế về tôi. Và tôi thực sự muốn biết về anh. Thế nên, hơi rụt rè một chút, tôi bắt đầu hỏi anh.

Anh nói anh đã ở thị trấn được vài ngày và sẽ ở lại vài tháng. Anh đến bằng tàu thủy à? Anh nói "Anh điên sao? Chết gì với bọn người châu Phi của dòng sông suốt bảy ngày ư? Tôi đi bằng máy bay chứ".

Metty nói "Tôi không thể đi mọi nơi bằng tàu thủy. Họ nói là kinh khủng lắm. Và thậm chí còn tệ hơn nếu đi thuyền, với nhà xí và mọi người nấu nướng cùng với ăn uống khắp nơi. Thật là kinh khủng, kinh khủng, họ nói với tôi như thế."

Tôi hỏi Indar anh sẽ ở đâu, tôi nghĩ rằng tôi nên đề nghị anh đến nhà tôi ở. Liệu anh có ở chỗ Van der Meyden không?

Đó là câu hỏi anh đợi được hỏi. Anh nói bằng giọng nhẹ nhàng không cần nhấn mạnh "Tôi ở khu nhà nước. Tôi có một ngôi nhà ở đó. Tôi là khách của chính phủ".

Và Metty xử sự bùng phát hơn tôi. Metty vỗ mạnh xuống bàn và nói "Indar!"

Tôi nói "Người Đàn Ông Vĩ Đại mời anh à?"

Anh bắt đầu hạ thấp mức độ "Không hoàn toàn. Tôi có hãng riêng. Tôi đến dạy một học kỳ ở trường bách khoa. Anh có biết trường đó không?"

"Tôi biết một người ở đó. Một sinh viên".

Indar làm như tôi đã ngắt lời anh, như thế vậy, dù tôi sống ở nơi này, và anh thì vừa mới đến – tôi đi ngang qua, và không có quyền biết một học sinh ở trường bách khoa.

Tôi nói "Mẹ nó là một marchande, người mua hàng của tôi."

Điều này rõ là tốt hơn. Anh nói "Anh phải đến và gặp những người khác ở đó đi. Anh có thể không thích điều sẽ diễn ra. Nhưng anh phải dự đoán trước là sẽ diễn ra. Anh không được lặp lại sai lầm đó nữa".

Tôi muốn nói "Tôi sống ở đây. Tôi đã trải qua rất nhiều thứ trong sáu năm rồi". Nhưng tôi không nói điều đó. Tôi đang phỉnh nịnh Indar. Anh có ý tưởng riêng của mình về việc tôi là ai – và trên thực tế anh đã tóm được tôi tại cửa hiệu, với công việc làm ăn buôn bán dờ hơi của tôi. Anh có ý tưởng riêng về chuyện anh là ai và anh đã làm gì, khoảng cách đã được thiết lập giữa anh và chúng tôi.

Sự tự đắc của anh không làm tôi tức tối. Tôi thấy thích thú nó là đẳng khác, theo cách nhiều năm trước, tại bờ biển, khi còn là một đứa bé. Tôi đã thích thú những câu chuyện của Nazruddin về sự may mắn và những thú vui trên đời của ông, tại thị trấn thời thuộc địa. Tôi không vỗ bàn như Metty, nhưng tôi ấn tượng bởi cái tôi thấy ở Indar. Và đó là một điều làm giảm nhẹ những nỗi ác cảm mà anh làm tôi cảm thấy, để quên đi việc đã bị bắt tại trận, và để dành cho anh sự ngưỡng mộ thẳng thắn về cái anh đã làm cho chính an – với những áo quần London và sự ưu thẳng mà anh nói tới, về sự đi lại của anh, ngôi nhà ở Khu của anh, địa vị của anh ở trường bách khoa.

Để ngưỡng mộ anh, để tỏ ra không ganh đua hay chống đối, phải tạo cho anh cảm giác thoải mái. Khi chúng tôi chuyện văn bên tách Nescafé, khi Metty thỉnh thoảng kêu ầm lên, biểu lộ theo cung cách gia nhân của mình sự ngưỡng mộ mà người chủ của hẳn cảm thấy, sự cẩu kính của Indar đã biến đi. Anh trở nên dễ mến, đầy hóm hỉnh, rất quan tâm. Cuối buổi

sáng, tôi cảm thấy cuối cùng tôi đã có được một người bạn cùng dạng với mình. Tôi rất cần một người bạn như thế.

Và không những không trở thành chủ nhà và người hướng dẫn cho anh, tôi còn được anh dẫn dắt. Đó chưa phải toàn bộ sự phi lý. Tôi có quá ít ỏi thứ để cho anh xem. Mọi điểm quan trọng của thị trấn tôi biết đều được đem ra nói chỉ trong vài giờ đồng hồ, đó là điều tôi phát hiện khi lái xe chở anh sáng hôm đó.

Có dòng sông, với một đoạn đi dạo gần cầu tàu. Có cầu tàu: những sàn sửa chữa với những mảng sắt nhẵn đầy những mẫu linh kiện máy rĩ hoen, và ở một đoạn dọc sông là nhà thờ lớn đồ sộ, được bao phủ rất đẹp và có dáng vẻ cổ kính, giống như ở châu Âu – nhưng bạn chỉ có thể nhìn từ con đường, vì cây bụi quá dày và nơi đó nổi tiếng nhiều rắn. Có những quảng trường trầy xước với hàng cột xấu xí và không có tượng, những toà nhà hành chính từ thời thuộc địa trên những đại lộ hai bên trồng cỏ, trường trung học, với những chiếc mặt nạ hồng hết để trong phòng để súng (nhưng cái đó làm Indar chán ngấy), Van der Meyden và Bigburger của Mahesh, những nơi chẳng có mấy thứ có thể mang ra khoe với một người đã từng ở châu Âu.

Có các cité và những khu nhà mọc lên bất hợp pháp (một số trong đó tôi đã lái xe đến vào lần đầu tiên) với hàng đồng rác, những ụ bụi nhàu nhĩ, và rất nhiều lớp xe cũ trong bụi. Với tôi những đồng rác và lớp xe này là những đặc điểm của các cité và thị trấn tồi tàn. Những đứa bé gầy gò ở đây biết nhảy lên rất giỏi trên những cái lốp đó, chạy, nhảy trên lốp xe, và rồi bắn lên cao trong không khí. Nhưng đã gần giữa trưa. Không còn trẻ con chơi trò nhảy nhót đó nữa khi chúng tôi lái xe đến, và tôi nhận ra rằng (sau một công trình không có gì ở trong, và những hàng cột không có tượng) nói đúng ra tôi đang chỉ cho Indar xem rất nhiều rác rưởi. Tôi đột ngột quay xe khi nghĩ vậy. Ghềnh nước và làng chài – đã được gắn vào Khu nhà nước, anh đã thấy chúng rồi.

Khi chúng tôi lái xe đến Khu – vùng đệm, một thời hoang vắng, giờ đây đầy những lều của những người mới đến từ các làng, những cái lều mà cùng với Indar, tôi như có thể thấy lần đầu tiên vậy, mặt đất đỏ giữa những túp lều rách rưới những dòng suối nhỏ đầy rác rưởi màu đen hoặc xanh xỉn, cây ngô và sắn trồng tại mọi khoảng đất – trong khi tôi lái xe, Indar nói "Anh nói anh ở đây được mấy năm rồi nhỉ?"

"Sáu năm".

"Và anh đã chỉ cho tôi mọi thứ rồi chứ?"

Tôi còn chưa chỉ cho anh gì nhỉ? Còn một ít cửa hiệu, nhà và căn hộ. Cặp lạc bộ Hellenic – và những quầy bar. Nhưng tôi không thể chỉ cho anh những quầy bar được. Và quả thật, nhìn vào chỗ này với đôi mắt của anh, tôi thực sự kinh ngạc với những gì thật ít ỏi quanh tôi. Và tôi ngừng tìm kiếm nhiều hơn nữa. Chỉ có thể thôi. Tôi đã nghĩ về thị trấn như một thị trấn thực thụ, giờ đây tôi thấy nó như một đồng hồ lớn những túp lều. Tôi nghĩ tôi đã chịu đựng nơi này. Nhưng tôi chỉ đơn giản là đang sống mù quáng – giống những người mà tôi biết, mà trong sâu thẳm tôi nghĩ mình khác hẳn.

Tôi không thích khi Indar nói tôi đang sống trong điều kiện hết như cộng đồng chúng tôi hồi trước, không quan tâm đến điều sẽ diễn ra. Nhưng cho đến lúc này anh không hề sai. Anh nói về Khu, và chúng tôi ở tại thị trấn mà Khu chỉ coi là một trong số các đầu mối cung cấp hàng hoá. Chúng tôi biết ít về cuộc sống ở đó, và chúng tôi không muốn tìm hiểu. Chúng tôi coi Khu là một phần của sự lãng phí và sự điên rồ của đất nước. Nhưng quan trọng hơn, chúng tôi coi nó là một phần của chính sách của Tổng thống, và chúng tôi không muốn bị trộn lẫn vào đó.

Chúng tôi cảnh giác với những người nước ngoài mới tại ngoại vi thị trấn chúng tôi. Họ không giống các kỹ sư, lái buôn và nghệ nhân mà chúng tôi biết, và tôi khá là ghét họ. Người trong Khu giống như những người

khách du lịch, nhưng họ không phải những người tiêu nhiều tiền – mọi thứ họ đều tìm thấy ở Khu. Họ không quan tâm đến chúng tôi, với ý nghĩ rằng họ là những người được bảo vệ, chúng tôi thấy họ như những người tách biệt khỏi cuộc sống thực sự ở nơi này, nhưng với lý do không mấy thực tế đó, và không thực tế như chính chúng tôi.

Không biết điều đó và nghĩ lúc nào chúng tôi cũng cúi đầu, khôn ngoan và bảo vệ những quyền lợi của mình, chúng tôi trở nên giống với những người châu Phi mà Tổng thống cai trị. Chúng tôi chỉ đơn giản là cảm thấy sức nặng của quyền lực Tổng thống . Khu đã được Tổng thống tạo ra, vì những lý do riêng của ông mà ông gọi những người nước ngoài đến sống ở đây. Với chúng tôi thì là đã đủ, chúng tôi chẳng việc gì phải đặt câu hỏi thêm nữa.

Vài lần sau, khi Ferdinand tới thị trấn để gặp mẹ nó đến mua đồ, tôi lái xe đưa nó về ký túc xá của khu. Điều tôi thấy khi đó là tất cả những gì tôi biết cho đến khi Indar trở thành người dẫn đường cho tôi.

Đó là điều Indar đã nói. Anh có một ngôi nhà trong Khu và là khách của chính phủ. Nhà anh trải thảm và trang trí theo kiểu phòng trưng bày – mười hai chiếc ghế ăn chạm khắc bằng tay, những chiếc ghế nhồi bọc nhung tổng hợp có tua xếp thành hai hàng trong phòng khách, đèn, bàn, điều hoà khắp nơi. Điều hoà nhiệt độ là rất cần thiết. Những ngôi nhà của Khu, được xây trên khu đất được san phẳng, giống như những hộp bê tông khổng lồ, với mái ngói không chìa ra ngoài chút nào, để vào bất kỳ giờ nào của một ngày nắng chói chang một bức tường, hoặc hai, phải chịu hoàn toàn sức nóng của mặt trời. Mỗi ngôi nhà đó có một gia nhân, mặc trang phục phục vụ của Khu – quần trắng, áo trắng và một cái áo khoác cho gia nhân (thay cho cái tạp dề thời thuộc địa). Đó là phong cách Khu với những người ở vào địa vị của Indar. Phong cách đó thuộc về Tổng thống . Đó là người đã quy định đồng phục của những người hầu.

Và trong cái thế giới Khu lạ lùng này Indar rõ ràng rất được kính trọng. Một phần sự kính trọng đó dành cho "đơn vị" mà anh là thành viên. Anh không thể giải thích rõ ràng cho tôi đơn vị nào đã gửi anh đến châu Phi – hoặc giả tôi quá ngây thơ để tin điều đó. Nhưng nhiều người trong Khu dường như thuộc về những đơn vị rất bí hiểm, và họ coi Indar không phải như một người thuộc cộng đồng chúng tôi hay một người tị nạn đến từ khu bờ biển, anh là người của họ. Đối với tôi, điều này khá là kỳ quặc.

Những người nước ngoài theo phong cách mới này chúng tôi đã từng thấy họ tới trước đây trong thị trấn. Chúng tôi đã thấy họ mặc đồ châu Phi, chúng tôi đã nhận ra sự vui tươi của họ, thật khác với sự khó khăn của chúng tôi, niềm vui sướng của họ với tất cả những gì họ tìm thấy. Và chúng tôi từng coi họ như những kẻ ăn bám và khá nguy hiểm, phục vụ một mục tiêu bí ẩn nào đó của Tổng thống, những người cần phải dè chừng.

Nhưng giờ đây sống cùng với họ ở Khu, nơi mà theo cách nào đi nữa đều là chỗ nghỉ mát của họ, và được tiếp nhận dễ dàng vào cuộc sống của họ, thế giới của bungalow và điều hoà nhiệt độ cùng sự dễ dãi hội hè của họ, nghe được trong những cuộc trò chuyện đầy học thức của họ tên những thành phố nổi tiếng, tôi ngả sang hướng khác và bắt đầu nhận thấy chúng tôi, những người trong thị trấn, trong mắt họ mới thật là câm nín, xoàng xĩnh và ngây ì biết bao nhiêu. Tôi bắt đầu có một số cảm giác về những niềm phấn khích xã hội về cuộc sống ở Khu, về những người gắn liền với một con đường mới, đã mở rộng hơn, ít liên quan hơn đến những kẻ thù và hiểm nguy, sẵn sàng hơn để được quan tâm và giải trí, tìm kiếm giá trị nhân văn ở những người khác. Trong Khu họ có cách riêng của mình để nói về mọi người và các sự kiện, họ gắn liền với thế giới, ở chỗ họ có cảm giác về sự phiêu lưu.

Tôi nghĩ về cuộc đời tôi, cuộc đời Metty, Shoba và Mahesh và sự riêng tư quá mức của họ, về những người Italia và Hy Lạp – đặc biệt người Hy Lạp – thẳng ruột ngựa và lo toan cho gia đình và sự bền chồn của châu

Phi và người châu Phi. Hiếm khi có cái gì mới mẻ ở đó. Cho nên chỉ đi vài dặm từ thị trấn đến Khu luôn tạo ra một sự điều chỉnh, buộc phải có một thái độ mới, và gần như lần nào cũng như gặp một đất nước khác hẳn. Tôi hồ thẹn với bản thân mình về những phán xét mới mà tôi có về những người bạn Shoba và Mahesh, những người đã làm rất nhiều việc cho tôi trong bao nhiêu năm qua và với họ tôi cảm thấy an toàn. Nhưng tôi không thể không có những ý nghĩ đó. Tôi nghiêng về việc nghĩ theo một cách khác, đến cuộc sống ở Khu, như tôi đã thấy khi đi cùng với Indar.

Ở Khu, tôi nhận thấy mình thuộc về một thế giới khác. Khi cùng với Indar gặp những người ở đó tôi tìm được ít điều để nói. Có những lúc tôi nghĩ tôi có thể bỏ anh lại đó. Nhưng dường như anh không hề có ý nghĩ đó trong đầu. Anh dẫn tôi đi khắp nơi như một người bạn của gia đình anh ở bờ biển, một thành viên cộng đồng của anh. Anh không chỉ muốn tôi chứng kiến thành công của anh với những người ở Khu, anh dường như còn muốn tôi chia sẻ nó nữa. Đó là cách anh trả công cho sự ngưỡng mộ của tôi và tôi thấy được sự tế nhị ở anh mà tôi chưa từng thấy khi còn ở bờ biển. Các đối nhân xử thế của anh giống như một hình thức cân nhắc, và dù cơ hội nhỏ đến mấy, cách xử sự đó của anh vẫn không hề thất bại. Chúng là cách xử sự của một ông bầu gánh hát, hơi giống vậy. Nhưng cũng vẫn còn phong cách cũ của gia đình anh, như thể anh cần có sự an toàn và ngưỡng mộ để thực hiện lại nó. Trong tính nhân tạo của Khu anh tìm thấy sản phẩm tuyệt vời cho mình.

Trong thị trấn chúng tôi không thể dành cho Indar sự coi trọng và niềm phấn khích tập thể mà anh có được ở Khu; chúng tôi hiếm khi tán thành những gì anh có được ở đó. Với tính nhạo báng của mình, được tạo ra sau nhiều năm bất ổn, chúng tôi có thể nhìn nhận một con người theo cách nào nữa? Chúng tôi đánh giá những người bán hàng ở Van der Weyden bởi những hãng mà họ đại diện, sự khéo léo của họ khi bán hàng cho chúng tôi. Biết những con người đó, có được những dịch vụ mà họ cung cấp, và được phỉnh phờ ở chỗ chúng tôi không phải khách hàng bình thường trả đủ tiền

hoặc chỗ chúng tôi phải xếp hàng, chúng tôi nghĩ đã nắm được cả thế giới, và chúng tôi coi những người bán hàng đó như là những người đại diện đầy quyền lực cần phải tính đến. Chúng tôi đánh giá những người lái buôn bằng những đòn của họ, những hợp đồng, những hăng mà họ mang đến.

Cũng vậy với người châu Phi, chúng tôi đánh giá họ qua sự khéo léo, như những người trong quân đội hoặc các quan chức hải quan và cảnh sát, để phục vụ chúng tôi, và đó cũng chính là cách họ tự đánh giá mình. Bạn có thể điểm mặt những người có tai mắt ở chỗ Bigburger. Họ, chia sẻ cuộc bùng nổ với chúng tôi, và không còn tiêu tụy như trước đây nữa, đeo vàng hết mức có thể - những cặp kính mạ vàng, nhẫn vàng, bút máy bút chì vàng, đồng hồ vàng với dây đeo bằng vàng chắc nịch. Chúng tôi thường đùa cợt với nhau về sự tầm thường và tính say mê vàng của người châu Phi. Vàng – làm thế nào nó có thể thay đổi con người, những người dù sao cũng chỉ là người châu Phi ? Nhưng chúng tôi cũng muốn có vàng, và chúng tôi thường xuyên coi trọng những người châu Phi đeo vàng trên người.

Những ý tưởng của chúng tôi về con người chỉ đơn giản thế thôi, châu Phi là nơi mà chúng tôi phải sống. Nhưng tại Khu thì khác hẳn. Tại đó họ có thể chế nhạo việc buôn bán vàng, vì trong bầu khí quyền ma thuật của Khu, giữa các đại lộ và nhà cửa mới, một châu Phi khác đã được tạo ra. Trong Khu, người Phi – những người trẻ tuổi ở trường bách khoa – thật lãng mạn. Họ không phải lúc nào cũng có mặt tại các bữa tiệc hoặc hội họp, nhưng toàn bộ cuộc sống của Khu được xây dựng quanh họ. Trong thị trấn "châu Phi" có thể là một từ bị lạm dụng với nghĩa xấu, trong Khu, từ đó là một từ có ý nghĩa lớn hơn. Một "người châu Phi" tại đó là một người mới khác mọi người đang bận rộn làm việc, một người được thừa hưởng – người quan trọng mà nhiều năm trước Ferdinand từng tự coi mình như thế.

Trong thị trấn, khi còn ở trường trung học, Ferdinand và bạn bè nó – dĩ nhiên bạn bè nó – vẫn gắn chặt với những con đường làng. Khi chúng không còn trách nhiệm, không ở trường trung học hoặc với những người

như tôi, chúng liền vươn tới cuộc sống mới của châu Phi của thị trấn. Ferdinand và Metty – hoặc Ferdinand và bất kỳ thằng bé châu Phi nào – có thể trở thành bạn bè vì giữa chúng có nhiều điểm chung. Nhưng trong Khu không cách nào có thể nhằm giữa Ferdinand và những đứa bạn trong bộ đồng phục màu trắng gia nhân.

Ferdinand và bạn bè nó có ý tưởng rõ ràng về việc chúng là ai và chúng được trông chờ gì. Chúng là những người trẻ tuổi được học bổng của chính phủ, chúng có thể sớm trở thành những quan chức tại thủ đô, phục vụ Tổng thống . Khu là sáng tạo của Tổng thống , và trong Khu với sự hiện diện của những người nước ngoài chúng có một ý tưởng lớn về một châu Phi mới. Ngay cả tôi, khi ở Khu, cũng bắt đầu cảm thấy một ít tính lãng mạn của ý tưởng đó.

Như vậy là người nước ngoài và người châu Phi xử sự và phản ứng với nhau, và mỗi người bị khóa kín trong ý tưởng về vinh quang và cái mới. Ở mọi nơi ảnh Tổng thống nhìn xuống chúng tôi. Trong thị trấn, trong những cửa hiệu của chúng tôi và các toà nhà chính phủ, chỉ có ảnh Tổng thống , người cai trị, một cái gì đó hiển nhiên phải ở đó. Tại Khu vinh quang của Tổng thống đè nát tất cả những người châu Phi mới của ông.

Và những thanh niên đó thật sáng chói. Tôi từng nhớ chúng là những kẻ ăn cắp vặt, ngoan cố và điên rồ, chỉ có lối khôn lỏi làng xã; và tôi từng cho rằng học hành với chúng chỉ là chuyện nhồi sọ. Cũng giống những người khác trong thị trấn, tôi tin rằng những khóa học đó bị xếp hạng thấp hoặc thay đổi đối với người châu Phi. Điều đó là có thể, chúng có một số môn – quan hệ quốc tế, bối cảnh chính trị, nhân học. Nhưng những người trẻ tuổi đó có trí tuệ thật sắc bén và nói rất hay – và nói bằng tiếng Pháp, chứ không phải thổ ngữ. Họ đã phát triển nhanh. Mới chỉ có vài năm trước thôi, Ferdinand còn không có khả năng nắm bắt được ý tưởng về châu Phi. Bây giờ thì không thể nữa. Các tạp chí về tình hình châu Phi – dù khá là giả

tưởng, những tạp chí được tài trợ từ châu Âu – và báo chí, dù bị kiểm duyệt, đã nhân rộng những tư tưởng, kiến thức, thái độ mới.

Một tối Indar dẫn tôi đến buổi hội thảo của anh, trong phòng học của toà nhà bách khoa rộng lớn. Cuộc hội thảo không thuộc về khóa học nào cả. Nó là hoạt động ngoại khóa, và được miêu tả trên cửa là một bài tập nói tiếng Anh. Nhưng hẳn là Indar trông chờ nhiều hơn thế. Phần lớn bàn đều kín người. Ferdinand có ở đó, trong một nhóm nhỏ bạn của nó.

Những bức tường màu bánh bích quy của phòng học để trống, chỉ treo một bức ảnh Tổng thống – không phải mặc quân phục đội mũ lưỡi trai da cáo của lãnh đạo, một áo khoác vạt ngắn và một chiếc ca vát lốm đốm, Indar, ngồi dưới bức ảnh này, bắt đầu nói, rất thoải mái, về những Khu khác của châu Phi mà anh từng đến, và những người trẻ tuổi nghe rất say sưa. Sự ngây thơ và hăng hái của họ thật đáng kinh ngạc. Dù cho những cuộc chiến tranh và đảo chính mà họ đã từng nghe, châu Phi với họ vẫn cứ là một châu lục mới, và họ cư xử như thế Indar cảm thấy giống họ, là một trong số họ. Bài học tiếng trở thành một cuộc thảo luận về châu Phi, và tôi có thể cảm nhận được chủ đề bách khoa, chủ đề bài giảng, đã biến thành cái cố. Một số câu hỏi rất hiểm hóc, nhưng Indar rất giỏi, luôn bình tĩnh, không bao giờ ngạc nhiên. Anh giống như một triết gia, anh thử hướng những người trẻ tuổi kiểm tra những từ mà họ đang sử dụng.

Họ nói một lúc về đảo chính ở Uganda, và về những khác biệt về sắc tộc và tôn giáo ở đó. Rồi họ bắt đầu nói chung hơn về tôn giáo ở châu Phi.

Có một vài cử động trong nhóm quanh Ferdinand. Và Ferdinand – không để ý đến tôi – đứng dậy và hỏi "Liệu vị khách đáng kính có thể cho biết ông nghĩ gì về những người châu Phi đang theo đạo Cơ Đốc?"

Indar làm điều anh từng làm trước đó. Anh nhắc lại câu hỏi. Anh nói "

Tôi cho rằng điều anh thực sự muốn hỏi là liệu châu Phi có thể được phục vụ bởi một tôn giáo không thuộc về châu Phi không? Đạo Hồi có phải một tôn giáo châu Phi không? Anh có cảm thấy đạo Hồi sẽ được truyền bá rộng rãi ở châu Phi không?"

Ferdinand không trả lời. Cũng giống như ngày trước – nó không bao giờ nghĩ quá một điểm nào cả.

Indar nói "Nào, tôi cho rằng anh có thể nói đạo Hồi đã trở thành một tôn giáo của châu Phi. Nó đã ở đây lâu lắm rồi. Và anh có thể nói những người Ai cập theo đạo Cơ đốc cũng vậy. Tôi không biết – có lẽ anh cảm thấy rằng những người đó đã bị giải nhân cách bởi những tôn giáo đó đến mức họ không còn liên quan gì đến châu Phi nữa cả. Anh có định nói như thế không? Hay là anh muốn nói họ là những người châu Phi có số phận khác biệt?"

Ferdinand nói "Ngài khách mời rất đáng kính biết rất rõ về loại Cơ đốc giáo mà tôi muốn nói. Ông đang làm rối vấn đề. Ông biết về trạng thái thấp kém của tôn giáo châu Phi và ông biết rất rõ rằng đó là một câu hỏi trực tiếp tới ông về sự gợi mở hoặc ngược lại về tôn giáo châu Phi. Ngài khách mời là một quý ông rất có thiện cảm với châu Phi, ông đã đi đến nhiều nơi thuộc châu Phi. Ông có thể khuyên chúng tôi. Đó là điều chúng tôi muốn hỏi".

Một số dãy bàn tỏ ý đồng tình.

Indar nói "Để trả lời câu hỏi đó anh phải cho phép tôi hỏi anh một câu đã. Các anh là sinh viên. Các anh không phải dân làng. Các anh không thể giả bộ mình là ai. Các anh sẽ sớm phục vụ Tổng thống của các anh và chính phủ của ông theo nhiều cách khác nhau. Các anh là người của một thế giới hiện đại. Các anh có còn cần tôn giáo châu Phi nữa không? Hoặc các anh còn nhiều tình cảm cho nó? Liệu các anh có tức giận khi mất nó

không? Hoặc các anh có cảm thấy các anh phải tiếp tục chỉ bởi vì nó là của các anh?"

Mắt Ferdinand đánh lại. Nó dịch bàn ra và đứng dậy. "Ông đang hỏi một câu hỏi phức tạp".

Và từ "phức tạp" vang lên giữa các sinh viên, rõ ràng một từ không đồng tình\,

Indar nói "Anh đang quên đấy. Tôi không nêu câu hỏi. Anh nêu nó ra, và tôi chỉ hỏi thêm thông tin thôi".

Câu nói này lập lại trật tự, chấm dứt những tiếng đập bàn. Nó làm cho Ferdinand trở lại thân thiện, và nó tiếp tục thân thiện như thế cho đến cuối buổi hội thảo. Cuối buổi nó đi đến chỗ Indar, khi những người phục vụ mặc jackets de boy (áo khoác gia nhân) đẩy những chiếc xe đẩy đến phục vụ cà phê và bánh bích quy (một phần của phong cách Tổng thống đã quy định cho Khu).

Tôi nói với Ferdinand :Cậu đã vụng vọ bạn tôi đấy".

Nó nói "Cháu đã không làm thế nếu biết đó là bạn của chú".

Indar nói "Thế những suy nghĩ thực sự của anh về tôn giáo là như thế nào?"

Ferdinand nói "Tôi không biết. Đó là điều tôi đã hỏi. Không phải câu hỏi dễ với tôi".

Sau đó, khi Indar và tôi rời khỏi toà nhà trường bách khoa để đi bộ về nhà anh, Indar nói "Chàng trai khá là ấn tượng đấy. Anh ta là con trai marchande của anh à? Điều này giải thích nhiều điều. anh ta có nền tảng khá đặc biệt".

Trong sân bên ngoài toà nhà bách khoa tràn ngập cờ. Đèn cao thể sáng rực cả hai bên lề đại lộ chính, và đại lộ cũng ngập ánh sáng, giống như một đường băng. Một số bóng đèn đã vỡ và cỏ đã mọc cao xung quanh.

Tôi nói "Mẹ nó còn là một phù thủy".

Indar nói "Anh chẳng cần quan tâm lắm đâu. Đêm nay chúng thật kinh, nhưng chúng không hỏi những câu hỏi thực sự khó. Anh có biết câu hỏi đó là gì không? Là liệu người châu Phi có phải là nông dân không. Đó là một câu hỏi vô nghĩa, nhưng xung quanh nó có cả đồng cuộc chiến đấy. Nói gì anh cũng rơi vào bất định. Anh thấy tại sao tôi cần có đơn vị của mình. Trừ phi chúng ta có thể làm họ nghĩ được, và cho họ được những ý tưởng thực sự thay vì chỉ có chính trị và những nguyên lý, nếu không những người trẻ tuổi đó sẽ để thế giới của chúng ta hỗn loạn trong nửa thế kỷ nữa cho mà xem".

Tôi nghĩ cả hai chúng tôi đã đi quá xa khi nói về châu Phi như vậy. Chúng tôi thậm chí đã coi trò phù thủy châu Phi là nghiêm túc. Ở bờ biển không như thế. Nhưng tối đó khi chúng tôi nói chuyện về cuộc hội thảo, tôi bắt đầu tự hỏi liệu Indar và tôi có tự làm rối trí và liệu chúng tôi có không cho phép châu Phi mà chúng tôi nói đến được trở nên một châu Phi quá khác biệt so với hiện nay không. Ferdinand không muốn mất đi mối liên lạc với các linh hồn, nó nóng lòng được tự là mình. Đó là mặt sau của câu hỏi. Chúng tôi đều hiểu nỗi lo lắng của nó, nhưng ở buổi hội thảo dù sao ai cũng xấu hổ, hoặc sợ hãi, hoặc không dám nói thẳng đến điều đó. Cuộc tranh luận đầy những từ ngữ theo một cách khác, về tôn giáo và lịch sử. Giống là về Khu, châu Phi là một nơi đặc biệt.

Tôi cũng tự hỏi về Indar. Làm thế nào anh có thể có được những thái độ đó? Hồi còn ở bờ biển tôi từng nghĩ anh căm ghét châu Phi. Anh đã mất mát nhiều, tôi không nghĩ anh lại có thể tha thứ. Nhưng anh đã toả sáng ở Khu, đó là địa bàn của anh.

Tôi không "phức tạp" đến thế, tôi thuộc về thị trấn. Và rời khỏi Khu để trở về thị trấn, nhìn lại những túp lều, từng đồng từng đồng, những đồng rúc, cảm thấy sự hiện diện của dòng sông và cánh rừng chung quanh (giờ đây chúng có ý nghĩa nhiều hơn một cảnh trí), nhìn thấy những tốp người rách rưới bên ngoài những nơi uống rượu, những bếp lửa lều trại trên hè phố ở trung tâm thị trấn – làm điều đó khác nào quay trở lại với châu Phi mà tôi biết. Đó chính là hạ nhiệt từ sự phấn khích ở Khu, nắm bắt lại thực tế. Liệu Indar có tin vào châu Phi chỉ qua lời lẽ? Liệu ai đó ở Khu biết không? Cách chúng tôi sống ở thị trấn, chuyện gẫu của những người bán hàng tại Van der Weyden và các quán bar, những bức ảnh của Tổng thống tại các cơ quan chính phủ và trong cửa hiệu của chúng tôi, doanh trại quân đội ở lâu đài đã được sửa sang của người trong cộng đồng chúng tôi – liệu tất cả có là sự thật không?

Indar nói "Liệu có ai tin vào cái gì đó không? Quan trọng gì chứ?"

Đây là một lễ nghi tôi làm mỗi khi tôi phải thanh toán một lô hàng khó với hải quan. Tôi điền mẫu tờ khai, gập nó lại trên tờ năm trăm quan và đưa nó cho viên hải quan đang ngồi ở đó. Anh ta có thể - ngay khi anh ta bảo bộ hạ ra khỏi phòng (và họ dĩ nhiên biết tại sao được lệnh ra khỏi phòng – liếc nhìn xấp giấy bạc để kiểm tra. Khi đó anh ta sẽ lấy tiền, những điều khoản trên tờ khai có thể được kiểm tra với sự chú ý cường điệu, và anh ta sẽ nhanh chóng nói "C'est bien, Mis Salim, vous êtes en ordre [2]" Cả anh ta và tôi đều nhớ đến những tờ giấy bạc. Chúng tôi chỉ có thể nói về chi tiết trên tờ khai, đã được điền rất đúng, được công nhận đúng đắn, có thể được coi là tấm lá chắn cho sự đúng đắn của cả hai chúng tôi. Cái còn nằm lại ở trung tâm của cuộc trao đổi có thể được đi qua trong sự yên lặng, và sẽ không để lại dấu vết nào trong hồ sơ.

Do đó, trong những cuộc trò chuyện của tôi với Indar về châu Phi – mục đích của đơn vị của anh, Khu, những lo lắng của anh về các học thuyết mới du nhập, sự nguy hiểm với châu Phi về tính mới mẻ nhất của nó,

những ý tưởng đầu tiên được xem an toàn nhất bởi những đầu óc mới cũng dính chắc như dải băng dính – tôi cảm thấy rằng giữa chúng tôi có một sự giả dối nào đó, hoặc chỉ là một sự loại bỏ, một khoảng trống nào đó, giữa những cái cả hai chúng tôi đều lượn lờ rằng cần trọng. Sự loại trừ này liên quan đến quá khứ của chúng tôi, về cuộc sống bị nghiền nát tại cộng đồng của chúng tôi, Indar từng gọi lại cuộc gặp gỡ đầu tiên của chúng tôi tại cửa hiệu. Anh nói anh đã học được cách dẫm chân lên quá khứ. Thoạt đầu giống như bước trên khu vườn, rồi sau đó giống như bước trên mặt đất.

Tôi rồi bời với chính mình. Khu là một trò chơi khăm. Nhưng cùng lúc nó lại rất thật, vì nó đầy những người đàn ông nghiêm túc (và một số phụ nữ). Liệu có một sự thật nào đó bên ngoài con người? Liệu con người có thể tạo ra sự thật cho chính mình? Mọi điều người ta làm hoặc tạo ra đều trở thành có thực. Cho nên tôi chao đảo giữa Khu và thị trấn. Luôn là an toàn được trở về thị trấn mà tốt biết, thoát khỏi cái châu Phi của những từ ngữ và tư tưởng tồn tại ở Khu (và từ đó thường thì người châu Phi theo nghĩa thực thể vắng mặt). Nhưng Khu, như vinh quang và những niềm phấn khích xã hội của cuộc sống ở đó, luôn vậy gọi tôi trở lại.

Chú thích:

[1] tiếng Pháp: khủng khiếp

[2] Tốt rồi ngài Salim, Ông điền đúng rồi

KHÚC QUANH CỦA DÒNG SÔNG

V. S. Naipaul

www.dtv-ebook.com

Dịch Giả: Cao Việt Dũng

Chương 8:

Indar nói "Tối nay chúng tôi sẽ dự một bữa tiệc. Yvette tổ chức. Anh có biết cô ấy không? Chồng cô ấy, Raymond, không có tiếng tăm mấy, nhưng là người điều hành toàn bộ ở đây. Tổng thống, hay Người Đàn Ông Vĩ Đại như anh gọi, đã gửi ông ấy đến đây để mắt đến mọi việc. Ông ấy là người da trắng của Người Đàn Ông Vĩ Đại. Tại mọi chỗ như thế luôn có những chuyện như vậy. Dù sao đó cũng là cả một câu chuyện. Raymond biết nhiều về đất nước này hơn bất kỳ ai trên đời".

Tôi chưa từng bao giờ nghe nói về Raymond. Tổng thống thì tôi chỉ nhìn thấy trên những bức ảnh – lần đầu tiên trong bộ quân phục, rồi trong chiếc áo khoác ngắn vạt và chiếc ca vát phong cách, và giờ đây với chiếc mũ lông cáo của lãnh tụ và chiếc can chạm trổ, biểu tượng cho quyền lực lãnh đạo của ông – và tôi chưa từng bao giờ nghĩ ông lại là một người đọc sách. Điều Indar nói với tôi đã đưa Tổng thống lại gần tôi hơn. Cùng lúc nó cho tôi thấy tôi, và những người giống tôi, cách xa cái ghế quyền lực đến chừng nào. Tự nhìn nhận mình từ khoảng cách đó, tôi thấy chúng tôi mới thật nhỏ bé và dễ bị thương tổn đến thế nào, và dường như không đúng đắn khi ăn mặc như tôi để đến Khu sau bữa tối để gặp những con người có quan hệ trực tiếp với con người kỳ vĩ. Điều này thật lạ lùng, nhưng tôi không còn cảm thấy bị chèn ép bởi đất nước, khu rừng, sông suối và những bộ tộc xa xôi; tôi cảm thấy mình cao hơn tất cả những cái đó, nhìn nhận nó dưới một góc độ mới của quyền lực.

Từ điều Indar nói tôi đoán rằng Raymond và Yvette hẳn phải cứng tuổi rồi. Nhưng cô – mặc đồ chùng màu trắng với chất liệu girdó rất óng ánh – tới gặp chúng tôi sau khi người hầu mặc đồ trắng để chúng tôi lại, rất trẻ, chùng mới sắp sang độ tuổi ba mươi, ngang tuổi tôi. Đó là sự ngạc nhiên thứ nhất. Điều thứ hai là cô để chân trần, chân trắng và đẹp nuốt nà. Tôi nhìn chân cô trước khi nhìn mặt và áo cô, bằng lụa đen, thêu xung quanh cái cổ cắt sâu – những thứ đồ rất đắt, không thuộc về những thứ bạn có thể kiếm được tại thị trấn.

Indar nói "Quý bà đáng yêu đây là chủ nhà của chúng ta. Tên quý bà là Yvette".

Anh cúi người về phía trước và làm ra vẻ định ôm chầm lấy cô. Đó là một trò đóng kịch. Cô cũng điệu đà cong lưng để đón cái ôm hôn, nhưng má anh chỉ phớt nhẹ má cô, và anh không hề chạm vào ngực cô, và những ngón tay anh dừng lại trên lưng cô, trên chiếc áo lụa đen.

Đó là một ngôi nhà của Khu, giống nhà của Indar. Nhưng toàn bộ đồ đạc đã được dọn khỏi phòng khách và đã được thay thế bằng những tấm nệm và gối ôm cùng đệm châu Phi. Hai trong số ba ngọn đèn đọc sách đã được để xuống sàn nhà, nên nhiều phần trong phòng chìm trong bóng tối.

Yvette nói về các thứ đồ gỗ, "Tổng thống có ý tưởng khá kỳ quặc về nhu cầu của người châu Âu, tôi đã quẳng tất cả đồ gỗ nhung vào một phòng ngủ rồi".

Nhớ lại điều Indar đã nói với tôi, tôi không nhận ra sự mỉa mai trong giọng nói của cô, và cảm thấy cô nói điều đó với sự ưu tiên, sự ưu tiên của một người gần gũi với Tổng thống .

Một số người đã có ở đó. Indar đi theo Yvette vào sâu hơn trong phòng, và tôi đi theo Indar.

Indar nói "Thế còn Raymond ra sao rồi?"

Yvette nói "Anh ấy đang làm việc. Anh ấy sẽ vào sau".

Cả ba chúng tôi ngồi xuống cạnh một giá sách. Indar dựa lưng vào cái gối ôm, tỏ ra rất nhẹ nhàng. Tôi tập trung vào âm nhạc. Rất thường xuyên khi ở chỗ Indar tại khu, tôi đã được chuẩn bị để nín và lắng nghe. Và điều này là hoàn toàn mới đối với tôi. Tôi chưa từng đến một bữa tiệc trong Khu nào như thế này. Và không khí bản thân nó trong phòng đã là cái gì đó tôi chưa từng biết đến trước đây.

Hai hoặc ba cặp đang nhảy, tôi nhìn thấy nhiều chân phụ nữ. Tôi đặc biệt chú mục vào một cô gái bận đồ màu xanh lá cây ngồi trên một cái ghế ăn thẳng (một trong bộ mười hai cái ghế của ngôi nhà). Tôi nghiêng cứu đầu gối, chân, mắt cá, giày của cô. Chúng không phải là cặp chân đặc biệt, nhưng chúng tác động lên tôi. Kể từ khi trưởng thành đến giờ tôi đã nhìn chán chê trong những quán bar của thị trấn. Tôi chỉ biết đến những người đàn bà mà mình phải trả tiền. Mặt kia của cuộc sống đam mê, của những ôm hôn tự do cho và nhận, tôi chẳng biết gì, và bắt đầu nhận thấy sự đồng minh, cái gì đó không thành phố cho tôi. Và do đó những khoái cảm của tôi chỉ mới là những khoái cảm do nhà thổ đem lại, hoàn toàn không phải là khoái cảm gì hết. Tôi cảm thấy chúng đã đưa tôi đi xa mãi, xa mãi khỏi cuộc sống thật của những cảm giác và tôi sợ chúng sẽ làm tôi vô cảm về cuộc sống đó.

Tôi chưa từng bao giờ ở trong một gian phòng có đàn ông và phụ nữ nhảy vì sự thích thú chung, chứ không phải sự thích thú của một bên. Dự đoán run rẩy nằm ở đôi chân nặng nề của cô gái, cô gái mặc bộ đồ màu xanh lá cây. Đó là một bộ quần áo mới, khoét rất rộng, không là ly, vẫn mời gọi về nhục thể như là đã được đo và mua. Sau đó tôi thấy cô nhảy, nhìn những động tác chân của cô, đôi giày của cô, và một sự ngọt ngào lan toả trong tôi khi tôi cảm thấy tôi đã bao phủ một phần bản thân mình, phần mà tôi đã đánh mất. Tôi không hề nhìn vào mặt cô gái, và cũng không để

nhìn thấy trong sự tranh tối tranh sáng này. Tôi muốn được chìm vào sự ngọt ngào, tôi không muốn một điều gì làm hỏng đi tâm trạng lúc này.

Và tâm trạng ngày càng ngọt ngào hơn. Âm nhạc đã hết, và căn phòng với ánh sáng tuyệt vời, những vòng sáng mờ mờ chiếu rọi lên trần nhà từ những ngọn đèn của sàn nhà, mọi người ngưng nhảy. Điều sau đó đến thẳng trái tim tôi – những giai điệu guitar, một bài hát buồn, một cô gái người Mỹ hát "Barbara Allen".

Ôi cái giọng hát đó! Nó không cần âm nhạc, cũng chẳng cần lời. Chính bản thân nó đã được tạo ra cho giai điệu, bởi chính nó đã tạo ra toàn bộ thế giới cảm giác. Đó là điều mà những người ở chỗ tôi tìm kiếm cho âm nhạc và tiếng hát: cảm giác. Điều đó đã làm cho chúng tôi hét lên "Wa-wa! Hoan hô!" và vút tiền cùng vàng theo gót người ca sĩ. Nghe giọng hát này, tôi cảm nhận được phần sâu kín nhất của tôi đang thức dậy, phần biết đến mất mát, nhớ nhà, buồn thương, và kéo dài cho tình yêu. Và trong giọng hát đó có lời hứa về một sự bùng nổ cho bất kỳ ai nghe nó.

Tôi nói với Indar "Ca sĩ nào thế?"

Anh nói "Joan Baez. Cô ấy rất nổi tiếng ở Mỹ".

"Và là triệu phú đấy" Yvette nói.

Tôi bắt đầu nhận ra sự mỉa mai của cô. Nó làm cô có vẻ như đang nói về cái gì đó mà cô đã nói rất ít – và dù sao cô cũng chơi trò tại nhà cô. Cô mỉm cười với tôi, có thể là mỉm cười vì điều cô vừa nói, hoặc có thể là mỉm cười vì tôi là bạn của Indar, hoặc là cười vì cô tin nó đã trở thành chính cô.

Chân trái cô gập lên, chân phải để nằm trên nệm mà cô đang ngồi, cho nên hông phải của cô gần như nằm trên mắt cá chân trái. Đôi bàn chân thật đẹp, và màu trắng của chúng thật tuyệt tương phản với màu áo chùng của

cô. Dáng vẻ khiêu khích của cô, nụ cười của cô – chúng đã trở thành một phần tinh thần của bài hát, thật tuyệt để mà ngắm nhìn.

Indar nói "Salim đến từ một trong những gia đình trên bờ biển ngày xưa của chúng tôi. Câu chuyện của anh ấy hấp dẫn lắm đấy".

Tay Yvette nằm trắng muốt trên đùi phải.

Indar nói "Để tôi chỉ cho anh cái này".

Anh ngả ra trên chân tôi và vươn người tới giá sách. Anh lấy ra một quyển sách, mở nó và chỉ cho tôi chỗ cần đọc. Tôi cầm quyển sách để xuống sàn, tìm dòng chữ từ ánh đèn, và nhìn thấy, trong danh sách tên, tên của Yvette và Raymond, được tác giả quyển sách cảm ơn như là "những người chủ nhà tuyệt vời nhất" vào một thời điểm mới đây tại thủ đô.

Yvette tiếp tục mỉm cười. Dù sao cũng không hề có gì tồi tệ hay đáng kịch gì hết, giờ thì cũng không có cả sự mỉa mai. Tên cô trên quyển sách có tác động đến cô.

Tôi đưa lại quyển sách cho Indar, nhìn từ Yvette sang anh, và quay trở lại giọng hát. Không phải bài nào cũng giống như "Barbara Allen". Một số bài hát hiện đại, về chiến tranh và sự bất công và áp bức cùng bom hạt nhân. Nhưng luôn luôn có những giai điệu cổ hơn, êm ái hơn. Có những bài tôi chờ đợi để nghe, nhưng cuối cùng giọng hát nối liền hai loại bài hát với nhau, nối liền những cô gái và người tình và những cái chết buồn về những thời đã xa với những con người ngày nay đang bị áp bức và sắp chết.

Đó là sự vờ vĩnh – tôi không bao giờ nghi ngờ điều đó. Bạn không thể nghe những bài hát êm ái về bất công trừ khi bạn dự tính về công bằng và nhiều lúc có được nó. Bạn không thể hát những bài hát về kết cục của thế giới trừ khi – giống như những người khác trong phòng, thật đẹp với những điều đơn giản như vậy; những tấm đệm châu Phi trên sàn nhà và những tấm màn treo trên tường, áo khoác và mặt nạ - bạn cảm thấy thế giới đang tiếp

diễn và bạn được an toàn trong đó. Thật dễ dàng làm sao, trong gian phòng này, để có thể nói đến những điều như thế!

Còn ở ngoài kia thật là khác và Mahesh hẳn là sẽ chế giễu. Anh từng nói "Chẳng có gì là đúng là sai ở đây hết. Chẳng có gì là đúng hết cả". Nhưng Mahesh ở xa quá. Sự khó nhọc của cuộc sống này, đã từng là của tôi! Tốt hơn là tôi nên giả vờ, và tôi có thể giả vờ vào lúc này. Tốt hơn là tôi nên chia xẻ sự giả vờ này, để cảm thấy trong gian phòng này tất cả chúng tôi đều sống thật đẹp và trung thực với bất công và cái chết định sẵn và an ủi chính mình với tình yêu. Ngay cả trước khi những bài hát kết thúc tôi cảm thấy mình đã tìm ra cách sống mà tôi muốn; tôi không bao giờ còn muốn tầm thường nữa. Tôi cảm thấy điều đó bằng một phần may mắn mà tôi đã rơi tuột vào cái tương tự như nhiều năm trước Nazruddin từng tìm thấy chính ở nơi đây.

Raymond đến rất muộn. Với sự khẩn khoản của Indar, tôi đã nhảy cùng Yvette và cảm thấy làn da của cô dưới áo choàng, và khi nhìn thấy Raymond những ý nghĩ của tôi – cho đến thời điểm đó của buổi tối nhảy từ khả năng này sang khả năng khác – đầu tiên chỉ về sự khác biệt về tuổi tác giữa họ. Hẳn Yvette phải kém chồng đến ba mươi tuổi, Raymon khoảng lục tuần.

Nhưng tôi cảm thấy những khả năng đó mờ đi, cảm thấy chúng như những giấc mơ, khi tôi nhìn thấy cái liếc nhìn quan tâm trên gương mặt Yvette – hoặc đúng hơn là đôi mắt cô, nụ cười vẫn thường trực, một thủ đoạn của khuôn mặt cô, khi tôi nhìn thấy sự chắc chắn trong lối cư xử của Raymond, nhớ đến công việc và địa vị của ông, và sự khác biệt về vẻ ngoài của ông. Đó là sự nổi bật về trí tuệ và công việc về trí óc. Trông ông như thể vừa bỏ kính ra và đôi mắt đáng mến của ông trông mệt mỏi một cách thu hút. Ông mặc một áo khoác đi săn vạt dài, tôi nghĩ phong cách đó – vạt dài thay vì ngắn – ông đã thừa hưởng từ Yvette.

Sau cái nhìn quan tâm với chồng, Yvette lại ngả ra với nụ cười cố định của cô. Indar đứng dậy và đem chiếc ghế ăn dựa ở tường lại. Raymond tiến tới chỗ chúng tôi đứng, ông bỏ cơ hội ngồi gần Yvette, và khi Indar trở lại với chiếc ghế, anh ngồi luôn trên đó.

Yvette nói, không cử động "Anh có muốn uống gì không, Raymond?"

Ông nói "Evie sẽ đun nước cho anh. Anh sẽ về phòng trong một phút nữa".

Sự có mặt của Raymond trong phòng đã được nhận thấy. Một thanh niên trẻ và một cô gái đến nhóm chúng tôi. Một hay hai người khác cũng tiến đến. Họ chào nhau.

Indar nói "Tôi hy vọng không làm phiền mọi người"

Raymond nói "Thật là một chỗ dễ chịu. Nếu trông tôi có xộc xệch, thì chỉ là bây giờ thôi, vừa nãy ở trong phòng tôi đã thất vọng quá. Tôi bắt đầu nghĩ, như tôi vẫn thường nghĩ, liệu có thể biết được sự thật không. Ý tưởng không mới, nhưng có những lúc nó trở nên thật đau đớn. Tôi cảm thấy mọi thứ ai đó làm chỉ là sự lãng phí mà thôi".

Indar nói "Ông nói linh tinh rồi, Raymond. Dĩ nhiên có những lúc ai đó như ông được nhận ra, nhưng nó chỉ đến vào lúc cuối cùng thôi. Lĩnh vực của ông không thông thường lắm mà".

Yvette nói "Anh nói với anh ấy điều đó hộ tôi nhé, xin anh mà".

Một trong hai người đang đứng nói "Những phát hiện mới thường xuyên bắt chúng ta phải ngoái nhìn lại về quá khứ. Sự thật luôn ở đó. Có thể đến đó. Công việc đã làm xong, thế thôi".

Raymond nói "Thời gian, kẻ phát hiện sự thật. Đó là ý tưởng cổ điển rồi, ý tưởng của tôn giáo. Nhưng có những lúc bạn bắt đầu tự hỏi. Liệu

chúng ta có thật sự biết về lịch sử Đế chế La Mã không? Liệu chúng ta có thật sự biết về điều gì đã xảy ra trong cuộc chinh phục xứ Gaul không? Tôi ngồi trong phòng và buồn rầu nghĩ về tất cả những điều còn chưa được ghi lại. Các bạn có nghĩ chúng ta có lúc nào đạt đến sự thật về điều đã xảy đến với châu Âu trong một trăm năm hay thậm chí năm mươi năm qua không? Mọi cuộc chiến, mọi cuộc nổi loạn, mọi lãnh tụ, mọi thất bại?"

Một khoảng im lặng. Chúng tôi nhìn Raymond, người đã mang đến một chủ đề thảo luận trong buổi tối của chúng tôi. Rõ ràng tâm trạng chỉ là sự mở rộng tâm trạng của những bài hát của Joan Baez. Và trong một lúc, không có sự trợ giúp của âm nhạc, chúng tôi chiêm ngưỡng nỗi buồn của châu lục.

Indar nói "Ông đã đọc bài báo của Muller chưa?"

Raymond nói "Về cuộc nổi loạn Bapende à? Ông ấy đã gửi cho tôi một bản. Một thành công lớn, tôi nghe nói vậy".

Người thanh niên đi cùng cô gái nói "Tôi nghe nói người ta đã mời ông ấy đến Texas giảng bài trong một học kỳ".

Indar nói "Tôi nghĩ đó là một mớ rác. Tất cả những loại câu nói rập khuôn mà cứ như là một minh triết mới. Azande, đó là một cuộc nổi loạn bộ lạc. Bapende, đó chỉ là một sự áp bức về mặt kinh tế, liên quan đến cao su. Chúng được xếp vào cùng với Budja và Babwa. Và làm vậy nhờ dựa vào yếu tố tôn giáo. Đó là cái đã làm sự vùng dậy của Bapende trở nên tuyệt vời. Đó chỉ là thứ diễn ra khi người ta quay sang châu Phi để chơi trò học thuật thôi".

Raymond nói "Ông ấy đã đến gặp tôi. Tôi đã trả lời toàn bộ câu hỏi của ông ấy và đã đưa ông ấy mọi ghi chép của tôi".

Người thanh niên nói "Muller thì cái gì cũng mó vào một tí, tôi nghĩ thế".

Raymond nói "Tôi thích ông ấy".

Yvette nói "Ông ấy đến ăn trưa. Ngay khi Raymond rời khỏi bàn, ông ấy đã quên mọi thứ về Bapende và nói với tôi "Bà có muốn đi dạo với tôi không? Đúng thế đấy. Một phút sau Raymond quay trở vào".

Raymond mỉm cười.

Indar nói "Tôi đã nói với Salim, Raymond ạ, rằng ông là tác giả duy nhất mà Tổng thống đọc."

Raymond nói "Tôi không nghĩ hồi ấy ông ấy bỏ nhiều thời gian để đọc đâu".

Người thanh niên đứng bên cạnh cô gái nói "Ông đã gặp ông ấy như thế nào?"

"Đó là một chuyện vừa đơn giản vừa đặc biệt" Raymond nói "Nhưng tôi không nghĩ lúc này chúng ta có đủ thời gian" ông nhìn Yvette.

Cô nói "Em không nghĩ mọi người chịu đợi đến lúc khác đâu".

"Đã lâu rồi" Raymond thong thả. "Thời thuộc địa ấy. Tôi dạy học tại một trường trung học tại thủ đô. Tôi dạy sử. Nhưng dĩ nhiên thời ấy không hề có chuyện trừng phạt. Có kiểm duyệt mà người ta làm ra vẻ không tồn tại, dù có đạo luật nổi tiếng năm 1922. Và dĩ nhiên thời đó châu Phi không phải thuộc dân. Nhưng tôi không bao giờ làm ra vẻ bí mật về điều tôi đã cảm thấy hoặc về vị trí của tôi, tôi cho rằng từ đó phải được nói ra. Một hôm tại trường tôi được cho biết là một phụ nữ châu Phi già muốn gặp tôi. Một người hầu châu Phi đến báo tin cho tôi, anh ta không mấy ấn tượng với người khách đó.

"Tôi bảo anh ta dẫn bà ta vào. Bà đứng tuổi chứ chưa hẳn đã già. Bà làm phục vụ tại khách sạn lớn của thủ đô, và bà ta đến nói với tôi về con

traì bà. Bà là người của một bộ lạc nhỏ, những người không hề đáng nói, và tôi cho rằng bà không còn ai cùng đẳng cấp để có thể cầu cứu. Cậu bé đã bỏ trường. Cậu tham gia một câu lạc bộ chính trị nào đó và đã làm nhiều chuyện ngớ ngẩn. Nhưng cậu ta đã ngừng tất cả những việc đó. Cậu đang không làm gì hết cả. Cậu chỉ ở nhà thôi. Cậu không đi tìm ai hết. Cậu bị đau đầu, nhưng không ốm lắm. Tôi nghĩ bà sẽ đề nghị với tôi tìm cho cậu bé một việc làm. Nhưng không. Bà chỉ muốn tôi gặp cậu bé và nói chuyện với nó.

"Bà gây cho tôi một ấn tượng mạnh. Phải, phẩm cách của người hầu khách sạn này thật đáng kể. Một người phụ nữ khác hẳn nghĩ con trai mình bị quỷ ám, và sẽ thực thi những biện pháp truyền thống. Còn bà, theo cách đơn giản của mình, đoán rằng bệnh của con trai mình có nguồn gốc từ giáo dục. Chính vì vậy bà đến tìm tôi, giáo viên trường đại học.

"Tôi bảo bà gửi con trai đến. Cậu ta không thích mẹ cậu nói về cậu với tôi, nhưng cậu vẫn đến. Cậu nóng nảy như một con ngựa non. Điều làm cậu bất bình thường – thậm chí tôi có thể nói đặc biệt – là niềm tuyệt vọng lớn lao của cậu. Đó không chỉ là vấn đề nghèo khổ và thiếu cơ hội. Nó sâu xa hơn. Và, thực tế, khi thử nhìn vào thế giới của cậu theo quan điểm của cậu nghĩa là bạn cũng bắt đầu đau đầu luôn. Cậu không thể đối diện với thế giới trong đó mẹ cậu, một phụ nữ nghèo khó châu Phi, đã phải chịu những nhục nhã đó. Không có gì đảo ngược điều đó. Không gì có thể mang lại cho cậu một thế giới tốt đẹp hơn.

"Tôi nói với cậu, tôi đang nghe cậu, và tôi biết một ngày nào đó cảm giác tuyệt vọng sẽ chấm dứt và cậu sẽ muốn hành động. Điều cậu phải tránh là dính líu vào các hoạt động chính trị hiện nay. Các câu lạc bộ và tổ chức đó bàn cãi về những cửa hiệu, tranh luận về hãng kinh doanh, tại đó người châu Phi ngã về châu Âu và hy vọng học được một chút từ đó. Chúng sẽ hút hết niềm say mê của cậu và tiêu diệt những phẩm chất của cậu. Cậu sẽ lấy làm lạ về điều tôi sắp nói với cậu đây. Cậu phải vào Lực

lượng quốc phòng. Cậu sẽ không lên cao, nhu_Người cậu sẽ hoặc được một kỹ năng thật sự. Cậu có thể học về vũ khí và vận tải, và cậu sẽ học về con người. Một khi cậu hiểu quốc phòng như thế nào, cậu sẽ hiểu bản chất đất nước. Cậu có thể nói với tôi "Nhưng tốt hơn là tôi trở thành luật sư được gọi là maitre?" tôi sẽ nói "Không. Điều đó không tốt hơn là cậu trở thành binh nhì và gọi trung sĩ là ngài". Đây không phải là lời khuyên tôi muốn dành cho bất kỳ ai đâu. Nhưng tôi tặng nó cho cậu đấy".

raymond cuốn hút tất cả chúng tôi. Khi ông dừng nói, chúng tôi đều giữ im lặng, nhìn ông ngồi trên chiếc ghế ăn trong chiếc áo khoác đi sẵn, thật khác biệt, tóc chải lật ra sau, có dáng vẻ của một trưởng lão.

Cuối cùng Raymond tiếp tục nói, phá tan sự im lặng, bằng một giọng chắc nịch hơn "Đó thực sự là một người đàn ông đáng trọng. Tôi không nghĩ chúng ta đã đền đáp được đủ cho những gì ông đã làm. Chúng ta chỉ hưởng thụ những cái đó thôi. Ông đã đưa quân đội vào nền nếp và đem hoà bình về cho vùng đất đông người này. Bây giờ đã lại có thể đi từ đầu này sang đầu kia đất nước – một điều mà chỉ quyền lực thực dân nghĩ là có thể mang lại. Và điều đáng chú ý nhất ở đây là ông đã làm vậy mà không cần ép buộc, và hoàn toàn với sự đồng thuận của mọi người. Các bạn không nhìn thấy cảnh sát trên đường phố. Các bạn không nhìn thấy súng đạn. Các bạn không nhìn thấy quân đội".

Indar, ngồi gần Yvette đang mỉm cười, có vẻ như định đổi thế ngồi để nói điều gì đó. Nhưng Raymond giơ tay lên và Indar bỏ ý định.

"Và có tự do" Raymond nói "Đó là điều có ý nghĩa cho mọi tư tưởng của mọi hệ thống. Tôi không nghĩ" ông nói, nhìn thẳng vào Indar, như thể để buộc anh phải im lặng "rằng bất kỳ ai cũng có thể gợi ý với anh rằng có những điều anh phải nói và những điều không được phép nói ra".

Indar nói "Ở đây chúng ta từng có một lối đi dễ dàng mà".

"Tôi không nghĩ ông ấy muốn kiểm duyệt anh. Ông ấy cho rằng mọi ý tưởng đều có thể được tạo ra cho một mục đích nào đó. Bạn có thể nói rằng ông không có một sự say mê tuyệt đối về các ý tưởng. Ông sử dụng chúng theo cách riêng của mình".

Yvette nói "Tôi mong ông ấy thay đổi đồng phục của bọn người hầu. Ngày xưa thời thuộc địa, là quần ngắn và một tạp dề dài màu trắng. Hoặc quần dài và một áo khoác. Chứ không phải quần áo vũ hội hoá trang, quần ngắn và áo khoác như thế này"

Tất cả chúng tôi đều cười, cả Raymond, như thể chúng tôi muốn chấm dứt sự nghiêm trang. Và sự táo gan của Yvette giống như tấm lá chắn cho tự do mà Raymond vừa nói đến.

Raymond tiếp "Yvette nói về đồng phục của những người hầu. Nhưng thực ra cần phải nói tới đồng phục quân đội và đồng phục người mẹ từng là người hầu tại khách sạn. Người mẹ đó đã từng mặc một bộ đồng phục nữ gia nhân thời thuộc địa suốt cuộc đời làm lưng của bà. Những người giúp việc trong Khu có bộ đồ của mình. Đó không phải đồng phục thời thuộc địa – đây chính là điểm mấu chốt. Trên thực tế, giờ đây mọi người mặc đồng phục đều phải hiểu điều đó. Mọi người mặc đồng phục đều phải cảm thấy rằng anh có một hợp đồng với Tổng thống . Và cố giúp những người giúp việc đó thoát ra khỏi đồng phục của họ. Bạn không thể thành công, Yvette đã cố. Họ muốn mặc đồng phục đó, dù cho điều này trong mắt các bạn có phi lý đến đâu chẳng nữa. Con người châu Phi thật là kỳ cục với những thiên hướng, cái hiểu biết về những gì người ta cần, và khi nào cần, của họ.

"Chúng ta đều có ảnh hưởng của ông bạn trang phục châu Phi ngày nay. Tôi phải thú nhận tôi rất không thích khi trang phục này bắt đầu xuất hiện nhiều quá. Một hôm ở thủ đô tôi đã nêu vấn đề với ông. Tôi hoàn toàn bị thuyết phục bởi cách trả lời của ông. Ông nói "Năm nước trước, Raymond ạ, tôi có thể đồng ý với ông. Năm năm trước người châu Phi chúng tôi, với sự hài hước khủng khiếp của họ, có thể cười, và điều lỗi bịch

đó có thể phá huỷ đất nước chúng tôi, với những giao kèo lỏng lẻo. Nhưng thời thế đã thay đổi. Giờ đây người ta đã có hoà bình. Họ muốn một cái gì đó khác. Vậy là họ không còn nhìn thấy ảnh một người lính nữa. Họ thấy ảnh một người châu Phi. Và đó không phải là ảnh của tôi, Raymond ạ. Đó là ảnh của mọi người châu Phi".

Đó cũng chính là điều tôi cảm thấy, nên tôi nói "Phải! Không ai trong số chúng tôi ở thị trấn treo những ảnh cũ nữa. Nhưng thật là khác khi nhìn những bức ảnh mới, nhất là ở Khu".

Raymond cho phép sự ngắt lời đó. Dù vậy, tay phải ông giơ lên, để xin phép tiếp tục. Và ông tiếp lời.

"Tôi nghĩ mình có thể kiểm chứng điều đó. Điển hình là một chuyện chỉ mới tuần trước thôi. Tôi bất chợt gặp một trong số những sinh viên của chúng ta bên ngoài toà nhà chính. Với mục đích khiêu khích, tôi nhận xét vu vơ về số lượng ảnh Tổng thống . Người thanh niên quay phắt lại nhìn tôi. Thế là tôi hỏi anh ta cảm thấy gì khi anh ta nhìn thấy ảnh tổng thống. Bạn có thể ngạc nhiên thế nào về điều anh ta nói với tôi, anh thanh niên đó, đứng nghiêm như thể một quân nhân vậy. "Đó là ảnh của Tổng thống . Nhưng ở Khu, với tư cách một sinh viên bách khoa, tôi coi đó là ảnh của chính tôi! Thế

đấy! Nhưng đó là phẩm chất của những nhà lãnh đạo lớn – họ cảm nhận được nhu cầu của dân tộc mình rất lâu trước khi những nhu cầu đó thành hình. Đây là điều một người châu Phi cai trị châu Phi trong những chính phủ thuộc địa không bao giờ thực sự hiểu được. Dù phần lớn chúng ta nghiên cứu châu Phi, dù chúng ta có cảm tình với lục địa này, thì xét về bản chất chúng ta vẫn cứ là người ngoài".

Người thanh niên, lúc này đã ngồi bên cạnh người đàn ông đi cùng với cô gái, hỏi "Các ngài có hiểu ý nghĩa biểu tượng của con rắn trên chiếc gậy

của Tổng thống không? Đúng là có một cái bùa ở bụng của mặt người trên gậy chứ?"

uyền trưởng hay mũ tế. Tôi không nghĩ chúng ta lại rơi vào sai lầm nhìn thấy ở mọi nơi những điều huyền bí châu Phi".

Lời nhận xét mang tính chỉ trích vang lên nhẹ nhàng, nhưng dường như Raymond không để ý.

"Gần đây tôi có cơ hội xem lại toàn bộ các bài diễn văn của Tổng thống . Hiện tại, giá mà xuất bản được chúng thì hay quá! Không phải tất cả các bài diễn văn, hiển nhiên chúng liên quan đến quá nhiều vấn đề. Mà là tuyển chọn. Những ý tưởng chủ đạo".

Indar nói "Ông có làm việc đó không? Ông ấy có hỏi ý kiến ông không?"

Raymond nhắc một cánh tay và nhún vai, ngụ ý điều đó là có thể, nhưng ông không thể nói về vấn đề quá riêng tư như vậy.

"Thật thú vị khi đọc những bài diễn văn đó theo trình tự của chúng. Tại đó các bạn có thể thấy rất rõ ràng cái mà tôi đã miêu tả là một sự hăng say các ý tưởng. Thoạt đầu các ý tưởng rất đơn giản. Thống nhất, quá khứ thuộc địa, nhu cầu hoà bình. Rồi chúng trở nên đặc biệt phức tạp và tuyệt vời về châu Phi, chính phủ, thế giới hiện đại. Một công trình như thế, nếu được chuẩn bị tốt, có thể sẽ dễ dàng trở thành một cuộc cách mạng trên cả lục địa. Các bạn luôn có cảm giác là sự thiệt hại không bao giờ có thể sửa chữa được. Luôn luôn có nhận xét đó, với những người chịu lắng nghe, về người đàn ông trẻ tuổi than khóc cho những nỗi nhục nhã của mẹ mình, người hầu ở khách sạn. vẫn luôn như thế. Tôi không nghĩ có nhiều người biết rằng đầu năm ông ấy và toàn thể chính phủ đã hành hương về ngôi làng của người đàn bà châu Phi đó. Ông đã bao giờ làm thế trước đây chưa? Hành động cảm thương này là cái gì đó làm nó nta phải trào lộng. Liệu các

bạn có thể tưởng tượng những nỗi nhục nhã của một người hầu khách sạn châu Phi thời thuộc địa không? Không có sự cảm thương nào đủ cho điều đó. Nhưng cảm thương là cái mà tất cả chúng ta đều phải có".

"Hoặc chúng ta có thể quên" Indar nói "Chúng ta có thể giảm thẳng lên quá khứ".

Raymond nói "Đó là việc mà hầu hết các lãnh đạo của châu Phi đều làm. Họ muốn chôn vùi những toà nhà chọc trời trong đám cây bụi. Còn ông ấy muốn xây một hầm mộ".

Nhạc không lời văng đến từ bên ngoài. Bài "Barbara Allen" bắt đầu lại một lần nữa, và từ ngữ bắt đầu loăng ra. Raymond đứng lên. Người đàn ông ngồi trên đệm đến vịn nhỏ dãi. Raymond chỉ ra rằng ông không phiền gì, nhưng bài hát nhỏ dần đi.

Raymond nói "Tôi muốn ở lại cùng các bạn lắm, nhưng thật không may tôi phải quay lại làm việc tiếp. Nếu không tôi sẽ đánh mất cái gì đó. Tôi thấy rằng điều kh' khấn nhất khi viết văn xuôi là liên kết một ý tưởng này với một ý tưởng khác. Sự kết nối chỉ có thể là một câu, thậm chí một từ. Nó tóm tắt tất cả những gì đã viết trước đó và chuẩn bị cái sẽ đến. Khi tôi ngồi với các bạn tôi nảy ra một ý tưởng về giải pháp khả thi cho một vấn đề đã bắt đầu trở nên không tìm nổi hướng giải quyết. Tôi phải đi ghi lại ngay đây. Nếu không tôi có thể sẽ quên mất".

Ông rời khỏi chúng tôi. Nhưng ông bỗng dừng lại và nói "Tôi không nghĩ các bạn có thể hiểu được việc viết về những cái chưa từng được viết trước đây là khó khăn đến thế nào. Các công trình nghiên cứu rải rác về một chủ đề nhất định, cuộc nổi loạn Bapende hoặc bất kỳ cái gì khác – có hình thức riêng của mình. Viết rộng hơn lại là một vấn đề khác. Và đó là tại sao tôi đã bắt đầu coi Theodor Mommsen [1] là một người khổng lồ của văn chương lịch sử hiện đại. Giờ đây mọi thứ chúng ta tranh luận về Cộng hoà La Mã chỉ là tiếp tục Mommsen mà thôi. Các vấn đề, các chủ đề, câu

chuyện chính, đặc biệt về những năm đặc biệt náo động cuối thời Cộng hoà – có thể nói rằng con người thiên tài người Đức đã phát hiện hết rồi. Dĩ nhiên, Theodor Mommsen có cái dễ của mình vì ông biết chủ đề của mình là vĩ đại. Chúng ta không có sự đảm bảo đó khi làm việc với lĩnh vực của mình. Chúng ta không biết hậu thế sẽ xem trọng đến đâu các sự kiện chúng ta ghi lại. Chúng ta không biết châu lục sẽ đi về đâu. Chúng ta chỉ có thể tiếp tục thôi."

Ông đột ngột ngừng lời, và đi ra khỏi phòng, để lại chúng tôi đang yên lặng, nhìn theo nơi ông vừa biến mất, và chậm chậm chú mục vào Yvette, giờ đây là đại diện của ông ở trong căn phòng này, đang mỉm cười, nhận ra cái nhìn của chúng tôi.

Sau một lúc Indar nói với tôi "Anh có biết công việc của Raymond là gì không?"

Dĩ nhiên anh thừa biết câu trả lời. Nhưng, để mở đường cho anh, tôi nói "Không, tôi không biết công việc của ông ấy".

Indar nói "Đó là bi kịch của địa điểm. Những con người vĩ đại của châu Phi không được biết đến".

Điều này giống như một bài diễn văn cảm ơn chính thức. Và Indar đã chọn từ rất chuẩn. Anh đã biến tất cả chúng tôi thành đàn ông và phụ nữ của châu Phi, và vì chúng tôi không phải là người châu Phi, lời tuyên bố gây cho chúng tôi một cảm giác về bản thân chúng tôi mà, cho đến giờ tôi vẫn hằng quan tâm đã sớm được nhấn mạnh bởi giọng hát của Joan Baez, lại tiếp tục, dịu dàng nhắc nhở chúng tôi, sau những căng thẳng Raymond đã tạo ra giữa chúng tôi, về sự gan dạ và nỗi buồn chung.

Indar ôm hôn Yvette khi chúng tôi ra về. Và tôi cũng được ôm hôn, như một người bạn. Với tôi điều này thật tuyệt vời, là điểm nút của buổi tối

nay, khi được ấn sát vào cơ thể đó, mềm mại vào cái giờ muộn mằn này, và cảm thấy lụa áo khoác của cô và sự tươi mát đẩy lần áo lụa.

Trời có trăng – lúc trước không hề có. Nó nhỏ và cao. Bầu trời đầy những đám mây nặng nề, ánh trăng trải đầy đó. Rất yên tĩnh. Chúng tôi có thể nghe tiếng ghềnh nước cách đây khoảng một dặm. Ghềnh nước trong ánh trăng! Tôi nói với Indar "Ra sông đi" và anh đồng ý.

Trên khoảnh đất rộng được san phẳng của Khu những toà nhà mới dường như thật nhỏ, và mặt đất t mênh mông. Khu d nhập hoàn toàn vào rừng, sạch sẽ nhất trong sự mênh mông của cây bụi và dòng sông – cái thế giới không có gì khác nữa cả. Ánh trăng làm biến dạng những khoảng cách, và bóng tối, khi nó đến, dường như rơi xuống đầu chúng tôi.

Tôi nói với Indar "Anh nghĩ gì về những điều Raymond nói?"

"Raymond kể rất hay một câu chuyện. Nhưng phần lớn những gì ông ấy nói là đúng cả đấy. Điều ông ấy nói về Tổng thống và các ý tưởng chắc chắn là đúng. Tổng thống sử dụng tất cả chúng ta và cách nào đó phối hợp chúng với nhau. Ông là một nhà lãnh đạo vĩ đại của châu Phi ,và ông cũng là người của dân chúng. Ông là người hiện đại hóa và cũng là người châu Phi khám phá được tâm hồn châu Phi của mình. Ông bảo thủ, cách mạng, đủ thứ. Ông lùi lại những ngày xưa, và ông cũng là người tiến lên phía trước, người sẽ biến đất nước thành cường quốc thế giới vào năm 2000. Tôi không biết liệu ông làm điều đó vô tình hay là do ai đó cho ông điều cần làm. Nhưng vẫn hỗn tạp vì ông cho thay đổi, không giống những người khác. Ông là người lính quyết định trở thành một người chỉ huy theo kiểu cũ, và là người chỉ huy mà mẹ là một người hầu trong khách sạn. Điều này cho ông tất cả mọi thứ, và ông sử dụng mọi thứ. Không có ai ở đất nước từng nghe đến người mẹ từng làm phục vụ khách sạn đó cả".

tôi nói "Chúng làm tôi nhớ đến chuyến hành hương về làng người mẹ. Đọc báo tôi biết đó là một chuyến hành hương quy mô không lớn. Tôi nghĩ

chỉ có thể thôi".

"Ông ấy xây hầm mộ ở vùng cây bụi để tưởng niệm mẹ mình. Và cùng lúc ông xây dựng châu Phi hiện đại. Raymond nói ông không xây nhà chọc trời. Tốt, ông không làm điều đó. Ông xây dựng những Khu đất đỏ như thế này".

"Nazruddin từng ở đây ngày trước".

"Và ông ấy bán đi giá bèo. Anh có định nói với tôi thế không? Đó là câu chuyện của châu Phi".

"Không, Nazruddin bán giá cao. Ông bán đúng cơn sốt đất trước khi độc lập. Ông đi khỏi một buổi sáng chủ nhật và nói "nhưng đó chỉ là cây bụi thôi mà" và bán nó đi".

"Cũng có thể lại thế lắm"

Âm thanh của ghềnh nước to dần. Chúng tôi đã bỏ lại những toà nhà mới của Khu sau lưng và lại gần những túp lều của làng chài, nằm chết lì trong ánh trăng. Những con chó gầy guộc của làng, tái nhợt trong ánh trăng, những cái bóng ngả đằng sau, lười nhác bước đi tránh chúng tôi. Những cái hố và lưới đánh cá tối om tương phản với sự lấp lánh của dòng sông. Và khi chúng tôi đến điểm quan sát, giờ đã được sửa chữa, được xây tường mới, xung quanh chúng tôi mọi thứ khác chìm khuất trong tiếng nước phía trên những tảng đá. Những đám dạ lan hương trôi qua. Những bông hoa trắng trong ánh trăng, những cái rẽ rồi bù tối thẳm hằn lên trong cái bóng màu đen. Khi ánh trăng tới, không thể nhìn thấy gì nữa, thế giới khi đó chỉ là âm thanh cũ kỹ của dòng nước sôi lên.

Tôi nói "Tôi chưa bao giờ nói với anh vì sao tôi đến đây. Tôi không chỉ đi khỏi bờ biển để lái xe đến cửa hiệu ở đây đâu. Nazruddin thường kể cho chúng ta những câu chuyện tuyệt diệu thời chúng ta còn ở đó. Đó là nguyên nhân vì sao tôi đến. Tôi nghĩ tôi có thể sống cuộc sống của chính

mình và tôi nghĩ rằng đến lúc mình sẽ tìm ra những gì Nazruddin đã tìm ra. Rồi tôi mắc kẹt. Tôi không biết tôi có thể làm gì nếu anh không tới. Nếu anh không tới có lẽ tôi đã chẳng biết điều gì diễn ra ở đây, ngay dưới mắt tôi."

"Đó là sự khác biệt giữa những gì chúng ta vẫn biết. Với những người như chúng ta điều đó thật là hấp dẫn. Châu Âu, châu Phi, châu Phi hậu thực dân. Nhưng không phải châu Âu hay châu Phi. Và nó có vẻ khác biệt từ bên trong. Tôi có thể nói với anh".

"Anh muốn nói mọi người không tin vào điều đó? Họ không tin vào những điều họ nói và làm?"

"Không ai thô lỗ đến mức đó. Chúng ta tin và không tin. Chúng ta tin bởi vì bằng cách đó mọi thứ đều trở nên đơn giản hơn và có ý nghĩa hơn. Chúng ta không tin cũng vì vậy". Và Indar vẫy tay chỉ về ngôi làng chài, cây bụi, dòng sông tràn ngập ánh trăng.

Một lúc sau anh nói "Raymond thích làm rối vấn đề. Ông ấy phải giả vờ mình là người dẫn đường và cố vấn, để tránh không chịu nhận rằng thời gian này ở đây ông chỉ nhận các mệnh lệnh. Thực ra, không chỉ nhận mệnh lệnh, ông còn bắt đầu đi trước mệnh lệnh. Ông ấy sẽ phát điên nếu phải công nhận tình hình đó. Ôi, bây giờ ông ấy có trọng trách lớn lắm. Nhưng ông ấy đang trên đà trượt xuống. Ông đã bị đuổi khỏi thủ đô. Người Đàn Ông Vĩ Đại sẽ tự đi con đường của mình, và ông sẽ không còn cần Raymond nữa. Mọi người đều biết điều đó, nhưng Raymond lại nghĩ không ai biết cả. Đó là một điều khủng khiếp với một người ở tuổi đó".

Nhưng điều Indar nói không làm tôi nghĩ về Raymond. Tôi nghĩ đến Yvette, gần gũi hơn rất nhiều so với nỗi khốn khổ của chồng nàng. Tôi quay lại với những hình ảnh của nàng tối đó, quay lại cuốn phim, nói, xây dựng lại và đóng lại những gì tôi đã thấy, tạo lại người đàn bà đó, gắn liền nàng với dáng vẻ đã mê hoặc tôi, đôi chân để sát nhau, một chân nhấc lên,

một đế nằm và cong, vẽ lại khuôn mặt nàng, nụ cười của nàng, trở lại toàn bộ hình ảnh trên nền những bài hát của Joan Baez và những gì họ đã để lại trong tôi, và thêm vào cái bối cảnh bên ngoài của ánh trăng, ghềnh nước, và toàn bộ những cây lan dạ hương của dòng sông vĩ đại của châu Phi.

Chú thích:

[1] Sử gia người Đức, giải Nobel văn chương 1902

KHÚC QUANH CỦA DÒNG SÔNG

V. S. Naipaul

www.dtv-ebook.com

Dịch Giả: Cao Việt Dũng

Chương 9:

Chính vào đêm đó, bên dòng sông, sau khi đã nói về Raymond, Indar bắt đầu nói với tôi về chính anh. Cái đêm làm tôi phấn khích lại làm anh cáu tiết và thất vọng, anh trở nên bị kích động ngay sau khi rời khỏi ngôi nhà của Yvette.

Buổi tối đó, lúc trước, khi chúng tôi đi đến ngôi nhà để dự tiệc, anh đã nói đến Raymond như một ngôi sao, như người gần kề với quyền lực, người da trắng của Người Đàn Ông Vĩ Đại, nhưng rồi, bên ghềnh nước, anh nói về Raymond theo một cách khác hẳn. Với tư cách người chỉ dẫn cho tôi, Indar thật sự lo lắng trong việc làm thế nào cho tôi hiểu được bản chất cuộc sống ở Khu, và địa vị của bản thân anh ở đó. Giờ đây khi tôi đã nắm bắt được sự quyến rũ của cuộc sống của anh, anh lại giống như một người hướng lối đã mất lòng tin vào những gì mình đã chỉ dẫn. Hoặc giống một người, vì đã làm một ai khác tin, thấy mình có thể để mất đi một ít lòng tin của mình.

Ánh trăng khiến tôi nhẹ nhõm lại làm anh nặng nề, và chính vì sự thất vọng đó mà anh bắt đầu nói. Tâm trạng của một buổi tiệc không còn ở lại với anh, ngày tiếp theo anh quay lại giống như mình trước đó. Nhưng rồi anh sẵn sàng hơn để công nhận sự thất vọng của mình khi nó đến, anh còn quay lại điều anh nói tối đó vào một lúc khác, khi có điều kiện, hoặc khi anh lại rơi vào tâm trạng tương tự tối đó.

"Chúng ta phải học cách giảm đập lên quá khứ, Salim ạ. Tôi từng bảo anh vậy khi chúng ta gặp lại nhau. Quá khứ không thể khiến người ta rơi

nước mắt, cả anh và tôi đều thế cả. Có thể có những nơi nào đó của thế giới – những đất nước đã chết, hoặc những đất nước an toàn và những đất nước bị bỏ quên – nơi con người có thể vui vẻ với quá khứ và nghĩ đến việc chuyển tài sản và đồ sứ cho người thừa kế. Người ta có thể làm điều đó ở Thụy Điển, hoặc Canada. Một tỉnh nông thôn của Pháp đầy những người ngốc nghếch trong các lâu đài, một số thành phố - cung điện đổ nát của Ấn Độ, hoặc một thị trấn chết nào đó tại một đất nước Nam Mỹ vô vọng. Mọi nơi khác con người đều chuyển động, thế giới chuyển động, và quá khứ chỉ có thể tạo ra sự đau đớn.

"Thật không dễ dàng đưa anh lại quá khứ. Đó không phải là điều anh có thể quyết định làm đúng như thế. Chính cái mà anh phải tự dựng lên, hoặc thương khóc sẽ mai phục và giết chết anh. Đó là tại sao tôi tiếp tục hình ảnh về cái vườn bị giẫm lên cho đến khi nó biến thành đất bằng – đó là một vật nhỏ bé, nhưng hữu ích. Cách nhìn quá khứ đó đến với tôi vào cuối năm thứ ba ở Anh. Và khá buồn cười, nó đến với tôi khi tôi đang đứng trên bờ một dòng sông khác. Anh đã nói với tôi rằng tôi mang đến cho anh ở đây một kiểu sống anh luôn cảm thấy cần. Tôi cũng từng cảm thấy tương tự như thế khi đứng bên dòng sông ở London. Khi đó tôi đã có một quyết định về bản thân mình. Và chính vì kết quả gián tiếp của quyết định đó mà tôi về lại châu Phi. Thế mà khi đi tôi từng nghĩ sẽ không bao giờ trở về nữa.

"Tôi rất không vui khi ra đi. Anh nhớ đấy. Tôi đã cố làm anh chán ngán – trên thực tế, tôi cố tình làm anh tổn thương – nhưng đó chỉ là vì chính tôi cũng chán ngán quá. Ý nghĩ hai thế hệ bị bỏ phí – thật là đau lòng lắm. Ý nghĩ mất đi ngôi nhà ông tôi đã xây, ý nghĩ về những rủi ro ông tôi và bố tôi đã phải hứng chịu để xây dựng một cơ ngơi từ hai bàn tay trắng, sự can đảm, những đêm không ngủ - thật là đau lòng. Tại một đất nước khác một nỗ lực như vậy và một tài năng như vậy có thể làm chúng tôi trở thành triệu phú, quý tộc, hoặc bất kỳ thang bậc đáng kể nào cho nhiều thế hệ. Thế mà tan thành mây khói hết cả. Sự điên giận của tôi không chỉ với người châu Phi. Mà còn với cả cộng đồng và nền văn minh của chúng ta,

cái đã cho chúng ta ý chí nhưng theo mọi cách đều bỏ chúng ta lại cho sự thương hại của người khác. Làm sao chúng ta có thể điên giân với một điều như vậy chứ?

"Khi đến Anh, tôi nghĩ mình có thể để lại tất cả những cái đó sau lưng mình. Tôi không có kế hoạch gì hơn thế cả. Từ "đại học" làm tôi rối trí, và tôi còn ngây thơ đến nỗi tin rằng sau khoảng thời gian ở đại học một cuộc đời tuyệt diệu đang chờ đợi tôi. Ở tuổi đó ba năm là một thời gian dài – anh cảm thấy mọi điều có thể xảy ra. Nhưng tôi không hiểu nền văn minh chúng ta lan rộng đến đâu thì đó chính là nhà tù của chúng ta. Tôi cũng đã không hiểu nơi chúng ta lớn lên có thể lan rộng đến đâu, chúng ta thuộc về châu Phi và cuộc sống giản đơn bên bờ biển, và chúng ta có khả năng nào để có thể hiểu được thế giới bên ngoài. Chúng ta không có cách nào để hiểu một đoạn tư tưởng và khoa học cũng như triết học và luật học đã tạo ra thế giới đó. Chúng ta chỉ đơn giản là chấp nhận nó. Chúng ta đóng góp cho nó, và đó là toàn bộ những gì chúng ta có thể làm. Chúng ta cảm thấy thế giới vĩ đại chỉ đơn giản là ở đó, là cái gì đó cho những người may mắn trong số chúng ta để khám phá, và rồi sau đó chỉ ở bên lề mà thôi. Không bao giờ chúng ta có thể có được đóng góp gì cho chính bản thân chúng ta. Và đó là lý do chúng ta nhờ nhàng mọi thứ.

"Khi chúng ta đến một nơi như sân bay London chúng ta chỉ lo sao không bị rơi mù lên. Nó đẹp và phức tạp hơn bất kỳ thứ gì chúng ta có thể mơ đến, nhưng chúng ta chỉ lo sao để mọi người thấy rằng chúng ta có thể xoay sở và không bị đè nát. Thậm chí chúng ta còn có thể giả vờ như chúng ta từng tưởng nó đẹp hơn thế nhiều. Đó là bản chất sự ngu dốt và sự thiếu năng lực của chúng ta. Và đó là cách tôi xử sự khi ở trường đại học tại Anh, cố sao không bị đè nát, luôn tỏ ra thất vọng nhẹ nhàng, chẳng hiểu gì hết cả, chấp nhận mọi thứ, không thu hút được gì hết. Tôi nhìn và hiểu rất ít kể cả cho đến khi kết thúc thời gian học ở trường đại học tôi chỉ có thể phân biệt những toà nhà qua kích thước và hiếm khi tôi cảm nhận được các

mùa trôi qua. Và dù vậy tôi vẫn là một người thông minh, và có thể qua được các kỳ kiểm tra.

"Ngày xưa, sau ba năm như thế, nhẽ ra tôi có thể trở về nhà, đứng trên bục giảng và dành tâm sức kiểm tiền, sử dụng một tí chút những kỹ năng đã thu thập được, một phần kiến thức của sách vở của người khác. Nhưng dĩ nhiên tôi không thể làm thế được. Tôi phải ở lại nơi đó và kiếm một việc làm. Tôi đã không học được một nghề, anh biết không, không có gì ở nhà đẩy tôi vào hướng đó cả.

"Đôi khi những người bạn đồng học của tôi nói về nghề nghiệp và những cuộc phỏng vấn. Người ta càng sớm nói đến các cuộc phỏng vấn bao nhiêu các công ty sẽ trả nhiều tiền bấy nhiêu. Trong ngăn kéo của những người đó đầy những phong bì màu nâu từ Hội đồng việc làm trường đại học. Những người ngu si nhất cũng là những người có những triển vọng đa dạng nhất, họ có thể làm gì cũng được, và trong ngăn kéo của họ những chiếc phong bì màu nâu dày cộp nhiều như những chiếc lá mùa thu. Tôi phải tìm một việc, nhưng tôi không bao giờ nghĩ mình là người có thể đi được qua cuộc phiêu lưu của những chiếc phong bì màu nâu. Tôi không biết tại sao, tôi chỉ không làm được, và khi đó, khi gần học xong, tôi xấu hổ nhận ra cái mình có. Tôi hẹn gặp Hội đồng việc làm trường đại học và một buổi sáng tôi mặc bộ áo cánh rồi ra đi.

"Ngay khi tới nơi tôi biết mình lang thang không mục đích. Hội đồng muốn cho các sinh viên người Anh những công việc ở Anh, không có chỗ cho tôi. Tôi nhận ra ngay khi tôi thấy vẻ mặt của cô gái ở văn phòng nơi đó. Nhưng cô thật xinh đẹp, và người đàn ông mặc đồ đen bên trong cũng thật đẹp. Anh ta rồi tỉnh lên với gốc gác châu Phi của tôi, và sau khi nói chuyện một lúc về châu Phi, anh ta nói "Thế tổ chức vĩ đại này có thể làm gì cho anh?" Tôi muốn nói "Liệu anh có thể gửi đến cho tôi những phong bì màu nâu như thế không?" Nhưng tôi lại nói "Tôi hy vọng anh có thể nói cho tôi biết", dường như anh ta thấy thế là buồn cười lắm. Anh ta nhìn các

chi tiết về tôi, từ mẫu đơn, rồi anh ta thử tiếp tục cuộc trò chuyện, người mặc đồ cấp cao với người mặc đồ đen cấp thấp, người với người.

"Anh ta không có gì nhiều để nói với tôi. Và tôi càng có ít điều để nói với anh ta. Tôi hiếm khi nhìn vào thế giới. Tôi không biết nó vận hành thế nào hoặc tôi có thể làm gì trong đó. Sau ba năm chết lặng học hành, tôi đã bị bao trùm bởi sự ngu dốt của mình, và trong cái văn phòng bé nhỏ đầy những giấy tờ hiền lành đó tôi bắt đầu nghĩ về thế giới bên ngoài như một nơi đáng tôn sùng. Bộ trang phục đen dành cho phỏng vấn của tôi trở nên bần chôn . Anh ta nói "Chúa ơi, anh bạn, anh phải có định hướng nào chứ. Anh phải có ý tưởng nào về loại công việc anh nghĩ là anh sẽ làm chứ".

"Anh ta đúng, dĩ nhiên rồi. Nhưng cái câu "Chúa ơi, anh bạn" đã ảnh hưởng đến tôi, cái gì đó anh ta có thể nhặt ra trong quá khứ từ người ở trên anh ta và giờ đây ném vào tôi như một kẻ yếu thế hơn. Tôi trở nên giận dữ. Tôi nghĩ rằng có thể nhìn chăm chăm anh ta với vẻ căm ghét tột độ và nói "Công việc tôi muốn là việc anh đang làm. Và tôi muốn làm việc của anh bởi vì anh thích thú nó lắm mà". Nhưng tôi không nói những từ đó ra, tôi không nói lời nào hết cả, tôi chỉ nhìn anh ta căm tức. Thế là cuộc phỏng vấn của chúng tôi kết thúc không có kết quả gì.

"Bên ngoài tôi trở nên bình tĩnh hơn. Tôi đến quán cà phê nơi sáng sáng tôi thường đến uống. Như một sự an ủi, tôi mua cho mình một chiếc bánh sô cô la. Nhưng khi đó, trong sự ngạc nhiên, tôi nhận ra rằng tôi đang hạnh phúc ở quán cà phê vào lúc giữa ngày, uống cà phê và ăn bánh, trong khi kẻ hành hạ tôi ngập ngụa trong đồng phong bì màu nâu trong văn phòng của hắn. Đó chỉ là sự trốn chạy và không thể kéo dài. Nhưng tôi nhớ nửa giờ đó của tôi đã tràn ngập niềm hạnh phúc trong trẻo.

"Sau đó tôi không trông chờ gì từ Hội đồng việc làm hết. Nhưng anh chàng đó dù sao cũng là một người công bằng, một nền hành chính quan liêu vẫn là một nền hành chính quan liêu, và một ít những phong bì màu nâu đã đến với tôi, không đều đặn, không phải một phần của sự chạy đua

mùa thu, làm kinh động những chiếc ngán kéo trong nhà, mà giống như những chiếc lá rơi cuối cùng của năm, rách rời bởi những cơn gió mạnh tháng Giêng. Một hăng đầu mỏ, hai hoặc ba hăng lớn khác có quan hệ làm ăn ở châu Á hoặc châu Phi. Với mỗi miêu tả công việc mà tôi đọc, tôi đều cảm thấy một sự thất bại về cái mà tôi phải gọi là tâm hồn. Tôi tự thấy mình đang ngày càng giả dối với mình, hành động với chính mình, tự thuyết phục mình về sự đúng đắn với tất cả những gì được miêu tả. Và đó chính là nơi tôi cho là cuộc sống đã kết thúc với hầu hết mọi người, những kẻ củng cố những thái độ của mình để tự làm mình trở nên thích hợp với những công việc và cuộc đời mà người khác để lại cho họ.

"Không có công việc nào trong số đó hợp với tôi. Lại lần nữa tôi thấy mình đang đùa giỡn với những cuộc phỏng vấn một cách không ý hướng. Một hôm tôi nói "Tôi không biết gì về công việc của ngài, nhưng tôi có thể để công tìm hiểu". Theo lý do nào đó điều này làm cho công việc đổ bể - trong trường hợp này đó là một hội đồng ba người. Họ cười, người già nhất cười đầu tiên, và cuối cùng chảy cả nước mắt, và họ đuổi tôi đi. Mỗi lần bị đuổi đi tôi lại có cảm giác nhẹ nhõm, nhưng mỗi lần bị đuổi tôi lại thêm lo lắng về tương lai.

"khoảng một tháng một lần tôi ăn trưa với cô giáo hướng dẫn tôi. Cô khoảng ba mươi tuổi, trông không đến nỗi xấu, và rất tốt với tôi. Cô không có điều gì bất thường vì cô luôn hoà thuận với chính mình. Đó là điều tôi thích ở cô. Chính cô đã khiến tôi làm điều phi lý tôi sắp miêu tả đây.

"Người đàn bà đó cho rằng những người như tôi đang trôi nổi ngoài biển vì chúng tôi là nó của hai thế giới. Cô đúng, dĩ nhiên. Nhưng cùng lúc điều đó lại không phải là trường hợp của tôi – tôi nghĩ tôi nhìn mọi thứ rất rõ ràng – và tôi nghĩ cố có ý tưởng đó từ một anh chàng nào đó từ Bombay đến hoặc ai đó đã cố tự làm cho mình trở nên hấp dẫn. Nhưng cô ta cũng nghĩ là giáo dục và nền tảng của tôi là đặc biệt, và tôi không thể chống lại ý tưởng về những điều đặc biệt của tôi.

"Một con người đặc biệt, một người của hai thế giới cần có một công việc đặc biệt. Và cô gợi ý tôi trở thành nhà ngoại giao. Đó là điều tôi đã quyết định làm, và đất nước tôi quyết định phục vụ - vì một nhà ngoại giao phải có một đất nước nào đó để phục vụ - là Ấn Độ. Điều này thật là phi lý. Tôi biết nó là phi lý, dù vậy tôi vẫn làm, tôi với một lá thư đến hội đồng tối cao Ấn độ. Tôi nhận được câu trả lời và họ hẹn gặp tôi.

"Tôi đi tàu hoả đến London. Tôi không biết rõ London lắm, và nó cũng không giống với điều tôi vẫn biết, sáng đó tôi rất không thích nó. Phố Praeh với những cửa hàng sách khiêu dâm chẳng giống gì với đời thực thật sự cả, có Edgware Road, nơi cửa hiệu và nhà hàng dường như liên tục thay đổi, có những cửa hàng và đám đông ở Oxford Street và Regent Street. Đi tới Trafalgar Square khiến tinh thần tôi lên một chút, nhưng nó nhắc tôi là tôi gần như đã đi hết cuộc hành trình. Và tôi phải bắt đầu thực sự lao vào sứ mệnh của mình.

"Xe buýt đưa tôi xuôi khu Strand và thả tôi xuống vòng cung Aldwych, tôi đi ngang qua đường để tới toà nhà mà người ta đã chỉ cho tôi là Nhà Ấn độ. Làm sao tôi có thể nhầm được, với toàn bộ những hoạ tiết Ấn độ trên bức tường bên ngoài như thế? Khi đó tôi rất bối rối. Tôi mặc bộ đồ màu đen, thắt ca vát của trường đại học và đi vào toà nhà ở London, một toà nhà của người Anh, tuồng như là thuộc về Ấn độ - một Ấn độ khá là khác với đất nước mà ông tôi đã từng nói đến trước đây.

"Lần đầu tiên trong đời tôi cảm thấy tràn ngập trong lòng một cơn điên giận thuộc địa. Và không chỉ là cơn điên giận với London hay nước Anh, nó còn là cơn điên giận vbz người đã tự cho phép mình bị lôi kéo bởi cơn mê đắm nước ngoài. Sự điên giận đó không giảm xuống khi tôi bước vào bên trong. Lại có những hoạ tiết phương Đông nữa. Những người đưa tin là người Anh tầm tuổi trung niên, rõ ràng họ được quản lý bằng một ban quản lý già nua, nếu anh muốn gọi tên nó, ban quản lý này lại được đặt dưới sự điều khiển của một dàn quản lý trẻ cấp cao hơn. Cho đến khi đó tôi

chưa bao giờ cảm thấy liên quan mạnh mẽ đến thế với mảnh đất của tổ tiên tôi, của tổ tiên anh đến như vậy. Tôi cảm thấy trong toà nhà đó tôi đã mất đi phần quan trọng nhất của ý tưởng tôi là ai. Tôi cảm thấy tôi đã được trao cho sự hiểu biết tàn độc nhất về chỗ đứng của tôi trong thế giới này. Và tôi ghét điều đó.

"Một quan chức cấp thấp đã viết thư cho tôi. Người tiếp tân nói với một trong những người đưa tin người Anh, và người này dẫn tôi đi, không phải với nghi lễ trang trọng, với rất nhiều tiếng hỗn hển của người bị hen suyễn, đến một căn phòng có nhiều bàn. Tại một trong những cái bàn đó người đàn ông của tôi đang ngồi. Bàn ông ta trống trơn, và cả người đó cũng dường như xa vắng và có tâm trạng phờ phớt. Ông ta nhỏ thó, đôi mắt vui vẻ, một dáng vẻ bề trên, và ông ta không biết tôi đã đến.

"Dù mặc áo khoác và thắt ca vát lịch sự, ông ta không giống như tôi chờ đợi. Ông ta không phải dạng người tôi cần ăn mặc nghiêm chỉnh để đến gặp. Tôi nghĩ ông ta thuộc về một dạng văn phòng khác, một toà nhà khác, một thành phố khác. Tên ông ta là tên của đẳng cấp lái buôn của ông ta, và tôi rất dễ dàng tưởng tượng ra ông trong chiếc khố đang ôm một chiếc gối trong một cửa hàng vải tại một ngõ chợ, với đôi chân trần và những ngón tay mân mê ngón chân, ngồi gãi những mảng da chết. Ông ta thuộc loại người có thể nói "Áo sơ mi nhé, ông muốn mua áo sơ mi không?" và, quay lưng hẳn lại chiếc gối ôm, lôi ra một đồng quần áo từ tấm vải trải trên sàn quầy hàng của mình.

"Ông không bày quần áo trên bàn cho tôi xem, mà là lá thư của tôi, lá thư ông đã viết, và ông đòi xem. Ông hiểu rằng tôi đang tìm việc và đôi mắt tí hìn của ông ta lấp lánh sự vui thích. Tôi cảm thấy rất ngượng ngùng trong bộ cánh của mình. Ông nói "Anh nên đến gặp ông Verma thì hơn", Người đưa tin người Anh, thở gấp, và dường như bị sốc với mỗi hơi thở, dẫn tôi đến một văn phòng khác. và tại đó ông ta bỏ tôi lại.

"Ông Verma đeo cặp kính đen. Ông ngồi trong một văn phòng ít người hơn và trên mặt bàn có nhiều giấy tờ tài liệu hơn. Trên tường có những bức ảnh, từ thời anh, về những toà nhà và phong cảnh Ấn độ. Ông Verma trông nghiêm trọng hơn người đàn ông ban nãy. Chức vụ của ông cao hơn, và ông có thể dùng cái tên Verma để chứng minh đẳng cấp cao hơn của mình. Ông bối rối với lá thư của tôi, nhưng ông cũng không thấy thoải mái vì bộ cánh và chiếc cà vạt trường đại học của tôi và ông có vẻ chán ngán khi phỏng vấn tôi. Điện thoại kêu nhiều lần và cuộc phỏng vấn của chúng tôi không tiếp thực được. Một lúc, sau khi nói chuyện điện thoại, ông Verma để tôi lại và đi ra khỏi phòng. Ông đi một lúc và khi trở về, cũng một số giấy tờ, ông dường như ngạc nhiên khi nhìn thấy tôi. Ông nói với tôi rằng tôi nên đến một văn phòng khác tại một tầng khác, và lần đầu tiên thực sự để ý đến tôi, hỏi tôi đến đây bằng cách nào.

"Căn phòng tôi gõ cửa là một phòng lớn tối om, với một người đàn ông nhỏ bé ngồi trước một chiếc máy chữ chuẩn kiểu cũ với bàn phím to đùng. Ông nhìn tôi với sự kinh hoàng – đó là hiệu quả của bộ cánh và chiếc cà vạt của tôi, với bộ quần áo của người thuộc hai thế giới – và ông chỉ bình tĩnh lại khi đọc lá thư của tôi. Ông bảo tôi đợi. không có ghế. Tôi phải đứng.

"Một tiếng chuông gọi vang lên, và người đánh máy kiêm thư ký nhảy dựng lên. Sau khi nhảy lên, có vẻ như ông ta đứng trên đầu ngón chân, ông ta nhanh chóng điều khiển đôi vai lên xuống theo một kiểu khúm núm, cử chỉ này khiến ông ta nhỏ bé hẳn đi so với trước, và với một bước sai chân đáng ngạc nhiên bằng đầu ngón chân, một bước nhảy, ông ta đi ra đến những cánh cửa gỗ ngăn cách chúng tôi với căn phòng phía bên kia. Ông gõ cửa, mở ra, và với một dáng đi gù gù, vẻ khúm núm trước đó, ông ta biến mất.

"Mong muốn làm nhà ngoại giao của tôi giờ đã tan biến. Tôi ngăm nhìn những bức ảnh khổ lớn Gandhi và Nehru và tự hỏi rằng bằng cách

nào, ngoài bố cảnh nghèo nàn như thế này, những người đó lại có thể bắt người khác coi mình là người được. Thật lạ lùng, trong toà nhà giữa trung tâm London đó, nhìn thấy những con người vĩ đại theo cách mới mẻ này, từ bên trong như thế. Cho đến lúc đó, từ bên ngoài, không biết đến chúng như tôi đã đọc trên báo và tạp chí, tôi đã ngưỡng mộ họ. Họ thuộc về tôi; họ nâng tôi lên và cho tôi một chỗ trong thế giới. Giờ đây tôi cảm thấy ngược lại. Trong căn phòng đó những bức ảnh của những con người vĩ đại này làm tôi cảm thấy tôi đang ở đáy một cái giếng. Tôi cảm thấy rằng trong căn phòng này toàn bộ nhân tính chỉ được phép với những con người này và chối từ mọi người khác. Mọi người đều cúi gục trước nhân tính của họ, hoặc một phần, những người lãnh tụ của họ. Mọi người sẵn lòng làm mình bé nhỏ đi để tôn vinh thêm nữa những người lãnh đạo này. Những ý nghĩ đó làm tôi ngạc nhiên và đau đớn. Chúng còn hơn là dị giáo. Chúng phá huỷ những gì còn sót lại trong lòng tin của tôi về cách thức trật tự mà thế giới đang theo. Tôi bắt đầu cảm thấy bị gạt ra và cô đơn.

"Khi người thư ký quay trở lại văn phòng, tôi nhận ra ông ta vẫn bước đi bằng đầu ngón chân, vẫn khúm núm, vẫn chú người về phía trước. Tôi thấy rằng trông thật giống một sự khúm núm, khi so vai vào ông ta đã nhảy khỏi ghế của mình, nhảy đến cửa, không phải một hình dạng ông ta khoác lấy, mà chính là bản chất tự nhiên của ông ta. Ông ta bị gù. Đó là một cú sốc. Tôi bắt đầu lẫn lộn nghĩ lại về những cảm giác trước đó khi ông đi ngang qua tôi đến cánh cửa vào văn phòng phía trong, nơi người đàn ông da đen to béo bận đồ đen, một trong những người Ấn da đen, đang ngồi tại một cái bàn lớn màu đen, mở những chiếc phong bì với một con dao rọc giấy.

"Đôi gò má bóng nhẫy của ông ta đi với cặp môi dày tạo ra cảm giác ông ta đang bấu môi. Tôi ngồi xuống một cái ghế cách bàn ông ta một quãng. Ông ta không ngẩng lên nhìn tôi và cũng không nói gì cả. Và tôi cũng không nói, tôi để ông ta mở những lá thư. Bài tập đó ông ta phải làm đến hơn một giờ trong đời ông ta, con người sùng đạo phương Nam đó.

Ông bốc mùi đẳng cấp và đèn đài, và tôi chắc rằng dưới bộ cánh màu đen đó ông đeo toàn bùa.

"Cuối cùng, nhưng vẫn không ngẩng đầu lên, ông ta nói "Thế nào?"

"Tôi nói "Tôi đã viết thư xin một công việc ngoại giao. Tôi nhận được thư trả lời từ ông Aggarwal và tôi đến đây gặp ông ấy"

"Vẫn mở thư của mình, ông nói "Mister Aggarwal".

"Tôi mừng là ông ta đã tìm thấy điều gì đó mà chúng tôi có thể bàn luận được.

"Aggarwal có vẻ không biết nhiều lắm. Ông ấy gửi tôi đến chỗ Verma.'

"Ông đã gần nhìn lên đến tôi. Nhưng ông không nhìn. Ông nói "Mister Verma".

"Verma cũng có vẻ không biết nhiều lắm. Ông ấy nói chuyện rất lâu với một người tên là Divedi.'

""Mister Divedi.'

"Tôi đầu hàng.Ông ta có vẻ như đã loại được tôi. Tôi nói, mệt lử. 'Và ông ấy gửi tôi đến chỗ ông'.

""Nhưng trong thư anh nói anh đến từ châu Phi. Thế nào mà anh có thể làm nhà ngoại giao được chứ? Làm sao anh có thể chia sẻ sự trung thành của mình được?"

"Tôi nghĩ, làm sao ông dám giảng cho tôi về lịch sử và sự trung thành của tôi, hỡi tên nô lệ kia? Chúng tôi đã trả giá đắt cho những kẻ như ông. Ông trung thành với ai nữa, ngoài chính bản thân, gia đình và đẳng cấp của ông?

"Ông ta nói 'Các anh sống sung sướng ở châu Phi. Bây giờ thật khó cho các anh trở lại. Nhưng anh phải làm rất nhiều việc với người địa phương.'

"Đó là điều ông ta đã nói. Nhưng tôi không nói với anh điều ông ta thực sự nói chính là đạo đức và sự may mắn của ông ta. Với ông ta sự thuần khiết của đẳng cấp, cưới xin sắp xếp, ăn chay đúng đắn, là những điều bất khả xâm phạm. Mọi người khác đều đã bước chân lên sự nhơ bẩn, và phải trả giá. Cũng giống như thông điệp của những bức ảnh của Gandhi và Nehru tại căn phòng bên ngoài.

"Ông ta nói 'Nếu anh trở thành công dân Ấn độ, sẽ có những kiểm tra nhất định. Chúng tôi đã sắp xếp để chúng được thực hiện tại một trong những trường đại học ở đây. Ông Verma có thể nói với anh. Nhẽ ra ông ấy không nên gửi anh đến chỗ tôi mới phải'.

"Ông ta bấm một cái chuông trên bàn. Cửa mở, và người thư ký gù lưng đưa vào một người cao gầy, với đôi mắt sáng, lo lắng và một vẻ khúm núm bợ đỡ. Người mới đến cầm một cái cặp nghệ sĩ, và ông ta có một chiếc khăn quàng cổ dài, màu xanh lá cây quăn lấy cổ, dù trời khá ấm áp. Không để ý đến tôi, mắt chỉ chăm chăm vào người da đen, ông ta mở chiếc cặp và bắt đầu lấy ra những bức tranh. Ông ta cầm từng chiếc một đặt trước ngực, chìa về phía người da đen một nụ cười thường trực mở rộng lo lắng, rồi nhìn xuống cái ông ta đang trưng ra, để với cái đầu cúi xuống những bức tranh của mình, và với sự khúm núm đã có ở đó, trông ông ta giống như một người đang ăn năn hối cải, đang trình bày tội lỗi với những người khác. Người da đen không nhìn người nghệ sĩ, chỉ nhìn các bức tranh. Chúng vẽ những ngôi đền và những người phụ nữ hôn hờ đang uống trà – có thể là một cách giới thiệu về nước Ấn độ mới.

"Tôi đã bị xua đuổi. Người thư ký gù lưng, căng cứng trên chiếc máy chữ cũ, to, nhưng không gồ, những ngón tay xương xẩu như những con tôm

đặt trên bàn phím, nhìn tôi lần cuối vẻ đe dọa. Lần này, dù sao qua cái nhìn của ông ta, tôi cũng có một câu hỏi "Giờ anh đã hiểu tôi là ai chưa?"

"Đi xuống cầu thang, bao quanh bởi những hoạ tiết về Ấn độ vua chúa, tôi nhìn thấy ông Verman, lại rời xa cái bàn của mình, và với nhiều giấy tờ hơn, nhưng ông ta đã quên tôi. Người đàn ông thuộc đẳng cấp thương gia lười biếng trong văn phòng tầng dưới dĩ nhiên vẫn nhớ tôi. Tôi nhận của ông nụ cười mỉa mai, và rồi tôi đi ra khỏi chiếc cửa quay, hoà vào không khí London.

"Chuyến đi ngắn ngủi của tôi vào ngành ngoại giao đã kéo dài hơn một giờ đồng hồ. Lúc đó đã quá mười hai giờ trưa, quá muộn để uống cà phê và ăn bánh, khi một quán bar snack nhắc nhở tôi. Tôi tiếp tục bước đi. Tràn đầy giận dữ. Tôi đi theo vòng cung Aldwych đến tận cùng, đi qua phố Strand, và xuôi dòng sông.

"Trong khi bước đi, một ý nghĩ đến với tôi, đã đến lúc về nhà. Tôi không nghĩ về thị trấn của chúng ta, về nơi bên bờ biển châu Phi của chúng ta. Tôi nhìn thấy một đường quốc lộ dọc hai bên là những cây cối khá cao. Tôi nhìn thấy những cánh đồng, lâu đài, một ngôi làng với những cái cây thấp. Tôi không biết quyển sách hay bức tranh nào đã cho tôi hình ảnh đó, hoặc tại sao một chỗ như thế lại có thể tạo cho tôi cảm giác an toàn. Nhưng hình ảnh đó đã đến với tôi, và tôi ngắm nghía nó. Những buổi sáng, màn sương, những bông hoa tươi mát, bóng của những cái cây vào lúc giữa ngày, những ánh lửa vào buổi tối. Tôi cảm thấy tôi đã biết cuộc sống đó, và nó vẫn còn chờ đợi tôi ở đâu đó. Dĩ nhiên thật là tuyệt.

"Tôi thức tỉnh về nơi tôi đang ở. Tôi đang bước đi trên bờ kê bên cạnh dòng sông, đi mà không nhìn gì hết. Trên tường của bờ kê đó có những ngọn đèn kim loại màu xanh lá cây. Tôi kiểm tra những cái đèn đó, từng bóng đèn, từng cọc đèn một. Tôi đã xa nơi tôi bắt đầu, và trong một lúc tôi đã rời khỏi những cái cột để kiểm tra những trụ đỡ bằng kim loại của những chiếc ghế dài trên vỉa hè. Những trụ đỡ này, khi tôi kinh ngạc ngắm nhìn,

có dáng vẻ những con lạc đà. Lạc đà với những cái bướu của chúng! Một thành phố kỳ cục, khúc ca lãng mạn Ấn độ trong toà nhà đó, bản tình ca của sa mạc nơi này. Tôi dừng lại, bước chậm chậm trở lại, và bỗng dưng tôi phát hiện ra vẻ đẹp của dòng sông và bầu trời, những màu sắc dịu nhẹ của các toà nhà, sự chăm chút chúng được hưởng,

"Tại châu Phi, trên bờ biển, tôi đã chỉ chú ý tới một màu trong tự nhiên – màu của biển. Mọi thứ còn lại chỉ là cây bụi, với màu xanh lá cây sống động, hoặc nâu và cứng đờ. Cho đến lúc này tại nước Anh tôi đã rảo bước, mắt nhìn vào những giá hàng trong các cửa hiệu, tôi đã không nhìn thấy gì hết. Một thành phố, thậm chí London, chỉ là một chuỗi phố và tên phố, và phố là một dãy dài cửa hiệu. Giờ đây tôi đã nhìn thấy thứ khác. Và tôi hiểu London không chỉ đơn giản là một nơi như thế, như người ta nói về núi, nơi đã được con người tạo ra, mà con người đã chú ý đến từng chi tiết như từng phút, như những con lạc đà đó.

"Cùng lúc đó tôi bắt đầu hiểu rằng sự kinh sợ của tôi trước việc phải trở thành mtnn phiêu bạt là hoàn toàn sai, rằng với tôi giấc mơ về ngôi nhà và sự an toàn không gì hơn là một giấc mơ về sự cô độc, không ngày tháng, ngu xuẩn và yếu ớt. Tôi thuộc về mình tôi thôi. Tôi việc gì phải hạ thấp nhân cách của mình trước bất kỳ ai. Đối với ai đó giống như tôi thì chỉ có một nền văn minh và một nơi – đó là London hoặc một nơi nào giống thế. Mọi thứ khác của cuộc sống đều chỉ là làm ra để mà tin\ .Nhà – để làm gì kia chứ? Để trốn? Để cúi gập người trước những người vĩ đại của chúng ta? Đối với những người ở hoàn cảnh của chúng ta, những người bị dặt lối vào sự nô lệ, đó là cái bẫy lớn nhất. Chúng ta chẳng có gì hết cả. Chúng ta an ủi chính mình với ý nghĩ rằng những người vĩ đại của bộ lạc chúng ta, Gandhi và Nehru. "Tại đây, hãy lấy nhân tính và đưa cho tôi. Hãy nhận lấy nhân tính của tôi và hãy trở thành một người vĩ đại, chính anh ấy, cho lợi ích của tôi!" Không! Tôi muốn trở thành người bình thường, cho chính bản thân tôi.

"Vào một số thời điểm tại một số nền văn minh các nhà lãnh đạo vĩ đại có thể mang đến nhân tính cho dân tộc mà họ lãnh đạo. Điều này khác với những người nô lệ. Đừng chê trách các nhà lãnh đạo. Đó chỉ là một phần khó chịu của tình thế. Tốt hơn là rút khỏi toàn bộ việc làm ăn, nếu anh có thể. Và anh có thể mà. Anh có thể nói – và tôi biết Salim ạ, rằng anh đã nghĩ đến điều đó – rằng tôi đã quay lưng lại cộng đồng của mình và biến đi. Tôi nói "Biến đi đâu và khỏi cái gì? Bạn có gì để cho tôi? Cống hiến của bạn là gì? Và liệu các người có đưa trả lại cho tôi nhân tính được không?" Dù sao đó là điều tôi đã quyết định vào buổi sáng hôm đó, bên dòng sông thành London, giữa những chiếc cột đèn và lạc đà, công việc của một số nghệ sĩ đã chết đã thêm vào vẻ đẹp cho thành phố.

"Đó là năm năm trước đây. Tôi thường tự hỏi điều gì có thể xảy đến với mình nếu tôi không quyết định như vậy. Tôi cho là tôi có thể chìm xuống. Tôi nghĩ tôi có thể tìm thấy một cái hố nào dưới và chui vào đó để trốn hđc đi qua. Dù sao, chúng ta đã tự gắn mình vào những ý tưởng mà chúng ta có với trách nhiệm của mình. Nhẽ ra tôi đã trốn vào cái hố của mình và bị què quặt bởi sự đa cảm của mình, làm điều mà tôi làm, và làm nó thật tốt, nhưng luôn ngóng về một cái gì đó. Và tôi có thể không bao giờ thấy thế giới là nơi giàu có đến vậy. Anh có thể không thấy tôi ở đây, châu Phi này, làm điều tôi đang làm. Tôi có thể đã không muốn làm điều đó, và không ai có thể muốn tôi làm điều đó. Tôi có thể nói "Giờ tất cả đã hết với tôi, thế nên tại sao tôi phải để mình bị người khác sử dụng? Người Mỹ muốn chiến thắng thế giới này. Đó là cuộc chiến của họ, chứ không phải của tôi. Và điều đó hẳn là phải ngu ngốc lắm. Thật ngu ngốc khi nói về người Mỹ. Họ không phải một bộ lạc, như anh có thể nghĩ từ bên ngoài. Họ là những cá nhân chiến đấu để tạo ra con đường của mình, cố gắng hết mức để anh hoặc tôi không chìm xuống.

"Sau đó khi tôi rời khỏi trường đại học, mọi chuyện thật không dễ dàng. Tôi vẫn cần có một công việc, và giờ đây điều duy nhất tôi biết là cái tôi không muốn làm. Tôi không muốn chuyển từ nhà tù này sang nhà tù

khác. Những người như tôi phải tự tạo ra công việc riêng cho mình. Đó không phải cái gì đó đến với bạn trong một chiếc phong bì màu nâu. Công việc ở đó, đang chờ đợi. Nhưng nó không ở đó cho anh hoặc bất kỳ ai khác anh có thể khám phá, và anh khám phá nó bởi vì nó dành cho anh và chỉ mình anh mà thôi.

"Ở trường đại học tôi từng tham gia diễn một vài vở kịch – bắt đầu bằng một vai thoáng qua trong một bộ phim nhỏ ai đó đã làm về một cậu bé và một cô bé đi dạo trong công viên. Tôi thuộc những người còn lại của nhóm đó ở London và bắt đầu đóng nhiều. Không quan trọng gì lắm đâu. London đầy những nhóm kịch nhỏ như thế. Họ tự viết kịch bản, và họ có tiền từ các hãng và các hội đồng địa phương ở khắp nơi. Và nhiều người trong số họ sống trong sự buồn khổ. Đôi khi tôi đóng những vai người Anh, nhưng thường thì họ viết vài vai riêng cho tôi, thế nên với tư cách một diễn viên tôi thấy mình trở thành người mình không muốn trong cuộc đời thực. Tôi đóng sĩ quan người Ấn độ đi thăm một bà mẹ thuộc đẳng cấp lao động đang hấp hối, tôi lại đóng một sĩ quan Ấn độ khác bị kết tội hiếp dâm, tôi là một người lái xe buýt không ai muốn làm việc cùng...và vân vân. Một lần tôi đóng vai Romeo. Một lần khác là sự cải biên Người lái buôn thành Venice, thành chủ nhà băng Malindi, và tôi đóng vai Shylock. Nhưng mọi sự đã trở nên phức tạp quá mất rồi.

"Đó là một cuộc sống trôi dạt, và thoát tiên rất hấp dẫn. Rồi nó trở nên nặng nề. Mọi người bỏ đi và có những công việc, anh cũng hiểu họ đã có những mối quan hệ vững chắc từ lâu rồi. Đó luôn luôn là sự bỏ rơi, và có những lúc trong hai năm đó tôi đã cảm thấy mất phương hướng và phải đấu tranh rất khó nhọc để tiếp tục tâm trạng đã đến với tôi bên dòng sông đó. Giữa tất cả những con người đẹp đẽ đó tôi là kẻ duy nhất bị bỏ rơi. Tôi không muốn là kẻ bị bỏ rơi. Họ làm những gì có thể để tạo chỗ cho tôi, và đó đã là hơn bất kỳ ai ở ngoài có thể nói cho chúng ta. Đó là một khác biệt về mặt văn minh.

"Một ngày Chủ nhật tôi được đưa đến ăn trưa tại nhà một người bạn của một người bạn. Không có gì là bohemien về ngôi nhà hoặc bữa ăn, và tôi phát hiện ra tôi được mời vì một trong số những người khách vĩ đại là người Mỹ rằng quan tâm đến châu Phi. Ông nói về châu Phi theo một cách thật khác thường. Ông nói về châu Phi như thể châu Phi là một đứa trẻ bị ốm và ông ta là người đỡ đầu. Sau đó tôi trở nên thân thiết hơn với người đàn ông này, nhưng vào bữa trưa đó ông ta đã làm tôi điên tiết và tôi rất cáu với ông. Đó là vì trước đây tôi chưa bao giờ từng gặp loại người đó. Ông có tiền để chi cho châu Phi, và ông ta muốn một cách tuyệt vọng làm được điều đúng đắn. Khi nghĩ toàn bộ số tiền đó sẽ bị tiêu phí tôi không thấy vui. Nhưng ông ta cũng có những ý tưởng lớn đơn giản nhất về sự tái sinh ở châu Phi.

"Tôi nói với ông ta là châu Phi sẽ không được cứu rỗi hoặc vươn lên bởi những bài thơ của Yevtushenko hoặc bởi cách nh với mọi người về sự yếu ớt của bức tường Berlin. Ông ta không có vẻ gì là ngạc nhiên. Ông muốn nghe nữa và tôi nhận ra mình được mời đến bữa trưa để nói những điều mà tôi đã nói. Và chính ở đó tôi bắt đầu hiểu mọi thứ mà tôi nghĩ đã làm tôi không quyền lực trong cái thế giới này và đồng thời biến tôi thành có giá trị, và rưng đối với người Mỹ đó tôi hấp dẫn bởi vì tôi là chính tôi, một người không có khuynh hướng.

"Đó là sự bắt đầu. Đó là cách tôi trở nên ý thức với những tổ chức đang sử dụng sự vượt trội kinh tế của phương Tây để bảo vệ thế giới đó. Những ý tưởng tôi đưa ra thật hung hăng trong bữa trưa hôm đó, và đã bình tĩnh hơn và thực tế hơn sau đó, là những ý nghĩ khá đơn giản. Nhưng chúng chỉ có thể đến từ ai đó giống tôi, ai đó thuộc về châu Phi, nhưng không hề có ích gì cho kiểu tự do vừa mới có ở châu Phi này.

"Ý tưởng của tôi là thế này. Mọi thứ đã dồn lại để đẩy tới châu Phi vào một dạng độc tài. Do đó châu Phi đầy những người tị nạn, những người trí thức thế hệ đầu tiên. Các chính phủ phương Tây không muốn biết, và

những người châu Phi cũ không có cách nào để hiểu – họ vẫn chiến đấu trong những cuộc chiến tranh cũ. nếu châu Phi có một tương lai, thì đó chính là trách nhiệm của những người tị nạn này. Ý tưởng của tôi là đưa họ ra khỏi những đất nước mà họ không thể hoạt động và gửi họ, dù chỉ trong một thời gian ngắn, đến những nơi trên lục địa, những nơi nào có thể. Một sự trao đổi lục địa, để tạo cho chính những người đó niềm hy vọng, để cung cấp cho người châu Phi những thông tin tốt hơn về chính châu Phi, và để bắt đầu cuộc cách mạng thực sự của châu Phi.

"Ý tưởng đã được thực hiện rất tốt. Mỗi tuần chúng tôi nhận được những đơn yêu cầu từ các trường đại học nơi có thể duy trì kiểu cuộc sống trí thức mà không dính dáng vào chính trị của địa phương. Dĩ nhiên, chúng tôi đã thu hút sự đổ bộ tự do, của người da đen và da trắng, và chúng tôi đã gặp rắc rối với những tay chống Mỹ chuyên nghiệp. Nhưng ý tưởng này tốt. Tôi không cảm thấy mình phải biện hộ nó. Thực hiện tốt được như hiện nay lại là một vấn đề khác. Và có thể chúng ta không có thời gian. Anh đã nhìn thấy những cậu bé ở Khu này. Chúng làm mọi thứ vì điều đó, và đó là nơi nó có thể đạt được đến tận cùng. Có những lúc tôi cảm thấy châu Phi chỉ đơn giản là có con đường riêng của mình – những con người đói khát là những con người đói khát. Và đó là lúc tôi coi mọi cái thật thấp kém.

"Làm một công việc giống như thế nghĩa là phải sống trong một sự lắp đặt – anh không cần nói với tôi điều đó. Nhưng mọi người đều sống trong sự lắp đặt. Văn minh là một sự lắp đặt. Và sự lắp đặt đó là chính tôi. Trong đó, tôi có giá trị, chỉ như tôi vốn có. Tôi không phải bật cái gì lên hết cả. Tôi khám phá chính tôi, tôi không cho phép ai bóc lột tôi. Và nếu được, nếu ngày mai những người ở trên quyết định chúng ta không đi đâu, tôi giờ đây đã học được rằng có những cách khác để có thể tự khai thác chính mình.

"Tôi là một người may mắn. Tôi nắm thế giới ở trong tôi. Anh thấy đấy. Salim, trong thế giới này những người ăn mày là những người duy nhất có thể lựa chọn. Mọi người khác đều có sự thiên lệch về chính mình.

Tôi có thể lựa chọn. thế giới là một chốn giàu có. Nó phụ thuộc hoàn toàn vào điều bạn lựa chọn trong đó. Bạn có thể là người tình cảm và ôm riết lấy ý tưởng về sự thất bại của bạn. Bạn có thể là một nhà ngoại giao Ấn độ và luôn đứng bên thua cuộc. Nó giống như kinh doanh ngân hàng ấy. thật ngu xuẩn khi kinh doanh ngân hàng ở Kenya hoặc Sudan. Nhiều hay ít cũng giống cái mà gia đình tôi đã làm ở bờ biển. Các ngân hàng sẽ nói gì trong những báo cáo thường niên về những chỗ như thế? Rằng nhiều người nằm ngoài khu vực tiền tệ sao? Anh không thể trở thành một Rothschild ở đây. Nhà Rothschild đã biết lựa chọn châu Âu đúng lúc. Những người Do thái khác, cũng tài năng như vậy, đi làm ngân hàng cho đế chế Ottoman, tại Thổ Nhĩ Kỳ hay Ai Cập hoặc nơi nào đó, đã không được như thế. Không ai biết tên họ. Và đó là điều chúng ta đã làm trong hàng thế kỷ qua. Chúng ta khúm núm trước ý nghĩ của mọi người khác. Chúng ta đã chọn sai bên. Tôi đã mỗi một phải đứng ở bên thua cuộc rồi. Tôi không muốn bỏ qua. Tôi biết chính xác mình là ai và tôi đứng ở đâu trong thế giới này. Nhưng giờ đây tôi muốn chiến thắng, chiến thắng, chiến thắng".

KHÚC QUANH CỦA DÒNG SÔNG

V. S. Naipaul

www.dtv-ebook.com

Dịch Giả: Cao Việt Dũng

Chương 10:

Indar đã bắt đầu câu chuyện của anh vào cuối buổi tối hôm ở nhà Yvette và Raymond đó. Sau đó nhiều lần anh kể thêm. Anh đã bắt đầu câu chuyện vào buổi tối đầu tiên tôi gặp Yvette, và mọi nơi tôi gặp Yvette sau đó nàng đều đi với anh. Tôi lạ lẫm với cả hai con người đó, tôi không hiểu ra sao nữa.

Trong tâm trí tôi có hình ảnh Yvette của riêng mình, và hình ảnh đó không bao giờ thay đổi. Nhưng con người mà tôi thấy, nhiều lúc trong ngày, trong nhiều dạng ánh sáng và thời tiết khác nhau, trong những hoàn cảnh khác hoàn toàn với những hoàn cảnh tôi đã gặp nàng lần đầu, bao giờ cũng mới mẻ, luôn là một sự bất ngờ. Tôi bồn chồn được thấy mặt nàng – tôi bị nàng ám ảnh.

Và Indar cũng bắt đầu thay đổi với tôi. Cả tính cách riêng biệt của anh cũng có một cái gì đó rã ra. Khi anh kể xong chuyện, trong mắt tôi anh không giống với người đã xuất hiện trong cửa hiệu của tôi nhiều tuần trước. Trong bộ quần áo của anh khi đó tôi đã nhìn thấy sự thiên vị dành cho London. Tôi đã thấy rằng anh đang chiến đấu để giữ lại được phong cách của mình, nhưng tôi không nghĩ phong cách của anh như cái gì đó anh tự tạo ra cho mình. Tôi thấy anh là một người bị hào quang của thế giới vĩ đại tác động đến, và tôi đã nghĩ đó là cơ may cho thế giới của anh, cả tôi, cũng có thể bị tác động bởi ánh hào quang đó. Trong những ngày đó tôi thường muốn nói với anh "Hãy giúp tôi thoát khỏi chốn này. Hãy chỉ cho tôi làm thế nào để giống được như anh".

Nhưng giờ thì không thể nữa rồi. Tôi không thể ghen tị với phong cách hay sự độc đáo của anh nữa. Tôi thấy anh như bản thân anh. Tôi cảm thấy mình được bảo vệ trước anh. Tôi cảm thấy kể từ tối đó tại chỗ Yvette – buổi tối đã nâng tôi lên nhưng lại kéo anh xuống thấp – chúng tôi đã trao đổi vai. Tôi không còn thấy anh là người hướng lối cho mình, anh là người cần được giúp đỡ.

Đó có thể là điều bí mật của sự thành công về mặt xã hội của anh mà tôi từng ghen tị. Mong muốn của tôi – hẳn là giống với của những người ở London mà anh đã nói với tôi, những người đã tạo chỗ làm cho anh – là loại bỏ hoàn toàn sự nóng nảy và thất vọng, những thứ làm hỏng đi sự êm ái mà tôi biết là có ở đó. Tôi được bảo vệ trước anh và sự độc đáo của anh, cả việc nói quá cũng như sự lừa dối của anh. Tôi muốn tất cả những cái đó không bị tổn thương. Điều làm tôi buồn là trong một thoáng chốc anh phải rời đi, anh phải tiếp tục với những công việc giảng dạy tại nơi khác của mình – một giảng viên, thật không chắc chắn về tương lai của anh trong vai trò đó như anh từng đã làm trong những vai tròn trước của mình.

Những người bạn duy nhất trong thị trấn mà tôi giới thiệu cho anh là Shoba và Mahesh. Họ là những người duy nhất tôi cho là có thể có điều gì đó chung với anh. Nhưng hoá ra không phải. Cả hai bên đều nghi kỵ nhau. Cả ba người theo nhiều cách – nổi loạn, liên quan đến vẻ đẹp hình thể của họ, tìm ra vẻ đẹp đó như là dạng thức dễ dàng nhất của nhân cách. Mỗi người đều thấy người kia như là một phiên bản của chính mình, và họ giống như những người – Shoba và Mahesh một bên, Indar ở bên kia - cảm thấy ở bên kia sự giáo trá.

Một hôm tại bữa trưa trong căn hộ của họ - một bữa ăn ngon: họ đã sửa soạn rất kỹ càng, đồ bạc và đồ đồng được đánh bóng, những chiếc rèm kéo xuống che ánh sáng chói loà bên ngoài, ngọn đèn ba bậc chiếu sáng chiếc thảm Ba Tư trên tường – Shoba hỏi Indar "Anh làm việc này có kiếm được tiền không?" Indar nói "Có chứ". Nhưng lúc ra ngoài, trong ánh nắng

và bụi đỏ, anh trở nên tức giận. Khi chúng tôi lái xe trở về Khu, về nhà anh, anh nói "Các bạn của anh không biết tôi là ai và tôi đã làm gì. Họ thậm chí còn chẳng biết tôi từ đâu đến". Anh không nhắc đến những chuyến đi của mình, anh muốn nói họ đã không đánh giá cao những cuộc tranh đấu mà anh đã từng trải qua. "Hãy nói với họ, giá trị của tôi là giá trị vị trí của chính tôi. Không có lý do khác để có thể kiếm được năm mươi nghìn đô la hay một trăm nghìn đô la một năm".

Đó là tâm trạng của anh khi sắp đi khỏi Khu. Anh dễ nổi nóng và thất vọng. Nhưng với tôi, thậm chí trong những ngày chán nản đó, Khu vẫn là địa điểm đáng trông chờ. Tôi trông chờ lặp lại buổi tối mà tôi đã từng có – tiếng hát Joan Baez, những ngọn đèn mờ ảo và những chiếc đệm châu Phi trên sàn nhà, người đàn bà bối rối trong bộ đồ chùng màu đen, cuộc đi bộ đến ghềnh nước dưới ánh trăng và những đám mây. Tôi bắt đầu cảm thấy phấn khích. Tôi giữ bí mật không nói với Indar. Và Yvette, mỗi khi thấy nàng, trong ánh sáng điện mờ ảo hoặc trong ánh sáng ban ngày tầm thường, lại làm tôi bối rối, thật khác với những gì tôi còn nhớ.

Ngày nối ngày qua đi, học kỳ của trường bách khoa đã hết. Indar đột ngột tạm biệt vào một buổi chiều, như một người không muốn gây náo loạn nhiều về lời tạm biệt, anh không muốn tôi tiễn anh. Và tôi cảm thấy rằng Khu và cuộc sống ở đây, đã vĩnh viễn khép lại trước tôi.

Ferdinand cũng đi. Nó lên thủ đô theo khóa tập huấn công chức nhà nước. Tôi tiễn Ferdinand ra tàu thủy vào cuối học kỳ. Những bông lan dạ hương trên sông đang trôi nổi trong những ngày nổi loạn, người ta nói chúng thấm máu, vào những buổi chiều nặng nề, ngọt ngào với cái nóng lấp lóa nắng, chúng không có mùi, vào lúc có trăng những bông hoa này có màu trắng, chúng rất hợp với tâm trạng một buổi tối đặc biệt. Giờ đây màu tím hoa cà trên màu xanh lá cây đậm, chúng nói về điều gì đó đã qua, những người khác đang tới.

Tàu thủy đến vào buổi chiều hôm trước, kéo theo chiếc thuyền chở khách. Tôi không thấy Zabeth và chiếc thuyền độc mộc của cô. Ferdinand không muốn cô đến đây. Tôi đã nói với Zabeth đó chỉ là vì Ferdinand đang ở tuổi muốn chứng tỏ mình độc lập. Và điều này rất đúng xét theo khía cạnh nào đó. Chuyển đi đến thủ đô là rất quan trọng với Ferdinand, và vì nó quan trọng, Ferdinand muốn được tự làm một mình, không có mẹ.

Nó luôn tự coi mình quan trọng như thế. Nhưng ở nó đã phát triển một cung cách mới đáng ngạc nhiên. Từ chiếc thuyền độc mộc lên khoang hạng nhất tàu thủy, từ một ngôi làng đến trường bách khoa và cuộc thi công chức, nó đã nhảy qua hàng thế kỷ. Chuyển đi của nó không hề dễ dàng, hồi cuộc nổi loạn nó muốn chạy trốn. Nhưng kể từ đó nó đã học được cách chấp nhận mọi khía cạnh của chính nó và mọi khía cạnh của đất nước, nó không vứt bỏ gì đi hết. Nó chỉ biết đất nước nó và cái đất nước cho nó, và toàn bộ những gì đất nước này cho nó giờ đây nó đều muốn đền đáp. Điều này giống như một sự cao ngạo, nhưng đó cũng là một dạng nhẹ nhàng và chấp nhận. Nó đang ở nhà, nó chấp nhận toàn bộ tình thế, và nó là chính nó ở mọi nơi.

Đó là điều nó thể hiện sáng đó khi tôi chở nó từ Khu ra bến tàu. Sự thay đổi từ Khu được những nhà cửa xập xệ bên ngoài – với những cánh đồng thừa thớt trồng ngô, những dòng suối nhỏ đầy rác và hàng chông rác – tất cả ấn tượng mạnh lên tôi hơn là lên nó. Tôi muốn cùng với nó nghĩ về niềm tự hào cũ để không để ý gì đến chúng, nó nói về chúng, không có ý phê phán mà xem chúng là một phần của thị trấn. Tại Khu, khi từ biệt những người quen, nó đã cư xử như một cậu học việc công chức, với tôi trong xe nó giống như với một người bạn cũ, và rồi bên ngoài những cánh cửa cầu tàu, nó trở nên vui sướng một cách dễ hiểu, và kiên nhẫn, hoà vào đám đông châu Phi, trong sự hối hả của phiên chợ.

Miscerique probat populos et foedera jungi. Đã từ lâu tôi thôi không còn để ý tới sự rực rỡ của những từ này nữa. Tòa nhà chỉ trở thành một

phần của cảnh chợ vào những ngày có tàu. Qua đám đông đó giờ đây chúng tôi bắt đầu con đường của mình, với một ông già đi theo, người yếu ớt nhất trong số chúng tôi, người xách va li cho Ferdinand.

Những chậu ấu trùng và sâu; những giỏ chứa đầy gà bị trói chặt kêu quang quác khi bị người bán hàng xách một cái cánh lên cho người khách xem; những con dê mắt u tối trĩu thúi lụi, nằm ngổn ngang trên mặt đất, nhai rác và giấy, những con khỉ non lông ẩm ướt, đầy vẻ khổ cực, bị buộc dây dây dắt chặt quanh những cái eo lưng gầy guộc và gặm lác, vỏ chuối, vỏ xoài, nhưng nhai mà không có vẻ gì ngon lành, như thể chúng biết mình sắp bị giết thịt.

Những người khách thoáng qua đầy nóng vội đến từ vùng cây bụi, những người khách tới bằng xuồng, đi từ một ngôi làng xa xôi đến một ngôi làng khác, được gia đình hoặc bạn bè đưa tiễn, những người bán hàng có cửa hàng ngồi tại cửa hàng của mình (hai hoặc ba cái dưới chân toà nhà) với những chỗ ngồi bằng thùng, đã nấu ăn, với chai lọ nôi niêu, nển, trẻ con, những người què quặt trầy ỉ và những kẻ ăn cắp. Và các quan chức.

Ngày nay còn có nhiều quan chức hơn, và ở đây phần lớn trong số họ có vẻ rất năng nổ vào những ngày có tàu thủy. Không phải tất cả họ đều mặc đồng phục cảnh sát, và không phải tất cả họ đều là đàn ông. Nhân danh người mẹ đã chết của mình, người phục vụ khách sạn, "người đàn bà Phi châu", như ông thường gọi trong những bài diễn văn của mình, Tổng thống quyết định phải vinh danh càng nhiều phụ nữ càng tốt, và ông đã làm thế bằng cách biến họ thành nô bộc của chính phủ, không phải lúc nào cũng với những nhiệm vụ rõ ràng.

Ferdinand, tôi và người xách đồ tạo thành một nhóm khá là đáng chú ý (fe cao hơn nhiều so với người trong Khu), và chúng tôi bị chặn lại chừng sáu bảy lần bởi những người muốn xem giấy tờ của chúng tôi. Một lần chúng tôi bị một người đàn bà bận đồ vải bông theo kiểu châu Phi chặn lại. Cô ta nhỏ như những chị em của mình, những người chèo xuồng độc mộc

trong những kinh rạch của làng, và xấu xí, tận tụy, cái đầu của cô ta không có tóc và trông như hói, nhưng khuôn mặt cô tròn trĩnh. Cô nói xằng giọng với chúng tôi. Cô cầm ngược các vé tàu của Ferdinand (một là vé lên tàu, một là phiếu ăn) khi kiểm tra, cô nhăn mặt.

Khuôn mặt Ferdinand không biểu lộ điều gì. Khi cô ta trả lại cho nó vé, nó nói "Cám ơn, citoyenne" Nó nói không hề có vẻ mỉa mai, cái nhăn của người phụ nữ biến thành một nụ cười. Và điều này dường như là điểm mấu chốt của việc kiểm tra – người đàn bà muốn được kính trọng và được gọi là citoyenne. Monsieur, madame và boy đã trở thành lỗi thời quá rồi. Tổng thống đã tuyên bố tất cả chúng tôi là citoyen và citoyenne. Ông sử dụng hai từ cùng với nhau trong những bài diễn văn của mình, lặp đi lặp lại như những nốt nhạc vậy.

Chúng tôi đi xuyên qua đám đông người đang chờ đợi – người ta nhường chỗ cho chúng tôi, đơn giản vì chúng tôi đang di chuyển – cho đến cầu tàu. Và tại đó người xách đồ của chúng tôi, như thể biết cần phải làm gì, đặt đồ xuống, đòi rất nhiều tiền, nhanh chóng bớt giá và chuồn mất. Những cái cửa, chẳng hiểu vì sao, lại đóng trước chúng tôi. Những người lính nhìn chúng tôi rồi khóa lại, không cho chúng tôi đi qua. Chúng tôi đứng trong đám đông đó nửa giờ hoặc hơn, dựa vào cửa, trong ánh nắng chói chang, trong mùi kẹo và đồ ăn hun khói, và rồi, chẳng có lý do nào rõ rệt, một người lính mở cửa cho chúng tôi vào, nhưng chỉ có chúng tôi chứ không phải bất kỳ ai đứng sau, như thể dù cho có những cái vé của Ferdinand và vé vào cửa của tôi, anh ta làm thế chẳng qua là để chiếu cố chúng tôi.

Tàu thủy vẫn đậu, mũi hướng về ghềnh nước. Phần cao màu trắng với những khoang hạng nhất – cái duy nhất nhìn thấy được phía trên mái nhà của khu hải quan, là phần đuôi tàu. Trên cái boong nền kim loại ở dưới, chỉ cách mặt nước vài feet, một hàng rào bằng sắt giống như của trại lính chạy xuống phía vòng cung dưới. những khoang tàu kim loại dành cho hành

khách kém tiền hơn. Hạng thấp nhất được xếp trên cái thuyền nhỏ - những dãy lồng chim trên một đồng vỏ sắt, những cái lồng lưới sắt và rào kính, lưới và cửa sắt dày hai lớp, kết cấu bên trong lồng bị giấu kín, bị mất đi trong sự mờ tối, dù có ánh mặt trời và sự lấp lánh của dòng sông.

Các khoang hạng nhất vẫn sang trọng. Những bức tường sắt màu trắng, những cái boong dán nhãn được lau chùi và đánh bóng. Tất cả cửa đều mở, có rèm. Có người hầu và thậm chí cả một người phụ trách.

Tôi nói với Ferdinand "Chú nghĩ những người ở dưới sẽ đến hỏi cháu chứng nhận công dân đấy. Ngày xưa phải có cái đó người ta mới cho cháu lên đây".

Nó không cười, như người già dặn thường làm. Nó không biết gì về quá khứ thuộc địa. Ký ức của nó về cái thế giới rộng lớn hơn này bắt đầu bằng cái ngày huyền bí khi những người lính què cụt, những người nước ngoài, đã đến làng mẹ nó tìm những người da trắng để giết, và Zabeth đã làm tất cả họ sợ và chỉ dám mang theo vài người đàn bà của làng.

Với Ferdinand quá khứ thuộc địa đã tan biến. Tàu thủy vẫn luôn là châu Phi, và hạng nhất trên tàu là cái giờ đây có thể thấy. Những người châu Phi ăn mặc lịch sự, người nhiều tuổi hơn mặc đồ lễ, những người thuộc thế hệ mới đã tiến hoá, một số phụ nữ đi cùng gia đình, tất cả đều ăn mặc theo kiểu đi xa, một hoặc hai bà trong những gia đình đó, gần gũi hơn với những con đường rừng, đã ngồi trên sàn cabin của mình chuẩn bị bữa trưa, mở những hộp cá hun khói và khỉ hun khói cho vào những cà mèn sặc sỡ nhiều màu, mùi rất đậm, rất mặn.

Những cách cư xử quê kệch, lối làm ăn ở rừng, trong một khung cảnh không phải rừng. Nhưng đó chính là cách, tại các vùng đất tổ tiên của chúng ta, chúng ta đã bắt đầu – cái đệm của người cầu nguyện trên cát, rồi sàn đá của một nhà thờ Hồi giáo, những nghi thức và cấm kỵ của những

người du mục đã được mang đến lâu đài của vị sultan hoặc maharaja, trở thành truyền thống của giới quý tộc.

Tôi vẫn thấy chuyến đi này thật là khó nhọc, nhất là khi, giống như Ferdinand, tôi phải chia sẻ cabin với một người khác, một người đang đứng trong đám đông ngoài kia vẫn chưa vào được đến nơi. Nhưng với tôi tàu thủy không có nghĩa gì cả - dù biểu tượng thời thực dân được thêu màu đỏ trên nền sọc, những mảnh chăn và gối được giặt là cẩn thận trên giường của Ferdinand - với những người ngày xưa từng hỏi giấy chứng nhận công dân, chẳng vì lý do gì cả. Tàu thủy giờ đây có nghĩa với những người sử dụng nó và với họ nó rất vĩ đại. những người ở cùng boong với Ferdinand biết rằng họ không phải hành khách trên một con thuyền nhỏ.

Từ đằng sau cầu tàu, nhìn về phía những cái thuyền cứu nạn, chúng tôi có thể thấy nhiều người đang lên thuyền với hòm xiểng và các thứ gói của mình. Phía trên mái nhà của hải quan bên ngoài thị trấn có rất nhiều cây và cây bụi - thị trấn mà khi chúng tôi ở đây, có đầy những phố phường và các khoảng không gian mở cùng mặt trời và các toà nhà. Không nhiều nhà cửa có thể nhìn thấy được qua cây cối và không cái nào nổi lên trên chúng. Và từ độ cao trên boong trên bạn có thể thấy - theo màu sắc cây cối, sự khác biệt giữa các loại cây nhập ngoại với cây bụi - thị trấn mới nhỏ bé làm sao, chật chội làm sao bên bờ sông. Nhìn theo hướng khác, qua dòng sông đầy bùn lầy đến mức dưới của cây bụi và sự trống trơn của bờ bên kia, bạn có thể cho rằng thị trấn chưa hề tồn tại. Và vậy là con thuyền nhỏ trên dòng sông này giống như một điều kỳ diệu, và những khoang hành khách hạng nhất quả là một thứ xa xỉ không thể có.

Cả ở cuối boong tàu này cũng có gì đó thật ấn tượng - một cabine de luxe. Những tấm bảng kim loại dát cũ, ổ bạc trên cửa nói lên điều đó. Hai ca bin đó giờ chứa gì? Ferdinand nói "Chúng ta ngó một cái nhé?" Chúng tôi đi vào trong căn phòng ở đằng sau. Trong đó tối và rất nóng, cửa sổ đều bị bịt kín cả lại. Một phòng tắm bằng gạch nung, hai ghế bành, một cái bàn

với hai chiếc ghế rệu rã, hai chân nệm trống trơn, những bức rèm rách rưới ngăn những cái giường với phần còn lại của khoang, và một máy điều hoà nhiệt độ. Ai, trong đám đông bên ngoài có cái ý tưởng kỳ cục là cần thiết những thứ thế này? Ai có thể yêu cầu sự riêng tư, những tiện nghi nhiều đến thế này?

Từ một góc xa của boong tàu văng lại tiếng cãi cọ. Một người đàn ông đang phàn nàn rất lớn giọng, và nói bằng tiếng Anh.

Ferdinand nói "Cháu nghĩ cháu đang nghe thấy giọng bạn chú".

Đó là Indar. Anh mang rất nhiều đồ, anh đang toát mồ hôi và tức điên. Hai tay chìa ra thẳng tắp – giống như hai càng của cái máy nâng – anh đang khệ nệ bưng một cái hộp nông nhưng rất lớn, mở ra ở trên, mà anh không thể thoát nợ được. Cái hộp rất nặng. Nó đầy đồ rau củ và chai lọ, mười hoặc mười hai cái chai, và sau khi đi bộ khác lâu từ cầu tàu và đi lên những bậc thang tàu thủy, Indar có vẻ như đã kiệt sức và đang sắp phát khóc.

Với một bước chúi lên trước anh ngã vào cabine de luxe và quẳng toẹt cái thùng lên sàn. Anh tỏ ra cực kỳ mệt mỏi, giậm chân than thở về chỗ của mình và vung vẩy hai tay rất dữ, như thể muốn lấy lại sức lực bằng cách ấy.

Anh đã làm quá, nhưng anh có khán giả. Không phải tôi, người mà anh đã nhìn thấy nhưng làm ra vẻ không nhận ra. Yvette ở sau anh. Nàng xách va li. Anh hét lên với nàng, bằng thứ tiếng Anh rất chuẩn của mình "Cái vali, đứa chó chết nào cầm rồi?" Nàng trông thật mệt mỏi và chán chường, nhưng nàng vẫn nói rất nhỏ nhẹ "Vâng, vâng", và một người đàn ông mặc quần áo hoa mà tôi tưởng là hành khách đang xách cái vali.

Tôi đã nhìn thấy Indar và Yvette cùng với nhau nhiều lần, nhưng chưa bao giờ trong mối quan hệ thân tình người nhà thế này. Vào một thời điểm không thích hợp ý nghĩ họ sắp sửa bỏ đi đến với tôi. Nhưng rồi Yvette,

đứng thẳng lên, và nhớ ra phải mỉm cười, nàng nói với tôi "Anh cũng đi tiền ai đó à?" và tôi hiểu sự lo lắng của mình đúng là điên rồ.

Indar giờ đã thả lỏng gân cốt. Mọi điều anh dự định lúc này với Yvette đã bị tiêu tan bởi sự lo lắng cho cái hộp.

Anh nói "Họ không có cái chở đồ. Họ không có cái quái quỷ đó".

Tôi nói "Tôi nghĩ anh đi máy bay cơ".

"Hôm qua chúng tôi đã đợi hàng giờ ở sân bay. Không có máy bay. Đến nửa đêm họ đưa chúng tôi một cốc bia và nói là máy bay không hoạt động. Thế đấy. Không phải là hoãn chuyến bay. Người Đoàn Ông Vĩ Đại muốn vậy. Không ai biết khi nào ông ấy mới cho máy bay hoạt động lại. Và đi mua vé tàu thủy - anh có phải làm việc đó không? Đủ mọi thứ quy tắc thủ tục. Chẳng có ai ở đó cả. Cái cửa chó chết lúc nào cũng khoá. Và cứ năm yard lại có một người đến hỏi giấy tờ. Ferdinand, hãy giải thích cho tôi điều đó đi nào. Rồi thằng cha tăng giá, mọi thứ phụ thêm vào, hã ta tính tổng cộng cao hơn hai mươi lần. Cũng số lượng đó, hơn hai mươi lần, tại sao? Hã có nghĩ cái máy sẽ đổi ý không? mất phéng nửa giờ. Và rồi, ờ Chúa, Yvette nhắc tôi về đồ ăn. Và nước. Thế là chúng tôi phải đi mua. Sáu chai nước Vichy cho năm ngày. Đó là tất cả những gì họ có – tôi đến châu Phi để uống nước Vichy đấy. một đô la rưỡi một chai, chai Mỹ. Sáu chai rượu vang đỏ, cái thứ rượu Bồ Đào Nha chua loét ở đây đấy. Nếu biết phải vác cái hộp thì tôi đã không mua.

Anh cũng mang theo năm hộp cá sardine, mỗi ngày một hộp, tôi cho là thế, hai hộp sữa khô, một hộp Nescafé, một phô mai Hà Lan, bánh bích quy và một đồng bánh mật của Bỉ.

Anh nói "Bánh mật là theo ý Yvette. Cô ấy nói bổ lắm".

Nàng nói "Giữ được trong trời nóng".

Tôi nói "Có một người ở trường trung học đã từng sống chỉ bằng bánh mì thôi".

Ferdinand nói "Chính vì vậy chúng tôi hun khói mọi thứ lên. Một khi mà không đập vỡ vỏ bánh thì để được lâu lắm".

"Nhưng tình trạng thực phẩm ở nơi này thật là thảm hại" Indar nói. "Mọi thứ trong các cửa hiệu đều là đồ nhập và đắt quá. Và ngoài chợ, ngoài những thứ sâu bọ và những thứ người ta bắt được, chỉ có thể tìm được vài thứ vớ vẩn khác thôi. Rồi thì người ta đổ dồn đến. Làm thế nào để thoát ra đây? Cần có toàn bộ cây bụi này, toàn bộ cơn mưa này. Và rồi có thể có nạn đói trong thị trấn".

Khoang trở nên đông người hơn trước. Một người đàn ông béo lùn đi chân đất đến giới thiệu mình là người phục vụ của cabine de luxe, và theo anh ta là người quản lý tàu, với một cái khăn vắt trên vai và tay cầm khăn trải bàn. Người quản lý đuổi người phục vụ đi, trải khăn bàn lên bàn – một cái khăn cổ thật đáng yêu, nhưng đã bị giặt là đến mòn cả ra. Rồi anh ta nói với Yvette

"Tôi thấy rằng ông đây đã mang theo đồ ăn và đồ uống riêng của mình. Nhưng không cần thế đâu, thưa bà. Chúng tôi vẫn theo những quy định cũ, nước của chúng tôi được lọc kỹ. Bản thân tôi từng làm việc trên những con tàu chở hàng đi biển và từng đến nhiều nước trên thế giới. Giờ thì tôi già rồi và làm việc ở con tàu châu Phi này. Nhưng tôi đã quen với người da trắng và biết cách thức của họ. Ông đây không có gì phải sợ cả, thưa bà. Ông trông có vẻ khá rồi đấy. Tôi sẽ xem xem đồ ăn ccoo đây có được chuẩn bị riêng không, và tôi sẽ tự tay phục vụ ông đây tại khoang".

Ông là một người gầy gò, một người lai đã có tuổi, mẹ hoặc bố ông hẳn là một người lai da trắng và da đen. Ông đã sử dụng một cách cố ý những từ bị cấm – Monsieur, madame. Ông trải khăn bàn. Và ông đứng đợi tiền boa. Indar đưa ông ta hai trăm franc.

Ferdinand nói "Chú cho ông ấy nhiều quá. Ông ấy gọi chú là monsieur và madame, và chú lại đưa tiền. Ngay sau đó sẽ chẳng có gì nữa đâu. Giờ thì ông ấy sẽ không làm gì cho chú nữa đâu".

Có vẻ Ferdinand nói đúng. Khi chúng tôi đi xuống một boong tàu đến quán bar, người quản lý đã có ở đó, đứng dựa lưng vào quầy bar uống bia. Ông ta tặng lời cả bốn người chúng tôi. Và không chịu làm gì khi chúng tôi hỏi bia và người ở quầy bar nói "Terminé" (Đóng cửa). Nếu người quản lý không uống và nếu một người nào khác với ba người đàn bà ăn bận đẹp đẽ không uống ở đó, thì chúng tôi có thể tin vào điều đó. Quầy bar – với một bức ảnh lồng khung Tổng thống trong bộ đồ lãnh đạo, tay cầm can có hình cái búa – đã trống trơn, những cái giá màu nâu trống không.

Tôi nói với người ở quầy bar "Citoyenó", Ferdinand nói "Citoyen". Chúng tôi dứt một ít tiền, và bia được mang ra từ phòng sau.

Indar nói "Cậu sẽ làm hướng dẫn cho tôi, Ferdinand. Cậu sẽ tán họ hộ tôi".

Đã chuyển sang buổi chiều, trời nóng. Quầy bar tràn ngập ánh phản chiếu của dòng sông, những nét vàng nhảy múa. Bia, rất nhẹ, ru ngủ chúng tôi. Indar quên đi những đau đớn, anh khai màn một cuộc tranh luận với Ferdinand về một chủ đề từng được bàn cãi ở Khu, về tương lai quan hệ Trung Quốc và Đài Loan. Sự bồn chồn của tôi cũng đã giảm xuống, tâm trạng của tôi uể oải, tôi có thể rời tàu thủy cùng với Yvette.

Ánh sáng cũng như ánh sáng của tất cả các buổi chiều – mọi thứ đều ngọt ngào, sự chói chang đã bắt đầu, nhưng mới chỉ thấp thoáng. Dòng sông ánh lên, dòng nước đầy bùn chuyển thành màu trắng và vàng. Nó đang bận rộn với những con thuyền độc mộc với động cơ lắp ở bên ngoài, vẫn như ngày trước. Những chiếc thuyền độc mộc mang những cái tên kỳ quái về "đơn vị" của mình in trên những chữ to dọc hai bên sườn. Thỉnh thoảng, khi một chiếc xuống đi ngang qua một chỗ rực rỡ ánh sáng, những người ở

trên trông đều giống như đang phản chiếu cái ánh sáng đó, khi ấy trông họ như đang ngồi xuống rất chậm, chỉ có vai và đầu, để rồi trong một lúc trông họ như những khuôn mặt hài hước trong một bức tranh biếm họa, đang dần thân vào một chuyến đi kỳ cục.

Một người đàn ông lão đảo đi vào quầy bar với đôi giày mòn vẹt. Ông hẳn là đến từ thủ đô, cách đi giày đó chưa lan đến chỗ chúng tôi. Ông cũng là một quan chức, đến để kiểm tra vé và giấy tờ của chúng tôi. Không lâu sau ông đã lão đảo đi, sự sợ hãi xâm chiếm người quản lý và người đứng quầy bar và một số người đang ngồi uống ở bàn. Chính sự sợ hãi này phân biệt thủy thủ và quan chức, dù không ai mặc đồng phục hết cả, với những người khác đến và đút tiền để được uống bia, và điều đó chỉ có nghĩa là tàu sắp khởi hành.

Indar đặt tay lên đùi Yvette. Khi nàng quay sang anh nói "Tôi sẽ xem có thể làm gì cho quyển sách của Raymond. Nhưng cô biết những người ở thủ đô đấy. Nếu họ không trả lời thư, thì có nghĩa là họ không muốn trả lời. Họ không bao giờ nói có hay không đâu. Họ chỉ không nói gì thôi. Nhưng tôi sẽ tìm cách".

Rồi họ ôm hôn nhau trước khi tạm biệt, chỉ là hình thức. Ferdinand lạnh lùng. Không bắt tay, không lời từ biệt nào. Nó chỉ nói đơn giản "Salim" và với Yvette nói chỉ gật đầu chào chứ không hẳn là cúi chào.

Chúng tôi đứng trên cầu tàu và nhìn. Sau khi khởi động một chút con tàu rời khỏi bức tường cầu tàu. Rồi con thuyền cập vào, và tàu thủy và con thuyền quay vòng nhỏ trên sông, con thuyền kéo theo một đồng hồ nấu ăn và gà quế.

Sự khởi hành có thể cảm thấy như là một sự hoang vắng, một sự phán xét về địa điểm và những người nó để lại sau. Đó là điều tôi đã quen thuộc từ ngày hôm trước, khi tôi biết mình sắp từ biệt Indar. Với sự quan tâm của mình với anh, tôi nghĩ anh – như từng nghĩ về Ferdinand – là một người

may mắn, người được đi để có kinh nghiệm rộng lớn hơn, để lại tôi trong cuộc đời nhỏ bé này tại một nơi lại lần nữa không còn ý nghĩa gì hết.

Nhưng giờ đây, đứng cạnh Yvette trên cầu tàu, tôi không nghĩ vậy nữa, sau sự cố và may mắn của lời từ biệt thứ hai này, đứng nhìn con tàu và chiếc thuyền đang đi thẳng vào dòng sông màu nâu, đi về phía bờ bên kia trống không, tái nhợt đi trong sự nóng nực và là một phần của bầu trời màu trắng. Nơi này đã tiếp tục sau đó, như chúng tôi từng thể trước đây, tại thị trấn trên dòng sông mà Indar là người đã bị gửi đi. Anh sẽ có một chuyến đi rất khó nhọc.

KHÚC QUANH CỦA DÒNG SÔNG

V. S. Naipaul

www.dtv-ebook.com

Dịch Giả: Cao Việt Dũng

Chương 11:

Đã quá hai giờ chiều, thật là khó chịu trong cái nóng thiêu đốt, nhất là ở ngoài trời. Cả hai chúng tôi đều chưa ăn gì – ngoài một cốc bia loãng toẹt – và chúng tôi không phản đối ý kiến đi ăn một cái gì đó tại một chỗ mát mẻ.

Mặt đường cầu tàu đã trở nên nóng như nung. Những bóng đen cứng ngắt ngã xuống những toà nhà, những toà nhà san sát – những bức tường rất tốn gạch, những cửa sổ màu xanh, những mái nhà xanh lét. Một cái bảng bên ngoài phòng bán vé để giờ tàu chạy. Nhưng các quan chức, đám đông bên ngoài cửa cầu tàu đã tản đi. Còn lại bức tường đá granite trên công trình đổ nát đã được xây dựng lại. Những chiếc lá phượng nhẹ bổng, mặt trời chiếu thẳng qua đó. Mặt đất gồ lên quanh những chum cỏ, cây bụi, đầy rác và phân súc vật.

Chúng tôi không đến quầy bar Bigburger của Mahesh. Tôi muốn tránh lời đàm tiếu – Shoba không tán thành quan hệ giữa Yvette và Indar. Thay vào đó chúng tôi đến Tivoli. Quán bar này không xa lắm, và tôi hy vọng thằng hầu Ildephonse của Mahesh không báo cáo lại cho chủ của nó. Nhưng cũng chẳng hề gì, Ildephonse thường đi vắng vào giờ này.

Tivoli là một chỗ mới hoặc khá mới, là một phần của cuộc bùng nổ kinh tế vẫn đang tiếp diễn ở chỗ chúng tôi, thuộc sở hữu của một gia đình đã điều hành một nhà hàng ở thủ đô trước độc lập. Giờ đây, sau mấy năm ở châu Âu, họ trở về thử lại thời vận. Đối với họ đây là một cuộc đầu tư – họ không để lại đồng nào để phòng ngừa hết – và tôi nghĩ họ đang gặp vận.

Nhưng tôi không biết về những thói quen châu Âu và cách làm hàng ăn của họ. Với chúng tôi Tivoli có nghĩa là châu Âu. Đó là một quán ăn gia đình, nó phục vụ trong từng khoảng thời gian ngắn những người làm việc trong các dự án của chính phủ tại Khu chúng tôi – Khu, sân bay, hệ thống cung cấp nước, trạm thủy điện. Không khí ở đây là không khí châu Âu, châu Phi bị bỏ ra ngoài. Không có quan chức với đồng hồ vàng và bút máy bút chì nạm vàng, như ở chỗ Mahesh. Đến Tivoli chúng tôi có thể cảm thấy khá thư giãn.

Nhưng bạn không quên được bạn đang ở đâu. Bức ảnh Tổng thống ở trên cao ba feet. Những tấm chân dung chính thức của Tổng thống trong trang phục châu Phi ngày càng to hơn, và chất lượng in ấn ngày càng tốt hơn (người ta nói chúng được làm ở châu Âu). Và một khi bạn biết về ý nghĩa của bộ da cáo và tính biểu tượng của cái hình trên cây gậy, bạn sẽ bị ấn tượng, bạn không thể làm được gì. Chúng tôi đều trở thành người của ông, thậm chí cả ở Tivoli này chúng tôi cũng nhớ rằng mình, theo nhiều cách khác nhau, đang phụ thuộc vào ông.

Thường thì những người hầu – hoặc những công dân phục vụ - rất thân thiện, hồ hởi và nhanh chóng. Nhưng đã quá bữa trưa, người con trai của gia đình cao lớn, to béo đứng sau quầy tính tiền, lấp sau máy pha cà phê, quản lý mọi việc, d đang ngủ trưa, không có ai khác trong gia đình có mặt ở đó, và những người phục vụ đang đứng khá lười biếng, giống như những đồng nghiệp trong bộ đồng phục màu xanh của mình. Họ không thô lỗ lắm, chỉ đơn giản là họ đã bị trù tượng hóa, giống như những người đã mất đi một vai trò.

Dù sao máy điều hòa nhiệt độ vẫn chạy, không còn c'ai nóng nực, và giờ đây sự khô ráo đã thay thế độ ẩm bên ngoài. Yvette trông đã bớt mệt mỏi, sức lực đã trở lại với nàng. Chúng tôi gọi người phục vụ. Anh ta mang đến cho chúng tôi một bình rượu vang đỏ Bồ Đào Nha, đặt nó xuống và để cho bớt lạnh, và hai cái khay gỗ với cá hồi Scotland đặt trên bánh nướng.

Mọi thứ đều được nhập khẩu, mọi thứ đều đắt, cá hồi xông khói trên bánh mì nướng là món được gọi nhiều nhất ở Tivoli này.

Tôi nói với Yvette "Indar hơi giống một tài tử điện ảnh. Mọi việc có thật sự tệ như anh ấy nói không?"

"Thậm chí còn tệ hơn nữa ấy chứ. Anh ấy đã mất toi một đồng séc du lịch".

Nàng ngồi quay lưng vào tường. Nàng có một cử chỉ nhỏ - giống Raymond – lòng bàn tay chống vào cạnh bàn, đầu hơi nghiêng về bên phải.

Cách đó hai bàn một gia đình năm người đang kết thúc bữa trưa và nói chuyện rất to. Những người bình thường, kiểu nhóm gia đình mà tôi thường gặp ở Tivoli. Nhưng Yvette tỏ vẻ rất bức mình, một sự tức giận nho nhỏ xâm chiếm nàng.

Nàng nói "Anh không thể nói về họ được. Tôi thì có thể".

Khuôn mặt đó, sự tức giận đó vẫn giống như một nụ cười, và đôi mắt tổ cáo đó, nửa khép trên một tách cà phê nhỏ mà nàng đặt hờ trên miệng, trông thật kín đáo. Tại sao nàng lại tức giận với gia đình kia? Dựa trên cơ sở nào mà nàng phán xét họ? Công việc người đàn ông làm, ngôn từ, cách nói to, cử chỉ chẳng? Thế nàng sẽ nói gì về những người trong các hộp đêm của chúng tôi đây?

Tôi nói "Trước cô có biết Indar không?"

"Tôi gặp anh ấy ở đây" nàng để tách cà phê xuống. Đôi mắt nàng theo dõi nó và như thể đang quyết định điều gì đó, nàng nhìn tôi "Anh sống cuộc sống của anh, một người lạ xuất hiện. Anh ta là một điều phiền toái. Anh không cần anh ta. Nhưng gánh nặng đó đã trở thành một thói quen".

Kinh nghiệm về phụ nữ bên ngoài gia đình của tôi khá đối với, rất hạn chế. Tôi không có kinh nghiệm xử sự với một người phụ nữ như thế này, không có kinh nghiệm về thứ ngôn từ, không có kinh nghiệm về sự tức tối và tâm tính như thế này. Và qua những gì nàng vừa nói tôi thấy được sự dũng cảm, sự cả gan mà, với một người loại như tôi, thường hơi e sợ, và, vì lẽ đó, bị hớp hồn.

Tôi không sẵn lòng để chúng tôi lấy Indar làm một điểm chung, như thể dường như giữa Indar và nàng có Raymond ở giữa. Tôi nói "Tôi không thể nói cho cô biết tôi thích cái buổi tối ở chỗ cô hôm đó đến mức nào. Tôi không thể quên được chiếc áo choàng cô khoác. Tôi thường xuyên hy vọng được nhìn lại nó. Áo may bằng lụa đen, được cắt và thêu rất đẹp".

Tôi không thể chọn được một đề tài tốt hơn. Nàng nói "Lần đó thì có gì. Nhưng tôi đảm bảo anh sẽ được thấy nữa".

"Tôi không nghĩ đó là phong cách Ấn độ. Cách cắt may là của châu Âu".

"Nó từ Copenhagen. Margit Brandt. Một lần Raymond đến đó để họp".

Và ở cửa Tivoli, trước khi chúng tôi trở lại với cái nóng và ánh nắng mặt trời, vào lúc đứng lại trong sự nóng nực giống như một sự nghỉ trước khi thực sự đi vào trong cơn mưa, nàng nói với tôi, như thể đó là một dư vị "Anh có muốn đến nhà tôi ăn trưa vào ngày mai không? Chúng tôi phải tiếp một giảng viên. Raymond dạo này hay thích tiếp khách như vậy lắm".

Chắc tàu thủy đã đi xa được khoảng mười lăm dặm xuôi dòng. Có lẽ nó đang đi qua vùng cây bụi, nó có thể đã đi qua vùng cây bụi đầu tiên. Tại đó, thị trấn còn rất gần, họ có thể phải đợi tàu từ sáng, và có thể có không khí một chợ phiên cho đến khi tàu đi qua. Những người phục vụ đã xuống thuyền độc mộc, chèo ra chỗ con tàu và cái thuyền đang chuyển động, cố

thu hút sự chú ý của hành khách. Những chiếc thuyền độc mộc buôn bán, lao ra từ chỗ của mình trên bờ sông với hàng hoá nhỏ nhoi, dừa, những cái ghế thô sơ, và các thứ dụng cụ (đồ để dùng trong chuyến đi trên dòng sông, một đặc sản của vùng), có thể được dính vào thành cả đám ở hai bên con tàu, và những chiếc thuyền độc mộc đó có thể bị lôi đi, bị lôi đi – hàng dậm xuôi dòng, và sau đó phải mất hàng giờ để chèo về, sau sự phấn khích ngăn ngui đó, xuyên qua buổi chiều nhợt nhạt, bụi và đêm, trong im lặng.

Yvette hoãn bữa trưa. Nhưng nàng không báo cho tôi. Người hầu mặc áo khoác trắng dẫn tôi vào một căn phòng rõ ràng không chờ đợi người khách nào và hoàn toàn không giống căn phòng mà tôi còn nhớ. Những tấm đệm châu Phi vẫn nằm trên sàn nhà, nhưng mấy cái ghế gấp tối đó không có (tôi còn nhớ Yvette từng nói chúng được cất trong buồng ngủ) đã được mang ra trở lại – mấy cái ghế có dính tua giả nhưng, với màu "đồng cũ" có ở khắp nơi trong Khu.

Các toà nhà ở Khu đã được dựng lên nhanh, và những chỗ hổng mà bóng tối che đậy nhìn thấy rõ vào ban ngày. Những chỗ trát vữa trên tường nhiều chỗ đã bị nứt và tại một chỗ còn lở cả gạch bên trong ra. Những cánh cửa sổ và cửa ra vào, không có vòng hoặc khung gỗ, trông giống như những cái hố không đều nhau. Những tấm panel trần nhà, một thứ chất liệu nén theo cách nào đó, bung ra ở một vài nơi. Một trong hai máy điều hoà nhiệt độ trong phòng đã bị gỡ đi, chúng không chạy nữa. cửa sổ mở, và không có mái chống nóng, không có cây bên ngoài, chỉ có mặt đất san phẳng, căn phòng đầy ánh sáng và không hề đem lại cảm giác an toàn. Tôi đã tự dựng cho mình biết bao là phóng túng quanh căn phòng này, quanh âm nhạc từ máy quay đĩa – được đặt ở chỗ đó, dựa vào tường cạnh giá sách, vỏ nhựa đục đầy bụi trong ánh nắng!

Thấy căn phòng như thế, như Yvette sống hàng ngày, hiểu thêm về địa vị của Raymond trong nước, giống như bắt gặp sự không đề phòng và biết được sự tầm thường trong nhà của nàng, một ý tưởng nào đó về những

căng thẳng và những điều không hài lòng của cuộc sống của nàng ở Khu, cái mà cho đến khi đó đối với tôi vẫn vô cùng rục rờ. Thật đáng sợ thấy nàng và cuộc sống của nàng, và thật đáng ngạc nhiên và đáng tiếc khi những phóng túng cũ đã biến mất. Nhưng sự tiếc nuối và sợ hãi chỉ kéo dài cho đến khi nàng bước vào. Hẳn nhiên sự ngạc nhiên luôn luôn ngự trị trong tôi chính là bản thân nàng.

Nàng tỏ ra vui vẻ hơn là hồi lỗi. Nàng đã quên mất, nhưng nàng biết có điều gì đó nàng phải nhớ về bữa trưa này. Có quá nhiều thay đổi trong kế hoạch bữa trưa đó - bữa trưa đã được tổ chức ở phòng giáo viên của trường bách khoa. Nàng đi làm cho chúng tôi vài quả trứng Nam Phi. Người hầu đi vào để lau một số chỗ bẩn trên chiếc bàn hình bầu dục có màu tối và được đánh bóng kỹ càng, và để dọn bàn. "Anh sống cuộc sống của anh. Một người lạ xuất hiện. Đó là một gánh nặng".

Trên giá sách tôi nhìn thấy cuốn sách Indar đã chỉ cho tôi với lời cảm ơn Raymond và Yvette với tư cách là những người chủ nhà đáng mến vào một thời điểm ở thủ đô – một lời cảm ơn có nhắc đến Yvette. Ánh sáng và căn phòng đã thay đổi dường như đã làm cho nó biến thành một quyển sách khác. Màu gáy sách đã nhạt đi. Một quyển tôi lấy ra có chữ ký của Raymond và ghi năm 1937- một dấu hiệu quyền sở hữu, nhưng cũng có thể là một điều cố ý, cách nói của Raymond về niềm tin vào tương lai của mình. Cuốn sách đó giờ đã cũ kỹ lắm rồi, gáy màu nâu, những chữ màu đỏ trên gáy gần như đã biến đi – một cái gì đó đã chết, một phế tích. Một quyển khác, mới hơn, có chữ ký của Yvette với cái tên hồi nàng còn chưa lấy chồng, rất có phong cách, lối viết tay của Lục địa, với một chữ y phóng túng, và nói lên rất nhiều điều, giống như cách của Raymond đã ký trên quyển sách hai mươi năm trước đó.

Tôi nói với Yvette khi chúng tôi đang ăn trứng rán, "Tôi rất thích được đọc cái gì đó của Raymon. Indar nói ông biết về đất nước này hơn bất cứ ai còn sống. Ông có xuất bản quyển sách nào không?"

"Ông ấy đang viết sách, và đã vài năm nay rồi. Chính phủ sẽ xuất bản nó, nhưng bây giờ hình như có khó khăn thì phải."

"Thế thì không có sách rồi".

"Có các tập luận văn của ông ấy. Chúng đã được in trong một quyển sách . Nhưng tôi khuyên không nên đọc. Tôi chịu không đọc được. Có một vài bài báo trên các báo. Ông ấy không có nhiều thời gian cho những thứ như thế. Ông ấy tiêu tốn phần lớn thời gian cho quyển sách lớn về lịch sử đất nước".

"Có đúng là Tổng thống đã đọc nhiều đoạn trong đó?"

"Người ta vẫn nói thế".

Nhưng nàng không nói cho tôi những khó khăn hiện tại. Và tôi đoán rằng Raymond đã tạm thời bỏ lịch sử để làm một tuyển tập diễn văn của Tổng thống . Bữa trưa của chúng tôi bắt đầu đi vào chỗ buồn chán. Giờ đã hiểu địa vị của Yvette và Raymond trong Khu, biết về những câu chuyện tôi đã từng nghe về Raymond có lẽ được nghe bởi những người khác, tôi bắt đầu cảm thấy rằng ngôi nhà hẳn là một nhà tù đối với nàng. Và buổi tối đó, khi nàng tổ chức tiệc và mặc bộ áo Margit Brandt để xuất hiện, là một sai lầm.

Tôi nói, khi chuẩn bị đi "Cô phải đến câu lạc bộ Hellenic với tôi một buổi chiều nào đó mới được. Ngày mai đi. Mọi người ở đó đã lâu rồi. Họ đã thấy mọi điều. Điều cuối cùng họ muốn nói là tình hình đất nước".

Nàng đồng ý. Nhưng sau đó nàng nói "Anh không được quên nhé".

Tôi không có ý kiến gì về những cái nàng đã nói. Nàng rời khỏi phòng, đi qua cánh cửa mà Raymond đã đi vào sau khi ông nói tối hôm đó, và nàng trở lại với một tập tạp chí, Cahiers, một số trong đó được in ở nhà

in chính phủ tại thủ đô. Chúng là những quyển tạp chí có bài của Raymond, đó là sự khởi đầu.

Thứ cỏ sắc nhọn trên những bãi cỏ của Khu rất cao, nó gần như chôn vùi những ngôi nhà le lói ánh đèn trông thấp như nấm làm bằng nhôm dọc theo những đại lộ trải nhựa. một số những ngọn đèn đó đã bị đập vỡ, đã lâu rồi, nhưng có vẻ không ai quan tâm đến điều đó. Ở bên kia Khu là đất cho trang trại thí điểm đã bị cỏ mọc đầy, tất cả những gì còn lại của dự án là cánh cửa Trung quốc mà những người Trung Quốc hoặc Đài loan hiện không còn ở đây đã xây, và sáu chiếc máy kéo mục nát nằm hàng ngang. Nhưng Khu, nơi mọi người đi dạo vào các chiều chủ nhật, theo con đường một chiều – giờ được đội Cận vệ trẻ chứ không phải quân đội trông coi – vẫn còn lại. Những bức tượng mới vẫn được dựng thêm tại những lối đi dạo công cộng. Bức tượng mới nhất, ở tận cùng đại lộ chính, là một bức tượng đồ sộ miêu tả một người mẹ và đứa con mình. Những lời ngày xưa của Nazruddin đến với tôi "Nó chẳng là gì hết. Chỉ là cây bụi thôi" Nhưng điều cảnh báo tôi không phải là Nazruddin. Không có gì cho tương lai công việc buôn bán của tôi hết. Tôi nhìn thấy những khu đất trống của Khu, và những túp lều của những người đến từ làng mạc ngay hướng bên ngoài, và ý nghĩ của tôi về Yvette và cuộc sống của nàng ở Khu. Không phải châu Âu ở châu Phi, như tôi thường cảm thấy khi Indar còn ở đây. Chỉ là một cuộc sống tại vùng cây bụi. Và sự sợ hãi của tôi, vừa là sợ hãi vì thất bại với nàng, bị bỏ lại một mình không có gì bên cạnh, vừa là sự sợ hãi của hàng chuỗi những thành công.

Nhưng sự cảnh báo này tan biến vào buổi chiều ngày hôm sau khi nàng đến căn hộ. Nàng đã từng ở đó trước đây cùng với Indar, trong chính khung cảnh đó, tôi có cảm giác rõ ràng hơn về sự quyến rũ của nàng. Nàng đã thấy cái bàn bóng bàn với đồng dây thường cũ của tôi với một góc để trống để Metty ủi quần áo. Nàng đã nhìn thấy những bức tranh vẽ các bên cảng châu Âu mà bà già người Bỉ đã để lại cho tôi cùng căn phòng màu trắng.

Sau khi nói một số chuyện về hội hoạ và câu lạc bộ Hellenic, hai chúng tôi đứng dựa vào bức tường, nài nỉ cho tôi chiêm ngưỡng khuôn mặt nhìn nghiêng, quay đi khi tôi cúi vào gần, không đẩy tôi ra cũng không khuyến khích tôi, chỉ tỏ ra mệt mỏi, chấp nhận một sự quấy rầy mới. Thời điểm đó – như tôi đã đọc – là chìa khóa cho tất cả những gì tiếp theo. Sự giằng xé mà tôi thấy khi đó tôi thường muốn thấy, nó là sự đấu tranh mà tôi không bao giờ không trả lời được cả.

Cho đến khi đó những khoái lạc của tôi vẫn chỉ là những khoái lạc nhà thổ về sự chiếm hữu và thoái hoá, với người đàn bà như là nạn nhân tự nguyện, sự đồng lõa của cô ta trong sự thoái hoá của chính cô ta. Tôi chỉ biết có thế. Đó là tất cả mà tôi đã học được từ các nhà thổ và hộp đêm của thị trấn chúng tôi. Thật không khó khăn gì để mà bỏ tất cả những chỗ đó khi Indar ở đây. Tôi đã cố tìm những cơ hội giảm bớt những tội lỗi. Thực ra, có lúc, dù nó vẫn kích thích tôi gặp những người đàn bà đi thành từng nhóm ở quầy bar hoặc một phòng khách ở nhà thổ, tôi vẫn không thể vui thú với trò xác thịt thật sự với những người đàn bà mà mình phải bỏ tiền ra mua, và tự hạn chế mình chỉ có những khoái cảm tình dục thấp kém. Quen thuộc quá với kiểu khoái lạc đó với nhiều người đến thế làm nảy sinh cái gì đó như là chiêm ngưỡng những gì họ mang đến, và cùng lúc đó, giống nhiều người đàn ông khác đi một mình đến nhà thổ, tôi nghĩ mình là một kẻ thật yếu đuối, hết sức kém cỏi. Nỗi ám ảnh của tôi với Yvette đã đưa đẩy tôi đến mức không ngờ, và cuộc phiêu lưu với nàng (không phải mua mà là tự nguyện) đã bắt đầu trong căn phòng màu trắng khá mới mẻ đối với tôi này.

Điều tôi gọi là những khoái lạc nhà thổ đã nhanh chóng đẩy tôi qua sự ngưỡng ngùng đầu tiên. Nhưng trong phòng ngủ với chiếc giường ngủ rất rộng, với nệm cỏ - ít nhất phục vụ cho mục đích mà tôi chắc rằng nữ họa sĩ Bỉ đã có ý – những khoái lạc đó đã bị ngăn chặn. Sự tự chiêm ngưỡng những khoái lạc đó đã rơi rụng hết cả.

Đàn bà chiếm một nửa thế giới và tôi nghĩ tôi đã đến được nơi không sự trần truồng nào của đàn bà có thể làm tôi ngạc nhiên được nữa. Nhưng giờ đây tôi cảm thấy như thể mình đang cảm nhận điều gì đó mới mẻ, và đang lần đầu nhìn một người đàn bà. Tôi kinh hoàng khi thấy rằng, bị ám ảnh bởi Yvette như thế, tôi đã mơ rất nhiều về chuyện này. Cơ thể trên chiếc giường với tôi như phát lộ hình thể đàn bà. Tôi tự hỏi rằng những áo quần đó, dù là những quần áo rõ ràng mang màu sắc nhiệt đới tôi từng nhìn thấy trên người Yvette, liệu có thể liên quan nhiều đến thế không, liệu có làm vỡ đôi cơ thể như thế không, thành những mảnh riêng biệt và không thật sự được giấu đi trong sự tuyệt diệu của cái toàn thể.

Viết về cơ hội theo cách của những tạp chí khiêu dâm thật là sai toét. Nó giống như là đang thử mang những cái ảnh của chính tôi, cho người nhìn những hành động của chính tôi, để đảo ngược cơ hội thành khoái lạc nhà thổ mà, trên giường ngủ, không còn được thế nữa.

Tôi rất bối rối, nhưng cảnh giác. Tôi không muốn lạc hướng trong sự tự nhìn mình và tự thẩm thấu của sự phóng túng đó, sự mù quáng của phóng túng đó. Tôi chỉ muốn mình – lo lắng đến nỗi xìu xuống – chiến thắng được sự sở hữu cơ thể này, bởi vì tôi muốn chiếm hữu người sở hữu nó, tôi thấy thật là hoàn hảo, và muốn nữa, trong hành động, giữ mình trong những cách thức có thể làm cho tôi làm được điều đó, tránh không chà đạp lên cơ thể đang ở đây với tôi, tránh sự tẩy xóa của cái nhìn và động chạm. Toàn bộ nghị lực và tâm trí tôi dồn vào mục đích mới chiếm hữu con người này. Toàn bộ khoái cảm của tôi nằm vào hướng mới này, và hành động tình dục với tôi trở thành một cái gì đó hoàn toàn mới mẻ, một kiểu làm đầy, mãi mãi mới.

Trước đây vào những lúc thế này, những thời điểm đồng nghĩa với chiến thắng, sự chán chường đã ập xuống tôi mới nặng nề làm sao! Nhưng với một mục đích là chiến thắng hơn là thành công, hành động hiện nay đòi hỏi một sự cảnh giác thường trực, một cái nhìn thường trực ra bên ngoài từ

bản thân tôi. Nó không êm ái, dù nó biểu hiện một nhu cầu lớn với sự êm ái. Nó đã biến thành một hành động vật chất tàn bạo, một hành động gần như là làm việc, và trong khi như thế nó trở nên tàn bạo, cái tàn bạo được tính toán kỹ càng. Điều này làm tôi ngạc nhiên. Nhưng tôi còn ngạc nhiên hơn bởi chính tôi, vẫn với toàn bộ những thúc đẩy đến sự yếu ớt, như thế hành động này là hành động đầu hàng ở nhà thổ, mà tôi đã biết lâu rồi.

Yvette nói "Đã hàng năm nay em không được thế này rồi". Câu nói này, nếu là đúng, có thể coi là một phần thưởng xứng đáng, sự cực khoái của tôi không còn là quan trọng nữa. Nếu điều nàng nói là đúng! Nhưng tôi không có cách nào đánh giá câu trả lời của nàng. Nàng là người có nhiều kinh nghiệm, còn tôi chỉ là con cừu non mới vào nghề!

Và lại có thêm một sự kinh ngạc nữa. Cho đến cuối tôi không hề cảm thấy mệt mỏi, không cảm thấy trống rỗng. Ngược lại. Trong căn phòng với những bức cửa sổ sơn trắng đó, một màu trắng giờ đây đã tan hoà vào ánh sáng của buổi chiều muộn, trong căn phòng nóng nực này, vào cuối một ngày thật nóng, toát mồ hôi, tôi, với một cơ thể trơn tuột vì mồ hôi, tôi cảm thấy đầy tràn sức lực. Tôi có thể đi chơi squash tại câu lạc bộ Hellenic ngay lập tức. Tôi cảm thấy mình được tái tạo, được tiếp năng lượng, da thịt tôi cảm thấy thật mới mẻ. Tôi tràn ngập sự băn khoăn về điều đã xảy đến với tôi. Và từng phút một tôi chìm đắm vào trong những khoái cảm sâu thẳm của mình, tôi bắt đầu nhận thức được sự tước đoạt mệnh mệnh trước đó của mình. Thật giống như là phát hiện ra một cơn đói thật lớn lao, chưa từng xuất hiện trong con người tôi.

Yvette, trần truồng, ẩm ướt, không bị ngăn trở, tóc xoã ra, nhưng đã trở lại là mình, sự sôi nổi đã chấm dứt, đôi mắt bình lặng, ngồi vắt chân vào nhau ở mép giường và gọi điện thoại. Nàng nói thổ ngữ. Nàng nói với người hầu phòng của nàng, nàng sẽ về nhà ngay bây giờ, nàng bảo người hầu phòng báo cho Raymond. Nàng mặc quần áo và sửa lại giường. Sự lo

lặng đến đồ đạc trong nhà của nàng khiến tôi tưởng tượng – một cách đau đớn – nàng từng làm như vậy ở những nơi khác.

Ngay trước khi rời khỏi phòng ngủ nàng dừng lại và hôn nhẹ vào cửa quần tôi. Và thế là hết – hành lang, cái bếp kinh tởm của Metty, tầng đệm, ánh sáng buổi chiều vàng vọt, những cái cây ở sân sau, bụi trong không khí, mùi nấu nướng, thế giới hoạt động, và tiếng bước chân của Yvette bước xuống cầu thang lộ thiên. Hành động hôn vào quần tôi đó, mà ở nơi khác tôi có thể coi như là một trong những trò lấy lòng của gái nhà thổ, cái hành động đòi tiền boa, giờ đây đẩy tôi vào nỗi buồn và sự nghi ngờ. Điều đó có nghĩa là gì? Nó có thật không?

Tôi nghĩ đến việc đến câu lạc bộ Hellenic, để sử dụng thứ sức lực đã đến với tôi, và để dỗ mồ hôi thêm một chút nữa. Nhưng tôi đã không đi. Tôi đi đi lại lại trong căn hộ để thời gian trôi đi. Ánh sáng bắt đầu nhạt dần, và một sự tĩnh lặng lan chiếm lấy tôi. Tôi cảm thấy mình được ban phước và được tái tạo, tôi muốn được ở một mình một lúc với cảm giác đó.

Sau đó, nghĩ đến bữa tối, tôi lái xe đến hộp đêm gần đập nước. Giờ đây nó đã đẹp hơn, với cơn bùng nổ kinh tế và những người xa xứ. Nhưng cấu trúc vẫn giữ nguyên và vẫn có vẻ gì đó tạm bợ, vẻ của một nơi có thể đầu hàng chẳng mất mát gì nhiều – chỉ có bốn bức tường gạch không hơn, quanh một khoảng không gian dọn sạch sẽ giữa đám cây bụi.

Tôi ngồi bên ngoài tại một cái bàn dưới cây cối trên mỏm đá và nhìn xuống dòng nước đang chảy qua đập nước, và cho đến khi ai đó nhận ra tôi và bật những ngọn đèn màu xung quanh những cái cây, tôi ngồi trong bóng tối, cảm thấy sự mới mẻ trong da thịt mình. Những chiếc xe đi tới và đậu lại. Có những giọng nói tiếng Pháp của người châu Âu và châu Phi. Những người phụ nữ châu Phi, hai hay ba người, đến bằng taxi từ thị trấn. Choàng khăn, lưỡi biếng, thẳng đuột, nói to, họ lê dép trên nền đất. Khi ở Tivoli, Yvette đã tức giận với những sự vô ý của một gia đình nước ngoài. Với tôi

tất cả đã xa vời – hộp đêm, thị trấn, những túp lều, những người nước ngoài "tình hình đất nước", mọi thức chỉ làm nền mà thôi.

Thị trấn, khi tôi lái xe trở về, đã quay trở lại cuộc sống ban đêm của mình. Giờ đây đã vào đêm, trên những phố chính ngày càng đông người, có không khí làng xã, với những nhóm người không xác định quanh những quầy bán đồ uống tại những khu vực tối tăm, những ngọn lửa rán đồ ăn trên hè phố, những chỗ ngủ ngoài trời, sự say xỉn của những người đàn ông rách rưới, sẵn sàng sửa lên như chó, mang thức ăn đến những góc tăm tối của mình, ăn trong cái nhìn của người khác. Những cửa sổ của một số cửa hiệu – đặc biệt các cửa hiệu bán quần áo, với những thứ đồ nhập khẩu đắt đỏ của mình – sáng rực, với lý do chống trộm cắp.

Trên quảng trường không xa căn hộ, một người đàn bà trẻ đang nói oang oang – một sự âm ỉ thật sự mang tính châu Phi. Cô ta đang bị chen lấn trên hè phố bởi hai người đàn ông, mỗi người vung vẩy một thứ vũ khí. Nhưng không ai trên quảng trường làm gì hết. Những người đàn ông này mặc đồ Vệ Binh Trẻ. Các sĩ quan nhận lương từ Người Đàn Ông Vĩ Đại, và họ được cho vài chiếc xe jeep của chính phủ. Nhưng, cũng giống các quan chức ở cầu tàu, họ phải tìm việc gì đó để làm. Đó là "đội tuần tra đạo đức". Ngược lại thì đúng hơn. Cô gái có thể bị tóm đến từ một quán bar nào đó, có lẽ cô đã cãi lại hoặc không chịu trả tiền.

Trong căn hộ tôi thấy đèn trong phòng Metty bật sáng. Tôi nói "Metty?" Nó nói qua cánh cửa "Patron?" Nó đã không gọi tôi là Salim nữa, ngoài cửa hiệu chúng tôi hiếm khi gặp nhau. Tôi nghĩ giọng nói của nó thật là buồn, và tiếp tục đi về phòng mình, chiêm ngưỡng vận may của mình, và tôi nghĩ, Metty tội nghiệp. Làm cách nào để kết thúc điều đó cho nó? Một người thân thiết làm sao, và đến cuối cùng vẫn không có bạn. Nó nên ở lại bờ biển thì hơn. Nó có chỗ ở đó. Tại đó những người giống nó. Ở đây nó lạc lối.

Yvette gọi điện cho tôi tại cửa hiệu vào cuối buổi sáng ngày hôm sau. Đó là lần đầu tiên nàng gọi điện, nhưng nàng không gọi tên tôi hay nói tên nàng. Nàng nói "Anh có ăn trưa ở căn hộ không?" Trong tuần hiếm khi tôi ăn trưa ở căn hộ, nhưng tôi nói "Có", nàng nói "Tôi sẽ đến gặp anh ở đó". Và đó là tất cả.

Nàng không để cho tôi một quãng nghỉ, không có sự im lặng, không cho tôi thời gian để ngạc nhiên. Và thực tế, chờ đợi nàng trong căn phòng khách màu trắng sau mười hai giờ, đứng tại bàn bóng bàn, xem lướt qua một tạp chí, tôi không hề cảm thấy ngạc nhiên. Tôi cảm thấy cơ hội – dù gì cũng là toàn bộ sự bất thường của nó, sự quái đản của giờ giấc, sự bùng sáng chết người của ánh sáng – để được chỉ là sự tiếp nối của cái gì đó tôi từng sống với từ lâu.

Tôi nghe nàng bước vội vã trên cầu thang nàng đã xuống buổi chiều hôm trước. Tôi không nhúc nhích, chỉ thấy bồn chồn. Cửa tầng đệm mở, cửa phòng khách mở - bước chân của nàng nhanh và không hề chậm lại. Tôi quá vui mừng gặp lại nàng, đó là một sự khuây khoả mênh mông. Vẫn có sự vội vã trong thái độ của nàng, nhưng qua gương mặt nàng dường như được cấu tạo như thế, nàng không hề mỉm cười. Đôi mắt nàng nghiêm trang, với một sự ẩn giấu giằng xé, náo động.

Nàng nói "Em nghĩ về anh cả buổi sáng. Em không tài nào đẩy anh ra khỏi đầu được", và dù nàng đã vào phòng khách chỉ để rời khỏi đó, dù việc nàng chuyện căn hộ là sự tiếp nối thẳng thắn của cú điện thoại của nàng, nàng vẫn muốn có đủ thời gian để nói, nàng đi vào phòng ngủ và bắt đầu cởi quần áo.

Điều này diễn ra trước mắt tôi. Đối diện với nàng, tôi lại cảm thấy những niềm khoái lạc cũ. Cơ thể tôi lại vâng lời những thúc đẩy mới, phát hiện trong bản thân nó những nguồn trả lời cho nhu cầu mới của tôi. Mới – đó là từ chính xác. Nó luôn luôn mới, rất quen thuộc qua cơ thể và những câu trả lời của nó, cũng thực thể như chính hành động, đòi hỏi sự cực cần,

kiểm soát và tinh tế đó. Cuối cùng (như tôi đã cả quyết, như tôi từng cả quyết tất cả trước đó), được tiếp thêm sức lực, được sống lại, tôi cảm thấy tôi đã được đưa lên xa hơn rất nhiều sự tuyệt vời của buổi chiều hôm trước.

Tôi đã đóng cửa hiệu vào lúc mười hai giờ. Mãi ba giờ chiều tôi mới quay lại đó. Tôi không hề ăn trưa. Ăn trưa làm tôi mất thời gian, mà thứ sáu là ngày buôn bán được. Tôi thấy cửa hiệu bị đóng cửa. Metty đã không hề mở cửa, như tôi đã dặn nó. Đã mất toi một tiếng đồng hồ không bán được gì, và nhiều người bán lẻ từ những ngôi làng xa xôi đã mua được hàng và bắt đầu chặng đường dài về nhà bằng thuyền độc mộc hay xe tải. Hàng hoá được những chiếc xe hàng cuối cùng chở đến không còn nhiều nữa.

Lần đầu tiên tôi cảm thấy cần báo động về bản thân mình, về sự chậm trễ. Tôi có những viễn cảnh của sự nghèo đói và tình trạng đổ nát, người không thuộc về châu Phi lạc lối ở châu Phi, không còn có sức mạnh hay mục đích để giữ những gì thuộc về mình, và với ít hơn những gì những kẻ say sưa rách rưới chết đói dỡ từ những ngôi làng lang thang đến quảng trường, nhìn vào những quầy hàng thực phẩm, lang thang xin xỏ từng ngum bia, và những kẻ gây rắc rối trẻ tuổi từ những thị trấn đổ nát, một nhân tố mới mặc áo phong đóng dấu ảnh Người Đàn Ông Vĩ Đại và nói về những người nước ngoài và lợi lộc và, chỉ muốn có tiền (giống như Ferdinand và bạn bè của nó t.ại trường trung học ngày xưa) đến các cửa hiệu và mặc cả gay gắt những hàng hoá mà chúng không hề muốn, khăng khăng đòi mua giá gốc.

Từ sự báo động về bản thân đó – bởi đó là lần đầu tiên – tôi chuyển sang tức giận Metty, người mà đêm trước tôi còn thương đến thế. Rồi tôi nhớ lại. Đó không phải lỗi của Metty. Nó đang ở chỗ hải quan, thanh toán hàng đến bằng tàu thuỷ, con tàu đã mang Indar và Ferdinand đi xa, con tàu vẫn trên chặng đường đến từ thủ đô.

Trong hai ngày, kể từ bữa ăn trưa ăn trứng rán với Yvette ở nhà nàng trong Khu, những tạp chí có bài của Raymond đã bị bỏ trong ngăn kéo của

tôi. Tôi không xem chúng. Giờ thì tôi làm điều đó, nhớ đến chúng qua những ý nghĩ về chiếc tàu thủy.

Khi tôi hỏi Yvette cho xem những thứ Raymond từng viết, đó chỉ là cách để tiếp cận nàng. Giờ đây không cần thế nữa. Những bài báo Raymond viết trên các tạp chí địa phương có vẻ thật khó nhằn. Một là bài điểm sách về một cuốn sách của Mỹ về các luật lệ thừa kế ở châu Phi. Bài khác, khá dài, với đầy đủ chú thích và bảng biểu, dường như là một phân tích kỹ càng về cách thức bầu cử ở bộ lạc, về những cuộc bầu cử hội đồng địa phương tại thị trấn nhỏ khổng lồ ở phía Nam ngay trước độc lập, một số trong những cái tên của các bộ lạc bé nhất tôi từng nghe nói đến.

Những bài báo trước đó, trên các tạp chí nước ngoài, có vẻ dễ hiểu hơn. "Bạo loạn trong một trận bóng đá", trong một tạp chí Mỹ, và về cuộc bạo loạn sắc tộc ở thủ đô trong những năm 1930 đã dẫn đến việc thành lập câu lạc bộ chính trị đầu tiên của châu Phi. "Những tự do bị đánh mất", trong một tạp chí của Bỉ, là về sự thất bại của một chương trình truyền đạo, vào cuối thế kỷ mười chín, để mua lại những người nô lệ bị bắt đi từ những lễ hội nô lệ của người A rập, và cho họ về ở trong những "ngôi làng tự do".

Tôi quan tâm đến những bài báo đó – tôi đặc biệt quan tâm đến những cuộc truyền đạo và nô lệ. Nhưng những đoạn văn sáng sủa khi mở đầu thật gây thất vọng, không thể đọc được những bài báo này ở cửa hiệu vào buổi chiều. Tôi để chúng ra, để đọc sau. Và buổi tối hôm đó, khi đọc sách trên chiếc giường lớn mà Yvette vài giờ trước đã mặc quần áo, và nơi hơi của nàng vẫn còn vương lại, tôi cảm thấy kinh hoàng.

Bài báo về một vụ xung đột sắc tộc – sau đoạn văn mở đầu sáng sủa mà tôi đã đọc ở cửa hiệu – trở thành một tập hợp các sắc lệnh của chính phủ và trích dẫn trên các bài báo. Có rất nhiều từ các báo, Raymond dường như coi việc này là cực kỳ quan trọng. Tôi không thể nghĩ như thế, bởi vì qua kinh nghiệm của mình tại bờ biển tôi biết rằng báo chí tại những vùng thuộc địa nhỏ viết về một kiểu sự thật rất đặc biệt. Báo chí không nói dối,

nhưng chúng chỉ là hình thức. Báo chí tôn kính viết về những người có vai vế - thương gia, quan chức cao cấp, thành viên các hội đồng lập pháp và hành pháp. Chúng thường để lọt mất những điều quan trọng, thường là những điều cốt yếu – mà người dân địa phương có thể biết được và xì xào với nhau.

Tôi không biết những tờ báo ở đây trong những năm 1930 có khác lắm so với báo ở vùng bờ biển của chúng tôi không, và tôi luôn hy vọng rằng Raymond biết cách luồn sau những câu chuyện trên báo và những bài xã luận để nói lên được những sự kiện thật sự. Một cuộc xung đột sắc tộc tại thủ đô trong những năm 1930 – điều đó hẳn phải có một cốt truyện rất mạnh, đấu súng tại các quán cà phê và câu lạc bộ châu Âu, sự kinh hoàng và nỗi sợ hãi tại các cité châu Phi. Nhưng Raymond không hề quan tâm đến khía cạnh đó. Ông không hề tạo cảm giác đã từng nói chuyện với một ai đó trong số những người có liên quan, dù nhiều người vẫn còn đang sống khi ông viết bài báo. Ông dấn vào những tờ báo, dường như ông muốn cho thấy rằng ông đã đọc toàn bộ chúng và đã tạo ra được khía cạnh chính trị chính xác của một sự kiện. Chủ đề của ông là một sự kiện ở châu Phi, nhưng ông có vẻ như đã viết về châu Âu hoặc một nơi nào đó ông chưa từng ở.

Bài báo về những nhà truyền đạo và nô lệ cũng đầy trích dẫn, không phải từ các báo, mà là từ kho tự liệu truyền đạo châu Âu. Chủ đề với tôi chẳng mới mẻ gì. Tại trường học tại Khu bờ biển chúng tôi đã nói về sự lan truyền của châu Âu trong những lãnh thổ của chúng tôi như thể không hơn là một thất bại của người A rập và những cách thức buôn bán nô lệ của họ. Chúng tôi nghĩ đến cái đó như là của chương trình học của trường châu Âu, chúng tôi không quan tâm. Lịch sử là cái gì đó đã chết và đã qua, một phần của thế giới của cha ông chúng tôi, và chúng tôi không mấy quan tâm đến nó, dù vậy, trong những gia đình buôn bán như gia đình tôi, vẫn có những câu chuyện mơ hồ - mơ hồ đến nỗi chúng không được coi là thật – về những giáo sĩ châu Âu mua nô lệ giá rẻ từ các hội chợ trước khi mang đến

bờ biển. Những người châu Phi (và đó là mấu chốt của câu chuyện) đã bị lột da, họ nghĩ rằng những nhà truyền đạo đã để ăn thịt họ.

Tôi không có ý tưởng nào, cho đến khi tôi đọc bài báo của Raymond, rằng cuộc phiêu lưu đã từng có quy mô rất lớn và rất nghiêm trọng. Raymond cung cấp tên của tất cả những ngôi làng tự do từng được dựng lên đó. Rồi, trích dẫn và trích dẫn từ những lá thư và báo cáo trong các lưu trữ, ông chỉ ra ngày tháng của sự biến mất của mỗi ngôi làng. Ông không hề cung cấp các lý do và coi chúng chẳng là gì cả, ông chỉ trích dẫn từ các báo cáo của những người truyền tin. Dường như ông không đi đến nơi nào hết trong những chỗ ông viết, ông không thử nói chuyện với ai đó. Thế mà chỉ cần nói chuyện năm phút với Metty – người đã ở bờ biển, từng trải qua nỗi hãi hùng trên con đường đi qua châu lục – nó có thể nói cho Raymond biết rằng toàn bộ kế hoạch sùng đạo đó tàn độc và xấu xa đến mức nào, để một số người không được bảo vệ trong một lãnh thổ lạ nghĩa là để họ lại cho sự tấn công và bắt cóc và còn tồi tệ hơn. Nhưng Raymond dường như không hề biết đến điều đó.

Ông biết nhiều quá, ông nắm được nhiều quá. Ông hẳn phải mất hàng tuần lễ cho mỗi bài báo. Nhưng ông có quá ít hiểu biết thực sự về châu Phi, ít hơn cả Indar, Nazruddin hay Mahesh, ông chẳng hề có một chút gì bản năng của cha Huismans về sự lạ mặt và băn khoăn về địa điểm. Ông đã biến châu Phi thành chủ đề của mình. Ông đã cống hiến hàng năm trời cho những cái hộp tài liệu trong nghiên cứu của mình mà tôi đã từng nghe từ Indar. Có lẽ nào ông đã biến châu Phi thành chủ đề của mình với ông đã đến châu Phi và bởi vì ông là một nhà học giả, quen làm việc với giấy tờ, và đã tìm thấy tại nơi này đây những giấy tờ mới.

Ông từng là giáo viên ở thủ đô. Khi ông còn ở tuổi trung niên – vận may đã đưa ông tiếp cận với Tổng thống tương lai. Vận may – và một cái gì đó thuộc về sự triu mến của giáo viên với cậu bé châu Phi tuyệt vọng đó, một sự triu mến có khả năng lẫn lộn với một ít cay đắng về sự thành công

của cậu ta hơn là của ông, người đàn ông có thể đã tự thấy mình trong cậu bé, lời khuyên ông đã cho cậu bé cần gia nhập lực lượng quốc phòng dường như có trong đó một sự cay đắng nào đó – vận may đã cho ông mối quan hệ. đặc biệt đó với người đã trở thành Tổng thống và đã đưa ông, sau độc lập, đến vinh quang mà ông chưa từng bao giờ mơ đến.

KHÚC QUANH CỦA DÒNG SÔNG

V. S. Naipaul

www.dtv-ebook.com

Dịch Giả: Cao Việt Dũng

Phần Iii - Chương 12

Tôi thường nghĩ về vận may đã cho tôi nhìn thấy Yvette lần đầu tiên trong buổi tối ở nhà nàng đó, trong cái không khí châu Âu giữa lòng châu Phi, khi nàng mặc chiếc áo Margit Brandt và được chiếu sáng bởi những ngọn đèn đọc sách đặt trên sàn nhà, và mọi thứ khao khát đã vây toả tôi trong giọng hát của Joan Baez.

Có lẽ trong một khung cảnh khác và một thời điểm khác nàng đã không gây cho tôi ấn tượng như thế. Và có lẽ, nếu tôi đã đọc những bài báo của Raymond vào ngày Yvette đưa chúng cho tôi, thì đã không có gì diễn ra trong buổi chiều hôm sau, khi nàng đến căn hộ của tôi. Tôi hẳn là đã không để cho nàng có cơ để trưng về phía tôi khuôn mặt nhìn nghiêng của nàng đứng dựa vào bức tường màu trắng trong phòng khách, thay vào đó hẳn là chúng tôi đã đến câu lạc bộ Hellenic. Ngắm nàng trong căn nhà đầy ánh sáng buổi trưa đó đã khiến cho tôi cảm thấy một sự báo động nào đó. Để hiểu hơn về Raymond ngay sau khi đã nhìn nàng rõ hơn – tham vọng của nàng, sự đánh giá không hay của nàng dành cho ông, thất bại của nàng.

Và thất bại như thế không phải là cái tôi lựa chọn để có. Mong muốn của tôi về một cuộc phiêu lưu với Yvette là một mong muốn được lên tới trời cao, được thoát khỏi cuộc đời tôi đang sống – sự ngây độn, sự căng thẳng chẳng có mục đích nào, "tình hình đất nước". Đó không phải là mong muốn nhập vào với những người bị bẫy như tôi.

Nhưng đó là điều giờ đây tôi cảm thấy. Và nó không mở rộng cho tôi mà không kéo lại. Sau buổi chiều đầu tiên đó, khám phá đầu tiên của tôi

với nàng, tôi đã bị Yvette sở hữu, bị sở hữu bởi người mà tôi không bao giờ thôi muốn chiếm đoạt. Sự thoả mãn chẳng cứu thoát gì cả, nó chỉ mở ra một sự trống rỗng mới, một nhu cầu tươi mới.

Thị trấn giờ đây với tôi đã thay đổi. Nó có những hội đoàn mới. Những ký ức và tâm trạng khác nhau đã gắn liền vào nơi này, vào thời gian, thời tiết. Trong ngăn kéo bàn tôi ở cửa hiệu, nơi những tạp chí của Raymond từng bị bỏ quên trong hai ngày, giờ đây có những bức ảnh của Yvette. Một số trong đó khá cũ và hằn là phải quý giá lắm với nàng. Nàng tặng những hình ảnh đó cho tôi, những bức ảnh vào nhiều thời điểm khác nhau, như là một sự ưu ái, phần thưởng, cử chỉ âu yếm, từ đó, vì không bao giờ lãng phí cảm giác động chạm (và trên thực tế rất ít khi hôn nhau) với một thoả thuận ngầm, chúng tôi tiếp tục như chúng tôi đã bắt đầu và không bao giờ nói với nhau những lời âu yếm. Dù có những say mê xác thịt, những bức ảnh của Yvette mà tôi thích thú là trong sạch nhất. Tôi đặc biệt quan tâm đến những bức ảnh khi nàng còn là con gái ở Bỉ, mà tương lai vẫn còn mù mịt ở phía trước.

Với những bức ảnh đó trong ngăn kéo, cách nhìn cửa hiệu của tôi đã khác, quảng trường với những cây cối tã tưởi, những quầy hàng ngoài chợ, những người dân làng đi lang thang, những con đường không lát đá đầy bụi trong mặt trời hay đỏ rực chảy tràn trong cơn mưa. Thị trấn bị gầy sạm, tại đó tôi cảm thấy mình trở nên trung tính, trở thành nơi mà tất cả đã đến với tôi.

Với suy nghĩ đó tôi quan tâm đến chính trị theo một cách, gần như một mối lo lắng chính trị. Tôi có thể không cần đến điều đó, nhưng vô ích. Qua Yvette, tôi với tới Raymond, và qua Raymond tôi gắn mình chặt chẽ hơn bao giờ hết vào hiểu biết về sức mạnh của Tổng thống. Nhìn ảnh Tổng thống ở mọi nơi tạo cho tôi cảm giác rằng, dù không phải là người châu Phi đi nữa, chúng tôi cũng trở thành người của ông. Ngoài ra, qua Raymond, tôi có thêm cảm giác rằng tất cả chúng tôi đều phụ thuộc vào Tổng thống

và rằng – dù chúng tôi làm nghề gì và dù chúng tôi nghĩ đang làm việc cho mình – chúng tôi đều đang phụng sự ông.

Trong khoảnh khắc ngăn ngủ đó khi tôi từng tin Raymond như là Indar miêu tả ông – người đàn ông da trắng của Người Đàn Ông Vĩ Đại – tôi từng sợ cảm thấy quá gần với quyền lực cao nhất của đất nước, tôi cảm thấy mình đã được mang đi lên cao hơn rất nhiều so với nước tôi biết là những nỗi lo lắng hàng ngày của nó – những bụi cây trên núi, những con đường ở tình trạng tồi tệ, các quan chức ăn của đút lót, những thị trấn đổ nát, những người hàng ngày đến từ vùng cây bụi và không tìm thấy gì để làm và có ít thứ để ăn, sự nghiện ngập, những vụ giết người chớp nhoáng, cửa hiệu của tôi. Quyền lực và cuộc sống quanh Tổng thống tại thủ đô, dường như là rất thực và rất chính yếu về đất nước.

Khi tôi hiểu rằng vị thế của Raymond là thế nào, một lần nữa Tổng thống lại hiện ra ở một nơi xa xôi và cao hơn chúng tôi. Nhưng giờ đây còn lại một mối liên hệ với ông, ý thức về quyền lực của ông như một cái gì đó cá nhân, mà tất cả chúng tôi đều phải gắn với bằng một sợi dây, mà ông có thể kéo ra hoặc lúc lắc. Đó là điều trước đây, tôi chưa từng cảm thấy. Cũng giống như những người bỏ xứ tại thị trấn, tôi từng làm điều được định sẵn cho tôi. Chúng tôi treo những bức ảnh trong cửa hiệu và công sở của chúng tôi, chúng tôi đóng góp tài chính cho Tổng thống của chúng tôi. Nhưng chúng tôi cố để tất cả những cái đó tách biệt hẳn với cuộc sống riêng tư của mình. Tại câu lạc bộ Hellenic, chẳng hạn, dù không có quy định nào về điều đó, chúng tôi không bao giờ bàn cãi về các chính sách địa phương.

Nhưng giờ đây đã đi sâu đến thế vào các chính sách thông qua Raymond và Yvette, và hiểu rằng ẩn ý đằng sau một bức ảnh chính thức, mỗi bức tượng mới của đức mẹ châu Phi cùng đứa con, tôi không thể nào tiếp tục xem những bức tượng và ảnh đó là cái nền nữa. Tôi chúng tôi được nói rằng hàng nghìn bức ảnh được các máy in ở châu Âu in ra, nhưng để

hiếu mục đích của tổng thống thì phải bị chúng tác động cái đã. Người khách có thể cười khẩy về đức mẹ châu Phi, tôi thì không thể.

Tin tức về quyển sách lịch sử của Raymond thật tồi tệ, không có tin tức gì cả. Indar, dù đã hứa tìm cách in quyển sách (và bàn tay từ biệt đặt lên đùi Yvette trên tàu thủy) đã không viết gì về cả. Yvette biết anh cũng chẳng hề viết cho tôi, rằng anh ta là một người có rất nhiều vấn đề với bản thân mình. Có lẽ Yvette chẳng mấy may quan tâm đến Indar, nàng muốn có tin tức, và rất lâu sau khi Indar rời khỏi nơi này nàng tiếp tục chờ đợi vài lời từ thủ đô.

Cùng lúc đó Raymond đã kết thúc công việc với những bài diễn thuyết của Tổng thống và quay trở lại với lịch sử của mình. Ông rất giỏi trong việc che giấu nỗi thất vọng và căng thẳng. Nhưng chúng được phản chiếu lại ở Yvette. Đôi khi nàng đến căn hộ, trông nàng già đi mấy tuổi sao với tuổi thật của nàng, với làn da trẻ trung được tẩy trắng, mẫu thịt phía dưới gò má lún xuống ở đoạn đầu của một cái cằm đôi, những quầng thâm quanh mắt nàng nhìn rất rõ.

Cô gái tội nghiệp! Nàng không hề dự tính điều này trong đời của mình với Raymond. Nàng từng là một sinh viên ở châu Âu, khi họ gặp nhau. Ông tới cùng phái đoàn chính thức. Vai trò của ông trong tư cách cố vấn của người đàn ông với lên chức Tổng thống được giữ bí mật, nhưng sự nổi bật của ông thì ai cũng biết và ông đã được mời đến nói chuyện tại trường đại học của Yvette. Nàng đã hỏi một câu – khi đó nàng đang viết một luận văn về chủ đề nô lệ trong các tác phẩm châu Phi thuộc địa của Pháp. Họ đã gặp nhau sau đó, nàng đã bị choáng vì những quan tâm của ông. Trước đó Raymond đã lấy vợ, nhưng ông đã ly dị vài năm trước độc lập, khi ông vẫn là giáo viên, và vợ ông cùng cô gái đã quay trở lại châu Âu.

"Người ta bảo rằng đàn ông nên nhìn vào người mẹ của cô con gái mà họ muốn lấy" Yvette nói. "Các cô gái nên nhìn vào người vợ mà người đàn ông đã bỏ hoặc đuổi đi, và biết rằng họ không thể khá hơn. Nhưng anh có

tưởng tượng được không? Con người đẹp đẽ và nổi bật đó – khi Raymond lần đầu tiên đưa em đi ăn tối ông ấy đã đưa em đến một chỗ thật đắt tiền. Ông ấy làm việc đó với vẻ rất khinh bạc. Nhưng ông ấy biết em xuất thân từ gia đình thế nào và ông ấy biết rất chính xác ông ấy đang làm gì. Ông ấy tiêu cho bữa ăn tối đó nhiều tiền hơn bố em kiếm được trong một tuần. Em biết đó là tiền của phái đoàn nhưng điều đó đâu nghĩa lý gì. Đàn bà luôn ngu xuẩn mà. Nhưng nếu đàn bà không ngu xuẩn thì trái đất này không thể quay được.

"Em phải nói rằng hồi đó thật tuyệt. Tổng thống mời bọn em đến ăn tối thường xuyên và lần đầu tiên, lần thứ hai hoặc thứ ba em ngồi ngay bên phải ông. Ông nói ông không thể làm khác với vợ của professeur cũ của mình – nhưng điều đó không đúng, Raymond chưa bao giờ dạy ông ấy cả, đó chỉ là tin đồn thôi của báo chí châu Âu thôi. Ông đặc biệt đáng mến, Tổng thống ấy, và không bao giờ có ẩn ý hay nói những điều vô nghĩa, em có thể nói thêm như thế. Lần đầu tiên em và Tổng thống nói về cái bàn, rất nghiêm chỉnh đấy. Nó được làm bằng gỗ địa phương và được chạm khắc hoa văn châu Phi với những kỹ thuật đáng nể và những người thợ chạm gỗ và đất nước này đã cung cấp cho toàn bộ thế giới thứ đồ gỗ chất lượng cao đó. Điều này cũng giống như nói chuyện về một khu công nghiệp dọc theo dòng sông – đó chỉ là một chủ đề của câu chuyện mà thôi. Nhưng khi đó em còn trẻ lắm và muốn tin mọi thứ người ta nói.

"Luôn luôn có máy quay caméra. Luôn luôn máy caméra, ngay cả vào những ngày đầu tiên đó. Ông ấy luôn đặt chúng, anh biết điều đó mà, và điều đó làm cho cuộc nói chuyện trở nên khó khăn. Ông ấy không bao giờ cho anh bắt đầu một chủ đề mới, ông chỉ đơn giản là lái nó đi. Cái nhân hoàng gia – mà ông đã lấy của ai đó, và em học được nó từ ông, một cách khó khăn. Ông có cái cách bỏ rơi người đối thoại rất đột ngột, như hiệu phong cách cá nhân ấy. dường như ông ấy thích thú với cái cách quay ngoắt đi và bước thẳng khỏi phòng vào một thời điểm nào đó.

"Bọn em thường xuyên đi cùng ông. Bọn em làm nền trong một số bức ảnh chính ngày xưa – những người da trắng đứng làm nền. Em nhận thấy trang phục của ông ấy đã thay đổi, nhưng em nghĩ đó chỉ là vì ông muốn có quần áo thuận tiện hơn thôi, những trang phục đồng quê theo phong cách châu Phi. Mọi nơi bọn em đến thường trở thành những séances d'animation (lễ hội) rất mở rộng, có các điệu nhảy bộ lạc. Ông luôn rất chú ý đến điều đó. Ông ấy nói ông ấy muốn vinh danh những điệu nhảy mà Hollywood và phương Tây coi nhẹ. Ông định xây dựng những nhà hát hiện đại cho chúng. Và chính trong một trong những buổi tiếp tân đó em đã gặp rắc rối. Ông cầm cây gậy xuống đất. Em không biết điều đó có nghĩa là gì. Em không biết là phải im lặng, rằng ngày xưa mở miệng nói khi các vị thủ lĩnh cầm cây gậy xuống đất có thể bị đánh đến chết. Em đứng cạnh ông và nói điều gì đó cực kỳ tầm thường về kỹ thuật của các vũ công. Ông mím môi tức giận và nhìn ra chỗ khác, rồi quay luôn đi. Không kiểu cách gì cả. Tất cả mọi người châu Phi đều kinh hoàng trước điều em làm. Và em cảm thấy điều đó đã trở nên khủng khiếp và rằng em đã đến một nơi thật là khủng khiếp.

"Sau đó em không được xuất hiện cùng ông ở chỗ đông người nữa. Nhưng dĩ nhiên điều đó không phải là lý do ông đoạn tuyệt với Raymond. Trên thực tế, sau đó ông còn thân thiết hơn với Raymond. Ông đoạn tuyệt với Raymond khi ông quyết định rằng không cần gì ở ông ấy nữa, rằng trong tầng lớp lãnh đạo mới người đàn ông da trắng là một sự phiền nhiễu với ông ở thủ đô. Còn với em thì ông không bao giờ nói chuyện nữa. Nhưng ông vẫn luôn quan tâm đến em, cho người đến hỏi thăm em. Ông cần một khuôn mẫu cho mọi việc, và em nghe nói de Gaulle quen gửi những lời hỏi thăm cá nhân đến vợ của các kẻ thù chính trị của mình.

"Đó là lý do tại sao em nghĩ rằng nếu Indar làm được gì đó cho quyển sách của Raymond ở thủ đô, thì ông ấy có thể quay lại được vị thế nào đó. Ở đây mọi thứ đều quay trở về tông thống. Nơi này là màn trình diễn của độc nhất một người, anh biết rồi đấy. Và em đang trông chờ nhận được một

lời gián tiếp nào đó. Nhưng trong những tháng vừa qua ông không hề gửi lời hỏi thăm đến cho em."

Nàng đau khổ nhiều hơn Raymondj. Nàng ở trong một đất nước vẫn còn xa lạ với nàng và nàng đang bị quay cuồng, bị phụ thuộc tới hai lần. Raymond thì đã ở nơi này, một nơi đã trở thành nhà của ông. Ông ở trong hoàn cảnh mà có lẽ ông đã sống qua trước kia, khi ông là một giáo viên không tên tuổi tại thủ đô thời thuộc địa. Có thể ông đã quay trở lại cá tính cũ của mình, sự cam chịu ông từng óc khi còn là giáo viên, người đàn ông có hiểu biết calm lặng nhưng đầy thách thức về bản thân mình. Nhưng tôi vẫn thấy ở đây có gì đó khác. Tôi cảm thấy Raymond đã đi theo một cách rất ý thức một mã khóa nào đó mà ông đã tự tạo ra cho mình, và việc đi theo mã này đã mang lại cho ông sự thanh thản.

Mật mã này ngăn ông không nói ra sự thất vọng hay đổ kỵ. Trong đó ông khác biệt hẳn với những người trẻ tuổi tiếp tục tới Khu và gọi ông và lắng nghe ông. Raymond vẫn còn có công việc vĩ đại của mình: ông vẫn có những hộp giấy mà nhiều người muốn nhòm vào, và hơn hết sau toàn bộ những năm tháng là người đàn ông da trắng của Người Đàn Ông Vĩ Đại, sau toàn bộ những năm tháng là người hiểu biết nhiều về đất nước hơn bất kỳ ai còn sống, Raymond vẫn còn có tiếng tăm.

Khi một người khách phê phán một quyển sách của ai đó hay một cuộc họp mà ai đó đã tổ chức ở đâu đó (thời gian này Raymond không được mời đến các cuộc họp), Raymond có thể sẽ không nói gì hết cả, trừ khi có gì đó để nói tốt về quyển sách hoặc cuộc họp đó. Ông nhìn rất bình thản vào mắt người khách, như thể chỉ đợi anh ta chấm dứt. Tôi thấy ông làm như thế nhiều lần, ông tạo ra cảm giác đang chờ anh ta ngừng nói. Khuôn mặt của Yvette thì biểu lộ rõ nỗi kinh ngạc bị xúc phạm.

Một tối tôi nghe một người khách nói rằng Raymond đang xin một việc làm ở Mỹ và bị từ chối. Người khách, một người đàn ông rậm râu với đôi mắt lóng lánh không thể tin cậy, nói như thế ủng hộ Raymond vậy.

Thậm chí ông ta còn tỏ ra cay đắng thay cho Raymond, và điều đó làm tôi có cảm giác ông ta là một trong những vị học giả đến thăm mà Yvette từng nói với tôi, khi họ đến với giấy tờ của Raymond, điều đó cũng đồng nghĩa với một cơ hội ghé qua nàng một lát.

Nhiều điều đã thay đổi kể từ những năm đầu 1960, người đàn ông rậm râu nói. Những nhà nghiên cứu châu Phi bây giờ không còn hiếm nữa, và những người đã cống hiến toàn bộ cuộc đời cho châu lục giờ đã bị vượt qua. Những quyền lực lớn đã thống nhất lúc này không tranh cãi về châu Phi nữa, vì các thái độ về châu Phi đã thay đổi. Những người từng nói rằng thập kỷ này là thập kỷ của châu Phi, và đã lon ton chạy sau những người vĩ đại, giờ đây đã biến khỏi châu Phi rồi.

Yvette xoắn tay lại và nhìn chăm chăm vào đồng hồ của mình. Đó dường như là một cách ngắt lời có chủ ý. Nàng nói "Thập kỷ châu Phi đã kết thúc đúng mười giây trước đây".

Nàng từng làm điều đó một lần trước, khi ai đó nói về thập kỷ châu Phi. Và lần này trò đó lại có hiệu quả. Nàng mỉm cười, Raymond và tôi phá lên cười. Người đàn ông rậm râu lẩn đi, và chủ đề về đơn xin việc của Raymond bị từ chối đã bị bỏ luôn.

Nhưng tôi mất tinh thần bởi điều tôi nghe được, và khi hôm sau Yvette đến căn hộ, tôi nói "Nhưng em chẳng nói gì với anh rằng bọn em đang nghĩ đến việc ra đi gì cả"

"Anh có bao giờ nghĩ đến chuyện ra đi không?"

"Thực ra là có".

"Thực ra chúng ta ai cũng đều phải ra đi hết. Cuộc đời của anh đã được cố định. Anh đã đính hôn với người con gái của người đàn ông đó, anh từng nói với em. Mọi thứ đều chờ đợi anh. Cuộc sống của em ở đây thì bất ổn. Em phải làm điều gì đó. Em không thể ở lại đây được".

"Nhưng tại sao em không nói với anh?"

"Tại sao lại phải nói điều mà anh chẳng thể nào thay đổi được gì? Và nó cũng chẳng hề tốt đẹp gì cho chúng ta khi nói tới. Anh cũng biết, Raymond không bao giờ còn có được cơ hội nào khác ở nước ngoài nữa đâu".

"Thế tại sao ông ấy lại đệ đơn?"

"Em đã bắt ông ấy. Em nghĩ có một khả năng, Raymond không muốn tự làm điều đó. Ông ấy trung thành".

Sự gần gũi với Tổng thống đã đem lại danh tiếng cho Raymond, từng khiến người ta mời ông tới các cuộc họp tại nhiều nơi khác nhau trên thế giới, giờ đây đã khiến ông bị đánh giá thấp ở nước ngoài. Trừ phi một điều gì đó thật lạ thường xảy đến, nếu không ông sẽ phải ở lại đây, phụ thuộc vào quyền lực của Tổng thống .

Vị thế của ông tại Khu buộc ông phải chứng tỏ quyền lực của mình. Nhưng lúc nào ông cũng lưỡng lự trước quyền lực,. giảm nó xuống số không, không hề có chỗ dựa nào. Ở vào vị trí của ông tôi không nghĩ mình có khả năng vờ như có quyền lực nào đó – thật là khó khăn. Tôi chỉ có thể bỏ đó mà đi, hiểu rằng sự thật của cái mà Mahesh đã nói với tôi nhiều năm trước. "Hãy nhớ lấy, Salim, ở đây người ta malin lắm".

Nhưng Raymond cho thấy không có gì không chắc chắn cả. Và ông trung thành – với Tổng thống , với chính ông, những tư tưởng và tác phẩm của ông, quá khứ của ông. Sự ngưỡng mộ của tôi dành cho ông tăng lên. Tôi nghiên cứu các bài phát biểu của Tổng thống – các tờ nhật báo đã gửi đến từ thủ đô – với những dấu hiệu cho thấy Raymond sẽ được trở lại vị trí sủng thần. Và nếu tôi trở thành người khuyến khích Raymon, qua Yvette, nếu tôi trở thành người khen ngợi ông, tung hô ông kể cả ở câu lạc bộ Hellenic như là người chưa xuất bản nhiều lắm nhưng thật sự được biết

đến, người mà mọi người khách thông minh cần phải đến gặp, thì đó không phải chỉ vì tôi không muốn thấy ông đi xa cùng với Yvette. Tôi không muốn thấy ông bị hạ nhục. Tôi ngưỡng mộ mặt mũi của ông và muốn rằng khi thời điểm chính của tôi đến tôi cũng có thể gắn mình vào một cái gì đó theo cách giống như thế.

Chúng tôi sống vì mình. Chúng tôi phải sống. tất cả chúng ta đều phải sống. Nhưng bởi vì chúng ta cảm thấy cuộc sống của chúng ta thật trôi nổi, chúng ta cảm thấy bị tách biệt, và chúng ta không còn cảm thấy tin tưởng vào bất kỳ ai hay bất kỳ cái gì nữa. Đó là điều đã xảy đến với Mahesh "Không có gì là đúng hay sai ở đây hết. Không có gì đúng" Đó là điều xảy đến với tôi.

Đó là điều trái ngược với cuộc sống của gia đình và cộng đồng của tôi ở bờ biển. Cuộc sống ở đó đầy những quy tắc. Quá nhiều quy tắc, đó là một kiểu sống đã được định trước. Ở đây tôi không theo quy tắc nào. Trong cuộc nổi loạn – đã khá lâu rồi – tôi đã phát hiện rằng tôi không theo quy tắc đó. Nghĩ về điều đó như thế có nghĩa là tự cảm thấy mình trôi nổi và lạc lối. Và tôi thích không phải nghĩ về điều đó, thật là quá giống với sự kinh hoàng bạn có thể cảm thấy vào bất cứ thời điểm nào nếu bạn suy nghĩ thấu đáo về vị thế thực tế của thị trấn trong lục địa, và về vị thế của chính bạn trong thị trấn đó.

Thấy Raymond trả lời sự vô đoán với một thứ mã khoá như là đã được làm riêng cho ông với tôi thật là lạ kỳ.

Khi tôi nói điều đó với Yvette, nàng nói "Anh có nghĩ em có thể cưới một người nào đó không hề lạ lùng không?"

Thật lạ, sau tất cả những sự phê phán đó, hoặc cái mà tôi xem như là phê phán! Nhưng mọi điều lạ lùng trong mối quan hệ của tôi với Yvette nhanh chóng không còn là lạ lùng nữa. Mọi điều về mối quan hệ đều là mới mẻ với tôi, tôi nhìn nhận mọi thứ như là nó có.

Với Yvette – với cả Yvette và Raymond – tôi đã có được một dạng cuộc sống gia đình, niềm say mê trong căn hộ, buổi tối tĩnh lặng kiểu gia đình trong căn nhà của Khu. Ý nghĩ rằng đó là cuộc sống gia đình của tôi đến với tôi khi bản thân cuộc sống đó bị xáo động. Khi nó xảy đến tôi chỉ đơn giản là đang sống nó. VÀ chỉ khi cuộc sống bị xáo động thì sự điên rồ đó mới tới với tôi trong sự lạnh lùng với nó tôi đã chấp nhận cách sống mà, nếu tôi nghe được của một người nào đó khác khi tôi còn trẻ hơn, tôi sẽ coi là thật kinh khủng. Trưởng thành là nỗi kinh hoàng của tôi. Tôi tiếp tục nghĩ về điều đó trong khung cảnh gia đình và cộng đồng trên bờ biển, và coi nó thật là quý quý, thật không cao quý và ít giá trị.

Chính Yvette là người đã đề xuất, sau một buổi chiều trong căn hộ, rằng tôi có thể ăn tối với họ tối đó tại nhà họ. Nàng làm điều đó với rất nhiều trù ối, và với cả mối quan tâm tới buổi tối cô quạnh của tôi, và dường như nàng không thấy trong điều đó bất cứ vấn đề nào cả. Tôi rất bức dọc, tôi không nghĩ mình có khả năng mặt đối mặt với Raymond trong nhà của ông sau đó. Nhưng Raymond đang nghiên cứu khi tôi đến, và ở lại đó cho tận đến lúc ăn, và sự bồn chồn của tôi biến mất trong sự phấn khích mới tôi cảm thấy khi nhìn thấy Yvette, vừa mới còn trần truồng, rên rỉ trong khoái lạc, trong vai trò người vợ.

Tôi ngồi trong phòng khách. Nàng đến và đi. Những khoảnh khắc đó đặc biệt gây thích thú cho tôi. Tôi bị khuấy động bởi mỗi hoạt động xảy ra trong nhà, tôi yêu sự bình thường của quần áo nàng. Những cử chỉ của nàng trong ngôi nhà có vẻ nhanh hơn, chủ động hơn, cácn nói tiếng Pháp của nàng (với Raymond giờ đã ngồi ở bàn ăn) chính xác hơn. Ngay cả khi (mọi nỗi lo lắng đã tan biến) tôi lắng nghe Raymond nóimùi cũng thật là kinh khủng với tôi, khoảng cách giữa nàng và tôi để có thể thấy nàng như là một người lạ, và rồi nhìn qua người lạ đó để thấy người đàn bà khác mà tôi biết.

Vào dịp thứ hai hoặc thứ ba như thế tôi đã lái xe đưa nàng trở về căn hộ với tôi. Không hề có sự lẩn tránh nào, ngay lập tức sau khi ăn Raymond

liền trở về với những nghiên cứu của mình.

Yvette nghĩ tôi chỉ muốn đi chơi một vòng. Khi nàng biết điều tôi đang nghĩ thì nàng kêu lên, và khuôn mặt nàng – thật kịch và thân thiết ở bàn ăn – đã biến thành nổi lạc thú. Trên đường về căn hộ nàng cười phá lên. Tôi ngạc nhiên với phản ứng của nàng, tôi chưa bao giờ thấy nàng thoải mái, vui sướng thư giãn như thế.

Nàng biết nàng rất quyến rũ đàn ông – các học giả đến thăm nhà nàng khiến nàng hiểu điều đó.. Nhưng được ham muốn và được cần thiết thêm nữa sau tất cả những gì đã diễn ra trong buổi chiều dài của chúng tôi dường như đã làm nàng xúc động theo cách trước đó nàng chưa từng bao giờ biết đến. Nàng thích thú với tôi, cực kỳ thích thú với chính mình, và thân tình đến mức tôi dường như trở thành người bạn học của nàng hơn là một tình nhân. Tôi thử đặt mình vào địa vị nàng, và trong một khoảnh khắc tôi có ảo tưởng nhập được vào cơ thể và trí óc phụ nữ của nàng để hiểu được nỗi vui sướng của nàng. Và khi đó tôi nghĩ, biết điều tôi làm với cuộc đời nàng, rằng tôi đã biết thêm về những nhu cầu và cội nguồn hạnh phúc của nàng.

Metty ở trong nhà. Ngày trước, theo thói quen cũ, tôi đã cẩn thận lo sao mình tách biệt với nó để được riêng tư, hoặc ở mức độ nào đó có vẻ như thế. Nhưng giờ đây sự bí mật đã không còn có thể và dường như không còn là vấn đề nữa rồi. Và tôi không bao giờ còn lo lắng về Metty trong căn hộ nữa.

Điều đáng ngạc nhiên tối đó đã trở thành một phần trong khung cảnh những ngày chúng tôi với nhau. Bữa tối với Raymond ở nhà, hoặc cuộc nói chuyện sau bữa ăn với Raymond, diễn ra trong một kiểu thân tình, giữa buổi chiều ở căn hộ và buổi tối muộn ở căn hộ. Do đó tại ngôi nhà, khi Raymond xuất hiện, tôi có khả năng lắng nghe với tâm trí sáng suốt và mỗi quan tâm thực sự với mọi điều ông nói.

Thói quen đó không hề thay đổi. Ông hướng tới công việc trong nghiên cứu của mình khi tôi - và những người khác khác, nếu có khách – tới. Ông chỉ hiện ra, và mặc dù vẻ đĩnh trí của ông, tóc ông thường xuyên bóng lộn, được chải rất cẩn thận hất ra đằng sau bằng một bài nói ngắn, có thể chẳng có gì, nhưng những lần ông xuất hiện thường là rất ngắn.

Ông thích, đặc biệt sau những cuộc tranh luận sau bữa tối, bắt đầu bằng cách tỏ ra là một người khách rụt rè trong chính ngôi nhà của mình. Nhưng điều đó không đặc trưng cho ông lắm. Nhiều người muốn nghe về vị thế của ông tại đất nước và mối quan hệ của ông với Tổng thống , nhưng Raymond không còn nói về điều đó nữa. thay vì đó ông nói về những chủ đề trí thức nói chung. Thiên tài của Theodor Mommsen, người mà theo Raymond đã viết lại lịch sử của Rome, là một chủ đề được yêu thích. Tôi ngày càng nhận ra ông chỉ thích nói về điều đó.

Ông không bao giờ tránh bình luận về chính trị, nhưng ông không bao giờ tự mình nêu chủ đề chính trị ra và không bao giờ rơi vào sự luận giải chính trị. Tuy nhiên, với những người khách rất có tinh thần phê phán của chúng tôi, Raymond sẽ cho phép họ nói và không hề ngắt lời.

Những người khách của chúng tôi ngày càng có đầu óc phê phán. Họ có rất nhiều điều để nói về việc thờ cúng đức mẹ đồng trinh châu Phi. Những đền thờ đã được dựng lên – và được dựng lên rồi – tại nhiều nơi khác nhau có dính dáng đến mẹ của Tổng thống , và những người hành hương tới những nơi đó được cho nghỉ mấy ngày. Chúng tôi biết về việc thờ cúng, nhưng ở vùng chúng tôi không có nhiều đền thờ cho lắm. Mẹ của Tổng thống xuất thân từ một bộ lạc ở hạ lưu sông, rất xa, và tại thị trấn chúng tôi chỉ có vài bức tượng theo phong cách châu Phi nửa vờ, và những bức ảnh về các đền thờ và đám rước. Nhưng những người khách đã ở thủ đô thì có nhiều chuyện để kể, và thật dễ dàng với họ với tư cách người đứng ngoài tỏ ra có tinh thần phê phán.

Họ ngày càng hay lôi kéo chúng tôi – Raymond, Yvette và những người như tôi – vào sự châm biếm của họ. dường như trong mắt họ chúng tôi đã bắt đầu không thuộc về châu Phi, những người tự cho phép mình quay sang những người châu Phi, chấp nhận tất cả dành cho chúng tôi. Sự mỉa mai như thế từ những người chỉ vừa đi qua, những người chưa từng đến gặp lại nhưng đã chơi chúng tôi đủ trò, những người an toàn trong những đất nước của họ, kiểu châm biếm như thế đôi khi gây tổn thương. Nhưng Raymond không bao giờ tự cho phép mình bị kích động.

Với một kẻ thô bỉ ông nói "Điều anh nói không thể được hiểu là sự nhại lại Thiên chúa giáo, anh nói nồng nhiệt thể chỉ có thể có nghĩa với những người theo Công giáo. Trên thực tế đó là lý do, theo quan điểm của Tổng thống , tại sao không thể là một ý tưởng tốt. Điểm mấu chốt của bức thông điệp có thể bị mất đi trong lời nhại lại. Bởi vì ở trung tâm của tôn giáo đó là một ý tưởng lớn về cứu rỗi phụ nữ châu Phi. Nhưng tôn giáo đó, được trình bày như nó vốn có, có thể gây tác dụng phụ đối với người dân vì nhiều lý do. Thông điệp đó có thể bị diễn đạt tồi, và ý tưởng lớn nó bao trùm có thể quay ngược trở lại hay hoặc ba thế hệ."

Đó là Raymond – vẫn trung thành, lúc nào cũng cố tạo ý nghĩa cho các sự kiện hẳn là phải thu hút ông lắm. Điều này không có gì tốt cho ông cả. Không hề có tin tức gì từ thủ đô. Ông và Yvette tiếp tục luẩn quẩn.

Nhưng khi đó, trong một tháng hoặc hơn, tinh thần của họ có vẻ bắt đầu lên. Yvette nói với tôi là Raymond có lý khi tin rằng tuyển chọn các bài phát biểu của Tổng thống đã khiến ông được quan tâm trở lại. Tôi rất mừng. Thật là kỳ cục, tôi tự thấy mình nhìn các bức ảnh của Tổng thống theo một cách khác. Và dù không có tin nào trực tiếp được gửi tới, Raymond, sau khi đã phòng thủ lâu đến thế, và sau mọi cuộc nói chuyện ông đã làm về tục thờ đức mẹ, bắt đầu bình luận nhiều hơn với khách khứa và để che giấu, với một cái gì đó rất hứng khởi trong ông , rằng Tổng thống đã chuẩn bị một kế hoạch có thể tạo ra một hướng đi mới cho đất nước.

Một hoặc hai lần thậm chí ông còn nói đến khả năng xuất bản một quyển sách về các bài phát biểu của Tổng thống, và quyển sách hẳn là sẽ tác động mạnh lên dân chúng.

Cuốn sách được xuất bản. Nhưng đó không phải là cuốn Raymond đã làm, không phải quyển sách của những trích dẫn dài dặc thêm vào một vài bình luận. Mà đó là một cuốn sách rất nhỏ, rất mỏng về các tư tưởng, Maximes (Châm ngôn) mỗi trang hai hoặc ba ý tưởng, mỗi ý tưởng khoảng bốn hoặc năm dòng.

Từng đồng sách đổ về thị trấn của chúng tôi. Chúng xuất hiện tại tất cả các quầy bar, cửa hiệu và văn phòng. Cửa hiệu của tôi có một trăm quyển, Mahesh có một trăm nước mười ở Bigburger, Tivoli có một trăm năm mươi. Mỗi kẻ dắt mối trên hè phố có một cái kho nhỏ nhỏ - năm hoặc mười quyển, phụ thuộc vào đơn đặt hàng. Sách không phải cho không, chúng tôi phải bán chúng hai mươi francs một bó năm quyển một. Người trung gian phải gửi toàn bộ tiền về thủ đô, và trong vài ngày, ông ta chạy khắp nơi với chiếc Land Rover của mình đầy ắp Maximes, cố bán hết chúng đi.

Đội Vệ binh trẻ mua khá nhiều sách của ông để dùng cho cuộc diễu hành của trẻ em vào chiều thứ bảy. Những cuộc diễu hành như thế thường diễn ra rất vội vã, là những công việc nặng nề - áo xanh, hàng trăm những đôi chân màu xanh bận rộn, giày vải màu trắng, một số đứa trẻ bé hơn điên cuồng, gần như phát khóc, đều đặn phá hàng tìm cách chạy về nhóm cùng quận của mình, đứa nào cùng chỉ chờ đợi đến cuối buổi diễu hành và rồi trở về nhà, có thể cách đó hàng dặm.

Cuộc diễu hành với quyển sách nhỏ của Tổng thống còn thảm hại hơn thường lệ. buổi chiều cực kỳ nóng bức và nặng nề, sau một trận mưa sớm vào buổi sáng và bùn trên phố, đang khô đi, bắn lên đến tận xe đạp và thậm chí lên đến chân và khô lại cứng đờ. Bùn làm cứng những chiếc giày trẻ con và trông như những vết thương trên chân của chúng vậy.

Trẻ con được lệnh cầm sách của Tổng thống bước đi và hét to cái tên dài của Tổng thống mà ông tự đặt cho mình. Nhưng lũ trẻ không bao giờ nghiêm chỉnh được, những tiếng hô không đều nhau, và khi mây đen quay trở lại, trông như thể sắp mưa đến nơi, cuộc diễu hành trở nên gấp gáp hơn lệ thường. Chúng chỉ cầm quyển sách và chạy vụt đi trong bùn đất, chỉ hét lên khi Đội Vệ binh trẻ gào lên với chúng.

Các cuộc diễu hành đã trở nên cái gì đó nực cười với những người dân chúng tôi, và chẳng được tích sự gì. Phần lớn mọi người, ngay cả những người đến từ vùng cây bụi xa xôi, hiểu tục thờ đức mẹ là thế nào. Nhưng tôi không nghĩ ai trên quảng trường hoặc ngoài chợ có thể hiểu cuộc diễu hành Maximes có ý nghĩa gì. Tôi không nghĩ, nói thật, rằng cả Mahesh có thể biết nó muốn nói gì hoặc muốn làm cái gì, cho đến khi anh được cho biết về điều đó.

Với chúng tôi, Maximes là một thất bại. Và nó hẳn cũng thất bại ở những nơi khác trên đất nước, bởi vì không lâu sau khi đưa tin những đơn đặt hàng lớn cho cuốn sách, báo chí đã bỏ ngưng đề tài này.

Raymond nói về Tổng thống "Ông ấy biết khi nào phải rút lui. Đó luôn là một trong những phẩm chất nổi bật nhất của ông. Không ai có thể hiểu hơn ông sự trào lộng khùng khiếp của dân chúng của ông. Và cuối cùng ông có thể là đã quyết định rằng mình bị cố vấn tồi".

Raymond vẫn chờ đợi. Trong cái mà tôi gọi là bộ mặt mã của ông tôi bắt đầu nhận thấy một sự bướng bỉnh và cái gì đó như ảo vọng. Nhưng Yvette giờ đây cũng không buồn biểu lộ sự sốt ruột của mình nữa. Nàng đã chán chủ đề Tổng thống. Raymond có thể không có chỗ nào khác để đi nữa cả. Nhưng Yvette bị kích động. Đó là một đối với tôi

KHÚC QUANH CỦA DÒNG SÔNG

V. S. Naipaul

www.dtv-ebook.com

Dịch Giả: Cao Việt Dũng

Chương 13:

Mahesh là bạn tôi. Nhưng tôi nghĩ anh bị quáng vì quan hệ với Shoba. Rằng tất cả đã là hết với anh rồi. Shoba ngưỡng mộ anh và cần anh, và do vậy anh hài lòng với chính mình, hài lòng với con người mà cô ngưỡng mộ. Đường như mong muốn duy nhất của anh là quan tâm chăm sóc con người đó. Anh ăn bận cho cô, chăm lo về bên ngoài vì cô. Tôi thường nghĩ rằng khi Mahesh tự nhìn ngắm mình anh sẽ không so sánh mình với những người đàn ông khác, hoặc phán xét mình theo lý tưởng đàn ông, mà chỉ nhìn vào cái cơ thể làm cho Shoba thích thú. Anh tự nhìn mình như là vợ anh nhìn anh, và điều đó giải thích tại sao, dù anh là bạn tôi, tôi nghĩ rằng niềm tin của anh vào Shoba đã biến anh thành một nửa đàn ông, và không cao quý.

Tôi thường đắm mình vào một cuộc phiêu lưu, cho niềm ham mê và sự tràn đầy về cơ thể, nhưng tôi không bao giờ nghĩ rằng điều đó có thể dẫn dắt tôi theo lối đó, rằng toàn bộ ý tưởng của tôi về bản thân mình có giá trị có thể đề cập theo cách một người đàn bà đáp ứng lại cho tôi. Nhưng đó chính là như thế. Toàn bộ sự tự đánh giá của tôi đều đến từ người tình của Yvette, từ chỗ phục vụ và làm nàng thích thú theo cách cơ thể mà tôi có thể làm.

Đó là niềm kiêu hãnh của tôi. Đó cũng là niềm hổ thẹn của tôi khi phải tự giới hạn tính đàn ông của mình trở nên nhỏ bé như thế. Có những lúc, đặc biệt trong những thời khắc chậm chạp ở cửa hiệu, khi tôi ngồi ở bàn (những bức ảnh của Yvetrte trong ngăn kéo) và tự thấy mình đang đau

buồn. Đau buồn, trong sự thoả mãn về cơ thể có thể còn hơn cả là đầy đủ! Có một lúc khi tôi không thể nghĩ điều đó là có thể.

Và thật nhiều điều đến với tôi qua Yvette. Tôi đã biết được rất nhiều điều mới mẻ. Tôi đã mất đi cách thức của một thương gia ngoại quốc không xuất hiện quá nhiều để bị để ý, thậm chí tự làm mình mờ đi. Tôi đã được cung cấp rằng nhiều hiểu biết về lịch sử, quyền lực chính trị, những châu lục khác. Nhưng với toàn bộ hiểu biết mới, thế giới của tôi lại chật hẹp hơn trước. Trong những sự kiện bao quanh tôi – như việc xuất bản quyển sách của Tổng thống , và cuộc điều sách – tôi chỉ lo liệu cuộc sống của tôi với Yvette có bị đe dọa hay sẽ được tiếp tục. Và thế giới của tôi càng trở nên chật hẹp thêm bao nhiêu tôi càng sống trong đó một cách mù quáng hơn.

Ngay cả như vậy, tôi vẫn bị sốc khi nghe tin Noimon đã bán hết mọi thứ và rời đi Úc. Noimon là khách hàng lớn nhất của chúng tôi, một người Hy Lạp có chân trong mọi phi vụ. Ông đã đến vùng đất này khi còn là một người trẻ tuổi, sau chiến tranh làm việc cho một đồn điền cà phê Hy Lạp sâu trong vùng cây bụi. Dù khi đến ông chỉ nói tiếng Hy Lạp, ông đã triển khai công việc rất nhanh, mua các đồn điền cho riêng mình rồi buôn bán đồ gỗ trong thị trấn. Độc lập dường như đã làm ông lụn bại, nhưng ông vẫn trụ được. Tại câu lạc bộ Hellenic, mà ông coi như là của bố thí của mình, và cai quản, đã tiếp tục được qua những khoảng thời gian khó khăn nhất, ông thường nói rằng đất nước này là nhà của ông.

Trong giai đoạn bùng nổ kinh tế, Noimon đã đầu tư trở lại và lại phát triển, ông từng muốn mua Bigburger của Mahesh với giá rất cao. Ông có quan hệ chặt chẽ với các quan chức và có được những hợp đồng lớn với chính phủ (ông đã trang bị nội thất cho nhà cửa trong Khu). Và giờ đây ông đã bí mật bán hết đi cho một hãng nhà nước nào đó mới nổi tại thủ đô. Chúng tôi chỉ có thể đoán chừng giá tiền và những lời lãi bí mật của cuộc

mua bán đó, báo chí ở thủ đô đưa tin đó là một sự quốc hữu hoá, có đền bù xứng đáng

Sự ra đi của ông để lại cho chúng tôi cảm giác bị phản bội. Chúng tôi cũng cảm thấy thật điên rồ, bị liên quan. Mọi người đều có thể quyết định trong một sự kinh hoàng trong cuộc bùng nổ nó kéo theo cả những người mạnh mẽ. Và Nazruddin đã báo trước cho tôi. Tôi nhớ ông đã nói qua về sự khác biệt giữa thương gia và nhà toán học. Thương gia mua 10 và sung sướng bán được ở giá 12, nhà toán học thấy 10 lên đến được 18, nhưng không muốn bán vì muốn nhân đôi từ 10 lên 20.

Tôi đã làm tốt hơn thế. Cái (theo thang bậc của Nazruddin) mà tôi đã mua với giá 2 giờ đây theo năm tháng đã lên đến 20. Nhưng giờ đây, với sự ra đi của Noimon, nó đã rơi xuống 15.

Sự ra đi của Noimon đánh dấu kết thúc cho sự bùng nổ của chúng tôi, chấm dứt lòng tin. Tất cả chúng tôi đều biết điều đó. Nhưng tại câu lạc bộ Hellenic – nơi chỉ hai đêm trước, bụi bặm trong mắt, Noimon vẫn còn nói về cách thức thực dụng thông thường của ông về việc nâng cấp bể bơi – chúng tôi đã rất hứng khởi với những điều đó.

Tôi nghe nói rằng Noimon đã bán hết chỉ để có tiền cho con mình đi học, cũng có người nói ông đã bị vợ xúi (có tin đồn rằng Noimon có một gia đình khác, với một người vợ châu Phi). Và rồi đã bắt đầu có tin rằng Noimon hối tiếc về quyết định của mình. Đồng là đồng, cuộc bùng nổ vẫn còn tiếp tục, và trong khi Người Đàn Ông Vĩ Đại vẫn còn nắm quyền, mọi điều sẽ vẫn được tiến triển bình thường. Bên cạnh đó, dù Úc, châu Âu hay Bắc Mỹ là những nơi thật đẹp để đến thăm, cuộc sống ở đó không thể có màu hồng như nhiều người vẫn nghĩ và Noimon, sau một quãng đời sống ở châu Phi, sẽ sớm thấy cái đẹp ở đây. Chúng tôi sống thoải mái hơn trước, với những người phục vụ và những bể bơi, những tiện nghi mà ở những chỗ khác phải triệu phú mới được hưởng.

Điều này thật vô nghĩa. Nhưng người ta vẫn phải nói, dù câu chuyện bể bơi thật là ngu ngốc, bởi vì dù có các kỹ thuật viên nước ngoài, hệ thống cung cấp nước của chúng tôi cũng đã bị hỏng. Thị trấn đã phát triển quá nhanh và quá nhiều người vẫn còn tiếp tục đến, trong những thị trấn đổ nát các ống nước khẩn cấp được sử dụng cả ngày, và giờ đây nước thiếu thốn ở mọi nơi. Một số bể bơi – chúng tôi không có nhiều lắm – đã cạn nước. Ở một số nơi máy lọc đã bị khoá lại – tiết kiệm hoặc vì thiếu kinh nghiệm – và những bể bơi đó bị một thứ rêu mọc màu xanh sáng với những thứ cỏ mọc nhanh bao phủ, giống như một khu rừng đầy chất độc. Nhưng những bể bơi đó vẫn tồn tại, dù tình trạng thế nào đi nữa, và mọi người vẫn có thể nói về chúng như thế bởi vì ở đây chúng tôi thích ý tưởng về bể bơi hơn là chính bản thân nó. Ngay cả khi các bể bơi hoạt động thì chúng tôi vẫn chưa học được cách thích nghi với sự xa xỉ buồn tẻ trong cuộc sống ngày qua ngày của thị trấn chúng tôi.

Tôi nói lại với Mahesh ở câu lạc bộ Hellenic, đoán rằng anh sẽ chia sẻ thái độ với tôi hoặc ít nhất cũng sẽ thấy chuyện đó buồn cười, cũng tồi tệ như một chuyện đùa.

Nhưng Mahesh không thấy chuyện đùa. Cả anh cũng đánh giá cao chất lượng vượt trội của cuộc sống trong thị trấn này.

Anh nói "Tôi mừng là Noimon đã đi. Cứ để ông ta có được hương vị của cuộc sống tốt đẹp ở đây. Tôi hy vọng ông ấy sẽ hối tiếc. Shoba có vài người bạn Ismaili ở London. Họ rất khoái cuộc sống ở đó. Nhưng không phải tất cả. Họ vẫn viết cho Shoba. Anh cứ hỏi cô ấy. Cô ấy sẽ nói với anh về những người bạn ở London. Cái mà họ gọi là một cái nhà to ở đấy có thể chỉ là một chuyện cười với chúng ta ở đây. Đắt đỏ lắm. Hỏi họ sống thế nào nếu về nhà. Không ai trong số họ sống như tôi đang sống ở đây hết cả".

Sau đó tôi nghĩ rằng từ "tôi" cuối cùng trong câu nói của Mahesh đã làm tôi bức dọc. Mahesh có thể diễn đạt tốt hơn. Từ "tôi" khiến tôi nghĩ nó đến điều đã làm Indar tức giận về bữa trưa của anh với Mahesh và Shoba.

Indar đã nói "Họ không biết tôi là ai hay tôi đã làm gì. Họ thậm chí còn không biết tôi đã từng ở đâu", Anh đã nhìn thấy điều mà tôi không nhìn thấy khi đó, với tôi thật là cả một tin tức lớn khi nghe Mahesh nghĩ là anh đang sống "tốt", theo cách mà anh nói.

Tôi chưa từng nhận thấy một sự thay đổi lớn lao nào trong cách sống của anh. Anh và Shoba vẫn sống trong căn hộ bê tông của mình với phòng khách đầy những thứ nhỏ bé. Nhưng Mahesh không đùa. Trong bộ trang phục đẹp để cạnh chiếc máy pha cà phê nhập về cho cửa hàng uỷ quyền của mình, anh thực sự nghĩ rằng đó là cái gì đó, thành công và trọn vẹn, thực sự nghĩ anh đã làm ra nó và không còn chỗ nào cao hơn để đến nữa cả. Bigburger và cuộc bùng nổ - và Shoba, luôn ở đó – đã tiêu diệt toàn bộ bộ óc hài hước của anh. Và tôi thường nghĩ anh là một người sống sót bên lề!

Nhưng tôi cũng không thể kết tội anh hay những người khác. Tôi cũng giống họ. Tôi cũng muốn sống với cái mình đang có, tôi cũng căm ghét cái ý tưởng rằng tôi bị liên quan. Tôi không thể nói, như họ, rằng mọi chuyện vẫn rất tốt. Nhưng quả thực đó là thái độ của tôi. Việc cuộc bùng nổ đã đi xuống và lòng tin đã bị lung lay với tôi đã là lý do quá tốt để không phải làm gì cả. Đó là cách tôi giải thích cho Nazruddin khi ông viết cho tôi từ Uganda.

Nazruddin rất ít viết thư cho tôi. Nhưng ông vẫn thu thập kinh nghiệm, trí óc ông vẫn hoạt động đều, và dù thư của ông làm tôi bồn chồn trước khi mở ra đọc, tôi luôn đọc chúng với sự thích thú, bởi vì bên trên tin tức cá nhân ông luôn có một cái gì đó mới mẻ mà ông định bắt tay vào.

Chúng tôi vẫn còn rất bị sốc về chuyện Noimon nên tôi nghĩ, khi Metty mang thư đến cho tôi từ bưu điện, rằng bức thư viết về Noimon hoặc về triển vọng của thị trường đồng. Nhưng đó lại là thư về Uganda. Tại đó cũng có nhiều vấn đề.

Mọi việc ở Uganda đều rất tệ. Nazruddin viết. Quân đội đã làm chủ, đầu tiên thì tỏ ra tử tế, nhưng giờ đây đã có những dấu hiệu rõ ràng về những cuộc biến loạn bộ lạc và sắc tộc. Và những biến loạn đó sẽ thối tung tất cả. Uganda rất đẹp, dễ sống, không bị nghèo đói, phì nhiêu và có những truyền thống cao cấp của châu Phi. Cần phải có tương lai, nhưng vấn đề với Uganda giờ đã lớn lắm rồi. Đất nước giờ đây trở nên quá nhỏ bé cho những hằn thù giữa các bộ lạc. Những con đường xe hiện đại đã khiến đất nước trở nên quá nhỏ bé, luôn có thể có bạo loạn. Giờ đây mọi bộ lạc đều cảm thấy bị đe dọa trong lãnh thổ của chính mình hơn là những ngày khi mọi người, kể cả các thương gia từ bờ biển như cha ông chúng tôi đi bộ đến, và một cuộc phiêu lưu buôn bán đơn giản cũng có thể mất hàng năm. Châu Phi, trở lại ngày xưa với những phương tiện hiện đại, giờ lại ở tình trạng khó khăn. Tốt hơn là đọc chính những dấu hiệu chứ đừng hy vọng mọi việc có thể được giải quyết.

Thế nên lần thứ ba trong đời Nazruddin nghĩ đến việc chuyển đi và bắt đầu lại, lần này không ở châu Phi nữa mà ở Canada. "Nhưng vận may của bác hết mất rồi. Bác thấy điều đó trong bàn tay mình".

Bức thư, dù mang đến những tin tức không hay ho gì, vẫn được viết với phong cách trầm tĩnh xưa nay của Nazruddin. Nó không hề đưa ra lời khuyên trực tiếp và không hề có đòi hỏi trực tiếp nào. Nhưng đó là một sự gợi lại – đặc biệt vào thời điểm khó khăn của ông – về món hời tôi kiếm được từ Nazruddin, bốn phần của tôi đối với gia đình ông cũng như gia đình tôi. Và cùng lúc nó củng cố ý muốn ở lại, không làm gì hết của tôi.

Tôi trả lời theo cách tôi đã nói, vẽ ra những nét đại cương về những khó khăn mới của chúng tôi tại thị trấn. Tôi dành thời gian viết trả lời, và khi tôi thấy mình đang viết một cách say mê, dựng lên cho Nazruddin thấy chân dung của tôi như là ai đó thiếu khả năng và không giúp đỡ được gì, một trong số những "nhà toán học" của ông. Và không gì tôi viết là đúng cả. Tôi tự gọi mình là kẻ vô dụng]. Tôi không biết nơi nào tôi có thể đến.

Tôi không nghĩ – sau những điều tôi đã nhìn thấy ở Indar và những người khác trong Khu – rằng tôi có tài hoặc những kỹ năng để sống được tại một đất nước khác.

Và cứ như thế tôi đã bị chính bức thư của mình tóm lấy. Sự hoảng sợ của tôi tăng lên, cùng cảm giác tội lỗi và ý nghĩ tôi đang tự phá huỷ chính mình. Và ngoài điều đó ra, ngoài cuộc sống, tôi đang cảm thấy mình chìm xuống và càng chìm xuống tôi lại càng bị ám ảnh. Tôi bắt đầu tự vấn. Liệu tôi có bị Yvette sở hữu không? Hay là tôi – giống như Mahesh với ý tưởng mới về việc anh ta là ai – nằm trong tay tôi, người đàn ông mà tôi nghĩ là thuộc về Yvette? Để phụng sự nàng theo cách tôi làm, thật cần thiết phải nhìn nhận từ bản thân tôi. Sự thoả mãn của tôi nằm ở chính sự nghi ngờ về bản thân này, tôi nghi ngờ, sau cuộc đời nhà thổ của mình liệu tôi có còn là một người đàn ông theo cách đó với mọi người đàn bà khác. Nàng đã cho tôi niềm tin về nam tính mà tôi ngày càng cần. Sự gắn liền của tôi vào nàng chẳng phải là một sự gắn liền theo ý tưởng đó ư?

Gắn chặt một cách lạ lùng với ý tưởng đó, ý tưởng về tôi và Yvette, là thị trấn – căn hộ, ngôi nhà ở Khu, cách thức cả hai cuộc sống mà chúng tôi sắp xếp, sự vắng mặt của một cộng đồng, sự tách biệt mà chúng tôi sống. Không chỗ nào khác có thể giống hệt ở đây, và có lẽ không chỗ nào khác quan hệ chúng tôi lại có thể diễn ra như ở đây. Vấn đề tiếp tục tại một nơi khác không bao giờ được đặt ra. Tôi không hề thích nghĩ đến toàn bộ những điều đó.

Lần đầu tiên khi nàng trở lại căn hộ sau bữa tối tại nhà, tôi cảm thấy mình đã biết được chút gì đó về các nhu cầu của nàng, của một người đàn bà tham vọng đã lấy chồng từ khi còn trẻ và đến một đất nước sai lầm, tự dày vò mình. Tôi chưa bao giờ cảm thấy mình có thể đáp ứng những nhu cầu đó. Tôi ngày càng chấp nhận, và bị phẫn khích với ý tưởng rằng tôi là một đười ươi đã trở thành một thói quen. Có thể nàng cũng nghĩ về tôi như thế. Nhưng tôi không có cách nào kiểm chứng điều đó và cũng không

thật sự muốn lắm. Sự cô độc khiến tôi bị ám ảnh đã trở thành điều gì đó mà tôi thấy là cần thiết.

Trong thời gian đó mọi việc vẫn tiến triển, và hai chúng tôi đều quay trở lại với cuộc sống đứt đoạn của mỗi người. Không có thảm kịch nào. Tính tất yếu của sự kết thúc – ngay cả khi cuộc bùng nổ kinh tế đã chấm dứt và 15 điểm của tôi rớt xuống 14, khi Nazruddin và gia đình ông thử đi lập nghiệp ở Canada – là sự an toàn của tôi.

Khá đột ngột, Shoba rời chúng tôi để đi thăm gia đình cô ở phía đông. Bố cô mất. Cô đến dự lễ hoả táng.

Tôi rất ngạc nhiên khi nghe Mahesh kể điều đó. Không phải về cái chết, mà vì việc Shoba có thể quay trở lại gia đình mình. Tôi hoàn toàn không thể tin được điều này. Shoba đã tự cho mình là kẻ chạy trốn, là người đã chống lại lễ giáo của cộng đồng mình khi lấy Mahesh, và đã sống tại nơi xa xôi để trốn tránh sự trả thù của gia đình mình.

Khi lần đầu tiên cô kể câu chuyện đó cho tôi – vào bữa trưa một ngày yên lặng, chậm rãi trong cuộc nổi loạn – cô đã nói rằng cô phải cẩn thận với người lạ. Gia đình cô rất có thể thuê ai đó, thuộc dòng giống bất kỳ, làm điều mà họ đã đe dọa, làm biến dạng dung nhan cô, hoặc giết Mahesh. Axit trên khuôn mặt một người phụ nữ, giết một người đàn ông – họ là một gia đình kiểu mẫu trong những chuyện như thế này và Shoba rất chững chạc theo nhiều cách, không quá khó chịu cho tôi biết rằng cô đã bị đe dọa. Thường thì những mối đe dọa đó không có nghĩa lý gì, và chỉ để làm thỏa mãn một tập tục, nhưng đôi khi chúng có thể được thực thi chính xác đến từng chữ. Dù sao, thời gian cũng đã trôi qua, và Shoba dường như cũng đã quên đi một số chi tiết về câu chuyện đầu tiên của mình, tôi không còn tin vào tấn thảm kịch về một người lạ mặt giết thuê đó nữa. Nhưng tôi vẫn tin rằng Shoba bị gia đình đuổi đi.

Tôi vẫn luôn có ý thức về tấm gương của Shoba, và đám tang của bố cô giúp tôi phát hiện cô vẫn còn những mối dây liên lệ với gia đình. Mahesh cũng cư xử như một người con rể đang đau buồn. Điều này có thể là cách của anh dựng lên một tấn kịch thảm thiết bên ngoài công việc để có được những đơn đặt hàng đắt tiền cà phê và bia và Bigburger (giá cả vào những ngày đó!) với một dáng vẻ dịu dàng và buồn bã. Nhẽ ra tôi cũng theo cách của anh để tỏ ra thông cảm với Shoba. Nhưng quả thật làm như thế hơi giống cách cư xử của một người đàn ông cảm thấy cuối cùng cũng kiếm được chỗ của mình. Thế đấy!

Nhưng rồi câu chuyện đùa bắt đầu trở nên tồi tệ. Shoba đi tị nạn hai tháng. Cô trở về sau đó ba tuần, và lần này có vẻ như là đi trốn. Tôi không nhận được lời mời ăn trưa nào, những bữa ăn đó – gần như giờ đã trở thành truyền thống – cuối cùng cũng đã chấm dứt. Cô ghét tình hình chính trị ở phía đông, Mahesh nói. Cô không bao giờ thích người châu Phi và đã trở về, tức tối vì nạn trộm cắp và những nhà chính trị ăn của đứt lót, những lời dối trá liên tiếp và thù địch trên radio và trên báo chí, trò giật túi ngay giữa thanh thiên bạch nhật, sự bạo hành vào ban đêm. Cô hoảng sợ về một khía cạnh của gia đình mình, với nó cô đã lớn lên và luôn nghĩ là vững chắc và an toàn. Toàn bộ những cái đó, xen lẫn với sự lo lắng của cô dành cho người cha, đã làm cô trở nên lạ lùng. Tốt hơn và để thời gian trôi đi, Mahesh giải thích như vậy.

Nhưng như thế vẫn chưa hẳn là giải thích. Chắc hẳn còn có cái gì đó hơn là nỗi tức giận về chính trị và sắc tộc và sự lo lắng cho người cha mà cô từng xấu hổ. Liệu có thể có một cách nhìn mới nào đó về người đàn ông cô đã lựa chọn và sống với anh ta? Một tiếc nuối nào đó về cuộc sống gia đình giờ đây cô đã bỏ phí, một mối lo lớn hơn với những điều cô đã phản bội?

Về đau buồn mà Mahesh, khi không có mặt Shoba, sẵn sàng để khoác vào người là một nỗi buồn sâu sắc và có thật sau khi Shoba trở về, và rồi

nổi buồn đó biến thành nổi tức tối nóng giận. Anh bắt đầu để lộ tuổi tác. Niềm tin, điều đã làm tôi điên tiết, rời khỏi anh. Tôi lo vì điều đó, lo rằng anh có thể hưởng nó trong thời gian quá ngắn ngủi. Và anh, người đã nói thẳng thắn về Noimon, và đã nói tự hào đến thế về cách anh sống ở đây, giờ lại nói "Buồn cười thật Salim ạ. Tất cả lại trở nên hài hước rồi".

Không còn có thể ăn trưa với họ hoặc tới thăm căn hộ của họ, tôi đành đến Bigburger vài buổi tối để nói vài lời với Mahesh. Một tối tôi gặp Shoba ở đó.

Cô đang ngồi ở quầy tính tiền, dựa lưng vào tường, và Mahesh ngồi trên một cái ghế gần cô. Họ giống như những khách hàng.

Tôi chào Shoba, nhưng cô không hề tỏ ra nồng nhiệt. dường như tôi là một người lạ hoặc ai đó cô chỉ biết sơ sơ. Và thậm chí khi tôi ngồi xuống bên cạnh Mahesh cô vẫn tiếp tục tỏ ra xa cách. Cô làm ra vẻ không nhìn thấy tôi. Và Mahesh thì vờ như không nhận thấy điều gì hết. Hay là cô đang trách cứ tôi vì những điều mà cô đang tự kết án trong lòng mình?

Tôi biết họ từ lâu lắm rồi. Đó là một phần cuộc đời tôi, dù sao tình cảm của tôi với họ cũng giảm sút rồi. Tôi có thể thấy được sự chật chội và nỗi đau và cái gì đó ồm yếu trong đôi mắt Shoba. Tôi cũng có thể thấy cô đang đóng kịch một chút. Dù vậy tôi vẫn bị tổn thương. Và khi tôi đi – không hề có tiếng kêu "ở lại đi!" từ một trong hai người – tôi cảm thấy rã rời và hơi thất vọng. Và mọi chi tiết thân thuộc của cuộc sống ngoài đường buổi đêm – những đám lửa nướng in lên những gương mặt kiệt sức của những người ngồi quanh, những nhóm người trong những bóng tối dưới thêm các cửa hiệu, những người ngủ và những người bao quanh, sự mê hồn rách rưới lạc lối, những ánh đèn của một quầy bar chiếu ra một lối vào bằng gỗ - mọi thứ đều đã mang một ý nghĩa khác.

Trong căn hộ có một chiếc radio. Nó thường được bật rất to, và khi đi lên cầu thang lộ thiên tôi có cảm giác Metty đang nghe bình luận trận bóng

đá từ thủ đô. Một giọng chói tai đang vang lên, và có tiếng đám đông rống lên. Cửa phòng Metty không đóng, nó đang mặc đồ ở nhà và ngồi ở mép giường. Ánh sáng từ ngọn đèn treo ở giữa phòng màu vàng và tối, radio đang nói oang oang.

Nhìn lên thấy tôi, rồi lại nhìn xuống, rất tập trung, Metty nói "Tổng thống".

Thật rõ ràng, giờ đây tôi đã bắt đầu nghe được các từ. Điều này giải thích vì sao Metty cảm thấy không cần giảm âm lượng của radio xuống. Một bài diễn văn, tôi đã quên mất.

Tổng thống nói bằng tiếng châu Phi mà hầu hết người dân ở dọc dòng sông hiểu được. Một thời ông phát biểu bằng tiếng Pháp. Nhưng trong bài diễn văn này chỉ có một vài từ tiếng Pháp là citoyen và citoyenne, và chúng được dùng đi dùng lại, để tạo nhạc tính, giờ đây đang biến thành những câu gọn sóng, giờ đây đang tách biệt, mỗi âm tiết đều để tạo hiệu ứng của một tiếng trống trang trọng.

Thứ tiếng châu Phi mà Tổng thống đã lựa chọn cho các bài phát biểu của mình là một thứ ngôn ngữ hoà trộn và đơn giản, và ông đã đơn giản hóa nó hơn nữa, biến nó thành ngôn ngữ của quây rượu và cuộc cãi nhau trên phố, tự biến đổi mình, trong khi nói, người đàn ông làm mọi người bối rối và bắt chước nhãn hiệu sự cao đẳng và ân điển của de Gaulle thành hạ đẳng nhất trong những cái hạ đẳng. Và đó là chỗ hấp dẫn của thứ ngôn ngữ châu Phi mà Tổng thống sử dụng. Các sử dụng vương giả và đầy chặt nhạc, thứ ngôn ngữ thấp kém nhất và những câu nói thô nhất là cái đã làm Metty say mê.

Metty say sưa nghe. Đôi mắt nó, dưới những đốm sáng vàng vọt của cái trán, cố định, nhú lại, đầy chăm chú. Môi nó mím lại và trong sự tập trung nó vẫn tiếp tục mím. Khi nghe thấy những câu nói thô tục dân dã, hoà với tiếng đám đông gào lên, Metty mỉm cười.

Bài diễn văn, cho đến lúc này, vẫn giống với rất nhiều bài diễn văn khác mà Tổng thống đã đọc. Chủ đề không có gì mới: hy sinh và tương lai sáng sủa, nhân phẩm phụ nữ châu Phi, sự cần thiết phải củng cố, dù với những người da đen đó tại các thị trấn mới đến việc một ngày được bước đi như những người da trắng, nhu cầu của những người châu Phi ở châu Phi, quay trở lại nỗi xấu hổ về cách thức dân chủ và xã hội, và phát hiện lại những yếu tố đẹp của sự ăn kiêng và những thứ thuốc men của ông cha và không chạy theo như trẻ con những thứ đồ chai lon nhập khẩu, yêu cầu cảnh giác, làm việc, và trên hết, kỷ luật.

Đó là tại sao, trong khi xuất hiện chỉ để thiết lập lại kỷ luật, Tổng thống lại có thể cũng nhận ra và lỗi bịch hóa sự phê phán của mình, dù đó là sự thờ cúng đức mẹ đồng trinh hay sự thiếu lương thực thuốc men. Ông luôn tỏ ra phê phán, và ông thường đẩy cao nó lên. Ông có thể tỏ ra là mình biết mọi thứ. Ông có thể tỏ ra mọi thứ đang diễn ra ở đất nước, tốt xấu hay tầm thường, đều là một phần trong kế hoạch lớn hơn của ông.

Người dân thích nghe những bài diễn văn của Tổng thống vì nó rất gần gũi, giống như Metty lúc này, họ chờ đợi những lời nói đùa quen thuộc. Nhưng mọi bài phát biểu cũng là một lần diễn trò, với những đạo cụ sân khấu và mỗi bài diễn văn có một mục đích. Bài diễn văn này có chủ đề liên quan đến thị trấn và vùng của chúng tôi. Đó là điều Tổng thống đã nói, và đã trở thành một trong số và đã trở thành một trong số những đạo cụ của phần sau bài diễn văn, ông liên tục ngắt lời để nói rằng ông có điều gì đó để nói với người dân thị trấn và vùng của chúng tôi, nhưng chúng tôi còn phải chờ đợi. Đám đông ở thủ đô luôn coi đạo cụ là đạo cụ, phần mới của phong cách, bắt đầu gào lên khi nghe nhắc đến chúng

Ở vùng chúng tôi thích bia của chúng tôi. Tổng thống nói. Ông còn thích hơn, ông có thể chuốc say bất kỳ ai trong số chúng tôi vào một ngày nào đó. Nhưng chúng tôi không được đi đá sớm quá, ông cần phải nói với chúng tôi điều đó. Và rõ ràng rằng lời phát biểu của Tổng thống đang

hướng tới đội Vệ binh trẻ. Cách đây hai hôm hoặc hơn, chúng tôi đã chờ đợi lời phát biểu này, cách đây hai hôm ông đã giữ mọi chuyện trong sự mù mờ.

Đội Vệ binh trẻ không bao giờ lấy lại được uy tín của mình sau thất bại của chuyến đi hàng với quyền sách. Các cuộc đi hàng của con cái họ vào chiều thứ bảy đã chẳng ra sao, và các quan chức đã thấy rằng không có cách nào để bắt buộc trẻ con phải tham gia. Họ đã tiếp tục với Đội tuần tra đạo đức. Nhưng các đám đông buổi đêm giờ đây đã trở nên thù địch hơn, một sĩ quan của đội Vệ binh trẻ đã bị giết vào ban đêm.

Bắt đầu một cuộc cãi nhau với một số người ngủ trên hè đường đã chặn một đoạn vỉa hè theo cách bán thường trực với những khối bê tông dờ từ một toà nhà. Và điều này có thể chỉ kết thúc bằng một màn la hét. Nhưng người sĩ quan đã bị đâm và đã ngã xuống. Sự ngã xuống đó, về bất lực tạm thời đó làm rung động những khối bê tông, và dấu máu khi đó đã khuyến khích một hành động bất thần, đẩy kích động của kẻ giết người, khoảng năm sáu tên có thân hình bé nhỏ.

Không ai bị bắt. Cảnh sát sốt ruột, đội Vệ binh trẻ sốt ruột, người dân trên các phố không sốt ruột. Vài ngày sau đó quân đội được gửi đến giữ trật tự tại một số thị trấn nghèo đói. Việc này đã gây ra một cuộc tản cư nhỏ về các làng, các thuyền độc mộc bận suốt. Nhưng chẳng có gì xảy ra hết cả. Mọi người đều chờ đợi Tổng thống sẽ làm gì. Nhưng hai ngày đã qua mà Tổng thống chẳng nói mà cũng chẳng làm gì hết cả.

Và điều Tổng thống nói giờ đây thật là chậm trễ. Đội Vệ binh trẻ vùng chúng tôi đã rã đám. Họ đã quên trách nhiệm của mình với người dân và đã mất lòng tin vào ông, Tổng thống, họ nói quá nhiều. Các sĩ quan không có tiền lương, họ không cần công việc chính thức nào cả, họ có thể bị đuổi khỏi thị trấn và gửi trả về vùng cây bụi để làm công việc xây dựng tại đó. Tại vùng cây bụi họ có thể học được sự khôn ngoan của khỉ.

"Citoyens – citoyennes, con khỉ thông minh. Khỉ thông minh như cú. Khỉ có thể nói. Các bạn không biết điều đó à? Tốt, tôi sẽ nói cho các bạn bây giờ đây. Khỉ có thể nói, nhưng nó giữ im lặng. Khỉ biết rằng nếu nó nói trước mặt người, người có thể bắt nó, đánh nó và bắt nó làm việc. Bắt nó vác đồ trong trời nắng. Bắt nó chèo thuyền. Citoyens! Citoyennes! Chúng ta sẽ dạy những người đó giống như khỉ. Chúng ta sẽ gửi họ đến vùng cây bụi và để họ làm việc mòn đời ở đó".

KHÚC QUANH CỦA DÒNG SÔNG

V. S. Naipaul

www.dtv-ebook.com

Dịch Giả: Cao Việt Dũng

Chương 14:

Đó là cách của Người Đàn Ông Vĩ Đại. Ông chọn thời điểm của mình, và cái tưởng như là một thử thách đối với quyền lực của ông cuối cùng lại đóng góp thêm cho quyền lực đó. Thêm một lần nữa ông tự chứng tỏ mình là bạn của dân tộc, *petit peuple*, như ông vẫn thích gọi họ, và ông trừng phạt những kẻ chống đối lại.

Nhưng Người Đàn Ông Vĩ Đại chưa từng đến thăm thị trấn chúng tôi. Có lẽ, như Raymond nói, những bản báo cáo ông nhận được không chính xác hoặc không đầy đủ. Và thời điểm đó một cái gì đó sai lầm đã diễn ra. Tất cả chúng tôi đều nghĩ đội Vệ binh trẻ là một mối đe dọa và mọi người đều sung sướng thấy họ biến đi. Nhưng chính sau khi giải tán đội Vệ binh trẻ, mọi việc ở thị trấn của chúng tôi bắt đầu trở nên tồi tệ.

Cảnh sát và các quan chức của mình bắt đầu gây khó khăn. Họ hành hạ Metty bất cứ lúc nào nó lái xe, ngay cả khi đi rất gần, đến chỗ hải quan. Nó luôn phải ngừng xe, đôi khi bởi những người nó quen, đôi khi bởi những kẻ từng dừng xe nó lại trước đó, và giấy tờ xe bị kiểm tra, cả giấy tờ tùy thân của nó nữa. Đôi khi nó phải để xe lại và đi bộ về cửa hiệu để lấy giấy chứng nhận hay giấy tờ gì đó nó không mang theo. Và cũng chẳng ích gì hơn nếu nó có đủ giấy tờ.

Một lần, không có lý do gì hết cả, nó bị đưa đến trụ sở cảnh sát, phải lăn dấu tay và – cùng với một số người mất tinh thần khác đã bị hốt đến – phải mất toi một buổi chiều với những bàn tay đen thui trong căn phòng với

những chiếc ghế gỗ đen thui, sàn nhà bê tông rạn và những bức tường xanh xấu xí và chiếu sáng từ trên đầu và trên vai cọ vào họ.

Căn phòng, mà tôi đã cứu nó ra vào cuối buổi chiều, sau này sẽ ám ảnh nó rất lâu, nằm trong ngôi nhà nhỏ bằng bê tông cốt thép ở đằng sau toà nhà chính thời thuộc địa. Sàn nhà chỉ cách mặt đất có vài inch, cửa mở, và gà què kiếm ăn trong cái sân trống trơn. Đơn sơ và ngập ánh sáng chiều như một căn phòng bình thường như thế, nó lại là nhà tù. Có một cái bàn và một cái ghế dành cho sĩ quan phụ trách, những cái thứ đồ nội thất đó càng khiến những người bị nhốt trong đó mất tinh thần hơn.

Viên sĩ quan mồ hôi chảy ròng ròng trong bộ quân phục hồ quá cứng, chậm rãi viết vào quyển sổ cái, tô từng chữ một, có vẻ như đang vào sổ các chi tiết từ những mẫu giấy bẩn thỉu đầy vết vân tay. Y có một khẩu súng. Có một bức ảnh Tổng thống đang cầm cây gậy uy quyền, và trên đó, trên bức tường xanh, rất cao ở trên, nơi bề mặt tường không bằng phẳng đầy bụi bặm, có dòng khẩu hiệu Discipline Avant Tout - Kỷ luật là trên hết.

Tôi không thích căn phòng này, và tôi nghĩ tốt hơn hết sau chuyện này không để Metty lái xe nữa, tự tôi sẽ tới chỗ nhân viên và môi giới hải quan. Nhưng rồi bọn sĩ quan cũng lại đối xử với tôi như thế.

Họ lục lại các tờ khai hải quan cũ, những thứ đã được đóng dấu và được quy định theo mẫu từ lâu, và mang chúng đến cửa hiệu, vẩy vào mặt tôi như những tờ giấy đòi nợ đến hạn phải trả. Họ nói họ đang có áp lực từ thượng cấp và muốn làm lại vài chi tiết với tôi. Thoạt tiên họ còn rụt rè, giống như những thằng bé muốn làm cho tôi một điều tốt nào đó, rồi họ quay ra tức tối, như những quan chức bị chạm nọc. Những người khác muốn kiểm tra kho hàng của tôi xem có gian dối gì so với những lời khai trong tờ khai hải quan và hóa đơn bán hàng của tôi, những người khác nói muốn kiểm tra giá cả.

Thật là phiền phức, và mục đích là tiền, và tiền thật nhanh, trước khi mọi chuyện thay đổi. Những người đó đã đánh hơi thấy những đổi thay sắp tới, trong sự giải tán đội Vệ binh trẻ họ đã thấy những dấu hiệu yếu ớt của Tổng thống , chứ không phải là sức mạnh. Và trong tình hình đó tôi không thể cầu viện ai được. Mọi quan chức đều sẵn sàng, để được coi trọng, đảm bảo về đạo đức của mình. Nhưng không một quan chức nào ở chức vụ đủ cao hoặc đủ an toàn để đảm bảo đạo đức một quan chức khác.

Mọi việc trong thị trấn vẫn thế - quân đội đóng ở các doanh trại, những bức ảnh Tổng thống ở khắp nơi, tàu thủy từ thủ đô đến. Nhưng mọi người đã mất đi hoặc đã vứt đi ý tưởng về một quyền lực nhìn thấu mọi sự, và mọi thứ lại trở nên trôi tuột như ban đầu. Đến lần này, sau bao nhiêu năm hoà bình và hàng hoá đầy trong kho, người ta trở nên tham lam hơn.

Điều xảy đến với tôi cũng xảy đến với những người buôn bán khác. Ngay cả Noimon, nếu ông vẫn ở lại, có thể cũng phải chịu chung số phận. Mahesh âu sầu hơn bao giờ hết. Anh nói "Tôi vẫn thường nói: mi có thể thuê chúng, nhưng mi không thể mua được chúng". Đó là một trong những câu châm ngôn của anh, nó có nghĩa là ở đây không còn có thể có những mối quan hệ thẳng băng nữa, rằng chỉ còn có những bản hợp đồng qua ngày giữa người và người, và trong cơn khủng hoảng đó hoà bình là cái gì đó bạn có thể mua tươi sống hàng ngày. Lời khuyên của anh là chịu đựng đến cùng. Thì chúng tôi cũng chẳng thể nào làm gì khác được cả.

Cảm giác của tôi – sự thoải mái bí mật của tôi trong khoảng thời gian này – là các quan chức đã làm rối tình hình và sự điên cuồng của họ tự họ gây ra. Cũng giống như Raymond, tôi ngày càng tin vào sự khôn ngoan trong quyền lực của Tổng thống , và luôn tin ông có thể làm gì đó để đảm bảo quyền lực của mình. Vì vậy tôi nói dối quanh co và không chịu trả tiền, vì nếu trả lần đầu tôi sẽ tiếp tục phải trả mãi.

Nhưng sự kiên nhẫn của những tên quan chức đó lớn hơn của tôi. Không có gì quá lời khi nói rằng không ngày nào không có một viên quan

chức nào đó rờ đến tôi. Tôi bắt đầu chờ họ gọi. Điều này khiến thần kinh của tôi trở nên căng thẳng. Đến giữa buổi chiều mà vẫn chưa có ai gọi tới là tôi thấy mình mồ hôi đầm đìa. Tôi ngày càng căm ghét và sợ hãi, những khuôn mặt cười cười malin gí sát vào mặt tôi trong một sự thân tình và cứu giúp giả dối.

Và rồi áp lực giảm dần. Không phải vì Tổng thống đã hành động gì đó, như tôi từng hy vọng. Nhưng bởi vì bạo lực đã đến thị trấn của chúng tôi. Không là những vụ đánh lộn và giết nhau như kịch trên hè phố mỗi tối nữa, mà là cuộc tấn công định kỳ, hàng đêm vào nhiều khu vực khác nhau tại các trụ sở cảnh sát và bản thân các cảnh sát cùng các quan chức và thợ xây.

Nhưng không nghi ngờ gì nữa, chính các quan chức đã thấy trước được sự việc sẽ đến, trong khi tôi thì không. Chính vì lẽ đó họ đã ra sức vơ vét đến mức có thể. Một đêm bức tượng đức mẹ đồng trinh châu Phi và đứa con ở Khu bị giật đổ khỏi cái bệ của nó và bị phá tan tành, như là ngày trước những bức tượng thời thuộc địa. Từng bị nghiền nát, và tòa nhà bên ngoài cầu tàu cũng vậy. Sau đó các quan chức bắt đầu biến đi đâu hết. Họ thôi không tới quấy rầy cửa hiệu nữa, họ còn quá nhiều việc khác để làm. Và dù tôi không thể nói liệu mọi việc có trở nên tốt đẹp hơn không thì bạo lực vẫn tới, với tôi cũng như mọi người tôi gặp trên phố và các quảng trường, thật lạ, hầu hết chúng tôi lại cảm thấy vui mừng, giống như khi ngắm nhìn một ngọn lửa lớn hoặc một cơn bão.

Tại cái thị trấn đang lớn bồng, đông chật người, không có luật lệ của chúng tôi, đã có một số cuộc bạo loạn. Đó là những cuộc quấy rối liên quan đến nước sạch, và trong nhiều trường hợp tại các thị trấn nghèo đói đã từng có những bạo loạn khi ai đó bị xe chệt chết. Trong điều kiện đang diễn ra vẫn còn cái nhân tố c sự điên cuồng của mọi người, nhưng cũng rõ ràng rằng chúng có tổ chức hơn, hoặc ít nhất nó cũng có một kỷ luật nghiêm hơn. Vài lời dự báo, hình như vậy, đã được tung ra quanh các khu cité và

các thị trấn nghèo đói và đã tìm được sự khẳng định trong suy nghĩ của rất nhiều người. Chính vì thế các quan chức đã rời đi.

Một buổi sáng, khi mang cà phê đến cho tôi, Metty, trông rất nghiêm trang, đưa cho tôi một mẫu giấy, được gấp lại kỹ càng, bắt đầu đọc theo đường viền bên ngoài. Đó là tờ truyền đơn với tiêu đề "Tổ tông gào thét" được xuất bản bởi một tổ chức nào đó có tên là Đội Quân Tự Do.

"Tổ tông gào thét". Quá nhiều vị thần giả dối đã đáp xuống mảnh đất này, nhưng không vị nào lại giả dối bằng các vị thần ngày nay. Việc thờ phụng người phụ nữ châu Phi đã làm mờ đi hình ảnh người mẹ thật sự của chúng ta, và kể từ chiến tranh là hoạt động chính trị mở rộng, chúng ta quyết định đối mặt với Kẻ Thù bằng dụng cụ vũ trang. Tuy nhiên tất cả chúng ta đều đã chết vĩnh viễn. Các bậc Tổ tông đang gào thét. Nếu chúng ta không điếc chúng ta sẽ nghe thấy họ. Chúng ta gọi những thế lực đế quốc, các công ty đa quốc gia và những chính phủ bù nhìn là Kẻ Thù, là những đức chúa giả dối, những kẻ tư bản, những kẻ giáo sĩ và giáo viên đã đưa ra cách diễn giải giả dối. Luật pháp khuyến khích tội ác. Các trường học rao giảng sự ngu dốt và mọi người thực thi sự ngu dốt hơn là yêu thích văn hoá thực sự của mình. Lính tráng và cảnh vệ của chúng ta được cung cấp những ham muốn giả dối và giờ đây ở mọi nơi những người nước ngoài coi chúng ta là những tên trộm. Chúng ta đang mơ hồ về chính mình và đang dẫn mình đi lạc lối. Chúng ta đang bước gần đến cái chết. Chúng ta đã quên mất Những Đạo Luật Sự Thật. Chúng ta – Đội Quân Tự Do, không hề được giáo dục. Chúng ta không in sách và phát biểu. Chúng ta chỉ biết Chân Lý, và chúng ta coi mảnh đất này là mảnh đất của những người mà tổ tông của họ đang phản đối. Dân Tộc Chúng Ta phải hiểu được sự thách thức. Họ phải học cách chết với chúng ta.

Metty nói nó không biết tờ truyền đơn này từ đâu đến. Ai đó đã nhét vào nó người đêm hôm trước. Tôi nghĩ nó biết nhiều hơn thế, nhưng không bắt nó nói.

Chúng tôi không có nhiều máy in trong thị trấn, và tôi thấy ngay là tờ truyền đơn – được in rất tồi, chữ gãy và lẫn lộn vào nhau – đến từ hiệu in được sử dụng để in tờ báo tuần của đội Vệ binh trẻ. Tờ báo đó, khi còn tồn tại, đã từng là tờ báo địa phương duy nhất ở đây, và là một tờ báo không có ý nghĩa gì – cũng giống như những tờ báo tường của trường học, với những mẫu quảng cáo vớ vẩn của các thương gia, người buôn bán và thậm chí cả những người bán các sạp hàng ở chợ, và một ít gọi là tin tức (đúng ho_nó là những lời hăm dọa gửi chung tới cho mọi người) về những kẻ không chịu theo các quy định đi lại hoặc sử dụng xe cộ của chính phủ như là taxi ban đêm hoặc ngủ ở chỗ không được phép.

Còn lạ hơn thế nữa. Các sĩ quan của đội Vệ binh trẻ, khi còn phục vụ Tổng thống, đã từng rất căm ghét những người họ dẫn tới cảnh sát. Giờ đây, bị làm nhục bởi Tổng thống trong bài phát biểu "con khỉ" đó, bị tước mất quyền lực và việc làm, họ hiện ra trước mọi người như là những người bị hắt hủi đau khổ của vùng, như là những người bảo vệ mọi người trong vùng. Và mọi người hưởng ứng.

Điều này cũng giống như khoảng thời gian trước cuộc nổi loạn. Nhưng hồi đó không hề có những tờ truyền đơn, không có những lãnh tụ trẻ và có giáo dục đến thế. Và còn một cái gì đó khác nữa. Vào thời cuộc nổi loạn thị trấn mới chỉ đang bắt đầu được tái thiết, và những biến loạn đầu tiên bắt đầu từ khá xa, tại các ngôi làng. Giờ đây mọi thứ đều diễn ra trong bạo lực, và đầu tiên dường như chỉ hướng tới các quan chức thì giờ đây đã ngày càng trở nên thông thường hơn. Các quầy hàng và cửa hiệu châu Phi bị tấn công và cướp bóc. Người ta bắt đầu bị giết bằng những cách thức thật rùng rợn bởi những kẻ gây bạo loạn và cảnh sát và các quan chức tại các thị trấn nghèo khổ

Thoạt tiên là người châu Phi và các vùng lân cận, tiếp đó là những người nước ngoài và vùng trung tâm – tôi quan sát thấy tiến trình đó ở đây. Nghĩa là, vừa mới thoát được kiểu tấn công của các quan chức mà tôi

không thể kêu đâu được, lại một lần nữa tôi phải nghĩ mình đang trơ trọi, không có gì che chắn. Tôi mang nỗi sợ hãi này theo mình trên những đường phố quen thuộc, cái cảm giác mà giờ đây tôi thấy bị tổn thương một cách cụ thể. Đường phố bao giờ cũng nguy hiểm. Nhưng không phải với tôi. Với tư cách một người đứng ngoài, cho đến giờ tôi luôn tách biệt với bạo lực mà tôi chứng kiến.

Sự loạn lạc có quy mô thật lớn. Nó cắt đứt mọi thứ, và lần đầu tiên tôi nghĩ đến một cuộc tranh đấu. nếu đã từng có một ngôi nhà an toàn chờ tôi về, ở khá xa thị trấn nơi có thể để tôi vào, tôi tin rằng lần này mình đã bị bỏ rơi. Đã từng có một căn nhà, đã từng có nhiều căn nhà như thế. Nhưng giờ đây không còn ngôi nhà nào như thế nữa. Tin tức từ Nazruddin đứt đoạn. Năm đầu tiên của gia đình ông ở Canada bắt đầu rất tệ, ông lại lần nữa hốt cả gia đình đi và lần này thì sang Anh. Thế giới bên ngoài không còn cung cấp chỗ trú ngụ nữa, với tôi nó vẫn là một cái gì đó to lớn không được biết đến, và ngày càng đáng sợ. Điều tôi từng một lần viết một cách giả dối cho Nazruddin giờ đã thành sự thật. Tôi không còn vị thế để hành động nữa. Tôi phải ở lại chỗ mình đang ở.

Và, quên mất các mục đích, tôi tiếp tục sống cuộc đời của mình, tôi đã học được điều đó nhiều năm trước từ Mahesh. Và sự việc ngày càng đi sâu hơn, trong những mối quan hệ của tôi với mọi người mà tôi biết, mà tôi đã quên không nghiên cứu khuôn mặt nữa, đã quên đi nỗi sợ hãi của mình. Theo cách này nỗi sợ, cảm giác mà ai cũng có thể thấy và đến vào bất kỳ lúc nào, trở thành nền tảng, một điều kiện của cuộc sống, là cái gì đó bạn buộc phải chấp nhận. Và tôi gần như bình thản với điều mà một người Đức từ thủ đô đến, một người trạc sáu mươi tuổi, nói với tôi một chiều tại câu lạc bộ Hellenic.

Ông ta nói "Trong tình hình này, anh không thể suốt ngày sợ hãi như thế. Điều gì đó có thể xảy ra, nhưng anh phải nghĩ nó như là một tai nạn vớ

vấn. Điều gì đó bên ngoài tầm kiểm soát của anh, điều có thể xảy ra ở bất cứ đâu".

Thời gian trôi đi. Không một tiếng nổ nào vang tới, không một động lực nào như tôi đã chờ đợi lúc đầu. Những tiếng súng đã không nổ ở trung tâm, những ý nghĩa của cuộc nổi loạn đã bị giới hạn. Các cuộc tấn công và giết chóc giảm dần, cảnh sát bắt đầu truy bắt, dường như đã có một sự cân bằng nào đó. Hai hoặc ba người bị giết mỗi tối. Nhưng, thật lạ, tất cả dường như diễn ra ở xa lắm. Sự uế oải to lớn và không thể kiểm soát của thị trấn đã bóp nghẹt toàn bộ và chỉ để lộ ra những sự kiện quái đản nhất, mọi người trên đường phố và quảng trường đã không còn chờ đợi tin tức nữa. Tin tức, trên thực tế rất hiếm. Tổng thống không tuyên bố gì, và đài hoặc báo chí từ thủ đô cũng không đưa thêm tin tức gì cả.

Tại trung tâm thị trấn của chúng tôi cuộc sống lại tiếp tục như trước. Thương gia đến từ thủ đô bằng máy bay hoặc tàu thủy và lại đến ở chỗ Van der Weyden, đến ăn ở những quán ăn nổi tiếng nhất, giải trí ở những hộp đêm nổi tiếng nhất và không hỏi han gì, có thể họ chẳng hề hay biết thị trấn vừa trải qua một trạng thái nổi loạn, rằng cuộc nổi loạn có những kẻ cầm đầu và – dù tên họ chỉ được biết đến trong số chúng tôi – những người tuân đạo của nó.

Có lúc nào đó, Raymond từng có vẻ một người sợ hãi. Vào một thời điểm nào đó dường như ông đã quyết định mình không thể tiếp tục được gọi về làm sủng thần của Tổng thống nữa, và ông đã thôi không chờ đợi nữa, không còn tìm cách đọc các dấu hiệu nữa. Tại bữa tối ở nhà ông không còn phân tích hay giải thích các sự kiện, ông không còn cố lắp ghép mọi thứ vào với nhau nữa.

Ông nói về lịch sử hoặc về Theodor Mommsen. Tôi không biết ông đang nghiên cứu gì, và Yvette cũng không biết, nàng cũng không quan tâm mấy. Một lúc nào đó tôi đã có cảm giác là ông đang đọc những thứ cũ kỹ ông từng viết. Ông nhắc đến một cuốn nhật ký ông viết khi lần đầu tiên đến

vùng này. Ông đã quên mất nhiều thứ quá, ông nói, quá nhiều thứ quá u buồn để quên đi. Chúng thường xuyên là một trong những chủ đề tại bàn ăn, dường như ông nhận ra điều đó và bỏ lửng. Sau đó ông nói "Thật lạ khi đọc những dòng nhật ký đó. Hồi ấy bạn thường tự cào da để xem mình có bị chảy máu không".

Cuộc nổi loạn làm ông thêm rối trí, và sau khi bức tượng đức mẹ ở Khu bị phá nát ông trở nên rất nóng nảy. Không còn bộ quần áo của Tổng thống hiện ra để hỗ trợ người của ông bị tấn công, ông định cho họ nghỉ việc. Và giờ đây Raymond sống trong nỗi sợ bị cắt chức. Đó là điều đã rơi xuống đầu ông – công việc, chỗ ở, lương thực của ông, sự an toàn đơn giản nhất. Ông là một phế nhân, và ngôi nhà trong Khu giống như nhà của thần chết.

Sự mất mát cũng thuộc về phía tôi. Ngôi nhà này rất quan trọng với tôi, như giờ đây tôi đã thấy, ngôi nhà phụ thuộc rất nhiều vào sức lực và sự lạc quan của cả hai người đang sống ở đó. Một Raymond phế nhân không nghĩ gì về những buổi tối của tôi ở đó. Những buổi tối tại ngôi nhà đó là một phần trong mối quan hệ của tôi với Yvette, chúng không thể giản đơn bị chuyển đến một địa điểm khác. Điều này có thể có nghĩa là một bài thơ điền viên, một kiểu thị trấn khác, một kiểu quan hệ khác, không giống như cái mà tôi đã từng có.

Cuộc sống của tôi với Yvetten phụ thuộc vào sức lực và sự lạc quan của cả ba người chúng tôi. Tôi lo sợ với phát hiện này. Tôi đã phát hiện nó lần đầu tiên khi đang ở dưới áp lực của các viên quan chức. Tôi muốn giấu nàng điều này. Tôi cảm thấy mình có thể đến với nàng, và được ở với nàng theo cách tôi muốn, mạnh mẽ, như tôi vẫn thường đến với nàng. Tôi không thể để nàng thấy tôi là người bị những người khác giằng xé và làm suy yếu. Nàng có lý do của mình để trở nên nóng nảy, tôi biết điều đó, và tôi không thể chịu được ý nghĩ về sự mất mát sẽ tới cùng với tiện nghi.

Đó là lần đầu tiên – như thể chúng tôi hiểu nhau – chúng tôi bắt đầu giãn cách những cuộc gặp. Những ngày đầu không có Yvette, những ngày đầu sống trong sự cô độc, nỗi phẫn khích nhỏ bé và viễn cảnh rõ ràng là thật nặng nề. Tôi thậm chí có thể giả vờ mình là một người tự do và do đó có thể sống mà không có nàng.

Rồi nàng có thể sẽ gọi điện. Việc nhận ra rằng tôi vẫn còn cần thiết cũng đã là một sự thoả mãn, và có thể được biến đổi, trong khi tôi chờ đợi nàng ở căn hộ, thành sự tức tối và tự chán ghét, nó có thể tiếp tục tiến đến thẳng cái khoảnh khắc khi, sau khi đã đi qua cầu thang bên ngoài, nàng đến phòng khách, mọi sự tức tối của Raymond và những ngày đã qua biểu hiện rõ trên khuôn mặt nàng. Rồi rất sớm sửa, trong tâm trí của tôi, những ngày giãn cách có thể đã biến đi, thời gian có thể lùi xa. Giờ đây về mặt thể xác mà nói tôi biết nàng rất rõ, bất cứ cuộc gặp nào cũng có thể là cuối cùng.

Nhưng ý tưởng về tính liên tục đó, tuy vẫn ngự trị ở những thời điểm thân tình, chặt chẽ này, chỉ là một ảo tưởng, tôi biết vậy. Có những giờ và những ngày ở nhà nàng, với Raymond, đó là sự riêng tư rất riêng của ông, và sự tìm kiếm riêng của nàng. Càng ngày nàng càng có ít tin tức đi. Có những sự kiện giờ đây chúng tôi không còn chia sẻ cho nhau, và càng có ít hơn những điều có thể nói với tôi mà không phải giải thích.

Giờ đây nàng gọi điện thoại cho tôi khoảng mười ngày một lần. Mười ngày giống như là cái ngưỡng mà nàng không thể vượt qua. Một trong những ngày đó – khi chiếc giường cỡ to đã được duỗi thẳng, nàng trang điểm lại khuôn mặt và nhìn vào những phần của cơ thể trong tấm gương để bàn, trước khi quay trở về Khu – tôi đã nghĩ rằng có cái gì đó thật tệ trong quan hệ của chúng tôi. Dường như tôi là người cha, người chồng tốt, hoặc thậm chí như người bạn của một người phụ nữ, nhìn nàng đang chuẩn bị đến cuộc hẹn với tình nhân.

Ý nghĩ như vậy giống như một giấc mơ khủng khiếp, cố định một nỗi sợ mà chúng ta không muốn công nhận, và có hiệu ứng của một khái lộ.

Tôi cho rằng, khi nghĩ về sự gay gắt của mình và thất bại của Raymond, tôi đã bắt đầu coi Yvette cũng là một phế nhân, bị cầm tù trong thị trấn, ốm yếu như chính nàng và tài sản bị bỏ phí của cơ thể nàng như là tôi đã phát chán với bản thân và những lo lắng của mình. Giờ đây, nhìn Yvette đang đứng trước tấm gương bàn, nhìn nàng rực sáng hơn là tôi đã cho nàng, tôi thấy mình đã sai lầm làm sao. Những ngày trống vắng đó khi nàng ở cách xa tôi, những ngày mà tôi không thể đòi hỏi, nàng có thể làm đủ thứ chuyện. Tôi bắt đầu chờ đợi sự khẳng định. Và rồi, cuộc gặp thứ hai sau đó, tôi nghĩ rằng tôi đã tìm ra

Tôi biết nàng rất rõ. Ngay cả đến bây giờ, tôi cũng chưa bao giờ dễ dàng nhìn thẳng vào nàng. Không có cách nào khác có thể có ý nghĩa, không có cách nào khác. Cái nàng lấy đi khỏi con người tôi vẫn là điều lạ lùng. Những câu trả lời của nàng cũng là một phần của món quà tặng, và tôi đã ngày càng quen với chúng, tôi đã học được cách đánh giá chúng một cách tinh tế. Một lần tôi đã có cơ hội biết được ký ức nhạy cảm của nàng về tôi đã bắt đầu khởi động và nổi hiện tại với quá khứ. Nhưng giờ đây, vào lúc tôi đang nói, những câu trả lời của nàng đầy lẫn lộn. Có gì đó đã xen vào, một thói quen mới đã bắt đầu hình thành, đã làm ảnh hưởng đến trí nhớ ngày xưa vốn rất tinh tế. Đó là điều tôi đã chờ đợi. Nó phải thế, một ngày nào đó. Nhưng thời điểm này giống như là thuốc độc vậy.

Sau đó tới khoảng trống kinh khủng. Chiếc giường cỡ to đã được dọn dẹp lại – công việc của người nội trợ vẫn vậy, sau khi được sử dụng với biết bao đam mê. Tôi đang đứng. Nàng cũng đang đứng, ngăm môi mình trong gương.

Nàng nói "Anh làm em trông khá quá này. Anh làm gì nếu không có em?" Đó là một sự lịch thiệp đạt tiêu chuẩn. Nhưng rồi nàng nói "Raymond sẽ muốn làm tình khi trông em như thế này". Và điều này rất bất bình thường, hoàn toàn không giống với nàng.

Tôi nói "Anh làm em phấn khích à?"

"Những người già hơn không ghê tởm như anh nghĩ đâu. Và dù sao đi nữa em cũng là đàn bà. Nếu một người đàn ông làm gì đó với em, em phải phản ứng thôi".

nàng không muốn làm tôi bị tổn thương, nhưng nàng đã làm vậy. Và rồi tôi nghĩ, nhưng nàng có thể có lý, Raymond giống như một đứa trẻ bị đánh đòn vậy. Nàng sắp trở về với tất cả những thứ đó.

Tôi nói "Anh nghĩ anh đã làm khổ ông ta".

"Raymond? Em không biết. Em không nghĩ thế. Ông ấy không bao giờ biểu lộ gì cả. Dĩ nhiên, bây giờ ông ấy có thể, ông ấy có lẽ đã hơi khác".

Tôi đi cùng nàng ra tầng đệm, bóng của ngôi nhà trùm lên sân, những cái cây phía trên những ngôi nhà và hàng cây bên ngoài, ánh sáng buổi chiều giát vàng, bụi trong không khí, những lùm cây phượng, mùi đun nấu. Nàng vội vã đi xuống những bậc cầu thang gỗ đến một nơi ánh nắng mặt trời, trải giữa những ngôi nhà, đổ lên người nàng. Rồi, trong tiếng ồn của những cái sân xung quanh, tôi nghe tiếng nàng nổ máy xe.

Và chỉ vài ngày sau đó tôi nghĩ thật lạ làm sao khi chúng tôi lại nói về Raymond vào thời điểm đó. Tôi đã nói về nỗi đau khổ của Raymond khi tôi nghĩ về bản thân mình, và Yvette đã nói tới nhu cầu của Raymond khi nàng nghĩ đến những nhu cầu của chính nàng. Chúng tôi đã bắt đầu nói, nếu không phải ngược lại, thì chí ít cũng theo cách gián tiếp, biến những dấu hiệu với sự thật đó thành những cái người ta trong các trường hợp khác thấy không cần phải làm.

Khoảng một tuần sau, một tối tôi nằm trên giường đọc một cuốn tạp chí bách khoa toàn thư của mình về nguồn gốc "big bang" của vũ trụ. Đó là một chủ đề thân thuộc, tôi thích đọc trong những cuốn bách khoa toàn thư khác. Kiểu đọc đó không phải là để lấy kiến thức, tôi đọc để tự gọi mình lại

theo một cách đơn giản và vui vẻ mọi thứ mà tôi không biết đến. Đó là một kiểu thuốc phiện, nó làm tôi mơ mộng về một thời gian tương lai bất khả nào đó, khi đang giữa thời buổi hoà bình thế này, tôi có thể bắt đầu toàn bộ các vấn đề và hiến mình cả ngày cả đêm cho học tập.

Tôi nghe tiếng xe. Và tôi biết, trước khi có tiếng chân bước trên các bậc cầu thang, rằng đó là Yvette, đã đến thật tuyệt vời vào cái giờ muộn màng này, không báo trước. Nàng bước rất nhanh qua các bậc cầu thang, giày và quần áo nàng tạo thành một loại tiếng động khi đang đi, và nàng mở cửa phòng ngủ.

Nàng đã ăn mặc thật cẩn thận, và khuôn mặt nàng hồng hào. Hẳn là nàng đã ở một bữa tiệc nào đó quay về. Ăn mặc như thế, nàng lao đến giường và ôm lấy tôi.

Nàng nói "Em thử một vận may. Suốt bữa tối em cứ nghĩ đến anh, ngay khi em có thể chuồn đi. Em phải làm. Em không chắc anh có nhà không, nhưng em cứ thử xem".

Tôi có thể ngửi thấy mùi bữa tối và mùi rượu trong hơi thở của nàng. Tất cả đều diễn ra thật nhanh – kể từ lúc có tiếng sập cửa xe cho đến lúc có cảnh như thế này; Yvette nằm trên giường, căn phòng trống rỗng biến đổi, Yvette trong tâm trạng vui vẻ, nồng nhiệt giống như tâm trạng đã có lần đầu tiên khi nàng đến căn hộ buổi tối sau bữa tối ở Khu. Tôi thấy mình đang khóc.

Nàng nói "Em không thể ở lại được. Em chỉ có thể hôn và đi thôi".

Sau đó nàng nhớ quần áo của mình còn đang khá xộc xệch. Đứng trước gương, nàng kéo váy lên để cho áo vào. Lúc đó, tôi nằm lại trên giường.

Ngoảnh đầu sang một bên, nhìn vào gương, nàng nói "Em nghĩ anh lại rơi vào những ám ảnh cũ rồi đấy".

Dường như lần này nàng muốn nói cụ thể hơn. Nàng đã đánh mất tâm trạng mà nàng mang theo đến đây. Cuối cùng nàng đã chuẩn bị xong. Khi nàng nhìn thấy tôi trong gương một lần nữa, dù, khá vui sướng với nàng và với tôi, sự vui sướng về một cuộc phiêu lưu nhỏ.

Nàng nói "Em xin lỗi, nhưng em phải đi" rồi sắp ra khỏi cửa, nàng lại quay lại mỉm cười và nói "Anh không giấu người đàn bà nào ở trong tủ đấy chứ?"

Tôi không thể kiềm chế được nữa. Nó giống như là cái gì đó tôi từng nghe thấy từ những cô gái điếm, những người nghĩ có thể tỏ vờ ra ghen để làm tôi thích thú. Tôi căm ghét cái lúc này. Những đối nghịch: lại mỗi liên hệ này bỏ những đối nghịch. Người đàn bà ở trong tủ đó, đó là người bên ngoài. Chuyển đi từ Khu, một chuyển đi trở về. Ấu yếm, ngay trước khi phản bội. Và tôi đã khóc.

Tất cả bùng nổ, mọi điều được hình thành trong tôi kể từ khi nàng bắt đầu kéo quần áo lên. Và tôi ra khỏi giường, đứng trước nàng và cánh cửa.

"Em nghĩ anh là Raymond phải không?"

Nàng giật mình.

"Em nghĩ anh là Raymond phải không?"

Lần này nàng không có cách trả lời. Nàng bị một đòn quá nặng và quá trực diện, thậm chí nàng còn giơ tay lên để phòng vệ, lùi lại và ngã mình xuống sàn nhà. Tôi đặt chân lên nàng, làm điều đó vì vẻ đẹp của đôi giày của nàng, mắt cá của nàng, chiếc váy mà tôi đã thấy nàng kéo lên, chỗ phình ở hông nàng. Nàng quay mặt xuống sàn nhà và giữ nguyên tư thế đó một lúc, rồi với một tiếng thở dài như một đứa trẻ trước khi thét lên, nàng bắt đầu khóc, thoát đầu còn cổ nén rồi sau đó biến thành những tiếng nức nở thật sự, rất to. Và cứ như thế suốt mất phút.

Tôi ngồi xuống giữa đồng quần áo tôi đã tuột ra trước khi lên giường, trên chiếc ghế bành Windsor có vành dựa vào tường. Lòng bàn tay tôi trở nên cứng đanh, căng ra. Mu bàn tay tôi, từ ngón tay nhỏ đến cổ tay, đau nhức, xương lạo xạo. Yvette đứng lên. Đôi mắt nàng ở giữa mí mắt, màu đỏ và cứng lại với những giọt nước mắt thực sự. Nàng ngồi trên thành giường của chiếc đệm cỏ, ở góc giường, và nhìn xuống sàn nhà, tay nàng đặt trên đầu gối. Tôi cảm thấy rất đau khổ.

Sau một lúc nàng nói "Em đến để gặp anh. Em cứ nghĩ làm thế là tốt. Hoá ra là em sai".

Rồi chúng tôi không nói gì nữa.

Tôi nói "Em đã ăn tối chưa?"

Nàng chậm chậm lắc đầu. Buổi tối của nàng như thế là đã hỏng – nàng đã bỏ nó – nhưng mới dễ dàng làm sao! Và cử chỉ lắc đầu đó khiến tôi bước vào sự vui sướng trước đó của nàng, giờ đây đã biến mất. Sai lầm của tôi, tôi đã quá sẵn sàng để cho nàng tự thấy mình là một người thất bại.

Nàng cởi giày ra, co hai chân vào nhau. Nàng đứng lên, lại cởi váy ra. Rồi, cứ như thế, với mái tóc đã chải, áo vẫn mặc, nàng đi đến giường, kéo mảnh vải phía trên lên che mình và chuyển đến thành giường bên kia. Nàng vùi đầu vào gối, quay lưng về phía tôi, và cuốn tạp chí bách khoa toàn thư, vẫn ở lại bên kia thành giường, rơi xuống sàn nhà với một tiếng động nhỏ. Và như thế, vào khoảnh khắc vĩnh biệt này, trong sự nhại lại cuộc sống gia đình, chúng tôi cứ như thế một lúc, cảm thấy rất lạ lẫm.

Sau một lúc nàng nói "Anh không đến à?"

Tôi quá nóng nảy để có thể làm hay nói gì đó.

Một lúc sau nàng quay lại nói với tôi "Anh đừng có ngồi mãi trên ghế như thế".

Tôi bước đến và ngồi lên giường cạnh nàng. Cơ thể nàng mềm mại, uyển chuyển và ấm áp. Tôi mới chỉ thấy nàng như thế chỉ một hay hai lần trước đó. Và lần này! Tôi nắm lấy hai chân nàng, dặng ra. Nàng nhẹ nhàng đưa chân coa lên – những chỗ lõm êm ái của da thịt ở mặt trong đầu gối – và rồi tôi khạc nhổ vào giữa hai chân nàng cho đến khi không còn chút nước dãi nào nữa. Toàn bộ sự mềm mại của nàng biến mất trong cảm hận. Nàng gào lên "Anh không thể làm vậy!" Nàng tát tôi, tay tôi đau nhói sau mỗi cái đánh, cho đến khi nàng nhoài ra phía bên kia giường và ngồi dậy, bắt đầu quay điện thoại. Nàng gọi điện cho ai vào giờ này? Nàng có thể cầu viện đến ai, ai là người mà nàng có thể đặt lòng tin?

Nàng nói "Raymond đấy phải không? Ồ, Raymond. Không. Không. Em ổn mà. Em xin lỗi. Em đến ngay bây giờ đây".

Nàng mặc váy và đi giày vào, và qua cánh cửa để mở nàng đi thẳng ra lối ra. Không dừng lại, không ngập ngừng, tôi nghe tiếng nàng rảo bước xuống cầu thang, một âm thanh mới lạ lùng làm sao, vào lúc này! Cái giường, nơi chẳng có gì xảy ra, vẫn đang bị xáo trộn – lần đầu tiên nàng để nó lại trong tình trạng như thế, lần cuối tôi phải làm công việc dọn dẹp. Có những dấu vết của đầu nàng trên gối, nếp quần áo của nàng trên chăn theo cử động của nàng, những thứ giờ đây trở nên hiếm hoi, cực kỳ quý giá với tôi, những tàn tích trên vải vóc sẽ nhanh chóng mất đi. Tôi nằm xuống nơi nàng đã nằm, để thấy lại mùi vị của nàng.

Ngoài cửa, Metty nói "Salim?" Nó lại gọi lần nữa. "Salim" và nó đi vào, mặc quần áo ở nhà.

Tôi nói "Ồ, Ali, Ali. Tối nay những điều tồi tệ đã diễn ra ở đây. Tao đã khạc nhổ vào người nàng. Nàng đã để tao khạc nhổ lên người".

"Lại cãi cò đây mà. Sau ba năm trời mà lại kết thúc như thế".

"Ali, không phải thế đâu. Tao không thể làm gì với nàng. Tao không muốn nàng. Tao không muốn nàng. Đó là điều tao không thể chịu đựng được. Tất cả hết rồi".

"Chú không được ở trong nhà. Ra ngoài đi. Cháu sẽ mặc đồ vào và đi dạo với chú. Chúng ta sẽ cùng đi dạo. Chúng ta sẽ ra bờ sông. Nào, cháu sẽ đi với chú"

Đi ra sông vào giờ này. Không. Không.

"Cháu biết nhiều điều về gia đình chú hơn chú, Salim ạ. Sẽ tốt hơn cho chú nếu đi ra ngoài đó. Cách tốt nhất đấy"

"Tao sẽ ở nhà"

Nó đứng một lúc rồi đi về phòng. Nhưng tôi biết nó đang chờ và đang nhìn. Toàn bộ mu bàn tay cứng đờ của tôi đau nhức, ngón út dường như đã chết. Da xanh mét từng chỗ - giờ đây giống như một phế tích.

Tôi đã sẵn sàng thì chuông điện thoại vang lên.

"Salim, lúc đó em không muốn đi đâu. Anh thế nào?"

"Khủng khiếp. Còn em?"

"Khi đi khỏi đó em lái xe rất chậm. Qua cầu em lái rất nhanh để quay trở lại gọi điện cho anh đây"

"Ant biết rằng em sẽ làm thế mà. Anh đang chờ em gọi lại".

"Anh có muốn em quay lại không? Đừng vắng lắm. Hai mươi phút nữa em có thể tới được. Ôi, Salim. Trông em khủng khiếp lắm. Mặt em trông thật kinh khủng. Em sẽ phải trốn vài ngày."

"Nhẽ ra em phải mang cho anh vài viên thuốc an thần. Nhưng lên xe rồi em mới nghĩ đến điều đó. Anh phải cố ngủ đi. Uống một ít sữa nóng và cố ngủ đi. Một thứ đồ uống nóng sẽ tốt lắm. Để Metty đi đun sữa cho anh".

Chưa bao giờ gần gũi hơn, chưa bao giờ giống với một người vợ hơn thế. Thật là dễ dàng hơn khi nói ở điện thoại. Và khi mọi điều đã qua, tôi bắt đầu nhìn vào đêm tối, chờ đợi ánh sáng ban ngày và một cú điện thoại khác. Metty đã ngủ. Nó để cửa phòng mở và tôi nghe thấy nó thở.

Rồi đến một thời điểm, khi ánh sáng tới, đột nhiên đêm đã thành một phần của quá khứ. Những bụi cây trên khung cửa sổ sơn trắng bắt đầu hiện ra, và vào lúc đó, ở bên ngoài sự đau đớn to lớn của tôi, tôi có một sự bình tĩnh. Nó không đến bằng từ ngữ, từ ngữ tôi định gán vào nó thật hỗn độn và gây ra sự bình tĩnh để biến mất. Tôi thấy dường như người ta sinh ra để già đi, để sống trong một gang tay, để có được chút kinh nghiệm. Người ta sống để có được chút kinh nghiệm, giá trị của kinh nghiệm là vô hình, niềm vui và sự đau đớn – và hơn hết, đau đớn – chẳng có nghĩa gì cả, sở hữu sự đau đớn cũng vô nghĩa như là săn lùng khoái cảm. Và thậm chí ngay cả khi sự bình tĩnh đã biến đi, đã nhỏ bé và chỉ còn vô nghĩa một nửa như một giấc mơ, tôi nhớ rằng mình đã có nó, hiểu biết về ảo tưởng của nỗi đau đó.

Ánh sáng bừng lên qua những cửa sổ sơn trắng. Căn phòng bị xáo tung đã thay đổi tính chất. Dường như đã cũ rích. Giờ đây chỉ một chứng tích thực sự còn lại là bàn tay đau của tôi, nếu nhìn tôi sẽ tìm thấy một hoặc hai sợi tóc của nàng. Tôi mặc quần áo, xuống tầng, và từ bỏ ý định đi dạo buổi sáng, bắt đầu lái xe qua thị trấn đang tỉnh dậy. Tôi cảm thấy tươi tắn trở lại bởi màu sắc, tôi nghĩ ngồi sau tay lái buổi sớm này là một việc nhẽ ra tôi phải thường xuyên làm từ trước.

Quãng bảy giờ tôi đến trung tâm, đến Bigburger. Những túp lều và hộp đầy rác rưởi nằm trên hè phố. Ildephonse ở đó, chiếc áo khoác của bộ đồng phục giờ đây đã rách rưới như một thứ trang sức. Ngay cả vào cái giờ sớm sủa này Ildephonse cũng đã nhấp giọng rồi, cũng như phần lớn người

châu Phi, nó chỉ cần một tí bia địa phương để lên giây cót tinh thần và để treo mình lửng lơ. Nó biết tôi nhiều năm rồi, tôi là khách hàng đầu tiên của ngày hôm đó, nó hiếm khi thấy tôi. Đôi mắt say lơ dờ vì bia của nó nhìn chăm chăm vào tôi trên phố. Nó ngậm trong miệng một cái tăm khéo léo và chính xác đến nỗi nó có thể nói thoải mái, môi dưới rơi xuống đều đều mà không làm rung cái tăm, giống như một trò diễn vậy.

Tôi gọi nó lại, và nó mang đến cho tôi tách cà phê và mẫu pho mát trong cái khay. Tốn mất hai trăm quan, khoảng sáu đô la, cái giá thật là kỳ cục vào những ngày đó.

Tám giờ kém một phút, Mahesh đến. Anh luôn tự hào về sự nhỏ bé và gầy gò của mình. Nhưng anh không còn gầy gò như trước nữa rồi, tôi đã bắt đầu có thể thấy anh là một người đàn ông béo lùn.

Hiệu ứng của việc anh đến lên Ildephonse giống như một tia điện. Cái nhìn lơ dờ biến ngay khỏi mắt nó, cái tăm biến mất, và nó bắt đầu nhảy khắp chỗ, mỉm cười và chào đón những người khách hàng sớm, chủ yếu là khách từ chỗ Van der Weyden.

Tôi hy vọng Mahesh có thể nhận ra tình trạng của tôi. Nhưng anh chẳng hề để ý đến điều đó, anh thậm chí còn không có vẻ gì là ngạc nhiên khi trông thấy tôi.

Anh nói "Shoba muốn gặp anh, Salim".

"Cô ấy thế nào?"

"Cô ấy khá hơn rồi. Tôi nghĩ cô ấy khá hơn rồi. Cô ấy muốn gặp anh. Anh phải đến căn hộ nhé. Đến ăn. Đến ăn trưa. Đến ăn trưa vào ngày mai".

Zabeth giúp tôi qua được buổi sáng. Đó là ngày đi chợ của cô. Công việc buôn bán của cô đã đi xuống kể từ cuộc nổi loạn, và tin tức của cô trong những ngày này là về cuộc bạo động của dân làng. Đây đó thanh niên

bị cảnh sát hoặc quân đội bắt, đó là chiến thuật của chính phủ. Không có gì xuất hiện trên báo chí, cây bụi giờ đây lại tham gia vào cuộc chiến. Đường như Zabeth đang ở bên lề của những cuộc nổi loạn, nhưng tôi không thể chắc được, và tôi cố tỏ ra trung lập đến mức có thể.

Tôi hỏi về Ferdinand. Thời gian của nó ở thủ đô với tư cách một học viên hành chính đã kết thúc. Nó hẳn phải có một vị trí tốt sớm sửa, và tin mới nhất tôi nghe được từ Zabeth là nó được coi là người kế nhiệm của vị đại biểu Khu, người mới đây đã bị phế truất sau khi cuộc nổi loạn bùng phát. Tổ tiên lẫn lộn của Ferdinand đã khiến nó trở thành sự lựa chọn tốt cho vị trí khó khăn đó.

Zabeth nói về cái danh hiệu to lớn đó một cách trầm tĩnh (tôi nghĩ về quyển sách của trường trung học ngày xưa, và đến lúc khi vị đại diện tỉnh ký tên vào cả một trang như một sự trung thành). Zabeth nói "Tôi cho rằng Ferdinand sẽ là đại diện, Salim ạ. Nếu người ta để nó sống".

"Để nó sống hả Beth?"

"Nếu người ta không giết nó. Tôi không biết bao giờ tôi mới thích nó nhận công việc đó, Salim ạ. Cả hai bên đều muốn giết nó. Và Tổng thống thì muốn giết nó đầu tiên, như một vật hy sinh. Ông ấy là một người hay ghen tị mà Salim. Ông ấy không để ai nổi lên ở chỗ ông ấy đâu. Chỉ có ảnh của ông ấy ở khắp nơi thôi. Và nhìn vào báo chí mà xem. Ảnh ông ấy to hơn mọi người khác. Nhìn mà xem".

Báo hôm trước từ thủ đô đến đang nằm trên bàn tôi, và bức ảnh Zabeth chỉ là ảnh Tổng thống cùng với các quan chức chính quyền tại một tỉnh phía Nam.

"Nhìn mà xem, Salim. Ông ấy to lớn quá. Những người khác nhỏ đến nỗi anh chẳng thấy rõ họ. Anh không thể biết họ là ai".

Các quan chức bận trang phục giống hệt nhau do Tổng thống nghĩ ra – áo khoác vạt ngắn, ca vát, thay vì áo sơ mi và nơ đeo cổ. Họ ngồi thành hàng chật sát trong ảnh trông rất giống nhau. Nhưng Zabeth chỉ vào một cái gì đó khác cho tôi. Cô không coi bức ảnh là một bức ảnh, cô không hề nói đến khoảng cách và tầm nhìn. Cô quan tâm đến khoảng không gian của mỗi người có mặt trong ảnh. Quả thật, cô chỉ vào cái gì đó tôi chưa bao giờ nhận ra: trong những bức ảnh trên báo chỉ những người khách nước ngoài có được khoảng không gian bằng với Tổng thống . Với người dân Tổng thống luôn được diễn tả là một gương mặt cao vời vợi. Ngay cả khi những bức ảnh cùng kích thước, thì ảnh của Tổng thống sẽ chỉ có khuôn mặt ông, trong khi những người khác thì phải chụp cả người. Thế nên bây giờ, trong bức ảnh của Tổng thống đang hướng đến các quan chức miền Nam, một bức ảnh được chụp từ vai Tổng thống , hai vai của Tổng thống , đầu và cái mũi chiếm gần hết khoảng không gian, còn lại các quan chức ngồi sát kề nhau, ăn mặc hệt như nhau.

"Ông ấy sẽ giết những người đó, Salim ạ. Họ đang gào thét trong lòng, ông ấy biết họ đang gào thét. Anh cũng biết, Salim ạ, rằng ông ấy không được tôn sùng đến thế đâu. Chẳng là cái gì cả".

Cô nhìn vào bức ảnh lớn trong cửa hiệu, chụp cảnh Tổng thống đang giờ chiếc gậy lên, chiếc gậy được chạm khắc nhiều biểu tượng khác nhau. Đoạn giữa chiếc gậy có hình một khuôn mặt người, một thứ vật thờ đặc biệt.

Cô nói "Chẳng là cái gì hết. Tôi sẽ nói cho anh về Tổng thống . Ông ta có một người đàn ông, và người đàn ông này đi trước ông ta mỗi khi ông ta đi đâu đấy. Người đàn ông này nhảy ra khỏi xe trước khi xe dừng lại, và mọi điều xấu cho Tổng thống đều đi theo người đàn ông này và nhờ vậy Tổng thống của chúng ta luôn bình an vô sự. Tôi thấy rồi, Salim ạ. Và tôi sẽ nói cho anh một vài điều gì đó. Người đàn ông nhảy ra và biến vào đám đông là người da trắng".

"Nhưng Tổng thống không có ở đây mà, Beth".

"Tôi thấy chứ, Salim. Tôi nhìn thấy người đàn ông đó. Anh đừng có nói với tôi là anh không biết".

cả ngày hôm đó Metty rất tốt. Không nhắc lại những gì đã xảy ra, nó chăm sóc tôi một cách kính nể (sự kính nể như thể tôi là một người đàn ông hung bạo, đang bị thương) và dịu dàng. Tôi nhớ lại những lúc thế này trong cuộc sống chung của chúng tôi trên bờ biển, sau mỗi cuộc cãi cọ trong gia đình. Tôi cho là nó cũng nhớ đến những khoảnh khắc đó, và cũng đang rơi vào những ký ức cũ. cuối cùng tôi cũng làm theo nó, và điều này có hiệu quả đáng kể.

Tôi nghe lời nó về căn hộ vào giữa buổi chiều, nó bảo nó có thể trông cửa hiệu được. Sau đó nó không đến chỗ gia đình nó như thói quen. Nó về căn hộ và kinn đáo cho tôi biết là nó có ở đó, và ở lại. Tôi nghe tiếng nó bước rón rén. Điều đó thực ra không cần thiết, nhưng sự chú ý có lợi cho tôi, và trên cái giường đó, nơi nhiều lúc tôi đã thấy lại những cảnh ngày hôm trước (không, chính là ngày này) tôi bắt đầu ngủ.

Khi tỉnh dậy tôi thấy mình thật hỗn độn. Cả ánh sáng buổi chiều lẫn bóng tối âm ỉ đều không đúng. Thế là đêm thứ hai đã trôi qua. Điện thoại không hề đổ chuông và tôi cũng không gọi. Buổi sáng Metty mang cà phê đến cho tôi.

Tôi đến chỗ Shoba và Mahesh để ăn trưa, tôi thấy dường như tôi đã ở Bigburger và đã nhận lời mời này từ lâu rồi.

Căn hộ với những bức rèm hạ xuống để che ánh nắng chói chang, với những tấm thảm Ba tư và đồ đồng đẹp đẽ và toàn bộ những thứ đồ vật nhỏ bé, vẫn như là tôi vẫn nhớ. Đó là một bữa ăn trưa im lặng, không đặc biệt như là bữa trưa hội ngộ hay làm lành. Chúng tôi nói về những sự kiện mới xảy ra. Chủ đề là giá trị tài sản – vào thời điểm nào đó nó đã từng là chủ đề

yêu thích của Mahesh, nhưng giờ lại khiến tất cả mệt mỏi – đã không ăn thua gì. Giờ đây chúng tôi chỉ bàn luận về các món chúng tôi ăn.

Đến lúc cuối Shoba hỏi về Yvette. Đó là lần đầu tiên cô làm vậy. Tôi nói vắn tắt việc đã xảy ra. Cô nói "Tôi rất tiếc. Một điều như thế sẽ chỉ xảy đến với anh trong hai mươi năm nữa". Và sau đó tất cả những điều tôi nghĩ về Shoba, những cách thức chính quy và sự khôn ngoan của cô, tôi bị mê hoặc bởi sự dễ mến và minh triết của cô.

Mahesh lau bàn và chuẩn bị pha Nestcafé – cho đến giờ tôi vẫn chưa nhìn thấy người hầu nào. Shoba kéo một phần rèm ra để lọt chút ánh sáng vào. Cô ngồi, trong ánh sáng rực rỡ, trên chiếc trường kỷ hiện đại – với những tay nắm có hình ông, thấp và chắc chắn – và bảo tôi đến ngồi cạnh. "Đến đây, Salim".

Cô nhìn chăm chú vào tôi khi tôi ngồi xuống. Rồi, ngẩng đầu lên một chút, cô hướng mặt nghiêng về phía tôi và nói "Anh có nhìn thấy gì trên mặt tôi không?"

Tôi không hiểu câu hỏi

Cô nói "Salim!" và quay mặt về tôi, vẫn ngẩng lên, nhìn thẳng vào mắt tôi "Tôi có còn đáng ghét lắm không? Nhìn quanh mắt tôi và má trái xem. Nhất là má bên trái. Anh thấy gì không?"

Mahesh đặt những chiếc tách cà phê lên trên chiếc bàn thấp và đứng cạnh tôi, cùng nhìn với tôi. Anh nói "Salim không thể thấy gì đâu".

Shoba nói "Để anh ấy tự nói đi. Nhìn vào mắt trái tôi xem nào. Nhìn vào da phía trên mắt ấy, và nhìn vào má nữa". Và cô giữ nguyên mặt ngẩng lên, như thể đang đặt đầu lên đầu đó.

Nhìn thật kỹ, nhìn thật kỹ vào chỗ cô muốn tôi nhìn, tôi thấy cái tôi nghĩ rằng màu của mệt mỏi hoặc ốm yếu dưới mắt cô cũng thành từng phần

rất nhẹ phớt qua trên da, một sự nồng nhiệt yếu ớt trên làn da tái của cô, chỉ có thể nhận được trên gò má trái. Và đã nhìn rồi, sau khi không thấy gì, tôi không thể phát hiện gì thêm nữa, v` tôi thấy sự kinh tởm mà cô đã nói. Cô đã thấy cái tôi thấy. Cô rất buồn, nhần nhục.

Mahesh nói "Giờ thì tệ quá rồi. Em đã để anh ấy nhìn thấy".

Shoba nói "Khi tôi nói với gia đình là tôi sẽ đến sống với Mahesh, các anh của tôi đã dọa sẽ tạt a xit vào mặt tôi. Anh có thể nói là điều đó đã xảy ra. Khi cha tôi chết họ đã gửi cho tôi một bức điện. Tôi coi đó là dấu hiệu cho thấy họ muốn tôi trở về nhà dự đám tang. Thật là một cách thật tồi tệ để về nhà – cha thì chết, đất nước thì trong tình trạng đó, người châu Phi thật là khủng khiếp. Tôi thấy mọi người bên bờ của một vách núi dựng đứng. Nhưng tôi không thể nói cho họ điều đó. Khi anh hỏi họ đang làm gì, họ có thể vờ rằng mọi cái vẫn tốt, có gì mà phải lo đâu. Và anh cũng phải giả vờ giống như họ. tại sao chúng ta lại thế này?

"một sáng tôi không biết cái gì đã xui khiến tôi. Đó là một cô gái Shindi từng học ở Anh – theo như cô ta nói – và đã mở một hiệu cắt tóc. Mặt trời rất chói chang trên các ngọn đồi ở đó, và tôi đã lái xe đi nhiều nơi, thăm lại bạn cũ và chỉ lái xe thôi, rời khỏi ngôi nhà. Mỗi một nơi tôi từng yêu, đến và xem, tôi bắt đầu cảm ghét, và tôi phải dừng lại. Tôi cho rằng trong khi lái xe đi vòng vòng mọi cái trở nên bầm lại và sừng tấy lên trên da tôi. Tôi hỏi cô gái Sindhi có thứ kem gì đó mà tôi có thể dùng được không. Cô ta nói cô ta có một thứ. Cô ta từng dùng cái đó. Tôi hét lên bảo cô ta dừng lại. Cô ta đã dùng oxy già. Tôi chạy về nhà với khuôn mặt bị lột. Và ngôi nhà của người chết đó đã thực sự trở thành ngôi nhà phiền muộn đối với tôi.

"Tôi không thể ở lại đó. Tôi phải giấu khuôn mặt mình khỏi mọi người. Và rồi tôi chạy về đây, vẫn phải trốn như trước. Ở đây tôi không đi đâu được. Giờ thì tôi chẳng đi đâu được nữa. Tôi chỉ thỉnh thoảng ra ngoài buổi tối thôi. Tôi đã khá hơn. Nhưng vẫn còn phải cẩn thận lắm. Tôi không

ra nước ngoài được nữa rồi, Salim ạ. Tôi muốn đi lắm, muốn bỏ đi lắm. Và chúng tôi có tiền. New York, London, Paris. Anh có biết Paris không? Có một chuyên gia thẩm mỹ ở đó. Người ta nói ông ấy làm da giỏi hơn bất cứ ai. Chắc là phải hay lắm, nếu tôi đến được đó. Và rồi sau đó tôi có thể đi khắp nơi. Thụy Sĩ chẳng hạn – tiếng Anh gọi là gì nhỉ"

"Switzerland".

"Anh thấy đấy, sống trong căn hộ này tôi đã quên mất tiếng Anh rồi. Đó chắc là một nơi đẹp lắm, tôi vẫn nghĩ thế, nếu xin được thị thực".

Lúc này Mahesh vẫn nhìn vào mặt cô, nửa khuyến khích nửa tức tối với cô. Chiếc áo sơ mi vải cô tông màu đỏ trang nhã của anh với chiếc cổ chặt cứng, dáng rất đẹp đang mở rộng trên cổ - đó là một phần của phong cách mà anh đã học được ở cô.

Tôi sung sướng khi thoát khỏi họ, khỏi nỗi ám ảnh họ đã bắt tôi tham dự trong phòng khách. Lột da, da – những từ đó làm tôi không thoải mái suốt trên dọc đường về.

Với tôi nỗi ám ảnh lớn hơn một khuyết tật về da. Họ đã tự kết liễu đời mình. Một khi họ phải chịu đựng ý nghĩ về những truyền thống cũ xưa của họ (vẫn đến một nơi nào khác, bởi những người khác) giờ họ hoàn toàn trống rỗng ở châu Phi này và không được bảo vệ, chẳng có gì để dựa vào cả. Họ bắt đầu mục nát. Tôi cũng giống như họ. Trừ phi ngay bây giờ tôi phải hành động, nếu không số phận tôi cũng sẽ giống như họ. vấn đề lập đi lập lại về gương và mắt đó, việc bắt người khác phải tìm ra khuyết tật, sự điên rồ trong một căn phòng nhỏ.

Tôi quyết định đi vào thế giới, để phá tung cái địa lý chật chội này của thị trấn, để làm trách nhiệm của tôi với những người phụ thuộc vào tôi. Tôi viết cho Nazruddin rằng tôi sẽ tới London thăm ông, chỉ đơn giản vậy thôi. Dù sao cũng là một quyết định ra trò! Khi không có lựa chọn nào khác, khi

gia đình và cộng đồng chỉ còn lay lắt tồn tại, khi nghĩa vụ chỉ còn có một ý nghĩa, và không còn ngôi nhà an toàn nào nữa.

Cuối cùng tôi cũng đi trên một chiếc máy bay bay trên bờ phía đông của châu lục, trước khi trục chỉ phía bắc. Chuyển bay dừng lại ở sân bay của chúng tôi. Tôi không phải đến tận thủ đô để đi nó. Thế là mãi cho đến giờ tôi vẫn chưa hề biết thủ đô.

Tôi ngủ trong cái đêm bay đến châu Âu. Một người đàn bà ngồi ở cái ghế cạnh cửa sổ, đi ra đường đi, dẫm vào chân tôi và đánh thức tôi dậy. Tôi nghĩ: nhưng đó là Yvette mà. Nàng đang ở cùng với tôi. Tôi chờ đến khi nàng trở lại. Và đang tỉnh thức, tôi đợi mười hay mười lăm giây. Rồi tôi hiểu đó chỉ là một giấc mơ. Thật là đau khổ khi hiểu là tôi đang cô độc, và đang bay đến một số phận khác lạ đến thế.

KHÚC QUANH CỦA DÒNG SÔNG

V. S. Naipaul

www.dtv-ebook.com

Dịch Giả: Cao Việt Dũng

Chương 15:

Trước đây chưa bao giờ tôi đi máy bay. Tôi còn nhớ lơ mơ điều Indar từng nói trước đây về chuyện đi máy bay, hình như anh đã nói, máy bay giúp anh điều chỉnh sự nhớ nhà của anh. Tôi bắt đầu hiểu anh định nói gì.

Hôm nay tôi đang ở châu Phi, sáng hôm sau tôi đã đến châu Âu rồi. Còn hơn là chuyển đi nhanh. Tôi giống như đang ở cùng một lúc hai nơi. Tôi thức dậy ở London với một chút châu Phi trên người – chẳng hạn chiếc vé taxi sân bay, do một nhân viên mà tôi quen đưa cho, giữa một đám đông, giữa một toà nhà khác, giữa một khí hậu khác. Cả hai nơi đều thực, cả hai nơi đều không thực. Bạn có thể lấy cái này chọi lại cái kia, và bạn sẽ không có cảm giác đang có một quyết định cuối cùng, như là chuyển đi cuối cùng vĩ đại. Chuyển đi đó, theo cách nào đó, là cái đang xảy đến với tôi, dù tôi chỉ có một chiếc vé tham quan, thị thực, và tôi phải trở về sau sáu tuần nữa.

Châu Âu mà chiếc máy bay đưa tôi đến không phải châu Âu tôi từng biết. Khi tôi còn nhỏ, châu Âu thống trị thế giới của tôi. Nó đánh bật người A rập ở châu Phi và điều khiển toàn bộ cái bên trong của châu lục. Nó điều khiển bờ biển và tất cả các vùng đất của Ấn Độ dương mà chúng tôi vẫn làm ăn, nó cung cấp hàng hóa cho chúng tôi. Chúng tôi biết chúng tôi là ai và từ đâu đến. Nhưng chính châu Âu đã cho chúng tôi những cái tem bưu thiếp giúp chúng tôi khám phá ra vẻ đẹp của chính bản thân. Nó cũng cho chúng tôi một ngôn ngữ mới.

Châu Âu không còn cai quản nữa. Nhưng nó vẫn còn cung cấp cho chúng tôi theo hàng trăm cách với ngôn ngữ của nó và vẫn không ngừng

cung cấp những thứ hàng hoá tuyệt diệu cho chúng tôi, những thứ hàng nằm ở vùng cây bụi của châu Phi vẫn chấn chỉnh ý tưởng của chúng tôi về bản thân mình, cho chúng tôi biết sự hiện đại và phát triển của mình đang ở đâu, và làm chúng tôi ý thức về một châu Âu khác – châu Âu của những thành phố khổng lồ, những nhà kho khổng lồ, những toà nhà khổng lồ, những trường đại học khổng lồ. Chỉ những người được ưu tiên hoặc được thiên phú mới đến được châu Âu đó. Đó là châu Âu mà Indar đã đến để học ở trường đại học của mình. Đó là cái châu Âu mà ai đó như Shoba thường nhắc đến khi cô nói đến chuyện đi du lịch.

Nhưng châu Âu mà tôi đến – và biết từ cái khung cảnh tôi rơi vào – không phải là châu Âu cũ cũng không phải châu Âu mới. Nó là cái gì đó say sưa, lấp lóa và đầy cảm đoán. Đó là châu Âu nơi Indar, sau khi ở ngôi trường lừng danh, đã chịu đựng và cố đạt tới một giải pháp cho vị trí của mình trong thế giới, nơi Nazruddin và gia đình ông đang trốn tránh, nơi hàng trăm nghìn người như tôi từ khắp nơi trên thế giới như tôi, đang tự buộc mình đến, làm việc và sống.

Về châu Âu này tôi không thể dựng lên một bức tranh tinh thần nào. Nhưng bức tranh London vẫn ở nguyên chỗ đó, không có bí ẩn gì cả. Hiệu ứng do những quầy hàng, trạm điện thoại, ki ốt và những cửa hàng bán hàng khô buồn tẻ gây ra – do những người như tôi điều hành – trên thực tế là hiệu ứng của chính những người dồn đến đây. Họ buôn bán giữa London như là đang buôn bán giữa châu Phi vậy. Hàng hoá trao đổi ở một khoảng cách ngắn hơn, nhưng mối quan hệ của thương gia với hàng hoá thì vẫn thế. Trên các đường phố London tôi thấy những người cũng giống như tôi đó, như thể đang ở cách xa. Tôi thấy những người trẻ tuổi, bán những bao thuốc lá vào nửa đêm, như thể bị cầm tù trong ki ốt của mình, giống như những con búp bê trên sân khấu múa rối. Họ bị đè bẹp trong cuộc sống của một thành phố khổng lồ nơi họ đã đến sống, và tôi tự hỏi về tính vô mục đích của cuộc sống nhọc nhằn và chuyển đi khó nhọc của họ.

Châu Phi dành cho những người rời bỏ nó những ảo tưởng mới hay ho làm sao! Tại châu Phi tôi từng nghĩ đến bản năng và khả năng làm việc của mình, ngay cả trong những điều kiện khác thường và sáng tạo. Tôi đã đối lập nó với sự thờ ơ và việc rời khỏi cái làng châu Phi. Nhưng giờ đây ở London rồi, đã ở trong sự tất bật này rồi, tôi lại thấy cái cảm giác nổi loạn xâm chiếm lấy mình, mạnh hơn bất kỳ lúc nào khác trong tuổi thơ. Thêm vào đó là một sự cảm thông với cuộc nổi loạn mà Indar từng nói với tôi, cuộc nổi loạn anh đã khám phá khi đi dọc bờ sông ở London và quyết định vứt bỏ ý nghĩ của mình về quê nhà và lòng thương yêu tổ tiên, sự thờ cúng không suy nghĩ những con người vĩ đại, sự suy sụp đã đến cùng với sự cầu nguyện và những ý nghĩ đó, và để dúm anh vào một thế giới lớn hơn, khó nhọc hơn. Đó là cách duy nhất tôi có thể sống ở đây và tôi phải sống ở đây.

Tôi đã trải qua cuộc nổi loạn của mình, ở châu Phi. Tôi đã mang nó đi xa đến hết mức có thể được. Và tôi đã đến London để khuây khoả và cứu rỗi, bám vào cái còn lại của cuộc sống được sắp xếp của chúng tôi.

Nazruddin không ngạc nhiên với cuộc đính hôn của tôi với cô con gái Kareisha của ông. Tôi chán nản nhận ra, ông vẫn luôn tin tưởng về lòng thành thực mà nhiều năm trước ông từng nhìn thấy trên tay tôi. Kareisha cũng không ngạc nhiên. Quả thật, người duy nhất hơi ngạc nhiên lại là chính tôi, kẻ đã kinh ngạc vì bước ngoặt của cuộc đời lại diễn ra nhẹ nhàng đến thế.

Đính hôn xong thì tôi cũng sắp phải rời khỏi London. Nhưng điều đó lại được coi như là một sự bắt đầu. và quả thật dễ chịu, trong cái thành phố to lớn lạ lùng này, sau chuyến đi nhanh đến thế, được Kareisha ôm ấp, được cô gọi tôi bằng tên, được cô dẫn đi khắp London, cô – người hiểu biết (Uganda và Canada sau lưng), tôi – người nguyên thủy (cư xử hết như thế).

Cô là một dược sĩ. Điều này là do Nazruddin sắp đặt. với kinh nghiệm về đổi thay và những xáo động bất ngờ, rất lâu trước đó ông đã không còn tin quyền lực của tài sản và công việc buôn bán có thể bảo vệ con người ta,

và ông đã hướng con cái vào việc chiếm lĩnh những kỹ năng có thể thực hành được ở mọi nơi. Có vẻ như công việc đó mang lại cho Kareisha sự thanh thản, điều rất đối với với một người phụ nữ ba mươi tuổi từ cộng đồng của chúng tôi, hoặc nó có thể là toàn bộ cuộc sống gia đình của cô, với tấm gương Nazruddin, người vẫn rất chắc chắn với những kinh nghiệm của mình và luôn tìm kiếm những dấu hiệu mới. Nhưng tôi ngày càng cảm thấy rằng ở một mức độ nào đó trong những hành trình trước đây của Kareisha hẳn từng phải có gì đó lãng mạn. Một lúc nào đó ý nghĩ này đã làm tôi không chịu nổi. Giờ đây tôi không còn để ý nữa. Người đàn ông hẳn phải khá lắm. Vì anh ta đã bỏ Kareisha theo cách đàn ông. Điều này là mới mẻ với tôi, kinh nghiệm về đàn bà của tôi khá hạn chế. Tôi đắm chìm trong sự trù mến của Kareisha, và vào vai người đàn ông của mình một chút. Thật là êm ái dịu dàng.

Đóng vai tôi vào thời gian đó – có hàng đồng vai. Vì tôi vẫn ở khách sạn (không xa căn hộ của họ lắm), tại đó tôi đối mặt với nỗi cô đơn của mình, một người đàn ông khác trong tôi. Tôi căm ghét cái phòng khách sạn đó. Nó làm tôi cảm thấy mình không ở đâu hết cả. Nó gọi lại những nỗi lo lắng cũ trong tôi và thêm vào những lo lắng mới, về London, về cái thế giới rộng lớn hơn nhiều mà tôi phải tự tìm kiếm con đường cho mình. Tôi có thể bắt đầu từ đâu đây? Khi tôi bật tivi lên, chẳng có gì đáng ngạc nhiên cả. Cần phải nhận thức được sự khác lạ to lớn bên ngoài, và tự hỏi làm sao những người trên màn hình đó lại được nhắc ra từ đám đông. Và trong óc tôi luôn ám ảnh ý muốn được "trở về", được đi một chiếc máy bay khác, hoặc chí ít là không phải ở đây. Mọi quyết định và sự hài lòng của ngày và đầu buổi tối thường xuyên bị tôi đình lại vào buổi đêm.

Indar đã nói về những người như tôi, rằng khi chúng tôi đến một thành phố lớn chúng tôi nhắm mắt vào, chúng tôi chỉ còn quan tâm đến việc tỏ ra là mình không ngạc nhiên gì hết cả. Tôi cũng hơi giống như thế, thậm chí cả với Kareisha, người dẫn tôi đi các nơi. Tôi có thể nói rằng tôi ở London nhưng tôi không thực sự biết mình đang ở đâu. Tôi không có cách nào nắm

bắt được thành phố này. Tôi chỉ biết rằng tôi đang ở trên phố Gloucester. Khách sạn của tôi ở đó, căn hộ của Nazruddin ở đó. Tôi đi khắp nơi bằng xe điện ngầm, chui vào trong lòng đất tại một địa điểm, chui lên từ một chỗ khác, không thể nào gắn nơi này với nơi kia, và đôi lúc tự phức tạp hóa những hành trình ngắn.

Đường phố duy nhất tôi biết rõ là Gloucester Road. Nếu đi bộ theo một hướng tôi sẽ đến nhiều toà nhà và đại lộ hơn, và sẽ bị lạc. Nếu đi về hướng kia tôi sẽ đi qua rất nhiều chỗ ăn của khách du lịch, một vài nhà hàng Ả rập, và tới công viên. Tại đó có một đại lộ rộng, dốc trong công viên với bọn trẻ con đi patin. Trên đầu dốc có một cái ao lớn, một bên bờ lát đá. Trông nó thật nhân tạo, nhưng nó đầy những con chim, thiên nga thật và nhiều loại vịt, và tôi luôn thấy lạ, rằng những con chim đó không hề nghĩ chúng đang ở đây. Những con chim nhân tạo, giống như những thứ cellular dễ thương của tuổi thơ tôi, không thể ra khỏi chỗ đó. Đứng xa, xung quanh, trên những cái cây là những toà nhà. Tại đó bạn thực sự biết về thành phố như là cái gì đó do con người làm ra, chứ không phải là cái gì đó tự mọc lên và chỉ đơn giản là ở đó. Indar cũng đã nói về điều này, anh nói đúng. Thật dễ dàng cho những người như chúng tôi, những người nghĩ rằng các thành phố khổng lồ như thế này mọc lên từ thiên nhiên. Nó hoà giải chúng tôi với những thành phố tồi tàn của mình. Chúng tôi đi đến kết luận rằng nơi này là một cái gì đó và nơi kia là một cái khác.

Trong công viên, vào những buổi chiều đẹp trời, người ta đến thả diều, và đôi khi những người Ả rập từ các sứ quán đến chơi đá bóng dưới các tán cây. Luôn có nhiều người Ả rập ở đó, những người da mịn, thực sự là Ả rập, không phải nửa Ả rập, nửa châu Phi như tại bờ biển của chúng tôi, một trong số những quầy báo bên ngoài bến Gloucester Road đầy báo và tạp chí Ả rập. không phải tất cả người Ả rập đều giàu có và sạch sẽ. Đôi khi tôi thấy những nhóm nhỏ người Ả rập nghèo khổ trong trang phục cầu bẩn đi lại trên thảm cỏ trong công viên, trên hè phố hay những đường phố bên cạnh. Tôi nghĩ họ là những người hầu và điều đó đối với tôi thật là đáng hổ

thẹn. Nhưng rồi một hôm tôi trông thấy một quý bà Ảrập cùng với người nô lệ của mình.

Tôi chú ý ngay đến người đi cùng với người đàn bà. Anh ta đội chiếc mũ nhỏ màu trắng và cái tạp dề nhẵn cũng màu trắng, thông báo thân phận của anh ta với mọi người và anh ta đang xách trên tay hai túi đi chợ to toàn đồ hàng khô từ siêu thị Waitrose trên đường Gloucester. Anh ta đi đều bước, cách chủ khoảng mười bước chân, bà chủ to béo theo lối của đàn bà Ảrập, với những vệt tô xanh trên khuôn mặt nhợt nhạt dưới chiếc khăn trùm đen mỏng tang. Bà ta có vẻ tự hài lòng với bản thân lắm, bạn có thể thấy rằng ở London và đi mua sắm đúng kiểu thời thượng với người hầu ở siêu thị Waitrose đã làm bà ta phấn khích. Thoáng qua bà ta nghĩ tôi là người Ảrập và bà ta nhìn tôi qua làn khăn voan mỏngtang, điều đó có nghĩa là để nhận lại từ phía tôi một cái nhìn ngưỡng mộ.

Còn người đi cùng đang xách đồ là một thanh niên gầy, da nhẵn, và tôi có thể nói anh ta sinh ra trong nhà chủ. Anh ta có những câu nói trống rỗng, khúm núm mà những người nô lệ sinh ra trong nhà chủ như tôi còn nhớ, vẫn thích nói khi họ ở chỗ đông người với chủ và đang làm một công việc đơn giản nào đó. Người đi cùng này đang làm bộ như những túi đồ hàng khô Waitrose là cái gì đó nặng nề lắm, nhưng đó chỉ là một trò diễn, để thu hút sự chú ý đến anh ta và quý bà anh ta đang phục vụ. Anh ta cũng lầm tưởng tôi là một người Ảrập và khi tôi đi ngang qua anh ta liền tung ra một lời than về món đồ nặng và nhìn tôi với sự tìm kiếm mong mỏi, như một con rối muốn được diễn kịch nhưng bị buộc phải hiểu đây không phải là lúc diễn trò.

Tôi đang đi đến chỗ Waitrose để mua chai rượu làm quà cho Nazruddin. Ông vẫn chưa mất đi thú uống rượu và ăn đồ ngon. Ông hạnh phúc được làm người hướng dẫn tôi trong những vấn đề đó, và quả thật, sau nhiều năm uống thứ đồ uống Bồ Đào Nha ở châu Phi, những thứ rượu trắng hoặc đỏ vớ vẩn thì những thứ rượu ở London là cả một sự phấn khích hàng

ngày đối với tôi. Bữa tối ở căn hộ (và trước máy tivi, mỗi tối ông xem vài tiếng đồng hồ) tôi nói với Nazruddin về người nô lệ mặc đồ trắng. Ông nói, ông không ngạc nhiên về điều đó, đó là một nét mới của cuộc sống tại Gloucester Road, vài tuần trước ông đã trông thấy một người hầu bẩn thỉu da nâu.

Nazruddin nói "Ngày xưa người ta gây khó dễ ghê lắm nếu bắt được anh gửi vài người hầu đến xứ Arập bằng đường biển. Giờ thì những người này có hộ chiếu, thị thực giống như mọi người khác, và đi di cư như mọi người khác, chẳng ai phàn nàn hết cả.

"Bác khá mê tín về người Arập. Họ sinh ra chúng ta và cho chúng ta một nửa thế giới tôn giáo của chúng ta, nhưng bác không thể không nghĩ rằng khi rời khỏi Arập họ đã gây ra những chuyện thật khủng khiếp ở khắp nơi. Anh chỉ cần nghĩ chúng ta từ đâu đến thôi. Ba Tư, Ấn Độ, châu Phi. Hãy nghĩ về việc đã diễn ra ở đó. Giờ đây là châu Âu. Họ bơm dầu vào và hút tiền ra. Bơm dầu vào để giúp toàn bộ hệ thống vận hành, rút tiền ra để gửi đi tiêu xài. Họ cần châu Âu. Họ muốn có hàng hoá và các tài sản và cùng lúc họ mùi ncó một nơi an toàn với tiền của mình. Những đất nước của họ thì thật khủng khiếp. Nhưng họ đã phá tán hết tiền. Họ sẽ giết hết những con ngỗng đẻ trứng vàng đó.

"Và họ cũng không phải là duy nhất. Trên cả thế giới này tiền đang bay. Người ta nạo sạch cái thế giới này, sạch như người châu Phi cạo râu của mình ấy, và bây giờ thì người ta muốn chạy khỏi những nơi khủng khiếp, nơi họ đã kiếm ra tiền, và tìm một đất nước tươi đẹp an toàn. Cả một đồng người, người Đại Hàn, Philippine, người từ Hồng Kông, Đài Loan, Nam Phi, người Italia, Hy Lạp, Nam Mỹ, Argentina, Colombia, Venezuela, Bolivia, cả một đồng người da đen đổ dồn đến những nơi mà anh chưa bao giờ nghe thấy đâu, người Trung Quốc từ mọi nơi. Tất cả họ đều đang chạy cuống cuồng. Họ bị lửa thúc vào đít. Anh không được nghĩ chỉ có người châu Phi đang chạy cuống cuồng.

"Ngày nay, kể từ khi Thụy Sĩ đóng cửa, hầu hết họ sang Mỹ và Canada. Tại đó đã có người chờ sẵn để làm thủ tục. Tại đó họ gặp các chuyên gia. Những người Nam Mỹ chờ đợi người Nam Mỹ, người châu Á chờ người châu Á, người Hy Lạp chờ người Hy Lạp. Và nó nta đưa họ đến chỗ những người làm thủ tục. Tại Toronto, Vancouver, California. Chẳng hạn ở Miami có một trung tâm rất lớn.

"Bác biết về điều đó trước khi đến Canada. Bác đã không mua một ngôi biệt thự một triệu đô la ở California hoặc một vườn cam ở miền Trung Mỹ hoặc một đầm lầy ở Florida. Anh có biết thay vào đó bác làm gì không? Anh không tin nổi đâu. Bác mua một giếng dầu, một phần thôi. Đó là một nhà địa chất học. Advani giới thiệu bọn bác với nhau. Họ nói họ muốn mười người bọn bác thành lập một công ty dầu mỏ tư nhân. Họ muốn có được một trăm nghìn đô la, mỗi người bỏ vào đó mười nghìn. Tiền vốn pháp định, dù sao cũng cao hơn thế, và có thoả thuận rằng nếu bọn bác tìm được dầu nhà địa chất sẽ bán phần còn lại của các cổ phiếu theo lãi suất danh nghĩa. Như thế là hợp lý. Đó là phần của ông ta, công việc của ông ta.

"Mọi chuyện đều hợp lệ, đất thì ở đó. Tại Canada anh có thể thoải mái đi đâu đó khoan đất. Anh có thể thuê một đội nhân viên, và không tốn tiền nhiều lắm đâu. Ba mươi nghìn cho một chuyến, phụ thuộc vào c anh muốn đào ở đâu. Và người ta không có cái loại luật tài sản đất đai mà anh phải chịu tại nơi anh sống. Bác đã kiểm tra lại toàn bộ. Đó là một sự liều lĩnh, nhưng bác nghĩ đó chỉ là sự liều lĩnh của một mình nhà địa chất mà thôi. Bác bỏ vào đó mười nghìn. Và chờ đợi. Bọn bác vớ được dầu. Suốt đêm, rồi, mười nghìn của bác biến ra hai trăm nghìn – chà, cứ cho là một trăm nghìn thôi. Nhưng với bọn bác, một công ty tư nhân, lãi chỉ là lãi trên giấy mà thôi. Bọn bác chỉ có thể bán lại cho nhau, và không ai trong bọn bác nhìn thấy tiền cả.

"Nhà địa chất học thực hiện các lệnh mua và mua lại toàn bộ cổ phiếu của công ty bằng cái giá bèo bọt. Thế rồi ông ta chiếm quyền kiểm soát

công ty – nhưng tất cả những cái đó đều có trong thoả thuận. Rồi ông ta mua một công ty mở sắp phá sản. Bọn bác bản khoản về điều đó, nhưng giờ đây bọn bác không hỏi về sự thông thái của ông ta nữa. Rồi ông ta biến đi tới một hòn đảo nhỏ. Ông ta đã kết nối hai công ty lại theo cách sao cho một triệu đô la tiền vay cho công ty của bọn bác để tìm đầu tư động chuyển sang công ty riêng của ông ta. Ông ta bỏ bọn bác lại với nợ nần. Trò cổ xưa nhất trong sách, và chín trong số bọn bác đứng đờ ra nhìn trong khi điều đó xảy ra như thể bọn bác đang nhìn một kẻ đào hố trên đường. Thêm vào sự nhục nhã đó, bọn bác thấy rồi lúc đầu ông ta không có đến mười nghìn. Ông ta đã làm tất cả điều đó với tiền của bọn bác. Bây giờ bác cho rằng ông ta đang đi đi lại lại giữa thiên đường và mặt đất để chuyển một triệu đô la của mình vào an toàn. Dù thế nào đi nữa, đó là cách bác đã làm được cái không thể, biến mười nghìn thành món nợ một trăm nghìn.

"Lúc đó thật ra nợ chưa phải trả. Dầu còn ở đó. Thậm chí bác rút được mười nghìn của mình về. Điều rắc rối với những người như bác, chạy khắp thế giới để cất giấu tiền, là bọn bác chỉ làm tốt công việc tại chỗ của mình. Vẫn như vậy mà dầu mỏ chỉ là một phi vụ. Rồi sau đó điều hành một rạp chiếu phim, một rạp dành cho người nhập cư. Anh có biết loại rạp đó không? Có nghĩa là chiếu phim cho tất cả các nhóm dân tộc ở một địa điểm. Có rất nhiều sắc tộc nơi bác từng ở, nhưng bác cho rằng mình có ý tưởng đó chỉ bởi vì có một cái rạp đang được rao bán, và có vẻ như nó khá đẹp, ở ngay trung tâm thành phố.

"Mọi việc đều trôi chảy khi bác đến tận chỗ rạp hát, nhưng khi việc mua bán xong xuôi, bác nhận ra rằng mọi thứ trên màn ảnh cứ lơ mơ thế nào ấy. Thoạt tiên bác nghĩ mắt mình có vấn đề. Rồi bác nhận ra rồi người bán cho bác chỗ này đã đổi dụng cụ. Bác đến gặp ông ta và nói "Ông không thể làm thế được", ông ta nói "Ông là ai? Tôi không biết ông". Thế đấy. Thế là bọn bác quảng những máy chiếu cũ đi, nâng cấp chỗ ngồi và tiếp tục chiếu phim. Công việc không được tốt lắm. Một rạp chiếu phim cho người nhập cư ở trung tâm không phải là một ý tưởng hay lắm. Chẳng qua là họ

phải làm việc nhiều quá. Họ chỉ muốn nhanh nhanh về nhà. Những phim hay là phim Ấn độ. Có rất nhiều người Hy Lạp tới xem. Người Hy Lạp thích xem phim Ấn độ. Anh biết điều đó không? Dù sao bác cũng qua được mùa hè. Mùa lạnh tới. Nhưng không có hệ thống sưởi. Hoặc cái ở đó đã bị dỡ mang đi.

"Bác lại đến chỗ người đàn ông kia. Bác nói "Ông bán cho tôi cái rạp chiếu phim như của nợ ấy". Ông ta nói "Ông là ai?" Bác nói "Gia đình tôi từng là thương nhân buôn bán khắp Ấn độ dương hàng thế kỷ nay, dưới bất kỳ loại chính phủ nào. Có một lý do tại sao chúng tôi tồn tại lâu được như thế. Chúng tôi kiếm lời khó khăn, nhưng chúng tôi thực hiện đầy đủ những gì đã cam kết. Tất cả các hợp đồng của chúng tôi đều bằng miệng, nhưng chúng tôi luôn thực hiện những gì chúng tôi đã hứa. Không phải bởi vì chúng tôi là thánh thần gì. Chỉ vì tất cả đều tồi tệ nếu khác đi". Ông ta nói "Ông có thể quay về Ấn độ dương".

"Khi rời khỏi chỗ ông ta bác bước đi rất nhanh. Trên đường bác bị ngã và bị đập mắt cá. Bác coi đó là một điềm báo. Vận may của bác đã đi mất rồi. Bác biết chắc điều đó. Bác không cảm thấy mình có thể ở lại đất nước này nữa. Bác cảm thấy nơi này như một trò chơi khăm. Họ nghĩ họ là người phương Tây, nhưng thực ra họ đang chạy đến chỗ họ tìm sự an toàn. Họ giống như những người ở rất xa, sống nhờ vào đất đai và trí tuệ người khác, và đó là tất cả những gì họ có thể làm. Đó là lý do tại sao họ lại buồn tẻ và ngu ngốc đến thế. Bác nghĩ bác có thể chết nếu phải ở lại cùng họ.

"khi đến Anh toàn bộ linh cảm của bác hướng vào ngành năng lượng. Một đất nước nhỏ, đường bộ và đường sắt rất tốt, năng lượng, công nghiệp phát triển. Bác nghĩ rằng nếu anh có địa điểm, cơ sở vật chất, và thuê nhân công châu Á, anh không thể thua lỗ được. Người châu Âu chán ngán với máy móc và nhà máy rồi. Người châu Á thích chúng, họ bí mật thích máy móc hơn cuộc sống gia đình của mình. Nhưng sau khi đến Canada bác đã

bớt nóng nảy rồi. Bác nghĩ mình phải làm thế nào cho an toàn. Bác nghĩ bác có thể kiếm được tiền. Đó là lý do tại sao bác đến Gloucester Road.

"Đó là một trong những trung tâm kinh doanh du lịch ở London, anh cũng biết rồi đấy. London đang tự tiêu huỷ mình trong việc kinh doanh du lịch - ở đây anh có thể thấy điều đó. Hàng trăm ngôi nhà, hàng nghìn căn hộ đã được biến thành khách sạn, nhà nghỉ và hàng ăn cho khách du lịch. Chỗ ở ngày càng hiếm đi. Bác nghĩ bác không thể thua được. Bác mua sáu căn hộ ở một chung cư. Bác mua đúng lúc đang sốt nhà. Giá giờ đã giảm mất hai năm phần trăm, và lãi suất đã tăng lên đến hai mươi, thậm chí hai mươi tư phần trăm. Anh có nhớ vụ bê bối ở bờ biển khi người nhà Indar cho vay tiền với lãi suất mười và mười hai phần trăm không? Bác cảm thấy mình không còn hiểu nổi tiền nữa. Và người Ả-rập thì ở ngay ngoài đường kia.

"Bác phải cho chịu tiền thuê nhà. Và khi đã cho chịu rồi thì anh lại hấp dẫn những người lạ. Đây là một món đồ lưu niệm của bác. Thẻ cá cược của một cửa hàng đánh cược ở Gloucester Road. Bác vẫn nhớ một cô gái đến từ phía bắc. Cô nhập vào đám người Ả-rập. Cô trở thành người Ả-rập, nhóm người nghèo khổ từ Algeria đến. Cô ta có thói vứt rác ra ngoài cửa. Người Algeria hay đánh cược ngựa. Chính vì thế họ có những lúc lên bổng xuống trầm.

"Họ thắng, và họ lại thua. Họ không thể trả được tiền nhà. Bác giảm tiền xuống. Họ vẫn không trả nổi. Có những phàn nàn về rác và những cuộc cãi cọ, và người Algeria đó có thói quen đá vào thang máy khi ở trong đó. Bác yêu cầu họ dọn đi. Họ từ chối và luật pháp đứng về phía họ. Một hôm, khi họ đi khỏi bác bèn thay khóa mới. Khi quay về họ gọi cảnh sát và cảnh sát mở cửa cho họ. Để ngăn bác làm điều đó một lần nữa, họ lắp khóa của họ vào. Hồi đó, trên cánh cửa này, lỗ khóa và những vòng tròn trông giống như hàng nút áo sơ mi. Bác bỏ cuộc.

"Tất cả các loại hoá đơn thanh toán đều không được trả tiền. Một buổi sáng bác lên và gõ cửa. Phòng đầy tiếng thì thầm, nhưng cửa vẫn không mở. Thang máy ngay cạnh cửa căn hộ. Bác mở cửa thang máy và đóng lại. Họ nghĩ bác đã đi và để chắc chắn họ mở cửa ra để nhìn. Bác thò chân chặn cửa và bước vào. Căn hộ nhỏ đầy những người Ả-rập nghèo khổ mặc đồ lót xấu xí. Họ nằm la liệt khắp nơi. Cô gái không ở cùng với họ. Họ đã tống cô ta, hoặc cô ta đã bỏ đi. Cứ thế khoảng hai tháng, khi bác trả hai mươi phần trăm lãi và những thứ tiền khác, bác phải cung cấp một chỗ trú ngụ miễn phí cho một tá người Ả-rập rách rưới này. Họ là một loại người rất lạ. Một trong số họ có tóc đỏ rực. Họ làm gì ở London này? Anh có nghĩ được là họ làm gì không? Họ sống được bằng cách nào? Có quá nhiều những người như họ.

"Một cô gái khác làm bác cháy túi. Cô ta đến từ Đông Âu. Tị nạn? Nhưng cô ta là đàn bà. Cô ta phải tiêu một ít tiền để in những tấm card. Trong ảnh cô ta thò mỗi cái cổ lên khỏi mặt nước, bác không biết tại sao cô ta nghĩ cô ta có thể in hình đó lên card của mình. Trong ảnh cô ta giơ tay lên, để lộ một khoảng ngực. Còn tại đây cô ta đội chiếc mũ quả dưa màu đen rất to và đôi giày da màu đen và thò ra ở một góc. "Erika. Người mẫu – Diễn viên – Ca sĩ – Vũ nữ. Tóc đỏ. Mắt xanh xám. Chuyên môn: Mẫu – một – Đồ trang sức – giày dép-Tay-Chân-Răng-Tóc. 5'9", 32-25-33". Tất cả những cái đó chẳng ai muốn mua cả. Rồi cô ta có bầu, chịu một hoá đơn điện thoại 1200 bảng – một nghìn hai trăm bảng – và một đêm cô ta trốn đi, để lại những tấm card có hình của cô ta. Một đồng lớn. Bác không thể chịu đựng được tất cả những cái đó. Bác cảm thấy mình phải giữ lại một cái vì cô ta.

"Điều gì đã xảy đến với những người đó? Họ đi đâu bây giờ? Họ sống thế nào bây giờ? Họ có về nhà không? Họ có nhà để về không? Anh đã nói nhiều, Salim ạ, về những cô gái từ Đông Phi đến những kiốt bán thuốc lá, bán thuốc lá vào những giờ khuya khoắt ban đêm. Điều đó làm anh thấy chán nản. Anh nói họ không có tương lai và rằng họ thậm chí không biết

mình là ai. Bác tự hỏi liệu đó lại chẳng phải là vận may của họ. Họ cho rằng làm những việc đó rất nhàm chán, họ làm. Những người mà bác nói tới cũng có những dự định và họ biết họ đã lạc lối ở London. Bác cho rằng hẳn là phải khủng khiếp với họ lắm khi họ phải quay về nhà. Nơi này đầy những người như họ. Họ đến trung tâm bởi vì đó là tất cả những gì họ biết và bởi vì họ nghĩ đó là giải pháp khôn ngoan, và thử làm điều gì đó. anh không thể kết án họ. Họ đang làm điều mà họ thấy những người vĩ đại đang làm.

"Nơi này rộng lớn và luôn luôn bận rộn, anh phải bỏ thời gian để xem từng cái nhỏ nhất diễn ra. Nó chỉ đơn giản là vẫn tiếp tục vận động. Nhiều người đã bị thổi bay. Không có tiền mới, không có tiền thật, và điều đó làm cho mọi người trở nên tuyệt vọng hơn. Chúng ta đến đây vào một thời điểm sai lầm. Nhưng đừng để ý đến điều đó. Chúng ta cũng đến sai thời điểm ở mọi chỗ khác thôi. Ngày xưa khi chúng ta ở châu Phi xem những catalog, đặt hàng và nhìn tàu thủy chờ hàng dưới bến, bác không cho rằng mình nghĩ nó giống như châu Âu, hoặc những cái hộ chiếu Anh bác đã lấy làm cái để bảo vệ những người châu Phi hiện đang mang chúng ta đến đây, và rằng những người Ả-rập đó lại ở ngoài đường phố"

Đó là Nazruddin. Kareisha nói "Em hy vọng anh biết anh đã nghe chuyện của một người hạnh phúc." Cô không cần nói với tôi.

Nazruddin nói đúng. Ông đã biến Gloucester Road thành nhà ông. Khung cảnh châu Âu thật lạ lùng, nhưng nhìn Nazruddin thì thấy cứ như là ông vẫn luôn ở đây từ trước. Ông sắp bước sang tuổi sáu mươi, nhưng trông ông không có vẻ già đi. Ông vẫn mặc những bộ đồ theo kiểu cũ, và những ve áo rộng (với những mẫu phồng lên) mà tôi đã quen là một lâu lắm rồi. Tôi không nghĩ ông nghi ngờ tính đúng đắn của công việc kinh doanh của mình. Điều dễ nhận ra ông (và làm ông nói về chuyện vận may đã rời khỏi ông) là sự bất động của ông. Nhưng ông đã tìm thấy nơi nghỉ ngơi

hoàn hảo của mình. Đó là một địa điểm giữa bến xe điện ngầm và công viên, trên đường Gloucester.

Ông mua báo ở một cửa hiệu, và đọc nó khi uống cà phê buổi sáng trong quán cà phê nhỏ cũng có những bức tranh cổ bằng màu nước để bán, dạo quanh công viên một vòng, đi mua sắm cho mười ngày trong nhiều cửa hàng lương thực khác nhau. Đôi khi ông tự cho mình cái thói xa xỉ là ly trà hoặc một thứ đồ uống trong cái buồng to, cổ lỗ của khách sạn tường đỏ gần trạm xe điện ngầm. Đôi khi ông đến "phòng nhảy" của người Ả-rập hoặc Ba Tư. Và đêm thì trong căn hộ có tivi. Những người ở Gloucester Road rất cởi mở, luôn nồng nhiệt với những người ở mọi lứa tuổi. Đó là một nơi thật thân thiện, đây không khí hội hè, và những ngày của Nazruddin đây những gặp gỡ và quan sát mới. Ông nói đó là phố đẹp nhất trên thế giới, ông có ý định ở lại đó lâu nhất có thể được.

Lại thêm một lần nữa ông lựa chọn đúng. Đó luôn là biệt tài của ông. Vào lúc tôi thấy lo lắng tìm kiếm trong thế giới mà ông đã tìm được. Tấm gương Nazruddin, hay cách mà tôi ngầm diễn giải từ đó, dù sao cũng giúp để định hướng cuộc đời tôi. Giờ đây ở London, dù ít khi tôi thấy ông ở trạng thái tinh thần thoải mái, khả năng này của ông làm tôi cảm thấy nặng nề. Nó làm tôi cảm thấy một sau tất cả những năm đó tôi chưa hề đạt được đến tầm của ông, và không bao giờ có thể hết cả, rằng cuộc đời thật luôn luôn không được thoả mãn. Tôi phải đi về căn phòng khách sạn của mình trong một sự hấp hối của cô đơn và sợ hãi.

Đôi khi đang lơ mơ ngủ tôi choàng tỉnh giấc vì một hình ảnh nào đó về cái thị trấn châu Phi của chúng tôi vừa chợt đến – cực kỳ thật (và cái máy bay có thể đưa tôi về vào ngày mai), nhưng những liên tưởng khiến nó giống như một giấc mơ. Rồi tôi nhớ đến sự bừng tỉnh của mình, về nhu cầu của con người chỉ để sống, về ảo tưởng về nỗi đau. Tôi lấy London đổi chọi lại châu Phi cho đến khi cả hai trở nên không thực, và tôi lại có thể ngủ tiếp. Sau đó một lúc tôi phải viện đến sự bừng tỉnh, tâm trạng của buổi sáng

châu Phi này. Nó ở đó, bên cạnh tôi, cái viễn cảnh của hành tinh, của những con người lạc lối trong không gian và thời gian, nhưng thật khủng khiếp, bận rộn đến không còn hướng đi nào.

Chính trong trạng thái đứng đưng và vô trách nhiệm – giống như những người ở Gloucester Road mà Nazruddin đã kể - mà tôi đã dính hôn với Kareisha.

Một hôm, khi tôi sắp rời khỏi London, Kareisha hỏi "Anh có gặp Indar không? Anh có đi gặp anh ấy không?"

Indar! Tên của anh thường đến trong những cuộc nói chuyện của chúng tôi, nhưng tôi không biết anh đang ở London.

Kareisha nói "Đúng là thế đấy. Em không khuyên anh đến thăm. Có lẽ anh ấy đang gặp khó khăn và nóng nảy, và không vui vẻ lắm. Anh ấy vẫn thế kể từ khi công việc của anh ấy bị ngừng lại".

"Công việc bị ngừng lại à?"

"Cách đây khoảng hai năm".

"Nhưng anh ấy biết sẽ như thế mà. Anh ấy nói như là anh ấy biết trước vậy. Các giảng viên, trường đại học, chương trình trao đổi ở châu Phi – anh ấy biết sự phấn khích không thể kéo dài, rằng không một chính quyền địa phương nào thực sự quan tâm đến người khác. Nhưng anh ấy nghĩ anh ấy có kế hoạch của mình. Anh ấy nói anh ấy có thể tự khám phá mình theo nhiều cách khác nhau".

Kareisha nói "Mọi cái khác đi khi thời điểm đến. Anh ấy quan tâm nhiều đến công việc hơn là anh ấy tỏ ra. Tất nhiên, có nhiều điều anh ấy có thể làm. Nhưng anh ấy quyết không chịu làm. Anh ấy có công việc ở một trường đại học, tất nhiên ở bên Mỹ. Anh ấy có những mối quan hệ. Anh ấy có thể viết bài cho báo. Giờ đây, khi gặp anh ấy chúng em không nói về

chuyện đó nữa. Nazruddin nói là Indar sẽ trở thành trợ giảng. vấn đề rắc rối là anh ấy đã đầu tư quá nhiều vào cái công việc đó của anh ta. Và sau khi nó bị ngừng, anh ấy trở nên căm ghét nước Mỹ. Căm ghét chính mình nữa.

"Anh biết Indar mà. Anh biết rằng khi còn trẻ điều quan trọng nhất với anh ấy là gia đình anh ấy rất giàu có. Anh còn nhớ ngôi nhà chúng ta từng sống không. Khi sống ở trong một ngôi nhà như thế, em cho là anh sẽ nghĩ đến mười hay mười hai hay hai mươi lần một ngày rằng anh rất giàu, hoặc anh giàu hơn tất cả những người khác. Và anh nhớ anh đã luôn sống như thế. Không nói đến chuyện tiền, nhưng nó luôn ở đó. Anh có thể nói rằng anh ấy cảm thấy rằng tiền đã làm anh ấy trở nên đáng kính. Mọi người giàu có đều như thế cả, em nghĩ vậy. Và đó là ý niệm về bản thân mình mà Indar chưa bao giờ mất đi cả. Công việc của anh ấy không mang lại cho anh ấy tiền bạc, nhưng lại làm cho anh ấy trở nên cao quý. Nó lại nâng anh ấy lên trên những người khác và làm anh ấy tương đương với những kẻ quan trọng khác ở châu Phi, trở thành khách của chính phủ ở chỗ này, chỗ kia, gặp gỡ các bộ trưởng và Tổng thống nước ngoài. Thế nên thật thảm họa khi cái công việc đó bị ngừng lại, khi người Mỹ quyết định ở đó không có gì cho họ hết.

"Indar đến Mỹ, đến New York. Theo phong cách của bản thân, anh ấy đã ở khách sạn đắt tiền. Anh ấy gặp những người Mỹ của mình. Họ đều rất đẹp. Nhưng anh ấy không thích hưởng mà họ đẩy anh ấy vào. Anh ấy cảm thấy họ đang đẩy anh ấy vào những điều nhỏ bé hơn và anh vờ như không nhận ra. Em không biết Indar trông chờ gì ở những người này. Không, có lẽ em biết. Anh ấy hy vọng được biến thành một người trong số họ, tiếp tục như cũ. Anh ấy nghĩ điều đó là trách nhiệm của mình. Anh ấy đã tiêu rất nhiều tiền, và tiền đã hết. Rồi đến khi, rất không như anh ấy mong muốn, anh ấy phải chuyển đến những khách sạn rẻ hơn. Anh ấy không muốn làm điều đó bởi vì anh ấy nghĩ rằng chỉ nhìn vào những khách sạn rẻ tiền hơn cũng đã là chấp nhận rằng không sớm thì muộn nó sẽ dành cho mình. Anh

ấy kinh hoàng khi phải ở những khách sạn rẻ tiền hơn. Tại New York mọi người tuột dốc nhanh lắm, anh ấy nói.

"Có một người đàn ông đặc biệt mà anh ấy thường giao du. Anh ấy đã gặp người đó ở London ngay từ lúc đầu và họ đã trở thành bạn. Không luôn như vậy đâu. Thoạt đầu anh ấy từng nghĩ người đàn ông thật điên rồ và thật nóng tính với anh ấy. Điều này thường làm Indar bối rối, bởi vì chính người này đã cứu anh ấy thoát khỏi sự nhùng nhằng anh ấy dính phải hồi đầu ở London. Người đàn ông này đã đem sự tự tin trở lại cho Indar rồi làm anh ấy nghĩ tốt về châu Phi và về chính bản thân anh ấy. Chính người đàn ông đó đã khiến Indar có những ý nghĩ tốt đẹp. Indar ngày càng phụ thuộc vào người đó. Anh ấy nghĩ anh ấy là ngang hàng, và anh có thể biết như thế có nghĩa là thế nào.

"Họ thường gặp nhau ở New York. Ăn trưa, uống rượu, gặp gỡ ở văn phòng. Nhưng không có gì xảy ra cả. Luôn luôn chỉ là trở về khách sạn, và chờ đợi. Indar ngày càng xuống thấp hơn. Một tối người đàn ông mời Indar đến nhà ông ăn tối. Đó là một toà nhà rất đắt tiền. Indar đưa tên ở tầng dưới và đi thang máy lên. Người coi thang máy chờ đợi và nhìn theo cho đến khi cửa căn hộ mở ra và Indar bước vào. Khi bước vào, Indar cảm thấy kinh ngạc.

"Anh vẫn nghĩ con người đó ngang hàng với anh, là bạn của anh. Anh ấy cười mở với người đàn ông đó. Giờ đây anh ấy phát hiện người đàn ông cực kỳ giàu có. Anh ấy chưa từng ở trong một căn phòng nào sang trọng hơn thế. Anh hoặc em có thể thấy điều này là hấp dẫn, tiền ấy, Indar hoang mang. Chỉ ở đó, trong căn hộ giàu sang với những đồ vật và tranh đắt tiền. Indar mới hiểu rằng trong khi anh cười mở với người đàn ông và nói mọi điều dù là nhỏ nhặt nhất làm anh lo lắng thì anh chỉ nhận về cho mình rất ít ỏi. Người đàn ông này cao quý hơn, hơn rất nhiều. Còn hơn cả Indar có thể chịu đựng. Anh cảm thấy anh đã bị lừa và bị chế giễu. Anh ngày càng phụ thuộc vào người đàn ông đó. Anh ấy gán những ý nghĩ của mình theo thước

đo của ông ta, anh tìm ở ông ta chỗ dựa tinh thần. Anh ấy nghĩ người đàn ông đó gần như chính là bản thân anh. Anh cảm thấy mình bị dắt mũi bao nhiêu năm trời, và bị bóc lột theo cách tồi tệ nhất. Toàn bộ sự lạc quan đó làm anh đau đớn, sau khi anh đã mất nhiều đến thế. Tất cả những ý tưởng xây dựng châu Phi ở căn hộ này hết cả, hoặc trong bữa tiệc tối này. Không có nguy hiểm, không có mất mát. Cuộc sống riêng tư, cuộc sống với bạn bè, khá là khác với cuộc sống bên ngoài. Em không biết Indar dự định gì.

"Trong bữa tối ấy anh ấy tập trung quan sát một người phụ nữ trẻ. Cô ấy là vợ một nhà báo rất già đã viết nhiều sách kiếm được nhiều tiền một thời. Indar ghét cô ta. Tại sao cô ta lại lấy người đàn ông đó? Trò đùa là ở đâu? Bởi vì có vẻ như là cô ta và người đàn ông mà cô ta có công chuyện làm ăn là trung tâm của bữa tối. Họ không bí mật lắm, và ông già kia cũng tỏ ra không biết. Ông ấy chỉ nói một chút về chính sách của nước Pháp những năm 1930, vẫn giữ mình ở trung tâm mọi vấn đề, nói về những người quan trọng ông ấy gặp và những điều người ta nói riêng với ông. Không ai mảy may chú ý đến ông ta, nhưng ông ta không hề quan tâm.

"Ông ta vẫn là một người nổi tiếng. Indar nghĩ rằng nhiều về điều đó. Anh ấy cố đặt mình vào địa vị ông già, để cảm ghét hơn những người khác. Rồi ông già nhận ra Indar là ai, và bắt đầu nói về Ấn độ ngày xưa và cuộc gặp của ông ta với Gandhi tại một cái lều trát bùn lừng danh nào đó. Anh biết đấy, Gandhi và Nehru không phải là chủ đề ưa thích của Indar. Đêm đó anh ấy quyết định không giao tiếp với ai, và đã rất ác nghiệt với ông già, ác nghiệt hơn bất kỳ ai trước đó.

"Thế là đến cuối bữa ăn Indar trở nên rất nghiêm trang. Anh ấy nghĩ về những khách sạn rẻ tiền anh ấy phải sống, khi đang đi xuống thang máy anh ấy cảm thấy sợ hãi kinh khủng. Anh ấy nghĩ mình đã đi quá đà. Nhưng anh ấy tự cho mình đúng, và do đó anh ấy bình tĩnh lại. Anh ấy chỉ có một ý nghĩ đơn giản rằng đã đến lúc, đi khỏi nơi này và về nhà.

"Đó là những chuyện xảy ra với Indar. Thời gian trôi đi và cũng đến thời điểm Indar nhận ra rằng anh ấy nên quay trở về nhà. Trong đầu anh ấy có thể có 'một ngôi làng mơ ước nào đó. Anh ấy biết mình được học hành để làm những việc quan trọng hơn, nhưng anh ấy không muốn làm chúng. Anh ấy tin là anh ấy thoả mãn khi được nói là anh có thể làm tốt hơn. Giờ đây chúng ta đã bỏ rơi anh ấy. Anh ấy không muốn lại mạo hiểm một cái gì đó nữa. Ý nghĩ về hy sinh là an toàn hơn, và anh ấy thích hành động. Nhưng tự anh sẽ thấy, khi anh quay trở về".

Khi nói về Indar, Kareisha làm tôi xúc động hơn là cô tưởng. Ý tưởng trở về nhà, bỏ đi, ý tưởng về nơi khác - tôi đã sống với những dạng thức khác nhau đó trong nhiều năm. Tại châu Phi nó vẫn luôn như thế đối với tôi. Tại London, trong phòng khách sạn của mình, tôi đã cho phép nó chiếm lĩnh mình vài đêm. Đó là một sự lừa dối. Giờ đây tôi đã biết nó chỉ làm con người ta suy yếu và tiêu diệt người ta.

Sự bình tĩnh này, tính thống nhất của kinh nghiệm và ảo tưởng của sự đau đớn, là một phần của cùng một cách cảm giác đó. Chúng tôi cảm thấy rơi vào trong đó – những người giống như Indar và tôi – bởi vì nó là nền tảng của cách sống cũ của chúng tôi. Nhưng tôi đã vứt bỏ lối sống đó – và vừa kịp lúc. Dù có những người con gái ở các kiốt bán thuốc lá, kiểu sống đó không còn tồn tại nữa, ở London cũng như ở châu Phi. Có thể có cái gì đó không trở lại, không có gì trở lại hết cả. Chúng ta đã trở nên cái mà thế giới bên ngoài biến chúng ta trở thành" chúng ta phải sống trong thế giới như là nó đang tồn tại. Hồi trẻ hơn Indar khôn ngoan hơn. Sử dụng máy bay, dẫm lên quá khứ, như Indar từng nói anh dẫm lên quá khứ. Thoát khỏi ý nghĩ về quá khứ đó, biến những cảnh mất mát giống như trong mơ thành thường ngày.

Đó là tâm trạng của tôi khi rời khỏi London và Kareisha, để quay trở lại châu Phi, hiện thực hoá nhiều nhất có thể được các ý tưởng. Và để làm lại một sự bắt đầu mới ở một nơi khác.

Tôi đến Brussels vào một buổi chiều muộn. Chuyến bay đến châu Phi sẽ cất cánh lúc nửa đêm. Tôi lại cảm thấy sự thú vị của chuyến bay, London biến mất, châu Phi sắp đến, còn giờ là Brussels. Tôi ăn tối và sau đó đến quán bar, một nơi có đàn bà. Toàn bộ sự phấn khích nằm ở ý tưởng địa điểm hơn là chính bản thân địa điểm. Những gì diễn ra sau đó rất ngắn ngủi, không nghĩa lý gì và khá yên tâm. Nó không làm giảm bớt giá trị của cái mà tôi đã có ở châu Phi. Không có ảo tưởng nào hết cả, nó đúng là như thế. Và nó đã làm mất đi sự nghi ngờ đặc biệt tôi cảm thấy về cuộc đính hôn của mình với Kareisha, người mà tôi thậm chí còn chưa hôn lần nào.

Người đàn bà, khoả thân, không quần áo, đứng trước một tấm gương dài và nhìn ngắm mình. Đôi chân to, bụng tròn ung ủng, ngực độn lên. Cô ta nói "Em tập yoga với một nhóm bạn. Chúng em có một giáo viên, anh có tập yoga không?"

"Anh chơi squash"

Cô không mảy may để ý. "Thầy giáo của chúng em nói rằng thứ nước tâm linh của người đàn ông có thể chế ngự người đàn bà. Thầy giáo của chúng em nói rằng sau cuộc gặp gỡ nguy hiểm người đàn bà có thể trở lại là mình bằng cách đập mạnh hai bàn tay hoặc thở ra một hơi thật sâu. Anh khuyên em nên chọn cách nào?"

"Vỗ tay đi"

Cô đứng đối diện với tôi như thể cô đang đứng đối diện với giáo viên tập yoga của mình, đứng thẳng lên, hơi nhắm mắt, vòng tay ra sau, và đập mạnh hai tay vào nhau. Trong tiếng động, vang lên trong căn phòng nhỏ rất nhiều đồ đạc, cô ta mở mắt ra, vẻ ngạc nhiên, mỉm cười như thể đã đùa cợt, và nói "Đi nào!" Khi đi ra ngoài phố, tôi hít thở một hơi dài, và đi thẳng đến sân bay để đón chuyến bay vào lúc nửa đêm.

KHÚC QUANH CỦA DÒNG SÔNG

V. S. Naipaul

www.dtv-ebook.com

Dịch Giả: Cao Việt Dũng

Phần IV - Chương 16

Bình minh chợt đến, trong cái nhợt nhạt của phía tây, ở phía đông đỏ lên với những gợn mây đen. Cứ như thế trong nhiều phút. Độ cao, rất tuyệt – cách mặt đất sáu dặm! chúng tôi hạ dần xuống, rời khỏi ánh sáng phía trên. Bên dưới đám mây nặng nề, châu Phi hiện ra như một mảnh đất xanh đen chào đón. Chúng tôi có thể nhìn thấy bình minh châu Phi, những khu rừng và ruộng đồng dường như vẫn đang còn ở trong bóng tối. Cánh rừng hiện dần ra. Mặt trời hạ xuống đám mây, trời đã sáng khi chúng tôi hạ cánh.

Cuối cùng thì tôi cũng đến thủ đô. Thật là một hành trình lạ lùng để đến đây, sau một chuyến đi vòng vèo đến thế. Nếu từ thị trấn ở thượng nguồn tôi đến thẳng đây thì thủ đô có vẻ như là mệnh mệnh ,giàu có. Nhưng sau khi đã ở châu Âu, và London thì nó dường như là rất nhạt nhòa dù cho tầm vóc của nó, một mô phỏng châu Âu ở cuối khu rừng đó.

Những người khách châu Âu có kinh nghiệm không để ý đến những bức ảnh Tổng thống với chiếc gậy chỉ huy của mình, gây áp lực ở chỗ những nhân viên nhập cảnh và hải quan để được đi qua nhanh. Tôi tự hỏi sự tự tin của họ, nhưng họ chủ yếu là những người được bảo vệ - nhân viên sứ quán, những người làm việc trong các dự án, những người làm việc trong các công ty lớn. Chuyến đi của tôi không cao cấp được như vậy. Khi tôi đã đi qua, văn phòng gần như trống không. Những chiếc ảnh máy bay và ảnh Tổng thống không được ai ngó đến. Hầu hết các quan chức đều đã biến mất. Và đã sáng rõ rồi.

Phải đi khá lâu mới về được thị trấn. Nó giống như chuyển đi, ở thị trấn của tôi, từ Khu đến trung tâm thị trấn. Nhưng vùng đất này cao hơn ở đây và mọi thứ có tỉ lệ lớn hơn. Những thị trấn và cité nghèo đói (với những ruộng ngô giữa các ngôi nhà) lớn hơn, có xe buýt, thậm chí cả một đường sắt với những toa mở kiểu cũ, có những nhà máy. Dọc theo con đường những tấm bảng lớn cao chừng mười feet, được bôi vẽ không đồng nhất, mỗi cái có một câu trích dẫn từ danh ngôn của Tổng thống . một số chân dung vẽ Tổng thống lớn đúng bằng một ngôi nhà. Ở thị trấn không có cái gì tương tự như thế. Mọi thứ ở thị trấn của chúng tôi, như tôi nhận thấy, đều có tỉ lệ nhỏ hơn.

Những tấm chân dung, những bức tượng mẹ đồng trinh châu Phi dựng tạm – chúng tiếp tục bằng mọi con đường đến tới được khách sạn. Nếu tôi từng đến thủ đô thẳng từ thị trấn của chúng tôi tôi có thể đã bị sốc. Nhưng sau khi đã đến châu Âu, và sau khi tôi đã nhìn thấy cả đất nước từ trên không trung, và vẫn còn có cảm giác về sự mù mờ của thủ đô, thái độ của tôi đã khác, và tôi ngạc nhiên về điều này. Với tôi có một nhân tố chết chóc nào đó trong những câu châm ngôn, chân dung và tượng, trong ý muốn của một người đàn ông của cây bụi muốn biến mình thành vĩ đại, và đạt đến điều đó bằng một cách thô thiển đến vậy. Tôi thậm chí còn cảm thấy thông cảm chút ít với người đã trưng bày chính mình như thế.

Giờ đây tôi đã hiểu tại sao nhiều người khách mới đây của chúng tôi tại Khu lại thấy đất nước của chúng tôi, và sự kính sợ của chúng tôi đối với Tổng thống , là nực cười. Tuy nhiên điều tôi nhìn thấy trên đường từ sân bay về không có vẻ gì là nực cười hết. Tôi cảm thấy nó là một tiếng thét thì đúng hơn. Tôi vừa từ châu Âu về, tôi đã nhìn thấy sự ganh đua thật sự.

Qua đêm tôi đã từ một châu lục đến một châu lục khác, và sự cảm thông bất chợt với Tổng thống , nhìn nhận về sự bất khả của cái mà tôi nghĩ ông ta đang cố làm, chỉ đến vào thời điểm đặt chân đến sân bay. Sự cảm thông biến mất khi thành phố dần trở nên quen thuộc hơn và tôi bắt đầu coi

nó là một phiên bản lớn hơn của thị trấn của tôi. sự thông cảm, thực thể, bắt đầu mất đi khi tôi vào cái khách sạn lớn (có điều hoà nhiệt độ, cửa hiệu trong hành lang, một bể bơi không ai sử dụng) và thấy nó đầy cảnh sát chìm. Tôi không thể tưởng tượng họ lại làm như thế ở đó. Họ có ở đó để chứng tỏ chính mình với khách khứa. Và cũng bởi vì họ muốn ở trong cái khách sạn mới sang trọng, họ muốn hiện ra trước mặt khách khứa trong khung cảnh hiện đại đó. Thật là lâm ly, bạn có thể đùa cợt về điều đó. Nhưng những người đàn ông này không phải luôn luôn buồn cười. Những căng thẳng của châu Phi giờ đã quay về với tôi.

Đó chính là thành phố của Tổng thống . Đó là nơi ông ta đã lớn lên và nơi mẹ ông ta đã làm việc ở khách sạn. Đó là nơi, thời còn thuộc địa, ông đã có ý tưởng về châu Âu riêng. Thành phố thời thực dân, rộng lớn hơn thành phố của chúng tôi, nhiều khu dân cư giàu có với những cái cây giờ đây đã lớn, vẫn còn đó. Chính với cái châu Âu này mà, trong những toà nhà của mình, Tổng thống muốn ganh đua. Thành phố, trong tình trạng suy tàn ở trung tâm, với những con đường bẩn thỉu và những đồng rác ở ngay sau những đại lộ lớn thời thuộc địa, vẫn đầy người làm việc. Những khu vực rộng gần sông đã chuyển thành sở hữu của Tổng thống – những nơi có tường cao, có sân, nhà của chính phủ nhiều dạng khác nhau.

Trong những khu vườn của Tổng thống gần ghềnh nước (ghềnh nước ở đây khá giống với chỗ chúng tôi, cách đó một nghìn dặm về phía thượng nguồn), bức tượng người thám hiểm châu Âu đã đến dòng sông và sử dụng chiếc tàu thuỷ đầu tiên đã bị thay thế bằng một bức tượng khổng lồ của một thủ lĩnh bộ lạc của châu Phi với dáo và khiên được làm theo phong cách châu Phi hiện đại, cha Huisman chắc sẽ dành thời gian cho nó. Bên cạnh bức tượng là một bức tượng nhỏ hơn hình đức mẹ đồng trinh với đầu cúi xuống, che mặt. Gần đó là những chữ viết của những người châu Âu đầu tiên, một khung cảnh chết, ngoài đó tất cả đã lớn lên, ngoài đó thị trấn của chúng tôi đã được gieo mầm. Những người đơn giản, với những hoạt động buôn bán đơn giản và những hàng hoá đơn giản, nhưng là các nhân viên

của châu Âu. Giống như những người giờ đây đến, giống như những người trên máy bay .

Ghênh nước tạo ra một âm thanh đều đều, không đổi. Những cây dala hương nước, "vật thể mới ở dòng sông", bắt đầu cuộc hành trình từ nơi rất xa, tại trung tâm lục địa, nhảy đến từ quá khứ trong những bước nặng nề và lộn xộn và những cây nho, ở đây gần như đã đạt đến điểm cuối cùng của chuyến đi.

Sáng hôm sau tôi quay lại sân bay để bay tuyến nội địa. Giờ đây tôi đã quen với nơi này, và sự trải dài của thủ đô tạo ra một cảm giác mạnh hơn. Luôn luôn, bên cạnh đường băng, có một khung cảnh gì đó mới. Tất cả những người đó sống thế nào? Khu đất đồi trải dài trống trơn, nứt nẻ, xói mòn, cạn khô. Có rừng ở đó không? Những cái chân đỡ các châm ngôn của Tổng thống vẫn thường được làm bằng đất sét. Và bản thân những tấm bảng được bôi lem nhem bằng bùn từ đường và đầy bụi nâu ở cuối, không tươi mới như buổi sáng hôm trước, là một phần của sự quạnh hiu.

Tại sân bay, tại khu bay nội địa, bảng báo cất cánh thông báo chuyển bay của tôi và một chuyến khác. Tấm bảng hoạt động bằng điện được làm ở Italia. Nó là một dụng cụ hiện đại, nó giống như những tấm bảng tôi từng nhìn thấy ở các sân bay London và Brussels. Nhưng bên dưới chúng, quanh các bàn kiểm tra và những máy móc nặng nề là sự tranh cướp thông thường, và những thứ đồ đạc đã được kiểm tra, với rất nhiều tiếng gào, trông giống như các kiện hàng trên xe buýt hạng rẻ tiền, những đai sắt, hộp vuông, bó vải, những đồng hồ, những chậu men lớn buộc vào vải.

Tôi có vé và nó hợp lệ, nhưng tên tôi không có trong danh sách hành khách. Mất vài franc để qua được. Và rồi, ngay khi tôi chuẩn bị ra máy bay, một nhân viên anh ninh mặc đồ dân sự đang ăn gì đó hỏi giấy tờ của tôi và cho rằng cần phải kiểm tra nó cụ thể hơn. Anh ta trông thật thù địch và bắt tôi phải đợi trong một căn phòng nhỏ trống trơn. Đó là thủ tục. Trong căn

phòng riêng người bị nhốt bị ngó nghiêng suốt – đó là cách các nhân viên bậc trung cho bạn biết rằng họ sẽ lấy của bạn một ít tiền.

Nhưng người này không lấy gì, bởi vì anh ta đang trêu tức và bắt tôi đợi trong căn phòng nhỏ đó rất lâu, không buồn quay lại xem, nói anh ta đã hoãn chuyến bay và bị một nhân viên hàng không mắng, người này rõ ràng là biết tôi bị tìm thấy ở đâu, đang bị nhốt trong căn phòng nhỏ, gào lên với tôi là hãy ra ngoài ngay lập tức, và anh ta đưa tôi đi ra qua đường băng lên máy bay, người cuối cùng, nhưng lại may mắn.

Ở hàng ghế đầu là một trong số các phi công người châu Âu, một người đàn ông trung niên nhỏ bé, bên cạnh ông là một cậu bé người Mỹ, nhưng thật khó để nói họ có liên hệ gì không. Vài hàng ghế đằng sau là một nhóm sáu hoặc tám người châu Phi, những người ở độ tuổi ba mươi, với những chiếc áo khoác cũ và áo sơ mi cài kín chỗ, đang nói chuyện rất to. Họ đang uống whisky, uống thẳng bằng chai – và mới chín giờ sáng. Whisky ở đây rất đắt, và những người đó muốn tất cả biết rằng họ đang uống whisky. Cái chai được chuyển cho những người lạ, thậm chí nó còn được chuyển đến cho tôi. Những người đó không giống người ở vùng tôi. Họ to béo hơn, với những vẻ đáng khác hẳn. Tôi không thể hiểu được khuôn mặt họ, tôi chỉ nhìn thấy sự cao ngạo và vẻ say sưa tại đó. Họ toàn tăng bốc, họ muốn những người còn lại biết rằng họ là những người sở hữu các đồn điền. Họ giống như những người với mới có tiền, và tất cả làm tôi thấy thật điên khùng.

Đó là một chuyến bay đơn giản, hai tiếng đồng hồ một lần dừng giữa chừng. Và tôi thấy dường như, với kinh nghiệm bay quốc tế, rằng chúng tôi vừa mới lao lên trên những đám mây trắng thì đã lại đâm xuống để dừng lại. Chúng tôi thấy rằng mình đang bay dọc theo sông – màu nâu, gợn sóng, chao đảo và thành vệt từ trên độ cao này, với những dòng kênh giữa những hòn đảo màu xanh nhỏ và thuần. Bóng máy bay dịch chuyển trên đỉnh khu

rừng. Cái đỉnh này trở nên kém bằng phẳng và ken sát hơn khi bóng máy bay trở nên lớn hơn, khu rừng chúng tôi đang lao xuống khá là xơ xác.

Sau khi hạ cánh chúng tôi phải rời khỏi máy bay. Chúng tôi vào một toà nhà nhỏ bên cạnh đường băng ,và trong khi ở đó chúng tôi thấy máy bay quay đầu, đi và bay mất. Nó được trưng dụng cho một nhu cầu nào đó của Tổng thống , nó có thể quay về khi đã làm xong việc đó. Chúng tôi phải đợi. Lúc đó mới khoảng mười giờ. Cho đến khoảng giữa trưa, trong khi trời ngày càng nóng, chúng tôi rất bức bối. rồi chúng tôi đi nghỉ - tất cả chúng tôi, cả những người uống whisky – để chờ đợi.

Chúng tôi đang ở giữa vùng cây bụi. Cây bụi bao quanh khu đất quang quẻ của đường băng. Xa xa, cây cối đậm đặc dọc theo lòng sông. Máy bay to lớn thế mà cũng dễ dàng lạc lối đến thế, cũng mất hàng giờ để đi ngược dòng sông chính. Cách sống không xa lắm, người ta có thể sống trong những ngôi làng họ đã sống hàng thế kỷ nay. Không đến bốn mươi tám giờ trước đó, tôi đã từng ở Gloucester Road náo nhiệt, nơi cả thế giới gặp nhau. Giờ đây, tôi đang nhìn chăm chăm vào cây bụi hàng giờ liền. Tôi cách thủ đô bao nhiêu dặm đường, cách thị trấn bao nhiêu bao xa? Đi đường bộ hay đường sông mất bao nhiêu thời gian mới qua được khoảng cách đó? Mất bao nhiêu tuần, bao nhiêu tháng, và phải gặp những hiểm nguy nào?

Trời đầy mây. Những đám mây ngày càng dày và cây bụi ngày càng tối lại. Bầu trời bắt đầu tung xuống sấm chớp, và rồi mưa và gió chợt đến, đẩy chúng tôi ra khỏi hàng hiên của toà nhà nhỏ. Mưa và bão tố. Cây bụi biến mất trong mưa. Cơn mưa như thể lao xuống những cánh rừng, ném xuống cỏ và những hạt giống màu xanh quanh toà nhà sân bay to lớn. Cơn mưa uể oải, mây cao lên một chút. Cây bụi lại hiện ra, một hàng cây sau một đường khác, hàng gần nhất tối hơn, những hàng xa hơn mờ đi thành màu xám xịt của bầu trời.

Những chai bia rỗng không đầy trên cái bàn bằng kim loại. không có nhiều người đi lại lắm, gần như tất cả đều tìm được chỗ ngồi. Không ai nói

nhieu. Người đàn bà Bỉ trạc trung niên mà tôi đã thấy ở trong phòng chờ đợi đi cùng máy bay chúng tôi vẫn đắm vào quyển sách tên là Peyton Place bìa giấy tiếng Pháp. Bạn có thể thấy rằng bà ta đã bắt cây bụi và thời tiết bên ngoài im tiếng để sống ở một nơi nào đó khác.

Mặt trời hiện ra và trượt đi trên cỏ cao, ẩm ướt. Mặt đường nhựa bốc hơi, và trong một lúc tôi nhìn những cái đó. Muộn hơn vào buổi chiều một nửa bầu trời trở nên tối đen, trong khi nửa kia vẫn còn sáng. Cơn bão bắt đầu với tia chớp chói loà, vùng đất trở nên tối, lạnh và rất ẩm ướt. Rừng trở thành một vùng tối mờ. Không có phấn khích gì trong trận bão thứ hai này.

Một trong số hành khách người Phi, một ông già, đội chiếc mũ màu ghi, choàng một chiếc khăn tắm màu xanh trên quần áo của mình. Không ai để ý nhiều đến ông. Tôi chỉ nhận thấy sự ngớ ngẩn của ông già và nghĩ, ông ta đang sử dụng một vật xa lạ với cách thông thường của mình. Và điều gì đó giống thế đi qua đầu tôi khi một người đàn ông đi chân trần quay sang đội một chiếc mũ bảo hiểm của lính cứu hoả với phần che mặt trong suốt được kéo xuống. Ông ta là một ông già với bộ mặt teo tóp, chiếc quần sọc màu nâu và chiếc áo màu ghi cũ rách và ướt đẫm. Tôi nghĩ, ông ta đã tìm được một cái mặt nạ vũ hội thực sự. Ông đi từ bàn này đến bàn khác, tìm kiếm những chai bia. Khi ông ta quyết định rằng một cái chai nào đó đáng để uống ông bèn nâng cao cái mặt che lên và uống.

Đã thôi mưa, nhưng vẫn còn tối, bóng tối của buổi chiều muộn. Máy bay, thoát tiên chỉ là một vệt khói mờ màu nâu trên trời, đã hiện ra. Khi chúng tôi đi ra đường bay ẩm ướt để lên máy bay tôi nhìn thấy người đàn ông với chiếc mũ thợ hàn, và một người đi cùng, cũng đội mũ bảo hiểm, đứng sững bên cạnh đoàn người. Hoá ra ông ta là một người thợ hàn.

Khi cất cánh chúng tôi nhìn thấy dòng sông, hiện ra trong những tia sáng cuối cùng. Ánh sáng đó có màu đỏ vàng, rồi chuyển thành đỏ. Chúng tôi theo dòng sông nhiều dặm và trong nhiều phút, cho đến khi nó trở thành một sự lấp lánh nhỏ bé, một sự mềm mại, cái gì đó rất trắng giữa những

cánh rừng tối đen. Rồi toàn bộ đều màu đen. Qua màu đen này chúng tôi bay đến đích của mình. Chuyển đi, hồi sáng còn có vẻ đơn giản, đã mang một tính chất khác hẳn. Khoảng cách và thời gian đã khác đi. Tôi cảm thấy mình đã đi mất nhiều ngày, và khi chúng tôi bắt đầu lại hạ cánh lần nữa, tôi biết rằng mình đã đi xa, và tôi tự hỏi bằng cách nào tôi lại có sự dũng cảm để sống lâu đến thế trong một nơi xa xôi đến thế này.

Và rồi đột nhiên tất cả trở nên thật dễ dàng. Một toà nhà thân quen, các quan chức tôi biết và có thể tán dóc được, những người mà khuôn mặt tôi quá rành, một trong những chiếc taxi cổ lỗ của chúng tôi, con đường gập ghềnh biết quá rõ của thị trấn, thoát tiên đi ngang qua vùng cây bụi mà nó chia ra làm nhiều phần, rồi đi qua những đám lều. Sau sự lạ lẫm của ngày, giờ lại là cuộc sống có tổ chức.

Chúng tôi đi qua một ngôi nhà bị cháy, một đồng đồ nát mới. Nó từng là một ngôi trường tiểu học, chưa bao giờ là một địa điểm thật sự, giống một cái nhà kho thấp hơn, và tôi có thể quên nó trong bóng tối nếu người lái xe không chỉ nó cho tôi, nó làm anh ta phấn khích. Sự nổi loạn, Quân đội tự do vẫn còn tiếp tục. Nó không làm giảm bớt ấn tượng mạnh của tôi về việc được về thị trấn, nhìn thấy những nhóm người trên vỉa hè buổi đêm, và tìm thấy chính mình, nhanh chóng thế sau khi đến nơi, là cái gì đó của sự u tối của khu rừng vẫn còn trong tôi, tại cái phố của tôi - tất cả những cái đó thật và bình thường như mọi khi.

Thật là một cú sốc khi thấy Metty lạnh lùng đến vậy. Tôi đã đi một chuyến đi như thế. Tôi muốn nó biết, tôi nghĩ mình phải nhận được từ nó một sự đón tiếp nồng nhiệt nhất. Nhẽ ra nó phải nghe tiếng cửa taxi đóng lại và cuộc tròn chuyện ngắn của tôi với người tài xế. Nhưng Metty không đi xuống. Và tất cả những gì nó nói khi tôi đi lên cầu thang lộ thiên, và thấy nó đang đứng ở cửa phòng là "Cháu không nghĩ là chú quay trở lại, patron". Toàn bộ chuyến đi dường như trở thành nực cười.

Mọi thứ trong căn hộ đều trật tự. Nhưng về phòng khách và đặc biệt phòng ngủ đã có một cái gì đó – có lẽ là quá trật tự, một sự vắng mặt của tình trạng cũ – điều này làm tôi cảm thấy dường như trong khi tôi đi vắng Metty đã mở rộng sự hiện hữu của nó trong căn hộ. Bức điện tôi gửi cho nó từ London nhẽ ra phải làm nó tự thu bớt lại chứ. Nó có cảm thấy điều đó không? Metty? Nhưng nó đã lớn lên trong gia đình chúng tôi, nó không biết một cuộc sống nào khác. Nó luôn ở với gia đình hoặc với tôi. Nó chưa bao giờ biết đến cuộc đời riêng của nó, trừ chuyến đi của nó từ bờ biển, và bây giờ.

Nó mang cà phê đến cho tôi vào buổi sáng.

Nó nói "Cháu cho là chú biết tại sao chú quay về, patron"

"Mày đã nói đến điều đó tối hôm qua rồi"

"Bởi vì chú chẳng có gì để trở về hết cả. Chú không biết à? Không ai nói với chú ở London à? Chú không đọc báo à? Chú chẳng biết gì cả. Họ đã lấy cửa hiệu của chú rồi. Họ đã chuyển nó cho Citizen Théotime. Hai hôm trước Tổng thống đã đọc một bài diễn văn. Ông ấy nói đang quốc hữu hoá và lấy đi mọi thứ của mọi người. tất cả những người nước ngoài. Ngày hôm sau họ niêm phong cửa. Một vài cửa hiệu khác nữa. Chú không đọc điều đó ở London à? Chú không còn gì nữa cả, cháu không còn gì nữa cả. Cháu không biết tại sao chú quay về. Cháu không nghĩ chú về đây là vì cháu".

Metty đang ở trong tâm trạng tồi tệ. Nó đã bị ở một mình. Hẳn nó phải nóng lòng chờ tôi về lắm. Nó đang cố gợi lên một câu trả lời tức giận của tôi. Nó đang cố làm tôi phác một cử chỉ phòng vệ. Nhưng tôi cũng lạc lối y như nó vậy.

Quốc hữu hóa, hai hôm trước, tôi đã thấy từ này trong một dòng tin nóng hổi trên báo, nhưng tôi không để ý. Tôi đã nghĩ đó chỉ là một từ nào đó, chúng ta có hàng đồng từ như thế. Tôi – và những người khác – đã bị

quốc hữu hóa. Công việc buôn bán của chúng tôi đã không còn thuộc về chúng tôi nữa, do một sắc lệnh, và đã được chuyển giao cho những chủ nhân mới theo lệnh của Tổng thống . Những chủ nhân đó gọi là "các công ty nhà nước". Công dân Théotime đã trở thành chủ công ty nhà nước với tài sản của tôi, và Metty nói là tuần trước ông ta đã ở cửa hiệu vài ngày.

"Ông ta làm gì?"

"Làm gì? Ông ta đợi chú. Ông ấy sẽ thuê chú làm quản lý. Đó chính là điều chờ đợi chú đấy, patron. Nhưng chú sẽ thấy. Không việc gì phải vội hết. Théo không đến làm việc sớm thế này đâu".

Khi đến cửa hiệu tôi thấy nhà kho, đã xuống cấp trong sáu tuần, hiện ra như cũ. Théo không chạm vào đó. Nhưng bàn của tôi đã được chuyển từ chỗ cũ gần cái cột ở đằng trước cửa hiệu đến phòng kho ở đằng sau. Metty nói là điều đó đã được làm vào ngày đầu tiên. Công dân Théo đã quyết định phòng kho sẽ là văn phòng của ông ta, ông ta thích có được sự riêng tư.

Trong ngăn kéo trên của bàn (nơi tôi thường để ảnh Yvette, cái đã từng biến đổi khung cảnh quảng trường đối với tôi) nhiều cuốn truyện - ảnh Phi-Pháp và truyện cười, những người châu Phi cho thấy mình đang sống rất hiện đại, và trong những cuốn sách châm biếm họ chẳng khác gì những người châu Âu – hai ba năm nay ở đây có rất nhiều những thứ vớ vẩn làm ở Pháp. Các thứ đồ đạc của tôi – tạp chí và các tài liệu của cửa hiệu tôi từng nghĩ Metty cần đến – nằm ở hai ngăn kéo dưới. Chúng đã được giữ cẩn thận. Théo đã có nhã ý đó. Quốc hữu hoá – nó từng là một từ. Nó làm người ta bị sốc khi phải đối diện thực sự với nó.

Tôi chờ Théo.

Và khi người đàn ông đó đến tôi có thể thấy là ông ta đang lúng túng và cử chỉ đầu tiên của ông ta, khi nhìn thấy tôi qua cửa kính, là bước qua cửa. Tôi biết ông nhiều năm trước là một thợ máy, ông ta thường chăm lo

xe cộ cho sở y tế. Rồi, vì ông ta có chút quan hệ với các bộ lạc, ông ta nổi lên về mặt chính trị, nhưng không cao lắm. Ông ta không biết cả đến ký tên. Ông ta trạc bốn mươi tuổi, vẻ ngoài không có gì đặc biệt, với một khuôn mặt to bè, màu nâu tối nhàu nát xộp lên vì rượu. Bây giờ ông ta cũng đã uống rồi. Nhưng chỉ uống bia thôi, ông ta chưa chuyên sang uống whisky. Ông ta chưa chuyên sang mặc đồ quan chức chính thức áo khoác vạt ngắn và đeo ca vát. Ông ta mặc quần và áo sơ mi. Thực sự ông ta là một người rất khiêm tốn.

Tôi đứng tại nơi từng kê bàn của mình. Và tôi nhận thấy chiếc áo sơ mi trắng của Théo ướt đầm mồ hôi và đầy bụi bặm, rằng giống như thời những thằng nhóc học sinh trường trung học, đã đến lừa tôi để ăn cắp tiền của tôi theo những cách đơn giản nhất. Théo toát mồ hôi ra những cánh mũi của ông. Tôi không tin ông ta đã rửa mặt sáng hôm đó. Trông ông ta nhàu nhĩ bẩn thỉu tệ hại.

Ông ta nói "Mis'Salim. Salim. Công dân. Anh không được coi điều này là chuyện cá nhân nhé. Tôi hoàn toàn không muốn thế đâu. Anh biết rằng tôi rất coi trọng anh. Nhưng anh cũng biết rằng tình thế nó vậy" ông ta lóng ngóng tìm từ - un pré pourrie. Hơi mục ruỗng. Những người trẻ của chúng ta tỏ ra không kiên nhẫn được. Điều này là cần thiết", - cố tìm đúng từ, trông ông ta rất bối rối, vắn vẹo nắm tay và làm một cử chỉ đâm vào không khí – "rất cần thiết làm triệt để hoá. Chúng ta nhất định phải triệt để. Chúng ta đã chờ đợi điều đó rất nhiều từ Tổng thống . Không ai sẵn sàng cho trách nhiệm mới cả. Giờ đây trách nhiệm đã được giao cho mọi người. Nhưng anh không có gì phải chịu đựng cả. Anh sẽ được bồi thường đúng mức. Anh chuẩn bị kiểm kê đi. Và anh sẽ tiếp tục làm quản lý. Công việc buôn bán vẫn sẽ như trước thôi. Không ai phải chịu đựng hết cả. Lương của anh sẽ rất khá. Ngay khi người trung gian đến, giấy tờ sẽ được làm xong thôi".

Sau khi khởi đầu ngập ngừng, ông nói rất nghiêm trang, như thể đã chuẩn bị từ trước rồi. Cuối cùng ông lại trở nên bối rối. Ông đang chờ tôi nói gì đó. Nhưng rồi ông ta thay đổi ý kiến và đi vào phòng kho, văn phòng của ông. Và tôi đi, đi và gặp Mahesh ở Bigburger.

Công việc ở đó vẫn bình thường. Mahesh, hơi nhột nhạt hơn, đang rót cà phê, và Ildephonse đang nhảy quanh phục vụ những bữa sáng muộn. Tôi rất ngạc nhiên.

Mahesh nói "Nó đã là một công ty châu Phi hàng năm nay rồi. Nó không thể được quốc hữu hoá hơn nữa. Tôi chỉ điều hành cho 'Phonse và một vài người khác mà thôi. Họ thành lập công ty châu Phi đó và cho tôi dự một phần trong đó, với tư cách là quản lý, và rồi họ mua lại của tôi một giấy phép. Nó đã diễn ra trong thời bùng nổ. Họ nợ ngân hàng nhiều lắm. Anh có thể không tin khi anh nhìn 'Phonse. Nhưng đúng là thế đấy. Điều này xảy đến với nhiều nơi sau khi Noimon bán tháo cho chính phủ. Điều này cho chúng ta một ý tưởng về cách gió thổi, và một vài chúng ta quyết định tự bồi thường mình trước. Khi đó khá là dễ dàng. Các ngân hàng đầy tiền".

"Không ai nói với tôi cả"

"Không phải là cái mà người ta có thể nói nhiều đâu. Và những ý nghĩ của anh thì lại ở nơi khác".

Điều này thì đúng. Thời gian đó đã từng có một sự lạnh lùng giữa chúng tôi, cả hai chúng tôi đều rối tinh sau khi Noimon bỏ đi.

Tôi nói "Thế còn Tivoli thì như thế nào? Toàn bộ những thứ đồ đạc mới đó, họ đã đầu tư rất nhiều".

"Họ nợ đầy ra đấy. Không người châu Phi bình thường nào muốn thành chủ sở hữu của nó. Nhưng họ xếp hàng để đoạt được cửa hiệu của anh. Thế mà anh không làm gì cả. Théotime và một người khác đã tới

Bigburger này nói về chuyện đó. Có rất nhiều cuộc đấu như thế. Nó giống như vũ hội hoá trang sau khi Tổng thống tuyên bố các biện pháp. Rất nhiều người mới đến các chỗ khác nhau, không nói gì với những người cũ, chỉ ghi tên mới trên cửa hoặc ném quần áo cũ treo trên mắc xuống sàn, đơn giản như mua thịt ngoài chợ ấy. Một ngày đầu thật tệ hại. Một người Hy Lạp đốt tiêu đồn điền cà phê của mình. Giờ thì ổn định hơn rồi. Tổng thống đã ra tuyên bố, cho mọi người biết rằng Người Đàn Ông Vĩ Đại đã cho thì Người Đàn Ông Vĩ Đại cũng có thể lấy đi. Đó là cách biện hộ của Người Đàn Ông Vĩ Đại. Ông cho đi và ông lấy về".

tôi ngồi cả phần lớn còn lại của buổi sáng đó ở Bigburger. Thật lạ cho tôi, nhìn người ra vào Bigburger và Van der Weyden bên kia đường, và trong toàn bộ thời gian đó tôi cảm thấy mình tách biệt khỏi cuộc sống của thị trấn.

mahesh không có nhiều điều để nói với tôi về Shoba. Không có gì thay đổi ở cô cả. Cô vẫn lẫn trốn với sự biến dạng của mình ở căn hộ. Nhưng Mahehs không còn đấu tranh chống lại cái tình trạng đó hoặc là tức tối về điều đó nữa. Nó không làm anh cảm thấy bất hạnh – như tôi đã sợ là có thể - khi nghe về London và những chuyến đi của tôi – anh chẳng như thế tí nào. Với Mahesh nó đã trở nên đơn giản như vậy thôi.

Tôi trở thành quản lý cho Théotime. Dường như ông ta hồi sinh và rất sung sướng, và đồng ý với mức lương tôi đề nghị. Tôi mua một cái bàn, một cái ghế và ngồi gần cột, để cho giống nhất với ngày trước có thể. Tôi bỏ ra rất nhiều ngày tập hợp các hoá đơn cũ, kiểm tra kho và chuẩn bị kiểm kê. Đó là một mớ tài liệu rất phức tạp. Nhưng Théotime đồng ý rất nhanh với chúng (bảo tôi ra khỏi phòng kho trong khi ông cố ký tên Cit:Theot:) và tôi cảm thấy Mahesh đã đúng, rằng sẽ không có bồi thường gì đâu, rằng điều khá nhất mà tôi có thể trông chờ, nếu tất cả mọi người đều nhớ, là những trái phiếu của chính phủ.

Cuộc kiểm kê chỉ gợi cho tôi nhớ lại những gì tôi đã mất. còn lại gì? Trong một ngân hàng châu Âu tôi có khoảng tám nghìn đô la, có được từ những chuyến buôn vàng ngày xưa của tôi, số tiền đó nằm ở đó và mục ruỗng, mất dần đi giá trị. Có một căn hộ tại thị trấn, mà sẽ chẳng có ai mua cả, nhưng cái xe thì có thể bán được với giá vài chục nghìn đô la. Và tôi có khoảng nửa triệu franc tiền địa phương tại nhiều ngân hàng – khoảng mười bốn nghìn đô la theo tỉ giá hối đoái chính thức, và một nửa số đó trên thị trường tự do. Đó là tất cả, không nhiều nhận gì. Tôi phải kiếm nhiều hơn, nhanh nhất có thể, có ít tiền đông nghĩa với việc tôi phải rời khỏi đất nước này.

Là quản lý tại cửa hiệu tôi có nhiều cơ hội, nhưng cũng không lớn lao gì lắm. Và như thế tôi bắt đầu sống một cách nguy hiểm. Tôi bắt đầu buôn vàng và ngà voi. Tôi mua, cất giữ và bán, hoặc làm như những nhà buôn bán lớn (những người thanh toán trực tiếp cho ngân hàng của tôi ở châu Âu), tôi trữ lại và gửi nó đi, với một phần trăm nào đó. Những người cung cấp cho tôi, và đôi khi những người săn trộm, là các quan chức hoặc người của quân đội, và những người đó luôn rất nguy hiểm để làm ăn. Phần kiếm được không lớn lắm. Vàng chỉ có vẻ đắt đỏ thôi, bạn phải có hàng ký lô cho tỉ lệ phần trăm. Ngà voi thì khá hơn, nhưng ngà voi khó cất giữ (tôi tiếp tục sử dụng cái hố ở chân cầu thang vườn nhà tôi) và đòi hỏi khéo léo hơn trong chuyên chở. Để gửi hàng tôi sử dụng một trong những chiếc xe tải bình thường hoặc xe buýt rẻ tiền của chợ, gửi hàng đi (những cái ngà giấu trong những lô hàng nệm, những mẫu nhỏ hơn trong các bao sản bột) với những thứ hàng hoá khác, thường xuyên giờ đây được gửi đi dưới cái tên của công dân Théotime, và đôi khi chính Théotime thể hiện đăng cấp chính trị và nói chuyện với người lái xe ngay ở chỗ đông người.

Tiền có thể kiếm được. Nhưng đưa chúng ra khỏi đất nước là một việc khó hơn. Chỉ có thể đưa tiền ra theo những khoản lớn và điều này có thể làm các quan chức cao hoặc các bộ trưởng quan tâm. Giờ đây không có nhiều hoạt động, và tôi phải phụ thuộc vào những người khác với nhiều

lý do khác nhau cần đến tiền địa phương. Không có cách nào khác. Và tôi phải tin những người đó sẽ trả tiền khi họ quay về châu Âu hoặc Mỹ.

Đó là một kiểu làm ăn chậm rãi, giống như phe vé, và đầy nhục nhã. Tôi cho rằng mình đã khám phá một vài quy luật của cách cư xử của con người. Tôi cho rằng mình có thể nói rằng những người ở một tầng lớp hoặc một đất nước nào đó cần được tin tưởng và những người ở một tầng lớp và đất nước khác không thể tin được. Điều này có thể làm cho chuyện đó đơn giản hơn. Đó là một cuộc đánh bạc thường kỳ. Tôi đã mất hai phần ba tiền của mình theo cách đó, tôi đã cho những người lạ tiền.

Tôi đi ra đi vào Khu trong những vụ làm tiền đó, ở đó tôi có nhiều mối liên lạc nhất. Thoạt đầu tôi không cảm thấy thoải mái khi ở đó, nhưng rồi tôi bắt đầu cảm thấy Indar từng nói về việc đắm chìm vào quá khứ. Khu nhanh chóng không còn là cái gì đó từng thuộc về tôi như trước nữa. Nó trở thành nơi những con người đáng kính – nhiều người trong số đó là những kẻ lần đầu tiên phạm luật, sau đó sử dụng sự hiểu biết luật pháp của mình để lừa tôi – cố có được tỷ lệ phần trăm cao hơn những người chúng tôi đã đồng ý. Điều đã trở thành điểm chung ở những người này là sự nóng nảy và sự quan tâm của họ - quan tâm đến tôi, quan tâm đến đất nước. Tôi đồng ý với họ một nửa, tôi ghen tị với họ vì sự dễ dàng cảm thấy mối quan tâm đó.

Một chiều tôi nhìn thấy ngôi nhà của Raymond và Yvette có một chủ mới, một người châu Phi. Ngôi nhà đã bị đóng cửa kể từ khi tôi quay lại, Raymond và Yvette đã ra đi, không ai, kể cả Mahesh, có thể nói cho tôi biết họ đi đâu hoặc trong hoàn cảnh nào. Những cửa ra vào và cửa sổ của ngôi nhà đã được mở ra lại, và điều đó nhấn mạnh thêm sự xấu xí của ngôi nhà.

Người đàn ông mới đến, rậm râu, đang cuốc xới trước cửa nhà, và tôi dừng lại để nói chuyện. Ông đến từ nơi nào đó dưới vùng hạ lưu, và rất thân thiện. Ông nói cho tôi biết là đã tròn ngô và sẵn. Những người châu Phi không hiểu lắm về nông nghiệp quy mô lớn, nhưng họ rất say mê với

các loại cây cối theo cách nhỏ hơn, trồng thực phẩm cho nhà và thích trồng thật sát nhà mình. Ông nhận ra xe của tôi, ông nhớ hình dáng đằng sau của nó. Ông nói ông làm việc cho một hãng chính phủ điều hành dịch vụ tàu hơi nước. Và để cho tôi có được một ý tưởng về vị thế của mình, ông nói bất cứ khi nào ông đi bằng tàu thủy ông đều đi ở hạng nhất và không phải trả tiền. Công việc chính phủ quan trọng này, ngôi nhà chính phủ lớn này tại cái Khu nổi tiếng – ông là một người hạnh phúc, sung sướng với những gì đã được cho, và không đòi hỏi gì hết nữa cả.

Giờ đây đã có nhiều nhà như thế hơn ở trong Khu. Trường bách khoa vẫn còn ở đó, nhưng Khu đã mất đi tính chất hiện đại, "trưng bày" của mình. Nó đã xấu xí đi nhiều, sau mỗi tuần nó lại càng giống hơn với kiểu nhà của châu Phi. Bắp ngô, mà khí hậu và đất rất tốt, mọc lên ở nhiều nơi, và những chiếc lá xanh ghi của sắn, mọc lên dễ dàng đến mức nếu bạn cắm ngược đầu cây nó vẫn sẽ mọc lên bình thường, tạo ra hiệu ứng của một cái vườn cây bụi. Cái phần của trái đất này – biết bao nhiêu đổi thay đã đến với nó! Rừng ở bên khúc quanh của dòng sông, một nơi gập gờ, một khung cảnh A rập, một tiền đồn của châu Âu, một ngoại ô của châu Âu, một sự đồ nát giống như là sự đồ nát của một nền văn minh đã chết, cái Khu lấp lánh của châu Phi mới, và giờ thì như thế.

Trong khi chúng tôi nói chuyện, trẻ con bắt đầu xuất hiện từ sau nhà – những đứa trẻ vẫn còn quê mùa, cúi gập xuống trước cái nhìn của người lớn, trước khi đến gần, rụt rè nghe và nhìn. Và rồi một con chó Doberman to lớn nhảy đến trước tôi.

Người đàn ông với chiếc hái nói "Đừng lo. Nó không cắn anh được đâu. Nó nhìn không rõ. Con chó của một người nước ngoài. Ông ấy cho tôi khi tôi đi".

Sự việc xảy ra đúng như ông ta nói. Con chó cắn huyệt tôi chừng một foot, rồi chạy vào một con đường nhỏ, dừng lại, lùi lại, và rồi khi tất cả đã

qua, nó vẫy đuôi, bên cạnh nó với sự vui mừng với mùi nước ngoài của tôi, chắc hẳn đang tạm thời nhầm tôi với một người nào đó khác.

Tôi vui mừng cho Raymond vì ông đã đi. Ông không thể an toàn ở Khu hoặc ở thị trấn vào lúc này. Danh tiếng đáng tò mò đã đến với ông vào lúc cuối – trở thành người đàn ông da trắng đi trước Tổng thống , và đã đẩy ông vào những điều tồi tệ có thể rơi lên Tổng thống – cái danh tiếng này có thể khiến Đồi Quân tự do giết ông, đặc biệt vào bây giờ , khi Tổng thống đã nói đến việc lên kế hoạch đến thăm thị trấn, và thị trấn vẫn đang chuẩn bị cho cuộc viếng thăm đó.

Những ngọn đồi đầy cây bụi ở trung tâm đã được phát quang. Những con đường gập ghềnh đã được làm phẳng và nâng cấp. Và sơn lại! Khắp nơi ở trung tâm, vữa vào bê tông trát vữa và gỗ, dựng lên trên hè phố. Một ai đó đang dọn kho – màu hồng mau với màu đỏ màu tím màu xanh. Cây bụi đang chiến tranh, thị trấn đang ở vào tình trạng cuộc nổi loạn, với những bất ổn vào ban đêm. Nhưng đột nhiên ở trung tâm dường như có một buổi dạ hội hóa trang.

KHÚC QUANH CỦA DÒNG SÔNG

V. S. Naipaul

www.dtv-ebook.com

Dịch Giả: Cao Việt Dũng

Chương Kết:

Công dân Théotime đến vào buổi sáng, mắt đỏ mọng và trông như bị tra tấn, lơ lửng với ly bia uống vào bữa sáng, với vài quyển truyện cười hoặc tiểu thuyết minh họa bằng ảnh để giết thời gian ở văn phòng. Có một hệ thống trao đổi tạp chí không chính thức ở thị trấn. Théo luôn luôn có cái gì mới để xem. Và thật lạ, những truyện cười hoặc tiểu thuyết – ảnh của ông ta, lẫn lộn, đã khiến ông ta có cái vẻ bận rộn, giống như những thương gia khi ông ta đến cửa hiệu. Ông ta đi thẳng vào phòng kho, và có thể ở lại đó không hề đi ra suốt cả buổi sáng. Thoạt tiên tôi nghĩ bởi vì ông ta muốn không bị quấy rầy.

Nhưng rồi tôi hiểu không phải vậy. Ông ta thích ở trong phòng kho tối tăm chẳng làm việc gì cụ thể, chỉ nhìn vào những quyển tạp chí của mình trong khi tâm trạng say sưa lan toả con người ông ta.

Sau đó khi ông ta đã thoải mái và bớt rụt rè hơn với tôi, cuộc sống trong căn phòng kho trở nên phong phú hơn. Ông bắt đầu có đàn bà đến viếng thăm. Ông thích họ nhìn thấy ông thực sự là một directeur – giám đốc – với một nhân viên và một văn phòng, và điều đó cũng làm những người đàn bà thích thú. Một chuyến viếng thăm có thể mất cả một buổi chiều, mà chỉ là Théotime và người đàn bà chuyện gẫu theo cách người ta vẫn chuyện gẫu khi đang trú mưa – với những lần dừng lại rằng lâu và những cái nhìn thôi miên dài theo những hướng khác nhau.

Đó là một cuộc sống dễ dàng với Théotime, dễ dàng hơn bất cứ gì ông ta có thể tưởng tượng khi còn là một thợ máy ở sở y tế. Nhưng khi ông ta

có được sự tự tin, và không còn sợ hãi việc Tổng thống lại sẽ tước mất cửa hiệu từ tay ông ta, ông ta trở nên khó tính.

Ông ta bắt đầu nghĩ rằng là một directeur (Giám đốc)mà không có xe thì không thể được. Có lẽ một người đàn bà nào đó đã khiến ông ta nghĩ vậy, hoặc có thể là tấm gương từ những người chủ Nhà nước khác, hoặc có thể là điều gì đó ông ta rút được từ những cuốn truyện cười. Tôi có một chiếc xe, ông ta bắt đầu hỏi mượn tôi, và rồi đòi tôi chở ông ta đi đây đó khỏi nhà và về nhà. Tôi có thể từ chối. Nhưng tôi tự nhủ đó là một việc nhỏ để làm ông ta trật tự. Những lần đầu tiên ông ta ngồi hàng ghế trên, rồi ông ta chuyển xuống ngồi hàng ghế sau. Đó là công việc bốn-lần-một-ngày.

Ông ta không im lặng được lâu. Có thể là do tôi tỏ ra thoải mái, chỉ mong muốn không bị làm nhục. Théotime tìm thấy những cách mới để tự thể hiện mình. Giờ đây điều rắc rối là ông ta không biết phải làm gì. Ông ta có thể thích sống bên ngoài vai trò thực của mình – chiếm đoạt sự điều hành của cửa hiệu, hoặc cảm thấy (trong khi vẫn vui thú với cuộc sống trong nhà kho) rằng ông ta đang điều hành cửa hiệu. Dù vậy ông ta cũng biết rằng ông ta chẳng biết gì cả, ông ta biết rằng tôi biết ông ta không biết gì cả, và ông ta giống như một người giận dữ với sự không biết gì của mình. Ông ta lặp đi lặp lại một vài trò. Ông ta say sưa, tức tối và đe dọa, và là một kiểu tức tối có tính toán như là một quan chức đã quyết định phải malin.

Thật là lạ. Ông ta muốn tôi công nhận ông ta là chủ. Và cùng lúc ông ta lại muốn tôi phải đoái hoài đến ông ta, một người đàn ông không được giáo dục. Ông ta muốn có cả sự kính trọng lẫn sự bao dung của tôi, thậm chí cả lòng thương xót của tôi. Nhất là khi ông ta muốn tôi cư xử như một thuộc hạ và ủng hộ ông ta. Nếu như đáp lại, tôi làm vậy, nếu tôi mang một thứ giấy tờ đơn giản nào đó của cửa hiệu đến cho ông ta, quyền lực của ông ta hẳn là sẽ có thật lắm. Ông ta thêm điều đó vào ý tưởng về vai trò của

mình, và ông ta có thể sử dụng quyền lực đó sau này để nặn ra một sự nhượng bộ. Như là ông ta đã làm với chiếc xe.

Còn tệ hơn là làm việc với một quan chức malin. Vị quan chức vờ như bị xúc phạm – và gào vào bạn, chẳng hạn, rút tay khỏi bàn ông ta – chỉ đơn giản là đòi tiền mà thôi. Théotime, nhanh chóng chuyển từ một sự tự tin đơn giản vào vai trò của mình đến chỗ hiểu ra sự vô dụng của mình, muốn bạn phải vờ coi ông ta là một kiểu người khác. Điều này không có gì đáng buồn cười. Tôi đã giải quyết nó để được yên tĩnh với việc riêng của mình, để đặt đầu óc vào mục tiêu riêng của mình. Nhưng thật không dễ để có thể được yên ổn. Cửa hiệu trở thành một nơi thật đáng ghét với tôi.

Còn tệ hơn với Metty. Những công việc nhỏ nhất nó làm cho Théotime thoát tiên đã trở thành những việc nó bị đòi hỏi phải làm và bị nhân lên rất nhiều. Théotime bắt đầu bắt Metty đi làm những công việc lật vật rất đáng ngán.

Buổi tối muộn, khi nó trở về nhà sau khi ở chỗ gia đình nó, Metty vào phòng tôi và nói "Cháu không chịu được nữa rồi, patron. Rồi một ngày cháu sẽ làm điều gì đó khủng khiếp. nếu Théo không chịu dừng lại, cháu sẽ giết lão. Cháu thà cày cuốc ở ngoài đồng còn hơn là làm người hầu cho lão".

Tôi nói "Sẽ không còn lâu đâu"

Khuôn mặt Metty cau lại sự tức giận, và nó dí chân một lúc trong im lặng. Nó sắp khóc. Nó nói "Chú muốn nói gì? Chú muốn nói gì?" và đi ra khỏi phòng.

Buổi sáng tôi đến đón Théotime để đưa ông ta đến cửa hiệu. Như một người nhiều quyền lực và ảnh hưởng ở địa phương, Théotime có ba hoặc bốn gia đình ở khắp nơi trong thị trấn. Nhưng từ khi trở thành ông chủ của một công ty Nhà nước (giống như những người chủ khác) ông ta đã có

thêm một số đàn bà mới, và ông ta sống với một người trong số họ trong một ngôi nhà nhỏ ở một cái sân cíté – nền nhà đỏ trần xen lẫn với những cái cống đen bóng một bên, đất cây xối và rác rưởi vứt bên cạnh, xoài và những cây khác mọc rải rác chung quanh, sẵn và ngô và những lùm chuối giữa những ngôi nhà.

Khi tôi bấm còi, trẻ con và đàn bà từ nhiều ngôi nhà chạy ra nhìn trong khi Théotime lên xe, với cuốn truyện cười cuộn lại. Ông ta vờ như không biết đến những người đang nhìn và khạc nhổ lung tung ra đất một hoặc hai lần. Đôi mắt ông ta đỏ tấy vì bia và ông ta cố trông như là bị xúc phạm ghê lắm.

Chúng tôi lái xe ra khỏi cái ngõ cíté mấp mô để ra đến con lộ chính màu đỏ, nơi những toà nhà vừa được sơn lại để đón Tổng thống – mỗi toà nhà được sơn một màu (tường, khung cửa sổ, cửa ra vào) và một toà nhà khác với màu của nhà bên cạnh.

Tôi nói "Tôi muốn nói với ông về các công việc của công dân Metty tại công ty chúng ta, thưa công dân. Công dân Metty là trợ lý quản lý. Anh ta không phải là người tạp vụ".

Théotime hẳn là đã chờ đợi điều này. Ông ta có một bài nói chuẩn bị trước. Ông nói "Anh làm tôi ngạc nhiên đấy, công dân ạ. Tôi là chủ công ty nhà nước, được chỉ định bởi Tổng thống. Công dân Metty là một người làm công của công ty nhà nước. chỉ có tôi quyết định sử dụng anh ta như thế nào" Ông ta sử dụng từ métis, để nhảy lại cái tên mà Metty đã từng rất tự hào.

Những màu sắc rực rỡ của các toà nhà trở nên còn không thực hơn với tôi. Chúng trở thành màu của cơn giận dữ và điên cuồng của tôi.

Tôi ngày càng trở nên nhỏ bé và nhỏ bé hơn trong mắt Metty, và giờ đây tôi đã biến mất hoàn toàn rồi. Tôi không còn có thể cho nó dù là một sự

bảo vệ nhỏ nhất mà nó đòi hỏi – Théotime nói thẳng điều đó trong ngày. Thế là hợp đồng cũ giữa tôi và Metty, cái hợp đồng giữa gia đình nó và gia đình tôi, đã chấm dứt. Thậm chí nếu tôi có thể cho nó vào một công ty khác trong thị trấn – mà tôi có thể làm ngày xưa – thì cũng chỉ có nghĩa là hợp đồng đặc biệt của chúng tôi đã hết. Nó dường như đã hiểu điều đó, và điều này làm nó mất thăng bằng.

Nó bắt đầu nói "Cháu sẽ làm điều gì đó khủng khiếp, Salim ạ. Chú phải cho cháu tiền. Cho cháu tiền và để cháu đi. Cháu cảm thấy mình sắp làm một việc gì đó khủng khiếp".

Tôi cảm thấy nỗi đau đớn và sức ép khủng khiếp của nó. Tôi cũng thêm vào đó về mặt tinh thần sự đau đớn của nó vào sự đau đớn của tôi, và biến nó thành một phần của tôi. Tôi hẳn đã nghĩ nhiều hơn đến nó. Tôi có thể bảo nó tránh xa khỏi cửa hiệu, và cho nó tiền từ tiền lương của tôi, khi còn tiếp tục được. Quả thật đó là điều nó muốn. Nhưng nó không nói ra. Nó gán điều đó với cái ý nghĩ hoang dã là bỏ đi, điều chỉ làm tôi hoảng sợ và làm tôi nghĩ, nó sẽ đi đâu được?

Thế là nó tiếp tục đến cửa hiệu và ngày càng trở nên đau khổ. Khi nó nói với tôi vào một buổi tối "Cho cháu một ít tiền, cháu sẽ đi", tôi nói, nghĩ đến tình hình ở cửa hiệu, và thử tìm cách trấn an "Không tiếp tục như thế này mãi đâu, Metty", Điều này làm nó gào lên "Salim!" Và sáng hôm sau, lần đầu tiên, nó không mang cà phê đến cho tôi.

Điều đó xảy ra vào đầu tuần. Vào buổi chiều thứ sáu, sau khi đóng cửa hiệu và lái xe đưa Théotime về cái sân của ông ta, tôi quay về căn hộ. giờ đây với tôi đó là một nơi an ủi. Tôi không còn nghĩ nó là chỗ ở của mình nữa. Kể từ buổi sáng hôm đó trên xe với Théotime tôi đã cảm thấy buồn nôn với những màu sắc tươi sáng của thị trấn. Chúng là những màu sắc của một nơi đã trở nên xa lạ và cảm thấy xa với mọi thứ khác. Cảm giác về sự xa lạ đó mở rộng đến mọi thứ trong căn hộ. Tôi nghĩ đến việc tới câu lạc bộ Hellenic – hoặc những gì còn lại của nó – thì tôi nghe tiếng cửa sập.

Tôi đi ra tầng đệm và thấy cảnh sát trong sân. Có một sĩ quan – tên anh ta là Prosper, tôi biết anh ta. Một trong số những người đi cùng anh ta cầm một cái hái, một người khác cầm một cái xẻng. Họ biết họ đến tìm gì, và họ biết chính xác phải đào ở đâu – bên dưới cái thang lộ thiên. Tôi có bốn cái ngà voi ở đó.

Tâm trí tôi rối loạn, tạo thành những mối liên hệ. Metty! Tôi nghĩ! Ôi Ali! Mà đã làm gì tao thế này? Lúc này tôi biết là rất cần báo tin cho ai đó. Mahesh – không còn ai khác nữa. Anh ta có thể đang ở nhà vào giờ này. Tôi vào phòng ngủ và gọi điện. Mahesh trả lời, và tôi chỉ có thời gian để nói "Ở đây mọi chuyện tệ lắm" thì nghe tiếng bước chân đi lên. Tôi bỏ điện thoại xuống, đi vào phòng tắm, kéo dây nước xuống, và đi ra để đối mặt với Prosper đã lên một mình, đang mỉm cười.

Khuôn mặt này hiện ra, mỉm cười, tôi đáp lại, và không nói gì, chúng tôi đi xuống lối đi trước khi tôi quay lại và dẫn Prosper vào phòng khách màu trắng. Anh ta không giấu giếm sự thoả mãn của mình. Mắt anh ta long lanh. Anh ta chưa quyết định được sẽ cư xử như thế nào. Anh ta chưa quyết định được nên đòi bao nhiêu tiền.

Anh ta nói "Tổng thống sẽ đến đây vào tuần sau. Anh có biết không? Tổng thống quan tâm đến bảo tồn. Chính vì thế việc này rất nghiêm trọng với anh. Mọi việc đều có thể xảy đến với anh nếu tôi viết vào báo cáo. Chắc sẽ tốn của anh chừng vài nghìn đấy".

Với tôi như thế là khả dĩ lắm rồi.

Anh ta nhận ra sự nhẹ nhõm của tôi. Anh ta nói "Tôi không nói tiền franc, tôi muốn nói đô la. Phải, anh sẽ phải chi ra ba hoặc bốn nghìn".

Thật là quá quắt. Prosper biết là quá quắt. Ngày trước năm đô la được coi là một món khá rồi, và thậm chí ngay cả trong cuộc bùng nổ bạn cũng có thể mua được rất nhiều thứ với hai mươi lăm đô la. Mọi chuyện đã thay

đổi kể từ cuộc nổi loạn, dĩ nhiên, và đã thành ra rất tồi tệ với cuộc làm triệt để hoá. Mọi người đều trở nên tham lam và tuyệt vọng hơn. Có cảm giác đó về tất cả mọi điều đang xuống rất nhanh, với một sự hỗn loạn đang tới, và vài người có thể cư xử như là tiền đã mất giá trị rồi. Nhưng ngay cả như thế, các quan chức như Prosper vẫn chỉ mới bắt đầu nói đến con số hàng trăm mà thôi.

Tôi nói "Tôi không có nhiều tiền như thế"

"Tôi nghĩ anh sẽ nói thế mà. Tổng thống sẽ đến vào tuần sau. Chúng tôi sẽ mang một số người nhốt vào tù. Có thể là anh lắm đấy. Chúng tôi sẽ quên những cái ngà đó thời gian ở đây. Anh sẽ ở lại cho đến khi Tổng thống đi khỏi. Anh phải quyết định khi đó rằng anh có tiền hay không".

tôi gói ghém các thứ đồ vào một cái túi đồ to và Prosper chở tôi trên băng ghế sau chiếc Land Rover của anh ta qua cái thị trấn loè loẹt đến trụ sở cảnh sát. Tại đó tôi phải đợi. Tại đó tôi quyết định sẽ nói toạc ra những suy nghĩ của chúng tôi về thị trấn và không nghĩ gì đến thời gian nữa, rằng cho đến nay tôi đã có khả năng làm rỗng đầu óc của mình.

Toà nhà có nhiều tầng và tôi bắt đầu coi Prosper là người dẫn đường cho tôi đến cái địa ngục đó. Anh ta để tôi lại rất lâu, ngồi tại phòng chờ và các hành lang, đầy mùi sơn dầu mới. Gần như là một sự nhẹ nhõm được thấy anh ta trở lại với tôi với đôi má béo núc ních và chiếc cặp tài liệu rất phong cách của mình.

Gần đến khi mặt trời lặn thì anh ta dẫn tôi vào khu phụ của một cái sân ở đằng sau, nơi tôi đã từng một lần đến cứu Metty, và nơi giờ đây tôi phải lăn tay vào, trước khi bị .giải tới nhà tù của thị trấn. Những bức tường nó màu màu xanh bẩn, tôi còn nhớ. Bây giờ chúng có màu vàng sáng, và câu khẩu hiệu Discipline Avant Tout – kỷ luật là trên hết – đã được sơn lại bằng những dòng chữ lớn. Tôi chìm đắm ngắm nhìn những chữ cái xấu xí, không

bằng nhau, sự nổi bật của bức ảnh Tổng thống , bề mặt không bằng phẳng của bức tường màu vàng, màu sơn vàng vung vãi khắp sàn nhà.

Căn phòng đầy những người trẻ tuổi đã bị tóm đến. Tôi phải chờ rất lâu trước khi được lần tay. Người đàn ông ngồi ở bàn cư xử như một người phải làm việc quá sức. Ông ta không thèm nhìn vào mặt những người tới lấy dấu tay.

Tôi hỏi xem có được chùi mực khỏi tay không. Đó không phải ý muốn được sạch sẽ, sau khi hỏi tôi nghĩ thế. Đúng hơn là một mong muốn được tỏ ra bình tĩnh, không bị nhục mạ, để cảm thấy mọi việc vẫn bình thường. Người đàn ông ngồi ở bàn nói là có, và từ một ngăn kéo lấy ra một cục xà phòng xộp màu hồng cùng hộp đựng có những đường kẻ đen. Xà phòng khá khô. Ông ta bảo tôi có thể ra ngoài và dùng vòi nước bên ngoài.

Tôi đi ra sân. Trời đã đổ tối. Quanh tôi là cây cối, ánh sáng, mùi nấu nướng, những âm thanh của buổi tối. vòi nước gần chỗ gara xe. Mực, thật đáng ngạc nhiên, rửa đi rất dễ. Một sự diên giận bắt đầu xâm chiếm lấy tôi khi tôi trở về và đưa cho người đàn ông cục xà phòng và thấy những người khác đang ngồi chờ với tôi trong căn phòng màu vàng đó.

Nếu có một kế hoạch, thì hẳn những sự kiện này phải có nghĩa. Nếu có một quy luật, những sự kiện này hẳn phải có nghĩa. Nhưng không có kế hoạch, không có quy luật nào, đó chỉ là một sự làm tin, một sự lãng phí thời gian của con người trên thế giới. Và thường xuyên làm sao ở đây, thậm chí vào những ngày ở vùng cây bụi, nó hẳn đã xảy ra trước đó, cái trò chơi của những kẻ cai tù và tù nhân trong đó người ta bị tiêu diệt không vì lý do gì hết. Tôi còn nhớ điều Raymond vẫn thường nói – về những sự kiện bị lãng quên, bị biến mất, bị nuốt mất.

Nhà tù nằm trên đường đến Khu. Nó nằm ở một chỗ khuất, và trong khoảng không gian đằng trước đã mọc lên một cái chợ và một khu. Nó được đăng ký – cái chợ và toà nhà – khi anh lái xe qua. Nhà tù bằng bê

tông, kgáo hơn bảy hoặc tám feet, nền màu trắng. Nó chưa bao giờ có vẻ là một nhà tù thật sự. Có cái gì đó rất nhân đạo và thậm chí cổ kính ở nó; nhà tù mới ở một nơi mới mẻ này, tất cả đều thô mộc và trông tạm bợ đến thế, trong một vùng cây bụi được phát quang. Bạn cảm thấy những người đã xây nó lên – những người dân làng, xây dựng ở một thị trấn lần đầu tiên – đã chơi đùa với cộng đồng và các quy tắc. Họ đã dựng lên một bức tường cao hơn đầu người và đẩy người ta vào đó, và bởi vì họ là người làng, kiểu nhà tù như thế là đủ với họ. Tại chỗ khác nhà tù hẳn phải là một cái gì đó tinh vi hơn. Nó chỉ đơn giản vậy thôi, bạn cảm thấy là cái ở đằng sau bức tường thấp hợp với cuộc sống chợ búa bên ngoài.

Giờ đây, cuối con hẻm, sau những ánh sáng và đài radio của những túp lều và túi ngủ nhỏ và những quầy hàng và bát uống rượu, nhà tù này đã mở ra cho tôi vào. Một bức tường cao hơn đầu người là một bức tường cao. Những ngọn đèn điện bên dưới bức tường bên ngoài lập loè với màu sơn trắng mới, và lại nữa, nhưng là với những chữ đen cao chừng hai feet, là Discipline Avant Tout. Tôi cảm thấy bị nguyên rủa và bị chế nhạo bởi những chữ này. Nhưng đó là cách tôi đang trông chờ để cảm thấy. thật là một lời nói dối đầy đủ trong dòng chữ này! Nó sẽ còn quay lại bao lâu nữa, giữa tất cả những lời dối trá dồn ép lại, để đến cái đơn giản và thật?

Bên trong, sau những cánh cửa nhà tù, có một sự yên lặng và có không gian, một cái sân mở rộng, nhẵn, đầy bụi với những toà nhà thô mộc thấp bằng bê tông và sắt khắp khểnh trong các ô vuông.

Cửa sổ có chấn song cửa của phòng giam tôi nhìn ra một cái sân trần trụi, được chiếu sáng bởi những ngọn đèn điện trên những cái cột cao. Mọi thứ đều thô, nhưng mọi thứ đều tồn tại. Đó là tối thứ Sáu. Và dĩ nhiên thứ sáu là ngày buộc mọi người chờ đợi, sẽ không có gì diễn ra trong kỳ nghỉ cuối tuần. Tôi phải học cách chờ đợi, trong một nhà tù chột thành rất thật, và giờ đây đe dọa về tính đơn giản của nó.

Trong một phòng giam như của tôi bạn có thể nhanh chóng ý thức được về cơ thể của mình. Bạn có thể ngày càng căm ghét cơ thể của mình. Và cơ thể bạn là toàn bộ những gì bạn có, thật là một ý nghĩ kỳ cục trôi nổi qua sự giận dữ của tôi.

Nhà tù đã đầy người. Tôi thấy là buổi sáng đã qua. Một lúc trước, tôi đã nghe Zabeth và những người khác nói về những chiến dịch bắt cóc tại các ngôi làng. Nhưng tôi chưa bao giờ ngờ rằng nhiều người trẻ tuổi và trẻ con bị bắt đến thế./ Tệ hơn, tôi chưa bao giờ nghĩ rằng họ đã bị bắt vào nhà tù mà tôi thường lái xe đến. Trên báo không có tin gì về cuộc nổi loạn và về Đội Quân Tự do. Nhưng đó là toàn bộ nhà tù – hoặc một phần mà tôi đang ở trong. Và thật là khủng khiếp.

Buổi sáng thật âm ỉ, thật sáng sủa và thật sớm, giống như một lớp học vậy, người ta được các thầy giáo dạy những bài thơ. Những người dạy là các cai tù với những đôi giày và gậy to tướng, những bài thơ là các khúc ca ca ngợi Tổng thống và đức mẹ đồng trinh châu Phi, mọi người bị bắt phải nhắc lại những dòng đó là những thanh niên và trẻ con từ những ngôi làng, nhiều người trong số họ đã bị trói gô và vứt vào sân và bị ngược đãi theo những cách tôi không muốn kể ra.

Những cái đó tạo ra những âm thanh kinh khủng vào sáng sớm. Những con người khốn khổ đó đã bị sập bẫy và bị những dòng chữ ghi trên bức tường trắng của nhà tù nguyên rửa. Nhưng bạn có thể nói, từ các khuôn mặt của họ, rằng trong tâm trí và trái tim, tâm hồn họ, họ đã đi rất xa. Những người cai ngục điên rồ, những người châu Phi, dường như đã hiểu điều đó, dường như đã biết rằng không thể chạm đến các nạn nhân của mình.

Những khuôn mặt của châu Phi! Những cái mặt nạ của sự bình tĩnh như trẻ con đó đã hạ những làn gió của thế giới xuống, và cả của những người châu Phi nữa, giờ đây đang ở trong tù. Tôi cảm thấy trước đó mình chưa từng bao giờ thấy họ rõ ràng hơn. Thờ ơ không thêm nhìn, thờ ơ với

sự cảm thông hoặc nhìn ngẫm, những khuôn mặt đó lại không trông vắng, thụ động hoặc cam chịu. Cùng với các tù nhân cũng như với những kẻ tra tấn tích cực, có một sự điên rồ. Nhưng sự điên rồ của các tù nhân nằm ở bên trong, nó đã kéo họ đi rất xa khỏi lý do hoặc thậm chí hiểu biết của họ về nguyên do của mình, cao hơn ý nghĩ nhiều. Họ đã tự chuẩn bị cho cái chết mà không phải vì họ là những người tuân vì đạo, mà bởi vì cái họ là và cái họ biết họ là ai là tất cả những gì họ có. Họ là những kẻ dở người với ý tưởng về mình là ai. Tôi chưa bao giờ thấy gần gũi hơn với họ, và cũng chưa bao giờ thấy xa xôi hơn.

Cả ngày, qua cái nóng tăng lên và giảm xuống của mặt trời, những âm thanh đó tiếp tục. Bên trên bức tường trắng là chợ, là thế giới bên ngoài. Mọi hình ảnh tôi có về thế giới bên ngoài đã bị đầu độc bởi những cái đang bao quanh tôi. Và nhà tù khá là cổ kính. Tôi đã nghĩ là cuộc sống nhà tù có thể hợp với cuộc sống bên ngoài. Một buổi chiều Yvette và tôi đã dừng lại ở một quầy hàng để mua khoai tây tím đường. Tại quầy hàng kế bên một người đàn ông đang bán những con sâu màu da cam đầy lông lá – anh ta có cả một chậu màu trắng. Yvette đã tỏ ra rất kinh hoàng. Còn anh ta, người bán hàng, cười phá lên, đẩy cái chậu của mình ra, và đẩy nó vào cửa xe, tặng tất cả đồng đó, sau đó, anh ta cầm lên một con sâu ngoe nguẩy để vào mồm và chuẩn bị nhai.

Toàn bộ cuộc sống trôi đi ở bên ngoài. Trong khi ở đây những người trẻ tuổi và những thằng bé đang học nội quy và những bài ngợi ca Tổng thống . Có một lý do cho sự điên rồ của những kẻ cai ngục, những kẻ dạy dỗ. Tôi đã nghe nói rằng một cuộc hành hình quan trọng sẽ được thực hiện, rằng đích thân Tổng thống sẽ đến dự khi ông đến thị trấn, và rằng ông ta có thể nghe những bài hát ca ngợi/i do những kẻ thù của mình hát. Vì cuộc viếng thăm này thị trấn đã nổ tung trong một màu sắc sáng tươi.

Tôi cảm thấy rằng gần như không có gì tách tôi khỏi những người đang ở trong sân đó, rằng không có lý do gì để tôi không bị đối xử như họ

đang phải chịu. Tôi cố giữ và chứng tỏ vị thế của mình như một người tách biệt, một người đang chờ đợi để được chuộc ra. Tôi cho là rất quan trọng việc không bị một kẻ cai ngục nào chạm vào người. Bị chạm vào theo một cách nào đó có thể dẫn tới những chuyện khủng khiếp hơn. Tôi quyết định không làm gì để gợi lên một đụng chạm về thể xác dù là nhỏ đến đâu. Tôi trở nên hợp tác. Tôi vâng lời các mệnh lệnh gần như trước khi chúng được truyền xuống. Thế là đến cuối kỳ nghỉ cuối tuần, với sự điên giận và vâng lời của tôi, vị thế của tôi với những hình ảnh và âm thanh của cái sân, tôi đã trở thành một con chim bị nhốt trong lồng.

Prosper đến gặp tôi vào sáng thứ Hai. Tôi đã đoán sẽ có ai đó tới. Nhưng tôi không chờ Prosper, và anh ta trông không có vẻ gì là sung sướng cả. cái nhìn lấp lánh đã biến khỏi đôi mắt anh. Tôi ngồi bên cạnh anh trong chiếc Land-Rover và anh nói, gần như theo lối bạn bè, khi chúng tôi lái ra khỏi cổng trại giam. "Việc này nhẽ ra nên định ngày thứ sáu. Nhưng anh đã làm nó tồi tệ hơn cho anh thôi. Ông đại diện đã quyết định xem trường hợp của anh là một trường hợp đặc biệt. Tất cả những gì tôi có thể nói là cầu cho anh được may mắn".

Tôi không biết liệu đó là tin xấu hay là tin tốt. Viên đại diện hẳn là Ferdinand. Sự chỉ định nó đã được thông báo trước đây một chút, nhưng cho đến giờ nó chưa hề xuất hiện ở thị trấn, và có thể là sự chỉ định đó đã bị đình lại. nếu đó là Ferdinand, tuy vậy, cũng không phải là cách tốt nhất để gặp lại nó.

Ferdinand, đã tiến bộ qua thế giới. tôi còn nhớ, đóng các vai của mình, và sống với chúng, học sinh trường trung học, sinh viên trường bách khoa, con người mới của châu Phi, hành khách hạng nhất trên tàu thủy. Sau bốn năm, sau khoảng thời gian tập sự hành chính ở thủ đô vốn nằm trong sự thống trị của Tổng thống , nơi đó có thể trở nên thế nào? Nó đã học được gì? Nó đã có ý tưởng nào về chính nó với tư cách một quan chức của Tổng thống ? Trong mắt nó ông ta có thể đã lớn lên, tôi có thể đã nhỏ đi. Điều

này làm tôi bất an đôi chút, tôi hrg khoảng cách giữa chúng tôi có thể lớn hơn khi nó lớn lên. Tôi thường nghĩ thế giới với nó mới dễ dàng và sẵn sàng đến thế nào, thẳng bé ở làng, bắt đầu từ tay trắng.

Prosper chở tôi đến chỗ những người ở và phòng nằm trước phòng thư ký. Một hàng hiên rộng chạy vòng quanh sân trong, ở ba phía nó được che chắn khỏi ánh mặt trời bởi những bức màn lớn bằng sậy. Nó tạo ra cảm giác lạ lùng, khi đi qua những hàng ánh sáng và bóng râm nhỏ, nhìn chúng hiện ra và chuyển động trên bạn trong khi bạn chuyển động. Lệnh cho tôi vào phòng, nơi sau cái rèm rút lên được của hàng hiên, những đốm sáng nhảy nhót đôi khi trước mắt tôi, và rồi tôi được đưa vào văn phòng bên trong.

Chính là Ferdinand, lạ lẫm trong chiếc ca vát nịt chặt có đốm và chiếc áo khoác vạt ngắn, và trông thông thường một cách không thể đoán trước. Tôi có thể đoán trước được phong cách, một sự thân tình nào đấy, một sự cao ngạo nào đấy, một sự thể hiện nào đấy. Nhưng Ferdinand trông thu kín và ốm yếu, như một người vừa sốt dậy. Nó không quan tâm đến việc làm tôi bị ấn tượng\

Trên bức tường trắng mới sơn là một bức ảnh Tổng thống – to hơn người thật, chỉ có khuôn mặt – đó là một khuôn mặt đầy sự sống. Dưới khuôn mặt đó, Ferdinand dường như co lại, và không có chút tính cách nào trong bộ đồng phục thường trực làm nó trông như tất cả các quan chức khác hiện ra trong những bức ảnh chung trên báo. Dù sao, nó vẫn giống những quan chức cấp cao khác. Tôi tự hỏi tại sao tôi lại nghĩ nó có thể khác được. Những người đó, phụ thuộc mọi thứ vào ân sủng của Tổng thống , đều là một nắm những sợi dây thần kinh. Quyền lực lớn của họ luôn đi cùng với một nỗi sợ thường trực bị tiêu diệt. Và họ không cân bằng, đã chết một nửa.

Ferdinand nói "Mẹ cháu nói với cháu là chú đã đi xa. Cháu ngạc nhiên thấy chú vẫn còn ở đây".

"Tôi đến London sáu tuần. Tôi đã không gặp mẹ cậu từ khi tôi về".

"Mẹ cháu đã phải bỏ việc làm ăn. Và chú cũng phải làm thế thôi. Chú phải đi. Chú phải đi hẳn. Ở đây không còn gì cho chú đâu. Bây giờ người ta tổng chú vào tù. Trước đây họ chưa làm thế thôi. Chú có biết điều đó nghĩa là gì không? Có nghĩa là họ sẽ lại bắt chú một lần nữa. Và cháu không luôn ở đây để gỡ rối cho chú đâu. Cháu không biết về Prosper nhiều lắm, cũng không biết những người khác muốn gì ở chú. Nhưng lần sau sẽ nhiều hơn đây. Đó là tất cả những gì về tình hình hiện tại. Chú biết điều đó mà. Họ đã không làm gì chú trong tù. Đó là chỉ vì họ chưa có dịp thôi. Họ vẫn nghĩ chú không thuộc loại người đó. Chú là một người nước ngoài, họ không quan tâm đến chú theo cách đó, họ chỉ đánh người ở vùng cây bụi thôi. Nhưng đến một ngày họ sẽ làm hại chú và rồi họ sẽ phát hiện ra rằng chú giống với mọi người khác, và rồi mọi điều rất tồi tệ sẽ xảy đến với chú. Chú phải đi. Hãy quên mọi thứ và đi đi. không có máy bay đâu. Tất cả các chỗ đã được đặt trước cho các quan chức đến dự cuộc viếng thăm của Tổng thống rồi. Đó là tiêu chuẩn cho những cuộc thăm như thế. Nhưng có một chuyến tàu thủy vào thứ Ba. Nghĩa là ngày mai. Hãy đi chuyến đó. có thể là chuyến cuối cùng đấy. Đừng mang nhiều hành lý quá. Đừng nói với ai. Cháu sẽ bắt Prosper bận rộn ở sân bay".

"Chú sẽ làm những điều cháu nói. Cháu thế nào hả Ferdinand?"

"Chú không cần phải hỏi. Chú không được nghĩ chỉ chú mới gặp chuyện tệ lậu. Tệ với tất cả mọi người. Đó là một điều khủng khiếp. Nó tệ với Prosper, với người đã lấy cửa hiệu của chú, với tất cả mọi người . Không ai được đi đâu hết. Chúng ta đều đi xuống địa ngục, và mọi người đều biết điều đó đến tận xương tủy. Chúng ta sẽ bị giết. Không gì có nghĩa hết. Đó là nguyên do tại sao mọi người điên rồ như thế. Mọi người muốn kiếm tiền và bỏ chạy. Nhưng đi đâu? Điều này làm mọi người phát điên. Họ cảm thấy mất đi chỗ mà mình có thể trở về. Cháu bắt đầu cảm thấy cùng điều đó khi cháu được giáo dục để không làm gì cả. Cháu cảm thấy

cháu đã bị làm cho phát điên. Mọi thứ đều được cho cháu đều để tiêu diệt cháu. Cháu bắt đầu nghĩ cháu muốn trở lại là một đứa bé, để quên đi những quyển sách và mọi thứ liên quan đến quyển sách đó. Cây bụi có cách của nó. Như gkg có chỗ nào mà đến cả. Cháu đã đi qua nhiều ngôi làng. Thật là một cơn ác mộng. Mọi đường băng đó con người đã xây dựng lên, những công ty nước ngoài đã xây dựng lên – giờ đây không còn chỗ nào an toàn hết cả".

Lúc đầu mặt nó như một cái mặt nạ, bây giờ nó biểu lộ sự điên rồ.

Tôi nói "Thế cháu định làm gì?"

"Cháu không biết. Cháu sẽ làm điều cháu phải làm".

Cách của nó vẫn luôn như thế.

Trên bàn của nó có một cái chặn giấy bằng kính những bông hoa nhỏ đặt trong một hình bán cầu bằng pha lê. Nó đặt cái chặn giấy lên bàn tay trái và nhìn vào nó.

Nó nói "Chú phải đi mua vé tàu. Cháu thường nghĩ về lần cuối chúng ta gặp nhau. Bốn người chúng ta trên tàu. Đó là giữa trưa. Chúng ta đã uống bia ở quầy bar. Đó là vợ của ông giám đốc – chú đã đi cùng cô ấy. Đó là thầy giáo là bạn của chú. Chú ấy đi xuôi dòng sông với cháu. Đó là khoảng thời gian đẹp nhất. Ngày cuối đó, cái ngày rời đi. Đó là một chuyến đi thật tuyệt. Đã khác đi vào lúc cuối. Cháu đã có một giấc mơ, Salim ạ. Cháu đã có một giấc mơ khủng khiếp".

Nó cầm cái chặn giấy lên khỏi tay và đặt lại xuống bàn.

Nó nói "Một cuộc hành quyết sẽ được tiến hành vào bảy giờ sáng. Chúng cháu sẽ gặp nhau để làm việc đó. Chúng cháu sẽ chứng kiến cuộc hành quyết. Một trong số chúng cháu sẽ bị hành quyết, nhưng người đó không biết. Anh ta vẫn đang nhìn ngó xung quanh. Chúng cháu sẽ gặp ở

một chỗ cháu không nói được. Đó có thể là một chỗ của gia đình – cháu cảm thấy sự hiện diện của mẹ cháu. Cháu đang rất sợ. Cháu đã làm hỏng đi một số thứ theo những cách đáng xấu hổ và đang cố rất nhiều để rửa sạch nó hoặc để giấu nó đi, bởi vì cháu phải có mặt ở chỗ hành quyết vào lúc bảy giờ. Chúng cháu đang chờ người đó. Chúng cháu chào anh ta như thường lệ. Giờ đây, ở đây là vấn đề của giấc mơ. Chúng cháu có để người đàn ông lại một mình không, để được dẫn một mình đến nơi hành quyết anh ta không? Chúng cháu sẽ có dũng khí để ở đó với anh ta, để nói với anh ta theo lối thân tình lần cuối chứ? Liệu chúng cháu nên đi một xe hay đi hai xe?"

"Cháu phải đi một xe. Nếu đi hai, điều đó có nghĩa các cháu đang sắp sửa đổi ý"

"Chú đi mua vé tàu đi".

Phòng bán vé rất nổi tiếng với giờ giấc bất thường của nó. Tôi ngồi trên một cái băng bằng gỗ bên ngoài cửa cho đến khi người đàn ông tới và mở cửa. Cabine de luxe vẫn còn trống, tôi đặt chỗ đó. Mất gần hết buổi sáng cho việc này. Chợ bên ngoài cầu tàu đã được dựng lên, tàu thủy sẽ đến vào buổi chiều. Tôi nghĩ nên đến chỗ Mahesh ở Bigburger nhưng rồi lại thôi. Chỗ đó quá náo nhiệt và quá trung tâm, và có quá nhiều quan chức ở đó vào giờ ăn trưa. Thật là lạ, khi nghĩ về thành phố theo cách đó.

Tôi ăn nhẹ ở Tivoli. Những ngày này trông nó như đã mất tinh thần, như thể đang chờ đợi một sự triệt để hoá. Nhưng nó vẫn còn lại cái không khí châu Âu, và vẫn có các nghệ nhân châu Âu và gia đình của mình ở bàn ăn và những người uống bia ở quầy bar. Tôi nghĩ, điều gì sẽ xảy ra với những con người này? Nhưng họ được bảo vệ. Tôi mua một cái bánh, pho mát và vài lon đắt tiền – lần cuối tôi mua đồ ở thị trấn – và quyết định dành phần lại của thời gian ở căn hộ. Tôi không muốn làm gì khác cả. Thậm chí ý nghĩ gọi điện cho Mahesh cũng giống như một gánh nặng.

Cuối buổi chiều có bước chân trên những bậc cầu thang lộ thiên. Metty. Tôi ngạc nhiên. Bình thường vào giờ này nó ở chỗ gia đình nó.

Nó vào phòng khách và nói "Cháu nghe tiếng chú vào, Salim ạ".

Trông nó thật khốn khổ và bối rối. Hẳn nó phải trải qua những ngày thật tồi tệ sau khi tố tôi cho Prosper. Đó là điều nó đang muốn nói với tôi. Nhưng tôi không muốn nói đến điều đó. Cú sốc của khoảnh khắc ba ngày trước đó đã tan biến. Đầu tôi đầy những thứ khác.

Chúng tôi không nói gì. Và rất nhanh như thể chúng tôi không có gì để nói với nhau cả. Chưa từng bao giờ có sự im lặng giống như thế giữa chúng tôi trước đây. Nó đứng đó một lúc, đi vào phòng, rồi trở ra.

Nó nói "Chú phải mang cháu đi theo, Salim".

"Tao không đi đâu hết cả".

"Chú không thể để cháu ở lại đây được".

"Thế còn gia đình của mày thì thế nào? Và làm sao tao có thể mang mày theo được, hả Metty? Thế giới này giờ không còn như trước nữa. Cần visa và hộ chiếu. Những cái đó lo mình tao đã là rất khó rồi. Tao không biết tao có thể đi đâu và có thể làm gì. Tao không có tiền. Tao gần như không thể tự lo cho mình".

"Mọi chuyện sẽ rất tồi tệ ở đây, Salim ạ. Chú không biết điều họ đang nói ở ngoài kia đâu. Tất cả sẽ rất tệ khi Tổng thống đến. Thoạt tiên sẽ giết những người trong chính quyền. Giờ đây Đội Quân tự do nói như thế là chưa đủ. Họ nói họ phải làm gì đó mà họ làm lần cuối, nhưng họ phải làm vào lúc thích hợp nhất. Đầu tiên họ sẽ dồn mọi người ra sân và bắn mọi người trên các quảng trường. Giờ đây họ sống họ phải giết thật nhiều hơn, và mỗi người sẽ phải nhúng tay vào máu. Họ sẽ giết mọi người biết đọc và biết viết, mọi người đã từng mặc áo khoác và đeo ca vát, mọi người từng

mặc jacket de boy. Họ sẽ giết tất cả những người chủ và những người hầu. Khi đã kết thúc không ai có thể biết chỗ nào khác giống như ở đây. Họ sẽ giết và giết. Họ nói đó là cách duy nhất, để trở lại khởi đầu trước khi quá muộn. Sự giết chóc sẽ kéo dài hàng ngày trời. Họ nói sẽ tốt hơn là giết từ từ chứ không phải giết chết ngay. Tốt hơn là có những chuyện khủng khiếp khi Tổng thống tới."

tôi cố làm nó bình tĩnh lại "Họ luôn nói như thế mà. Kể từ khi cuộc nổi loạn họ đã nói về buổi sáng khi toàn bộ đều rơi vào lửa. Họ nói như thế bởi vì đó là điều họ muốn làm. Nhưng không ai biết điều gì sẽ diễn ra. Còn Tổng thống thì khôn ngoan. Mà biết mà. Ông ấy hẳn biết cách chuẩn bị những việc cần thiết cho bản thân. Nên ông ấy sẽ rất phấn khích, và rồi ông ấy sẽ không đến. Mà biết Tổng thống mà. Mà biết ông ấy đối xử với người dân thế nào mà".

"Đội Quân tự do không phải chỉ là những thằng nhóc ở bụi rậm đâu, Salim ạ. Mọi người đều ở trong đó. mọi người mà chú gặp. Làm thế nào cháu có thể ở một mình được?"

"Mày phải thử vận may thôi. Đó là điều chúng ta thường xuyên làm. Mọi người đều làm như vậy ở đây. VÀ tao không nghĩ họ sẽ quấy rầy mày đâu – mày không làm gì họ mà. Dù vậy, hãy giấu cái xe đi. Đừng khiêu khích họ với cái đó. Mọi điều họ nói về việc trở về ban đầu, họ sẽ quan tâm đến cái xe. Nếu họ nhớ và hỏi mày về nó, hãy nói họ đến hỏi Prosper. Và luôn nhớ là đó là cái để bắt đầu lại."

"Làm sao cháu có thể tiếp tục sống ở đây được? Khi mà không có cửa hiệu, và1 khi mà cháu không có tiền? Chú đã không cho cháu tiền. Chú quảng tiền cho người khác, ngay cả khi cháu hỏi xin chú".

Tôi nói "Ali, tao đã cho đi hết mất rồi. Mày nói đúng. Tao không biết tại sao tao lại làm như thế. Nhẽ ra tao cũng nên cho mày một ít. Tao không biết tại sao tao không làm thế. Tao chưa bao giờ nghĩ đến điều đó. Tao chưa

bao giờ nghĩ về mày theo cách đó. Mày vừa làm tao nghĩ đến điều đó đấy. Hẳn là nó phải làm mày tức lắm nhỉ. Tại sao mày không nói với tao?"

"Cháu nghĩ chú biết điều mình sẽ làm, Salim ạ".

"Tao không biết đâu. Giờ thì tao không biết đâu. Nhưng sau khi tất cả đã trôi qua, mày sẽ có cái xe và căn hộ. Xe có thể bán được khá tiền đấy, nếu mày giữ được nó. Và tao sẽ gửi tiền cho mày qua Mahesh. Chắc là sẽ dễ để dàn xếp thôi"

nó không cảm thấy thoải mái. Nhưng đó là những gì tôi có thể làm được vào lúc này. Nó nhận ra điều đó và không nản nì tôi thêm nữa. rồi nó đi về chỗ gia đình mình.

Cuối cùng tôi không gọi điện cho Mahesh, tôi nghĩ tôi có thể viết cho anh sau này. An ninh ở cầu tàu sáng hôm sau không có gì đặc biệt lắm. Nhưng các quan chức có vẻ căng thẳng. Họ giống như những người có một công việc phải làm, và đó là với lợi thế của tôi. Họ bớt chú ý tới một người nước ngoài đang rời đi trong số những người châu Phi xa lạ ở khu chợ quanh toà công trình và cầu tàu. Dù sao tôi vẫn thường xuyên bị chặn lại.

Một nữ quan chức, khi đưa trả lại giấy tờ cho tôi, nói "Tại sao hôm nay ông lại đi? Tổng thống sẽ đến vào chiều nay. Ông không muốn nhìn thấy Tổng thống à?" Bà ta là một người đàn bà của Khu. Có gì mỉa mai trong giọng nói của bà ta không? Tôi cẩn thận bỏ ra ngoài tâm trí sự mỉa mai này. Tôi nói "Tôi muốn lắm chứ công dân. Nhưng tôi phải đi." Bà ta mỉm cười và vẫy tay cho tôi qua.

Cuối cùng tôi cũng lên được boong tàu. Trong khoang cabine de luxe thật là nóng. Cửa chĩa ra sông chói lòa, và mặt trời chiếu thẳng xuống cầu tàu. Tôi đi vòng sang bên có bóng râm, nhìn lên ke tàu. Thật không phải là một ý hay.

Một người lính trên ke vẫy tay gọi tôi. Bốn mắt chúng tôi giao nhau, và anh ta bắt đầu trèo lên tàu. Tôi nghĩ, không thể ở một mình với anh ta được. Tôi phải có các nhân chứng.

Tôi đi xuống quầy bar. Người đứng quầy bar đứng trước những cái giá trống rỗng của mình. Một người đàn ông to béo với những cánh tay to lớn, mềm mại, một quan chức của tàu đang uống tại bàn.

Tôi ngồi ở bàn trung tâm, và người lính nhanh chóng hiện ra ở cửa ra vào. Anh ta đứng đó một lúc, bực bội với người đàn ông to béo. Nhưng rồi, đã qua được sự bực bội, anh ta đến bàn tôi, cúi người xuống và thì thầm "C'est moi qui a réglé votre affaire. Tôi đã giải quyết công việc cho ông"

Đó là một nụ cười đòi tiền, từ một người sắp phải bước vào một cuộc chiến. Tôi không làm gì hết cả, người đàn ông to béo nhìn chăm chăm sang. Người lính cảm thấy người đàn ông nhìn sang và bắt đầu bước đi, mỉm cười, nói bằng cử chỉ rằng tôi sẽ hối tiếc về lời đòi hỏi của anh ta. Nhưng tôi đã cẩn thận không xuất hiện nữa.

Chúng tôi rời đi vào khoảng giữa trưa. Chiếc xuống hành khách không được buộc theo vào những ngày này – giờ đây nó đã bị coi là một cách thức của thời thuộc địa. Thay vào đó, cái thuyền được buộc vào đằng trước con tàu. Thị trấn nhanh chóng bị bỏ lại đằng sau. Nhưng cách vài dặm bờ đó, dù đã qua, vẫn còn trông thấy nơi vào thời thuộc địa người ta đã đặt ra những bất động sản và dựng lên những ngôi nhà lớn.

Sau buổi sáng cái nóng đã trở nên kinh khủng, và trong ánh sáng màu bạc kinh hồn đang trôi qua, bờ sông đầy cây bụi xanh rực lên dưới bầu trời màu đen. Dưới màu xanh rực sáng đó, mặt đất trở nên đỏ rực. Gió lên, và thổi bay đi những phản chiếu từ mặt sông gần bờ. Nhưng cơn mưa tiếp theo đó không kéo dài lâu, chúng tôi ra đi trong hoàn cảnh đó. Chúng tôi sớm đi qua khu rừng đó. Mỗi khi chúng tôi đi qua một ngôi làng, và những chiếc

xuồng độc mộc bán hàng lao đến gặp chúng tôi. Cứ như thế qua hết buổi chiều nặng nề.

Bầu trời mù sương và mặt trời lặn có màu da cam và phản chiếu trong một đường màu vàng trên mặt nước đầy bùn. Rồi chúng tôi đi vào một ánh sáng rực rỡ màu vàng. Có một ngôi làng ở phía trước – bạn có thể đoán vậy từ những chiếc xuồng độc mộc ở xa. Trong ánh sáng đó những cái bóng của những chiếc xuồng độc mộc và những người trên đó mờ đi, không sắc nét. Nhưng những chiếc xuồng độc mộc đó, khi chúng tôi đến gần, không có gì để bán. Họ chỉ tuyệt vọng đánh vào tàu chúng tôi. Đang có đánh nhau trên hai bên bờ sông. Họ ép chặt và chen lấn hai bên tàu và chiếc thuyền, và nhiều cái bị chìm. Những cây lan nước bị dồn vào những khoảng không gian hẹp giữa tàu và cái thuyền. Chúng tôi vẫn đi. Bóng tối đổ xuống.

Chính trong bóng tối này mà đột ngột, với những tiếng động lớn, chúng tôi dừng lại. Có những tiếng hét trên chiếc thuyền, những chiếc xuồng độc mộc với chúng tôi và từ nhiều chỗ trên tàu. Những người thanh niên với súng ống đã leo lên tàu và cố bắt nó dừng lại. Nhưng họ thất bại, một thanh niên máu ròng ròng trên cầu trên đầu chúng tôi. Người đàn ông to béo, thuyền trưởng, vẫn làm chủ được con tàu của mình. Chúng tôi sẽ biết được điều đó sau này.

Vào lúc chúng tôi nhìn thấy con tàu ánh sáng, chơi vơi bên bờ sông, chiếu lên chiếc thuyền của hành khách, đã bị nới rộng và chuyển vào một góc qua những bụi lan nước ở rìa dòng sông. Ánh sáng chiếu lên những hành khách trên thuyền, những người, đằng sau những thanh chắn và những bảo vệ bằng thép, dường như không hiểu nổi đang lênh dênh đi đâu. Rồi có những tiếng súng. Ánh sáng đã tắt, không còn thấy con thuyền đâu nữa. Con tàu lại tiếp tục đi không có ánh sáng xuôi dòng sông, xa khỏi vùng đang có đánh nhau. Không khí đầy bướm đêm và những loài côn trùng biết bay. Ánh đèn, trong khi còn bật, chiếu rõ ràng hàng nghìn những con vật đó, trắng toát trong ánh sáng trắng.

HẾT

Table of Contents

[Mục lục](#)

[Lời Giới Thiệu](#)

[Phần I - Chương 1](#)

[Chương 2:](#)

[Chương 3:](#)

[Chương 4:](#)

[Chương 5:](#)

[Phần Ii - Chương 6](#)

[Chương 7:](#)

[Chương 8:](#)

[Chương 9:](#)

[Chương 10:](#)

[Chương 11:](#)

[Phần Iii - Chương 12](#)

[Chương 13:](#)

[Chương 14:](#)

[Chương 15:](#)

[Phần Iv - Chương 16](#)

[Chương Kết:](#)